TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

8



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

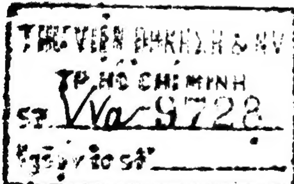
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 8

Chủ biên: NGUYỄN LỘC
Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN LỘC - TRƯƠNG ĐÌNH NGUYÊN - THẠNH CAN
NGUYỄN NGỌC NHUẬN - KHƯƠNG HỮU DỤNG
NGÔ LINH NGỌC - NGUYỄN VĂN BÁCH - ĐỖ NGỌC TOẠI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

PHAN HUY ÍCH
(1751 - 1822)

Hiệu Dụ Am, tự Khiêm Thụ Phủ. Sinh ngày 12 tháng 12 năm Canh Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 11 (1751), quê gốc tại làng Thu Hoạch, tỉnh Hà Tĩnh. Lớn lên, ông theo cha dời đến làng Thụy Khuê, huyện An Sơn, tỉnh Sơn Tây nay là huyện Quốc Oai tỉnh Hà Tây rồi từ đó, họ Phan đời nối đời ở đấy. Phan Huy Ích là con Tiến sĩ Phan Huy Cẩn và là học trò của Ngô Thì Sĩ, về sau làm rể Ngô Thì Sĩ, lấy em gái Ngô Thì Nhậm.

Thuở nhỏ Phan nổi tiếng thông minh; năm hai mươi hai tuổi đỗ đầu kỳ thi Hương, hai mươi sáu tuổi đỗ đầu thi Hội; vào thi Đình đỗ Tiến sĩ.

Dưới thời Trịnh Sâm, Phan Huy Ích từng giữ các chức Đốc đồng Thanh Hoa [1], Thiêm sai tri hình ở phủ Chúa. Năm 1788, Nguyễn Huệ trong lần kéo quân ra Bắc diệt Trịnh, Phan Huy Ích được tiến cử một lượt cùng với Vũ Huy Tấn, Trần Bá Lãm... Quang Trung phong quan tước rồi trao cho ông cùng Ngô Thì Nhậm lo việc giao thiệp với Trung Quốc. Năm 1789, sau đại thắng quân Thanh, Quang Trung cử ông cùng Ngô Văn Sở hộ tống Phạm Công Trị giả làm vua Quang Trung sang Trung Quốc dự lễ mừng thọ vua Thanh. Khi về nước, Phan Huy Ích được thăng Thị trung ngự sử ở tòa Nội các.

Năm 1800, dưới thời Cảnh Thịnh, ông được thăng Lễ bộ Thượng thư. Tới năm 1802, khi Nguyễn Ánh lật đổ triều Cảnh Thịnh thì Phan Huy Ích bị bắt giam cùng Ngô Thì Nhậm. Tháng 2 năm sau, ông bị đem ra đánh đòn trước Văn Miếu vì cái tội phục vụ triều Tây Sơn rồi được tha. Từ đó ông về quê dạy học, lúc ở Sài Sơn, lúc vào Thiên Lộc. Đến năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 3 (1822), Phan Huy Ích qua đời, thọ 72 tuổi.

Phan Huy Ích sáng tác cả chữ Hán lẫn chữ Nôm.

Những thơ văn sáng tác dưới thời Tây Sơn của ông thể hiện được tấm lòng gắn bó của ông đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhà Tây Sơn. Ông dâng biểu đón xa giá vua Quang Trung ra Thăng Long, và ca ngợi công cuộc thống nhất đất nước của nhà Tây Sơn. Ông coi Nguyễn Huệ là con người "tài năng hơn nghìn đời trước", và nuối tiếc khôn nguôi khi người anh hùng qua đời.

---

1. Thanh Hoa: Tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

Thơ văn chữ Nôm của Phan Huy Ích cũng có một khối lượng đáng kể. Ông làm thơ Đường luật và làm văn tế. Ông còn dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn ra chữ Nôm bằng thơ song thất lục bát. Phần sáng tác bằng chữ Nôm của ông nói chung không có gì thật đặc sắc, nhưng bản dịch *Chinh phụ ngâm* thì rất có giá trị. Trước đây, bản dịch này người ta nói là của Đoàn Thị Điểm (bản dịch hay nhất). Nhưng với những tư liệu đã phát hiện được, có nhiều cơ sở cho thấy bản dịch ấy là của Phan Huy Ích chứ không phải của Đoàn Thị Điểm.

Hầu hết sáng tác của Phan Huy Ích được tập hợp lại trong bộ Dụ Am *ngâm lục* và *Dụ Am văn tập*, trong đó thơ có khoảng 600 bài; biểu, chiếu, tấu, thư, văn tế, tựa, bạt... có chừng 400 bài.

Số thơ văn được chọn tuyển ở đây lấy từ cuốn Dụ Am ngâm lục ký hiệu A.603 và Dụ Am văn tập, ký hiệu A.604 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có đối chiếu với một số văn bản khác. Phần dịch ra quốc ngữ lấy từ bản dịch *Thơ, văn Phan Huy Ích* của Ban Hán Nôm, NXB Khoa học xã hội, H. 1978.

Riêng bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* thì được giới thiệu cùng với các ngâm khúc khác trong tập 14 của bộ Tổng tập này.

贈穫澤汝巽齊

高山流水有知音，
兩地神交寄意深.
名貌豈須憑問訊，
風情均已寓歌吟.
儒聲契遇何新舊，
交道資成自古今.
尚待漢都聯璧日，
論文方見大胸襟.

Phiên âm:

TẶNG HOẠCH TRẠCH NHỮ TỐN TRAI [1]

Cao sơn lưu thủy [2] hữu tri âm,
Lưỡng địa thần giao [3] ký ý thâm.
Danh mạo khởi tu bằng vấn tấn,
Phong tình quân dĩ ngụ ca ngâm.
Nho thanh khế ngộ hà tân cựu,
Giao đạo tư thành tự cổ câm.
Thượng đãi Hán đô liên bích nhật,
Luận văn phương kiến đại hung khâm.

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Nguyên chú:* Tốn Trai tên là Công Điển, là con trai thứ tư của Nhữ tướng công. Nhân gửi thư cho bạn họ Đoàn, ông gửi cho tôi một bài thơ với lời lẽ thân giao, tình cảm chân thành tha thiết, tôi liền họa lại và tặng một bài khác. Hai người chỉ biết tên nhau mà kết bạn, chứ chưa gặp nhau.

2. *Cao sơn lưu thủy*: Núi cao và nước chảy. Thời Xuân Thu có một đôi bạn tri âm: Bá Nha, người sành chơi đàn và Chung Tử Kỳ, người sành nghe đàn. Một hôm Bá Nha đàn và nghĩ đến núi, Tử Kỳ khen tiếng đàn vòi vọi như núi cao. Đến khi Bá Nha đàn và nghĩ đến sông, Tử Kỳ khen tiếng đàn cuồn cuộn như nước chảy. Về sau Tử Kỳ chết, Bá Nha không gảy đàn nữa vì cho là không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình.

3. *Thần giao*: Là bạn chơi với nhau trên tinh thần. Ý nói chưa từng gặp mà vẫn ý hợp tâm đầu.

Dịch nghĩa:

TẶNG NHỮ TỐN TRAI, NGƯỜI LÀNG HOẠCH TRẠCH

Khúc cao sơn lưu thủy đã có bạn tri âm,
Bạn thần giao ở hai nơi tình ý sâu sắc.
Tên tuổi dung mạo cần chi hỏi kỹ,
Phong cách tính tình gửi cả trong thơ.
Thanh khí nhà Nho há phân biệt cũ mới,
Tình nghĩa bạn bè giúp nhau là việc thường xưa nay.
Chờ ngày sánh vai ở kinh đô nhà Hán,
Bàn luận văn chương sẽ thấy hoài bão lớn của nhau.

Dịch thơ:

Cao sơn, lưu thủy, có tri âm,
Cách mặt giao tình, ý tứ thâm.
Danh mạo, sá toan lời ướm hỏi,
Tính tình trọn gửi khúc ca ngâm.
Kể gì cũ, mới, đường thanh khí,
Nếp sẵn, xưa nay, việc đỡ đần.
Chờ buổi Hán đô vui họp mặt,
Bàn chung hoài bão giữa nguồn văn...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

渡大澪江

征帆泛泛過箏河，
擁節中流聽棹歌.
二百年來衣帶阻，
向今一葦帖晴波.

Phiên âm:

ĐỘ ĐẠI LINH GIANG [1]

Chinh phàm phiếm phiếm quá Tranh hà,
Ủng tiết trung lưu thính trạo ca.
Nhị bách niên lai y đái [2] trở,
Hướng kim nhất vĩ thiếp tình ba.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

QUA SÔNG GIANH

Cánh buồm lênh đênh vượt qua sông Gianh,
Cầm cờ tiết giữa dòng nghe khúc đò đưa.
Đã hai trăm năm con sông dải áo ngăn cách,
Từ nay một lá thuyền bình yên trong sóng lặng.

1. *Đại Linh Giang*: Sông Gianh ở địa phận hai huyện Bình Chánh và Bố Trạch tỉnh Quảng Bình (theo *Lịch triều tạp kỷ*) của Ngô Cao Lãng.

2. *Y đái*: Cái dải áo. Ý nói con sông nhỏ. Tùy Văn Đế sắp qua sông sang đánh Trần, bảo với bề tôi: "Ta là cha mẹ dân, há tại vì con sông dải áo này mà không sang cứu họ ư?"

Dịch thơ:

Thênh thênh buồm vượt bến sông Gianh
Vẳng tiếng hò khoan nhịp sứ trình;
Hai thế kỷ ròng, sông "dải áo",
Từ nay chèo vỗ sóng thanh bình.

Ngô Linh Ngọc *dịch*

諒山道中記見

枝棱北上碧山連，
蓬徑深深見灶煙.
架棧人家棲嶺畔，
肩筒蠻女汲溪邊.
朔寒早至霜埋地，
秋熟新芟穀委田.
黍甑酒竿歌土語，
荒陬咸樂太平年.

Phiên âm:

LẠNG SƠN ĐẠO TRUNG KÝ KIẾN

Chi Lăng bắc thượng, bích sơn liên,
Bồng kính thâm thâm kiến táo yên.
Giá sạn, nhân gia thê lĩnh bạn,
Kiên đồng man nữ cấp khê biên.
Sóc hàn tảo chí, sương mai địa,
Thu thục tân sam, cốc ủy điền.
Thử tắng tửu can, ca Thổ ngữ,
Hoang tu hàm lạc, thái bình niên.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

CẢNH THẤY TRÊN ĐƯỜNG LẠNG SƠN

Từ Chi Lăng trở lên bắc, núi biếc liên tiếp nhau,
Đường cỏ thăm thẳm thấy khói bếp tỏa.
Nhà dân bắc sàn dựa trên sườn núi,
Cô gái người dân tộc vác ống múc nước bên khe.
Lạnh phương Bắc đến sớm sương dầm mặt đất,
Lúa thu chín mới gặt, thóc để ngoài đồng.
Cơm lam, rượu cần, hát bài ca tiếng dân tộc,
Nơi xa xôi hẻo lánh, vui cảnh thái bình.

Dịch thơ:

Ải bắc Chi Lăng núi ngút ngàn,
Xa xa làn khói tỏa bên đường.
Nhà dân sàn bắc kề bên núi,
Kín nước cô nàng vác ống bương.
Gió Bắc sớm về, sương thấm đất,
Lúa thu vừa gặt, thóc đầy nương.
Rượu cần, cơm ống câu ca Thổ,
Cảnh tượng yên vui khắp bản mường.

Đỗ Ngọc Toại – Thạch Can *dịch*

端陽日旅中懷家眷

熏風披拂送征轅
蒲飲低斟客店樽
迢遞驛程經節序
徘徊閨思隔寒暄
承歡共耀家鄉錦
將敬遙憑沼沚蘩
載想紗窗娛賞日
七郎嬉走八郎言

Phiên âm:

ĐOAN DƯƠNG [1] NHẬT LỮ TRUNG HOÀI GIA QUYẾN [2]

Huân phong phi phất tống chinh viên,
Bồ ẩm [3] đê châm khách điếm tôn.
Thiều đệ dịch trình kinh tiết tự;
Bồi hồi khuê tứ cách hàn huyên.
Thừa hoa, cộng diệu gia hương cẩm,
Tương kính, dao bằng chiếu chỉ phồn [4].
Tái tưởng sa song ngu thưởng nhật.
Thất lang hy tẩu, bát lang ngôn.

Trích *Dật thi lược toản*

1. *Đoan dương:* Tết mồng 5 tháng 5 Âm lịch, còn gọi là Đoan ngọ.

2. *Nguyên chú:* Lúc đó con trưởng tôi tên là Quỳnh mới sáu tuổi, con thứ tên là Thực mới ba tuổi, đều nhờ ông nội trông nom, đặt tên là thằng Bảy thằng Tám.

3. *Bồ ẩm:* Rượu xương bồ. Theo tục lệ cổ vào dịp tết Đoan dương, người ta uống rượu ngâm cỏ xương bồ để trừ tà.

4. *Chiêu chỉ phồn:* Thơ "Thái phồn", *Kinh Thi* nói về việc thờ cúng có câu: "Đi hái rau phồn ở ao ở bếp". Ý nói việc thờ cúng tổ tiên thì trông cậy vào vợ ở nhà.

Dịch nghĩa:

TẾT ĐOAN DƯƠNG TRONG CẢNH LỮ THỨ, NHỚ NHÀ

Gió Nam phe phẩy đưa cỗ xe đi xa,
Nhè nhẹ rót chén rượu xương bồ, nơi quán khách.
Đường trạm lần lượt trải qua nhiều thời tiết,
Buồng the bối hối không biết ấm lạnh ra sao.
Hầu cha mẹ, được cùng mặc áo gấm rực rỡ ở quê nhà,
Kính tổ tiên, ở xa chỉ trông chờ người hái rau phồn ở bến ao.
Nghĩ đến ngày bên song sa vui đùa thỏa thích,
Thằng Bảy chạy chơi, thằng Tám đang tập nói.

Dịch thơ:

Xe đi, hây hẩy gió nam đưa,
Quán khách, thầm nâng chén rượu bồ;
Từng trải nắng mưa đường trạm dịch,
Nào hay ấm lạnh chốn phòng thu!
Sân Lai, áo gấm, từng ca múa,
Ao ngọc, rau phồn, cậy sớm trưa;
Nhớ thuở song the đầy phúc ấm,
Bảy đi chơi nhởn, Tám bi bô!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

歲晚題廳廨

江次聯排數四舟
官廳孤倚草堤頭
隨衙掃壁邀春信
悍卒憑欄守夜籌
庭鞫豈須敲扑用
賓筵聊備管絃遊
閒來借作登高處
兩岸雲煙一望收

Phiên âm:

TUẾ VÃN ĐỀ THINH GIẢI

Giang thứ liên bài sổ tứ chu,
Quan thinh cô ỷ thảo đê đầu.
Tùy nha tảo bích, yêu xuân tín,
Hãn tốt bằng lan thủ dạ trù.
Đình cúc khởi tu xao phác dụng,
Tân diên liêu bị quản huyền du.
Nhàn lai tá tác đăng cao xứ,
Lưỡng ngạn vân yên nhất vọng thu.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

CUỐI NĂM ĐỀ NƠI LÀM VIỆC

Bến sông, ghép liền ba bốn chiếc thuyền,
Dinh quan đứng trơ vơ cạnh bờ đê.
Nha lại hầu quét tường vách đón tin xuân,
Binh lính gác tựa bao lan cầm canh.
Hỏi cung ở sân, cần chi phải dùng roi vọt,
Dọn tiệc mời khách, cũng tạm đủ sáo, đàn.
Khi rảnh việc quan lại trèo lên nơi cao,
Tầm nhìn thâu tóm cảnh khói mây đôi bờ.

Dịch thơ:

Thuyền dăm ba lá họp bên ghềnh,
Sảnh lỵ, ven đê, đứng một mình.
Đón tết, lệ nha trèo quét vách,
Dựa hiên, lính gác đứng cầm canh.
Hỏi cung, sân khỏi dùng roi vọt,
Thết bạn, tiệc thường đủ trúc, sênh.
Rỗi việc, lên cao khuây khỏa ngắm,
Hai bờ mây khói tỏa mông mênh...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

喜雨作

春二月中恒望雨
夜初更半忽聞雷
九霄玉屑繽紛下
四野花叢蓓蕾開
樂歲預徵膏澤遍
玄庥蚤副璽書來
官廳亦作農家喜
滴水敲簷數舉杯

Phiên âm:

HỶ VŨ TÁC [1]

Xuân nhị nguyệt trung hằng vọng vũ,
Dạ sơ canh bán hốt văn lôi.
Cửu tiêu ngọc tiết tân phân há,
Tứ dã hoa tùng bội lỗi khai.
Lạc tuế dự trưng cao trạch biến,
Huyền hưu tảo phó tỷ thư lai.
Quan thinh diệc tác nông gia hỷ,
Trích thủy xao thiềm sổ cử bôi.

Trích *Dật thi lược toản*

1. *Nguyên chú:* Lúc đó tôi vâng lệnh triều đình tới chỗ cầu mưa, đến đêm trời mưa.

Dịch nghĩa:

THƠ MỪNG MƯA

Tháng hai mùa xuân thường mong mưa,
Mới chập tối giữa canh một chợt nghe tiếng sấm.
Ngọc vụn trên trời rơi tới tấp,
Các bụi hoa ngoài đồng nở rộn ràng.
Dự đoán được mùa, ơn đức ban khắp,
Sớm có phúc lành, chiếu thư truyền đến.
Nơi công đường cũng mừng như nhà nông,
Nghe giọt nước lách tách ngoài rèm, nhiều lần nâng chén.

Dịch thơ:

Tháng Hai, xuân tiết, trông mưa mãi,
Tối, bỗng xa nghe sấm đổ hồi.
Mây móc chín tầng gieo ngọc vụn,
Ruộng đồng bốn cõi nở hoa tươi.
Mùa màng nắm chắc, ơn nhuần thấm,
Chiếu chỉ về mau, phúc rạng ngời...
Quan trấn, nhà nông, đều hớn hở,
Mưa reo ngoài cửa, chén nâng hoài!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

西程旅悶

希雲縹緲盼都城
荒野縈迴覓客程
不管風埃侵短鬢
但憑日月鑒孤誠
瀘江水闊呼舟急
石室煙深放屐輕
野鶴沙鷗無絆繼
人間多少誤塵纓

Phiên âm:

TÂY TRÌNH LỮ MUỘN [1]

Duật vân [2] phiêu diếu miện đô thành,
Hoang dã oanh hồi mịch khách trình.
Bất quản phong ai xâm đoản mấn,
Đãn bằng nhật nguyệt giám cô thành.
Lô Giang thủy khoát hô chu cấp,
Thạch Thất yên thâm phóng kịch khinh.
Dã hạc sa âu vô bạn tiết,
Nhân gian đa thiểu ngộ trần anh [3].

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Nguyên dẫn:* Đầu thu tôi phụng mệnh vào Phú Xuân, đến đầu mùa đông ra Bắc Thành ứng đáp văn thư với triều đình phương Bắc. Giữa mùa đông thì quân Thanh đưa Chiêu Thống về phục quốc, vì thế tôi phải lánh về chốn lâm dã, có làm tập *Vân sơn khiển hứng lược* ghi vào đây.

2. *Duật vân*: Đám mây có ba màu.

3. Ý nói mắc vào vòng danh lợi.

Dịch nghĩa:

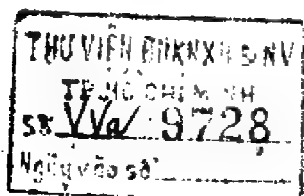
NỖI BUỒN TRÊN ĐƯỜNG ĐI VỀ PHÍA TÂY

Trông vời đô thành những đám mây đẹp bềnh bồng,
Tìm đường quanh co trên cánh đồng hoang vu.
Chẳng quản gió bụi nhuốm đầy mái tóc,
Chỉ nhờ nhật nguyệt soi tấm lòng thành.
Sông Lô làn nước mênh mông, gọi đò sang gấp,
Thạch Thất khói mây dầy đặc, guốc bước nhẹ nhàng.
Không gì ràng buộc, như hạc ngoài nội, âu trên bãi cát,
Nhân gian bao kẻ đã làm vướng vào dải mũ bụi.

Dịch thơ:

Kinh kỳ thấp thoáng áng mây tuôn,
Đồng cỏ quanh co một lối mòn.
Chi quản gió sương pha mái tóc,
Những mừng nhật nguyệt thấu lòng son.
Sông Lô nước cả, đò khôn gọi,
Đất Thạch mù xa, guốc chẳng chồn.
Chỉ có hạc, âu không vương vít,
Người thì nhiều ít mắc vào khuôn.

Đỗ Ngọc Toại *dịch*



曉經僊侶寺

林墅芊綿曉露濃
黃冠去客訪禪鍾
鷓鴣啼起鄉關思
回望柴山第一峰

Phiên âm:

HIỂU KINH TIÊN LỮ TỰ

Lâm thự thiên miên hiểu lộ nùng,
Hoàng quan [1] khứ khách phỏng thiền chung.
Giá cô đề khởi hương quan tứ,
Hồi vọng Sài Sơn [2] đệ nhất phong.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

BUỔI SỚM ĐI QUA CHÙA TIÊN LỮ

Trang trại cây cối um tùm, sương sớm dầy đặc,
Đội mũ vàng ra đi, hỏi thăm tiếng chuông chùa ở nơi nào?
Tiếng chim đa đa kêu, gợi tình nhớ quê hương,
Ngoảnh lại nhìn ngọn núi thứ nhất của Sài Sơn.

---

1. *Hoàng quan:* Mũ vàng, mũ của đạo sĩ.
2. *Sài Sơn*: Núi chùa Thầy ở huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Nhà Phan Huy Ích ở đấy.

聞譴感作

悔不離塵早屏居
入江寧得謂非漁
幽衷富義焚香處
羈淚中和發棹初
聖度包涵寬斧鑕
儒衣飄蕩侶耕鋤
心身正好求砭礪
斑舞閒來討古書

Phiên âm:

VĂN KHIỂN CẢM TÁC

Hối bất ly trần tảo bình cư,
Nhập giang ninh đắc vị phi ngư.
U trung Phú Nghĩa phần hương xứ,
Cơ lệ Trung Hòa phát trạo sơ [1],
Thánh độ bao hàm khoan phủ chất,
Nho y phiêu đãng lữ canh sừ.
Tâm thân chính hiếu cầu biếm lệ,
Ban vũ [2] nhàn lai thảo cổ thư.

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Nguyên chú:* Tháng 6 mùa hạ, tôi được vua Quang Trung triệu về Phú Xuân, đến doanh Chợ Cầu thì cáo bệnh rồi ủy người vào Nam xin lưu lại Nghệ An để điều dưỡng, lúc đó tôi vẫn trú tại lữ điếm Chợ Cầu đợi mệnh và thường tới đền Thánh Tiên xã Phú Nghĩa đốt hương khấn cầu mong được như sở nguyện. Sau đó ít lâu, Phú Xuân lại xuống chiếu sai lính tại doanh Chợ Cầu hộ tống về kinh và không được chậm trễ. Lúc đó tôi đành dứt tình lên đường, bồi hồi ngoảnh lại. Khi tới bến Trung Hòa vượt Sông Gianh, trong lòng bỗng xúc cảm, giữa cảnh lữ thứ bất giác rơi lệ.

2. *Ban vũ:* Múa áo ngũ sắc. Lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu, tính chí hiếu, năm 70 tuổi còn mặc áo ngũ sắc như trẻ nhỏ, làm trò vui cho cha mẹ xem.

Dịch nghĩa:

NGHE TIN BỊ KHIỂN TRÁCH CẢM TÁC

Tự hối không biết sớm dời cảnh trần mà đi ở ẩn,
Vào nơi sông nước sao bảo được rằng không phải là người đánh cá?
Tâm tình u uất, là lúc thắp hương trong đền Phú Nghĩa;
Giọt lệ tha hương, khi mới nhổ neo trên bến Trung Hòa.
Độ lượng thánh thượng bao dung, tha cho rìu búa,
Áo nhà Nho phiêu dạt, bạn với cày bừa.
Lòng này, thân này chính cần tìm phương rèn giũa,
Lúc nhàn rỗi đọc sách cổ, muốn học người xưa múa áo nhiều màu để vui lòng cha mẹ.

Dịch thơ:

Sớm chẳng che thân, lánh bụi đời,
Vào sông sao khỏi hóa dân chài!
Hương dâng Phú Nghĩa, niềm đau nghẹn,
Neo nhổ Trung Hòa, lệ thảm rơi.
Thánh đế búa rìu, khoan phép nước,
Nho sinh cày cuốc bạn phương trời!
Lòng này đúng buổi nên rèn giũa,
Sách thánh hiền xem, học Lão Lai!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

初聞孫總督退師
昌江偶賦

萬里征麾遠出疆
扶顛排難奠南荒
義聲直足驅川嶽
戎幕何勞臥雪霜
復國君臣俱玩愒
度橋人馬最倉皇
可憐數萬城邊骨
怨氣隨風過壽昌

Phiên âm:

SƠ VĂN TÔN TỔNG ĐỐC [1] THOÁI SƯ XƯƠNG GIANG [2] NGẪU PHÚ

Vạn lý chinh huy viễn xuất cương,
Phù điên bài nạn điện Nam hoang.
Nghĩa thanh trực túc khu xuyên nhạc,
Nhung mạc hà lao ngọa tuyết sương!
Phục quốc quân thần câu ngoạn yết,
Độ kiều nhân mã tối thương hoàng.
Khả lân số vạn thành biên cốt,
Oán khí tùy phong quá Thọ Xương!

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Tôn tổng đốc:* Tức Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lưỡng Quảng, là kẻ mang quân sang xâm lược nước ta thời Tây Sơn.

2. Theo *Bắc Ninh tỉnh sách,* thành Xương Giang do người Minh đắp ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc thị xã Bắc Giang).

Dịch nghĩa:

MỚI NGHE TIN TỔNG ĐỐC HỌ TÔN LUI QUÂN VỀ THÀNH XƯƠNG GIANG, NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

Mang ngọn cờ chinh chiến ra ngoài biên cương muôn dặm,
"Phù nguy, trừ nạn" và sắp đặt cõi Nam!
Nếu chính nghĩa đủ sai khiến núi sông,
Thì màn soái tội gì phải nằm trong sương tuyết?
Phục quốc, vua tôi đều tham lam lười biếng,
Qua cầu, người ngựa hốt hoảng cuống cuồng.
Thương thay mấy vạn nắm xương bỏ lại bên thành,
Khí oán hận theo gió đến Thọ Xương!

Dịch thơ:

Muôn dặm cờ binh trỏ xuất cương,
Rằng phò nguy cấp, định Nam phương.
Nghĩa cao ví đủ kêu sông núi,
Màn soái cần chi dãi tuyết sương?
Phục quốc vua tôi đều biếng nhác,
Qua cầu người ngựa xiết kinh hoàng!
Đáng thương mấy vạn xương ngoài lũy,
Theo gió hồn oan đến Thọ Xương!

Đào Phương Bình *dịch*

出關

塞北天高六轡均
滿山旗蓋護征塵
是行雍睦衣裳會
似我尋常翰墨人
鄉國離情駒唱罷
林巒霽色鳥聲頻
扶搖九萬纔當瞬
諮度初程眼界新

Phiên âm:

XUẤT QUAN [1]

Tái bắc thiên cao lục bí quân,
Mãn sơn kỳ cái hộ chinh trần.
Thị hành ung mục y thường hội [2],
Tự ngã tầm thường hàn mặc nhân.
Hương quốc ly tình câu xướng [3] bãi,
Lâm loan tễ sắc điểu thanh tần.
Phù dao cửu vạn tài chương thuấn [4]
Tư đạc sơ trình nhãn giới tân.

Trích *Tinh sà kỷ hành*

---

1. *Nguyên chú*: Giờ Tỵ ngày 15 tháng 4 mở cửa ải, phụng mệnh đến làm lễ ở đài Chiêu Đức (tỉnh Lạng Sơn). Các quan đốc phủ và đề trấn dẫn đầu các viên chức, các đạo, đài, phủ, huyện tiếp đưa lên đường. Ngựa xe cờ xí sáng rực núi khe.

2. *Y thường hội:* Hội áo xiêm, đối lập với hội binh xa, chỉ cuộc hội họp hòa bình, không phải cuộc hội họp về việc chiến tranh.

3. *Khúc ly câu*: Tên một khúc hát tiễn biệt thời xưa.

4. Sách *Trang Tử* có chép: "Chim bằng bay về biển Nam, nước trào lên ba nghìn, cưỡi gió cuốn mà bay lên chín vạn dặm". Trong bài thơ mượn ý này để nói người có chí lớn.

Dịch nghĩa:

RA CỬA ẢI

Ải bắc trời cao, cỗ xe tứ mã chạy đều,
Đây núi cờ lọng hộ vệ người đi xa.
Chuyến đi này là hội áo xiêm hòa mục,
Nghĩ mình chỉ là một văn nhân bình thường!
Khúc ly câu ngâm xong gợi tình đất nước,
Tiếng chim kêu hoài rừng núi tạnh quang.
Cánh bằng bay chín vạn dặm trong chớp mắt,
Lần đầu đi sứ tầm mắt mới lạ.

和答武工部

粵水燕山遠駕駟
梅亭觴詠一般春
人生際遇多非意
君子交遊久必親
此去險夷經客路
本來忠信壯吾身
周諏且喜聯征袂
擘臨情懷半截分

Phiên âm:

HỌA ĐÁP VŨ CÔNG BỘ [1]

Việt thủy Yên sơn viễn giá nhân,
Mai đình trường vịnh nhất ban xuân.
Nhân sinh tế ngộ đa phi ý,
Quân tử giao du cửu tất thân.
Thử khứ hiểm di kinh khách lộ,
Bản lai trung tín tráng ngô thân.
Chu tu thả hỷ liêu chinh duệ,
My cổ tình hoài bán tiệt phân.

Trích *Tinh sà kỷ hành*

Dịch nghĩa:

HỌA THƠ, ĐÁP THƯỢNG THƯ BỘ CÔNG HỌ VŨ

Thắng ngựa đi trên miền non Yên nước Việt xa xôi,
Chén rượu câu thơ chốn đình mai chung một màu xuân.
Đời người gặp gỡ nhiều điều trái ý,
Quân tử giao du lâu tất thân nhau.
Chuyến đi này khó dễ đều qua đất khách,
Lòng trung tín sẵn có làm thân mình mạnh mẽ.
Thăm hỏi khắp nơi, hãy mừng có bạn đường,
Tâm tình này cùng chia sẻ nỗi vất vả.

1. *Vũ Công bộ:* Thượng thư Bộ Công Vũ Huy Tấn, người làng Mộ Trạch huyện Đường An, năm 1790, cùng đi sứ nhà Thanh với Phan Huy Ích; từng giữ chức Thị lang Bộ Công, tước Hạo Trạch hầu.

Dịch thơ:

Nước Việt non Yên, bon vó ngựa,
Mai đình thơ, rượu, một màu xuân.
Đời người gặp gỡ đầy ngang trái,
Quân tử gần kề hẳn kết thân.
Đất lạ hiểm nguy chờ viễn khách,
Thân này trung tín vững tinh thần.
Ngược xuôi mừng có người chung sức,
Chia sẻ cùng nhau nỗi khó khăn...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

渡潯陽江望琵琶亭

名娃珠滴送銀箏
憑寄青衫倚棹咱
淪落天涯同感慨
徘徊月夜有歌行
九江煙水多遷客
千古風流獨短亭
芳草渡頭征思渺
舟人挑撥二絃聲

Phiên âm:

ĐỘ TẦM DƯƠNG GIANG VỌNG TỲ BÀ ĐÌNH [1]

Danh oa châu trích tông ngân tranh,
Bằng ký thanh sam [2] ỷ trạo thinh.
Luân lạc thiên nhai đồng cảm khái,
Bồi hồi nguyệt dạ hữu ca hành.
Cửu Giang yên thủy đa thiên khách [3],
Thiên cổ phong lưu độc đoản đình.
Phương thảo độ đầu chinh tứ diệu,
Chu nhân khiêu bát nhị huyền thanh.

Dịch nghĩa:

QUA SÔNG TẦM DƯƠNG TRÔNG ĐÌNH TỲ BÀ

Giọt châu cô gái đẹp nhỏ xuống phím đàn tranh bạc,
Nhờ gửi chàng áo xanh dựa mái chèo lắng nghe.
Lưu lạc chân trời, chung niềm cảm khái,
Bồi hồi đêm trăng một khúc ca hành.

---

1. *Tỳ Bà đình:* Đình Tỳ Bà, ở trên bến sông về phía Tây huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây. Khi nhà thơ Bạch Cư Dị thời Đường bị biếm đi làm chức Tư mã ở Giang Châu, ban đêm tiễn khách trên sông Tầm Dương nghe thuyền bên có người con gái gảy đàn tỳ bà hát, nhà thơ cảm xúc viết bài "Tỳ Bà hành". Đời sau người ta xây đình Tỳ Bà ở trên sông Tầm Dương để kỷ niệm nhà thơ với áng thơ tuyệt tác.

2. Trong đoạn kết của bài "Tỳ Bà hành" có câu:
Tọa trung khấp hạ thùy tối đa,
Giang Châu Tư mã thanh sam thấp.
(Lệ ai chan chứa hơn người,
Giang Châu Tư mã đượm mùi áo xanh).
(Lời dịch của Phan Huy Thực).

3. *Cửu Giang*: Một khúc của Trường Giang, cũng gọi là Tầm Dương, là tên một huyện thuộc tỉnh Giang Tây. *Thiên khách*: "Thiên" có nghĩa là bị giáng chức và đổi đi xa, hoặc bị đi đày, "Thiên khách" là người bị biếm truất.

Khói nước Cửu Giang, bao người bị biếm truất tới,
Phong lưu nghìn thuở, riêng chiếc đình nhỏ này.
Đầu bến cỏ thơm, lòng khách đi xa man mác,
Người trên thuyền gảy cây đàn hai dây tiếng nghe
thánh thót.

Dịch thơ:

Thuyền quyên nhỏ lệ phím đàn tranh,
Nhờ gửi thuyền bên chàng áo xanh.
Lưu lạc bên trời chung cảm khái,
Bâng khuâng dưới nguyệt với ca hành.
Cửu Giang mây nước đầy bao khách,
Muôn thuở phong lưu một mái đình.
Đầu bến cỏ thơm man mác tứ,
Thuyền ai thánh thót khúc tâm tình.

Đào Phương Bình *dịch*

昨來黃鶴樓有詩帖寄吳兵部
今回遊斯樓再依前韻飛寄

芳草晴川舊去程
歸耕喜似羽翰生
秋光淨照樓三疊
鄉思忙隨雁一聲
竣事書回郵騎敏
周諮路遠客舟行
南關把握相期久
時盼山華月色明

Phiên âm:

TẠC LAI HOÀNG HẠC LÂU HỮU THI THIẾP KÝ NGÔ BINH BỘ, KIM HỒI DU TƯ LÂU TÁI Y TIỀN VẬN PHI KÝ

Phương thảo tình xuyên cựu khứ trình,
Quy biền hỉ tự vũ hàn sinh.
Thu quang tĩnh chiếu lâu tam điệp,
Hương tứ mang tùy nhạn nhất thanh.
Thoan sự thư hồi bưu kỵ mẫn,
Chu tư lộ viễn khách chu hành.
Nam Quan bả ác tương kỳ cửu,
Thời phán sơn đài [1] nguyệt sắc minh.

Trích *Tinh sà kỷ hành*

Dịch nghĩa:

TRƯỚC KIA, KHI ĐẾN LẦU HOÀNG HẠC CÓ LÀM THƠ GỬI CHO QUAN BINH BỘ NGÔ THÌ NHẬM, NAY TRỞ VỀ LẠI LÊN CHƠI LẦU, BÈN HỌA VẦN BÀI TRƯỚC GỬI TẶNG

Cỏ thơm sông tạnh, vẫn con đường ra đi ngày trước,
Nay xe trở về, lòng mừng tưởng như mọc cánh.
Ánh sáng mùa thu lặng lẽ chiếu vào ba tầng lầu,
Lòng nhớ quê hương vội vã bay theo một tiếng nhạn.
Xong việc báo tin về, ngựa trạm chạy nhanh,
Đường sứ xa xôi, thuyền khách đang đi,
Nhớ khi ở ải Nam Quan, cầm tay hẹn hò nhau,
Thỉnh thoảng lại nhìn bóng trăng sáng ở ngôi đài trên núi.

1. *Sơn đài*: Ngôi đài trên núi, đây chỉ đài Chiêu Đức ở tỉnh Lạng Sơn.

Dịch thơ:

Cỏ ngát, sông im, đường lối cũ,
Xe về, gió đẩy bước hân hoan.
Ráng nhòa thu lặng, ba tầng gác,
Lòng nhớ quê xa, một tiếng nhàn!
Khẩn báo tin vui, chồn vó ngựa,
Xa xôi đường sứ, vẫn con thuyền!
Nam Quan, nhớ buổi cầm tay hẹn,
Hằng ngóng đài cao, bóng nguyệt in...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

麗 江 道 中 憶 家 鄉

蓬 扉 雲 曉 倚 蒼 崖
石 徑 煙 深 鎖 綠 苔
想 像 故 山 行 漸 近
依 稀 清 夜 夢 先 回
風 塵 末 路 青 袍 敝
松 菊 離 情 白 髮 催
珍 重 南 耕 消 息 好
計 今 門 應 望 歸 來

Phiên âm:

LỆ GIANG ĐẠO TRUNG ỨC GIA HƯƠNG

Bồng phi vân hiểu ỷ thương nhai,
Thạch kính yên thâm tỏa lục đài.
Tưởng tượng cố sơn hành tiệm cận,
Y hy thanh dạ mộng tiên hồi.
Phong trần mạt lộ thanh bào tệ,
Tùng cúc [1] ly tình bạch phát thôi.
Trân trọng Nam biền tiêu tức hảo,
Kế kim môn vũ vọng quy lai.

Trích *Tinh sà kỷ hành*

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG LỆ GIANG NHỚ QUÊ HƯƠNG

Cửa bồng dựa vào sườn núi xanh, trong mây sớm,
Lối đi trên đường đá khói dầy đặc phủ rêu biếc.
Tưởng tượng non quê ngày càng đến gần,
Thấp thoáng đêm thanh, chiêm bao đã ra về trước.
Đoạn đường cuối trong cảnh gió bụi, áo bào xanh đã rách,
Tình xa cách cây tùng khóm cúc, giục già tóc chóng bạc,
Trân trọng báo tin xe sứ thần đi về phương Nam tốt đẹp,
Tính đến nay ở nhà đang mong trở về.

---

1. *Tùng cúc*: Tùng cúc là tiếng chỉ vườn cũ nơi quê nhà. Do câu: "Tùng cúc do tồn" (Cây tùng cúc vẫn còn) trong bài "Quy khứ lai từ" của Đào Tiềm.

Dịch thơ:

Song bồng, mây sớm, dựa non xanh,
Đường đá, rêu dầy, khói phủ quanh.
Núi cũ tướng đâu gần lối rẽ,
Hồn quê về trước, giữa đêm thanh...
Gió sương, đoạn trót, bào xạnh nát,
Tùng cúc, tình xa, tóc bạc nhanh!
Xe sứ khải hoàn, trân trọng báo,
Gia hương đang ngóng đợi tin lành!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

回程啓關

昨擁征麾出玉關
故山梅信喜生還
邦交完幹益蓑鬢
家慶傳音展笑顏
夢入鈞韶瞻仰近
香生紳珮步趨閒
雲煙南望催歸興
昭德臺前問訊間

Phiên âm:

HỒI TRÌNH KHẢI QUAN [1]

Tạc ủng chinh huy xuất ngọc quan,
Cố sơn mai tín hỷ sinh hoàn.
Bang giao hoàn cán doanh tiên kiếp,
Gia khánh truyền âm triển tiếu nhan.
Mộng nhập quân thiều [2] chiêm ngưỡng cận,
Hương sinh thân bội bộ xu nhàn.
Vân yên Nam vọng thôi quy hứng,
Chiêu Đức đài [3] tiền vấn tấn gian.

Trích *Tinh sà kỷ hành*

Dịch nghĩa:

ĐƯỜNG VỀ MỞ CỬA ẢI

Trước đây cầm cờ tiết đi ra khỏi ải ngọc,
Tin hoa mai ở núi cũ, mừng nay khỏe mạnh trở về.
Việc bang giao trọn vẹn, tráp đầy giấy tờ,
Phúc nhà truyền tin đến, mặt hớn hở tươi cười.
Chiêm bao thấy nhạc quân thiều chiêm ngưỡng đã gần,
Hương thơm tỏa ra từ đai mãng, bước đi thảnh thơi.
Nhìn mây khói phương Nam thêm thôi thúc niềm mong muốn trở về,
Trước đài Chiêu Đức là nơi thăm hỏi tin nhà.

1. *Nguyên dẫn:* Ngày 29 tháng 11 đến chỗ đóng quân, cởi y phục sứ thần, mặc y phục nước nhà, từ biệt các vị quan hộ tống. Sáng hôm sau tới ải Nam Quan gặp người bà con là quan Binh bộ Ngô Thì Nhậm hỏi thăm và biết được tin nhà bình yên, vui mừng liền làm bài thơ này.

2. *Quân thiều:* Chỉ nhạc cung đình.

3. *Đài Chiêu Đức:* Ở tỉnh Lạng Sơn.

Dịch thơ:

Cờ tiết năm xưa qua ải ngọc,
Non mai tin nhắn dặm về vui.
Vẹn tròn việc sứ, rương đầy ắp,
Lành tốt tin nhà, mặt nở tươi.
Tiếng nhạc quân thiều, hồn mộng vẳng,
Mùi hương đai mãng, bước nhàn chơi.
Mây Nam giục hướng xe về gấp,
Chiêu Đức chờ phen nhắn hỏi người...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

進京朝謁訖紀事

家門何惹事　風景弗寧居
臣分存形跡　淵聰予詔書
趨蹌大惕若　慰藉更溫如
感激殫衷素　鈞韶夢寐餘

Phiên âm:

TIẾN KINH TRIỀU YẾT NGẬT KỶ SỰ [1]

Gia môn hà nhạ sự,
Phong cảnh phất ninh cư.
Thân phận tồn hình tích,
Uyên thông [2] dữ chiếu thư.

---

1. *Nguyên dẫn*: Vừa qua, tôi vì có em mắc tội, lòng nơm nớp lo sợ khi ở Bắc Thành dâng biểu trần tình tạ tội, nhận được chiếu truyền: "Tính người ta thiện ác khác nhau, cha còn chả vừa được lòng với con, huống chi anh đối với em, việc đã không dính líu đến, thì còn có hiềm nghi gì", và cho vào kinh triều kiến. Khi vào chầu lại được tới trước mặt căn dặn ân cần, bấy giờ tôi mới dám cởi mở tâu bày. Ở triều về, kính ghi bài này.

2. *Uyên thông*: Đấng sáng suốt, chỉ vua Quang Trung.

Xu thương vưu địch nhược,
Úy tạ cánh ôn như.
Cảm kích đàn trung tố,
Quân thiều mộng my dư.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

VÀO CHẦU XONG, GHI VIỆC

Gia đình sao sinh nhiều việc?
Tình cảnh muốn yên không xong.
Phận làm tôi đã có dấu vết,
Đấng sáng suốt lại ban chiếu thư.
Khi tới lui càng thấy sợ hãi,
Lời an ủi lại ôn tồn.
Cảm kích, tấc thành xin giãi hết,
Trong mơ, vẫn vẳng nhạc quân thiều.

Dịch thơ:

Cửa nhà sinh lắm chuyện,
Tình cảnh khó chu toàn.
Tôi hèn, phận đã lỗi,
Vua sáng, chiếu còn ban.
Tới lui càng sợ hãi,
An ủi thêm dịu dàng.
Giãi lòng, bao cảm kích,
Hồn mộng, nhạc thiều vang...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

夏中接到閨幃凶訊哀感紀寔

七言古風十二韻

征裝鄭重前臨別
惜玉憐香睽思切
長亭夜夜夢屏幃
依舊寒暄燈下說
詎意分攜旬日間
繾綣離樽成永訣
凶訊遙憑陲驛來
披函壹覽長嗚咽
從郎去復帶憔容
湯膳希疏光彩歇
支枕欷歔纔見兒
奄然歸化塵根絕
家人驚痛相聚號
兄長臨喪為排設
藩宮厚送錦與錢
權殯儀文循禮節
嗟哉結髮廿八年
長契闊
相秦越
悠悠北望淚沾衣
旅店啼鵑催夜月
羈情奔訃未知期
千里驛夫腸鬱結

Phiên âm:

HẠ TRUNG TIẾP ĐÁO KHUÊ VI HUNG TẤN AI CẢM KỶ THỰC

(Thất ngôn cổ phong thập nhị vận)

Chinh trang trịnh trọng tiền lâm biệt,
Tích ngọc liên hương [1] khuê tứ thiết.
Trường đình dạ dạ mộng bình vi,
Y cựu hàn huyên đăng hạ thuyết.
Cự ý phân huề tuần nhật gian,
Khiển quyến ly tôn thành vĩnh quyết.
Hung tấn dao bằng bưu dịch lai,
Phi hàm nhất lãm trường ô yết.
Tòng lang khứ hậu đới tiều dung,
Thang thiện hy sơ quang thái yết.
Chi chẩm hy hư tài kiến nhi,
Yêm nhiên quy hóa trần căn tuyệt.
Gia nhân kinh thống tương tụ hào,
Huynh trưởng lâm tang vi bài thiết.
Phiên cung hậu tống cẩm dữ tiền,
Quyền [2] thấn nghi văn tuần lễ tiết.
Ta tai kết phát trấp bát niên,
Trường khế khoát,
Tương Tần Việt.
Du du Bắc vọng lệ chiêm y,
Lữ điếm đề quyên thôi dạ nguyệt.
Cơ tình bôn phó vị tri kỳ,
Thiên lý quan phu trường uất kết.

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Tích ngọc liên hương*: Tiếc ngọc thương hương. Ở đây dùng để nói tình thương nhớ người vợ đã khuất.

2. Bản A. 603 chép thiếu một chữ, chúng tôi tạm thêm chữ "quyền" 權 vào câu cho hợp nghĩa để dịch.

Dịch nghĩa:

GIỮA MÙA HẠ, NGHE TIN DỮ CHỐN PHÒNG KHUÊ ĐAU BUỒN GHI LẠI
(Thất ngôn cổ phong, mười hai vần)

Áo mũ lên đường, trịnh trọng trước giờ tiễn biệt,
Tiếc ngọc thương hương, buồn chia ly da diết.
Nơi trường đình đêm đêm mơ về chốn buồng the,
Vẫn cùng ai hàn huyên dưới ánh đèn như trước.
Có ngờ đâu chia tay mới chỉ mươi ngày,
Dùng dằng chén rượu tiễn đưa, lại thành ra vĩnh biệt.
Tin dữ từ xa, bưu trạm chuyển tới,
Vừa mở thư xem, đã nghẹn ngào khôn xiết.
Từ thuở chàng đi, thiếp tiều tụy dung nhan,
Biếng thuốc, nhác ăn, vẻ tươi vui đều hết.
Tựa gối sụt sùi, vừa thấy mặt con,
Lịm dần rồi thác, nợ trần đã dứt.
Người nhà kinh hoàng đau xót, khóc than,
Huynh trưởng đến dự lễ tang, giúp lo toan mọi việc.
Vương phủ mang cho nhiều gấm nhiều tiền,
Tạm quàn, nghi thức đúng như lễ tiết.
Than ôi! Kết tóc hai mươi tám năm trời,
Mà nay phải mãi mãi xa nhau,
Kẻ Tần người Việt.
Rầu rầu trông vời đất Bắc, nước mắt đẫm áo,
Ai oán cuốc kêu quán trọ, giục giã trăng đêm.
Tình kẻ xa nhà, xót thương chưa biết bao giờ về bày tỏ được,
Ở ngoài ngàn dặm, kẻ góa vợ mãi thắt từng khúc ruột.

Dịch thơ:

Áo mũ chỉnh tề, khi tiễn biệt,
Thương hương tiếc ngọc, sầu da diết!
Tràng đình, đêm mãi mộng phòng khuê,
Chuyện dưới đèn xanh, hằng quấn quýt!
Ai hay dứt áo, mới một tuần,
Dùng dằng chén đưa, thành vĩnh quyết!
Tin dữ xa nhờ bưu trạm đem,
Thư mở, nghẹn ngào khôn kể xiết.
Từ tiễn chàng đi, thiếp héo hon,
Ngại thuốc, biếng ăn dư khí kiệt.
Tựa gối sụt sùi, vừa gặp con,
Lìm lịm, nợ trần, thôi đoạn tuyệt!
Người nhà kinh hoảng, xiết kêu gào,
Tôn trưởng giúp tang, lo mọi việc.
Phủ vương cấp gấm lại ban tiền,
Tạm quàn, nghi lễ theo tuần tiết.
Kết tóc, than ôi! hai tám thu!
Dứt đôi đường
Tần với Việt!
Vời trông đất Bắc, lệ đầm khăn,
Quán trọ, quyên kêu, nhòa bóng nguyệt!
Quê người, bao được về khóc nhau,
Muôn dặm, quan phu, sầu hận kết!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

秋奉國喪感述

夢成炊臼未施哀
感重遺弓失奉陪
國計家情多糾結
風晨月夕獨徘徊
塵寰泡影浮生幻
海甸萍蓬旅夢催
商遇自慚睽分誼
孤蹤要向故山來

鴻遷始預登綸閣
龍去何堪望鼎湖
遭際機緣難再得
從今羈旅鴈臣孤

Phiên âm:

THU PHỤNG QUỐC TANG,[1] CẢM THUẬT[2]

Mộng thành suy cữu[3] vị thi ai,
Cảm trọng di cung[4] thất phụng bồi.
Quốc kế gia tình đa củ kết,
Phong thần nguyệt tịch độc bồi hồi.
Trần hoàn bào ảnh phù sinh huyễn,
Hải điện bình bồng lữ mộng thôi.
Sắc ngộ tự tàm khuê phận nghị,
Cô tung yếu hướng cố sơn lai.

*
* *

Hồng thiên thủy dự đăng luân các,
Long khứ hà kham vọng Đỉnh Hồ.[5]
Tao tế cơ duyên nan tái tắc,
Tùng kim cơ lữ nhạn thần cô.

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Quốc tang:* Chỉ về việc vua Quang Trung mất vào mùa thu năm 1792. Về ngày tháng mất của vua Quang Trung có nhiều ý kiến khác nhau. Theo ông Hoàng Xuân Hãn dựa vào sách *Đại Nam thực lục* và tài liệu của các giáo sĩ phương Tây chép lúc đương thời thì vua Quang Trung mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792). Theo tác giả của *Lịch sử Việt Nam* tập I thì Quang Trung mất vào ngày 16 tháng 9 năm 1792, thọ 39 tuổi. Chúng tôi xin nêu hai tư liệu này để bạn đọc tham khảo.

2. *Nguyên dẫn:* Trung tuần tháng 6, tôi được thăng chức Thị trung ngự sử tòa Nội các. Ngày 30 tháng 7 thì vua Quang Trung về chầu trời.

3. *Suy cữu*: Thổi cơm bằng cối. Sách *Dậu dương tạp trở* chép: Trương Chiêm có lần đi xa sắp về, anh ta chiêm bao thấy mình thổi cơm bằng cối. Có người giải mộng: phải thổi cơm bằng cối vì không có nồi, nồi là "phủ" đồng âm với "phụ" là vợ, không nồi là "vô phủ", tức là "vô phụ" (không có vợ). Khi Trương về đến nhà, quả nhiên vợ đã qua đời. Trong bài ý nói vợ tác giả đã qua đời.

4. *Di cung*: Chiếc cung để lại. *Sử ký* chép: "Hoàng đế đúc đỉnh ở Kinh Sơn (Đỉnh Hồ), tu đắc đạo thành tiên rồi cưỡi rồng bay lên trời, để lại chiếc cung, bầy tôi ôm cung gào khóc. Người ta thường dùng từ "di cung" để chỉ việc nhà vua qua đời.

5. *Đỉnh Hồ*: Nơi Hoàng đế đúc đỉnh, tu đắc đạo rồi cưỡi rồng bay đi.

Dịch nghĩa:

MÙA THU PHỤNG QUỐC TANG, CẢM THUẬT

Điểm chiêm bao nấu cơm bằng cối, chưa hết nỗi đau thương,
Cảm xúc nặng vì chiếc cung để lại, từ nay mất dịp theo hầu.
Việc nước tình nhà, nhiều điều bối rối,
Đêm trăng sớm gió, riêng những bùi ngùi.
Cõi trần như bọt nước, như bóng sáng, kiếp phù sinh hư ảo,
Góc biển lênh đênh như cánh bèo, như cỏ bồng, giấc mộng lữ khách giục giã.
Gặp cảnh ngặt nghèo, riêng thẹn xa cách tình nghĩa,
Gót chân cô đơn muốn trở về núi cũ.

*

* *

Như chim hồng tung cánh, mới được dự lên luân các,
Rồng đã bay đi, lòng sao kham nổi khi trông ngóng Đỉnh Hồ.
Duyên may gặp gỡ, khó có một lần nữa,
Từ nay ở quê người, thân như chiếc nhạn lẻ bầy!

Dịch thơ:

Uyên bay thuở ấy, vẫn còn đau,
Rồng lại đi xa, mất dịp hầu!
Việc nước tình nhà thêm bối rối;
Đêm trăng, sớm gió xiết âu sầu!
Cõi trần thấp thoáng thân trôi nổi;
Góc bể không may, tình nghĩa cách,
Quê nhà trở gót muốn từ lâu.

*

* *

Tung mây hồng mới lên hoàng các,
Lánh tục rồng bay ngóng Đỉnh Hồ.
Duyên phận gặp người khôn thấy nữa,
Đời thần giống chiếc nhạn đơn cô!

Đào Phương Bình *dịch*

冬季奉赴北城公幹述懷

省閣迴翔半載餘
重尋城邸理文書
邦交受委忙酬應
家變關情始發舒
泉壤正營窀穸計
山村誰訪菊松居
歸時見景尤悽苦
刀尺猶懸寢閣虛

Phiên âm:

ĐÔNG QUÝ PHỤNG PHÓ BẮC THÀNH [1] CÔNG CÁN, THUẬT HOÀI [2]

Sảnh các hồi tường bán tải dư,
Trùng tầm thành để lý văn thư.
Bang giao thụ ủy mang thù ứng,
Gia biến quan tình thủy phát thư.
Tuyền nhưỡng chính doanh chuẩn tịch kế,
Sơn thôn thùy phỏng cúc tùng cư.
Quy thì kiến cảnh vưu thì khổ,
Đao xích [3] do huyền tẩm các hư.

Trích *Dật thi lược toản*

---

1. *Bắc Thành:* Thành Thăng Long

2. *Nguyên dẫn:* Lúc ấy quan Đại học sĩ (Ngô Thì Nhậm) vâng mệnh sang sứ phương Bắc, giữ vai chính trong ban cáo thỉnh của sứ bộ. Tôi vâng mệnh đến Bắc Thành để lo liệu mọi việc đi sứ và đem theo mười dật vàng, một trăm cân quế bổ sung thêm vào lễ vật tiến cống. Mồng một tháng chạp, khởi hành từ kinh đô Phú Xuân, ngày 21 đến công quán ở Bắc Thành, ngày 24 làm lễ thành phục.

3. *Đao xích*: Con dao cái thước, những đồ dùng của người phụ nữ dùng để khâu vá.

Dịch nghĩa:

THÁNG CHẠP VÂNG MỆNH RA BẮC THÀNH CÓ VIỆC CÔNG THUẬT HOÀI

Quanh quẩn nơi sảnh các quá nửa năm rồi,
Nay lại tìm đến công quán trong thành để giải quyết việc văn thư.
Việc bang giao được ủy thác, ứng tiếp bận rộn,
Mối quan tâm về biến cố gia đình tạm được thư thả.
Đang lo mồ êm mả đẹp cho người chốn suối vàng,
Lấy ai thăm hỏi đến khóm cúc cây tùng ở nhà bên núi.
Khi trở về thấy quang cảnh, lòng càng xót xa,
Con dao cái thước còn treo kia mà nơi ăn ngủ vắng người.

Dịch thơ:

Đài các đi về sáu tháng dư,
Lại tìm chốn cũ soạn văn thư.
Nặng nề việc nước còn đang bận,
Vấn vít tình nhà mới tạm thư.
Ba thước nấm mồ lo đắp điếm,
Mấy hàng tùng cúc vẫn thờ ơ.
Trở về thấy cảnh càng ngao ngán,
Dao thước treo không, gác lặng tờ!

Hoàng Tạo *dịch*

南覲登程偶得

悠悠城邸夢鈞韶
忙奉宸綸駕覲軺
煙樹迎人鶯語巧
風沙慣路馬蹄驕
故鄉取便尋三徑
內閣承恩近九霄
歷覽春光征思爽
莫須柳驛折長條

Phiên âm:

NAM CẬN [1] ĐĂNG TRÌNH NGẪU ĐẮC

Du du thành để mộng quân thiều,
Mang phụng thần luân giá cận [2] thiều.
Yên thụ nghinh nhân oanh ngữ sảo,
Phong sa quán lộ mã đề kiêu,
Cố hương [3] thủ tiện tầm tam kính, [4]
Nội các thừa ân cận cửu tiêu. [5]
Lịch lãm xuân quang chinh tứ sảng,
Mạc tu liễu dịch chiết trường điều.

(Trích *Dật thi lược toản*)

1, 2. Bản A.603 chép là "quán" xét trong văn cảnh thì không hợp, có lẽ nguyên là chữ "cận", nghĩa là vào triều yết nhà vua.

3. Trong câu thơ này tác giả nhắc tới việc về thăm nhà cũ ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

4. *Tam kính:* Ba lối cũ. Bài "Quy khứ lai từ" của Đào Tiềm người thời Tấn có câu: "Tam kính tựu hoang, tùng cúc do tồn" nghĩa là: Ba lối hoang vu, cây tùng cây cúc vẫn còn. Phan Huy Ích mượn ý này để nói tới phong cảnh quê cũ.

5. *Cửu tiêu:* Chín tầng mây, ở đây chỉ nơi vua ngự.

Dịch nghĩa:

NGẪU HỨNG KHI LÊN ĐƯỜNG VÀO NAM TRIỀU CẬN

Đằng đẵng trong dinh thự bên thành hằng mơ nhạc quân thiều,
Khi nhận được chiếu chỉ, vội vàng giong xe vào triều kiến.
Khói cây đón người, giọng oanh hót ngọt,
Gió bụi quen lối, vó ngựa kiêu hùng.
Tiện đường về thăm cố hương tìm ba lối cũ,
Đội ơn được vào nội các, gần chín tầng mây.
Trải ngắm vẻ xuân tứ thơ trên đường sảng khoái,
Nơi trạm liễu chẳng cần bẻ cành dài tặng nhau.

和錢刑侍清派黎侯赴和義任

樞省三年荷溥覃
扶搖健翮更圖南
月融沱海清頹浪
雲捲玶山霽曉嵐
地在襟喉邊任重
人為堡障俊才堪
迢迢蜀道惟琴鶴
要得芳徽不古慚

Phiên âm:

HỌA TIỄN HÌNH THỊ THANH PHÁI LÊ HẦU PHÓ HỎA NGHĨA NHẬM

Xu sảnh tam niên hạ ốc đàm,
Phù dao kiện cách cánh đồ Nam.
Nguyệt dung Đà hải thanh đồi lãng,
Vân quyển Bình sơn tễ hiểu lam.
Địa tại khâm hầu biên nhậm trọng,
Nhân vi bảo chướng [1] tuấn tài kham.
Thiều thiều Thục đạo [2] duy cầm hạc, [3]
Yếu đắc phương huy bất cổ tàm.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

HỌA TIỄN QUAN THỊ LANG BỘ HÌNH LÀ THANH PHÁI HẦU HỌ LÊ ĐI NHẬM CHỨC Ở HỎA NGHĨA

Ba năm ở tòa cơ mật, được ơn mưa móc dồi dào,
Cánh bằng cưỡi gió bay lên, lại tính chuyện xuống phương Nam.
Ánh trăng trải mặt bể Đà Nẵng, làm lặng sóng cồn,
Mây cuốn đỉnh Ngự Bình, khí núi sớm tan hết.
Nơi ấy với kinh đô như vạt áo, như cổ họng, việc coi giữ biên cương rất nặng nề,

---

1. *Nhân vi bảo chướng:* Người làm thành lũy. Ý nói người tướng tài giữ đất nước như hào lũy vệ thành.

2. *Thục đạo:* Đường Thục. Ý nói đường đi hiểm trở khó qua được. Lý Thái Bạch trong bài "Thục đạo nan" có câu: "Thục đạo chi nan, nan ư thướng thanh thiên" (Đường vào đất Thục khó đi, khó hơn lên trời xanh).

3. *Cầm hạc:* Cây đàn và chim hạc. Triệu Biện thời Tống khi làm quan đi phó nhậm đâu cũng chỉ đem cây đàn và chim hạc. Ý nói cảnh làm quan thanh liêm và giản dị.

Người làm thành lũy để bảo vệ phải tài giỏi mới kham nổi.
Trên đường Thục xa vời vợi, chỉ làm bạn với chim hạc cây đàn,
Giữ được tiếng thơm để khỏi thẹn với người xưa.

秋初書懷

萬樹涼颸颯颯然
落梧早報蓐收天
園庄孤館淹留客
省院繁樞懶散員
竹信遲來縈遠夢
瓜期初屆訪歸耕
臨風不禁尋鱸想
疊枕南窗擇書眠

Phiên âm:

THU SƠ THƯ HOÀI

Vạn thụ lương tư táp táp nhiên,
Lạc ngô [1] tảo báo nhục thu thiên.
Viên trung cô quán yêm lưu khách,
Sảnh viện phồn xu lãn tản viên.

---

1. *Lạc ngô:* Lá ngô đồng rụng. Thơ cổ có câu: "Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu" (Một lá ngô đồng rụng, Thiên hạ đều biết mùa thu tới).

Trúc tín [1] trì lai oanh viễn mộng,
Qua kỳ [2] sơ giới sức quy biền.
Lâm phong bất cấm thuần lô tưởng,
Nhất chẩm nam song ổn trú miên.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

GHI CẢM NGHĨ ĐẦU THU

Trên muôn cây, gió lạnh vi vút,
Lá ngô đồng rụng, sớm báo thu sang.
Khách nấn ná nơi quán buồn trong xóm,
Quan nhàn tản chốn sảnh viện bận rộn.
Tin trúc chậm đến, giấc mộng xa nhà thêm vương vấn,
Mùa dưa mới tới, cỗ xe quay về đã sửa sang.
Trước gió, sực nhớ phong vị rau thuần cá lô,
Song nam vừa tựa gối đã đầy giấc ngủ ngày.

Dịch thơ:

Xào xạc đìu hiu, lạnh gió ngàn,
Lá ngô sớm rụng, báo thu vàng.
Dinh đầy việc bận, quan lười nhác,
Quán lẻ, thôn buồn, khách náu nương.
Hồn mộng luống chờ tin trúc đến,
Bánh xe sẵn đón vụ dưa sang.
Gió lên gợi nhớ câu thuần, vược,
Tựa gối song nam, đầy giấc tràn...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

1. *Trúc tín:* Tin trúc, tin báo bình an. Sách *Dậu Dương tạp trở* chép: Ở Bắc Đô, chùa Đồng Tử có một khóm trúc mới cao vài thước, hằng ngày vị sư trụ trì trong chùa báo tin trúc vẫn bình an.

2. *Qua kỳ*: Sách *Tả truyện* chép: Tề hầu sai sứ đi đóng đồn ở Quỳ Khâu, lúc đi là mùa dưa, hẹn rằng đến mùa dưa sau thì được về, do đó "Hẹn mùa dưa" tức là hẹn có người đến thay cho mình về.

中秋無月醉中偶得三絶

待月東軒掛竹簾
癡雲不為放銀蟾
一年只管今宵玩
珍重微光在屋簷

*

徙倚空庭月未來
貪歡燈下共傳杯
南中不作秋宵賞
誰使娥姐鏡面開

*

徘徊良夜惜清輝
醉臥前窗不掩扉
猶想月娥時隱現
到圓光處亂雲歸

Phiên âm:

TRUNG THU VÔ NGUYỆT, TÚY TRUNG NGẪU ĐẮC TAM TUYỆT

Đãi nguyệt đông hiên quải trúc liêm,
Si vân bất vị phóng ngân thiềm.
Nhất niên chỉ quản kim tiêu ngoạn,
Trân trọng vi quang tại ốc thiềm.

* * *

Tỷ ỷ không đình nguyệt vị lai,
Tham hoan đăng hạ cộng truyền bôi.
Nam trung bất tác thu tiêu thưởng,
Thùy sử Nga thư kính diện khai.

*

* *

Bồi hồi lương dạ tích thanh huy,
Túy ngọa tiền song bất yểm phi.
Do tưởng Nguyệt Nga thì ẩn hiện,
Đáo viên quang xứ, loạn vân quy.

Trích *Đại thi lược toản*

Dịch nghĩa:

TẾT TRUNG THU, KHÔNG CÓ TRĂNG, TRONG LÚC SAY RƯỢU NGẪU NHIÊN LÀM BA BÀI TỨ TUYỆT

Đợi trăng ở hiên đông, cuốn bức mành trúc lên,
Đám mây si tình, không chịu buông vành trăng bạc.
Cả năm, chỉ có đêm nay là thích ngắm,
Xin hãy hé ánh sáng lên thềm nhà một chút.

*

* *

Bâng khuâng trên sân vắng, trăng vẫn chưa đến,
Vui vẻ cùng nhau nâng chén dưới đèn.
Tục trong Nam, không thưởng tết Trung thu,
Ai mà khiến được gương Nga xuất hiện.

*

* *

Bồi hồi đêm mát tiếc ánh sáng trong,
Say nằm trước song không khép cánh cửa.
Những tưởng bóng Nga khi ẩn khi hiện,
Nào ngờ đến độ tròn sáng thì mây rối bời bay đến.

Dịch thơ:

Đón nguyệt hiên đông, nhẹ cuốn rèm,
Si tình, mây vẫn áp cung thiềm.
Cả năm, chỉ một đêm này ngắm,
Xin hé duềnh ngân dọi trước thềm...

*

* *

Bâng khuâng sân vắng, nguyệt chưa vào,
Vui dưới đèn hoa, rượu dốc ào.
Thu ở miền Nam không thưởng Tết,
Ai xui dì Nguyệt vén mây chào?

*

* *

Bồi hồi, đêm mát, nhớ trăng trong,
Ngó cửa, say nằm khểnh trước song,
Những tưởng bóng Nga mờ đo dọi,
Giữa vành tròn sáng rối mây lồng...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

經山南上路具詢秋初水災偶成

京中有人從北來
傳說民間水降災
貳拾餘縣望如海
滔滔白浪無津涯

初聞其語半疑信
堯世懷襄如是哉
歸嘗壹經青厭渡
淤水穿堤猶在睹
簾屋依依帶水痕
樹枝歷歷染沙土
田原泥濘無秋禾
民棄耜鋤尚網害
邑叟啼呼水患奇
潰溢漂沉多嬰苦
江河秋潦自年年
流駛奔湍歸海隩
未聞積漲五十日
盡將鴻宅委魚淵
陰沴非常堪怵惕
嗟嗟民命制乎天
橫流不特上源水
海際汛咸尤訝異
君不見驩順東風引暴潮來
尾閭瀼來淹田里
海口千家逐波開（奇華海口門）
日麗百艘填浪裏（順化日麗門）
天災流行抑或然
西南數路休怨誹

Phiên âm:

KINH SƠN NAM THƯỢNG [1] LỘ CỤ TUÂN THU SƠ THỦY TAI NGẪU THÀNH

Kinh trung hữu nhân tùng bắc lai,
Truyền thuyết dân gian thủy giáng tai.
Nhị thập dư huyện vọng như hải,
Thao thao bạch lãng vô tân nhai.
Sơ văn kỳ ngữ bán nghi tín,
Nghiêu thế hoài tương [2] như thị tai?
Quy bí nhất kinh Thanh Quyết độ,
Ư thủy xuyên đê do tại đổ.
Liêm ốc y y đái thủy hần,
Thụ chi lịch lịch nhiễm sa thổ.
Điền nguyên nê nính vô thu hòa,
Dân khí tri sử, thượng võng cô.
Ấp tấu đề hô thủy hoạn kỳ,
Hội, dật, phiêu, trầm đa khiết khổ.
Giang hà thu lạo tự niên niên,
Lưu sử bôn thoan quy hải nhiên.
Vị văn tích trướng ngũ thập nhật,
Tân tương hồng trạch ủy ngư uyên.
Âm lệ phi thường kham chuật dịch,
Ta ta dân mệnh chế hồ thiên.
Hoành lưu bất đặc thượng nguyên thủy,
Hải tế phiêm hàm vưu nhạ dị.
Quân bất kiến Hoan Thuận [3] đông phong dẫn bạo trào lai,
Vĩ Lư cổn lai yểm điền lý.
Hải Khẩu [4] thiên gia trục ba gian (Kỳ Hoa Hải Khẩu môn)
Nhật Lệ [5] bách sưu điền lãng lý (Thuận Hoá Nhật Lệ môn).

---

1. *Sơn Nam Thượng:* Xưa nằm trong lộ Sơn Nam, bao gồm vùng đất Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam cũ.

2. *Hoài tương: Kinh Thư* chép về nạn hồng thủy ở đời vua Nghiêu có câu "Đẳng đẳng hoài sơn tương lăng" nghĩa là: Mênh mông nước bọc quanh núi, nước ngập cả đồi". Đời sau dùng từ "hoài tương" để chỉ nạn lụt lớn.

3. *Hoan, Thuận:* Châu Hoan là tên cổ của Nghệ An; Châu Thuận là Thuận Hóa.

4. *Kỳ Hoa:* Cửa bể Kỳ Hoa thuộc Nghệ An.

5. *Nhật Lệ:* Cửa sông Nhật Lệ thuộc tỉnh Quảng Bình.

Thiên tai lưu hành ức hoạc nhiên,
Tây nam sổ lộ [1] hưu oán phỉ.

Trích *Đật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

THƠ LÀM KHI VỀ QUA TRẤN SƠN NAM THƯỢNG, HỎI RÕ ĐƯỢC TÌNH HÌNH TRẬN LỤT ĐẦU MÙA THU

Trong kinh có người từ Bắc vào,
Kể chuyện dân gian bị lụt lớn.
Hơn hai mươi huyện trông như biển,
Mênh mông sóng bạc không bến bờ.
Thoạt nghe, bụng nửa tin nửa ngờ,
Đời Nghiêu, hồng thủy chắc cũng thế?
Ngựa về vừa qua đò Thanh Quyết,
Nước tràn đê thủng nhìn vẫn rõ.
Lưng mành rành rành ngấn nước in,
Cành cây mồn một đất cát ố.
Ruộng đồng lầy lội, không lúa thu,
Dân bỏ cày cuốc, chuộng chài, đó.
Cụ già trong làng kêu lụt kỳ:
Vỡ, tràn, nổi, chìm, nhiều nỗi khổ.
Hằng năm sông thu nước lũ dâng,
Nhưng đều băng băng ra biển cả.
Chưa nghe lụt tới năm mươi ngày,
Biến tất cả tổ chim thành vực cá.
Khí năng khác thường thật đáng ghê,
Than ôi! Mệnh dân do trời định.
Nước to nào phải chỉ thượng nguồn,
Biển dâng nước mặn càng kỳ lạ.
Anh chẳng thấy: Miền Châu Hoan, Châu Thuận gió đông dâng nước triều lên,

1. *Lộ:* Đơn vị hành chính xưa.

Nước từ rốn biển tràn vào ngập đồng ruộng.
Kỳ Hoa ngàn nhà cuốn theo sóng,
Nhật Lệ trăm thuyền bị sóng dìm.
Thiên tai lưu hành, âu ngẫu nhiên!
Mấy lộ tây nam đừng oán thán.

Dịch thơ:

Trong kinh có kẻ ngoài Bắc vô,
Kể chuyện nhân dân bị lụt to.
Hơn hai chục huyện như biển cả,
Sóng bạc mênh mang không bến bờ.
Thoạt nghe, nửa tin, nửa nghi hoặc,
Hồng thủy thời Nghiêu cũng thế ư?
Bến đò Thanh Quyết, ghìm cương ngựa,
Nước ngập qua đê, dấu còn rõ,
Lồ lộ ngang mành ngấn nước in
Mồm một cành cây bùn đất ố!
Ruộng đồng lầy lội, mất vụ thu,
Dân mải chài lưới, cuốc cày bỏ!
Già làng kêu than: lụt lạ lùng,
Vỡ, tràn, chìm, nổi, khổ trăm vòng!
Sông thu hằng năm nước lũ xuống,
Đều băng ra biển, thuận xuôi dòng.
Chưa nghe năm chục ngày ứ đọng,
Biến tổ chim thành vực cá chung!
Âm thịnh khác thường, thật đáng sợ,
Dân mệnh, ôi đành mặc hóa công!
Chẳng cứ thượng nguồn dâng nước đọng,
Lạ thay! Nước mặn, lòng khơi nống!
Người chẳng thấy: Hoan, Thuận, gió đông, thủy trào dâng,
Rốn biển nước tràn, ngập đồng ruộng;
Kỳ Hoa ngàn nhà nước cuốn phăng;
Nhật Lệ trăm thuyền dìm dưới sóng!
Thiên tai khắp chốn, còn ngờ chi?
Mấy lộ Tây Nam đừng oán vọng!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

題葆真觀軒壁畫圖八絕

(一) 題天台圖

攀磴捫蘿見玉顏
胡麻飽後卻思還
僊緣儌幸難重遇
猶勝巫峰一夢間

(六) 題拋山圖

危崖聳翠枕寒流
浩渺煙波湧六頭
光景幾經塵劫換
東阿君宰舊清遊

Phiên âm:

ĐỀ BẢO CHÂN QUÁN HIÊN BÍCH HỌA ĐỒ BÁT TUYỆT [1]

(Nhất) ĐỀ THIÊN THAI [2] ĐỒ

Phan đắng môn la kiến ngọc nhan,
Hồ ma bão hậu khước tư hoàn.

---

1. *Nguyên dẫn:* Đầu mùa hạ, tôi dựng một nhà thủy tạ ở trên ao sen, đằng sau nhà chính, bốn mặt treo rèm, tùy ý đóng mở từng lúc. Quanh hiên, tám góc đều làm vách phấn, mỗi nơi có treo một bức họa, đặt tên là quán Bảo Chân, sớm tối nằm nghỉ ở đó, phía trên cửa có đề một bài ký, chỗ hiên vách treo tranh, mỗi bức đề một bài tứ tuyệt (Trong văn bản có tám bài, chúng tôi tuyển hai bài - N.D).

2. *Thiên Thai:* Tương truyền thời nhà Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc. Ngày 5 tháng 5 họ vào tới núi Thiên Thai thì bị lạc đường, thấy nước hạt vừng chảy ra, biết là có người, bèn đi vào thì gặp hai nàng tiên ra đón. Sau cùng ăn ở với nhau thành vợ chồng. Được nửa năm vì nhớ nhà mà về, về đến nhà chỉ còn người cháu bảy đời.

Tiên duyên yêu hãnh nan trùng ngộ,
Do thắng Vu phong [1] nhất mộng gian.

(Lục)
ĐỀ PHAO SƠN [2] ĐỒ

Nguy nhai túng thủy chẩm hàn lưu,
Hạo diểu yên ba dũng Lục Đầu [3].
Quang cảnh kỷ kinh trần kiếp hoán,
Đông A [4] quân tể cựu thanh du.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

TÁM BÀI TUYỆT CÚ ĐỀ Ở CÁC BỨC VẼ TREO TRÊN VÁCH QUÁN BẢO CHÂN

I
ĐỀ BỨC TRANH THIÊN THAI

Vin mỏm đá, bám dây leo lên được thấy mặt ngọc,
Vừng ăn chán rồi lại muốn quay về.
Duyên tiên là việc may mắn, khó gặp được lần nữa,
Nhưng còn hơn ở Vu Sơn chỉ được một giấc mộng.

---

1. *Vu Phong:* Núi Vu. Bài Phú "Cao Đường" của Tống Ngọc có câu: Xưa Sở Vương mộng thấy đi lại với thần nữ, lúc ra đi thần nữ nói: "Tôi là người ở núi Vu".
2. *Phao Sơn:* Núi Phao ở Phả Lại, Hải Dương
3. *Lục Đầu:* Cửa sông Lục Đầu ở Phả Lại, Hải Dương. Khúc sông này có sáu con sông đổ về nên có tên là sông Lục Đầu.
4. *Đông A:* Tức là họ Trần, lấy chữ "Đông" ghép với nửa chữ "A", thành chữ "Trần".

VI

ĐỀ BỨC TRANH PHAO SƠN

Núi biếc chót vót gối trên dòng sông lạnh,
Khói sóng mênh mông cuộn lên cửa Lục Đầu.
Quang cảnh qua mấy độ thay đổi kiếp trần,
Đây là chốn du lãm xưa kia của vua tôi Đông A.

Dịch thơ:

I

Bám dây vin đá gặp nàng tiên.
Ăn chán vừng rang nhớ cõi phàm
Gặp gỡ duyên tiên khôn gặp lại,
Còn hơn chung giấc mộng Vu Sơn.

VI

Cao vút non xanh gối dải sộng,
Lục Đầu khói sóng cuộn mênh mông.
Kiếp trần mấy độ thay quang cảnh,
Nào thấy Đông A dạo gót rồng.

Đào Phương Bình *dịch*

菊秋百詠

I

未窮詩奧僅升堂
賡思非曾賦草塘
吾輩形神更倚托
斯文眉目孰平章
優游同慶風雲會
眺詠那知日月陽
篇什往還姑擺悶
金蘭前譜敢相方

Phiên âm:

CÚC THU BÁCH VỊNH [1]

(Nhất)

Vị cùng thi áo cận thăng đường, [2]
Canh tứ phi tằng phú thảo đường. [3]
Ngô bối hình thân canh ỷ thác,

---

1. *Nguyên dẫn:* Thú chơi bút mực đệ đã vụng lại lười, đâu dám khoe hay khoe đẹp. Trước đây nhân bài ngẫu tác ở tiệc cúc do ông khởi xướng, thành thử thích cùng ông xướng họa, tinh thần phấn chấn, góp nhặt thành chương thành câu, quên cả khô khan quê mùa, cứ nhì nhằng mong được ông chỉ bảo. Vốn là những bài xuất phát từ tình cảm thể hiện ra thơ, ngờ đâu vui đến thế. Tiếp được bút hoa của ông gửi tới, nói rõ việc xướng họa của tiên công hai nhà, để dạy bao về chuẩn đích thơ, lại còn chỉ rõ cái lẽ tạo vật tác động đến then máy của thơ, khiến cho đầu mối thơ được thần diệu. Đó thật là một đoạn nghị luận lớn lao, chính xác, há chẳng phải là những hiểu biết sâu sắc về thơ đó sao? Cảm phục lời dạy đó, đệ xin nối duyên vần, mong ông phủ chính. Xin đừng cười.

2. *Thăng đường:* Sách *Luận ngữ*, chép lời Khổng Tử bảo Tử Lộ: "Do dã thăng đường hỹ, vị nhập ư thất dã". Nghĩa là: Trọng Do mới tới nhà ngoài chưa vào được nhà trong. Trong thơ tác giả mượn ý này để nói khiêm.

3. *Thảo đường:* Bờ cỏ. Ở đây muốn nhắc tới câu thơ "Trì đường sinh xuân thảo" (Bờ ao mọc cỏ xuân) của Tạ Linh Vận.

Tư văn my mục thục bình chương.
Ưu du đồng khánh phong vân hội,
Diếu vịnh na tri nhật nguyệt dương.
Thiên thập vãng hoàn cô bãi muộn,
Kim lan tiền phả cẩm tương phương.

Dịch nghĩa:

MỘT TRĂM BÀI VỊNH HOA CÚC MÙA THU

I

Chưa thấy suốt chốn sâu xa của thơ, chỉ mới tới nhà ngoài,
Tứ hay, chưa tìm được câu đẹp bên bờ cỏ.
Cả hình thức lẫn tinh thần, bọn ta nương tựa lẫn nhau,
Cặp mắt, đôi mày của văn chương, lấy ai làm kẻ phẩm bình?
Thung thăng cùng mừng trong hội gió mây,
Ngắm, ngâm nào biết trời trăng tươi đẹp.
Thơ ca xướng họa để tạm khuây khỏa nỗi buồn,
Dám đâu sánh với cuốn nghĩa kim lan của người đời trước.

Dịch thơ:

Chỉ mới bên ngoài ngưỡng cửa Thơ,
Tứ hay, bờ cỏ, vẫn trông chờ!
Thần cao, hình lạ, càng nương tựa,
Chữ gọt, lời phê, luống cậy nhờ.
Mây gió hội vui mừng gặp đó,
Trời trăng vẻ đẹp, vịnh nên chưa?
Thơ ca xướng họa, khuây phiền muộn,
Lan huệ nào so các bậc xưa!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

II

紅塵奔走聚斯堂
世路艱深幾澦塘
學到性情須定靜
身關名利最周章
道心明月臨寒水
人事浮雲傍赤陽
珍重蘭言同勉勵
晚來禪味有丹方

Phiên âm:

Nhị [1]

Hồng trần [2] **bôn tẩu tụ tư đường,**
Thế lộ gian thâm kỷ Dự Đường. [3]
Học đáo tính tình, tu định tĩnh,
Thân quan danh lợi tối chu chương.
Đạo tâm [4] **minh nguyệt lâm hàn thủy,**

---

1. *Nguyên dẫn:* Theo thứ tự của năm tháng thì sinh trưởng rồi phải đi đến thu tàng; theo học thuyết của Hoàng đế, Lão Tử thì lo lắng rồi trở lại thanh tĩnh. Hai chúng ta là anh em rể với nhau, từ tuổi trẻ đã nếm trải mùi đời, cho đến nay râu tóc đã bạc. Nghĩ lại cảnh quá khứ, đi vào đường ghê sợ, đứng trên chỗ hiểm nghèo, thực là gập ghềnh muôn vẻ, những cái gọi là "tai nạn" rất nhiều. Nhưng rồi cái lòng danh lợi cứ nguội lạnh dần dần, khác nào lò than đang cháy được băng tuyết xối vào. Vậy chỉ nên giữ gìn tấm thân, giảm bớt công việc, để giữ tròn danh dự, phải nhớ đầy đủ lời dạy "biết yên, biết lo", phải hiểu thấu suốt câu nói "phi thanh, phi tướng". Vì biết chịu nhẫn, hay lo lắng, tất nhiên trong đáy lòng sẽ thoải mái. Đó là chỗ chúng ta tự hiểu hơn người khác chứ có phải tìm tòi trong câu văn, lời nói đâu. Trong thư, thai huynh có nhắc tôi về việc làm bài tựa, lời lẽ rất khẩn thiết, lại bắt đầu bằng câu "đức tuệ thuật trí" để khuyên nhau. Điều đó làm tôi tỉnh ngộ mà nói ra đây xin để chất chính với bậc đạt giả. Kính họa lại mấy vần trước để tỏ hoài bão của mình. Xin phủ chính cho.

2. *Hồng trần:* Đám bụi hồng, ý nói những nơi phồn hoa, náo nhiệt, hay tranh danh đoạt lợi.

3. *Dự Đường:* Tức Diệm Dự, Cù Đường, tên khúc sông Trường Giang tỉnh Tứ Xuyên, có nhiều thác sâu, dưới lại có đá ngầm, nước chảy xoáy rất dữ, hay làm đắm thuyền bè.

4. *Đạo tâm:* lòng trong sáng hợp với nghĩa lý là đạo tâm, đối lập với nhân tâm (lòng của người thường). Đạo tâm và nhân tâm xuất xứ ở thiên "Đại Vũ mô" trong *Kinh Thư*.

Nhân sự phù vân bạng xích dương.
Trân trọng lan ngôn [1] đồng miễn lệ,
Vãn lai thiền vị hữu đan phương.

Trích *Dật thi lược toản*

Dịch nghĩa:

Bôn tẩu trong bụi hồng, lại họp nhau ở nhà này,
Đường đời gian nan, gấp mấy đường Diệm Dự.
Học đến tính tình, cần phải định tĩnh,
Thân dính danh lợi, rất đáng lo âu.
Lòng đạo như trăng sáng soi xuống nước lạnh,
Việc đời như đám mây nổi ở gần mặt trời.
Trân trọng mấy lời cùng khuyên nhủ nhau,
Cảnh già đến, mùi thiền lại là phương thuốc hay.

Dịch thơ:

Bon chen trong đám bụi hồng,
Đường đời nguy hiểm mấy trùng thác sâu.
Tính tình, yên tĩnh là đầu,
Vào vòng danh lợi, lo âu là cần.
Lòng như đáy nước trăng ngân,
Trò đời như đám mây gần vầng dương.
Lời lan khuyên nhủ mọi đường,
Mùi thiền âu cũng là phương thuốc thần.

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

1. *Lan ngôn*: lời nói của bạn thân.

III

有分操觚履殿堂
遲遲室漏出銀塘
御筵夜徹金蓮燭
詞院晴賡白雪章
曠世遭逢蛟得雨
明庭講畫鳳鳴陽
荊山不是龍來早
要我揮毫掃八方

Phiên âm:

(Tam) [1]

Hữu phận thao cô lý điện đường,
Trì trì thất lậu xuất ngân đường.
Ngự diên dạ triệt kim liên chúc, [2]
Từ viện tình canh Bạch tuyết [3] chương.
Khoáng thế tao phùng giao đắc vũ, [4]
Minh đình giảng hoạch phượng minh dương. [5]
Kinh Sơn bất thị long lai tảo, [6]
Yếu ngã huy hào tảo bát phương.

---

1. *Nguyên dẫn:* Kính tiếp thơ của thai huynh gửi tới, bảo rằng lại được gặp gỡ như lần trước đây là việc khó, thật là điều cảm động đối với thân danh bọn ta, khúc Đan dương ở trước mặt, muôn nỗi cảm hoài, nhân đây làm thơ họa lại, mong được soi xét.

2. *Kim liên chúc:* Đuốc sen vàng. Đèn nến đúc hình sen thắp ở cung điện vua.

3. *Bạch tuyết:* Vốn là tên một khúc hát, sau dùng để chỉ loại văn thơ tuyệt tác.

4. *Giao đắc vũ:* Giao long gặp mưa. *Tam Quốc chí* chép "Chu Du dâng sớ nói: Lưu Bị không phải con người bị khuất phục mãi để cho người ta dùng, sợ rằng cũng như loài giao long, nếu gặp mây mưa thì không còn ở trong ao nữa."

5. *Phượng minh dương:* Phượng hót ở phía đông núi. Ý thơ lấy ở câu: "Phượng hoàng minh hỹ, vu bỉ triêu dương" trong *Kinh Thi*. Ý nói người hiền gặp triều vua anh minh nên được tỏ bày chính kiến một cách thẳng thắn với nhà vua.

6. Ý câu thơ nhắc tới việc vua Quang Trung mất.

Dịch nghĩa:

Có phận bút nghiên bước lên cung điện,
Tiếng giọt đồng trong nhà chầm chậm vang ra ao bạc.
Tiệc rượu vua ban thâu đêm sáng đuốc sen vàng,
Ở viện Hàn lâm, suốt ngày họa thơ Bạch tuyết.
Cuộc gặp hiếm có ở đời, như giao long gặp mưa,
Ứng đối luận bàn trong triều anh minh; như phượng hót
phía đông núi.
Rồng kia ví chẳng sớm tới núi Kinh Sơn,
Ắt cần ta vung ngòi bút quét sạch tám phương.

Dịch thơ:

Bút hoa đưa bước tới cung-đường,
Ao bạc, đồng hồ chậm chậm vang.
Suốt buổi, viện Hàn, thơ "Tuyết trắng",
Thâu đêm, rượu chúa, đuốc sen vàng.
Giao long hớn hở, mưa tao ngộ,
Ngọc điện ngân nga tiếng phượng hoàng.
Ví chẳng, non Kinh, rồng sớm lẩn,
Bút này ắt mượn quét mười phương...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

IV

親叩雲閽紫極堂
征羈歷歷駕長塘
承明宣室趨陪地
天保卷阿奏對章
柴壘風沙連日麗
香河潮汐自邰陽
年來屢作鈞韶夢
望美人兮天一方

Phiên âm:

(Tứ) [1]

Thân khấu vân hôn, tử cực đường,
Chinh cơ lịch lịch giá trường đường.
Thừa minh [2], Tuyên thất, [3] xu bồi địa,
Thiên bảo [4] Quyển a [5], tấu đối chương.
Sài lũy phong sa liên Nhật Lệ,
Hương hà triều lịch tự Thai Dương, [6]
Niên lai lũ tác, quân thiều mộng,
Vọng mỹ nhân [7] hề, thiên nhất phương.

---

1. *Nguyên dẫn:* Trong lúc cảm nghĩ, sực nhớ lại quang cảnh ngày lên đường vào Nam, tự nghĩ khi được vua triệu, lại dùng dằng không đi ngay, mà thấy trong lòng bứt rứt. Xin nói thêm bài này, mong thai huynh xem cho.

2. *Thừa minh:* Tên một ngôi nhà dựng liền cung điện nhà vua, làm nơi thường trú của các cận thần.

3. *Tuyên thất:* Tên một ngôi nhà thời Hán, làm phía trước cung Vị Ương. Sử Hán chép: Văn Đế triệu Giả Nghị vào nhà Tuyên thất để hỏi về việc quỷ thần. Câu thơ này ý nói được làm cận thần của vua Quang Trung.

4. *Thiên bảo:* Một bài thơ của thiên Tiểu nhã, *(Kinh Thi)* nói đến những lời chúc vua, câu thơ này ý nói được giữ việc văn thư, chế cáo của nhà vua.,

5. *Quyển a:* Một bài thơ của thiên Đại nhã *(Kinh Thi).* Tương truyền là bài thơ của Thiệu Khang Công làm để răn vua Thành Vương nhà Chu.

6. *Thai Dương:* Sông Thai Dương, thuộc tỉnh Thuận Hóa trước đây (Theo *Đại Nam nhất thống chí*).

7. *Mỹ nhân:* Người đẹp. Có khi chỉ người con gái đẹp; có khi chỉ vua; có khi chỉ các bậc hiền nhân quân tử. Câu thơ này dùng nguyên cả câu ở bài "Tiền Xích Bích phú" của Tô Đông Pha để tỏ ý mến tiếc vì không còn được thấy vua Quang Trung nữa.

Dịch nghĩa:

Tự tay gõ cửa cung mây, vào nơi điện tía,
Cưỡi ngựa giong ruổi mãi trên đường dài.
Nơi lui tới là nhà Thừa minh, Tuyên thất,
Chương tấu đối là thơ Thiên bảo, Quyền a.
Gió cát Lũy Thầy liền cửa Nhật Lệ;
Thủy triều sông Hương từ sông Thai Dương.
Mấy năm nay hằng mơ được nghe nhạc quân, thiều,
Nhưng ngóng trông người đẹp đã xa thẳm một
phương trời.

Dịch thơ:

Gõ cửa cung mây tới tử đài,
Chiếc roi lẽo đẽo ruổi đường dài.
Quyền a, Thiên bảo, lời tâu đối,
Tuyên thất, Thừa minh, chốn tới lui.
Gió cát Lũy Thầy liền cửa Nhật;
Nước triều sông Huế suốt sông Thai.
Quân thiều nay chỉ tìm trong mộng,
Người đẹp, xa trông một góc trời.

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

湘梅惜別

灞橋青柳帶花煙
客況悠悠路幾千
徹夜歡談頻把袂
臨岐戀盼重催鞭
征人雪鬢踰橫嶺
故國霞杯待次年
珍感文紳相踐意
屋梁今後月長圓

Phiên âm:

TƯƠNG MAI [1] TÍCH BIỆT [2]

Bá Kiều [3] thanh liễu đới hoa yên,
Khách huống du du lộ kỷ thiên.
Triệt dạ hoan đàm tần bả duệ,
Lâm kỳ luyến hễ trụng thôi tiên.
Chinh nhân tuyết mấn du Hoành Lĩnh,
Cố quốc hà bôi đãi thứ niên.
Trân cảm văn thân tương tiễn ý,
Ốc lương kim hậu nguyệt trường viên. [4]

---

1. *Nguyên dẫn:* Giờ Thân ngày 24 tháng 11, tôi khởi hành từ Bắc Thành, đến Tương Mai thì nghỉ lại. Người nhà là các ông Đại học sĩ Hiệp biện, thị chiếu cùng các vị Binh Bộ Thị lang, Đốc học, Hàn lâm cùng ngủ lại ở lữ đình để từ biệt. Sớm hôm sau chia tay nhau lên đường, tình tứ bồi hồi khôn xiết ghi thành một bài.

2. *Tương Mai:* Tên một địa điểm ở phía Nam thành Thăng Long xưa, nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. *Bá Kiều:* Tên chiếc cầu bắc qua Sông Bá ở phía đông huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây. Người xưa thường đến đây để đưa tiễn bè bạn đi xa.

4. Trong bài *Mộng Lý Bạch* của Đỗ Phủ có câu "Lạc nguyệt mãn ốc lương, do nghi chiếu nhan sắc" (Vầng trăng xế chiếu đầy xà nhà, còn ngờ rọi vào dung nhan). Sau người ta thường dùng tứ thơ ấy để nói về bạn bè thân nghĩ về nhau khi xa cách.

Dịch nghĩa:

NHỚ CẢNH TIỄN BIỆT Ở TƯƠNG MAI

Rặng liễu xanh ở Bá Kiều mang sắc hoa khói,
Cảnh người khách trên đường mấy nghìn dặm xa dằng dặc.
Suốt đêm cười nói, luôn nắm tay áo,
Trước ngả đường rẽ, nhìn lưu luyến không nỡ thúc ngựa.
Kẻ đi ra, mái tóc trắng như tuyết vượt qua Đèo Ngang,
Chén rượu ráng hồng nơi quê cũ xin chờ năm sau.
Trân trọng cảm tạ tình tiễn biệt của các bạn văn thân,
Từ nay về sau vầng trăng trên xà nhà sẽ tròn mãi mãi.

Dịch thơ:

Bá Kiều, liễu biếc khói hoa vương,
Lữ thứ miên man vạn dặm trường.
Cười nói thâu đêm, tay níu áo,
Băn khoăn rẽ lối, ngựa chùng cương.
Người đi, tóc bạc xuyên Hoành Lĩnh,
Tiệc hẹn năm chầy, lại cố hương.
Trân tạ văn thân, tình tiễn biệt,
"Xà nhà trăng rọi" mãi tròn gương...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

海洲旅宿即事

海途綿邈駐征輿
荻葦孤村數矮廬
漏送濤聲催枕簟
窗含露滴透衣裾
驛兵寢地禾根煖
館媼供廚芥葉餘
身縱不為名利役
誰堪雪夜到沙墟

Phiên âm:

HẢI CHÂU LỮ TÚC, TỨC SỰ

Hải đồ miên mạc trụ chinh dư,
Địch vĩ cô thôn, sổ ải lư.
Lậu [1] tống đào thanh thôi chẩm điếm,
Song hàm lộ trích thấu y cư.
Dịch binh tẩm địa hòa căn noãn,
Quán ổn cung trù, giới điệp dư.
Thân túng bất vi danh lợi dịch,
Thùy kham tuyết dạ đáo sa khư?

---

1. *Lậu:* Giọt nước rỉ xuống. Đời xưa chế ra cái bầu bằng đồng dùi lỗ cho nước rỉ xuống bầu nước cạn dần thì biết giờ khắc. Khí cụ xem giờ đó gọi là đồng hồ (cái bầu đồng).

Dịch nghĩa:

NGỦ TRỌ MIỀN VEN BIỂN, TỨC SỰ

Dừng chiếc xe trên đường biển xa xăm,
Trong đám lau lách, một xóm lẻ có vài nhà lúp xúp.
Giọt đồng đưa tiếng sóng đến giục giã bên gối,
Cửa sổ ngậm giọt sương, thấm cả vào vạt áo.
Lính trạm nằm đất trải rạ ấm áp,
Bà lão nhà hàng, đưa thức ăn trong bếp, có thừa rau dưa.
Nếu thân không bị danh lợi sai khiến,
Ai chịu đến gò cát trong đêm tuyết lạnh này.

Dịch thơ:

Miên man đường biển, xe dừng lại,
Xóm lẻ, ngàn lau, mấy túp nhà.
Sóng nhịp giọt đồng, bên gối giục,
Sương đầm vạt áo, mé song lòa.
Trạm phu ngủ đất, trùm rơm rạ,
Bà quán bày cơm, sẵn muối cà.
Thân chẳng vướng tròng danh lợi ấy,
Bãi soi, đêm lạnh, đến chi mà!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

丁巳元日試筆于
春京邸舍

天開閶闔仰青陽
旦旦昭回日月光
韶濩邇聆清廟樂
冠簪近襲御罏香
九街麗色還皐應
萬宇春和屬皥芒
樽酒憑窗春意足
花髯點檢歲添長

Phiên âm:

ĐINH TỴ NGUYÊN NHẬT THÍ BÚT VU XUÂN KINH ĐỂ XÁ

Thiên khai xương hạp ngưỡng thanh dương,
Đán đán chiêu hồi nhật nguyệt quang.
Thiều Hộ [1] nhĩ linh thanh miếu nhạc,
Quan trâm cận tập ngự lư hương.
Cửu nhai lệ sắc hoàn cao ứng,
Vạn vũ xuân hòa thuộc hạo mang.
Tôn tửu bằng song xuân ý túc,
Hoa nhiêm điểm kiểm tuế thiêm trường.

---

1. *Thiều, Hộ:* Nhạc Thiều, nhạc Hộ; chỉ nhạc nơi cung đình.

Dịch nghĩa:

NGÀY TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM ĐINH TỴ KHAI BÚT Ở QUÁN KHÁCH KINH ĐÔ PHÚ XUÂN

Cửa trời rộng mở, ngẩng trông cảnh xuân xinh tươi,
Ánh mặt trăng mặt trời luôn tỏa chiếu sáng soi rực rỡ.
Nhạc Thiều, nhạc Hộ nghe gần gũi trong nhà tông miếu,
Trâm mũ kề nhau quanh lư hương nhà vua.
Các phố rực rỡ vây cửa trong cửa ngoài thành,
Muôn cõi hớn hở cảnh xuân như đời cổ xưa.
Chén rượu, ngồi tựa song, ý xuân dào dạt,
Điểm lại thấy râu tóc lốm đốm bạc tuổi tác nhiều thêm.

Dịch thơ:

Đón xuân, rộng mở cửa trời,
Ánh trăng chen ánh mặt trời lung linh.
Hộ, Thiều vang vọng miếu đình,
Rộn ràng trâm mũ xúm quanh lư vàng.
Khắp thành rực rỡ phố phường,
Xuân nồng Nghiêu, Thuấn, bốn phương đượm nhuần.
Dựa song, chén ngập hứng xuân,
Cái già đâu đã hoa râm mái đầu!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

春窗記見

爛熳煙花滿禁城
空園孤館動詩聲
圖書養寂條風晚
枕簟迎涼穀雨晴
隔樹禽巢千囀近
遠邱牧笛半腔橫
展扉盡覺春光好
留與閒人賞性情

Phiên âm:

XUÂN SONG KÝ KIẾN

Lạn mạn yên hoa mãn cấm thành,
Không viên cô quán động thi thanh.
Đồ thư dưỡng tịch điều phong vãn,
Chẩm điếm nghinh lương cốc vũ tình.
Cách thụ cầm sào thiên chuyển cận,
Viễn khâu mục địch bán xoang hoành.
Triển phi tận giác xuân quang hảo,
Lưu dữ nhàn nhân thưởng tính tình.

Dịch nghĩa:

GHI LẠI NHỮNG ĐIỀU MẮT THẤY BÊN CỬA SỔ MÙA XUÂN

Khói hoa rực rỡ đầy cấm thành,
Trong quán lẻ bên vườn trống vang tiếng ngâm thơ.
Sách vở nuôi dưỡng yên tĩnh trong gió đông buổi chiều,
Gối chiếu đón gió mát khi mưa xuân đã tạnh.
Tổ chim cạnh nhà, nghìn tiếng hót nghe rất gần,
Bãi xa, tiếng sáo trẻ chăn trâu từng khúc véo von.
Mở cửa thấy cảnh mùa xuân tuyệt đẹp,
Lưu lại để cho người nhàn thưởng thức.

Dịch thơ:

Cấm thành rực rỡ khói lồng hoa,
Quán lẻ, vườn hoang, rộn tiếng thơ.
Sách vở dưỡng an, chiều lộng gió,
Gối giường hóng mát, lúc ngừng mưa.
Gò xa, sáo mục ngân trầm bổng,
Hiên cạnh, lời chim hót líu lo.
Đẩy cửa, ngắm bầu xuân tuyệt diệu,
Bút đề, ghi tặng khách nhàn du...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

答示校理舍弟
其三

桓桓鎧甲拜天閽
舟騎雄臨水草村
占斗喜傳君灶盛
望洋讎視敵帆存
結旌霜肅資群帥
渤浪塵清係此番
樞務總憑閒處置
閣臣乘月泛芳樽

Phiên âm:

ĐÁP THỊ HIỂU LÝ XÁ ĐỆ [1]
KỲ TAM

Hoàn hoàn khải giáp bái thiên hôn,
Chu kỵ hùng lâm thủy thảo thôn.
Chiếm đẩu hỷ truyền quân táo thịnh,
Vọng dương thù thị địch phàm tồn.
Kết tinh sương túc tư quần súy,
Bột lãng [2] trần thanh hệ thử phiên.
Khu vụ tổng bằng nhàn xử trí,
Các thần thừa nguyệt phiếm phương tôn.

---

1. *Nguyên dẫn:* Tiếp được ba bài thơ họa lại, lời lẽ điêu luyện có khí mạnh rất đáng khen. Hiện nay trong kinh việc quân đang khẩn cấp, tôi bỏ việc ngâm vịnh nhàn tản. Nay đem tình trạng điều binh chống địch để miêu tả sức hùng hậu của quân ta, rồi làm thành thơ theo vần cũ gửi cho em, có thể coi là sự ghi chép về việc bố phòng quân sự, cho biết thế mạnh mà yên lòng người ở xa, ngoài ra không đề cập tới nhiều việc khác.

2. *Bột lãng:* Bể Bột, tên một vùng bể ở Đông Bắc Trung Quốc, xưa hay có giặc. Trong bài "Bể Bột sạch bụi" ý nói hết giặc.

Dịch nghĩa:

TRẢ LỜI EM TRAI ĐANG GIỮ CHỨC HIỆU LÝ

Giáp mũ đường hoàng bái biệt cửa khuyết,
Thuyền ngựa oai hùng đến miền nước đầy cỏ rậm.
Ngắm sao, mừng rằng bếp đun trong quân rất nhiều,
Trông ra biển, căm giận thấy thuyền địch vẫn còn.
Cờ lệnh nghiêm như sương nhờ các tướng súy,
Bể Bột sạch hết bụi là do trận này.
Việc quân cơ xong, nhờ vào cách xử trí,
Bề tôi ở sảnh các được thưởng trăng với chén rượu thơm.

奉特委北行頒布
詔令途間紀事

焜煌丹詔出天閽
次第宣行鎮戍轅
夾道旌旄迎驛使
滿庭冠帶拜綸言
九宸日麗綱維振
八表風行命令尊
數譽回來叨特委
寵光稠疊到家門

Phiên âm:

PHỤNG ĐẶC ỦY BẮC HÀNH BAN BỐ CHIẾU LỆNH, ĐỒ GIAN KỶ SỰ [1]

Côn hoàng đan chiếu xuất thiên hôn,
Thứ đệ tuyên hành trấn thú vôn (viên).
Giáp đạo tinh mao nghinh dịch sứ,
Mãn đình quan đới bái luân ngôn.
Cửu thần nhật lệ cương duy trấn,
Bát biểu phong hành mệnh lệnh tôn.
Cận bí hồi lai thao đặc ủy,
Sủng quang trù điệp đáo gia môn.

Dịch nghĩa:

GHI VIỆC TRÊN ĐƯỜNG NHẬN MỆNH RA BẮC BAN BỐ CHIẾU LỆNH

Chiếu son rực rỡ ra đi từ cửa trời,
Lần lượt truyền tới cửa quân trấn thủ.
Cờ quạt hai bên đường nghênh tiếp sứ thần,
Mũ đai đầy sân bái nhận chiếu nhà vua.
Trên ngôi cao, mặt trời rực rỡ, giềng mối chấn hưng,
Khắp tám cõi, gió thổi truyền đi mệnh lệnh tôn quý.
Lúc triều yết trở về, nhận được ủy nhiệm đặc biệt,
Ánh sáng ân sủng trùng điệp đến tận cửa nhà.

1. *Nguyên dẫn:* Nhà vua xuống chiếu về việc thân hành ban bố chính sự, lại sai tôi làm sứ giả mang chiếu đi từ Cát Doanh ra Bắc Thành. Tôi lên đường ngày 28 tháng 9, những đồn trấn mà sứ giả đến đều có binh vệ bày hàng đón tiếp, đầy đủ nghi thức tiễn tặng, hình thức rất trọng thể, ngày 12 tháng 10, ban bố chiếu vua ở Nghệ An, ngày 19 ban chiếu ở trấn Thanh Hóa, ngày 25 ra tới Bắc Thành.

登海雲山偶作

南來曾玩隘雲圖
疊嶂岧嶢瞰海隅
今扈戎鑾踏絶巔
更憐征蓋冒危途
車塵馬跡石高下
樹影波光煙有無
覽遍秦城瞻峒外
此生端不負桑弧

Phiên âm:

ĐĂNG HẢI VÂN SƠN NGẪU TÁC [1]

Nam lai tằng ngoạn ải vân đồ;
Điệp chướng điêu nghiêu hám hải ngung (ngu).
Kim hỗ nhung loan tê tuyệt đỉnh,
Cánh liên chinh thác mạo nguy đồ.
Xa trần mã tích thạch cao hạ,
Thụ ảnh ba quang yên hữu vô.
Lãm biến Tần thành chiêm động ngoại,
Thử sinh đoan bất phụ tang hồ.

---

1. *Nguyên dẫn:* Khi đó nhà vua thân đi chinh phạt, tôi được dự vào hàng tùy tùng. Vào ngày 4 tháng 7 thì lên đường, hôm sau tới núi Hải Vân, đó là vùng giáp giới hai tỉnh Thuận, Quảng. Núi chạy dài chắn ngang, vách dựng đứng phía biển, tục gọi là đèo Hải Vân. Cuộc hành trình vất vả, phải nửa ngày mới vượt qua được. Ở Nam Hà xưa có lệ đề thơ vào bức tranh Ải Vân, gửi cho thương nhân phương Bắc để vẽ vào bát to rồi đem dùng.

Dịch nghĩa:

CHỢT LÀM THƠ KHI LÊN NÚI HẢI VÂN

Khi vào Nam từng được ngắm bức tranh Ải Vân,
Núi như bình phong trùng điệp, chót vót nhìn xuống góc biển.
Nay được hộ giá xe loan vượt lên đỉnh cao ngất,
Lại thương khăn gói đi xa xông pha trên đường nguy hiểm.
Bụi xe dấu ngựa, đá núi chỗ cao chỗ thấp,
Bóng cây ánh nước, khói mù như có như không.
Xem khắp thành trì hang động cũ,
Cuộc sống này thật không phụ chí tang bồng.

Dịch thơ:

Tranh Hải Vân, vào Nam, đã thấy,
Dòm khơi, ngất dựng bức bình phong.
Xe loan nay vượt chòm cao vút,
Khăn gói càng thương bước hãi hùng!
Dấu ngựa, bụi xe, đèo khấp khểnh,
Bóng cây, ánh nước, khói mông lung.
Thành trì, hang động lần xem khắp,
Hồ thỉ, bồng tang, đã thỏa lòng...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

茶曲凱還感作

豐沛江山忽改觀
豈知區緩屬朋奸
殷憂最是縈宸慮
克復還須重將壇
勇士同仇相撫劍
文人孤憤亦衝冠
隘雲重訪躋攀路
少效臣勞此扈鑾

Phiên âm:

TRÀ KHÚC KHẢI HOÀN CẢM TÁC [1]

Phong Bái [2] giang sơn hốt cải quan,
Khởi tri khu hoãn thuộc bằng gian.
Ân ưu tối thị oanh thần ỷ,
Khắc phục hoàn tu trọng tướng đàn.
Dũng sĩ đồng cừu tương phủ kiếm,
Văn nhân cô phẫn diệc xung quan.
Ải Vân trùng phỏng tê phan lộ,
Thiếu hiệu thần lao thử hỗ loan.

---

1. *Nguyên dẫn:* Xe vua đến hành doanh Trà Khúc trú lại. Được ít lâu hỏi thăm biết tình hình thành Quy Nhơn: Từ hạ tuần tháng sáu, quan trấn thủ là Vũ Tuấn, Hiệp trấn thượng binh là Phác ngầm theo lời dụ địch đem tướng sĩ ra hàng quân giặc. Tuần kiểm là Lương ra khỏi thành để đốc thúc lương thực, bị giặc đuổi phải chạy trốn, thành thất thủ. Việc biên giới không thể cứu vãn được. Nhà vua bèn giữ hai tướng đóng đồn ở đầu địa phận Hòa Nghĩa , rồi chấn chỉnh quân đội rút về kinh.

2. *Phong Bái:* Ấp của Hán Cao Tổ. Trong thơ chỉ Quy Nhơn là quê của Tây Sơn.

Dịch nghĩa:

CẢM TÁC LÚC KHẢI HOÀN TRỞ LẠI TRÀ KHÚC

Non sông Phong Bái bỗng dưng thay đổi,
Ai ngờ then chốt lại rơi vào tay lũ gian tà.
Mối lo to lớn thật bối rối lòng vua,
Việc khôi phục lại phải nhờ tài tướng giỏi.
Các dũng sĩ căm thù đều cùng vỗ kiếm,
Khách văn nhân uất hận cũng lửa giận ngút trời,
Nay lại hỏi đường lên núi Ải Vân,
Để góp chút công sức của kẻ làm tôi trong lần đi hộ giá này.

Dịch thơ:

Thang mộc, quê thiêng, phút đổi thay!
Trụ, rường theo giặc, dễ ai hay!
Lo phiền vướng vít quanh ngai ngự,
Thu phục mưu toan đợi tướng tài.
Dũng sĩ, vỗ gươm, hờn ngụt bốc,
Văn nhân, dựng mũ, giận dâng đầy!
Hải Vân, lại hỏi đường len lỏi,
Hộ giá gian nan một chuyến này!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

初冬寄答學士
海派契台

征鞍曾過海雲山
世路崎嶇視更難
宇宙莫非儒者事
風波惟有達人閒
香江酒興消寒候
葆館名花寄夢間
雪鬢蕭騷陪旅久
同遊頻問柳橋還

Phiên âm:

SƠ ĐÔNG KÝ ĐÁP HỌC SĨ HẢI PHÁI [1] KHẾ THAI [2]

Chinh tiên tằng quá Hải Vân sơn,
Thế lộ kỳ khu thị cánh nạn.
Vũ trụ mạc phi Nho giả sự,
Phong ba duy hữu đạt nhân nhàn.
Hương Giang tửu hứng tiêu hàn hậu,
Bảo quán [3] danh hoa ký mộng gian.
Tuyết mấn tiêu tao bồi lữ cửu,
Đồng du tần vấn liễu kiều hoàn.

1. *Hải Phái* tức Đoàn Nguyễn Tuấn.

2. *Nguyên dẫn:* Hôm nọ ở hành doanh Trà Khúc, tiếp được thư ông do người phu trạm đưa tới, mở xem ba bốn lần, mỗi khi đọc đến câu "Hải Vân cao lĩnh mộng sơ hoàn" (Mộng mới trở về đỉnh Hải Vân cao vút) lại thấy có ý gợi lòng người. Nay ở nhà trọ rảnh việc, kính họa theo vần, nhân tiện gửi đến trước, để thay việc cầm tay trò chuyện, mong ông thứ lỗi cho.

3. *Bảo quán:* Quán Bảo Châm, ngôi nhà của Phan Huy Ích ở thành Thăng Long.

Dịch nghĩa:

THÁNG MƯỜI, GỬI THƯ ĐÁP BẠN LÀ QUAN HỌC SĨ HẢI PHÁI

Yên ngựa từng qua núi Hải Vân,
Đường đời khấp khểnh, tới đó càng gian nan.
Trong vũ trụ, mọi việc nhà Nho đều coi là phận sự,
Khi sóng gió, chỉ người đạt nhân mới xem bình thường.
Hứng rượu trên Sông Hương xua tan khí lạnh,
Hoa thơm nơi quán Bảo gửi vào giấc chiêm bao.
Mái tóc bạc còn nấn ná trong cảnh quán trọ quạnh hiu,
Bạn bè luôn hỏi ngày trở về bên cầu liễu.

Dịch thơ:

Roi ngựa từng qua núi Hải Vân,
Đường đời khấp khểnh, bội gian truân!
Nhà Nho, gánh nặng trong trời đất,
Kẻ trí xem thường mọi khó khăn.
Hứng rượu Sông Hương, xua giá lạnh,
Mùi hoa quán Bảo, những mơ màng!
Tóc sương nấn ná phương trời mãi,
Cầu liễu, anh em luống luận bàn!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

述臣分

扶顛排難愧非才
藩邸驚逢御輦來
戎政何能分贊畫
文詞安用趁趨陪
兩朝渥眷難圖報
二部繁樞玷總裁
前席更多酬奉夜
金蓮幾度燭光回

Phiên âm:

THUẬT THẦN PHẬN [1]

Phù điên bài nạn quý phi tài,
Phiên để kinh phùng ngự liễn lai.
Nhung chính hà năng phân tán hoạch,
Văn từ an dụng sấn xu bồi.

---

1. *Nguyên dẫn:* Ngày 4 tháng 5, kinh thành Phú Xuân thất thủ, xe vua chạy ra Bắc, qua đồn Đồng Hới, quân giặc đuổi theo gấp. Nhà vua cùng hoàng đệ là Thái Tể công, Nguyên Súy công, Đốc Trấn công mang khinh kỵ vượt qua sông Linh Giang. Lúc đó chỉ có quan tư đồ Tứ Quận công cùng Đốc Trấn công đi theo hộ giá, vượt gấp sang bờ Bắc, đến trạm Xuân Kiều, rồi sai phu trạm luân chuyển đưa đi, đến trấn Thanh Hoa lúc đó mới thông báo rõ tình trạng đi đường cho mọi người được biết.

Ngày 9 tin đến Bắc Thành, Tiết Chế công lập tức đốc quan quân vào Thanh Hoa nghênh tiếp xa giá. Ngày 18 xa giá đến Bắc Thành, nhà vua dùng công phủ làm hành điện, sớm hôm sau, khi thiết triều, ngay giữa sân rồng nhà vua sai tôi cùng Hộ Bộ Thượng thư Xuyên Thanh hầu coi việc Bộ Hình. Sau đó tôi được nhà vua gọi hỏi, sớm tối phụng hầu tả hữu, nên việc giấy tờ tòa án xét không xuể. Trên còn sai tôi kiêm coi việc Bộ Lễ, thật là đứng trước việc nghĩa khó thể từ nan, tôi cố gắng hoàn thành. Trong khi đó làm được hai bài thơ để tỏ cảm hoài.

Lưỡng triều [1] ốc quyến nan viên báo,
Nhị bộ phồn xu điếm tổng tài.
Tiền tịch [2] cánh đa thù phụng dạ,
Kim liên kỷ độ chúc quang hồi. [3]

Dịch nghĩa:

NGHĨ VỀ PHẬN SỰ BẦY TÔI

Tự thẹn rằng không tài "phù nguy trừ nạn",
Chốn phiên trấn kinh sợ khi xe nhà vua tới.
Nơi quân cơ sao có thể giúp rập tính toán,
Việc văn hàn còn dùng gì khi lui tới phụng hầu.
Tình quyến luyến hai triều chan chứa, khó bề báo đáp,
Gánh vác công việc bề bộn ở hai bộ có lẽ không xứng đáng.
Dịch chiếu lên phía trước, nhiều đêm được thù phụng nhà vua,
Ánh đuốc sen vàng mấy độ chiếu về.

---

1. *Lưỡng triều:* Hai triều; chỉ triều vua Quang Trung và Quang Toản.

2. *Tiền tịch:* Đẩy chiếu lên phía trước. *Giả Nghị truyện* chép: "Nhà vua vì muốn hiểu chuyện quỷ thần nên hỏi về nguồn gốc. Giả Nghị nhân đó nói về nguyên nhân sinh ra. Đến nửa đêm Văn Đế dịch chiếu lên phía trước lắng nghe... "Về sau người ta mượn điển này để nói về bầy tôi được vua dùng đến.

3. *Kim liên chúc:* Đuốc sen vàng; đuốc của Thiên tử dùng. Tô Thức người thời Tống một đêm được vời vào cung hỏi việc, xong việc nhà vua cho dùng đuốc sen vàng đưa về.

仲冬奉扈駕南
征永宮軍次偶述

昔年禾義扈戎輿
唐突私憂且奏書
今日乂安陪御蹕
蕭騷吹冷到官居
前鋒甲馬方乘銳
橫岸城濠未抵虛
羈思逡巡公事少
海南時盼故鄉閭

Phiên âm:

TRỌNG ĐÔNG PHỤNG HỖ GIÁ NAM CHINH, VĨNH DOANH [1] QUÂN THỨ, NGẪU THUẬT [2]

Tích niên Hòa Nghĩa hỗ nhung dư,
Đường đột tư ưu thả tấu thư. [3]
Kim nhật Nghệ An bồi ngự tất,
Tiêu tao suy lãnh đáo quan cư. [4]

---

1. *Vĩnh Doanh:* Nay là Vinh, Nghệ An.

2. *Nguyên dẫn*: Giữa mùa thu, nhà vua sai Tiết Chế công đốc thúc các đạo binh mã đi trước đến Nghệ An sắp đặt công việc. Bấy giờ chiếu chỉ mới báo đích thân nhà vua sẽ đi Nam chinh. Vào ngày 19 tháng 11 xa giá nhà vua khởi hành từ Bắc Thành, tôi phụng mệnh đi trước để làm lễ cáo yết thần núi sông. Ngày 29 xa giá đến Nghệ An, nhà vua sai quan quân tiến trước đến Linh Giang xem thế trận lập đồn ở ngoài Lũy Thầy, để thừa cơ vây đánh, đợi quân quay về báo xa giá sẽ tiến tiếp. Nhà vua lúc đó vẫn lưu lại ở hành dinh Vĩnh Doanh. Còn tôi mấy tuần quanh quẩn ở đó, không dự bàn việc quân cơ, nhưng cũng không dám xin phép về quê quán, chỉ ôm lồng ấp sưởi lạnh, buồn vẩn vơ mà ghi lại nỗi lòng.

3. Phan Huy Ích muốn nhắc tới việc trước đây khi rút quân về Quảng Nam, ông cùng với một số quan văn dâng biểu xin vua Cảnh Thịnh lưu lại để tiện việc đốc sức binh sĩ giữ vững kinh đô. Nhưng lúc đó không được nhà vua chấp nhận.

4. *Quan cư:* Nơi tạm trú của các quan thời phong kiến.

Tiền phong giáp mã phương thừa nhuệ,
Hoành ngạn thành câu vị để hư.
Cơ tứ thoan tuần, công sự thiểu,
Hải Nam thời phán cố hương lư.

Dịch nghĩa:

THÁNG 11 PHỤNG MỆNH HỘ GIÁ NHÀ VUA CHINH PHẠT PHƯƠNG NAM, LÀM THƠ KHI DỪNG QUÂN Ở VĨNH DOANH

Năm trước đi hộ vệ xe binh ở Hòa Nghĩa,
Đường đột đem nỗi lo riêng tâu lên nhà vua.
Hôm nay tới Nghệ An lại được phụng hầu xa giá,
Ngọn gió lạnh hiu quạnh thổi đến chốn quan cư.
Binh mã đội tiên phong đang hăng hái tiến lên,
Thành trì ngang bờ sông không để trống trải.
Tấm lòng lữ thứ lần lữa, việc công ít,
Nơi biển Nam thường trông về quê cũ.

清河軍次作

海角風沙晚臘寒
郵亭鋒霧巧迎鑾
翼林帶雪爭誰進
柴壘朧雲欲踏殘
王愾急須圖報復
臣勞寧敢計艱難
洚濤獵障交晨夕
翹佇戎機報早完

Phiên âm:

THANH HÀ QUÂN THỨ TÁC [1]

Hải giác phong sa vãn lạp hàn,
Bưu đình vi dịch sảo nghinh loan.
Dực Lâm [2] đới tuyết tranh thùy tiến,
Sài lũy chiêm vân dục đạp tàn.
Vương khái cấp tu đồ báo phục,
Thần lao ninh cảm kế gian nan.
Giáng đào lĩnh chướng giao thần tịch,
Kiều trữ nhung cơ báo táo hoàn.

Dịch nghĩa:

LÀM THƠ KHI DỪNG QUÂN Ở THANH HÀ

Gió thổi cát bay góc biển, cuối tháng chạp lạnh lùng,
Màn trướng bưu trạm kịp đón xe loan.
Quân Dực Lâm đội tuyết tranh nhau tiến trước,
Ở Lũy Thầy ngắm mây, muốn đạp nát kẻ thù.
Nhà vua nổi giận gấp mưu đồ báo phục,
Bày tôi vất vả há dám tính chuyện gian nan.
Sóng nước triều, lam chướng núi thay đổi sớm hôm,
Kiễng chân ngóng việc quân báo về sớm hoàn thành.

---

1. *Nguyên dẫn:* Ngày 12 tháng 12, xa giá nhà vua từ Vĩnh Doanh xuất phát, mấy ngày liền mưa lạnh, vệ sĩ có kẻ bị chết rét, đến trạm chợ Voi trú lại một ngày rồi chuyển đến hành dinh ở Doanh Cầu, trú lại 3 ngày. Ngày 22, tiến đến Xuân Kiều rồi lập tức vượt Sông Gianh, đặt màn trướng ngự ở trạm Thanh Hà, tướng sĩ thị vệ dựng trại trên bờ cát. Lúc đó đội quân tiên phong đến báo, xa giá sẽ tiến gấp tới sát lũy.

2. *Dực Lâm:* Tác giả chú là tên quân đội.

壬戌元日戎場夜宿紀事

太簇噓回煖律新
海山一帶起戎塵
翠花飭駕將衝陣
火砲馳聲豈報春
感激轅前攜槧客
凄涼壘外荷戈人
兵機利鈍關今夜
秉燭邀來驛報頻

Phiên âm:

NHÂM TUẤT NGUYÊN NHẬT, NHUNG TRƯỜNG DẠ TÚC KỶ SỰ [1]

Thái thốc [2] khư hồi noãn luật tân,
Hải sơn nhất đới khởi nhung trần.
Thúy hoa [3] sức giá tương xung trận,
Hỏa pháo trì thanh khởi báo xuân?
Cảm kích viên tiền huề tạm khách,
Thê lương lũy ngoại hạ qua nhân.
Binh cơ lợi độn quan kim dạ,
Bỉnh chúc yêu lai dịch báo tần.

1. *Nguyên dẫn:* Ngày mùng một nhà vua từ Thanh Hà tiến ra, buổi trưa tới đồn Doanh Ngói, rồi tiến đến đồn Doanh Lỗi cách Lũy Thầy vài dặm. Tôi phụng mệnh ngoài cửa đồn cùng binh sĩ lấy lá thông dựng lên làm chỗ ngủ. Đến đêm quân tiên phong phân bố bên ngoài lũy lén vào nhổ chông áp sát lũy giặc. Giặc trong lũy, bắn súng to, súng nhỏ ra suốt đêm không ngớt, quân ta bị thương vong nhiều, tôi buồn phiền không ngủ được, đợi nghe tin từ nhà trạm tâu về, nhân đó ngâm thơ để ghi nỗi lòng.

2. *Thái thốc:* Một trong 12 ống luật nói *(Kinh Lễ)*, mỗi ống luật tương ứng với một tháng, Thái thốc thuộc về tháng giêng.

3. *Thúy hoa:* Loại cờ của Thiên tử, dùng lông chim trả trang trí.

Dịch nghĩa:

GHI LẠI VIỆC ĐÊM MÙNG MỘT ĐẦU NĂM NHÂM TUẤT (1802) NẰM Ở MẶT TRẬN

Luật Thái thốc thổi tới, đem hơi ấm trở về,
Suốt một dải từ núi đến biển nổi bụi binh đao.
Xe vua cắm cờ thúy hoa toan xông ra trận,
Tiếng súng nổ vang đâu phải báo tin xuân?
Cảm kích với người mang thư trước cửa quân,
Lạnh lùng thay kẻ cầm giáo ngoài chiến lũy.
Việc quân thắng bại quan hệ trong đêm nay,
Cầm đuốc đón, tin từ mặt trận luôn báo về.

Dịch thơ:

Sáo thần Thái thốc tuôn hơi ấm,
Biển núi, binh đao một dải tràn!
Xe ngự, cờ dăng, đòi xuất trận,
Bác đồng, tiếng dội há vì xuân?
Cửa viên, xót kẻ thư đưa đón,
Ngoài lũy, thương người giáo lạnh căm!
Thắng bại, đêm này đêm quyết định,
Đuốc chờ tin tức, mỏi tay cầm!

Ngô linh ngọc *dịch*

春季還山家偶得

浮生功利夢初闌
賦命都從造化關
遍涉危途添白髮
歸尋舊徑著黃冠
身經地老天荒後
思在山奇水秀間
塵瘴久為猿鶴誚
今吾長考碩人槃

Phiên âm:

XUÂN QUÝ HOÀN SƠN GIA NGẪU ĐẮC

Phù sinh công lợi mộng sơ lan,
Phú mệnh đô tùng tạo hóa quan.
Biến thiệp nguy đồ thiêm bạch phát,
Quy tầm cựu kính trước hoàng quan. [1]
Thân kinh địa lão thiên hoang hậu,
Tứ tại sơn kỳ thủy tú gian.
Trần chướng cửu vi viên hạc tiếu,
Kim ngô trường khảo thạc nhân bàn. [2]

---

1. *Hoàng quan:* Mũ vàng; mũ của đạo sĩ.

2. *Thơ Khảo bàn: Kinh Thi* ca ngợi người hiền biết lánh mình nơi rừng núi để sống cuộc đời tự do.

Dịch nghĩa:

CUỐI XUÂN TRỞ VỀ NHÀ TRONG NÚI, NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

Giấc mộng công danh trong cuộc đời vừa tàn,
Xét mệnh phú cho đều do tạo hóa.
Vượt qua mọi đường nguy hiểm, mái đầu thêm bạc,
Về tìm vườn cũ, sẽ đội chiếc mũ vàng.
Thân đã trải qua cơn trời rung đất chuyển,
Tấm lòng lại để vào chốn nước biếc non xanh,
Vì chướng lụy trên đời, đã bị vượn hạc cười lâu rồi,
Từ nay ta cứ bắt chước người hiền xưa mà thôi.

村居漫述

山雲長護舊門關
逸步辰臨竹石閒
最愛鬢彫隨杖屨
久驚身世束衣冠
消憂淨几高眠後
得興空庭獨酌間
棲止但娛煙景好
不妨微酥奉杯槃

Phiên âm:

THÔN CƯ MẠN THUẬT

Sơn vân trường hộ cựu môn lan,
Dật bộ thì lâm trúc thạch quan.
Tối ái thiều bàng tùy trượng lũ,
Cửu kinh thân thế thúc y quan.
Tiêu ưu tĩnh kỷ cao miên hậu,
Đắc hứng không đình độc chước gian.
Thê chỉ đãn ngu yên cảnh hảo,
Bất phương vi quyết [1] phụng bôi bàn.

Dịch nghĩa:

THUẬT LẠI CẢNH Ở THÔN QUÊ

Mây núi phủ quanh lan can cửa cũ,
Khi thong thả dạo bước tới bên cửa trúc với đá.
Đáng yêu là bầy trẻ theo chân người chống gậy đi dép,
Từ lâu đã kinh sợ cảnh thân mình bó buộc vì áo mũ.
Giải phiền nằm khểnh trên ghế ngủ yên,
Lúc hứng lên giữa sân vắng một mình rót rượu.
Nương náu chỉ vì vui cảnh khói mây đẹp đẽ,
Không ngại gì trên mâm rượu toàn rau vi rau quyết.

Dịch thơ:

Mông lung mây núi phủ lan can,
Cửa trúc đòi phen dạo bước chân.
Yêu lũ trẻ thơ theo dép, gậy,
Ghê hoài thân thế nợ đai cân!
Giải phiền, lưng ngả, kềnh trên ghế,
Cao hứng, mình riêng rượu giữa sân!
Cảnh đẹp luyến người, nương náu mãi,
Sá gì vi, quyết, cỗ đầy mâm!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

---

1. *Vi, quyết:* Rau vi, rau quyết. Ý nói cảnh sinh hoạt thanh bạch, nghèo nàn.

新演征婦吟曲成
偶作

仁睦先生征婦吟
高情逸調播詞林
近來膾炙相傳頌
多有推敲為演音
韻律曷窮文脈粹
篇章須向樂聲尋
閒中翻譯成新曲
自信推明作者心

Phiên âm:

TÂN DIỄN *CHINH PHỤ NGÂM* KHÚC THÀNH NGẪU THUẬT

Nhân Mục tiên sinh [1] *Chinh phụ ngâm,*
Cao tình dật điệu bá từ lâm.
Cận lai khoái chá tương truyền tụng,
Đa hữu thôi sao [2] vị diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tầm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,
Tự tín suy minh tác giả tâm.

1. *Nhân Mục tiên sinh:* Tức Đặng Trần Côn người làng Mọc (tên chữ là làng Nhân Mục), huyện Từ Liêm, (nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội).
2. *Thôi sao:* Ý nói chọn chữ, chọn lời trong văn chương.

Dịch nghĩa:

BÀI THƠ LÀM KHI MỚI DỊCH XONG KHÚC CHINH PHỤ NGÂM

Khúc *Chinh phụ ngâm* của Nhân Mục tiên sinh,
Tình cao điệu thoát, vang khắp rừng từ chương.
Gần đây mọi người thích thú, truyền nhau đọc,
Nhiều nhà thơ cố công thôi xao, diễn ra quốc âm.
Nhưng vần luật làm sao nói được chỗ tinh túy của nguồn văn,
Nên theo từng thiên từng chương để tìm tòi nhạc điệu.
Trong khi nhàn rỗi tôi phiên dịch thành khúc mới,
Tự tin rằng đã diễn tả được điều tâm đắc của tác giả.

•

Dịch thơ:

Khúc Chinh phụ của ông Nhân Mục,
Điệu tài tình tiếng nức làng văn,
Say mê truyền tụng xa gần,
Bao người gọt giũa lo phần diễn âm.
Song văn mạch luật vần chưa thoát,
Chương, đoạn, nên dựa nhạc tìm tòi;
Lúc nhàn, khúc mới dịch chơi,
Tin mình tỏ hết lòng người soạn ra...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

迎駕表

奏上言茲仰見
駿命鼎纔.鴻圖歐英.協蒼穹之眷佑.開紫
府之明輝.率土宅心.敷天仰德.達無黨無偏
之標準.被化四方.禱所照所至之尊親.仰高
南極.望后來面不應.顯帝出向同歡.諱今奐
迎駕者.伏以聖聰曾作.五百年開清遐之期.
神器有歸.億萬衆仰梓精之象.雲高極陛.日
照葵心.臣等禱惟皇天作之君師.啓大寔闢
於顯數.元后曾惟父母.望慈尤切於恒心.蓋
尊君親上乃自天降衷.而建邦設都必與衆
同欲.同赫部豐二邑.慰樂開鍾鼓之人心.洪
堂堂闕洛兩京.從喜見威儀之衆望.於皇我
越.誕受多方.自雄至豁三下年.定鼎峰都.據
上游.蓋惟順輻轅來歸之地.自李訖黎四.五.
代.建都龍肚.湳中土.亦欲通梯帆朝貢之途.
山河既壯於帝居.廬井期安於民止.念臣等.
會逢井鮒.運值屯班.濃山乾紐陽徵.允曠
見端麟秉珪之盛事.汗水兌宮星暗.遂激成
吊瑩復矢之屬階.基留弛業於彗華.殳矩妨
功於黃草.雲霓在望.萬家咸傒湯征.日月無

伝.四海順瞻光運.定一元符嘉會.令三誕啓
貞姿.伏遇
聖天子陛下道冠九重.才高千古.神武日
人.牛德.亨西山收厚固之版章.英雄特地建
功.行南國卓鎮承之模烈.誓定舒徐方.山立
懐孫恢郭於海函.取殘救此一方民.爰載量
九川非富.從欲解斯三面網.發育心兆庶皆
胞.桃虫飛鳥蒸容多.瞰鳳沼龜字信溥.毀墉
樹藩垣於轂趾.赤子知豈弟之風.漢桐宮堡
障於虎翰.濡池沐旬宣之化.宗獻闕而門方
遍德.聖澤覃而百姓遂仁.愉閭永息虎嘯.任
席鴻飛之音堵.黍畝協符魚夢.管絃狼戾之
三農.長春闕朗早逢辰.永泉謳明誠戴日.龍
城地逵.遙盼太清齊美之均韶.象闕天高.淵
觀藩阪光華之袞冕.至止翹深於玉樂.式明
盼切於金根.伏願
聖天子陛下.洞照微衷.弘恢睿晌.邁德順
帝命.即北城為宅中圖大之基.作邦克對天
心.以南京奠固本深源之址.統緒遙光古始
疑忱式慰今茲.傘瀘宏闊高深.天府壯虎據
龍蟠之勝.翌軫昭回燦爛.皇圖綿鑑扶黎奠
之昌.臣等無任瞻天仰聖.不勝激切顒望之
至.謹奉表奏以聞.

BIỂU ĐÓN XA GIÁ NHÀ VUA

Chúng thần xin kính dâng lời. Nay kính thấy:
Mệnh trời đoái trông, nghiệp vua bền vững.
Được ông xanh rủ lòng quyến cố, cho cung tía thêm vẻ huy hoàng.
Cả nước giữ vững lòng thành, khắp trời trông chờ đức sáng.
Theo vương đạo không hề thiên lệch, đức đã đằm thấm bốn phương.
Nên dân chúng một dạ tôn thân, lòng đều ngóng trông sao cực.
Mong đợi vua ta [1] để mà hưởng ứng,
Được thấy nhà thánh ai chẳng hân hoan.
Vậy kính xin dâng lời tâu như sau:
Bậc thánh ứng thời mà nổi dậy, năm trăm năm mới gặp hội thăng bình. [2]
Ngôi thần [3] là trời đã dành riêng, ức triệu người đương mong ngày sáng sủa.
Làm mây cao che bệ ngọc, bóng dương soi tới lòng quỳ. [4]
Chúng thần trộm nghĩ:
Trời vì dân đặt vua, đặt thầy, việc lớn vốn là số mệnh.
Dân coi vua là cha, là mẹ, lòng thường ai nấy ngóng trông.
Vì lòng tôn vua, lòng thân người trưởng thượng là tự trời giáng sinh.
Nên việc dựng nước, việc chọn đất kinh đô, cần được dân đồng ý.
Nhà Chu đóng ở ấp Phong, ấp Cảo, [5] dân được nghe chuông trống mà yên vui;

---

1. *Mong đợi vua ta: Kinh Thư* chép truyện Thành Thang đánh Hạ Kiệt có đoạn: "... đánh bên Đông thì bên Tây oán, đánh bên Nam thì bên Bắc oán. Họ bảo nhau rằng: Đợi vua ta đến, vua ta đến thì ta được sống lại".

2. *Mạnh Tử:* "Cứ năm trăm năm lại có một bậc thánh nhân ra đời". Do đó người ta hay dùng chữ "năm trăm năm" để nói việc thánh nhân ra đời, thiên hạ thăng bình.

3. *Ngôi thần:* Chỉ ngôi vua.

4. Lòng hướng về nhà vua.

5. *Ấp Phong, ấp Cảo:* Phong là nơi đô ấp của Chu Văn Vương, Cảo là đô ấp của Chu Vũ Vương.

Nhà Hán đóng ở đất Lạc, đất Quan, [1] dân được thấy uy nghi mà mừng rỡ.
Nói về đất Việt ta, cũng có nhiều miền đi lại: Từ vua Lạc đến vua Hùng [2] ba nghìn năm đóng ở Phong Châu, miền thượng du ở nơi bốn phương quy tụ giao thông tiện lợi;
Từ thời Lý đến thời Lê bốn năm triều đại, đóng ở Long Đỗ [3] nơi giữa nước sẵn có đường thủy, đường bộ, triều tiến dễ dàng.
Nơi vua đóng dựa vào sông núi oai hùng,
Khu dân ở cũng mở phố phường rộng rãi.
Chúng thần nay: phải kỳ bĩ kiến, gặp vận truân chuyên.
Núi Nùng vắng bóng dương soi, đâu còn cảnh hoa hốt áo xiêm lộng lẫy.
Sông Nhị rợp làn mây phủ, đã thành nơi cung tên tang tóc thảm thê.
Học hành bỏ bễ, còn đâu có tinh hoa,
Cày cấy thiếu người, khắp nơi đều là cỏ ấy.
Muôn nhà mong Thành Thang đến, như đại hạn được trông thấy đám mây;
Bốn bể mừng Quang Vũ [4] lên, chắc bóng dương không chiếu riêng một chỗ.
Cuộc thống nhất đã hợp kỳ thịnh hội,
Việc phụng tam [5] lại được bậc chân nhân.
Nay thánh thiên tử bệ hạ:
Đạo đức trên chín tầng cao, tài năng hơn nghìn đời trước.
Bậc thần vũ được trời trao mệnh lớn, từ Tây Sơn nổi dậy đã dần dần mở bờ cõi mông mênh;
Người anh hùng nhân dịp lập công to; để Nam Quốc sau này được mãi mãi noi quy mô oanh liệt.

---

1. *Đất Lạc, đất Quan:* Tiếng gọi tắt Lạc Dương và Quan Trung. Quan Trung là kinh đô nhà Tần, Hán Cao Tổ cũng đóng đô ở đây, nhưng gọi là Trường An, là một phần đất Quan Trung, nay thuộc Thiểm Tây. Từ Quang Vũ thì đóng đô ở Lạc Dương, nay thuộc Hà Nam.

2. Nguyên văn viết: "Từ vua Hùng đến vua Lạc" có thể là người chép viết lầm.

3. *Long Đỗ:* Thành Thăng Long.

4. *Mừng Quang Vũ lên:* Nguyên văn chữ Hán viết "Quang vận" có thể hiểu là triều đại Quang Trung.

5. *Việc phụng tam: Kinh Lễ*: "Tử Hạ hỏi thế nào là phụng thủ tam vô (ba điều không). Khổng Tử nói: "Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời mặt trăng không chiếu riêng". Ý nói coi tất cả mọi người mọi nơi như nhau.

Việc bình định đã vững vàng như núi đứng,
Tình giao lân lại rộng rãi tựa bể khơi.
Trừ kẻ ác, cứu lấy một miền, dù bốn bể chín châu cũng đều sẵn lòng che chở.
Mở lòng nhân cởi ba mặt lưới, [1] dù ức triệu dân chúng cũng đều coi tựa anh em.
Bao dung cả đến giống sâu, giống chim;
Được tin như thể loài rùa, loài phượng. [2]
Chức bình phiên phong cho các công tử, để dân chúng đều được hưởng yên vui;
Việc biên cương giao cho các võ thần, dù đất nghịch cũng phải theo thanh giáo.
Công việc mở mang, bốn phương mến đức.
Ân trạch đầm thấm, trăm họ thỏa lòng.
Ngoài quan ải giặc giã dẹp yên, dân xiêu tán đã về nơi chăn chiếu [3].
Trên đồng ruộng mùa màng tươi tốt, người nông dân đều vang tiếng đàn ca.
Hớn hở mừng được êm ái như mùa xuân;
Luôn luôn mong được sáng sủa như ngày hạ.
Những nghĩ Long thành cách trở, nào được nghe nhạc quân thiều tuyệt diệu ở chốn Thái thanh; [4]
Trông về cửa khuyết cao xa, chỉ mộng thấy vẻ xiêm áo huy hoàng nơi Bồ Bản [5].
Dạ khắc khoải chỉ trông chờ cương ngọc;
Lòng thiết tha mong được thấy xe vàng.

---

1. *Cởi ba mặt lưới: Sử ký* chép: "Thành Thang ra đồng, thấy có kẻ đi săn, chăng lưới bốn mặt... Ông nói: Thế thì giết hết mất, rồi cởi ba mặt lưới ra và khấn: "Con nào thích tả thì sang tả, con nào thích hữu thì sang hữu, con nào không nghe lời thì sẽ vào lưới này". Mọi người đều cho là người nhân đức và theo về ông.

2. *Loài rùa, loài phượng:* Rùa là vật dùng để bói, tin như loài rùa là ý nói được người ta tin thực sự. *Loài phượng:* chưa rõ loài phượng được người ta tin thế nào.

3. *Về nơi chăn chiếu:* Nhà Tần đàn áp nhân dân rất tàn ngược, Hán Cao Tổ diệt nhà Tần, được người ta khen là đã cởi cho dân đang bị treo ngược, mà đặt vào nơi chăn chiếu. Do đó, người ta dùng chữ "chăn chiếu cho dân" để nói việc cứu dân thoát vòng áp bức.

4. *Chốn Thái thanh:* Chỉ trên trời, vì người ta cho trên trời là nơi thanh tĩnh nhất.

5. *Bồ Bản:* Tên kinh đô vua Thuấn, trong bài chỉ kinh đô của vua Quang Trung bấy giờ.

Vậy cúi mong thánh thiên tử bệ hạ:
Xét thấy lòng trung, mở rộng lượng thánh,
Thuận nghe mệnh thượng đế, lấy Bắc Thành làm nơi đồ đại trạch trung. [1]
Thể theo lòng nhà trời, coi Nam Kinh là nơi thâm căn cố bản, [2]
Để nối dõi công việc đời trước,
Để yên lòng dân chúng ngày nay.
Có núi sông Lô, Tản cao sâu, triều đình sẽ thêm vẻ oai hùng như hổ chầu rồng uốn.
Để cùng trời Dực, Chẩn [3] xán lạn, cơ nghiệp sẽ thêm bề bền vững như ngao đội rùa ôm. [4]
Chúng thần rất lấy làm mong mỏi, xin kính tâu để trên xét.

Trích *Dụ Am văn tập,* quyển II
Đỗ Ngọc Toại *dịch*

---

1. *Đồ đại trạch trung:* Đóng ở nơi trung tâm để mưu đồ việc lớn.

2. *Thâm căn cố bản:* Ý nói nơi căn cứ căn bản.

3. *Dực, Chẩn:* Tên hai ngôi sao: sao Dực và sao Chẩn, chỉ về cương giới thiên văn của nước ta.

4. *Ngao đội, rùa ôm:* Ngày xưa cho rùa là một vật thiêng, sống lâu, tiêu biểu cho sự vững chắc. Sách *Liệt tử* chép: Ở miền đông bể Bột Hải có năm quả núi là nơi tiên ở, cứ lềnh bềnh trên mặt nước. Trời sợ nó trôi mất, bèn sai mười lăm con ngao đội cho năm quả núi ấy đứng vững. Do đó, người ta hay dùng chữ ngao đội để chỉ sự vững chắc.

壬子中冬皇考武皇帝衰禮
御率諸皇弟公主列位

奠祭文

嗚呼.煙迷蓬島.仙御難攀.霧袪楓庭.宸遊
永閟.戀慕深而彷彿羹墻.悲感重而徘徊難
厥.惟
聖武誕膺景命.馬上功成創造.宇宙開午
日之昌期.仰昊穹遄賜純厤.蓋斯慶裕晉昌.
宮庭衍天潢之秀氣.屬難仰奉眷憐.儀則僅
加訓示.齊治時瞻懿範.啓迪而完養兼功.繼
承仰賴淵謨.封殖厚而蚤膺震器.价藩分建
於虎韓.仁庭流光于麟趾.宸陛怡愉有慶.方
期寶月照瓊觴.化機伎倆難諶.忽悵金風寒
玉几.騎龍莫挽於鼎湖.詒燕永懷於豐水.瞻
奉宛舊時弓劍.淒涼晨夕.慨非陵贍之承歡.
持守遺一統山河.慄惕淵冰.恐乏構堂之紹
聖天子陛下.洞照微衷.弘恢睿咱.邇德順天
帝命.即北城為宅中圖大之基.作邦克對天
心.以南京奠固本深源之址.統緒遠光古始.
疑忱式慰今茲.傘瀘宏闊高深.天府壯虎據
龍蟠之勝.翌軫昭回燦爛.皇圖綿鼇扶繫奠
之昌.臣等無任瞻天仰聖.不勝激切顒望之
至.謹奉表奏以聞.

VĂN TẾ ĐIỆN [1] LÀM VÀO THÁNG NĂM NHÂM TÝ (1792) ĐỂ NHÀ VUA CÙNG CÁC VỊ HOÀNG ĐẾ, CÁC CÔNG CHÚA TẾ ĐỨC HOÀNG KHẢO VŨ HOÀNG ĐẾ [2]

Than ôi!
Đảo Bồng [3] khói tỏa, xe tiên khôn nỗi vin theo.
Sân phong [4] móc sa, nhà thánh về nơi yên nghỉ.
Lòng nhớ mong thường phảng phất chốn canh tường, [5]
Nỗi đau xót chỉ ngậm ngùi nơi phủ ỷ. [6]
Nhớ xưa:
Đức Thần Vũ vâng mệnh lớn, trên mình ngựa dầy công,
Khai sáng, đem cả non xanh nước biếc về cõi thái bình.
Ơn nhà trời giáng phúc lành, đàn trung tư [7] đương độ đông vui, mừng thấy lá ngọc cành vàng đầy bầu vượng khí.
Sinh thành bao đức cù lao;
Dạy bảo mọi đường lễ nghĩa.
Thủa nhỏ đã gia công rèn cặp, nhà dưỡng mông [8] từng học đạo tu tề; [9]
Đường xa càng để ý lo toan, nơi cung Chấn [10] sớm dựng ngôi thừa kế.
Người hiền tài được vào chốn hổ vi; [11]
Cảnh êm ấm khác nào thơ Lân chỉ. [12]

---

1. *Tế điện:* Trong đám tang xưa có nhiều tuần tế. Chưa chôn gọi là tế "điện", chôn rồi gọi là tế "ngu".

2. *Hoàng khảo Vũ Hoàng Đế:* Hoàng khảo là cha vua, Vũ Hoàng Đế là miếu hiệu vua Quang Trung.

3. *Đảo Bồng:* Tức đảo Bồng Lai nơi tiên ở. Trong bài ý nói người chết về cõi tiên.

4. *Sân phong:* Chỉ sân nhà vua.

5. *Canh tường:* Chuyện xưa kể: sau khi vua Nghiêu chết, vua Thuấn thương nhớ, ngồi như thấy vua Nghiêu ở tường, ăn như thấy bóng trong bát canh. Do đó người ta dùng chữ canh, tường để nói tình nhớ mong người đã khuất.

6. *Phủ ỷ:* Bình phong che chỗ vua ngồi.

7. *Đàn trung tư:* Trung tư là con châu chấu. Thiên *Chu nam,* trong *Kinh Thi* có bài *Trung tư,* nói con cái của Văn Vương đông vui như đàn châu chấu.

8. *Nhà dưỡng mông:* Nhà dạy trẻ con học.

9. *Đạo tu tề:* Đạo tu thân tề gia.

10. *Cung Chấn:* Cung của thái tử ở.

11. *Hổ vi:* Nơi quan võ đóng

12. *Thơ Lân chỉ* trong *Kinh Thi* ca ngợi con cháu Văn Vương nhiều người tài giỏi.

Những tưởng bệ son thanh thả, vầng trăng trong chiếu
mãi chén quỳnh tương. [1]
Nào ngờ con tạo khắt khe, cơn gió lạnh bỗng tràn nơi ngọc kỷ.
Người cưỡi rồng đã xa chốn Đỉnh Hồ; [2]
Việc che chở càng nhớ câu Phong thủy. [3]
Ngoảnh lại bao năm cung kiếm, bỗng lạnh lùng hôm sớm, chỗ ăn
nằm đã khác hẳn xưa;
Lo thay một mối non sông, dù nơm nớp vực băng, việc đường cấu [4]
vẫn e không xuể.
May oai xưa còn vững, vẻ búa cờ vẫn được huy hoàng;
Đem di chỉ [5] nối theo, lời châu ngọc dường như mới mẻ.
Ngắm hoa cỏ Chiêu Lăng [6] năm trước, bâng khuâng thêm cảm
cảnh đình vi [7];
Trông tùng thu [8] Ấp Bái [9] dặm ngàn, man mác những đau lòng
mây bể.
Khói hương nghi ngút biết bao cùng,
Tơ tóc đền bồi chưa chút kể!
Xe liễu [10] sáng mai sớm cất, xót xa chỉ biết kêu trời;
Khay chén một chút kính dâng, xin tạm gọi là đủ lễ.
Ô hô! Đau đớn thay!
Kính cẩn tấu cáo.

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển VII

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

---

1. *Chén quỳnh tương:* Chén rượu tiên.
2. Chỉ việc vua Quang Trung mất.
3. *Câu Phong thủy:* Thơ "Văn Vương hữu thanh" trong *Kinh Thi* có câu: "Phong thủy hữu kỷ, Vũ Vương khởi bất sĩ? Di quyết tôn mưu, dĩ yến dực tử". Nghĩa là: Sông Phong có cây cỏ kỷ, đâu phải là Vũ Vương không làm gì? Ông vẫn tìm cách lo toan cho cháu và che chở để phòng cho con.
4. *Việc đường cấu:* Đường là đắp nền, cấu là dựng nhà. *Kinh Thư* có câu: "Cha đã có quy mô làm nhà thì con phải đắp nền dựng nhà". Do đó người ta dùng chữ "đường cấu" để nói việc nối chí của cha.
5. *Di chỉ:* Tờ chiếu chỉ của vua trước để lại trước khi mất.
6. *Chiêu Lăng:* Tên lăng của Đường Thái Tông, trong văn hay dùng để chỉ chung lăng tẩm các vua.
7. *Đình vi:* Chỉ nơi cha mẹ ở.
8. *Tùng thu:* Hai giống cây ngày xưa hay trồng bên mộ, sau dùng hai chữ ấy để tượng trưng cho ngôi mộ.
9. *Ấp Bái:* Nguyên là quê Hán Cao Tổ, sau hay dùng để chỉ quê vua nói chung.
10. *Xe liễu:* Xe chở quan tài.

竹林大真圓覺聲字

聲以警動群聽.覺迷肇而澄慧悟.使是道
宗聲于穹壤之間.蓋義理精縕.著諸言話.猶
之造化祕藏.發為雷風.聲之意象大矣哉.夫
道之大原出於天.流行於宇宙.散見於事物.
同體異用.一本萬殊.其途轍若相岐.而統宗
會元.到精切極至處.總不越這箇道理.釋氏
之教.雖曰空寂虛渺.大要歸除障累.了悟真
知.專以明心見性為務.求之吾儒誠意致知
之學.無甚違戾.聞之吾夫子曰.西方有大聖
人.元未嘗鄙斥梵端為異也.世之學者.膠於
粗跡.日與梵家相矛盾.俾緇衲別成門戶.而
吾道周流磅礴之外.復有釋教分庭.是徒拘
闇事為之末.非能研究旨趣之歸.堯乙曉曉.
一鴻莫辨.意見既狹.積習亦深且久.我眷兄
侍中大學士希尹公.博聞卓識.迥出倫輩.涉
種愈深.而造詣愈粹.三教九流.百家諸子.靡
不搜剔得來.宜其襟宇宏暢.足以擇斥萬事.
融徹三玄.所著二十四聲.盡將梵語幽幻之
處.分截段落.湊會條緒.節次豁開精縕.公之
梨棗.以示禪林.自竹林三祖而後.宗風寥然.
五百年前.慧覺之旨.有新聲而始克發揮.竹
林之徒.宗公為第四宗.非泰也.公之新聲.吾
徒見之.必有旁生議論.昌黎道理從佛中來.
象山主靜流入於禪.似此常套語公.豈足以
知公耶.盡性而窮理.畢禪以入儒.使梵王八
部.不出素王宮牆.斯聲也.寔扶道之元旨.殆
非茫昧不可執著之比.此可與知道者言之.
我與公形神相契.深得其所以作聲之意.轍為
敢弁數言于其端.請以質之明道君子.是為
序.

TỰA QUYỂN TRÚC LÂM ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC [1]

Thanh âm là để khích động thính giác của quần chúng, làm cho kẻ mê muội được thức tỉnh, người tuệ ngộ được trong sáng, khiến cho "Đạo kia" [2] luôn vang động trong khoảng trời đất. Có lẽ những điều tinh uẩn của nghĩa lý được tỏ rõ ở lời nói, không khác gì những cái bí tàng của tạo hóa phát ra thành sấm gió. Vậy, cái ý và cái tượng của thanh âm lớn lao thay!

Xét ra nguồn gốc đạo phát ra tự trời, lưu hành khắp vũ trụ, phân tán thành vạn vật cái thể thì đồng, nhưng cái dụng thì khác [3], gốc là một mà phân biệt ra muôn vàn, đường đi dường như chia ngả, nhưng thống hội lại đến chỗ cực kỳ tinh vi thiết yếu, thì chẳng có gì vượt ra ngoài cái đạo lý ấy.

Giáo lý của Thích Ca tuy nói là không tịch, hư vô [4], nhưng điều cốt yếu chỉ là trừ bỏ chướng lụy, hiểu thấu chân như [5], sao cho "minh tâm, kiến tính" [6], những điều đó so với học thuyết "thành ý, trí tri" [7] của nhà Nho ta, không sai trái nhau lắm.

Nhớ rằng Phu Tử ta [8] cũng có nói "Phương Tây có bậc đại thánh nhân". Thế thì Người vốn chưa hề chê bai đạo Phật là dị đoan.

Học giả ở đời hay câu chấp vào bề ngoài một cách nông cạn, hằng ngày đả kích đạo Phật, làm cho những người nâu sồng đứng

---

1. *Viên giác* là một trong *Lục kinh* của Phật giáo Đại Thừa. *Trúc Lâm đại chân viên giác* là quyển sách Ngô Thì Nhậm viết về Phật học, nguyên tên là *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*, không rõ vì sao tác giả bài này lại gọi như trên.

2. *Đạo kia:* Ý nói đạo vốn là một, Nho hay Phật cũng vẫn là đạo ấy cả.

3. *Nhà Nho thường cho mọi sự vật có hai phần là thể và dụng. Thể là nội dung của sự vật; dụng là công dụng của nó.*

4. Phật giáo quan niệm hết thảy mọi hiện tượng đều là tướng, không có thật.

5. *Chân như:* Từ nhà Phật, chân là thực có; như là có mãi, không bao giờ mất, không bao giờ thay đổi.

6. *Minh tâm kiến tính:* Từ nhà Phật, ý nói giữ gìn được tâm tính cho trong sáng.

7. *Thành ý, trí tri:* Hai trong tám điều nói ở sách *Đại học* của Nho gia. Thành ý: Giữ ý chí thành thực. Trí tri: Hiểu biết cho nhiều, cho sâu sự vật.

8. *Phu Tử ta:* Chỉ Khổng Tử.

thành một môn hộ riêng, tạo ra bên ngoài cái trạng thái chu lưu bàng bạc của đạo ta, lại có đạo Phật đứng riêng, thế là chỉ gò vào những điều ngành ngọn, mà không biết nghiên cứu xem nó sẽ đi tới đâu. Rốt cục kẻ bảo le, người bảo vịt, cãi vã nhao nhao, mà không nhận ra chim hồng [1]! Ý kiến đã hẹp hòi, lại tích tụ thành tập quán lâu dài sâu sắc!

Quyến huynh [2] tôi, ông Hy Doãn, quan Thị trung đại học sĩ là người học thức cao rộng, hơn hẳn các bạn khác, ông lịch thiệp sâu sắc, đi đến chỗ tinh túy, tam giáo cửu lưu, bách gia chư tử [3], không điều gì là không nghiền ngẫm đến nơi đến chốn. Cho nên lòng dạ bao la, điều khiển được muôn vật, thấu suốt được tam huyền [4].

Bộ sách "Hai mươi bốn thanh âm" của ông trước tác, thực đã đem hết những chỗ u ẩn của nhà Phật, chia ra ngọn ngành, thu tóm mối manh, mở toang những gì là tinh vi uẩn ảo, rồi đem ban hành trên bản in để truyền bá trong rừng Thiền.

Sau Trúc Lâm tam tổ [5] thì phong khí nhà Thiền vắng lặng. Cái ý chí tuệ giác năm trăm năm về trước nhờ tân thanh mới lại phát huy. Vì thế mà môn đồ Trúc Lâm tôn ông làm "Đệ tứ tông" [6], điều đó không có gì là quá đáng.

Thuyết tân thanh của ông, bọn nhà Nho ta nghe thấy, tất có những chuyện bàn tán chung quanh, cho rằng: Đạo lý của Xương Lê [7] cũng từ thuyết nhà Phật mà ra, hay: Tượng Sơn [8] chủ tĩnh tất sẽ đi

---

1. Chuyện xưa chép: Một con chim hồng bay trên cao, khi qua nước Sở thì người Sở bảo vịt trời, khi qua nước Việt thì người Việt bảo là le, nhưng thực ra thì đó là chim hồng. Do đó người ta dùng chữ "kẻ nói le, người nói vịt" để chế giễu những người xem xét sự vật không kỹ lưỡng.

2. *Quyến huynh:* Anh vợ.

3. *Tam giáo* là Nho, Phật, Lão. *Cửu lưu:* Sách *Hán thư, mục Nghệ văn chí* chia các học phái thời Chiến Quốc làm 9 như Nho, Đạo, Âm dương, Pháp, Danh, Mặc... *Bách gia chư tử:* Chỉ chung các học giả kể từ thời Tiên Tần.

4. *Tam huyền:* Chỉ ba bộ sách: *Chu dịch, Đạo đức kinh, Thái huyền.*

5. Thời Trần, ở nước ta đạo Phật thịnh thành, các nhà sư có tôn ba người tu đạo giỏi, gọi là Trúc Lâm tam tổ: Điều ngự giác hoàng tức Trần Nhân Tông, Pháp Loa thiền sư và Huyền Quang thiền sư.

6. *Đệ tứ tông:* Theo phép đặc hiệu thì tổ rồi đến tông. Ba người trên đã được tôn là tổ, nên Ngô Thì Nhậm là thứ tư được tôn là tông.

7. *Xương Lê:* Tên hiệu của Hàn Dũ, một học giả thời Đường.

8. *Tượng Sơn:* Tên hiệu của Lục Cửu Uyên, một nhà Nho thời Tống, học thuyết của ông lấy chữ Tĩnh làm chủ chốt.

theo đạo Thiền. Dựa vào những câu sáo ấy không thể nào hiểu ông được. Bộ sách này thấu triệt được tính trời, suy cùng được đạo lý, đưa đạo Thiền nhập vào đạo Nho, khiến cho tám bộ Phạn vương không ra ngoài cung tường Tố vương [1]. Thế thì thuyết tân thanh này là ý chí đầu tiên để phù trì cho chính đạo, không giống như những thuyết lờ mờ làm cho người xem không nắm được điều gì. Điều này chỉ có thể nói với những người hiểu đạo thôi. Tôi với ông hợp nhau cả hình lẫn thần và hiểu sâu cái ý làm ra thanh này của ông, nên mới nêu mấy lời lên đầu sách. Xin chờ các bậc quân tử hiểu đạo chỉ bảo thêm cho. Nay làm bài tựa.

Trích *Dụ Am văn tập* quyển V

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

1. *Tố vương:* Ông vua không ngôi, không quyền. Đó là tên nhà Nho đời sau đặt ra để gọi Khổng Tử.

丙辰秋葆真觀記

覺形天之躬.幾孟崖路臼世穿寧止.寢軒.角.亭紹展釣.覺存使為肅心伏而之
知為斷身厭者時乖中炊應未春.報於北八月.弃.余垂適.性能.重揚余龍性名
此心斷心彌存少而焉.又以理.開地爰西壁風芳翠.而欣正未吾觀.聽降德命
具使至人砥所余足.幸凶.唯道年內冗.東禺受以著流興材.其是真義.於尊觀
稟若甚古能中也.慰不降內.與今因公階山以雜迭僻觸不勉影.葆之區哉.設之.
之之.欲.耶.鮮寸絜顧三之五之矣.尋甚土座面.庭交茶.壇材有.衿曰生區者吾記
粹養物生世.方敗分之岵悴身非務.無依板四滿岸.品吟於國乎命爲豈盡臨腠
精存於吾於諸而途.蘇陟憔心之機暇.軒設其陰.蕪而於處.其憤成.家道.冀神捷
得惜濱厚騖求玉華大既變.已.年曾之南鋪處成塘檻客自保無亭道于僥形華
稍愛昏之驍高.金履有艱.事而六刑參亭.旁.上.葉柳倚墨而想.而夏謂進以養兕
間.可利.化之爭云.早蓋家吾戾十解朝方四其花人.亭.延默.非鬼.中指求汞.而呼
載目.勢造士辯者放.議.歷支無四獲城為之詠樹.驥斯局.養想矩也.或而鉛理懷.
覆耳於負訓.才柑心招周間求知命.在沼亭標巨風寢飲靜於於宅者傷.採義言
於明折辜明以賣而角造.此情.吾之塵架次.畫仙香議於守悟戀安之警鼎會暇
人聽屈非有然如駁棱屯戚.物來.華使後.水圖鳳蓬.桓兒意.了不底見所繼間.乘
吾情.而摯炳詍殆.學物.逢遭徇得皇撤之臨施栽素盤琴得而心真間.有運學歟.
神役.真.學.詍希.浪.忤偶之味串有更堂並各前浮夕濱有神斯養楣既虎.道意

BÀI KÝ QUÁN BẢO CHÂN [1]
(Làm mùa thu năm Bính Thìn 1796)

Người ta sinh ra trong khoảng trời đất, được tạo hóa phú cho chút ít tinh túy, có tinh thần tri giác, có tai mắt thông minh, thì nên quý trọng mà bảo tồn nuôi dưỡng lấy nó. Nếu cứ để cái tâm làm tôi cái hình, vì lợi ở đời mà chịu khuất, vì vật dục mà mờ tối, thậm chí hủy bỏ cả chân tính trời phú, há chẳng là phụ công tạo hóa đã ưu đãi với mình ư ? Người xưa, về lối học chính tâm tu thân, đã có lời dạy rõ ràng. Nhưng kẻ sĩ rong ruổi trên đời, ít người biết mài giũa lấy thân mình, cứ hớn hở đem tài cán ra để ganh đua, mà xét đến đáy lòng thì phần tốt không còn được mấy, khác gì như lời người hàng cam: "Ngoài là vàng ngọc mà trong thì mục nát cả" [2].

Tôi từ thuở nhỏ lông bông, học thì bác tạp mà tâm thì phóng túng, sớm bước vào con đường vinh hoa, cho là nguyện vọng đã thỏa mãn, thế rồi chênh vênh để người ghét, cứng cỏi chuốc lời gièm, hầu như có cả ba điều bất hạnh của Đại Tô [3]. Đến nửa đường gặp lúc vận hội gian truân, cảnh nhà trắc trở: Đã nạn trắc Hỗ [4] xót xa, lại việc suy cữu [5] đau đớn. Trong lúc đó phải chống đỡ với các biến cố, thực là héo ruột nát gan, nên chỉ biết chiều đời theo thói sao cho khỏi sai trái mà thôi. Đến nay tôi mới biết được cái sai của bốn mươi sáu năm trước.

Đầu xuân năm nay, có mệnh vua sai đi sứ, được miễn công việc ở Bộ Hình. Sau lại có tin Trung Quốc báo sang hoãn việc đi sứ, thế là được ở lại Thành. Ngoài những buổi vào triều, không có việc gì bận

---

1. *Quán Bảo Chân:* Nơi bảo toàn lấy chân tính trời phú cho.

2. Lưu Cơ thời Minh có bài "Lời nói của người hàng cam", đại ý: Thấy những quả cam ngoài đẹp như vàng ngọc, ông mua để ăn thì ra bên trong đã nát, ông trách thì người bán hàng nói: "Ở đời, bao nhiêu kẻ tai to mặt lớn, ngoài trông như vàng ngọc mà trong thì thối nát cả, không phải chỉ quả cam của tôi".

3. *Ba điều bất hạnh của Đại Tô:* Đại Tô là Tô Thức, tức Tô Đông Pha. Theo các sách chép thì đây lời Trình Y Xuyên không phải của Tô Thức. Y Xuyên nói: "Người ta có ba cái không may: Ít tuổi mà thi đỗ cao, nhờ thế lực của cha anh mà làm quan to, học giỏi văn hay". Ý nói ba điều đó dễ làm cho người ta không chính tâm tu thân được.

4. *Trắc Hỗ. Kinh Thi:* "Trèo lên núi Hỗ để ngóng trông cha". Trong văn thơ, người ta hay dùng chữ "trắc Hỗ" để nói việc cha chết.

5. *Suy cữu:* Chỉ việc chết vợ.

lắm, mới cắm khu đất ở sau nhà thờ, bắc gióng trên ao làm một ngôi nhà vuông, hiên phía Nam thì dựa vào nền đất, còn ba phía Đông, Tây, Bắc đều cắm trên nước. Bốn bên của ngôi nhà đều lát ván làm chỗ ngồi chơi. Tường nhà chia làm tám cạnh, cạnh nào cũng có treo tranh và đề thơ ở trên. Bốn mặt đều bỏ trống, để đón trăng gió. Trước đình trồng một cây phượng tiên lớn, hoa lá thành bóng mát, đầy sân trồng các thứ cỏ thơm; dưới ao thả sen trắng, mỗi khi gió thổi, mùi hương ngào ngạt tới người. Bờ ao trồng liễu, trồng chuối, lá cây chen nhau xanh biếc. Hằng ngày, tôi vẫn sớm tối quanh quẩn chơi nghỉ trong ngôi đình này, khi tựa lan can thưởng trà, lúc cúi nhìn dòng nước câu cá, mở ngón đàn trong cuộc rượu, mời nhà văn tới ngâm thơ, tùy từng lúc mà hứng thú, cảm thấy có bề đắc ý, giữ gìn được tính tĩnh mặc, tự đặt mình trong khoảng tài và bất tài, giữ đúng tính tình, bảo tồn tinh thần, để thấu suốt được lẽ tưởng mà phi tưởng [1]. Cái đã có thì giữ lấy, cái chưa có thì cố thêm, khiến cho lòng mình không vượt ra ngoài khuôn mẫu, không hổ thẹn với bóng với chăn [2]. Vậy thì ngôi nhà này là ngôi nhà để nuôi dưỡng thiên chân cho được an toàn vậy.

Tháng năm, ngôi nhà làm xong, tôi đặt tên cho nó là "Quán Bảo Chân", để biển treo trước cửa. Những kẻ trông thấy, có người bảo đấy là ý nghĩa dưỡng sinh của Đạo giáo. Than ôi! Vì lòng tôi đã cảnh tỉnh, nên mong tiến lên theo đạo thánh hiền, chứ có phải chăm chăm vào việc sai rồng khiến hổ, đốt lò nấu thuốc trường sinh để mong làm kẻ xuẩn thọ đâu? [3]. Cái bản ý làm nhà, đặt tên như thế chỉ là mong tôn trọng đức tính, mở mang học vấn, lĩnh hội nghĩa lý, nuôi dưỡng tinh thần, hình thể mà thôi. Nhân lúc nhàn rỗi bày tỏ nỗi lòng rồi sai đàn con lấy giấy bút chép lại.

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển V

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

---

1. *Tưởng mà phi tưởng:* Lời Phật học, nguyên là "Phi tưởng, phi phi tưởng", ý nói người đã tu đến mức cao, những vật dục hình như hãy còn nhưng không phải là thực còn, hình như đã hết nhưng cũng không thực hết.

2. *Thẹn với bóng, với chăn:* Ý nói lúc ở một mình không nghĩ sằng làm bậy.

3. Cổ ngữ có câu: "Kẻ ngu hay gặp phúc, kẻ xuẩn hay được thọ".

戊午夏西崇福寺洪鍾記

西方山在石室阮舍之塵村．孤．崗挺秀．佳
氣葱鬱．古稱岣嶁丹砂．即此也．山巔靜剎．素
號禪林勝蹟．前黎永佑間．命中使發豁營緒
院宇．雕繪法像工制極寵麗．法音鏗然在閒．
迨世運遷革．景界俱寂．銅鐘歸于烏有．梵臺
亦漸頹地．蓋物數之盛晚．闢乎天地之運會
歟．余於戊申冬潛經其地．徘徊訪古．曾有松
陰把叢之想．今遣值盛時．佛教顯行．邑中菩
信．相與募貨鳩工．修葺遺寺．並具洪銅二百
斤．鑄造新鍾．鯨響復振．適余告倡而還．乘興
登臨．村耆咸來請文以誌功果．余稍遇悟釋
氏持身之學．又樂吾人好德之彝．迺援筆略
述端緒．續繫以銘．

岣嶁崔嵬　　逝水縈迴
一簇招提　　宇宙以來
道寓於器　　本無窮已
人之善端　　源源方始

BÀI KÝ VỀ QUẢ CHUÔNG Ở CHÙA SÙNG PHÚC [1] NÚI TÂY PHƯƠNG LÀM VÀO MÙA HẠ NĂM MẬU NGỌ (1798)

Núi Tây Phương ở thôn Triền, làng Nguyễn Xá, huyện Thạch Thất là một ngọn núi đứng chon von, cao chót vót, cây cối sầm uất. Ngày xưa, người ta nói "đan sa [2] ở núi Câu Lâu" tức là ở đây. Trên đỉnh núi có một ngôi chùa tĩnh mịch, vốn nổi tiếng là nơi thắng cảnh

1. *Chùa Sùng-Phúc:* Bây giờ quen gọi là chùa Tây Phương.
2. *Đan sa:* Một thứ đá đỏ, còn gọi là "chu sa", là vị thuốc Đông y.

của rừng thiền. Trong niên hiệu Vĩnh Hựu thời Lê (1735 – 1740), vua sai quan trung sứ [1] trích tiền kho ra, xây dựng các viện vũ, vẽ khắc các tượng Phật, quy mô rất là tráng lệ, tiếng chuông vang khắp nơi. Đến khi vận đời đổi thay, cảnh tượng im lặng thì chuông biến đâu mất mà ngôi chùa cũng đổ nát dần. Có lẽ số mệnh của các vật có lúc thịnh, lúc suy, quan hệ với vận hội trời đất chăng?

Mùa đông năm Mậu Thân (1788), tôi qua vùng này, viếng cổ tích mà trong lòng bồi hồi, nảy ý mong được lên đấy nâng chén dưới bóng thông. Nay gặp hồi thịnh trị, Phật giáo lại được công nhiên thờ cúng. Thiện nam, tín nữ trong làng, cùng nhau khuyến giáo, khởi công sửa ngôi chùa và kiếm được hai trăm cân đồng đúc quả chuông mới, tiếng kình [2] lại vang lên. Vừa lúc ấy tôi được phép nghỉ về Sơn Tây, nhân cao hứng đến thăm, các kỳ mục trong xóm cũng ra xin một bài văn để ghi công quả. Tôi cũng hiểu đôi chút lối học tu trì của nhà Phật, lại thấy mọi người có lòng hiếu thiện mà mừng, mới cầm bút ghi qua mấy nét lớn và nối thêm bài minh như sau:

Núi Câu Lâu chon von,
Một ngôi chùa chót vót.
Đạo ngụ trong muôn vật,
Lòng thiện của con người.
Sông Tích Thủy [3] vòng tròn,
Muôn thuở vẫn hãy còn.
Vô cùng như trời đất,
Cũng từ đấy phát xuất.

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển V

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

---

1. *Quan trung sứ:* Sứ giả của nhà vua.

2. *Tiếng kình:* Tiếng chuông. Chày đánh chuông người ta hay làm hình cá kình, do đó trong văn thơ hay dùng chữ "tiếng kình" để nói tiếng chuông kêu vang xa.

3. *Tích Thủy:* Tên một con sông nhỏ chạy vòng quanh chân núi Câu Lâu, bây giờ vẫn gọi là Sông Tích.

壬申夏福川禪鍾碑記

吾邑古名吁麻鄉.陳朝弟七帝裕宗母家也.黎后侍明宗而生帝.長秋榮養.戚畹流芳.后父陳壽眉位上柱國掌尚書省.二弟聯登膴仕.門楣之慶.赫耀分閭.紹豐八年.營建本鄉崇真寺.鑄造洪鐘高可三尺.銅約二千筋.法音鏗鈞然.里話云.中古遭亂.其鍾為碩悍輩搬挈而東.銅離寺遂失音.挈取者載回海陽邑.投之池畔.以架橋.尋有本鄉學生.偶遊其地.見鍾而扣之.金響復振.土人聞之.咸詫異.再交還本寺.事屬茫遂無徵.而風樓滿響.稔著靈蹟.傳為禪林實器.迨黎季兵變.盡括寓內銅器供用.此鍾併歸烏有.其鍾銘抄錄.俱銷歎無存.家家三十年中.世局滄桑.佛教亦漸堙晦.百八遺音寂然朝暮.臨古刹暇.而訪遺文者.徒然撫叢興懷.今歲鄉政稍暇.員色與善信等.將蒙謀募工起鑄.適安樂辦之兩館洲.事力洄幣轉鴻伊寺舊鍾.爰即之.貨購來.懸之禪院.以備通玄覺俗焉.當聞時道形於器.而器之生消廢學.則關乎數與未吾舊鍾鑄於陳紹豐戊子.銷於黎昭統丁存更歷朝代.閱四百四十年.宇宙間豈有永不減之器.有形必壞.迺其理然也.新買鍾.是黎正和辛巳所鑄.百十年前之物.換諸理數.

尚可留數百載後.事非足以語久耶.抑時運之通塞靡常.相為倚伏.其物類有而無無而有.殆亦二氣之翕闢盈虛也歟.謹案吾鄉文雅之俗.薰染有素.從前儒書雙馥.科第聯標.先正官員父潘某諡公.以學行起家.義方垂式.長公發大科.登朝.仲叔季諸公.以次鄉薦孫行亦繼登泮.楊家伯仲.並以中場出仕.仲氏子繼領鄉書.諸家遊藝場.肄庠學者先後接武廬中書香.舄奕.不忝稱為福星.近逢多故.士氣稍弛.頃來更加策勵.俊艾者各勉進修.山玉淵珠.光彩以時發露.會見科途再闢.地巖重亨.聚笏鳴珂.可指日以俟.因敘撐鍾始末.併錄鄉之文脈.具勒貞珉.以詔來裔.是為記.

VĂN BIA GHI VỀ QUẢ CHUÔNG CHÙA PHÚC XUYÊN, LÀM VÀO MÙA HẠ NĂM NHÂM THÂN (1812)

Làng ta xưa tên là làng Hu Ma, là quê bà mẹ vua Dụ Tông, vua thứ bảy thời Trần. Bà hầu vua Minh Tông mà sinh ra Dụ Tông, được vinh dưỡng ở cung Trường Thu [1], để tiếng ở nơi Thích uyển [2]. Phụ thân bà là Trần Thọ My, làm quan đến Thượng trụ quốc, coi tòa Thượng thư, *hai em bà cũng đều làm quan to,* cửa nhà rạng rỡ, lừng lẫy ở quê hương. Năm thứ 8 niên hiệu Thiệu Phong (1348), bà dựng ngôi chùa Sùng Chân [3], đúc quả chuông lớn, cao tới ba thước, dùng độ hai nghìn cân đồng, tiếng kêu sang sảng khắp nơi.

Người làng kể lại rằng: "Xưa kia gặp loạn, quả chuông này bị kẻ cường đạo mang về Đông. Chuông đi khỏi chùa, thành ra mất tiếng,

1. *Cung Trường Thu:* Tên riêng một cung đời Hán, chỉ chung nơi ở của hoàng hậu.

2. *Nơi Thích uyển:* Chỉ chung tên làng quê của vợ vua hoặc mẹ vua.

3. *Dựng chùa Sùng Chân:* Tên chùa không khớp với đầu bài, trên nói tên chùa là Phúc Xuyên, ở đây đột nhiên lại gọi tên chùa là Sùng Chân, rất khó hiểu. Có thể trước tên chùa là Sùng Chân, sau đổi là Phúc Xuyên mà tác giả sơ ý không nói đến chăng?

kẻ lấy chuông bèn mang về Hải Dương, bỏ xuống bờ ao để bắc cầu. Sau có một người học trò làng này qua chơi đấy, thấy chuông thử gõ thì tiếng lại kêu sang sảng, người ở đấy lấy làm lạ, lại giao trả cho chùa này". Việc này hoang đường, không lấy gì làm chắc, nhưng tiếng bồ lao [1] trên lầu gió vốn nổi tiếng là thiêng liêng, vẫn được truyền tụng là vật quý trong rừng thiền. Đến cuối thời Lê gặp hồi binh hỏa, đồ đồng trong nước đều bị trưng thu, quả chuông cũng không giữ được. Cái bài minh khắc của chuông cũng không còn bản sao lục nào cả. Dằng dặc trong khoảng ba mươi năm cuộc đời dâu bể, Phật giáo cũng mờ tối dần. Những hồi chuông một trăm tám tiếng [2] khi xưa, thì nay sớm tối cũng im bặt. Kẻ đến viếng dấu cổ, tìm văn xưa chỉ ngắm cảnh thở dài mà thôi.

Năm nay, công việc trong làng đã hơi rồi rãi, các vị quan viên, chức sắc cùng các thiện nam, tín nữ bàn nhau khuyến giáo để đúc chuông mới. Vừa gặp lúc làng Lương Quán huyện An Lạc vì dân sự tiêu điều, định đem chuông cũ ra bán. Người làng ta mới góp tiền mua về, treo trong chùa chính, để có vật cảm thông đạo huyền, thức tỉnh dân chúng.

Người xưa nói "Đạo phải nhờ vào khí cụ mới biểu hiện ra được". Nhưng khí cụ lại có từng hồi nảy nở hay tiêu tán, bỏ đi hay dùng lại quan hệ vào thời và số. Chuông cũ làng ta đúc năm Mậu Tý niên hiệu Thiệu Phong thời Trần (1348) và tiêu tán năm Đinh Mùi niên hiệu Chiêu Thống thời Lê (1787), thế là đã qua bốn trăm bốn mươi năm. Trong vũ trụ có vật nào còn mãi mà không diệt? Cái gì có hình thì phải có khi nát, đó là lẽ tất nhiên. Quả chuông mới mua đúc từ năm Tân Tỵ niên hiệu Chính Hòa thời Lê (1701), là vật đã trải qua một trăm mười năm. Đem lý số mà tính thì còn có thể được vài trăm năm nữa, thế chẳng đáng gọi là lâu dài ru? Vả lại thời vận thông hay tắc là vô thường, nó dựa lẫn nhau. Các vật đang có hóa không, đang không hóa có, có lẽ cũng là những biểu hiện thu vào, dãn ra, đầy lên, hao đi của hai khí âm dương đó chăng.

Xét thấy tục văn nhã của làng ta vốn hun đúc đã lâu, việc học

1. *Tiếng bồ lao:* Tức tiếng chuông, vì núm quả chuông thường đúc hình con bồ lao.

2. *Một trăm tám tiếng:* Nhà Phật cho rằng người ta có 36 điều phiền não. Mỗi phiền não lại có quá khứ, hiện tại, tương lai, thành 108 điều nên lệ của các chùa cứ sáng tối đánh chuông mỗi lần ba hồi, mỗi hồi ba mươi sáu tiếng thành một trăm tám tiếng để giải mọi điều phiền não.

hành rất thịnh, người thi đỗ nối tiếp nhau. Vị tiên chính, cụ cố họ Phan, lấy học hạnh mà gây dựng nghiệp nhà, lấy nghĩa phương mà dạy bảo con cháu. Ông con trưởng đỗ Đại khoa, làm quan tại triều; các ông thứ hai, thứ ba, thứ tư nối tiếp nhau đỗ Cử nhân, các cháu cũng kế tiếp nhau đỗ Tú tài. Anh em họ Dương cũng đều thi đỗ, làm quan, con ông thứ hai cũng đỗ Cử nhân. Còn các họ khác, những người học đến trường huyện, trường tỉnh, trước sau nối tiếp nhau cũng nhiều. Trong làng việc học liên tục, hết đời nọ đến đời kia, thực đáng gọi là một làng thịnh vượng. Gần đây, gặp nhiều biến cố, sĩ khí có phần sút kém, nhưng nay lại gia công mài giũa, những người anh tuấn đều cố gắng tiến tu. Hạt trai dưới vực, hòn ngọc trên non, lại đến thời kỳ rực rỡ. Chắc sẽ thấy đường khoa cử lại mở mang, bóng tổ tiên lại ấm áp, những chuyện trâm hốt xếp đầy giường [1], nhạc ngựa rung khắp xóm [2], có thể tính từng ngày mà đợi được.

Nhân ghi về quả chuông nhà chùa, liền nói thêm về văn mạch trong làng, cùng khắc vào bia, để bảo cho con cháu đời sau đều biết. Nay làm bài ký.

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển V

Đỗ Ngọc Toại *dịch*

吳家文派序

文之成家為難.世家濟美.流派衍長.尤文
章之杰品.世之驍騖藝林.操觚以繹辭者.國
不乏人.而靈心奇骨.遣然罕傳.自非氣沮金
玉.響諸韶護詞華情抒.發之於文.則不足以
幕名家.纘有之.或偶而莫和.或絕而莫續.即
亦未見其盛.必推儒書之宗.前作後述淵源

1. Thời Đường một nhà nọ có nhiều con, rể, cháu, đều làm quan to, mỗi khi có việc con cháu về đông, trâm hốt xếp lại đầy giường.

2. Trương Gia Trinh làm tể tướng thời Đường, em cũng làm tướng võ. Cứ sáng sáng quan khách đến chơi, xe ngựa cờ quạt dây cả lối đi. Người ta gọi nhà này là xóm rung nhạc. Ý nói nơi có nhiều xe ngựa đến.

之遠.克潤而播引之.酒見名家正派.古人稱大家者唐曰韓柳.宋曰歐曾王麗辭逸格.超軼古今而往往有寡和無徒之嘆.唯眉山蘇民.豪邁繼出.老泉以雋拔先驅.坡潁二子齊鑣並駕.卓然以文名天下.其諸孫過海之詩.斜川之集.又皆藝英鵬茂.故中州之言世文者.必推蘇家.我國李陳以來.素稱文獻.詞壇主盟.前後指不勝屈.至語文家世傳.蓋誠曠見.我吾家文光衍奕.殆其南越之蘇黻.粵自雪齊公以高才碩學.策名當世.肇開文章輿雯.昌前裕後.塞為名家文祖.迨我先岳午峰公.鍾奇毓秀.曾意象於垙堤.搜精華于載轄.豪爽雄偉之風慨.淵雅宏博之典型歷歷見諸著作.浩瀚若溟渤.光輝如星日.筆下神奇.冠絕古今.士夫論文.咸仰之為雄霸.德林印券.復得希尹公.繼述而昌明之.艷思汪涵緻聘愈出愈佳而揮斥百氏.驅策九流.博達之蘊.卓為士林標幟.三世詞宗.聲華焜耀.蓋越甸書香庭所未有也.況夫常尊交輝.桂枝競秀.如仲氏之醇粹.如諸昆之英發.一門源派.總未可釁.文廢之盛.不其駕蘇家而直上耶.藉思之.本深者末茂.塞大者聲宏.以百年之世德.而發為奕葉之人文.精蘊溢乎篇章.本領歸於道理.大家氣格.燁燁然雙芳紹徽.文派之稱.慨同人而非私也.全集六十餘卷.迴來流播宇內.人事傳誦.今諸昆季.擬將付之剞劂.徵序於余.余老矣衰懶之餘.久荒筆墨.曷足以鋪揚題閥問念五十年前迴承尊訓.領略文家矩範.中間遭歷事變.與脊兄公應世濡毫草瀾.形神相托.而今桑海推移.猛有前修.杳若一夢披閲是集.不覺重冰玉之思.而增金闌之惑.雖不能文.安得而無言也.遂勉書以為序.

TỰA TẬP *NGÔ GIA VĂN PHÁI*

Trở thành nhà văn là việc khó, một văn phái mà đời nọ nối đời kia, chi này truyền chi khác, lại là một việc rất hiếm và quý trong đám văn chương. Trên đời, những người rong ruổi trong rừng văn, cầm bút viết nên văn không phải là ít, nhưng tâm tư linh hoạt, cốt cách cao kỳ, hơn hẳn người thường, tất phải ý khí như vàng ngọc, thanh điệu như nhạc ca, phát ra thành văn chương mới xứng đáng là danh gia. Dù là danh gia nhưng nếu xướng lên không có người theo, đứt rồi không có người nối thì cũng chưa phải là thịnh. Tất phải là dòng dõi văn nho, người trước sáng tác người sau noi theo, dòng nước xa nguồn mà vẫn tràn lan, truyền bá được rộng, thế mới là chính phái của một danh gia.

Những nhà được người xưa gọi là đại gia thì thời Đường có Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, thời Tống có Âu Dương Tu, Tăng Củng, Vương An Thạch, lời đẹp, cách điệu cao siêu hơn hẳn xưa nay, nhưng thường thường vẫn phải thở than là "ít người họa theo", hay "không ai nối tiếp". Chỉ có họ Tô ở My Sơn [1] là có những nhà văn hào kế tiếp: Lão Tuyền [2] là bậc anh tuấn đi trước, rồi hai con ông là Đông Pha [3] và Dĩnh Tân [4] song song cùng tiến, đều nổi tiếng văn hay trên đời, các cháu ông có những bài thơ *Quá hải*, tập văn *Tà Xuyên* [5] cũng đều tiếng tăm lừng lẫy. Cho nên ở Trung Quốc nhắc đến nhà có văn hay nhiều đời, ai cũng coi nhà họ Tô là hơn cả.

Nước ta, từ thời Lý, Trần về sau đã có tiếng là một nước văn hiến. Những nhà văn tài giỏi trước sau rất nhiều, không kể hết được. Nhưng nói đến những nhà văn nhiều đời nối nhau thì thực rất ít thấy. Chỉ có nhà họ Ngô ta là văn mạch đã lâu dài, có lẽ cũng là họ

---

1. *My Sơn:* Tên một huyện, nay thuộc Tứ Xuyên, Trung Quốc.

2. *Lão Tuyền:* Tên hiệu của Tô Tuân. Sử chép, năm 27 tuổi ông mới bắt đầu đi học, sau thành một nhà đại Nho thời Tống.

3. *Đông Pha:* Tên hiệu của Tô Thức. Khi Tô Thức bị biếm trích ra Hàng Châu, ở trên Đông Pha, tự hiệu là Đông Pha cư sĩ, vì vậy người ta gọi ông là Tô Đông Pha.

4. *Dĩnh Tân:* Tên hiệu của Tô Triệt, em Tô Thức.

5. *Tà Xuyên:* Con Tô Thức là Tô Quá, tự hiệu là Tà Xuyên cư sĩ có tập văn gọi là *Tà Xuyên văn tập*.

Tô trên đất Việt. Tính ngược lên các đời trước thì thấy: Cụ Tuyết Trai [1] tài cao học rộng, nổi tiếng thời bấy giờ, người đã mở ra đường lối văn chương, làm vẻ vang cho đời trước, để phúc ấm cho đời sau, thực là ông tổ của một gia đình văn học. Đến tiên nhạc ta là cụ Ngọ Phong [2], được núi sông nung đúc, và đã hiểu thấu khí bao la của trời đất, nắm được phần tinh hoa của sách vở. Cái phong cách về mặt hào phóng, hùng hồn, cái điển hình về mặt tinh vi, uyên bác thường biểu hiện trong các tác phẩm. Nó mông mênh như khơi xa bể cả, chói lọi như mặt trời ngôi sao, vẻ thần kỳ dưới ngòi bút thật là siêu việt cả xưa nay, các sĩ phu bàn đến văn chương đều coi là bậc hùng bá.

Theo nếp sẵn trong nhà lại được ông Hy Doãn [3] nối theo, làm rạng rỡ thêm. Văn ông có ý tứ diễm lệ, vừa hàm súc vừa phóng khoáng, càng viết nhiều lại càng hay, bao quát được bách gia [4] khu khiển được cửu lưu, [4] tài năng uyên bác thông đạt đã thành ngọn cờ chót vót trong rừng nho. Thế là dòng văn ba đời thanh danh lừng lẫy, có lẽ các nhà thư hương trên đất Việt, chưa đâu được như thế. Hơn nữa, lại còn ngạc hoa [5] tươi đẹp, cành quế [6] đua thơm, em ông thì thuần túy, các con ông thì anh tuấn, dòng văn trong nhà nảy nở chưa biết đến đâu, như vậy sự thừa kế về văn học lại chẳng vượt lên trên nhà họ Tô ư ?

Tôi thường nghĩ: Cây có gốc sâu thì cành ngọn tốt, người có tài thực thì danh tiếng lớn lao. Nhờ phúc ấm của tổ tiên mà dòng văn đời đời nối tiếp, tinh hoa đầy rẫy trong văn từ mà bản lĩnh vẫn quy vào đạo lý, rõ là phong cách của một đại gia, vẻ đẹp hương thơm liên tiếp ngạt ngào rực rỡ. Nên gọi là "văn phái" cũng hợp ý mọi người, không phải riêng một nhà mình. Toàn tập hơn sáu mươi quyển, gần đây đã truyền bá khắp trong nước, ai cũng ca tụng. Nay anh em định đem khắc thành bản in, đòi tôi làm bài tựa. Tôi già rồi, đã yếu lại

---

1. *Tuyết Trai:* Ông của Ngô Thì Sĩ.

2. *Ngọ Phong:* Tên hiệu của Ngô Thì Sĩ.

3. *Hy Doãn:* Tên hiệu của Ngô Thì Nhậm.

4, 4. *Bách gia cửu lưu:* Chỉ các dòng phái tư tưởng trong thời cổ của Trung Quốc.

5. *Ngạc hoa:* Ngạc là đài hoa, hoa là cánh hoa. *Kinh Thi* có câu: "Hoa cây đường lệ, đài cuống xanh tươi. Ngày nay trên đời, không ai thân bằng anh em". Do đó trong văn chương thường dùng hai chữ "hoa ngạc" để chỉ anh em.

6. *Cành quế:* Đậu Yên Sơn có năm con trai đều học giỏi, có người tặng ông bài thơ, trong đó có câu "Một gốc thông già, năm cành quế đỏ thơm". Do đó người ta hay dùng chữ "cành quế" để chỉ những người con giỏi.

lười, lâu không mó đến bút mực, làm sao biểu dương được một dòng văn lừng lẫy lâu đời đó? Nghĩ lại cảnh năm mươi năm trước, được gần gũi lời dạy của tiên nhạc, đã lĩnh hội được khuôn phép nhà văn. Sau đấy gặp hồi biến cố, cùng với quyến huynh [1] ra ứng tiếp với đời. Mỗi khi viết văn kẻ thảo sáng, người nhuận sắc, cả hình và thần đều vẫn nương tựa vào nhau. Nay bể dâu thay đổi, sực nhớ đến các bậc tiền bối trước, mơ màng tựa giấc chiêm bao. Đọc tập văn này bỗng chạnh niềm băng ngọc [2] và thêm cảm nỗi kim lan. [3] Tuy văn không hay, nhưng lẽ nào lại không nói được? Bèn gắng sức viết bài tựa.

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển V

ĐỖ NGỌC TOẠI *dịch*

---

1. Trong bài chỉ Ngô Thì Nhậm.

2. *Chạnh niềm băng ngọc:* Thời Tấn, Vệ Giới là bậc anh tài, bố vợ ông là Ngọc Quảng cũng là người nổi tiếng, người đời khen rằng: "Bố vợ trong sáng như băng, chàng rể nhuần nhã như ngọc". Do đó người ta dùng chữ "băng ngọc" để chỉ bố vợ và chàng rể.

3. *Kim lan:* Vàng và hoa lan. *Kinh Dịch* "Hai người cùng lòng, sắc chặt đứt được vàng; lời nói cùng lòng, mùi thơm như hoa lan". Ý nói tình bạn bè bền chặt, ý hợp tâm đầu.

THƠ NÔM PHAN HUY ÍCH [1]

ĐỀ CAI ÁN ĐẶNG TÚ TÂN TRẠCH [2]

Hiên sách băng trông mái bắc lân, [3]
Một đài bày đặt có thanh tân.
Lậu canh cơ mật khua bên chái,
Tác bóng cần lao rợp nửa sân.
Tiệc nảy cầm thi hăm hở chí,
Cửa chen đào mận [4] dặt dìu xuân.
Màn viên [5] là chốn công danh sẵn,
Sảnh các [6] mai kia nước bước dần.

TRỌNG ĐÔNG THÍCH HỌC QUÁN TẠI NHIẾP DẠNG, TRẤN QUAN LÂM KIẾN KHOẢN YẾT, THIẾT CA HÀNH TỬU, MÃNH MIỄN BỒI TỊCH, TẠ THI Y TIỀN VẬN [7]

Cầm sách lân la tới cựu phòng, [8]
Hai giăng bỏ bẵng một thiên trông.
Thẹn hơi phong tuyết thêm âu quyến,
Mừng vẻ oanh hoa rấp rới [9] lồng.

1 . Tên những bài thơ Nôm của Phan Huy Ích đều viết bằng chữ Hán.

2. Đề nhà mới ông Cai án Đặng Tú. (dịch)

3. *Bắc lân*: Hàng xóm phía bắc.

4. *Đào mận:* Chỉ những người tài giỏi. Địch Nhân Kiệt đời Đường tiến cử được nhiều nhân tài cho triều đình. Sau có kẻ khen: Đào mận trong thiên hạ đều có trong cửa nhà ông.

5. *Màn viên:* Nơi ở của các viên tướng.

6. *Sảnh các:* Nơi làm việc của các quan to trong triều.

7 . Tháng 11 tôi vừa đến học quán thì hơi mệt. Quan trấn thủ tới thăm, cho đặt tiệc rượu hát xướng. Tôi gắng gượng ngồi hầu, làm thơ cảm tạ dựa theo vần bài trước (dịch).

8 . *Cựu phòng:* Phòng cũ.

9 . *Rấp rới:* Lấp lánh.

Khép nép chưa đầy chung rượu cạn,
Xôn xao dễ tính phách đàn rung.
Cửa viên [1] gang tấc trường văn vật,
Mùi đạo vui vầy vốn chẳng cùng.

HỌA ĐÁP TRẤN QUAN HỒI TRIỀU LƯU TẶNG QUỐC ÂM LUẬT [2]

Xôn xao xe ngựa vội chầu kinh,
Kẻ vọng trần thêm nặng gánh tình.
Chung rượu [3] ngập ngừng cơn hội tiễn,
Túi thơ e ấp nẻo quy trình. [4]
Tầng mây xa ngóng tòa thai sáng,
Bên gác lần nghe tiếng đẩu canh. [5]
Doanh tiệc [6] sum vầy non nước cũ,
Cam nguyền hương lửa vẹn ba sinh.

VỊNH TRẤN QUAN TÂN DOANH [7]

Mấy thu cờ súy việc Nam hành,
Sửa cõi xông pha lại sửa doanh.
Góp vẻ giang san phô thức gấm,
Theo nền cung khố [8] đậm đỏ tranh.

---

1 . *Cửa viên:* Cửa dinh tướng.
2 . Họa lại bài thơ viết theo luật quốc âm của quan trấn thủ về triều gửi tặng (dịch).
3 . *Chung rượu:* Chén rượu.
4 . *Quy trình:* Đường trở về.
5 . *Tiếng đẩu canh:* Tiếng mõ canh.
7 *Doanh tiệc:* Chưa rõ ý nghĩa.
7. Vịnh doanh mới của quan trấn thủ (dịch).
8. *Cung khố:* Cung điện, kho tàng.

Bóng đường [1] ân rộng mây lồng tán,
Án ngọc ngâm khuya nguyệt dãi mành.
Khuôn chính mực công lầu vẹn mãi,
Phương trời thêm vững mặt trường thành.

LẠP TRUNG HỒI SƠN HỌA TRẤN QUAN TIỄN VẬN [2]

Non nước sum vầy trước tiệc thơ,
Giục làng nước cũ vẻ xuân chờ.
Dùng dằng dặm liễu dừng chân ngựa,
Bát ngát doành châu [3] liếc ngọn cờ.
Hương lửa xiết bao niềm kính mến,
Bèo mây dễ mấy chốn nương nhờ.
Tiễn diên [4] vâng đội lời vàng ngọc,
Tấc bóng am tây luống thẫn thờ.

---

1. *Bóng đường:* Bóng cây cam đường, trong *Kinh Thi* có câu "Tế phế cam đường, vật tiễn vật phạt, Thiệu Bá sở bạt" (Cây cam đường um tùm xanh tốt, chớ chặt chớ phá, đấy là nơi Thiệu Bá nghỉ ngơi). Trong thơ mượn ý đó để ca ngợi cách cai trị dân của quan trấn thủ.

2. Trong tháng chạp trở về Sài Sơn họa lại bài thơ đưa tiễn của quan trấn thủ (dịch).

3. *Doành châu:* Dòng nước.

4. *Tiễn diên:* Bữa tiệc đưa tiễn.

Phiên âm:

DỤ NHỊ SÚY QUỐC ÂM CHIẾU VĂN [1]

Chiếu Thiếu phó Diệu quận công Trần Quang Diệu, Tư đồ Dũng quận công Vũ Văn Dũng khâm tri.

Nhị khanh là huân cựu đại thần, [2] quốc gia trụ thạch [3] người thì phụng tuân cố mệnh, [4] bảo dực trẫm cung, [5] người thì chuyên chế Bắc Thành, [6] bình hàn vương thất. [7] Trẫm vốn lấy làm cổ quăng tâm lữ, đãi dĩ chí thành. [8]

Khoảnh nhân biên sự khổng cức, [9] trung lao khanh đẳng đổng binh vu ngoại. [10] Như nay thố trí đồn ngự đã rồi, mà hồi triều nghị sự, cùng lo tính thủy bộ cơ nghị, dĩ đồ hậu cử, [11] để cho thượng hạ chi tình tương đạt, [12] thì cũng là phải. Dầu là chưa có triệu mệnh, mà đã thiện hồi, [13] cũng chẳng qua gấp ư quốc kế, lược ư lễ văn. [14]

Trẫm cũng chẳng là trách những điều tế quá. [15] Bỗng nay hai khanh tự hoài nghi cụ, cách hà ủng binh, bất lai triều yết. [16] Tằng dĩ lũy ban dụ chỉ, hãy còn thôi thác trì hồi. [17] Trong quân thần phận nghĩa mà xử dường ấy, khanh đẳng nghĩ đã yên lòng hay chưa?

---

1. Bài chiếu dụ hai viên tướng bằng quốc âm (dịch).
2. Hai người là bậc đại thần cố cựu và có công lao.
3. Cột trụ của nhà nước.
4. Vâng theo lời dặn của vua khi sắp mất. Chỉ Trần Quang Diệu, vì vua Quang Trung khi sắp băng, có trối trăng dặn Quang Diệu phải cùng các tướng hợp sức lại mà giúp đỡ thái tử.
5. Bảo vệ, giúp đỡ nhà vua.
6. Chỉ Vũ Văn Dũng cầm quyền coi giữ Thăng Long.
7. Làm phên dậu che chắn và cội gốc vững chắc cho nhà vua.
8. Ta vốn coi hai người như chân tay, trái tim, xương sống, lấy tình thực mà đối đãi.
9. Gần đây vì việc biên thùy gấp rút.
10. Làm các người phải cầm quân khó nhọc bên ngoài.
11. Mưu tính công việc xếp đặt phòng thủ mặt thủy, mặt bộ để liệu tính sau này.
12. Tình trên dưới được thấu hiểu nhau.
13. Chưa có mệnh vua vời đến, đã tự tiện kéo quân về.
14. Kíp vì mưu kế lo việc nước, nên mới rút bỏ hình thức lễ nghi.
15. Ta cũng chẳng trách những lỗi nhỏ.
16. Hai ngươi tự mình mang lòng ngờ sợ, cách sông đóng quân, không đến ra mắt nhà vua.
17. Đã từng ban chỉ dụ nhiều lần, vậy mà còn thoái thác chậm đến.

Trẫm thanh niên lãm chính, [1] đường thành tín ngự hạ có điều chưa được tố phu, [2] khiến tới nỗi những kẻ huân cựu nhường ấy, còn phải quải ngại vu tâm, [3] ấy cũng là trẫm chi quá thất. [4]

Tưởng nay đang buổi tông thành thất thủ, kình địch tại tiền, dẫu quân thần đồng tâm mưu sự do khủng phất cập [5] bỗng lại gây nên nội hoạn, thì nữa quốc sự làm sao.

Ví như trẫm chẳng suy lượng bao hàm, lại có lòng tường hại tướng thần, [6] ấy là tự tiễn kỳ vũ dực, thế ắt nguy vong lập kiến. [7] Mà khanh đẳng dĩ binh hiếp chế, khiến cho chủ bính hạ di đại cương vẫn xuyễn, thì cũng chung quy loạn vong. [8] Thử nghĩ hai nhẽ ấy, trẫm an nhiên vi chi hồ? Khanh đẳng an nhiên vi chi hồ? [9]

Dầu như khanh đẳng còn ngại tiếng phạm thượng, mà lại bất năng thích nghi, [10] thiện tương nội đạo viên quân tầm lộ tha khứ, [11] để đến nỗi nhân tình hung động, [12] địch quốc ngoại thừa, [13] thì tận khí tiền công, thùy nhậm kỳ cữu? [14] Trẫm thừa tông miếu xã tắc chi trọng, [15] nhị khanh vi triều đình đống cán chi thần, [16] lẽ đâu lưỡng tương nghi trở, sự biến hoạnh sinh, chẳng là di tiếu thiên cổ vậy ru. [17]

---

1. Ta tuổi trẻ điều khiển chính sự.
2. Đối với việc điều khiển kẻ dưới, lòng thành tín của ta chưa được phô rõ.
3. Thắc mắc, ngại ngần trong lòng.
4. Điều lỗi của ta.
5. Hiện nay thành Quy Nhơn thất thủ, giặc mạnh ở trước, dẫu vua tôi đồng lòng mưu toan lo nghĩ còn sợ không kịp.
6. Giết hại bầy tôi làm tướng.
7. Tự cắt lông cánh của mình thế tất phải nguy khốn lập tức.
8. Mà các ngươi đem quân đến áp chế, quyền của ông vua dời xuống kẻ dưới, đại cương rối ren lộn xộn.
9. Ta há yên tâm mà làm thế ư? Các ngươi há yên tâm mà làm thế ư?
10. Không thể trút bỏ nỗi nghi ngờ.
11. Riêng đem quan quân thuộc đạo binh của mình tìm đường đi nơi khác.
12. Lòng người xáo động.
13. Nước địch bên ngoài thừa dịp dòm giỏ.
14. Bỏ hết công lao từ trước, ai chịu lỗi cho?
15. Ta gánh trách nhiệm nặng nề đối với tông miếu xã tắc.
16. Hai người là bầy tôi cột trụ của triều đình.
17. Lẽ đâu hai bên ngờ vực, ngăn trở lẫn nhau, khiến xảy ra biến cố chẳng đã để lại tiếng cười đến nghìn năm!

Sổ nhật lai phản tư duy, [1] tẩm thiện câu giảm, [2] tưởng chưng quốc gia đại kế hệ tại tư tu. [3] Vậy đã khai thành trì dụ, mà khanh đẳng còn chưa khai thích, trẫm vưu bất an vu tâm. [4]

Vả, kinh lãm khanh đẳng biểu nội, [5] sở chư thố trí các điều cũng là đương hành sự nghi, [6] song khanh đẳng còn đối khuyết liệt binh, vị lai triều yết, [7] thì quân thần chi nghĩa chưa được minh chính. Như trong nước mà chưa thuận đạo, quân thần hầu dễ lo đường chính sự làm sao?

Dầu như khanh đẳng muốn rằng, tiện y tấu biểu, hậu thủy xu triều, [8] thì ra quân nhược thần cường, [9] cương thường điên đảo, dầu có chính sự cho hay, thì hành sao đặng! Như lấy thế làm binh gián, e chưa hợp trong sự thể. [10]

Khanh đẳng đã thực lòng ái quốc, thì tua giữ đạo tôn thân, [11] thể lòng trẫm suy thành đãi ngộ, [12] sớm nên thích kỳ hiềm nghi, [13] quy triều tạ quá mà hãy phu trần sự lý. [14] Như việc binh nhung nên khu xử những làm sao, trong quan liêu nên tiến thoái những làm sao, [15] cùng triều thần thương nghị rồi thì thỉnh chỉ phụng hành, [16] ngõ cho thượng hạ tình thông, thứ sự tựu tự, [17] để giúp nhà nước chưng cơn

---

1. Vài ngày gần đây trăn trở suy nghĩ.
2. Ăn ngủ đều sút kém.
3. Vận mệnh quốc gia quan hệ ở trong chốc lát này.
4. Đã sai sứ ruổi ngựa đến dụ báo một cách thành thực, mà các ngươi còn chưa từ bỏ nghi ngờ, thì ta càng không yên tâm.
5. Đã xem trong biểu các ngươi.
6. Mọi điều sắp xếp cũng là những việc nên làm.
7. Song các ngươi còn dàn quân trước cung khuyết, mà chưa vào triều yết.
8. Muốn trước được y theo lời biểu đã tâu rồi mới chịu vào chầu.
9. Vua yếu, tôi mạnh.
10. Lấy binh quyền để can gián nhà vua.
11. Nên giữ đạo tôn thân.
12. Đem lòng thành thực mà đối đãi.
13. Trút bỏ điều hiềm nghi.
14. Trở về triều tạ lỗi mà tâu bày lý do mọi việc.
15. Trong quan lại có ai nên bỏ, có ai nên dùng.
16. Nên bàn với quần thần trong triều đình, rồi xin nhà vua ban chiếu chỉ xuống mà làm theo.
17. Mọi việc gỡ được đầu mối.

này, phương ngưỡng phó Tiên hoàng đế chi di thác, [1] bất phụ trẫm cung chi ỷ tỷ dã. [2]

Phu bố trung khúc, [3] bất tích phiền ngôn. [4] Nhị khanh kỳ thục tư chi. [5]

Khâm tai! Đặc chiếu. [6]

Trích *Dụ Am văn tập,* quyển V

Phiên âm:

KỶ MÙI ĐÔNG NGHĨ NGỰ ĐIỆN VŨ HOÀNG HẬU TANG, QUỐC ÂM VĂN [7]

Than ôi!

Nguyệt in phách quế, mái Trường Thu [8] vừa giãi vẻ làu làu. Sương ủ hồn hoa; miền thượng uyển chợt nơi mùi thoảng thoảng.

Nẻo chân du [9] quạnh quẽ biết đâu tìm. Niềm vĩnh mộ [10] bâng khuâng hằng trạnh tưởng! Giọt ngân phái [11] cấu nên [12] vẻ quý, duyên hảo cầu thêm chắp mối tu tề. [13] Khúc thư châu [14] thổi sánh tiếng hòa, khuôn nội tắc [15] đã gây nên nhân nhượng.

---

1. Mới mong làm tròn sự ủy thác của Tiên Hoàng đế (Quang Trung).
2. Không phụ sự nương dựa của ta.
3. Phô bày giãi tỏ tấm lòng.
4. Không ngại phải nói nhiều lời.
5. Hai khanh hãy nghĩ kỹ điều đó.
6. Nay có lời chiếu. Hãy kính cẩn mà nghe.
7. Mùa đông năm Kỷ Mùi (1799) nghĩ thay nhà vua bài văn quốc âm để tế điện Vũ hoàng hậu (tức Ngọc Hân công chúa, khi bà mất được Cảnh Thịnh truy tôn là Như ý trang thận trinh nhất Vũ hoàng hậu) (dịch).
8. Tên một cung, chỗ ở của hoàng hậu.
9. Chỉ nơi người chết đến ở.
10. Tấm lòng trìu mến lâu dài mãi mãi.
11. Giọt nước sông ngân. Ý nói bà Ngọc Hân thuộc dòng họ nhà vua.
12. Gây nên.
13. Tu thân và tề gia.
14. Tức bài thơ *"Quan thư"* trong *Kinh Thi* nói về mối duyên đẹp giữa người thục nữ với quân tử.
15. *Nội tắc*: tên một thiên trong *Kinh Lễ*, nói về lễ nghi phép tắc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Rành rành bút đỏ đua thơm. Chói chói sách vàng rạng rạng.

Hồ Đỉnh [1] ngậm ngùi cung nọ [2] chót rắp chìm châu nát ngọc đã từng nguyền. Cung Khôn [3] bịn rịn gối nào êm vì vun quế quyến lan nên hãy gượng. [4]

Tự xung linh [5] hay gìn giữ hiếu từ. Vâng từ đức cũng thỏa lòng vinh dưỡng. [6]

Nối tiên chí vậy dốc bề trí kính, dấu sân huyên [7] đòi chốn sum vầy. Cảm mẫu nghi [8] mà thay buổi thừa hoan, [9] vẻ áo vi xưa kia mường tượng. [10]

Mong thẻ tiên trùng trập thêm cao. [11] Hiềm tạo hóa so le khôn lượng.

Sương nắng bấy chầy ngăn trướng thúy, băn khoăn cơm bữa ngọc, lò đan. [12] Gió mây hây hẩy lối xe loan, khơi dẫn nẻo non Bồng, vườn Lãng. [13]

Lễ theo tình, tròn cuộc mấy cam. Đức so thọ, mếch cân chưa đáng.

---

1. Hồ Đỉnh tức Đỉnh Hồ, nơi Hoàng đế đúc xong đỉnh rồi cưỡi rồng bay lên tiên. Trong bài chỉ việc vua Quang Trung qua đời.

2. Hoàng đế khi cưỡi rồng bay lên có để lại chiếc cung, trong bài cũng chỉ việc Quang Trung qua đời.

3. Quẻ Khôn tượng trưng cho người phụ nữ. "Cung Khôn" tức là hoàng hậu. Đây chỉ Vũ hoàng hậu.

4. Vướng víu có mấy con ở dưới gối nên phải gượng gạo ở lại để chăm nom nuôi nấng chúng.

5. Từ tuổi thơ ấu.

6. Lấy quý hiển của người làm vua mà phụng dưỡng, gọi là "vinh dưỡng". Bấy giờ vua Cảnh Thịnh coi bà vào hàng mẹ, nên trong bài văn tế mới gọi là "từ đức".

7. Chỉ nơi mẹ ở.

8. Cảm phục khuôn phép của mẹ.

9. Vua Cảnh Thịnh lần lượt thay các em vào chầu hầu mẹ, để cho bà được vui.

10. *"Áo vi"* là áo tế của hoàng hậu. Ý nói phảng phất tưởng nhớ đến dung nghi Vũ hoàng hậu.

11. Mong Vũ hoàng hậu được thêm tuổi thọ.

12. *Trướng Thúy:* Nơi ở của người phụ nữ. *Bữa ngọc:* Bữa cơm. *Lò đan:* lò luyện thuốc quý.

13. *Non Bồng, vườn Lãng* là những nơi tiên ở. Ý nói: bà đã bỏ trần gian, tiêu dao ở non Bồng, vườn Lãng.

Dầu ngự đoái di thể sữa măng vài chút, lòng quyến linh đành có vẻ vang thêm. [1] Dầu ngự cảm khố khư hương khói đòi chòm, lệ ân tuất vốn còn nhuần gội xuống. [2]

Ấy tấc vuông [3] hằng chăm một tín thành. Ắt mảy chút cũng thấu lên tinh sảng.

Ôi!

Bóng quạnh nước mây. Thoi đưa ngày tháng.

Chồi tiêu lan [4] dường rã rợi bên thềm. Dấu cư vũ bỗng lạnh lùng dưới trướng. [5]

Nguyền cũ hẳn nay trọn vẹn, bên Đan Lăng quanh quất mạch liên châu. [6] Khó thiêng gìn để dặc dài, trong thanh miếu ngạt mùi quán sưởng. [7]

Rày nhân:

Cách bánh liễu dư. [8] Bày hàng thể trượng. [9]

Nhìn khâm vệ [10] chạnh ngưng mỗi vẻ, đường u hiển xa lìa! Dâng điện diên [11] gọi giãi mấy nhời, mối luân thường tỏ sáng.

Hỡi ôi! Cảm thay!

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển VII

---

1. Vũ hoàng hậu được tiên đế (tức vua Quang Trung) đoái thương yêu mến, sinh được vài mụn con hãy còn măng sữa thơ ngây, làm cho bà càng thêm vẻ vang.

2. Nhờ Vũ hoàng đế nên nhà Lê còn được tỏ đèn sáng hương nơi thành cũ, và được nhuần thấm trong ơn chu tuất dồi dào.

3. Chỉ tấm lòng.

4. Chỉ Vũ hoàng hậu.

5. *Ngọc cư, ngọc vũ* là đồ trang sức của phụ nữ quyền quý thời xưa. Ý nói Vũ hoàng hậu mất, làm cho trong cung vắng vẻ lạnh lùng.

6. *Liên châu:* Cây mọc hai gốc liền nhau.

7. Trong nhà thanh miếu, mùi rượu dùng để cúng tế thơm ngào ngạt.

8. Chiếc xe chở linh cữu.

9. Nghi trượng đưa đám.

10. *Khâm:* Cỗ xe trang sức bằng da. *Vệ:* Đồ nghi trượng hộ vệ.

11. Dâng tiệc rượu để làm lễ điện tế.

Phiên âm:

CÔNG CHÚA CHƯ NHA ĐIỆN VĂN [1]

Than ôi!

Đóa thượng uyển [2] hây hây đua nở, giọt sương ngưng mà hiu hắt màu hoa. Vầng thái âm [3] vằng vặc sáng lòa, hơi vụ ngất để mịt mờ bóng quế! [4]

Nhẽ đổi thay máy tạo khôn dò. Cơn tan hợp đoạn tình xiết kể!

Nẻo thuở doành Hoàng [5] phô vẻ, trau vàng chuốt ngọc vẹn mười phân. Trải phen bến Vị đưa duyên, [6] phím sắt soang cầm vầy một thể. [7]

Trên tuyền đình dìu dặt thói hòa. [8] Trong quế dịch đầm hâm hơi thụy. [9]

Bóng cù mộc sênh sang tán đẹp, phận dựa leo đều vui chốn nương nhờ. [10] Đóa phượng lan đua chồi màu tươi, tình vun quén cũng có phần san sẻ. [11] Hương nồng phấn đượm những nâng niu. Ngọc thốt hoa chào cùng hử hỷ. [12]

---

1. Bài văn tế của các công chúa tế Vũ hoàng hậu trong buổi tế điện. Bài này nguyên văn bằng chữ Nôm.

2. Đóa hoa trong vườn thượng uyển.

3. Mặt trăng, chỉ Vũ hoàng hậu.

4. *Hơi vụ:* Hơi sương mù bóng quế chỉ vầng trăng.

5. *Doành Hoàng:* Sông Ngân Hà. Ý nói Ngọc Hân là con gái vua Lê, thuộc dòng dõi nhà trời.

6. Sau khi kết duyên với Nguyễn Huệ, công chúa Ngọc Hân được bà con nhà Lê đưa đến bến sông Vị Hoàng (nay thuộc Nam Định) để về nhà chồng.

7. Đạo vợ chồng vui vầy như tiếng đàn cầm, đàn sắt hài hòa.

8. Cung đình nhà vua, xưa được trang hoàng bằng thứ ngọc tuyền rất đẹp nên gọi là *"Tuyền đình"*. Ý trong bài nói: Nơi cung đình được hòa vui.

9. *"Quế dịch"* cũng như *"quế cung"*, là nơi cung thất đẹp đẽ. Ý nói trong cung đầm ấm những hơi tốt lành.

10. Thơ Cù mộc, *Kinh Thi* nói về bà Hậu phi có đức độ ví như cây cù mộc rườm rà, tốt tươi, che chở cho loài cây khác.

11. *Phương lan:* Những cây lan thơm, trong bài chỉ con cháu.

12. Ý nói: Các con cháu đều được bà nâng niu như hương hoa. Trong nhà ấm cúng, câu nói tiếng cười vui vẻ.

Bông đào chiếng [1] mừng duyên nghi thất, buổi quy ninh vâng đôi nhẽ dặn dò. [2] Giá ngọc trong khuyên nét sạ bình, lượt kiều dưỡng được mọi bề cặn kẽ. [3]

So đấng trên âu sánh chữ cù lao. [4] Dõi sách trước đã sáng gương tư my. [5]

Những ước thêm dào thẻ hạc, xôn xao tiệc thọ, ngẫu dâng thêm [6]. Bao giờ kíp ruổi xe loan, man mác cung xuân, hoa chịu tẻ! [7]

Âm dương chia hai ngả luống phiền. Chung thủy cần một niềm dám trễ. [8]

Dầu gót ngọc vui niềm tịnh độ, nỡ nào quên hai chồi lan quế còn thơ. [9] Dầu xiêm nghê vắng cảnh thanh đô, nỡ nào lảng một bóng tang du hầu xế. [10]

Tình biệt ly hằng mọi nỗi băn khoăn. Kiếp sinh hóa hẳn các điều vẹn vẽ. [11]

Trên đội chín lần trí kính, chốn đình vi săn sóc chẳng nguôi tình [12]. Trước dâng sáu chữ truy tôn, [13] việc khâm vệ [14] sửa sang càng xứng lễ.

---

1. *Chiếng:* Nở. Câu văn lấy điển trong thơ "Đào yêu" trong *Kinh Thi* nói về người con gái thành gia thất kịp thời.

2. Những người con gái đi ở riêng, khi về nhà thăm cha mẹ, đều được bà dạy bảo.

3. Những người con gái còn bé, đợi lúc kén chồng thì cũng được bà nâng niu cẩn thận.

4. Đức của bà sánh ngang với công lao của cha sinh mẹ dưỡng.

5. Thơ *Tư trai, Kinh Thi:* "Tư my Chu Khương, kinh thất chi phụ" (Đáng yêu thay! Bà Chu Khương, con dâu nhà Chu!). Ý trong bài nói: Đức của bà cũng đáng mến như bà Chu Khương người thời Chu.

6. *Thẻ hạc:* Chim hạc sống lâu nên người xưa hay nhắc đến để nói về tuổi thọ. *Ngẫu:* Hoa sen. Ý trong bài nói: Những mong bà sống lâu như tuổi hạc, để con cháu mở tiệc mừng thọ, thơm hương sen ngạt ngào.

7. Ai ngờ bà vội mất ngay, khiến con cháu trong cung buồn tẻ như hoa ủ héo.

8. Các con đều một dạ kính cẩn, trước sao sau vậy, không dám trễ nải.

9. Dù bà vui vẻ đi về đất Phật, nhưng nỡ nào quên hai chút con nhỏ hãy còn thơ ngây.

10. Dù bà vắng bóng ở thanh đô, nhưng nỡ nào quên mẹ già như mặt trời xế bóng trên ngọn cây dâu.

11. *Vẹn vẽ:* Trọn vẹn.

12. *Đình vi:* Nơi cha mẹ ở. Ý trong bài nói: Vua Cảnh Thịnh hết lòng hiếu kính, săn sóc phụng dưỡng bà.

13. Vua Cảnh Thịnh làm lễ truy tôn bà, đặt sáu chữ làm miếu hiệu là: "Như, ý trang, thận, trinh, nhất".

14. *Việc khâm vệ:* Những nghi lễ trong đám tang.

Rày nhân:

Hầu cách linh dư.[1] Kính bày điện lễ.

Trông đóa bạch vân[2] thăm thẳm, tình nghĩa xưa lìa dứt vì đâu? Dâng tuần hoàng thủy[3] vời vời, nghi văn ấy thấu soi chăng nhẽ?

Hỡi ôi! Cảm thay!

Trích *Dụ Am văn tập*, quyển VII

---

1. *Linh dư:* Chiếc xe chở linh cữu. Ý trong bài nói: Nay sắp sửa xa cách linh cữu.

2. *Đóa bạch vân:* Đóa mây trắng.

3. *Hoàng thủy: Tả truyện* chép "Giản mao, hoàng thủy khả tiến vu quỷ thần" (Rau khe nước suối cũng có thể tiến dâng quỷ thần). Ý nói thức dâng cúng xuyềnh xoàng, nhưng lòng thành kính.

VŨ HUY TẤN
(1749 - 1800)

Còn có tên là Liễn, tự là Tự Chiêu, hiệu Nhất Thủy. Sinh năm Kỷ Tỵ (1749). Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, trấn Hải Dương. Là con Vũ Huy Đĩnh, Tiến sĩ triều Lê. Năm 1768, Vũ Huy Tấn đỗ đầu kỳ thi Hương, được bổ làm Thị nội văn chức. Lúc nhà Lê đổ, nhà Tây Sơn lên, Vũ Huy Tấn về quê ở ẩn một thời gian, sau đó nhận lời mời của Tây Sơn, giữ chức Hàn lâm đãi chế, được phong tước bá, và được cử làm phó sứ sang giao thiệp với nhà Thanh năm Kỷ Dậu (1789). Đi sứ về, Vũ Huy Tấn được phong Thị lang Bộ Công. Năm sau (1790), ông lại tham gia sứ bộ do Phan Huy Ích, Ngô Văn Sở dẫn đầu sang Trung Quốc lần nữa. Lúc trở về được phong tước Hạo Trạch hầu, thăng Thượng thư Bộ Công. Dưới triều Cảnh Thịnh, ông được đặc cách thăng lên hàng Thượng trụ quốc, Thị trung đãi chiếu Thượng thư. Mất năm 1800, thọ 52 tuổi.

Sáng tác của Vũ Huy Tấn viết bằng chữ Hán, được làm chủ yếu trong hai chuyến đi sứ Trung Quốc, nên có tên là *Hoa nguyên tùy bộ tập*. Vũ Huy Tấn có những đóng góp tích cực trong công việc bang giao giữa nước ta dưới triều Tây Sơn với triều đình nhà Thanh. Ông được nhà Tây Sơn tin cậy và trọng dụng. Mặc dù vậy, Vũ Huy Tấn vẫn không từ bỏ được chút mặc cảm của một bầy tôi triều Lê ra cộng tác với tân triều. Thơ Vũ Huy Tấn thấm đượm một tinh thần dân tộc sâu sắc, một ý thức trách nhiệm cao, tuy có phảng phất một chút hoài cảm đối với quá khứ.

Những tác phẩm của Vũ Huy Tấn trích tuyển ở đây lấy trong *Hoa nguyên tùy bộ tập*, ký hiệu A 375 Thư viện Viện Hán Nôm. Tập này là bản sao duy nhất tác phẩm của Vũ Huy Tấn, chỉ còn phần thơ Vũ Huy Tấn làm trong chuyến đi sứ năm 1789. Phần thơ làm trong chuyến đi sứ năm 1790 chưa tìm thấy. Trong Thư viện trên có tập *Hoa trình học bộ tập*, ký hiệu A374, nhưng tập này là của một người họ Vũ đi sứ Trung Quốc năm Giáp Tý (1803) dưới triều Gia Long, chứ không phải của Vũ Huy Tấn. Bản sao A375 có nhiều sai sót, trường hợp nào cảm thấy tối nghĩa, người dịch có hiệu đính lại và ghi chú ở dưới.

登程自述

自笑低人不敢高
干旄催出假星旄
心如毛義非難測
志似宋牼定有遭
天委形骸天我用
物同胞與物吾勞
此回邀幸酬敦責
菊徑南來樂也陶

Phiên âm:

ĐĂNG TRÌNH TỰ THUẬT

Tự tiếu đê nhân bất cảm cao,
Can mao [3] thôi xuất giả tinh mao [4].
Tâm như Mao Nghĩa [5] phi nan trắc,
Chí tự Tống Hình [6] định hữu tao.

---

1. Nguyên bản chép chữ "toại" 遂 , không có nghĩa. Tạm sửa lại chữ "cảm" 敢 nghĩa là dám (câu 1).

2. Nguyên bản chép chữ "quý" 貴 ngờ là chữ "trách" 責 viết nhầm, nên chữa lại (câu 7).

3. *Can mao*: Cây cờ thời xưa, có cắm lông đuôi trâu trên chóp. *Kinh Thi* có bài thơ "Can mao" nói về sự tôn trọng người hiền, có câu: *Khiết khiết can mao* nghĩa là [vua sai] cầm cờ mao đi [chiêu tập người hiền].

4. *Tinh mao*: Cờ của sứ giả, sứ thần.

5. *Mao Nghĩa*: Người đất Lô Giang thời Đông Hán, nổi tiếng hiếu hạnh. Khi có chiếu của nhà vua cho làm huyện lệnh ở An Dương, ông vui mừng ra mặt, vì có được bổng lộc để nuôi mẹ. Sau khi mẹ chết, ông từ quan, nhiều lần có lệnh triệu ông vẫn không ra. Ở đây tác giả muốn lấy điển Mao Nghĩa để giải thích việc mình ra với Tây Sơn.

6. *Tống Hình*: Sách *Mạnh Tử* chép chuyện Tống Hình định sang nước Tần nước Sở để phân tích lợi hại cho họ lui quân đừng đánh nhau nữa.

Thiên ủy hình hài thiên ngã dụng,
Vật đồng bào dữ vật ngô lao.
Thử hồi yêu hạnh thù đôn trách,
Cúc kính Nam lai lạc dã Đào [1].

Dịch nghĩa:

TỰ THUẬT LÚC LÊN ĐƯỜNG

Tự cười mình thuộc loại người thấp kém, chẳng dám làm cao,
Vừa vâng theo cờ chiêu hiền ra nhậm chức, lại được giao ngay cờ đi sứ.
Lòng hệt như Mao Nghĩa, chẳng phải khó lường đoán,
Chí tựa Tống Hinh, chắc thế nào cũng đạt được.
Trời phú cho ta hình hài thì ta sử dụng theo ý trời,
Muôn vật đều là đồng bào, ta phải mệt nhọc cùng muôn vật.
Chuyến này may mà trang trải được trách nhiệm nặng dày,
Về đến nước Nam, ta sẽ vui cùng ba luống cúc như ông Đào.

Dịch thơ:

Cười mình hèn thấp, há làm cao?
Hết chiếu vua vời, lại tiết mao!
Chí lớn Tống Hinh âu đạt tới,
Lòng son Mao Nghĩa khó lường đâu?
Trời sinh hình ấy phen dùng đến,
Vật với người đây, nợ vướng nhau!
Trọng trách chuyến này may trọn vẹn,
Về Nam luống cúc, bạn ông Đào!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

---

1. *Đào*: Tức Đào Tiềm, nhà thơ thời Tấn, một người tiêu biểu cho tâm lý ghét công danh, thích ẩn dật. Lúc ông từ quan lui về, có câu thơ: Tam kinh tựu hoang; Tùng cúc do tồn", nghĩa là: "Ba luống đã hoang vu rồi nhưng tùng cúc thì vẫn còn. Về sau hình ảnh tùng cúc", hoặc "tam kinh cúc" được dùng để chỉ niềm vui ẩn dật.

三遊三清寺即事有感

三清三訪故吾身
斯景於吾有夙因
峒佛不知新革事
野僧偏記舊遊人
石泉石壁欲相語
山草山花卻自春
未祭相來幾到此
且憑樓檻滌囂塵

Phiên âm:

TAM DU TAM THANH TỰ TỨC SỰ HỮU CẢM

Tam Thanh [2] tam phỏng cố ngô thân,
Tư cảnh ư ngô hữu túc nhân.
Động Phật bất tri tân cách sự, [3]
Dã tăng thiên ký cựu du nhân.
Thanh tuyền thạch bích dục tương ngữ,
Sơn thảo sơn hoa khước tự xuân.
Vị thái tương lai kỳ đáo thử,
Thả bằng lâu hạm địch hiêu trần.

---

1. Nguyên bản chữ "trúc" 築 không có nghĩa, ngờ là chữ "thái" 蔡 nghĩa là "bói" viết nhầm, tạm dịch lại (câu 7).

2. *Tam Thanh tự*: Ngôi chùa thuộc tỉnh Lạng Sơn, một di tích gắn liền với động Tam Thanh, thắng cảnh có tiếng của nước ta.

3. *Tân cách sự*: Việc biến đổi mới xảy ra, chỉ việc Tây Sơn giành thắng lợi ở Bắc Hà.

Dịch nghĩa:

LẦN THỨ BA ĐI CHƠI CHÙA TAM THANH TỨC CẢNH CẢM XÚC

Lần thứ ba thăm chùa Tam Thanh vẫn là thân ta ngày trước,
Cảnh ấy với ta vốn có nhân duyên với nhau.
Các vị Phật trong động chẳng biết gì những cải cách mới mẻ.
Nhưng nhà sư quê mùa thì vẫn riêng nhớ người du khách cũ,
Suối đá, vách đá như muốn trò chuyện cùng nhau.
Cỏ núi, hoa núi vẫn giữ vẻ xuân xanh tốt,
Chưa rõ mai sau sẽ còn đến mấy lần nữa,
Hãng dựa lan can bên lầu, rửa sạch bụi trần.

Dịch thơ:

Tam Thanh tìm đến đã ba phen,
Ta với chùa đây hẳn có duyên.
Phật động biết đâu đời đã đổi,
Sư già còn nhớ khách du quen.
Vách non suối đá lời to nhỏ,
Cỏ núi hoa đèo xuân vẫn nguyên.
Chẳng biết mai rồi bao trở lại,
Vịn lan can rửa sạch ưu phiền.

Nguyễn Huệ Chi *dịch*

奉和家尊寵餞使程詩韻

獨任華原萬里程
非天其孰使之行
向來馳騖曾無意
忽此詢諏竊有聲
邀幸節旄酬國委
總由機杼自家成
耕歸重妥班堂樂
愚智是非饒世評

Phiên âm:

PHỤNG HỌA GIA TÔN SỦNG TIỄN SỨ TRÌNH THI VẬN

Độc nhiệm hoa nguyên vạn lý trình,
Phi thiên kỳ thục sứ chi hành?
Hướng lai trì vụ tăng vô ý,
Hốt thử tuân trâu thiết hữu thanh.
Yêu hạnh tiết mao thù quốc ủy,
Tổng do cơ trữ tự gia thành.
Biền quy trùng thỏa ban đường lạc,
Ngu trí thị phi nhiêu thế bình.

Dịch nghĩa:

VÂNG MỆNH HỌA LẠI BÀI THƠ CỦA PHỤ THÂN TIỄN CON ĐI SỨ

Một mình đảm đương việc sứ, hành trình muôn dặm,
Nếu chẳng phải mệnh trời, ai có thể khiến ta đi?
Trước đây không để tâm gì đến chuyện rong ruổi,
Thế mà nay lại được tiếng là người đi thăm hỏi đất khách.
May được cầm cờ sứ để đáp lại sự ủy thác của đất nước,
Song rút lại cũng là nhờ công giáo dưỡng của gia đình.
Xe biển trở về, lại được thỏa niềm vui cùng cha mẹ,
Còn ngu hay trí, thị hay phi, mặc người đời bình luận.

Dịch thơ:

Muôn dặm thân đơn ruổi sứ trình,
Chẳng trời, ai dễ khiến xui mình?
Bôn ba, vốn mãi không vương mộng,
Sứ sự, nào hay thoát nổi danh!
Mao tiết đáp đền ơn đất nước,
Trau dồi nhờ cậy nếp gia đình.
Ngày về, thỏa nguyện sân Lai cũ,
Phải trái, nên chăng, mặc phẩm bình!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

自慕澤鄉登程自述

班堂拜罷上征鑣
獨任馳驅萬里遙
候命孰曾兼使節
貳陪幾見接嚴軺
薰風伴作長途送
樾蔭時從半道邀
弧矢固然男子志
賢勞偏我命中招

Phiên âm:

TỰ MỘ TRẠCH HƯƠNG ĐĂNG TRÌNH TỰ THUẬT

**Ban đường [1] bái bãi thượng chinh phiêu,
Độc nhiệm trì khu vạn lý dao.
Hậu mệnh thục tằng kiêm sứ tiết,
Nhị bồi [2] kỳ kiến tiếp nghiêm thiều. [3]
Huân phong bạn tác trường đồ tống,
Việt ấm [4] thời tòng bán đạo yêu.
Hồ thỉ cố nhiên nam tử chí,
Hiền lao thiên ngã mệnh trung chiêu.**

---

1. *Ban đường*: Nhà ban, tức nhà của người con hiếu. Ban có nghĩa là nhiều màu sắc xen kẽ, xuất xứ từ điển tích Lão Lai Tử, người nước Sở thời Xuân Thu, già ngót 70 tuổi rồi vẫn mặc áo ngũ sắc, múa như trẻ con để làm vui lòng cha mẹ.

2. *Nhị bồi*: Chức bồi tùng, ngang với phó sứ.

3. *Nghiêm thiều*: Xe sứ của cha, cha của tác giả là Vũ Huy Đĩnh cũng đã từng đi sứ Trung Quốc.

4. *Việt ấm*: Việt là loài cây thường mọc liền nhau, cứ hai cây giao cành với nhau tạo thành bóng râm. Việt ấm, ý nói được ơn đức tổ tiên che chở, ví như được bóng cây việt che mát trên đường đời.

Dịch nghĩa:

TỰ THUẬT LÚC TỪ LÀNG MỘ TRẠCH RA ĐI

Xong cuộc lạy chào trước nhà ban, liền bước lên yên,
Một mình gánh lấy việc ruổi rong, xa xôi muôn dặm.
Vừa được vào làm hậu mệnh, ai ngờ lại kiêm luôn sứ giả,
Nhận chức nhị bồi, ngõ hầu được nối tiếp xe sứ của phụ thân.
Gió nam làm bạn đưa khách đường trường,
Bóng cây việt vẫn theo nhau để giữa đường tạm dừng chân nghỉ.
Cung tên vốn là chí của người nam tử,
Thế mà riêng số ta lại được nhận hai chữ hiền lao.

南關午進

鎮南關裡即中州
異樣風光入廣陬
華灣遠程今一蹴
嚴軺舊路此重由
縱橫何事老蘇使
周遍方希司馬遊
見說是行天咫尺
再來屈指在深秋

---

1. Nguyên bản chép chữ "cầu" 求 không có nghĩa, ngờ là chữ "lai" 來 viết nhầm, tạm chữa lại.

Phiên âm:

NAM QUAN NGỌ TIẾN [1]

Trấn Nam Quan lý tức Trung Châu,
Dị dạng phong quang nhập quảng trâu.
Hoa bí viễn trình kim nhất xúc,
Nghiêm thiều cựu lộ thử trùng du.
Tung hoành hà sự lão Tô sứ [2],
Chu biến phương hy Tư Mã [3] du.
Kiến thuyết thị hành thiên chỉ xích,
Tái lai khuất chỉ tại thâm thu.

Dịch nghĩa:

GIỮA TRƯA RỜI NAM QUAN LÊN ĐƯỜNG

Hết Trấn Nam Quan là địa đầu Trung Châu,
Phong vật khác lạ hãy vào tìm xem cho rộng khắp.
Sứ trình xa tít, đây mới là bước đầu,
Đường sứ hôm nay lại cũng là con đường sứ của phụ thân thuở trước.
Ngang dọc là việc gì? Ấy là việc sứ của lão Tô,
Đi khắp hết mọi phương, thật ít có những cuộc viễn du như chàng Tư Mã.
Nghe nói lần đi này, gần trời có gang tấc,
Ngày trở lại tính ngón tay đã vào cuối thu.

---

1. *Nguyên chú:* Trung Quốc báo tin các sứ thần đi đường bộ dịp này phải cho kịp đầu mùa thu tới kinh để bái hạ khánh tiết.

2. *Lão Tô sứ:* Việc sứ của lão Tô. Tô tức Tô Thức, hiệu Đông Pha cư sĩ, nhà văn lớn thời Tống. Ông có câu nói rằng: Đại trượng phu bất vi tướng tắc vi sứ, chiết xung vạn lý chi gian túc hỹ, nghĩa là: Người đại trượng phu không làm tướng thì làm quan sứ, dọc ngang trong khoảng muôn dặm cũng đủ rồi. Ở đây tác giả mượn ý đó của Tô Đông Pha để nói nỗi lòng mình.

3. *Tư Mã*: Tư Mã Thiên, sử gia lớn thời Hán, từng đi du lịch hầu khắp đất nước Trung Quốc để sưu tầm sử liệu viết *Sử ký*.

Dịch thơ:

Nam Quan vượt khỏi, đến Trung Châu,
Cảnh lạ gần xa, mắt tóm thâu.
Đường thẳm sứ giao vừa đụng tới,
Dấu xưa cha bước, lại đi vào!
Lão Tô ngang dọc, âu là thế,
Tư Mã du quan, mấy kẻ nào?
Nghe chuyến này đi trời giáp mặt,
Ngày về, bấm đốt, đã thu sâu!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

自幕府至寧明州城途中興述

曉跨征駒去路迢
恍然鵬翼上扶搖
山呈圖畫相迎送
塘具櫜鞬迭款邀
紅日漸看天北近
白雲迴望海東遙
愧非麟鳳誰爭睹
但覺風光到處饒

Phiên âm:

TỰ MẠC PHỦ CHÍ NINH MINH CHÂU THÀNH ĐỒ TRUNG HỨNG THUẬT

Hiểu khóa chinh câu khứ lộ thiều,
Hoảng nhiên bằng dực thượng phù dao.
Sơn trình đồ họa tương nghênh tống,
Đường cụ cao kiên điệt khoản yêu.

Hồng nhật tiệm khan thiên bắc cận,
Bạch vân hồi vọng hải đông dao.
Quý phi lân phượng thùy tranh đổ,
Đản giác phong quang đáo xứ nhiêu.

Dịch nghĩa:

CẢM HỨNG GIỮA ĐƯỜNG TỪ MẠC PHỦ ĐẾN CHÂU THÀNH NINH MINH

Sáng sớm phóng ngựa, rong ruổi trên đường xa,
Giống như cánh chim bằng bay vút lên khoảng không.
Núi bày ra như tranh vẽ, đón nhau đấy lại tiễn nhau đấy,
Đường đủ hình cung tên, nơi khoản đãi, nơi chào mời.
Nhìn mặt trời hồng lên, biết đã gần trời Bắc,
Xa xa trông đám mây bạc biết bể Đông xa vời.
Thẹn chẳng phải là lân phượng mà ai cũng tranh nhau xem,
Chỉ biết phong vật đến đâu cũng sung túc.

Dịch thơ:

Sáng sớm lên đường, ngựa vút roi,
Cánh bằng những tưởng lướt mây trời.
Núi phô đồ họa, chào rồi tiễn,
Đường vẽ cung tên, đón lại mời.
Trời Bắc, hồng phơi, vầng nhật tỏ,
Biển Đông trắng rợn áng mây trôi.
Thẹn không lân, phượng người xem khắp,
Chỉ biết mênh mông, cảnh tuyệt vời!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

望銅柱感懷

曉出明州城
尋訪銅柱跡
土人遙指點
青青雙堆石
嗟乎此銅柱
我邦舊址宅
在昔徵王辰
伏波為中畫
脂粉自英雄
萬古猶磧磧
可怜染鼎夫
割獻無顧惜
故疆遂淪沒
于今年數百
煙霧共朝昏
徒然慨今昔
此旁有分茅
天為南北析
久分終當合
豈虛此異蹟

Phiên âm:

VỌNG ĐỒNG TRỤ CẢM HOÀI

Hiểu xuất Minh Châu thành,
Tầm phỏng đồng trụ tích.
Thổ nhân dao chỉ điểm,
Thanh thanh song đôi thạch.
Ta hồ thử đồng trụ,

Ngã bang cựu chỉ trạch!
Tại tích Trưng Vương thời,
Phục Ba [1] vi trung hoạch.
Chi phấn tự anh hùng,
Vạn cổ do trách trách.
Khả linh nhiễm đỉnh phu,
Cát hiến vô cố tích.
Cố cương toại luân một,
Vu kim niên sổ bách.
Yên vụ cộng triêu hôn,
Đồ nhiên khái kim tích.
Thử bàng hữu Phân Mao,
Thiên vị Nam Bắc tích.
Cửu phân chung đương hợp,
Khởi hư thử dị tích.

Dịch nghĩa:

TRÔNG CHỖ CỘT ĐỒNG, CẢM XÚC.

Sáng sớm ra khỏi thành Minh Châu,
Tìm hỏi vết tích cột đồng.
Người địa phương chỉ tay về phía xa,
Nơi hai đống đá xanh xanh!
Than ôi! Cột đồng kia!
Là đất cũ của nước ta!
Từ thời Trưng Vương buổi trước,
Phục Ba đã vạch làm biên giới.
Bậc phấn son thật cũng anh hùng,
Muôn đời tiếng tăm còn vang dội.
Đáng thương tên gian phu nhúng tay vào vạc,
Cắt đất dâng đi chẳng đoái tiếc gì.

1. *Phục Ba*: Tức Mã Viện, tên tướng xâm lược nhà Hán đã đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và dựng cột đồng. Chưa rõ cột đồng được dựng ở đâu nhưng theo Vũ Huy Tấn trong bài này thì vào thế kỷ XVIII nó đã nằm sâu trong đất Trung Quốc (do vùng đất Lưỡng Quảng đã bị Trung Quốc thôn tính và sáp nhập vào Trung Quốc).

Bờ cõi xưa vì thế luân lạc đi mất,
Đến nay đã hàng mấy trăm năm.
Khói mù cộng với thời gian,
Cảm khái việc xưa nay biết dường nào!
Bên này có núi Phân Mao,
Trời đã làm cho phần Bắc phần Nam bị chia tách.
Chia đã lâu rồi cần hợp lại,
Vết tích lạ này há lại bỏ không.

Dịch thơ:

Sớm rời thành Minh Châu,
Cột đồng, tìm dấu cũ;
Dân vùng trỏ phía xa,
Đá xanh, hai đống nọ!
Than ôi! Cột đồng kia,
Cõi nước ta xưa đó.
Từ thuở Trưng Nữ Vương,
Mã Viện bày ra nó!
Son phấn thật anh hùng,
Ngàn năm còn rạng vẻ.
Khá giận đứa gian tà,
Cắt dâng không tiếc rẻ.
Ranh giới bị phai nhòa,
Tới nay bao thế kỷ!
Mây khói với thời gian,
Cảm hoài bao xiết kể.
Núi Phân Mao nơi đây,
Nam, Bắc, chia rành rẽ.
Mất mãi, phải thu về,
Dấu lạ, quên sao nhỉ?

Ngô Linh Ngọc *dịch*

華軺乘月

兼程趨覲曉催駰
入夜清光又一新
使節披風天不夏
吟鞭揮月地無塵
遠蒼連漢山如失
濃翠迷街樹不分
早指燕京朝賀罷
錦衣白晝弄華人

Phiên âm:

HOA THIỀU THỪA NGUYỆT

Kiêm trình xu cận hiểu thôi nhân,
Nhập dạ thanh quang hựu nhất tân.
Sứ tiết phi phong thiên bất hạ,
Ngâm tiên huy nguyệt địa vô trần.
Viễn thương liên hán sơn như thất,
Nùng thúy mê nhai thụ bất phân.
Tảo chỉ Yên Kinh triều hạ bãi,
Cẩm y bạch trú lộng Hoa nhân.

Dịch nghĩa:

XE ĐI SỨ TRUNG HOA NHÂN ĐÊM CÓ TRĂNG

Sáng sớm giục ngựa đi nhanh vào chầu vua,
Cho đến đêm trời trong sáng trông càng tươi tắn.
Cờ tiết gió bay, trời mát như không có mùa hạ,
Roi thơ vẫy trăng, đất sạch như không gợn chút bụi bặm.

Màu xanh xa liền với trời, núi như biến mất,
Sắc biếc thẳm che kín đường, cây khó phân biệt.
Sớm đến Yên Kinh để sau khi chầu mừng xong,
Ban ngày mặc áo gấm đùa với người Trung Hoa.

題夏扇贈求

皎 然 素 月 半 輪 開
清 拂 能 將 大 暑 回
怪 得 諸 君 多 索 寫
薰 風 隨 我 自 南 來

Phiên âm:

ĐỀ HẠ PHIẾN TẶNG CẦU

Hạo nhiên tố nguyệt bán luân [1] khai,
Thanh phất năng tương đại thử hồi.
Quái đắc chư quân đa sách tả,
Huân phong tùy ngã tự Nam lai.

1. Nguyên bản chép chữ "quy" 規 không có nghĩa, tạm sửa lại chữ "luân" 輪 nghĩa là vầng (vầng trăng).

Dịch nghĩa:

ĐỀ CHIẾC QUẠT MÙA HÈ, TẶNG NGƯỜI XIN CHỮ

Trắng như vầng trăng bạc mới mở nửa vành,
Phất lên giữa khoảng không, có thể dẹp được cơn nóng nực.
Lạ cho các vị thường hay tìm xin chữ,
Luồng gió mát mẻ này vốn theo ta từ phương Nam đến.

Dịch thơ:

Rạng ngời ngấn lụa, nửa vành trăng,
Nhẹ phất, oi nồng thoáng dẹp phăng.
Lạ nhỉ, các người xin chữ mãi:
Gió Nam theo sứ nước Nam sang!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

又效古体

(五言一律)
搦管向明窗
書作清風字
此字不書帛
此字不書紙
直書素扇上
清風隨手至
滿院自春回
盛夏無得暑

Phiên âm:

HỰU HIỂU CỔ THỂ (NGŨ NGÔN NHẤT LUẬT)

Niểu quản [1] hướng minh song,
Thư tác thanh phong tự.
Thử tự bất thư bạch,
Thử tự bất thư chỉ.
Trực thư tô phiến thượng,
Thanh phong tùy thư chỉ.
Mãn viện tự xuân hồi,
Thịnh hạ vô đắc thử.

Dịch nghĩa:

LẠI MỘT BÀI THƠ NGŨ NGÔN CỔ THỂ

Cầm quản bút đến trước cửa sổ sáng,
Viết hai chữ gió mát.
Chữ này không viết vào lụa,
Chữ này không viết lên giấy;
Chỉ viết lên trên chiếc quạt trắng.
Gió mát theo bàn tay mà đến,
Đầy sân, xuân tự nhiên về;
Giữa hè cũng không oi bức được!

---

1. Nguyên bản chép chữ "ngờ" 𢷀 là chữ "niểu" 搦 chép nhầm, tạm chữa lại. "Niểu quản" nghĩa là "cầm bút".

Dịch thơ:

Cầm bút bên song sáng,
Gió mát, hai chữ đề;
Chữ không đề trên lụa,
Chẳng trên tờ giấy kia;
Chỉ viết lên quạt trắng,
Trên tay, gió thổi về;
Khắp viện, xuân bừng lại,
Hè bức hết lăm le!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

登香林寺樓有感

徘徊旅次數旬來
乘興攜筇上梵臺
山若留人千匝繞
花如媚客兩行開
詩因景興易成句
酒被愁牽難盡杯
最是白雲凝望處
欲資翰羽一飛回

Phiên âm:

ĐĂNG HƯƠNG LÂM TỰ LÂU HỮU CẢM

Bồi hồi lữ thứ số tuần lai,
Thừa hứng huề cùng thướng phạn đài.
Sơn nhược lưu nhân thiên táp nhiễu,
Hoa như my khách lưỡng hàng khai.

Thi nhân cảnh hứng dị thành cú,
Tửu bị sầu khiên nan tận bôi.
Tối thị bạch vân ngưng vọng xứ,
Dục tư hàn vũ nhất phi hồi.

Dịch nghĩa:

CẢM XÚC KHI LÊN LẦU TRÊN CHÙA HƯƠNG LÂM

Bồi hồi ở quán khách mấy tuần rồi,
Nhân lúc hứng chống gậy lên đài Phật.
Núi như giữ người lại dăng quanh co nghìn lớp,
Hoa như chiều lòng khách nở suốt hai bên đường.
Thơ được cảnh gợi hứng, dễ viết thành câu.
Rượu vương vấn mối sầu, uống khó cạn chén.
Chỉ đăm đăm trông nơi vừng mây bạc,
Muốn có đủ lông cánh để bay về cố hương.

唐亭

棟宇巍然占石邱
倒將翠影浸長流
山屏環樹青如抹
水練橫波皎不收
閒賞趣中賓餞月
塵忙物外去來舟
唐亭誰更標新扁
曾識名賢製字秋

Phiên âm:

NGÔ ĐÌNH

Đống vũ nguy nhiên chiếm thạch khâu,
Đảo tương thúy ảnh tẩm trường lưu.
Sơn bình hoàn thụ thanh như mạt,
Thủy luyện hoành ba hạo bất thu.
Nhàn thưởng thú trung tân tiễn nguyệt,
Trần mang vật ngoại khứ lai châu.
Đường đình [1] thùy cánh tiêu tân biển,
Tằng thức danh hiền chế tự thu. [2]

Dịch nghĩa:

NGÔ ĐÌNH

Một tòa đình cao ngất xây trên gò đá,
Bóng xanh ngả xuống in trên dòng nước chảy.
Núi như bình phong có cây bao quanh, màu xanh như vẽ,
Sống tựa dải lụa, sóng xô ngang, trắng xóa một màu.
Trong thú thanh nhàn có trăng đưa đón,
Ngoài vòng trần lụy có thuyền lại qua.
Ai treo lên cái biển mới Đường đình,
Hẳn đã biết cái thời bậc danh hiền đặt ra văn tự.

---

1. Đình này nguyên tên là Ngô đình. Đời sau đề là Đường đình, nên tác giả mới nói cái biển mới.

2. Ý nói tuy đổi biển để "Ngô đình" thành ra "Đường đình", việc này có thể do nhầm lẫn về cách viết, song cũng có thể do hữu ý vì muốn nói đình này như đình thời Đường Nghiêu là thời cực kỳ thanh bình.

望洞庭偶興(進退格)

古洞庭為古使程
偏予濡轡望滄溟
兩峰樹色連天碧
萬頃波光弄日晴
湖底有無含月蚌
鏡中多少駕風舲
想於回舸閒歸處
人景都歸一錦屏

Phiên âm:

VỌNG ĐỘNG ĐÌNH NGẪU HỨNG (TIẾN THOÁI CÁCH)

Cổ Động Đình vi cổ sứ trình,
Thiên dư nhu bí vọng thương minh.
Lưỡng phong thụ sắc liên thiên bích,
Vạn khoảnh ba quang lộng nhật tình.
Hồ để hữu vô hàm nguyệt bạng,
Kính trung đa thiểu giá phong linh.
Tưởng ư hồi khá nhàn quy xứ,
Nhân cảnh đô quy nhất cẩm bình.

Dịch nghĩa:

TRÔNG HỒ ĐỘNG ĐÌNH NGẪU HỨNG

Hồ Động Đình lâu đời cũng là con đường sứ trình lâu đời,
Riêng tôi buông chùng cương ngựa trông mặt nước
mênh mông xanh thẳm.
Trên hai chóp núi, sắc cây xanh biếc liền trời,
Trong muôn lớp nước, ánh sóng rỡ ràng cùng ánh nắng.
Dưới đáy hồ có hay không loài trai ngậm mặt trăng?
Trên mặt nước như gương, nhiều hay ít con thuyền chở gió?
Nghĩ đến khi thuyền trở lại, về chốn thanh nhàn,
Người và cảnh ở đây đều thu vào cả trong một túi thơ.

題秋扇贈求

扇值清秋盡日閒
恰如高士隱青山
一朝際遇炎曦上
運動風雲手握間

風是無形扇有形
每將扇動便風生
吾儒遇物要窮理
豈作炎涼逐世情

---

1. Nguyên bản chép "trú nhật gian" 晝日間, không có nghĩa. Ngờ là chữ "tận nhật nhàn" 盡日閒 viết nhầm, tạm chữa lại.

2. Nguyên bản chép chữ "ảnh" 影 không hợp nghĩa. Ngờ là chữ "phiến" 扇 nghĩa là "quạt" chép nhầm, tạm chữa lại.

Phiên âm:

ĐỀ THU PHIẾN TẶNG CẦU

Phiến trị thanh thu tận nhật nhàn,
Cáp như cao sĩ ẩn thanh san.
Nhất triêu tế ngộ viêm hy thượng,
Vận động phong vân thủ ốc gian.

*

Phong thị vô hình phiến hữu hình,
Mỗi tương phiến động tiện phong sinh.
Ngô Nho ngộ vật yêu cùng lý,
Khởi tác viêm lương trục thế tình.

Dịch nghĩa:

ĐỀ CÁI QUẠT MÙA THU TẶNG NGƯỜI XIN CHỮ

Tới mùa thu cái quạt suốt ngày nhàn rỗi,
Hệt như bậc cao sĩ ẩn ở núi xanh.
Một mai gặp hồi nóng nực,
Làm xao động gió mây chỉ trong khoảng tay cầm.

*

Gió thì vô hình mà quạt lại hữu hình,
Mỗi lần động đến quạt gió liền sinh ra.
Nhà Nho gặp việc nên xét lẽ đến cùng,
Há lại làm theo thói đời khi nóng khi lạnh.

Dịch thơ:

Quạt đến mùa thu rỗi suốt ngày.
Hệt như cao sĩ ẩn non mây.
Một mai lại đến cơn nồng nực,
Gió chuyển mây vần, trong nắm tay.

*

Gió thực vô hình quạt hữu hình,
Mỗi lần phẩy quạt, gió liền sinh.
Nhà Nho trước việc nên suy xét,
Nóng lạnh đừng theo với thế tình.

Nguyễn Huệ Chi *dịch*

武昌江晚泛

踏遍岧嶢到武昌
渡頭趁晚促開艎
波流白欲懷鸚鵡
霞照紅將蘸鳳凰
漢口煙中家萬井
晴川雲外樹千章
鶴樓多少吟題在
佳賞猶然無盡藏

Phiên âm:

VŨ XƯƠNG [1] GIANG VÃN PHIẾM

Đạp biến thiều nghiêu đáo Vũ Xương,
Độ đầu sấn vãn xúc khai hoàng.
Ba lưu bạch dục hoài Anh Vũ, [2]
Hà chiếu hồng tương trám Phượng Hoàng. [3]
Hán Khẩu yên trung gia vạn tỉnh,
Tình xuyên vân ngoại thụ thiên chương.
Hạc lâu [4] đa thiểu ngâm đề tại,
Giai thưởng do nhiên vô tận tàng.

Dịch nghĩa:

BUỔI CHIỀU BƠI THUYỀN TRÊN SÔNG VŨ XƯƠNG

Đi khắp các con đường gập ghềnh mới đến Vũ Xương,
Tới bến đò vừa lúc chiều tối, giục chèo thuyền đi gấp.
Những con sóng bạc làm nhớ bãi Anh Vũ,
Ráng đỏ chiều xuống nhuộm thắm núi Phượng Hoàng.
Trong màn khói ở Hán Khẩu thấp thoáng vạn xóm nhà,
Ngoài áng mây nơi Sông tạnh, cây cối nghìn vẻ đẹp.
Trên lầu Hạc có biết bao nhiêu thơ đề vịnh.
Thú thưởng ngoạn này còn mãi, không gì chứa hết.

---

1. *Vũ Xương*: Một địa điểm thuộc Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc của Trung Quốc.
2. *Anh Vũ*: Ở đây là "Anh Vũ châu", tức "bãi Anh Vũ" dưới chân lầu Hoàng Hạc
3. *Phượng Hoàng*: Ở đây là Phượng Hoàng sơn, tức núi Phượng Hoàng trên đất Hán Dương, gần Vũ Xương.
4. *Hạc lâu*: Lầu Hoàng Hạc ở Vũ Xương. Thôi Hiệu đã làm thơ về lầu này, sau đó có rất nhiều nhà thơ cũng làm thơ về lầu Hoàng Hạc.

渡黃河

堪輿寫出大篇文
一派洪流萬里雲
湍急無風猶白浪
岸遙不雨亦陰氛
滾沙遠近浮還沒
征舸高低合作分
昌運正逢澄萬頃
星槎橫泛趁南薰

Phiên âm:

ĐỘ HOÀNG HÀ

Kham dư tả xuất đại thiên văn,
Nhất phái hồng lưu vạn lý vân.
Suyễn cấp vô phong do bạch lãng,
Ngạn dao bất vũ diệc âm phân.
Cổn sa viễn cận phù hoàn một,
Chinh khả cao đê hợp tác phân.
Xương vận chính phùng trừng vạn khoảnh,
Tinh sà hoành phiếm sấn Nam huân.

Dịch nghĩa:

QUA HOÀNG HÀ

Bản đồ phác vẽ ra một đường nét lớn,
Một giòng mênh mông trôi trong muôn dặm mây.
Nước chảy gấp, không có gió vẫn cuộn sóng bạc,
Bờ xa thẳm, không có mưa vẫn thấy mù đen.

Bãi cát xa gần nổi lên rồi lại chìm xuống,
Thuyền đi nhấp nhô nhóm lại rồi tan ra.
Vận nước hưng thịnh, đúng lúc muôn khoảnh sông nước lắng trong,
Chiếc bè sứ giả lướt ngang cho theo kịp ngọn gió Nam ấm dịu.

Dịch thơ:

Trên bản đồ in, đường vạch lớn,
Mây mênh mông cuộn sóng mênh mang.
Nước xô, lặng gió, ba đào dậy,
Bờ thẳm, không mưa, bóng tối tràn.
Cồn cát gần xa chìm lại nổi,
Cột buồm cao thấp, họp rồi tan...
Nước đang buổi thịnh, sông muôn dặm,
Thuyền sứ dăng buồm, kịp gió Nam!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

熱河公館中秋漫興

逡巡旅次忽秋中
光景撩人不放空
客地寒衣今夕異
閒庭月色去年同
官廚供酒香難狀
館伴談詩語欲通
想得家鄉班席上
賞燈燕樂正融融

Phiên âm:

NHIỆT HÀ CÔNG QUÁN TRUNG THU MẠN HỨNG

Thoan tuần lữ thứ hốt thu trung,
Quang cảnh liêu nhân bất phỏng không.
Khách địa hàn y kim tịch dị,
Nhàn đình nguyệt sắc khứ niên đồng.
Quan trù cung tửu hương nan trạng,
Quán bạn đàm thi ngữ dục thông.
Tưởng đắc gia hương ban tịch thượng,
Thưởng đăng yến lạc chính dung dung.

Dịch nghĩa:

TRUNG THU Ở CÔNG QUÁN NHIỆT HÀ CẢM HỨNG

Lần lữa nơi đất khách, bỗng đã đến Trung thu,
Quang cảnh trêu người, không thể bỏ qua được.
Mặc áo lạnh đất khách, đêm nay khác với đêm qua,
Ánh trăng trước sân nhàn, năm ngoái và năm nay vẫn vậy.
Bếp nhà quan dâng rượu, mùi thơm khó tả,
Người bạn trong quán khách bàn luận về thơ, ngôn ngữ chừng đã hiểu ít nhiều.
Tưởng tượng ở quê nhà, trên chiếu ban,
Thưởng niềm vui dưới ngọn đèn, cha mẹ ta lúc này đang hồ hởi.

Dịch thơ:

Quê người lần lữa, thoắt Trung thu,
Cảnh đẹp chào mời, bỏ phí ru?
Đất khách, áo mền, đêm dẫu khác,
Thềm hoang, trăng dãi, cảnh như xưa.
Bình thơ, bạn trọ, âm dần hiểu,
Rượu trạm, hương men, lạ khó ngờ.
Tưởng thấy sân Lai, trên chiếu ngọc,
Đèn rong, rượu nhắp, tiệc đang vừa!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

重過興隆寺留別
連城禪師

興隆重過叩禪關
忙裡偏偷半日閒
萬里江山迎送處
三秋風月往還間
客縱好似飛鴻過
鄉思爭如倦鳥還
最是吾人情獨重
會時不易別時難

Phiên âm:

TRÙNG QUÁ HƯNG LONG TỰ LƯU BIỆT LIÊN THÀNH THIỀN SƯ

Hưng Long trùng quá khấu thiền quan,
Mang lý thiên du bán nhật nhàn.
Vạn lý giang sơn nghênh tống xứ,
Tam thu phong nguyệt vãng hoàn gian.
Khách tung hảo tự phi hồng quá,
Hương tứ tranh như quyện điểu hoàn.
Tối thị ngô nhân tình độc trọng,
Hội thời bất dị biệt thời nan.

Dịch nghĩa:

LẠI QUA CHÙA HƯNG LONG, LƯU BIỆT THIỀN SƯ LIÊN THÀNH

Lần thứ hai đến chùa Hưng Long gõ cửa thiền,
Giữa lúc bận rộn, tạm được nửa ngày nhàn.
Đây là chốn đón đưa trên non Sông muôn dặm,
Đấy là khoảng qua lại trong trăng gió ba thu.
Dấu tích nơi đất khách giống như loài chim hồng bay qua,
Ý nghĩ về quê hương hệt như con chim mỏi mệt trở về tổ.
Chỉ riêng có tình con người giữa chúng ta là nặng nhất,
Gặp nhau không phải dễ, nhưng xa nhau còn khó khăn hơn.

重過萬年即事

蒲城曉發路行徐
重過名庵認舊書
馬自諳程何待問
烏如慣面故相於
不彫松竹經秋後
無恙山溪欲雪初
勝景忙中看不盡
始知天地總蘧廬

Phiên âm:

TRÙNG QUÁ VẠN NIÊN TỨC SỰ

Bồ thành hiểu phát lộ hành từ,
Trùng quá danh am nhận cựu thư.
Mã tự am trình hà đãi vấn.
Ô như quán diện cố tương ư.
Bất điêu tùng trúc kinh thu hậu,
Vô dạng sơn khê dục tuyết sơ.
Thắng cảnh mang trung khan bất tận,
Thủy tri thiên địa tổng cừ lư.

Dịch nghĩa:

LẠI QUA AM VẠN NIÊN TỨC CẢNH

Buổi sáng xuất phát từ thành Bồ, đường đi thong thả,
Lại qua nơi danh am, nhận được nét chữ hồi trước.
Ngựa đã nhớ đường, chẳng cần phải hỏi,
Quạ như quen mặt, nên cúi chào nhau.
Đã trải qua mùa thu rồi, tùng trúc vẫn không tàn lụi,
Sắp tới đầu mùa tuyết, núi khe vẫn chẳng việc gì.
Trong lúc vội vàng, cảnh đẹp xem không hết,
Mới biết trời đất vẫn là một quán trọ.

Dịch thơ:

Sớm thảnh thơi đi tự đất Bồ,
Qua chùa nhận lại chữ mình xưa.
Ngựa thông lối cũ, không cần hỏi,
Quạ nhớ người quen, sẵn đứng chờ.
Trải tiết thu vàng, tùng vẫn biếc,
Sắp mùa tuyết trắng, núi càng trơ;
Vội vàng, cảnh đẹp xem không hết,
Rõ đất trời kia, quán trọ hờ!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

舟行即事

璃渚歸舟趁曉催
鄉心觸景獨徘徊
水流閒急隨灘轉
山勢高低夾岸開
冬日晴將行色烜
西風吹送順帆回
鄉家江畔橫籬落
早漏清光數點梅

Phiên âm:

CHU HÀNH TỨC SỰ

Ly chử quy chu sấn hiểu thôi,
Hương tâm xúc cảnh độc bồi hồi.
Thủy lưu nhàn cấp tùy than chuyển,
Sơn thế cao đê giáp ngạn khai.
Đông nhật tình tương hành sắc huyền,
Tây phong xuy tống thuận phàm hồi.
Hương gia giang bạn hoành ly lạc,
Tảo lậu thanh quang sổ điểm mai.

Dịch nghĩa:

ĐI THUYỀN TỨC SỰ

Ở bến Ly quay thuyền về kịp khi trời sáng,
Lòng nhớ quê gặp phong cảnh, riêng mình thấy bồi hồi.
Nước chảy lúc khoan lúc gấp, lượn theo khúc sông,
Thế núi khi thấp khi cao ôm lấy bờ bãi.

Mặt trời mùa đông tạnh ráo, dọi chiếu ánh sáng trên đường.
Gió tây thổi thuận đưa cánh buồm quay về.
Làng xóm bên sông bờ dậu chắn ngang,
Từ sáng sớm đã lọt ánh dương và vài điểm hoa mơ.

太平公館雪夜偶興

夙駕華騈萬里還
太平江上解征鞍
土音漸識鄉關邇
素履那知末路難
樽酒時憑消旅況
燈花早兆報家安
窗前點點青梅雨
為近韶春不覺寒

Phiên âm:

THÁI BÌNH CÔNG QUÁN TUYẾT DẠ NGẪU HỨNG

Túc giá hoa biền vạn lý hoàn,
Thái Bình giang thượng giải chinh an.
Thổ âm tiệm thức hương quan nhĩ,
Tố lý na tri mạt lộ nan. [1]
Tôn tửu thời bằng tiêu lữ huống,
Đăng hoa tảo triệu báo gia an.
Song tiền điểm điểm thanh mai vũ,
Vi cận thiều xuân bất giác hàn.

1. Câu này tác giả có ý chơi chữ: Tố lý có nghĩa là giữ phận, nhưng cũng có nghĩa là giày bám tuyết trắng xóa, đúng với quang cảnh đêm tuyết mà tác giả miêu tả.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TUYẾT Ở CÔNG QUÁN TRÁI BÌNH NGẪU NHIÊN CẢM HỨNG

Lại lên xe sứ ngày trước, muôn dặm quay về,
Đến bờ sông Thái Bình, cởi bỏ yên ngựa.
Nghe tiếng thổ âm dần dần biết quê làng đã gần,
Giữ gìn bổn phận của mình, nào hay chặng cuối đường vẫn còn khó.
Thường nâng chén rượu để khuây khỏa tâm trạng lữ thứ,
Xem hoa đèn sớm biết gia cảnh bình an.
Trước cửa sổ lấm tấm hạt mưa thanh mai,
Vì gần tới mùa xuân nên không còn cảm thấy lạnh.

Dịch thơ:

Xe sứ về theo vạn dặm trường,
Đến bờ Sông Thái cởi yên cương.
Nghe âm biết đã gần quê quán,
Bạc dép, hay đâu chặng cuối đường.
Rót rượu cho khuây sầu lữ khách,
Xem đèn bớt thấp thỏm gia hương.
Mưa mai lấm tấm ngoài song cửa,
Đã sắp sang xuân rét cũng thường.

Nguyễn Huệ Chi *dịch*

午晴回到南關興述

歸軺步步忽關城
恰似遊仙夢乍醒
九月往回三驛迅
兩旬陰曀一朝晴
家堂親鬢應添白
鄉國山顏不改青
故友若詢行所得
中州風物兩襟清

Phiên âm:

NGỌ TÌNH HỒI ĐÁO NAM QUAN HỨNG THUẬT

Quy thiều bộ bộ hốt quan thành,
Cáp tự du tiên mộng sạ tinh.
Cửu nguyệt vãng hồi tam dịch tấn,
Lưỡng tuần âm ế nhất triều tình.
Gia đường thân mấn ưng thiêm bạch,
Hương quốc sơn nhan bất cải thanh.
Cố hữu nhược tuân hành sở đắc,
Trung Châu phong vật lưỡng khâm thanh.

Dịch nghĩa.

GIỜ NGỌ VỀ ĐẾN NAM QUAN THUẬT LẠI CẢM HỨNG

Xe về đi bước một, bỗng đã tới thành Nam Quan,
Hệt như giấc mộng đi chơi cõi tiên vừa chợt tỉnh.
Chín tháng đi về, nhanh như qua ba trạm,
Hai mươi ngày mù tối, một sớm trời hửng.
Mái tóc thân yêu của gia đường hẳn đã bạc thêm,
Trên khắp núi non làng nước màu xanh vẫn không đổi.
Bạn cũ nếu hỏi cuộc hành trình thu được cái gì,
Rằng: phong vật Trung Châu ở cả trong hai ống tay áo.

奉和司馬少保兵部 諸公寵贈詩韻

欽奉皇華進玉關
馳驅那管水和山
宸居回望雲重嶂
鄉國時懷月一彎
斡運悉歸成畫上
縱橫寧費屈毫端
太和今喜完佳局
慶席叨陪簇錦團

Phiên âm:

PHỤNG HỌA TƯ MÃ, THIẾU BẢO, BINH BỘ, CHƯ CÔNG SỦNG TẶNG THI VẬN

Khâm phụng hoàng hoa tiến Ngọc Quan,
Trì khu na quản thủy hòa san.
Thần cư hồi vọng vân trùng chướng,
Hương quốc thời hoài nguyệt nhất loan.
Cán vận tất quy thành hoạch thượng,
Tung hoành ninh phí khuất hào đoan.
Thái hòa kim hỷ hoàn giai cục,
Khánh tịch thao bồi thốc cẩm đoàn.

Dịch nghĩa:

PHỤNG HỌA VẦN THƠ QUA CÁC QUAN TƯ MÃ, THIẾU BẢO, BINH BỘ ĐÃ YÊU MẾN TẶNG CHO

Vâng mệnh đi sứ, tiến ra ải Ngọc,
Rong ruổi, quản chi những núi cùng sông.
Ngoảnh trông lại nơi vua ở, mây chắn lớp lớp.
Thường nhớ tới quê hương với mảnh trăng vòng cung.
Trù hoạch thảy đều nhờ ở kế sách định sẵn,
Tung hoành cần chi phải phiền đến ngòi bút lông.
Thái hòa, nay mừng đã hoàn thành được công cuộc tốt đẹp,
Tiệc mừng may được lạm dự cùng với bao nhiêu bạn áo gấm.

臘月十七日回到鳳城
二十日又南往富春登程感興

鳳城向臘促征驂
極北初還又極南
白眼閱殘明晦月
丹懷傲盡海山嵐
慰親早寄兩封字
逢弟姑伸半夕談
從僕莫嗟行役苦
桑蓬今始忝稱男

Phiên âm:

LẠP NGUYỆT THẬP THẤT NHẬT HỒI ĐÁO PHƯỢNG THÀNH. NHỊ THẬP NHẬT HỰU NAM VÃNG PHÚ XUÂN ĐĂNG TRÌNH CẢM HỨNG

Phượng Thành [1] hướng lạp xúc chinh tham,
Cực bắc sơ hoàn hựu cực nam.
Bạch nhãn duyệt tàn minh hối nguyệt,
Đan hoài ngạo tận hải sơn lam.
Úy thân tảo ký lưỡng phong tự,
Phùng đệ cô thân bán tịch đàm.
Tòng bộc mạc ta hành dịch khổ,
Tang bồng kim thủy thiểm xưng nam.

---

1. *Phượng Thành:* Tức thành Thăng Long.

Dịch nghĩa:

NGÀY 17 THÁNG CHẠP VỀ ĐẾN THÀNH PHƯỢNG, NGÀY 20 LẠI ĐI VÀO THÀNH PHÚ XUÂN TRONG NAM, LÚC LÊN ĐƯỜNG CẢM HỨNG

Tháng chạp từ thành Phượng giục vó ngựa ra đi,
Đi hết đất Bắc vừa mới về, lại đi cùng đất Nam.
Mắt trắng đã từng xem hết ánh trăng khi tỏ khi mờ,
Lòng son đã từng ngạo nghễ với hết thảy chướng lam nơi biển cả non ngàn.
Để an ủi người thân, đã sớm gửi hai phong thiếp,
Gặp em trai, chỉ mới dành ra được nửa buổi trò chuyện.
Những người đi theo chớ có than thở rằng đi đường khổ,
Chí tang bồng từ nay mới đáng gọi là kẻ nam nhi.

Dịch thơ:

Phượng thành, tháng chạp, lên yên,
Vừa xong Cực Bắc đã miền Cực Nam.
Nguyệt đầy vơi, mắt đã nhàm,
Lòng son từng thách chướng lam biển hồ.
Thăm nhà, thư vội, vài tờ,
Gặp em, gấp rút chuyện trò nửa đêm!
Bạn đường gian khổ chớ hiềm,
Làm trai, hồ thỉ, thỏa niềm khát khao!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

辨夷

夷自從弓又帶戈
吾邦文獻似中華
矧經欽賜安南國
此字書來不亦訛

Phiên âm:

BIỆN "DI"

Di tự tòng cung hựu đới qua [1],
Ngô bang văn hiến tự Trung Hoa.
Thẩn kinh khâm tứ An Nam quốc,
Thử tự thư lai bất diệc ngoa [2].

Dịch nghĩa:

TRANH LUẬN VỀ CHỮ DI

Chữ di do chữ cung và chữ qua hợp lại,
Nước ta về văn hiến cũng giống như Trung Hoa.
Huống chi từ xưa đã gọi là nước An Nam rồi,
Viết chữ di này ra, há chẳng phải là sai lắm hay sao?

---

1. Tác giả chiết tự. Chữ *di* trong Hán tự gồm chữ cung và bộ phận còn lại gần giống chữ "qua" (chứ không phải chữ "qua").

2. Bài này không có trong tập *Hoa nguyên tùy bộ*. Có lẽ nó thuộc phần thơ của Vũ Huy Tấn trong chuyến đi sứ Trung Quốc năm 1795, hiện chưa tìm thấy. Văn bản này lấy trong bài *Ông Vũ Huy Tấn với tập "Hoa trình tùy bộ"* của Hoa Bằng: *Tri Tân* các số 35, 36, 37 và 40 năm 1942.

奉撰尊祭北來陣亡諸將文

夫王者四征不服,豈容鄰國之交爭
然聖人一視同仁,寧忍羈魂之闕祀
那堪川血山骸
時動雷號河淚
爾北來將士等
中土俊髦
大邦瓜距
久荷天心好治,不識兵殆已百年
頃因孫氏邀功,胡轉餉動經千里
責爾於嵐嶂之區
勞爾以疆場之事
離爾鄉,棄爾井,望章陽咸子而弗懲
設彼旗建彼旄,歷馬嶺鬼門而罔畏
自迷師象之凶
遂犯兵家之忌
方我偏師直指,蓋將惟蜂蠆是驅除
矧予並育為心,豈忍以鯨鯢為觀美.
乃行間交鏑之橫羅
非夫子迭奔之莫止
或駭心於遇象,自顛隮於郊外之原
或失脚於斷橋,相枕藉於富良之水
雖乖志於倒戈
是表心於寒歲

觸目秦城月苦，猶興吊伐之悲
傷懷瀘水雲愁，曷禁回車之涕
特收暴骨以命窆
爰向長津而設祭
我愛兼于北，出帑藏而自澤枯亡
爾魂其無南，去羈旅而各投鄉址
尚欽予為主之成
庶廣我奉天之志.

PHỤNG SOẠN TÔN TẾ BẮC LAI TRẬN VONG CHƯ TƯỚNG VĂN

Phù vương giả tứ chinh bất phục, khởi dung lân quốc chi giao tranh.
Nhiên thánh nhân nhất thị đồng nhân, ninh nhẫn cơ hồn chi khuyết tự.
Na kham xuyên huyết sơn hài,
Thời động lôi hào hà lệ.
Nhĩ bắc lai tướng sĩ đẳng;
Trung thổ tuấn mao,
Đại bang [3] trảo cự [4].
Cửu hà thiên tâm hảo trị, bất thức binh đãi dĩ bách niên.
Khoảnh nhân Tôn thị [5] yêu công, hổ chuyển tuất động kinh thiên lý.

---

1. Nguyên bản chữ *"bả"* 把 không có nghĩa - Bản *Minh đô sử* chép là chữ *"phạm"* 犯, chữa lại theo bản trong *Minh đô sử.*

2. Nguyên bản chép chữ "xuất" 出 không có nghĩa - Bản trong *Minh đô sử* chép là chữ *"tự"* 自 , chữa lại theo bản trong *Minh đô sử.*

3. *Đại bang:* Nước lớn, chỉ Trung Quốc.

4. *Trảo cự*: Móng vuốt. Ở đây chỉ bọn võ tướng quan trọng như nanh vuốt của triều đình phong kiến.

5. *Tôn thị:* Tức Tôn Sĩ Nghị, kẻ cầm đầu 20 vạn quân Thanh kéo sang xâm lược Việt Nam năm 1788 – 1789.

Trách nhĩ ư lam chướng chi khu,
Lao nhĩ dĩ cương trường chi sự.
Ly nhĩ hương, khí nhĩ tỉnh, vọng Chương Dương Hàm Tử [1]
nhi phất trừng.
Thiết bỉ triệu, kiến bỉ mao, lịch Mã Lĩnh [2] Quỷ Môn [3]
nhi võng úy.
Tự mê sư tượng chi hung [4],
Toại phạm binh gia chi kỵ.
Phương ngã thiên sư trực chỉ, cái tương duy phong mại thị
khu trừ;
Thẩn dư tịnh dục vi tâm, khởi nhẫn dĩ kình nghê [5] vi
quan mỹ.
Nãi hành gian giao trích chi hoành la,
Phi phu tử nhạ bôn chi mạc chỉ.
Hoặc hãi tâm ư ngộ tượng, tự điên tễ ư giao ngoại chi
nguyên;
Hoặc thất cước ư đoạn kiều, tương chẩm tạ ư Phú Lương [6]
chi thủy.
Tuy quai chí ư đảo qua,
Thị biểu tâm ư hàn tuế.
Xúc mục Tần Thành [7] nguyệt khổ, do hưng điếu phạt chi bi;

---

1. *Chương Dương, Hàm Tử*: Hai địa điểm quan trọng từng ghi những chiến công oanh liệt chống Mông Nguyên của quân dân ta thời Trần. Chương Dương nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội, và Hàm Tử thuộc huyện Khoái Châu, Hải Hưng.

2. *Mã Lĩnh*: Tức núi Mã Yên ở Lạng Sơn, nơi tướng Minh là Liễu Thăng bị phục binh của Lê Lợi giết chết.

3. *Quỷ Môn*: Một cửa ải hiểm trở ở biên giới Việt – Trung nơi bọn xâm lược Trung Quốc thua trận thường chạy về qua đây.

4. *Sư tượng chi hung*: Phần tượng của quẻ sư trong Kinh Dịch có câu: "Sự xuất chung hung" nghĩa là đưa quân đi rốt cục là điềm hung dữ.

5. *Kình nghê*: Chỉ nấm mồ lớn chôn chung nhiều người. Khi có quá nhiều người chết không có đất chôn, người ta tập trung lại chôn vào một nơi rồi đắp lên thành gò cao giống hình cá kình cá nghê, gọi là quán kình nghê.

6. *Phú Lương:* Tức Sông Hồng.

7. *Tần Thành:* Tức Vạn Lý Trường Thành do Tần Thủy Hoàng xây, nhằm phục vụ chiến tranh phong kiến chống các dân tộc thiểu số phương Bắc.

Thương hoài Lô Thủy[1] vân sầu, hạt cấm hồi xa chi thê.
Đăc thu bôc cốt dĩ mệnh biêm.
Viên hướng Trường tân nhi thiết tế.
Ngã íi kiêm vu Bắc, xuất nô tàng nhi tự trạch khô vong.
Nhĩ hồn kỳ vô Nam, khứ ky lữ nhi các đầu hương chi.
Thượng khâm dư vi chủ chi thành;
Thứ quảng ngã phụng thiên chi chí.

Dịch theo văn tế:

PHỤNG SOẠN VĂN TẾ BỌN TƯỚNG SĨ PHƯƠNG BẮC SANG XÂM LƯỢC BỊ CHẾT TRẬN

Than ôi!
Bậc vương giả bốn phương trừ nghịch, lân quốc kia mưu tranh lấn há đong?
Đấng thánh nhân khắp chốn thi nhân, cô hồn nọ để bơ vơ, sao nỡ!
Chẳng đành nhìn biển máu, núi xương,
Trạnh thương xót sấm rền, sông lệ
Bọn Bắc quân xâm lược các ngươi:
Móng vuốt đại bang,
Anh tài trung thổ.
Mấy thuở hưởng phúc trời thịnh trị, ngót trăm năm chiến trận nào hay,
Phút giây vì Sĩ Nghị tham công, ngoài ngàn dặm mạng dân thí bỏ!
Bắt nếm mùi lam chướng xông pha,
Buộc chịu nỗi biên cương cực khổ;

1. *Lô Thủy*: Tức hạ lưu sông Ô Long thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Nơi đây vào khoảng những năm cuối niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường (khoảng 750 – 757), tể tướng nhà Đường Dương Quốc Trung phát động một cuộc chiến tranh đánh dân tộc Các La Phượng (Vân Nam). Cuộc chiến tranh thảm khốc đó đã phải vét đến hơn 20 vạn quân sĩ từ khắp mọi miền, bằng những biện pháp cưỡng bức như đóng gông vào cổ, khiến cho nhân dân ai oán khôn xiết. Kết quả là không một ai sống sót trở về.

Lìa quê nhà, bỏ đồng ruộng, thấy Chương Dương, Hàm Tử chẳng kinh;
Cắm cờ triệu dựng cờ mao trải Mã Lĩnh, Quỷ Môn chẳng sợ.
Quẻ "xuất sư" kinh Dịch, cố ngơ,
Điều cấm kỵ nhà binh, làm bửa!
Quân ta đã ngọn cờ thẳng trỏ, đàn kiến kia quyết trụi hang cùng,
Lòng ta hằng thể đức hiếu sinh, mả kình ấy đẹp gì mắt ngó!
Ngặt trong vòng gươm bủa, lưới dăng,
Khôn thoát cảnh quân tan, trận vỡ.
Hoặc những kẻ gặp voi lồng bở vía, thây ven thành góc bãi nằm lăn,
Hoặc những người trên cầu đứt sẩy chân, xác vùi nước Sông Hồng nghẹn ứ.
Dẫu kẻ ngu chưa trở giáo quy hàng,
Song vận bĩ, đã kinh hồn nhận rõ,
Buồn trông cảnh Tần Thành trăng úa, khổ viễn chinh còn tấy niềm đau.
Thảm nhớ phen Lô Thủy mây sầu, xe bại trận khôn ngăn lệ nhỏ.
Nay ta cho:
Nhặt xương phơi mà vun đống mồ kia,
Rồi lại khiến:
Lập đàn tế, hướng bên dòng sông đó.
Lòng ta rộng thương chung giống Bắc, xuất của kho mà đắp mảnh xương tàn,
Hồn bay dừng vơ vẩn trời Nam, bỏ đất khách mà về quê cũ.
Khá kính lòng ta, chủ ý chân thành,
Hầu khiến chí ta, đạo trời rộng ngỏ!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

NGUYỄN ĐỀ
(1761 - 1805)

Tên húy là Nễ, sau mới đổi là Đề, tự là Nhất Quế, hiệu là Quế Hiên. Người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Là con thứ sáu của Xuân quận công Nguyễn Nghiễm và là anh cùng mẹ của nhà Đại thi hào Nguyễn Du. Sinh ngày 13 tháng 2 năm Tân Tỵ, đời Cảnh Hưng, tức ngày 19 tháng 3 năm 1761, mất ngày 1 tháng 7 năm Ất Sửu tức ngày 3 tháng 9 năm 1805. Đậu Cử nhân năm 1783. Dưới thời Lê Trịnh đã làm Thị nội văn chức, rồi Hiệp tán quân cơ đạo quân Sơn Tây. Lúc Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, ông định chạy theo nhưng không kịp, tạm lánh về quê mẹ, sau đó ra làm Hàn lâm thị thư cho nhà Tây Sơn. Hai lần đi sứ Trung Quốc vào các năm 1789, và 1795, dưới đời các vua Quang Trung, Quang Toản. Mỗi lần đi sứ, Nguyễn Đề đều có sáng tác, sau tập họp lại trong tập *Hoa trình tiêu khiển hứng tiền hậu tập*, ngoài ra ông còn một số bài thơ khác trong *Quế Hiên thi tập*. Cả hai tập đều viết bằng chữ Hán. Nguyễn Đề cũng có một vài bài thơ bằng chữ Nôm, nhưng không đáng kể.

Mặc dù lúc đầu có định chạy theo Lê Chiêu Thống, nhưng về sau ra làm việc với Tây Sơn, Nguyễn Đề vẫn tỏ ra khá tự nguyện. Ông không vướng bận lắm với cái nghĩa "trung quân" của các nhà Nho, nên làm việc hăm hở, không có mặc cảm mình là kẻ "hàng thần lơ láo". Thậm chí có lúc còn đi xa hơn, ông lên tiếng chỉ trích những kẻ bảo thủ, lánh đời, quay lưng lại hiện thực. Tuy vậy, riêng đối với số bạn bè thân thiết hay anh em ruột thịt còn nặng lòng đối với nhà Lê cũ, ông vẫn giữ thái độ trân trọng, quý mến. Nguyễn Đề có một số bài thơ buồn, phần lớn là những bài nói về lòng nhớ quê hương, về tâm tình của người lữ thứ. Những bài thơ trích tuyển ở đây lấy từ tập *Hoa trình tiêu khiển hứng tiền hậu tập* của Thư viện Viện Văn học, ký hiệu HN 360, có bổ sung một số bài lấy trong *Hoa trình tiêu khiển tập* của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 1361.

次東山偶憶蘭池漁者

東魯行車雪雨飛
偶懷閒客釣魚磯
二倫情誼心相厚
十載窮通命每違
不審役形當世事
何如拭目看時機
首陽今日無人問
也任夷齊契盡薇

Phiên âm:

THỨ ĐÔNG SƠN NGẪU ỨC LAN TRÌ NGƯ GIẢ [1]

Đông Lỗ hành xa tuyết vũ phi,
Ngẫu hoài nhàn khách điếu ngư ky.
Nhị luân tình nghị tâm tương hậu [2],
Thập tải cùng thông mệnh mỗi vi.
Bất thẩm dịch hình đương thế sự,
Hà như chúc mục khán thời ky.
Thủ Dương kim nhật vô nhân vấn,
Dã nhậm Di Tề [3] nghiết tận vi.

---

1. *Lan Trì ngư giả*: Biệt hiệu của Vũ Trinh, người làng Xuân Lan, huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh. Ông mất năm 1828.

Vũ Trinh không theo Tây Sơn. Năm 1787, ông bỏ hết sản nghiệp giúp cho quân đội Lê Chiêu Thống. Khi Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, ông không theo kịp, về làng ở ẩn.

2. *Nguyên chú*: Ngư giả với tôi vừa là anh vừa là bạn nên dùng chữ nhị luân.

3. *Di, Tề*: Tức Bá Di, Thúc Tề, hai người con vua nước Cô Trúc, chư hầu của nhà Thương (Trung Quốc). Khi Vũ Vương đánh nhà Thương, Di, Tề can ngăn không được liền bỏ lên núi Thú Dương ở ẩn. Hai người thề không ăn thóc nhà Chu, chỉ ăn rau vi rồi chết.

Dịch nghĩa:

NGHỈ LẠI Ở ĐÔNG SƠN NGẪU NHIÊN NHỚ ÔNG CHÀI LAN TRÌ

Xe đi trên đất Đông Lỗ trong mưa tuyết bay,
Bất chợt nhớ ông khách nhàn ngồi câu trên bến đá.
Đối với nhau như anh như bạn, tình càng sâu nặng,
Kẻ đạt người cùng, mười năm số mệnh trái nhau.
Chẳng biết bắt tấm thân vất vả gánh vác việc đời,
Sao bằng dụi mắt ngồi xem thời cuộc.
Núi Thủ Dương ngày nay không ai hỏi đến,
Để mặc cho Di Tề ăn hết rau vi.

Dịch thơ:

Xe qua Đông Lỗ tuyết mưa mau,
Nhớ khách ngồi nhàn trước bến câu.
Đôi dạ nghĩa tình còn nặng kính,
Mười năm cùng đạt lọ xa nhau.
Không đam sự thế e phiền lụy,
Sao chẳng nhìn thời xét cạn sâu!
Núi Thủ ngày nay ai kẻ ngó,
Di Tề mặc sức ngốn no rau.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

懷素如弟

素如何處住
零落最堪哀
自有淩雲志
還無涉世才
陶情時索筆
托跡日含杯
解我相思苦
徐攜幼子來

Phiên âm:

HOÀI TỐ NHƯ ĐỆ [1]

Tố Như hà xứ trú,
Linh lạc tối kham ai.
Tự hữu lăng vân chí,
Hoàn vô thiệp thế tài.
Đào [2] tình thời sách bút,
Thác tích nhật hàm bôi.
Giải ngã tương tư khổ,
Từ huề ấu tử lai.

---

1. *Tố Như:* Tức Nguyễn Du (1766 – 1820) em ruột Nguyễn Đề. Lúc này Nguyễn Đề làm quan với Tây Sơn nhưng Nguyễn Du không theo Tây Sơn, trốn về Thái Bình. Tuy vậy hai anh em vẫn quý mến nhau.

2. *Đào tình*: Ý nói tình cảm thanh cao, không chịu ra làm quan như Đào Tiềm thời Tấn.

Dịch nghĩa:

NHỚ EM TRAI LÀ TỐ NHƯ

Tố Như ở nơi nào?
Lưu lạc thật đáng thương.
Vốn là người có chí hướng bay bổng,
Nhưng không có tài kinh lịch đời.
Thích di dưỡng tính tình nên thường đòi bút làm thơ,
Muốn gửi gắm nỗi lòng nên ngày ngày nâng chén uống rượu.
Để giải nỗi khổ vì nhớ nhung của ta,
Hãy dắt lại đây cho ta đứa cháu nhỏ.

春京夜發

面辭丹陛駕華騮
周道逶遲覓舊遊
春甸清風催客袖
秋天明月助吟眸
飄飄玉節披煙樹
泛泛星槎趁斗牛
萬里關河初一試
燕臺極目思悠悠

Phiên âm:

XUÂN KINH DẠ PHÁT [1]

Diện từ đan bệ giá hoa lưu,
Chu đạo uy trì mịch cựu du.
Xuân điện thanh phong thôi khách tụ,
Thu thiên minh nguyệt trợ ngâm mâu.

---

1. *Nguyên chú*: Ngày 10 tháng 7, giờ Tuất, năm Ất Mão (1795), khởi hành từ Xuân Kinh.

Phiêu phiêu ngọc tiết phi yên thụ,
Phiếm phiếm tinh sà sấn Đẩu Ngưu.
Vạn lý quan hà sơ nhất xúc,
Yên đài cực mục tứ du du.

Dịch nghĩa:

BAN ĐÊM RA ĐI TỪ KINH ĐÔ PHÚ XUÂN

Từ biệt trước bệ rồng, cưỡi con ngựa hoa,
Trên con đường xa xăm lại tìm những chốn từng đi qua trước đây.
Gió mát trên cánh đồng xuân thổi vào tay áo khách,
Trăng sáng dưới trời thu giúp cho tầm mắt của nhà thơ.
Cờ tiết ngọc bay phất phới trên đám khói cây,
Bè sứ bồng bềnh len vào vùng sao Ngưu Đẩu.
Muôn dặm quan hà vừa đặt chân ra đi,
Nhìn chốn Yên Đài xa thăm thẳm miên man suy nghĩ.

Dịch thơ:

Giã từ bệ ngọc, ruổi xe,
Thuận đường thăm lối đi về năm xưa.
Đồng xuân tay áo gió đưa,
Trăng thu vằng vặc tứ thơ thêm đầy.
Phất phơ cờ lẫn khói cây,
Lênh đênh bè sứ cưỡi mây lên trời.
Bước đầu muôn dặm đường dài,
Vời trông tít nẻo Yên Đài xa xa.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

送素如弟自富春京北還

其一

慇勤千里送君回
冷淡長亭酒一杯
魚島今天鴻獨去
鳳城何日鷁重來
半腔愁狀描難盡
萬斛思塵掃不開
最是旅人鄉念重
清風明月共徘徊

Phiên âm:

TỐNG TỐ NHƯ ĐỆ TỰ PHÚ XUÂN KINH BẮC HOÀN [1]

Kỳ nhất

Ân cần thiên lý tống quân hồi,
Lãnh đạm trường đình tửu nhất bôi.
Ngư đảo kim thiên hồng độc khứ,
Phượng thành hà nhật ích [2] trùng lai?
Bán xoang sầu trạng miêu nan tận,
Vạn hộc tư trần tảo bất khai.
Tối thị lữ nhân hương niệm trọng,
Thanh phong, minh nguyệt cộng bồi hồi.

---

1. *Nguyên chú:* Những bài này làm từ năm Nhâm Tý (1792) về sau.

2. *Ích:* Vốn là tên một loài chim có sức bay dẻo dai, vượt được gió bão. Người xưa thường vẽ chim này ở đầu thuyền. Vì vậy "ích" còn được dùng để chỉ về thuyền bè.

Dịch nghĩa:

TIỄN EM LÀ TỐ NHƯ TỪ PHÚ XUÂN TRỞ VỀ BẮC

I

Nghìn dặm ân cần tiễn chú trở về,
Rót một chén rượu nơi trường đình vắng vẻ.
Nơi Đảo Ngư, hôm nay cánh hồng bay đi một mình,
Chốn Phượng Thành, ngày nào chim ích lại đến?
Nửa cõi lòng sầu bút nào tả xiết,
Vạn hộc ưu tư khó quét sạch không?
Đúng là người đi xa thì nặng tình quê quán,
Gió mát, trăng sáng cùng bồi hồi.

Dịch thơ:

Trường đình vắng lạnh đưa em,
Dặm xa rượu chuốc chén men ấm lòng.
Đảo Ngư thui thủi cánh hồng,
Phượng Thành mấy độ lại rong thuyền vào?
Tình sầu biết tả nhường bao?
Tương tư muôn hộc ai nào gỡ xong?
Gia hương, lữ thứ nặng lòng,
Chạnh tình gió mát trăng trong bùi ngùi.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

其二

慇勤千里送君行
鴈序分飛曷既情
窮境豈能長聚合
使長不怕遠飄零
山風海月千般好
客袖歸帆一樣清
曉暮鷁頭娛目處
可無回望富春城

Phiên âm:

Kỳ nhị

Ân cần thiên lý tống quân hành,
Nhạn tự phân phi hạt ký tình!
Cùng cảnh khởi năng trường tụ hợp,
Sử trường bất phạ viễn phiêu linh.
Sơn phong, hải nguyệt thiên ban hảo,
Khách tụ, quy phàm nhất dạng thanh.
Hiểu mộ ích đầu [1] ngu mục xứ,
Khả vô hồi vọng Phú Xuân thành!

Dịch nghĩa:

II

Nghìn dặm ân cần tiễn chú lên đường,
Hàng nhạn chia đàn bay đi, tình không dứt.
Trong cảnh cùng quẫn, sao có thể sum họp mãi,
Ở địa vị người bề tôi, nào sợ chuyện dong ruổi lênh đênh.
Trăng biển, gió ngàn muôn nghìn vẻ đẹp,
Tay áo khách, chiếc thuyền về đều một vẻ thanh tao.
Sớm, chiều mất vui với quang cảnh trước mũi thuyền,
Lẽ nào không ngoái nhìn lại thành Phú Xuân.

1. *Ích đầu*: Tức đầu thuyền. Xem chú thích bài trước.

Dịch thơ:

Ân cần anh tiễn em đi,
Dặm ngàn đau nỗi phân ly nhạn bầy.
Cảnh đời há mãi sum vầy,
Phận tôi sá ngại tháng ngày lênh đênh.
Trăng sông, gió núi bao tình,
Gió đưa tay áo, nhẹ mành buồm xuôi.
Thuyền về hôm sớm thú vui,
Quanh nhìn chẳng có ngóng trời Phú Xuân?

Nguyễn Văn Bách *dịch*

其三

慇懃千里送君還
友念家情把袂間
目注蝙帆穿海嶠
魂隨蝶枕繞鄉關
柳橋自我愁新別
菊徑何人覓舊閒
莫訝此行勞跋涉
吟翁雙眼餞江山

Phiên âm:

Kỳ tam

Ân cần thiên lý tống quân hoàn,
Hữu niệm, gia tình bả duệ gian.
Mục chú biển phàm xuyên hải kiệu,
Hồn tùy điệp chẩm nhiễu hương quan.
Liễu kiều tự ngã sầu tân biệt,
Cúc kính hà nhân mịch cựu nhàn.
Mạc nhạ thử hành lao bạt thiệp,
Ngâm ông song nhãn tiễn giang san.

Dịch nghĩa:

III

Nghìn dặm ân cần tiễn chú trở lại,
Nắm vạt áo người đi dạt dào tình bạn lẫn tình nhà.
Mắt đăm đăm nhìn lá buồm cánh dơi xuyên giữa những
ngọn núi ngoài biển,
Hồn theo giấc bướm quanh quẩn chốn quê nhà.
Nơi cầu liễu riêng ta buồn về cuộc ly biệt mới,
Bên luống cúc ai là người tìm thú nhàn xưa?
Chớ ngại chuyến đi này vất vả trèo non lội suối,
Đôi mắt nhà thơ sẽ được sông núi tiễn đưa!

Dịch thơ:

Tiễn em ngàn dặm ân cần,
Tình nhà nghĩa bạn phân vân khôn rời.
Mắt nhìn hút cánh buồm dơi,
Mộng hồn thấp thoáng trông vời hương quan.
Nỗi lòng sầu biệt chưa tan,
Kìa ai mến cúc tìm nhàn thủa xưa.
Đường về chi ngại nắng mưa,
Non sông đưa tiễn khách thơ mặn tình.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

其四

慇懃千里送君歸
執手何堪敘合離
南海風高鵬翼健
北山雲遠鳥情癡
他鄉訴別難終語
浮世為歡未卜期
預算回來真樂趣
迎門稚子笑嘻嘻

Phiên âm:

Kỳ tứ

Ân cần thiên lý tống quân quy,
Chấp thủ hà kham tự hợp ly.
Nam hải phong cao bằng dực kiện,
Bắc sơn vân viễn điểu tình si.
Tha hương tố biệt nan chung ngữ,
Phù thế vi hoan vị bốc kỳ.
Dự toán hồi lai chân lạc thú,
Nghênh môn trĩ tử tiếu hy hy.

Dịch nghĩa:

IV

Nghìn dặm ân cần tiễn chú ra về,
Cầm tay, không nỡ nói chuyện biệt ly, sum họp.
Biển Nam gió lộng cánh bằng thêm khỏe,
Núi Bắc mây xa tình chim quyến luyến không thôi.
Chốn tha hương nói chuyện ly biệt thật khó cạn lời,
Trong cuộc thế nổi trôi ngày vui chưa hẹn được.
Đoán rằng chú về đến nhà sẽ thật thú vị,
Đám trẻ ra cửa đón chú cười vui hớn hở.

Dịch thơ:

Ngàn xa anh tiễn em về,
Cầm tay giãi tỏ biệt ly ngậm ngùi.
Cánh bằng thuận gió biển khơi,
Mây che núi Bắc, bồi hồi lòng chim.
Quê người khôn cạn nỗi riêng,
Cuộc vui nhân thế chửa phen hẹn lời.
Em về hẳn lắm thú vui,
Trẻ thơ đón cửa nói cười bi bô.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

其五
慇懃千里送君旋
北樹南雲復各天
瓊海煙霞吟眼闊
春畿珠桂宦情牽
閒愁脈脈風臨座
歸思飄飄月滿船
華邑此回應得興
杯殘醉倒曲爐前

Phiên âm:

Kỳ ngũ

Ân cần thiên lý tống quân hoàn,
Bắc thụ Nam vân phục các thiên!
Quỳnh Hải [1] yên hà ngâm nhãn khoát,
Xuân kỳ châu quế hoạn tình khiên.
Nhàn sầu mạch mạch phong lâm tọa,
Quy tứ phiêu phiêu nguyệt mãn thuyền.
Hoa ấp thử hồi ưng đắc hứng,
Bôi tàn túy đảo khúc lô tiền.

---

1. *Quỳnh Hải*: Tức Quỳnh Châu, sau này là Quỳnh Côi, thuộc Thái Bình, nơi Nguyễn Du trú ngụ.

Dịch nghĩa:

V

Nghìn dặm ân cần tiễn chú trở về,
Cây đất Bắc, mây trời Nam, lại mỗi người một ngả!
Mây khói nơi Quỳnh Hải khiến cặp mắt nhà thơ rộng mở,
Ngọc quế chốn Kinh kỳ trói buộc tình cảm kẻ làm quan.
Mối sầu nhàn dằng dặc, gió thổi đến chỗ ngồi,
Ý muốn trở về lâng lâng, trăng chở đầy thuyền.
Nơi thôn ấp tươi đẹp, lần về này chắc nhiều hứng thú,
Chén cạn, say nghiêng ngả trước bếp nấu rượu.

Dịch thơ:

Tiễn em ngàn dặm xa xôi,
Mây Nam, cây Bắc cách vời quan san.
Biển Quỳnh ngâm hứng chứa chan,
Thành Xuân dan díu đa mang hoạn trường.
Sầu nhàn gió tạt bên giường,
Thuyền về ăm ắp một khoang trăng đầy.
Ấp hoa thú vị buổi rày,
Bên lò nấu rượu chén say ngủ kềnh.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

春天晚眺

遠山如黛水如羅
拂拂條風漾錦波
白瞼逞梅傳蝶粉
綠絲垂柳織鶯梭
停鞭牧吹斜陽笛
敲板漁吟曲岸歌
路上行人樓上客
不知春思落誰多

Phiên âm:

XUÂN THIÊN VÃN DIẾU

Viễn sơn như đại thủy như la,
Phất phất điều phong dạng cẩm ba.
Bạch kiểm trình mai truyền điệp phấn,
Lục ty thùy liễu chức oanh thoa.
Đình tiên mục súy tà dương địch,
Xao bản ngư ngâm khúc ngạn ca.
Lộ thượng hành nhân lâu thượng khách,
Bất tri xuân tứ lạc thùy đa.

Dịch nghĩa:

BUỔI CHIỀU XUÂN NHÌN RA XA

Rặng núi xa như lông mày vẽ, dòng sông như dải lụa,
Gió nhẹ hiu hiu làm sóng gợn như bức gấm.
Hoa mai phô má trắng đàn bướm bay truyền phấn,
Cành liễu rủ tơ xanh chim oanh đưa thoi.

Trẻ mục đồng ngừng roi thổi sáo dưới bóng chiều.
Ông chài gõ mái chèo ngâm nga bên bờ nước.
Người đi trên đường, khách ở trên lầu,
Không biết tứ thơ đến với ai nhiều hơn!

Dịch thơ:

Non xanh, nước uốn dải là,
Gió lay gợn sóng gấm hoa chen màu.
Bướm vờn, mai điểm trắng phau,
Thoi oanh dệt, liễu rủ màu xanh tơ.
Trâu về, sáo thổi chiều tà,
Thấp cao bến vắng gõ ca tiếng chài.
Người trên lộ, khách trên đài,
Chẳng hay xuân tứ đâu nơi đượm nồng?

Nguyễn Văn Bách *dịch*

夕陽山行即景

越溪沿石上嵯峨
空豁乾坤放眼賖
碧染寒泉流水急
白含遠岫片雲遮
岩腰閒牧眠深草
山徑歸樵背晚霞
喚起鄉情難遣處
招邀風竹一聲笳

Phiên âm:

TỊCH DƯƠNG SƠN HÀNH TỨC CẢNH

Việt khê duyên thạch thướng ta nga,
Không khoát càn khôn phóng nhãn xa.
Bích nhiễm hàn tuyền lưu thủy cấp,
Bạch hàm viễn tụ phiến vân già.
Nham yêu nhàn mục miên thâm thảo,
Sơn kính quy tiều bối vãn hà.
Hoán khởi hương tình nan khiển xứ,
Chiêu yêu phong trúc nhất thanh già.

Dịch nghĩa:

BUỔI CHIỀU ĐI ĐƯỜNG NÚI, TỨC CẢNH

Lội suối, vịn đá lên đỉnh núi cao chót vót,
Buông tầm mắt nhìn khắp đất trời mênh mông.
Màu xanh nhuốm suối lạnh, dòng nước chảy xiết,
Sắc trắng ngậm non xa, một áng mây che.
Bên sườn non chú mục đồng rảnh rỗi nằm ngủ trong đám cỏ rậm,
Trên con đường nhỏ trong núi người hái củi đi về cõng theo ráng chiều.
Tình quê hương thức dậy khôn kìm lại được,
Gió thổi vào khóm trúc, như tiếng khèn mời mọc.

Dịch thơ:

Vạch lối trèo non tới đỉnh cao,
Vời trông vũ trụ rộng nhường bao.
Nước tuôn suối lạnh làn xanh biếc,
Mây phủ non xanh vẻ trắng phau.
Mục ngủ nằm kểnh sườn cỏ rậm,
Tiều về lưng cõng ráng non chiều.
Niềm quê dào dạt tình khôn cản,
Gió trúc, khèn ai cất tiếng chào.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

寧城登舟

越崗度嶺到寧明
捨轡登舟趁水程
布練長河秋月白
屏開遠島晚雲晴
兩堤草樹爭舒媚
千里風塵盡拔清
淡蕩煙波鄉思重
塘鑼敲夢撤殘更

Phiên âm:

NINH THÀNH ĐĂNG CHU

Việt cương độ lĩnh đáo Ninh Minh,
Xả bí đăng chu sấn thủy trình.
Bố luyện trường hà thu nguyệt bạch,
Bình khai viễn đảo vãn vân tình.
Lưỡng đê thảo thụ tranh thư my,
Thiên lý phong trần tận bạt thanh.
Đạm đãng yên ba hương tứ trọng,
Đường la xao mộng triệt tàn canh.

Dịch nghĩa:

LÊN THUYỀN Ở THÀNH NINH MINH

Vượt núi trèo non đến thành Ninh Minh,
Thôi đi ngựa, lên thuyền đi theo đường thủy.
Trăng thu vằng vặc, dòng sông trải ra như dải lụa,
Mây chiều quang tạnh, dãy đảo xa mở ra như một bức bình phong.
Cây cỏ hai bờ đua nhau phô vẻ đẹp,
Gió bụi muôn dặm đã quét sạch bong.
Khói sóng mênh mang tình quê nặng trĩu,
Tiếng kẻng bên hồ, khua giấc mộng đến tàn canh.

Dịch thơ:

Vượt núi trèo đèo tới đất Ninh,
Xuống yên, tiếp bước lại lên mành.
Thu trong trăng rọi sông phơi lụa,
Chiều đẹp mây quang đảo cuốn bình.
Cây cỏ đôi bờ đua dáng đẹp,
Bụi trần muôn dặm sạch màu thanh.
Mênh mang khói sóng tình quê nặng,
Tiếng kẻng canh thâu giấc chẳng thành.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

橫山

南北分疆此一關
乾坤遺跡在中間
十朝城壘岩崖古
萬隊旌旗草樹間
征邁有心悲日月
變遷無面對江山
荻花不解人愁思
空向金風鬥艷顏

Phiên âm:

HOÀNH SƠN [1]

Nam Bắc phân cương nhất thử quan,
Càn khôn di tích tại trung gian.
Thập triều thành lũy nham nhai cổ,
Vạn đội tinh kỳ thảo thụ gian.
Chinh mại hữu tâm bi nhật nguyệt,
Biến thiên vô diện đối giang san.
Địch hoa bất giải nhân sầu tứ,
Không hướng kim phong đấu diệm nhan.

1. *Nguyên chú*: Đây là nơi công thủ của các thời trước. Dọc núi hãy còn những đồn lũy cũ.

Hoành sơn: Tức Đèo Ngang là địa giới tự nhiên giữa hai tỉnh Nghệ An và Quảng Bình.

Dịch nghĩa:

HOÀNH SƠN

Nam Bắc phân chia cương giới ở cửa quan này,
Đến nay di tích vẫn còn giữa cõi trời đất.
Thành lũy của mười triều chỉ lưu lại cảnh núi non xưa,
Cờ xí của muôn quân, chỉ thấy nơi cỏ cây phơ phất.
Lòng những đau buồn vì năm tháng trôi qua,
Mắt không nỡ nhìn cảnh non sông dời đổi.
Hoa lau không hiểu được mối sầu của lòng người,
Vẫn nhởn nhơ phô sắc đẹp trước ngọn gió thu.

Dịch thơ:

Xé Bắc chia Nam chính ải này,
Càn khôn vạch dấu giữa nơi đây.
Mười đời thành lũy mờ nham đá,
Muôn đội tinh kỳ lẫn cỏ cây.
Nhật nguyệt đau lòng qua sớm tối,
Nước non chau mặt cảnh dời thay.
Vi lau chẳng thấu lòng chua xót,
Vẫn nhởn nhơ đùa trước gió may.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

藍河秋渡

藍河水淺我情深
敬向津頭唱別音
纔罷菊杯家萬里
乍聞桂棹水千尋
低徊重舉他鄉步
繾綣難拋故里心
愁引隔江回望眼
孩兒猶立柳堤陰

Phiên âm:

LAM HÀ [1] THU ĐỘ

Lam hà thủy thiển ngã tình thâm,
Kính hướng tân đầu xướng biệt âm.
Tài bãi cúc bôi gia vạn lý,
Sạ văn quế trạo thủy thiên tầm.
Để hồi trùng cử tha hương bộ,
Khiển quyển nan phao cố lý tâm.
Sầu dẫn cách giang hồi vọng nhãn,
Hài nhi do lập liễu đê âm.

---

1. *Sông Lam*: Một con sông lớn của tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Dịch nghĩa:

NGÀY THU QUA SÔNG LAM

Nước Sông Lam còn nông so với tình sâu của ta,
Hướng về bến sông, xúc động hát câu ly biệt.
Vừa uống xong chén rượu cúc cảm thấy quê nhà đã xa,
Mới khua mái chèo quê, sông nước tưởng đã cách nghìn tầm.
Bồi hồi lại cất bước nơi tha hương,
Quyến luyến khó gạt bỏ nỗi lòng nhớ quê cũ.
Tình sầu miên man, qua sông còn ngoái nhìn lại,
Đám trẻ nhỏ vẫn đứng dưới bóng con đê dương liễu.

Dịch thơ:

Sông Lam sâu chẳng đọ tình ta,
Bên bến bùi ngùi khúc biệt ca.
Chén rượu giã từ vườn mới cạn,
Con chèo ly cách vội dời xa.
Ngập ngừng chân bước nơi quê khách,
Vấn vít lòng vương nỗi cửa nhà.
Ngoảnh lại bên sông sầu thắt ruột,
Chân đê con trẻ đứng nhìn qua.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

清决江

群山寥寂野淒涼
清决津頭景可傷
一帶長江煙水逝
幾堆殘壘草苔荒
北南盡屬今輿版
勝負空留古戰場
惆悵不堪詢往事
停鞭小酌弔斜陽.

Phiên âm:

THANH QUYẾT GIANG [1]

Quần sơn liêu tịch dã thê lương,
Thanh Quyết tân đầu cảnh khả thương.
Nhất đới trường giang yên thủy thệ,
Kỷ đôi tàn lũy thảo đài hoang.
Bắc Nam tận thuộc kim dư bản,
Thắng phụ không lưu cổ chiến trường.
Trù trướng bất kham tuân vãng sự,
Đình tiên tiểu chước điếu tà dương.

---

1. *Sông Thanh Quyết*: Là một đoạn sông Đáy thuộc Hà Nam. Theo nguyên chú: đây là nơi chiến trường thời trước. Lũy cũ hãy còn những quang cảnh thê lương hoang tàn, thấy cảnh ấy nên cảm thương.

Dịch nghĩa:

SÔNG THANH QUYẾT

Núi non vắng vẻ, đồng nội thê lương,
Cảnh bến sông Thanh Quyết thật đáng xúc động.
Một dải sông dài khói nước cứ xuôi dòng,
Mấy tòa lũy đổ nát rêu cỏ hoang dại.
Cả Nam Bắc nay đã thu hết vào trong bản đồ,
Chuyện được thua chỉ còn trơ lại bãi chiến trường cũ.
Lòng ngậm ngùi không nỡ hỏi chuyện ngày trước,
Dừng ngựa rót chút rượu viếng bóng tà dương.

Dịch thơ:

Rặng non hiu quạnh, cánh đồng hoang,
Qua bến đò Thanh luống chạnh thương.
Một dải sông dài mây nước cuốn,
Mấy gò lũy đổ cỏ rêu vương.
Bắc Nam rầy đã chung đồ bản,
Thua được còn in dấu chiến trường.
Việc cũ ngậm ngùi khôn nỡ nhắc,
Ngừng roi rót chén viếng tà dương.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

月德江有感

長江一帶水沖融
歷代贏輸望望中
隔岸霜微迷舊跡
寒流潮漲起秋風
天機滄鹵渾無定
人世榮枯自不同
往事傷心江月曉
煙波何處弔英雄

Phiên âm:

NGUYỆT ĐỨC GIANG HỮU CẢM [1]

Trường giang nhất đới thủy xung dung,
Lịch đại doanh thâu vọng vọng trung.
Cách ngạn sương vi mê cựu tích,
Hàn lưu triều trướng khởi thu phong.
Thiên cơ thương lỗ hồn vô định,
Nhân thế vinh khô tự bất đồng.
Vãng sự thương tâm giang nguyệt hiểu,
Yên ba hà xứ điếu anh hùng.

---

1. *Nguyệt Đức*: Tên một con Sông của trấn Kinh Bắc tức sông Cầu, ngày xưa nằm giữa hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay. Theo Nguyên chú vào cuối thời Trần, cuối thời Mạc và mùa đông năm trước đều có đánh nhau lớn ở đây.

Dịch nghĩa:

CẢM XÚC KHI QUA SÔNG NGUYỆT ĐỨC

Một dải sông dài nước chảy cuồn cuộn,
Chuyện được thua của các đời còn thấy ở trước mắt.
Bên bờ, sương mỏng xóa mờ dấu vết cũ,
Trên sông lạnh gió thu thổi, nước triều dâng.
Cơ trời dâu bể biến đổi không lường được,
Cuộc đời tươi tốt hay khôn héo chẳng thể giống nhau.
Thương tâm thay, việc cũ chỉ còn vầng trăng trên sông buổi sớm.
Giữa khói sóng biết viếng người anh hùng ở chốn nào?

Dịch thơ:

Sông dài một dải mênh mông,
Trải bao thắng bại thoáng trông mơ hồ.
Bờ bên sương phủ dấu xưa,
Gió thu lạnh thổi, dòng thu sóng dồi.
Đầy vơi dâu biển cơ trời,
Thịnh suy biến đổi sự đời khôn đong.
Việc xưa trăng nước chạnh lòng,
Bâng khuâng khói sóng anh hùng nơi đâu.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

題鬼門關

險要從來說鬼門
群峰列戟鎮郊原
泉聲嗚咽寒陳骨
樹色陰森滯莫魂
雲霧終朝含古廟
煙嵐盡日鎖荒村
往還自我憑忠信
萬壑千谿豈足論

Phiên âm:

ĐỀ QUỶ MÔN QUAN [1]

Hiểm yếu tòng lai thuyết Quỷ Môn,
Quần phong liệt kích trấn giao nguyên.
Tuyền thanh ô yết hàn trần cốt,
Thụ sắc âm sâm trệ Mạc hồn [2].
Vân vụ chung triêu hàm cổ miếu,
Yên lam tận nhật tỏa hoang thôn.
Vãng hoàn tự ngã bằng trung tín,
Vạn hác thiên khê khởi túc luân.

---

1. *Quỷ Môn Quan*: Tên cửa ải gần Chi Lăng, Lạng Sơn. Nơi đây núi rừng hiểm trở, khó đi.

2. *Nguyên chú:* Vào cuối thời Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi vua, Trần Thiêm Bình sang nhà Minh xin quân cứu viện. Quân Hồ phục binh chặn ở đây. Quân Minh không có đường về bèn xin nộp Trần Thiêm Bình rồi rút quân.

Vào giai đoạn cuối, nhà Mạc phải rút khỏi Thăng Long lui về Cao Bằng, Lạng Sơn đặt căn cứ ở đó. Sau quân Trịnh đến đánh úp, tông thất nhà Mạc bị giết gần hết.

Dịch nghĩa:

ĐỀ QUỶ MÔN QUAN

Từ xưa nơi hiểm yếu này vẫn gọi là Quỷ Môn Quan,
Núi non như giáo dựng la liệt, trấn giữ miền biên giới.
Tiếng suối nức nở làm lạnh những nắm xương khô,
Màu cây âm u còn đọng lại hồn ma họ Mạc.
Suốt buổi sáng mây mù trùm lên ngôi miếu cổ,
Trọn ngày hơi núi, phủ kín thôn hoang.
Trong cả chuyến đi về ta dựa vào tấm lòng trung tín,
Muôn núi nghìn khe nào đáng kể gì.

Dịch thơ:

Cửa Quỷ ngàn xưa hiểm lạ thường,
Núi như giáo dựng giữ biên cương.
Nghẹn ngào tiếng suối xương ma lạnh,
U uất ngàn cây phách Mạc vương.
Miếu cổ trọn ngày mây móc ngậm,
Thôn hoang, suốt buổi khói sương buông.
Lòng ta sẵn cậy niềm trung tín,
Muôn suối ngàn khe bước nhẹ nhàng.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

寄同懷弟清軒素如子

詩壇酒席記清秋
隨有關河萬里遊
身世浮沉心久放
江山空豁眼初收
一年小別應無幾
兩地相思諒不殊
形影雖遙談笑近
夢魂夜夜向瓊州

Phiên âm:

KÝ ĐỒNG HOÀI ĐỆ THANH HIÊN TỐ NHƯ TỬ [1]

Thi đàn, tửu tịch ký thanh thu,
Tùy hữu quan hà vạn lý du.
Thân thế phù trầm tâm cửu phóng,
Giang sơn không khoát nhãn sơ thu.
Nhất niên tiểu biệt ưng vô kỷ,
Lưỡng địa tương tư lượng bất thù.
Hình ảnh tuy dao, đàm tiếu cận,
Mộng hồn dạ dạ hướng Quỳnh Châu.

1. *Nguyên chú:* Lâu nay Tố Như ở Quỳnh Châu (Quỳnh Châu tức Quỳnh Côi, nay thuộc tỉnh Thái Bình).

Dịch nghĩa:

GỬI EM TRAI CÙNG MẸ, LÀ THANH HIÊN, TỰ TỐ NHƯ

Đàn thơ, tiệc rượu ghi nhớ mùa thu trong mát,
Cuộc đi chơi vạn dặm trên khắp mọi miền.
Thân thế nổi chìm, từ lâu lòng không nghĩ đến,
Non sông bao la, tầm mắt mới thu vào.
Xa nhau mới một năm chẳng đáng là bao,
Nhưng tình nhớ thương dù ở hai nơi cũng không đổi khác.
Hình bóng tuy xa, vẫn gần nhau trong tiếng cười, giọng nói,
Đêm đêm mộng hồn vẫn hướng về Quỳnh Châu.

Dịch thơ:

Tiệc thơ nhớ lại buổi thu trong,
Theo bạn vui chơi khắp núi sông.
Thân thế nổi chìm lòng bẵng tưởng,
Nước non bát ngát mắt vời trông.
Một năm cách biệt nhường baoná,
Đôi chốn tương tư cũng một lòng.
Hình bóng dù xa, cười nói vẳng,
Châu Quỳnh hồn mộng vẫn mơ màng.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

雪中行

飄飄雪雨洒華程
十乘駢車蘸水晶
散白梅從天上落
倒光人在鏡中行
江湖玉砌無禽影
岩野鹽堆有獸形
最是深山寒墅裡
新梅古柏不分明

Phiên âm:

TUYẾT TRUNG HÀNH

Phiêu phiêu tuyết vũ sái hoa trình,
Thập thặng biền xa trám thủy tinh.
Tán bạch mai tòng thiên thượng lạc,
Đảo quang nhân tại kính trung hành.
Giang hồ ngọc tế vô cầm ảnh.
Nham dã diêm đôi hữu thú hình.
Tối thị thâm sơn hàn thự lý,
Tân mai cổ bách bất phân minh.

Dịch nghĩa:

ĐI TRONG TUYẾT

Mưa tuyết lất phất tưới ướt con đường đi sứ,
Mười cỗ xe hai ngựa như dầm trong thủy tinh.
Tuyết trắng như những bông mai từ trời cao rơi xuống,
Người đi bóng lộn ngược như đi trên tấm gương.

Tuyết như ngọc phủ lấp mặt sông hồ chẳng thấy một bóng chim,
Tuyết như muối chất đống trên mỏm đá ngoài, nội có hình
dáng muông thú.
Nhất là trong gian nhà lạnh nơi núi sâu,
Không còn phân biệt được cây mai ra hoa với cây bách già nữa.

Dịch thơ:

Lây phây mưa tuyết phủ ngập đường,
Mười cỗ xe đầy sắc sáng choang.
Mai nở lưng trời rơi rắc bạc,
Người đi mặt đất lộn soi gương.
Ngọc che mặt nước, không chim chóc,
Muối đọng đầu non, dáng thú muông.
Ngắm cảnh lâu dài trong núi vắng,
Đâu mai, đâu bách thực khôn tường.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

黃鶴樓

騎鶴仙翁去不還
危樓終古白雲閒
連霄華棟凌清島
麗日彫甍瞰碧灣
江浪密含鸚鵡浦
村煙疏罩鳳凰山
鄉關愁思今仍在
滿眼煙濤一望間

Phiên âm:

HOÀNG HẠC LÂU

Ky hạc tiên ông khứ bất hoàn,
Nguy lâu chung cổ bạch vân nhàn.
Liên tiêu hoa đống lăng thanh đảo,
Lệ nhật điêu manh hám bích loan.
Giang lãng mật hàm Anh Vũ phố,
Thôn yên sơ tráo Phượng Hoàng san.
Hương quan sầu tứ kim nhưng tại,
Mãn nhãn yêm đào nhất vọng gian.

Dịch nghĩa:

LẦU HOÀNG HẠC

Tiên ông cưỡi hạc bay đi không trở lại,
Từ ngàn xưa trên lầu cao, mây trắng vẫn bay nhởn nhơ.
Cột hoa liền với trời cao vượt lên đảo xanh,
Mái gờ vẽ sát mặt trời chiếu xuống vực nước biếc.
Sóng trên sông dồn dập như ngậm lấy bến Anh Vũ,
Khói trong thôn phơ phất như trùm lấy núi Phượng Hoàng.
Lòng sầu nhớ quê hương ngày nay vẫn vậy,
Nhìn hết tầm mắt chỉ thấy một màu khói sóng.

Dịch thơ:

Tiên ông cưỡi hạc đi đâu!
Ngàn năm mây trắng trên lầu lượn quanh.
Gác mây một sắc đảo xanh,
Mái cong nghiêng bóng bên doành rọi gương.
Bến Anh sóng dậy mơ màng,
Khói thôn trùm núi Phượng Hoàng lơ mơ.
Tình quê sầu nặng ngẩn ngơ,
Vời trông khói sóng xa xa một màu.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

海上夕行

雙風羅袖步長堤
海碧天蒼一望齊
簇起沙鱗潮上下
堆浮霞影浪高低
空中掛白孤帆小
雲外含青遠岫迷
日暮近投村舍宿
潮青夜入旅窗西

Phiên âm:

HẢI THƯỢNG TỊCH HÀNH

Song phong la tụ bộ trường đê,
Hải bích thiên thương nhất vọng tề.
Xô khởi sa lân triều thướng há,
Đôi phù hà ảnh lãng cao đê.
Không trung quái bạch cô phàm tiểu,
Vân ngoại hàm thanh viễn tụ mê.
Nhật mộ cận đầu thôn xá túc,
Triều thanh dạ nhập lữ song tê.

Dịch nghĩa:

BUỔI CHIỀU ĐI TRÊN BỜ BIỂN

Hai ống tay áo là lộng gió, ta đi trên con đê dài,
Biển biếc, trời xanh liền một dải trong tầm mắt.
Nước triều lên xuống, bờ biển gợn thành những vẩy cát,
Sóng nhấp nhô, cồn đảo bập bềnh dưới ánh sáng chiều.

Một cánh buồm nhỏ trắng lẻ loi treo trong không trung,
Rặng núi xanh xa mờ in ngấn nơi chân trời.
Ngày đã muộn, đến nghỉ lại ở một thôn gần biển,
Tiếng nước triều ban đêm vọng vào cửa sổ phía Tây.

Dịch thơ:

Gió đê tay áo nhẹ rung,
Trời xanh nước biếc xa trông một màu.
Lô xô cát gợn lớp trào,
Ráng in con sóng thấp cao bóng chiều.
Lửng lơ trắng cánh buồm treo,
Xa xa xanh ngậm núi đèo ngàn mây.
Xóm gần trọ nghỉ chiều nay,
Tiếng trào đêm rẽ sang Tây lọt vào.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

潦

愁擁更深尚倚門
驚惶洚水滿乾坤
野流月影金蛇動
陵激濤青鐵馬奔
魚子樂遊歸大海
禽兒畏墜繞孤村
上游闇道災為甚
沉溺堪憐萬姓魂

Phiên âm:

LẠO

Sầu ủng canh thâm thượng ỷ môn,
Kinh hoàng giáng thủy mãn càn khôn.
Dã lưu nguyệt ảnh kim xà động,
Lăng kích đào thanh thiết mã bôn.
Ngư tử lạc du quy đại hải,
Cầm nhi úy trụy nhiễu cô thôn.
Thượng du văn đạo tai vi thậm,
Trầm nịch kham lân vạn tính hồn.

Dịch nghĩa:

NƯỚC LỤT

Nỗi buồn chứa chất, canh khuya còn đứng tựa cửa,
Bỗng kinh hoàng thấy nước lụt dâng ngập đất trời.
Ánh trăng lung linh dưới đồng nước như con rắn vàng chuyển động,
Tiếng sóng vỗ gò cao như ngựa sắt đang phi.
Con cá thích rong chơi bơi về biển rộng,
Con chim sợ xuống nước bay vòng quanh xóm vắng.
Nghe nói vùng núi tai họa còn lớn hơn.
Thật đáng thương cho những người dân bị chết đuối.

Dịch thơ:

Canh vắng ta ra tựa cửa trông,
Rụng rời thấy nước ngập mênh mông.
Bóng trăng dòng chảy rắn vàng lội,
Tiếng sóng cồn xô ngựa sắt lồng.
Khấp khởi cá đàn toan vượt biển,
Rụt rè chim nhỏ lượn quanh vùng.
Thượng du nghe nói càng thêm nặng,
Chìm đắm dân đen nghĩ xót lòng.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

月夜次灘江

灘水千重旅思深
蓬窗淒冷擁孤衿
星粧雲色焜煌錦
月弄波紋蕩漾金
斷雨敲殘江上興
斜風打動故鄉心
欲沽悶酒憐童倦
臥咱漁歌不解音

Phiên âm:

NGUYỆT DẠ THỨ THAN GIANG

Than Thủy thiên trùng lữ tứ thâm,
Bồng song thê lãnh ủng cô khâm.
Tinh trang vân sắc côn hoàng cẩm,
Nguyệt lộng ba văn đãng dạng câm.
Đoạn vũ xao tàn giang thượng hứng,
Tà phong đả động cố hương tâm.
Dục cô muộn tửu lân đồng quyện,
Ngọa thính ngư ca bất giải âm.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRĂNG ĐẬU THUYỀN Ở THAN GIANG

Nước Sông Than nghìn trùng, tình lữ khách sâu thẳm,
Dưới mui thuyền lạnh lẽo khoác tấm chăn cô đơn.
Những ngôi sao trang điểm cho đám mây như tấm gấm rực rỡ,
Trăng đùa trên sóng nước, ánh vàng lung linh.

Trận mưa dứt làm tan hứng thú đi trên sông,
Ngọn gió thổi lướt qua khua động tấm lòng nhớ quê nhà.
Muốn mua rượu giải sầu nhưng thương chú nhỏ mệt.
Nằm nghe bài ca của dân chài mà không hiểu tiếng.

Dịch thơ:

Ngàn trùng tứ khách ngập Sông Than,
Song lạnh chăn đơn toát khí hàn.
Gấm dệt vẻ mây sao lấp láy,
Vàng gieo mặt sóng nguyệt lăn tăn.
Khua tan cảnh hứng cơn mưa dội,
Khơi dậy niềm quê đợt gió tràn.
Toan chuốc chén buồn thương nhỏ mệt,
Nằm nghe xa vắng điệu hò khoan.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

再泊昭平月夜寫興

鵠 返 昭 平 泊 水 湄
天 晴 夜 靜 思 淋 漓
光 茫 片 月 高 懸 鏡
燦 爛 群 星 密 布 碁
雲 浸 寒 江 清 混 沌
霜 含 遠 嶂 綠 參 差
乾 坤 幽 寂 須 珍 賞
旅 客 無 憀 玉 漏 遲

Phiên âm:

TÁI BẠC CHIÊU BÌNH NGUYỆT DẠ TẢO HỨNG

Ích phản Chiêu Bình [1] bạc thủy my,
Thiên tình dạ tĩnh tứ lâm ly.
Quang mang phiến nguyệt cao huyền kính,
Xán lạn quần tinh mật bố kỳ.
Vân tẩm hàn giang thanh hỗn độn,
Sương hàm viễn kiệu lục sâm si.
Càn khôn u tịch tu trân thưởng,
Lữ khách vô hiềm ngọc lậu trì.

Dịch nghĩa:

GHI CẢM HỨNG ĐÊM TRĂNG LẠI ĐẬU THUYỀN Ở CHIÊU BÌNH

Thuyền về Chiêu Bình, đậu bến bờ sông,
Trời quang, đêm lặng cảm hứng tiêu tao.
Mảnh trăng vằng vặc tựa tấm gương treo trên cao,
Muôn sao lấp lánh như quân cờ bày dày đặc.
Mây ngâm sông lạnh, lồng bóng dưới nước trong.
Sương ngậm non xa, màu xanh nom thấp thoáng.
Cảnh u tịch của đất trời cần thưởng thức trân trọng,
Người lữ khách không ngại gì đêm hôm khuya khoắt.

---

1. *Chiêu Bình:* Tên một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Dịch thơ:

Bên bến Chiêu Bình lại cắm sào,
Trời quang, đêm tĩnh tứ tiêu tao.
Cờ bày la liệt nền sao tỏ,
Gương gác chông chênh bóng nguyệt cao.
Sương ngậm non xa mờ lạt vẻ,
Mây dìm sông lạnh lộn in màu.
Đất trời lặng vắng bao tình thú,
Lữ khách chi nề khắc điểm thâu.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

定綠秋泛

關河萬里路迢迢
定綠秋晴隱泛撓
碧水青山相映帶
江風岸樹共招邀
灘濤滾滾流今古
潮響殷殷戛夕朝
閒係蓬窗吟眼闊
離愁旅悶一齊消

Phiên âm:

ĐỊNH LỤC THU PHIẾM [1]

Quan hà vạn lý lộ thiều thiều,
Định Lục thu tình ổn phiếm nghiêu.
Bích thủy thanh sơn tương ánh đái,
Giang phong ngạn thụ cộng chiêu yêu.

---

1. *Nguyên chú:* Định Lục là tên con sông có ghềnh Lai Thú, ở đây thế nước xoáy, thuyền bè đi lại rất khó, lại có nước luôn luôn đổ xuống tiếng vang như sấm động.

Than đào cổn cổn lưu kim cổ,
Hồ hưởng ân ân cáp tịch triêu.
Nhàn hệ bồng song ngâm nhãn khoát,
Ly sầu lữ muộn nhất tề tiêu.

Dịch nghĩa:

MÙA THU BƠI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐỊNH LỤC

Quan hà muôn dặm, đường xa vời vợi,
Trên sông Định Lục, mùa thu trong sáng bình yên bơi mái chèo.
Dòng nước biếc, dãy núi xanh phản chiếu vào nhau,
Gió trên sông, cây trên bờ mời nhau thắm thiết.
Sóng đầu ghềnh cuồn cuộn mãi xưa nay,
Tiếng thác đổ vào hồ ầm ầm suốt ngày sớm tối.
Lúc nhàn tựa cửa sổ mui thuyền, tầm mắt nhà thơ rộng mở,
Nỗi sầu ly hương, lữ thứ cùng tiêu tan hết cả.

Dịch thơ:

Quan hà muôn dặm bước xa vời,
Định Lục thu trong thả mái bơi.
Nước biếc, non xanh vui gặp gỡ,
Gió sông cây bến mặn chào mời.
Ỳ ầm hồ réo ngày đêm rộn,
Cuồn cuộn thác gào kim cổ trôi.
Nhàn tựa cửa bồng buông mắt ngắm,
Mối sầu lữ thứ trút hầu vơi.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

桂清泝流

秋水秋天混沌清
桂江江上泝流行
土山戴樹雙堤暗
石岸含波一帶明
沿嶺纜夫穿竹影
登灘篙子喊濤聲
倚篷自我閒無限
笑傲雲霞寄旅情

Phiên âm:

QUẾ THANH TỐ LƯU

Thu thủy thu thiên hỗn độ thanh,
Quế Giang giang thượng tố lưu hành.
Thổ sơ đái thụ song đê ám,
Thạch ngạn hàm ba nhất đái minh.
Diên lĩnh lâm phu xuyên trúc ảnh,
Đăng than cao tử hám đào thanh.
Ỷ bồng tự ngã nhàn vô hạn,
Tiếu ngạo vân hà ký lữ tình.

Dịch nghĩa:

NGƯỢC DÒNG SÔNG QUẾ TRONG XANH

Nước mùa thu, trời mùa thu, xanh ngắt một màu,
Trên sông Quế Giang, bơi thuyền ngược dòng.
Núi đất đội cây, đôi bờ âm u,
Kè đá ngậm sóng, một dải sáng sủa.

Men theo núi, bóng người kéo thuyền luồn qua rặng tre,
Ngược dòng thác, tiếng bạn chân sào vang cùng sóng nước.
Dựa mui thuyền, tự ta cảm thấy nhàn vô hạn,
Cười đùa với ráng mây, gửi tình người lữ thứ.

Dịch thơ:

Trong vắt vòm thu nước lộn trời,
Thuyền lan Sông Quế ngược dòng bơi.
Cây trùm núi đất đôi bờ rợp,
Bước vỗ lưng kè một dải phơi.
Át sóng chân sào hò vượt thác,
Luồn cây phu kéo bám men đồi.
Tựa bồng lữ khách nhàn khôn tả,
Mây khói vời trông bát ngát khơi.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

三江口舟中即景

三江江口順流行
蕩漾煙霞泛棹輕
壓浪山容疑倒翠
涵崖水影欲浮清
新奇大塊無窮意
瀟灑征夫不盡情
抬望忽撩鄉國思
南還孤雁繞空聲

Phiên âm:

TAM GIANG KHẨU CHU TRUNG TỨC CẢNH

Tam giang giang khẩu thuận lưu hành,
Đăng dạng yên hà phiếm trạo khinh.
Áp lãng sơn dung nghi đảo thúy,
Hàm nhai thủ ảnh dục phù thanh.
Tân kỳ đại khối vô cùng ý,
Tiêu sái chinh phu bất tận tình.
Đài vọng hốt liêu hương quốc tứ,
Nam hoàn cô nhạn nhiễu không thanh.

Dịch nghĩa:

TỨC CẢNH ĐI THUYỀN TRÊN CỬA TAM GIANG

Cửa sông Tam Giang, thả thuyền xuôi dòng,
Mây khói bồng bềnh, mái chèo nhẹ lướt.
Dáng ngọn núi đè xuống sóng ngỡ màu biếc đổ xuống,
Bóng mặt nước ngậm lấy bờ tưởng vẻ trong nổi lên.
Cảnh đất trời tân kỳ thật vô cùng lý thú,
Người lữ khách thanh cao không nói hết được tâm tình.
Ngẩng trông cảnh vật, chợt gợi niềm nhớ quê nhớ nước,
Chiếc nhạn lẻ về Nam, tiếng còn vẳng lại trên không.

Dịch thơ:

Tam Giang vèn nước thả xuôi mành,
Mây khói bồng bềnh mái nhẹ tênh.
Đè sóng vẻ non nhường lộn biếc,
In hồ sắc nước tựa pha xanh.

Mới tươi vũ trụ khôn cùng ý,
Thư thái chinh phu xiết tả tình!
Thấy cảnh chạnh xui niềm cố quốc,
Từng không tiếng nhạn ruổi Nam trình.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

過關偶述

臣分寧辭跋涉難
七年兩度玉門關
歸人行客牽心處
故國他鄉擧步間
朝覲神馳星北拱
思懷情逐雁南還
回軺定在蓮風候
收拾琴書覓舊閒

Phiên âm:

QUÁ QUAN NGỘ THUẬT

Thân phận ninh từ bạt thiệp nan,
Thất niên lưỡng độ Ngọc Môn Quan.
Quy nhân hành khách khiên tâm xứ,
Cố quốc tha hương cử bộ gian.
Triều cận thần trì tinh Bắc củng,
Tư hoài tình trục nhạn Nam hoàn.
Hồi thiều định tại liên phong hậu,
Thu thập cầm thư mịch cựu nhàn.

Dịch nghĩa:

THUẬT LẠI CẢNH GẶP GỠ LÚC QUA CỬA ẢI

Phận làm tôi chẳng lẽ từ chối việc lặn lội gian nan,
Trong bảy năm đã hai lần đi qua nơi ải Ngọc.
Người về kẻ đi, trong lòng xiết bao lưu luyến,
Nước cũ quê người cất bước, hai ngả chia xa.
Đi triều cận, lòng dõi trông sao hướng lên phía Bắc,
Nỗi nhớ nhung tình theo nhạn trở về Nam.
Xe sứ trở về chắc vào mùa sen có gió,
Sẽ thu thập sách đàn để tìm lại cảnh nhàn xưa.

Dịch thơ:

Phận tôi sá quản gian nan,
Bảy năm lặn lội Ngọc Quan hai lần.
Người đi kẻ lại phân vân,
Quê người nước cũ bước chân đôi đường.
Chầu sao thần ruổi Bắc phương,
Hồn quê rõi bóng nhạn buồn xuôi Nam.
Hẹn về: mùa gió sen thơm,
Thảnh thơi gom thú sách đàn năm nao.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

東津秋泛即景

秋霽芳津泛畫船
漣漪碧水混蒼天
泠汀漁舸維堤樹
約略人家鎖岸煙
笑傲乾坤多得興
平章風景獨操權
逍遙盡日披蓬望
喜與江山續舊緣

Phiên âm:

ĐÔNG TÂN THU PHIẾM TỨC CẢNH

Thu tễ phương tân phiếm họa thuyền,
Liên y bích thủy hỗn thương thiên.
Linh đinh ngư khả duy đê thụ,
Ước lược nhân gia tỏa ngạn yên.
Tiếu ngạo càn khôn đa đắc hứng,
Bình chương phong cảnh độc thao quyền.
Tiêu dao tận nhật phi bồng vọng,
Hỷ dữ giang sơn tục cựu duyên.

Dịch nghĩa:

TỨC CẢNH ĐI CHƠI THUYỀN MÙA THU TRÊN HỒ ĐÔNG TÂN

Mùa thu trong sáng, bơi chiếc thuyền đẹp bên bến thơm,
Nước biếc gợn sóng hòa vào trời xanh.
Chiếc thuyền chài lênh đênh buộc vào cây ven đê,
Nhà ai thấp thoáng che khuất trong làn khói trên bờ.

Cười đùa với đất trời có nhiều hứng thú,
Phẩm bình phong cảnh, lại giữ quyền riêng.
Suốt ngày ngao du, đẩy mui thuyền lên ngắm cảnh,
Mừng rằng cùng với giang sơn đã nối lại duyên xưa.

Dịch thơ:

Bến mát thu trong hứng dạo mành,
Long lanh nước biếc lộn trời xanh.
Lênh đênh thuyền cá giàng cây bến,
Thấp thoáng nhà thôn khuất khói doành.
Cười cợt càn khôn giàu vị hứng,
Thưởng ngâm phong cảnh lọ ai tranh.
Nhởn nhơ trọn buổi nhìn xa khắp,
Non nước duyên xưa chắp mối tình.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

潯江夜泛

雨 霽 風 怗 秋 色 清
悠 揚 水 泛 水 雲 汀
長 空 黯 淡 遮 玄 幕
遠 島 淒 迷 列 翠 屏
竹 笛 漁 人 吹 柳 浦
桐 琴 商 客 鼓 茶 亭
盈 眸 佳 致 供 清 興
模 寫 全 憑 筆 有 靈

Phiên âm:

TẦM GIANG DẠ PHIẾM

Vũ tê phong thiếp thu sắc thanh,
Du dương thủy phiếm thủy vân đình.
Trường không ảm đạm già huyền mạc,
Viễn đảo thê mê liệt thúy bình.
Trúc địch ngư nhân xuy liễu phố,
Đồng cầm thương khách cổ trà đình.
Doanh mâu giai trí cung thanh hứng,
Mô tả toàn bằng bút hữu linh.

Dịch nghĩa:

ĐI THUYỀN ĐÊM TRÊN SÔNG TẦM

Mưa tạnh, gió dừng, sắc trời thu trong xanh,
Thong thả trôi nổi trên nước mây lặng lẽ.
Bầu trời ảm đạm che bức màn đen,
Đảo xa lờ mờ dựng dãy bình phong biếc.
Nơi bờ liễu bác thuyền câu thổi cây sáo trúc,
Trong quán trà người khách buôn gảy chiếc đàn gỗ đồng.
Cảnh đẹp đầy mắt làm cho hứng thú thanh cao,
Phải nhờ ngọn bút thần mới mô tả được.

Dịch thơ:

Thu cao tạnh gió êm trời,
Giữa vùng mây nước chèo bơi thuận dòng.
Màn đêm dăng phủ mịt mùng,
Đảo xa như bóng bình phong chập chờn.
Sáo chài bến liễu véo von,
Quán trà dìu dặt khách buôn dạo đàn.
Cảnh tình gợi hứng chứa chan,
Bút thiêng mượn tả muôn vàn thanh tao.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

BÙI DƯƠNG LỊCH
(? -?)

Ông có tên tự là Tồn Trai, Tốn Thành, tên hiệu là Thạch Phủ, là người thôn An Hội, xã An Toàn, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, (nay thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), là con Bùi Quốc Toại, đậu Hương cống. Bùi Dương Lịch thuở nhỏ học với cha.

Năm 1774, đi thi đậu Hương cống. Ra Thăng Long vừa dạy học, vừa học thêm. Năm 1786, được bổ làm huấn đạo phủ Lý Nhân, nhưng từ chối. Năm 1787, đi thi đậu Hoàng giáp, được bổ chức cung phụng sứ ở Nội hàn viện. Năm 1789, quân đội Tây Sơn kéo ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, Lê Chiêu Thống bỏ chạy sang Trung Quốc, Bùi Dương Lịch cũng chạy theo nhưng không kịp, ông về lại Thăng Long, rồi về quê.

Năm 1791, nhận lời mời của Quang Trung, ông ra giúp việc dịch và biên soạn sách ở Viện Sùng chính cùng với Nguyễn Thiếp. Năm 1792, vua Quang Trung mất, Viện Sùng chính không hoạt động nữa. Bùi Dương Lịch, về nhà dạy học.

Dưới triều Gia Long, bị triệu ra làm quan, ông khẩn khoản từ chối không được, phải nhận chức Đốc học Nghệ An trong một thời gian ngắn rồi xin về. Bùi Dương Lịch vừa sáng tác, vừa khảo cứu, tất cả đều viết bằng chữ Hán. Về thơ có *Ốc lậu thoại*; về khảo cứu có *Nghệ An ký, Nghệ An phong thổ thoại. An Hội thôn chí, Lê Quý dật sử, Bùi gia huấn hài*...

Bùi Dương Lịch sáng tác cả trước, trong và sau thời Tây Sơn. Thơ ông không có nét gì đặc sắc, nhưng nói chung trong sáng, giản dị. Ông dạy học, cho nên trong thơ cũng thường hay thuyết lý về đạo đức. Những tác phẩm khảo cứu của ông có giá trị về mặt tư liệu, và có những trang viết sinh động. Thơ Bùi Dương Lịch trích ở đây lấy từ tập *Ốc lậu thoại* (ký hiệu VHv89), có đối chiếu để hiệu đính một số chữ.

Phần văn có trích ba đoạn trong tập *Nghệ An ký*, (ký hiệu A607 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

思家

茅屋柴扉野味涼
漁歌牧笛自猖狂
春霖及隴苗初秀
潮水兼洲蟹正黃
有妹代兄供子職
此身離母客他鄉
遙知三載門閭望
渺渺雲煙枉斷腸

Phiên âm:

TƯ GIA

Mao ốc sài phi dã vị lương,
Ngư ca mục địch tự xương cuồng.
Xuân lâm cập lũng miêu sơ tú,
Trào thủy kiêm châu giải chính hoàng.
Hữu muội đại huynh cung tử chức,
Thử thân ly mẫu khách tha hương.
Dao tri tam tải môn lư vọng,
Diểu diểu vân yên uổng đoạn trường.

Dịch nghĩa:

NHỚ NHÀ

Nhà cỏ, cửa tre hương vị đồng quê mát mẻ,
Tiếng hát thuyền chài, tiếng sáo chăn trâu nghe sôi nổi.
Mưa xuân tràn đồng, lúa mới lên đòng,
Nước triều ngập bãi, cua đã béo vàng.

Có em gái thay anh lo phận sự làm con,
Tấm thân này xa mẹ, lưu lạc quê người.
Vẫn biết ba năm rồi gia đình trông ngóng,
Mây khói mơ màng luống những đứt ruột.

Dịch thơ:

Cổng tre nhà cỏ, mát hương đồng,
Sáo mục, ca chài, thỏa thói ngông!
Bãi cát nước tràn, cua mọng yếm,
Mưa xuân, ruộng ngấm, lúa lên đòng!
Cậy em tấc cỏ lo đền đáp,
Xa mẹ quê người mãi ruổi rong!
Nhà cửa ba năm mòn ngóng đợi,
Khói mây mờ mịt luống đau lòng!

Nguyễn Văn Bách *dịch*

感吟

荒園頹屋斷籬荊
江樹蕭條野鳥鳴
物意知秋成蕭殺
人心遭亂異平生
鼎湖龍去雲漂泊
金沼花殘月晦冥
踽踽獨行還獨語
滿城氈笠羽衣兵

Phiên âm:

CẢM NGÂM

Hoang viên đổi ốc đoạn liêm mành,
Giang thụ tiêu điều dã điểu minh.
Vật ý tri thu thành túc sái,
Nhân tâm tao loạn dị bình sinh.
Đỉnh Hồ long khứ [1] vân phiêu bạc,
Kim chiểu hoa tàn [2] nguyệt hối minh...
Vũ vũ độc hành hoàn độc ngữ,
Mãn thành chiên lạp vũ y binh.

Dịch nghĩa:

CẢM NGÂM

Vườn hoang, nhà đổ, mành mành đứt,
Cây bên sông tiêu điều, chim đồng nội kêu.
Loài vật con cảm thấy mùa thu héo hắt,
Lòng người buổi loạn ly khác lúc bình thường.
Ở Đỉnh Hồ rồng bay đi, đám mây trôi dạt,
Nơi ao vàng hoa héo, bóng trăng mơ màng.
Đi vò võ một mình và nói chuyện một mình,
Đầy thành chỉ thấy đám quân nón lá áo lông.

---

1. *Đỉnh Hồ long khứ*: Vua Hoàng Đế xưa kia cưỡi rồng ở Đỉnh Hồ, bay lên chầu trời. Ở đây ngụ ý là vua Lê Chiêu Thống mất.

2. *Kim chiểu hoa tàn:* Chỉ hoàng hậu.

感吟
其一

天地生吾有意無
生吾奈不在唐虞
兵戈滿地遭時拙
野草憂天抱志孤
黍稷寂無人感怛
雲雷誰為國馳驅
亂如此憮何時定
籬下黃花井上梧

Phiên âm:

CẢM NGÂM
(kỳ nhất)

Thiên địa sinh ngô hữu ý vô?
Sinh ngô nại bất tại Đường Ngu[1]?
Binh qua mãn địa tạo thời chuyết,
Dã thảo ưu thiên bão chí cô.
Thử tắc[2] tịch vô nhân cảm đát,
Vân lôi thùy vị quốc trì khu?
Loạn như thử phủ hà thời định?
Ly hạ hoàng hoa tỉnh thượng ngô.

---

1. *Đường, Ngu*: Tên hai triều đại huyền thoại thời thượng cổ Trung Quốc, sử sách phong kiến cho đó là thời kỳ thịnh trị, nhân dân được thái bình, no ấm.

2. *Thử tắc*: Lúa nếp, lúa té chỉ chung lúa má. Hai chữ này có nguồn gốc từ bài thơ Thử Ly trong *Kinh Thi*. Bài thơ tương truyền do Cơ Tử bề tôi cũ của nhà Ân làm ra nhân dịp về qua kinh đô cũ của nhà Ân nhìn thấy cung điện xưa, nay đã biến thành ruộng lúa. Cơ Tử làm bài này để nói lên nỗi buồn thương của mình trước cảnh suy vong của nhà Ân.

Dịch nghĩa:

CẢM NGÂM

I

Trời đất sinh ta có ý hay không?
Sao không sinh ta vào đời Đường Ngu?
Binh đao khắp chốn, vụng tài xoay xở,
Nơi thảo dã, ôm chí lo trời một mình,
Lúa thử lúa tắc mọc nơi cung xưa tuyệt không người nào đau xót.
Sấm rền trong mây, ai biết rong ruổi việc nước?
Loạn lạc thế này, biết bao giờ mới hết?
Kìa đó hoa vàng dưới bờ giậu và cây ngô đồng bên giếng nước.

Dịch thơ:

I

Trời sinh ta có ý gì?
Sinh ta sao chẳng gặp thì Đường Ngu?
Lửa binh xoay xỏa vụng trò,
Quê mùa ôm mãi chí cô lo trời!
Lúa khoai vun xới không người,
Nước non bão tố nào ai khuông phò,
Loạn ly biết đến bao giờ,
Giếng ngô kia, lại giậu thu hoa vàng!...

Nguyễn Văn Bách *dịch*

感吟

其二

六翮原非枳棘棲
圖南何日插天齊
愁腸渺渺看風雨
壯志悠悠逐鼓鼙
地迥有書空寄鴈
更長無舞亦聞雞
簾前縱望何牢落
白露凝寒綠草萋

Phiên âm:

CẢM NGÂM
(kỳ nhị)

Lục cách nguyên phi chỉ cức thê,
Đồ Nam hà nhật tháp thiên tề?
Sầu trường diểu diểu khan phong vũ,
Tráng chí du du trục cổ bề.
Địa quýnh hữu thư không ký nhạn,
Canh trường vô vũ diệc văn kê. [1]
Liêm tiền túng vọng hà lao lạc,
Bạch lộ ngưng hàn lục thảo thê.

---

1. Thời Tấn, lúc rợ Hồ xâm lấn Trung Nguyên, Tổ Địch sang sông mưu đồ khôi phục. Ông nằm ở quán trọ, nghe tiếng gà gáy vội thức dậy múa gươm.

Dịch nghĩa:

CẢM NGÂM

II

Chim hồng sáu lông cánh không bao giờ đậu nơi gai góc,
Biết ngày nào vút lên trời bay sang phương Nam?
Lòng buồn dằng dặc trông cảnh mưa gió,
Chí mạnh phơi phới theo tiếng trống chiêng.
Đất vắng có thư luống gửi theo chim nhạn,
Đêm dài, không múa gươm cũng nghe thấy tiếng gà gáy.
Trước rèm nhìn ra bốn bên sao xơ xác,
Hạt sương trắng ngưng lạnh, cỏ xanh tốt um.

Dịch thơ:

II

Chim hồng chẳng đậu bụi gai,
Phương Nam đợi buổi vút bay vạn trùng.
Gió mưa dằng dặc nỗi lòng,
Chí hùng theo tiếng trống đồng ruổi xa.
Hoài công nhắn nhạn mong nhà,
Đêm không gươm múa, tiếng gà vẫn ran.
Trước rèm ngắm cảnh điêu tàn,
Long lanh sương trắng phủ làn cỏ xanh!...

Nguyễn Văn Bách *dịch*

南風

蕭颯淒傷倍感情
山頹海吼更堪驚
吹揚塵土千門掩
狂掠山林萬樹鳴
地氣南來啼杜宇
京華春去病黃鶯
熙和世遠薰歌寂
琴韻誰調解慍聲

Phiên âm:



NAM PHONG

Tiêu táp thê thương bội cảm tình,
Sơn đồi hải hống cánh kham kinh.
Suy dương trần thổ thiên môn yểm,
Cuồng lược sơn lâm vạn thụ minh.
Địa khí nam lai đề đỗ vũ,
Kinh hoa xuân khứ bệnh hoàng oanh.
Hy hòa thế viễn huân ca [1] tịch
Cầm vận thùy điều giải uẩn thanh?

1. Theo *Sử ký*, trong bài ca "Nam phong" của vua Thuấn có câu "Nam phong chi huân hề, giải ngô dân chi uẩn hề". Nghĩa là: Gió nam ấp áp chừ, giải hết những điều bực tức của dân ta chừ...

Dịch nghĩa:

GIÓ NAM

Tiếng gió xào xạc đìu hiu, tăng cảm xúc gấp bội,
Núi lở, biển gào lại càng kinh hoàng.
Gió tung đất bụi, nghìn nhà phải đóng cửa,
Gió tràn núi rừng, muôn cây đều khua vang.
Hơi đất từ phương Nam lại, khiến con chim cuốc kêu khản,
Hoa ở kinh hết mùa xuân, làm con oanh vàng ngã ốm.
Đời thái bình xa rồi, khúc hát Nam huân vắng tiếng,
Ai là người sẽ dạo tiếng đàn giải nỗi buồn phiền.

Dịch thơ:

Xào xạc đìu hiu, cảm chứa chan,
Biển gào núi lở, xiết kinh hoàng.
Thổi tung đất bụi, then cài khắp,
Tràn lấn rừng khe, cây rú vang!
Hỏi đất nam về, gào cuốc thảm,
Hoa kinh, xuân tạ, ốm oanh vàng!
Hy, hòa, bặt khúc Nam huân cũ,
Ai giải sầu ta, lựa tiếng đàn!

Nguyễn Văn Bách *dịch*

烈山城次韻

少年曾上此山城
戈劍千秋石壹屏
大越有天歸道德
狂明恁地費經營
亂雲自暗藍江渡
遠樹猶排笠嶺兵
底事欲憑詩客話
磴臺繞草翠交爭

Phiên âm:

LIỆT SƠN THÀNH THỨ VẬN

Thiếu niên tằng thướng thử sơn thành,
Qua kiếm thiên thu thạch nhất bình.
Đại Việt hữu thiên quy đạo đức,
Cuồng Minh bằng địa phí kinh doanh.
Loạn vân tự ám Lam Giang độ,
Viễn thụ do bài Lạp Đính binh. [1]
Để sự dục bằng thi khách thoại,
Đắng đài nhiễu thảo thúy giao tranh.

1. *Lạp Đính*: Tên núi thuộc Nghệ An,

Dịch nghĩa:

HỌA VẦN BÀI THÀNH LIỆT SƠN

Lúc trẻ đã từng lên tòa thành trên núi này,
Nơi gươm giáo xưa, giờ là bức bình phong bằng đá.
Nước Đại Việt có số trời, do người đạo đức làm chủ,
Giặc Minh điên cuồng cố gắng mấy cũng uổng công.
Mây bay tán loạn, che mờ bến đò Sông Lam,
Cây ở xa trông giống hàng quân trên đỉnh Núi Lạp.
Sự việc cũ như muốn nhờ nhà thơ tả lại,
Rêu ở bậc đá, cỏ mọc quanh sắc biếc giao nhau.

入石河舟泊明良江待潮

雨到黃昏冷氣驕
入春朔吹尚飄蕭
乾坤大設雙流水
雄伯遺歸一斷橋
岸市館疏煙寂寂
渡頭人遠夜招招
停篙勿與水爭進
雲豁東天海已潮

Phiên âm:

NHẬP THẠCH HÀ CHU BẠC MINH LƯƠNG GIANG ĐÃI TRÀO

Vũ đáo hoàng hôn lãnh khí kiêu,
Nhập xuân sóc súy thượng phiêu tiêu.
Càn khôn đại thiết song lưu thủy,
Hùng bá di quy nhất đoạn kiều.

Ngạn thị quán sơ yên tịch tịch,
Độ đầu nhân cự dạ thiều thiều.
Đình cao vật dữ thủy tranh tiến,
Vân khoát Đông thiên hải dĩ trào.

Dịch nghĩa:

VÀO ĐẾN THẠCH HÀ, THUYỀN ĐẬU SÔNG MINH LƯƠNG CHỜ THỦY TRIỀU

Mưa kéo đến chiều, khí lạnh gay gắt,
Đã sang xuân rồi, gió bấc còn hắt hiu.
Trời đất bày ra hai dòng nước chảy,
Sự nghiệp tranh hùng, tranh bá còn để lại chiếc cầu gãy.
Quán chợ trên bờ sông thưa thớt, khói lửa vắng tanh.
Người qua đò vội vàng, đêm tịch mịch.
Dừng chèo, không muốn tiến lên với nước,
Mây thoáng phía trời Đông, biển đã dậy thủy triều.

Dịch thơ:

Mưa đến hoàng hôn, tràn khí lạnh,
Vào xuân gió bấc vẫn reo gào.
Đất trời vạch rõ hai dòng chảy,
Đế bá còn trơ mấy đoạn cầu!
Bến chợ lều hoang, tàn khói lửa,
Thuyền đò khách vội, quạnh đêm thâu.
Dừng sào, thôi chẳng đua cùng nước,
Mây hửng đằng Đông, ngất thủy trào.

Ngô Linh Ngọc *dịch*

丹海歸帆

夕照流霞萬頃丹
漁舟次第望回灘
蝦鬚朵朵波心漾
蝶翅飛飛海眼寬
龍水欲潮風漸勁
漁山向晚翠生寒
昇平一曲船舷笛
從此乾坤屬大觀

Phiên âm:

ĐAN HẢI QUY PHÀM

Tịch chiếu lưu hà vạn khoảnh đan,
Ngư chu thứ đệ vọng hồi than.
Hà tu đóa đóa ba tâm dạng,
Điệp thí phi phi hải nhãn khoan.
Long Thủy dục trào phong tiệm kính,
Ngư Sơn hướng vãn thúy sinh hàn.
Thăng bình nhất khúc thuyền huyền địch,
Tùng thử càn khôn thuộc đại quan.

Dịch nghĩa:

BUỒM VỀ ĐAN HẢI

Mặt trời chiều chiếu trên đám mây bay thành vạn khoảnh đỏ rực,
Thuyền đánh cá lần lượt trở về bến,
Sóng cuồn cuộn như râu tôm xoắn lại,
Biển mênh mang tựa cánh bướm rập rềnh.

Sông Long Thủy sắp có nước triều gió mạnh lên,
Trên Ngư Sơn lúc gần tối, màu xanh có cảm giác lạnh.
Một khúc thanh bình vang lên trong tiếng sáo bên mạn thuyền,
Đất trời theo đó như đẹp đẽ thêm ra.

Dịch thơ:

Ráng đọng chiều hôm, vạn mảng son,
Nối nhau, thuyền cá lại giang thôn.
Râu tôm cuồn cuộn, lòng khơi xoáy,
Cánh bướm bay bay, lớp sóng cồn.
Long Thủy trào dâng, chiều gió nổi,
Ngư Sơn biếc lạnh, bóng đêm dồn...
Mạn thuyền, một khúc thanh bình vẳng,
Trời đất càng thêm rạng rỡ hơn...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

早 起

早 起 排 窗 曙 氣 冥
銀 河 湛 湛 露 零 零
村 雞 報 曉 寒 初 動
夜 鳥 啼 歸 濕 暗 聆
有 性 了 明 浮 世 夢
無 情 獨 信 主 人 惺
憑 欄 靜 坐 待 千 旦
時 咱 鄰 童 讀 古 經

Phiên âm:

TẢO KHỞI

Tảo khởi bài song thự khí minh,
Ngân hà trạm trạm lộ linh linh.
Thôn kê báo hiểu hàn sơ động,
Dạ điểu đề quy thấp ám linh.
Hữu tính liễu minh phù thế mộng,
Vô tình độc tín chủ nhân tinh.
Bằng lan tĩnh tọa đãi thiên đán,
Thời thính lân đồng độc cố kinh.

Dịch nghĩa:

DẬY SỚM

Dậy sớm, mở cửa sổ, ánh sáng còn mờ mờ,
Giải Ngân hà trong vắt, sương rơi từng giọt.
Gà trong thôn gáy sáng, khí lạnh bốc lên,
Chim kêu đêm bay về, hơi nước lắng lại.
Có suy xét sẽ hiểu cuộc đời là giấc mộng,
Sống vô tình chỉ tin riêng mình là tỉnh.
Tựa bao lan ngồi im lặng đợi trời sáng,
Thỉnh thoảng nghe tiếng trẻ con hàng xóm đọc sách cổ.

Dịch thơ:

Dậy sớm, đẩy song, chưa thật sáng,
Dòng Ngân trong vắt giọt sương rơi.
Gà trong thôn gáy, trời se lạnh,
Chim lẩn đêm về, nước lắng hơi.
Suy ngẫm thấy ra đời ấy mộng,
Vô tình tin hão tỉnh riêng ai!
Dựa hiên ngồi lặng trông trời sáng,
Vẳng tiếng nhà bên trẻ học bài!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

再與吳時任

理如淵藪史如山
布帛文章菽米盤
花影似香無處捉
雪花非玉又多寒
飛升有術終行怪
了悟何心別置顏
且就一身循近小
圣賢胥此匪余單

Phiên âm:

TÁI DỮ NGÔ THÌ NHẬM

Lý như uyên tẩu, sử như sơn,
Bố bạch văn chương thúc mễ bàn.
Hoa ảnh tự hương vô xứ tróc,
Tuyết hoa phi ngọc hựu đa hàn.
Phi thăng hữu thuật chung hành quái,
Liễu ngộ hà tâm biệt trí nhan.
Thả tựu nhất thân tuân cận tiểu,
Thánh hiền tư thử phỉ dư đan.

Dịch nghĩa:

LẠI GỬI NGÔ THÌ NHẬM

Đạo lý như vực sâu, bụi rậm, sử sách chất như núi,
Văn chương như vải lụa, như gạo, đậu.
Bóng hoa giống hương thơm, không biết chỗ nắm bắt,
Hoa tuyết không phải ngọc mà rất lạnh.

Thuật phi thăng cuối cùng chỉ là quái đản,
Tấm lòng giác ngộ chỉ là cá biệt.
Hãy cứ suốt đời làm việc thiết thực,
Thánh hiền đều hết cả, không phải riêng ta.

詠大函山

地脈從中起
山形獨毅然
聳身如赴敵
蓄氣欲沖天
羅浦三叉合
香漳兩翼纏
高皇平北寇
從此奮鳴鞭

Phiên âm:

VỊNH ĐẠI HÀM SƠN [1]

Địa mạch tòng trung khởi,
Sơn hình độc nghị nhiên.
Tủng thân như phó địch,
Súc khí dục xung thiên.
La Phố Tam Soa hợp,
Hương Chương lưỡng dực triền.
Cao hoàng [2] bình bắc khấu,
Tòng thử phấn minh tiên.

---

1. *Đại Hàm sơn*: Núi Đại Hàm, một ngọn núi cao thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, Lê Lợi khi chống quân Minh từng đóng quân ở núi này.

2. *Cao hoàng*: Thái Tổ Cao hoàng đế nhà Lê, tức Lê Lợi.

Dịch nghĩa:

VỊNH NÚI ĐẠI HÀM

Mạch đất từ phía trong nổi lên,
Thế núi đứng riêng trông hùng dũng.
Vóc dáng vươn cao như tiến vào quân địch,
Khí tụ tích lại như xông đến tận trời.
Sông La, Sông Phố hợp dòng ở Tam Soa,
Hương Sơn, Thanh Chương kề nhau như đôi cánh.
Đức Cao hoàng bình giặc Bắc,
Từ núi này quất roi ngựa tiến quân.

Dịch thơ:

Mạch đất từ trong nổi,
Thế núi kiêu hùng thay.
Dáng vươn, chừng đuổi giặc.
Khí tụ, muốn tung mây.
La, Phố, Tam Soa hợp,
Hương, Chương, hai cánh bầy.
Cao Hoàng bình giặc Bắc,
Roi ngựa vút từ đây...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

大靈江

浮生初渡大靈江
沙磧茫涼海浪撞
南北總皆吾宇宙
山川奚畫此家邦

百年柵壘機謀盡
兩地衣冠禮俗龐
分合共誰談底事
釣船隱隱傍橫矼

Phiên âm:

ĐẠI LINH GIANG [1]

Phù sinh sơ độ Đại Linh Giang,
Sa tích mang lương hải lãng chàng.
Nam Bắc tổng giai ngô vũ trụ,
Sơn xuyên hề hoạch thử gia bang.
Bách niên sách lũy cơ mưu tận,
Lưỡng địa y quan lễ tục bàng.
Phân hợp cộng thùy đàm để sự!
Điếu thuyền ẩn ẩn bạng hoành giang.

Dịch nghĩa:

SÔNG GIANH

Trong cuộc đời trôi nổi, lần đầu đi qua Sông Gianh,
Thấy cát đá ngổn ngang, sóng bể dồn dập.
Nam Bắc mãi mãi là trời đất của ta,
Núi sông sao nỡ chia xứ này, xứ nọ?
Hàng trăm năm trồng rào đắp lũy, cơ mưu đã hết,
Hai miền đội mũ mặc áo, lễ tục đã lẫn vào nhau.
Chuyện phân hợp, biết cùng ai bày tỏ?
Chỉ có chiếc thuyền câu lơ lửng bên ghềnh đá.

---

1. *Đại Linh Giang*: Tức sông Gianh ở tỉnh Quảng Bình. Thời nhà Lê, chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau, chia nước ra làm hai miền. Phía nam Sông Gianh của chúa Nguyễn, gọi là Nam Hà hay xứ Đàng Trong; phía bắc Sông Gianh của chúa Trịnh, vua Lê, gọi là Bắc Hà, hay xứ Đàng Ngoài. Sau, nhà Tây Sơn tiêu diệt cả hai tập đoàn phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài, thống nhất đất nước.

Dịch thơ:

Lần đầu vượt bến Sông Gianh đó,
Cát đá mênh mông, biển thét gào;
Nam, Bắc, vẫn chung trời đất ấy,
Núi sông nỡ rạch nước non nào!
Trăm năm rào lũy, mưu cùn hết,
Hai cõi xiêm y, tục giống nhau.
Chia, gộp, biết cùng ai tính chuyện,
Bên sông lờ lững mái thuyền câu!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

村人植江杆

橐彼江頭喜氣盈
數行江杆一朝成
輔栽自是因天篤
壅注原非與水爭
幹定海潮隨月長
根深山潦向秋生
從今滋息年年厚
玉疊銀堆地運亨

Phiên âm:

THÔN NHÂN THỰC GIANG CÁN

Thác bỉ giang đầu hỷ khí doanh,
Sổ hàng giang cán nhất triêu thành.
Phụ tài tự thị nhân thiên đốc,
Ủng chú nguyên phi dữ thủy tranh.

Cán định hải trào tùy nguyệt trưởng,
Căn thâm sơn lạo hướng thu sinh.
Tòng kim tư tức niên niên hậu.
Ngọc lũy ngân đôi địa vận hanh.

Dịch nghĩa:

NGƯỜI TRONG THÔN ĐÓNG CỌC NGĂN SÔNG

Đóng cọc ở đầu sông, không khí thật là vui vẻ,
Mấy hàng cột gỗ đóng xong trong một buổi sớm
Xén bớt hay đắp thêm, tùy theo thế tự nhiên,
Chắn lại hay tháo đi, vốn chẳng phải tranh với thế nước.
Cột đã chắc, mặc cho thủy triều theo tuần trăng dâng lên,
Gốc đã sâu, đến mùa thu tha hồ lũ núi đổ xuống.
Từ nay, đất này hằng năm sẽ dày thêm,
Lũy ngọc, gò vàng, vận đất trở nên thịnh vượng.

烈山城感舊

横斜屋宇蒼煙裡
隱約城門碧蘚間
明賊窩巢餘北堞
吾皇功德勒高山
前江佇甲當秋漲
老木諳兵倚石閒
小鳥幾番悲往事
枝頭對客故綿蠻

Phiên âm:

LIỆT SƠN THÀNH [1] CẢM CỰU

Hoành tà ốc vũ thương yên lý,
Ẩn ước thành môn bích tiển gian.
Minh tặc oa sào dư bắc điệp,
Ngô hoàng công đức lặc cao sơn.
Tiền giang trữ giáp đương thu trướng.
Lão mộc am binh ỷ thạch nhàn.
Tiểu điểu kỷ tằng bi vãng sự,
Chi đầu đối khách cố miên man.

Dịch nghĩa:

XÚC CẢM TRƯỚC THÀNH CŨ NÚI NGHĨA LIỆT

Nhà cửa ngang ngửa trong đám khói xanh,
Cổng thành tờ mờ phủ lợp rêu biếc.
Hang ổ giặc Minh còn trơ lại đoạn thành phía bắc,
Công đức vua ta được khắc vào đá trên núi đá.
Sông trước mặt chứa giáp binh nước mùa thu dâng lên,
Cây cổ thụ quen trận mạc đứng kề bên tảng đá.
Con chim nhỏ từng mấy lần buồn về việc cũ,
Trên cành líu lo, kể chuyện cùng với khách.

---

1. *Liệt Sơn thành*: Thành trên núi Nghĩa Liệt, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Khi quân Minh sang xâm chiếm nước ta, Trương Phụ cho xây thành này để chống với quân đội vua Trần Trùng Quang, Thành này sau gọi là thành Nghệ An, bị giặc Minh chiếm đóng, Lê Lợi vây đánh, cuối cùng giặc Minh phải mở cửa xin hàng.

淇江橋賦

己酉之冬
日纏玄枵
斗旋丑杓
大寒清朝
曉氣冷蕭
過淇江橋
風淅索以飄颻
江澎湃以生潮
既乃雲陰沉沉
昏雨瀌瀌
波聲瀟瀟
野色迢迢
寒鷺兮腰腰
單鳥兮翱翱
田草兮夭夭
岸樹兮飄飄
鳥鵲啼兮木葉落
枝抄出兮林容憔
村何居兮閭徇鐸
單何行兮閭征鑣
策策欲鳴
誰家芭蕉
杲杲不吠
誰家歐獨
隴頭採薪
何寒非樵
田邊負蒭
何苦非蕘

誰人供兵
行何儽儽
誰家輸糧
去何佻佻
行齎居送
遠近何騷
兄去弟還
道路何囂
撤業閉門
家何寂寥
扶屋頹墻
園何譙條
何辜今之民
而天為之妖
有昔幼而今髫
有昔壯而今焦
昔倜而今彫
昔息而今銷
曾歲月之幾何
荒海宇其蕭條
古人有言
風景不殊舉目有山河之異
蓋親履其境而意緒難描
乃徘徊而顧望
鬱殷紛其無聊
忽儼然而在前
何斯橋之相驕
若欲倨以相邀
若自負以相挑

橋乎之無居吾諳汝
蓋太極有陰陽
世運有生消
地氣有盛衰
風會有淳澆
孟子曰
天下之生久矣
一治一亂豈分之所能
蹇天意之昭昭
獨不思自汝之居此世
雄兵若豺
猛將如梟
甲冑載數
干戈載戢
戎車紅旂
介馬革條
雷起風行
石投距超
當鋒馳突
臨陣輕剽
經花開而落棄
復啼鵑而鳴蜩
行者困於衝冒
居者艱於征徭
牛犢並於帶佩
棟宇赤於焚燒
陰沴作兮疾疫
膏雨滴兮稿苗
洪水滔兮沿江咨
興濤起兮濱海漂

不此之慮而猶自嶢嶢
自以為得而敢與相撩
橋乎橋乎
戰爭之的
紛亂之標
君不見
古之遺愛
若公子僑
乘輿可濟
民力當饒
信能行此
盍戒之憍
撫斯民如赤子
躋斯世於皇堯
俟 其 天 心 悅 辰 雨 調
　　　 四 野 以 闢
　　　 是 菱 是 穮
　　　 山 川 以 寧
　　　 惟 禾 惟 喬
然 後 高 爾 表 柱
　　　 擊 天 凌 霄
　　　 壯 爾 楷 梯
　　　 螭 文 麟 雕 起 不 美 哉
而 何 若 誅 柴 編 竹
以 生 斯 民 之 嘵 嘵
橋 聞 吾 言 曰 善 哉 言 乎
此 當 堵 敖 子 之 祈 招
既 沉 思 兮 俯 首
乃 施 敬 兮 折 腰
載 登 途 兮 逍 遙
天 日 上 兮 扶 搖

Phiên âm:

KỲ GIANG KIỀU PHÚ [1]

Kỷ Dậu chi đông,
Nhật triền huyền hiêu [2],
Đẩu toàn sửu tiêu [3].
Đại hàn thanh triêu,
Hiểu khí linh tiêu,
Quá Kỳ Giang kiều,
Phong tích sách sĩ phiêu diêu,
Giang bành bái dĩ sinh triều.
Ký nãi: Vân âm trầm trầm,
Hôn vũ biều biều.
Ba thanh tiêu tiêu,
Dã sắc thiều thiều.
Hàn cùng hề yêu yêu,
Đan điểu hề cao cao.
Điền thảo hề yêu yêu,
Ngạn thụ hề phiêu phiêu.
Điểu thước đề hề, mộc diệp lạc,
Chi sao xuất hề lâm dung tiều.
Thôn hà cư hề náo tuần đạc,
Quân hà hành hề văn chinh tiêu.
Sách sách dục minh,
Thùy gia ba tiêu?
Luy luy bất phệ,
Thùy gia yết kiêu?
Lũng đầu thái tân,
Hà hàn phi tiều?
Điền biên phụ sô,

---

1. *Kỳ Giang kiều*: Cầu trên Sông Kỳ.

2. *Huyền hiêu*: Tức sao Hư trong "Nhị thập bát tú" (28 chòm sao trong thiên văn cổ), ngôi sao này ở vào hướng Bắc.

3. *Đẩu toàn sửu tiêu*: Đẩu tức sao Bắc Đẩu, sao có bảy ngôi, bốn ngôi đứng thành hình cái đấu, nên có tên là Đẩu (đấu), còn ba ngôi thành hình cái chuôi, mùa đông chuôi đấu quay hướng Sửu (Đông Bắc).

Hà khổ phi nghiêu [1].
Thùy nhân cung binh,
Hành hà lệ lệ.
Thùy gia thâu lương,
Khứ hà khiêu khiêu?
Hành tê cư tống,
Viễn cận hà tao?
Huynh khứ đệ hoàn,
Đạo lộ hà hiêu?
Triệt nghiệp bế môn,
Gia hà tịch liêu?
Quyết ốc đồi tường,
Viên hà tiểu điều?
Hà cô kim chi dân,
Nhi thiên vi chi yêu?
Hữu tích ấu nhi kim thiều,
Hữu tích tráng nhi kim tiêu.
Tích trù nhi kim điêu,
Tích tức nhi kim tiêu.
Tằng tuế nguyệt chi kỷ hà,
Hoang hải vũ kỳ tiêu điều.
Cổ nhân hữu ngôn:
Phong cảnh bất thù, cử mục hữu sơn hà chi dị,
Cái thân lý kỳ cảnh, nhi ý tự nan miêu.
Nãi bồi hồi nhi cố vọng,
Uất bàn phân kỳ vô liêu.
Hốt yển nhiên nhi tại tiền
Hà tư kiều chi tương kiêu?
Nhược dục cứ dĩ tương yêu,
Nhược tự phụ dĩ tương khiêu.
Kiều hồ tri vô, cư ngô ngữ nhữ:
Cái thái cực hữu âm dương,
Thế vận hữu sinh tiêu.
Địa khí hữu thịnh suy,
Phong hội hữu thuần kiêu.

---

1. *Nghiêu*: Ông nghiêu; tức là "ông tiều", "tiều phu" hay "nghiêu phu" đều chỉ người đi kiếm củi.

Mạnh Tử viết:
Thiên hạ chi sinh cửu hỹ,
Nhất trị nhất loạn, khởi phận chi sở năng,
Thực thiên ý chi chiêu chiêu.
Độc bất tư, tự nhữ chi cư thử dã,
Hùng binh nhược sài,
Mãnh tướng như kiêu.
Giáp trụ tái phu,
Can qua tái kiêu.
Nhung xa hồng kỳ.
Giới mã cách điều.
Lôi khởi phong hành,
Thạch đầu cự siêu.
Đương phong trì đột,
Lâm trận khinh biều.
Kinh hoa khai nhi lạc diệp,
Phục để thước nhi minh điêu.
Hành giả khốn ư xung mạo,
Cư giả tễ ư chinh dao.
Ngưu độc tinh ư đái bội, [1]
Đống vũ xích ư phần thiêu.
Âm lãnh tác hề tật dịch,
Cao vũ sắc hề cao miêu.
Hồng thủy thao hề duyên giang tư,
Cụ đào khởi hề tần hải phiêu.
Bất thử chi lự, nhi do tự nghiêu nghiêu,
Tự dĩ vi đắc nhi cảm dữ tương liêu.
Kiều hồ, Kiều hồ!
Chiến tranh chi đích,
Phân loạn chi tiêu.
Quân bất kiến:
Cổ chi di ái,

1. Câu này tác giả lấy từ câu: "Đái ngưu bội độc" trong truyện Cung Toại. Đời Hán Tuyên Đế, ở Bột Hải mất mùa, đói kém, dân phần nhiều đeo dao mang kiếm đi ăn cướp. Cung Toại được bổ làm quan thái thú ở đây, ông khuyên dân nên bán dao kiếm mua trâu bò mà làm ăn và nói: "Hà vi đái ngưu bội độc" nghĩa là: "Sao lại đeo trâu mang bò". Ở đây ý nói: Nạn cướp bóc nổi lên.

Nhược Công tử Kiều. [1]
Thừa dư khả tế,
Dân lực đương nhiêu.
Tín năng hành thử,
Hạp giới chi kiêu.
Phủ tư dân như xích tử
Tê tư thế ư Hoàng Nghiêu.
Sĩ kỳ: thiên tâm duyệt, thời vũ điều.
Tứ dã dĩ tịch,
Thị cổn thị biểu. [2]
Sơn xuyên dĩ ninh,
Duy yêu duy kiều.
Nhiên hậu: Cao nhĩ biểu trụ,
Kình thiên lăng tễ.
Tráng nhĩ giai thê,
Ly văn lân điêu, khởi bất mĩ tai!
Nhi hà khổ tru sài biên trúc,
Dĩ sinh tư dân chi kiêu kiêu.
Kiều văn ngô ngôn, viết: thiện tai ngôn hồ!
Thử đương đổ ngao tử chi Kỳ Chiêu. [3]
Ký trầm tư hề phủ thủ,
Nãi thi kính hề triết yêu.
Tái đăng đồ hề tiêu dao,
Thiên nhật thướng hề phù dao.

---

1. *Công tử Kiều*: Tức Tử Sản là quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu Chiến Quốc. Sách *Luận Ngữ*: "Tử Sản dĩ kỳ thặng dư, tế nhân ư Trân Vị" (Tử Sản lấy xe của mình chở người qua sông Trân Vị).

2. *Thị cổn thị biểu:* Cày sâu cuốc bẫm; Chữ sách Tả Truyện có nghĩa là làm cỏ bón lúa.

3. *Kỳ Chiêu*: Tên một bài thơ "Dật thi". Theo sách *Tả Truyện*: Xưa vua Mục Vương muốn đi khắp thiên hạ để chỗ nào cũng có vết xe ngựa của vua, Kỳ Phủ làm bài thơ *Kỳ Chiêu* để ngăn vua.

Dịch phú:

BÀI PHÚ CẦU SÔNG KỲ GIANG

Mùa đông năm Kỷ Dậu,
Mặt trời xế sao Huyền hiêu.
Chuôi Đẩu quay hướng Sửu,
Đại hàn, sáng vắng teo.
Sớm mai trời lạnh ngắt,
Đi qua Kỳ Giang kiều.
Gió phần phật vi vút,
Sông cuồn cuộn dâng triều.
Lại thêm:
Mây kéo âm u,
Mưa sa dạt dào.
Đồng không mông quạnh,
Tiếng sóng ào ào.
Trùng kêu eo óc,
Chim liệng thấp cao.
Cỏ nội mơn mởn,
Cây bến rì rào.
Chim chóc kêu hót *chừ*, lá rụng lác đác,
Cành ngọn trơ trụi *chừ*, vẻ trông tiêu điều.
Đoàn quân đi đâu *chừ*, rộn tiếng hàm thiết ngựa kêu.
Trong thôn cớ chi *chừ*, vang tiếng mõ rao.
Cây chuối nhà ai, phần phật như reo.
Con chó nhà ai, lùi lũi không sủa,
Đầu gò hái củi, ai rét bằng ông tiều,
Bên ruộng gánh cỏ, ai khổ bằng ông nghiêu.
Nhà nào chở lương, đi sao tất tả,
Người nào đi lính, đi sao dặt dìu.
Kẻ đi người tiễn, xa gần lao xao,
Anh đi em về, trên đường nhao nhao.
Tường đổ mái toang, vườn sao xơ xác,
Đóng cửa bỏ nghiệp, nhà sao đìu hiu.
Dân chúng tội tình chi đâu,
Mà trời làm cho khổ đau.

Có người xưa trẻ nay già đeo,
Có người xưa khỏe nay ốm teo.
Có người xưa thảnh thơi, nay nhóc nheo,
Có người xưa giàu có, nay đói nghèo.
Trải năm tháng đã bao nhiêu,
Mà non nước hóa hoang liêu.
Người xưa có câu:
"Phong cảnh vẫn như xưa, non sông đà khác trước",
Đứng trước quang cảnh ấy, mà tình hoài khó tả khó miêu.
Mắt nhìn ngẩn ngơ mọi nỗi,
Bụng nghĩ vẩn vít trăm chiều.
Chợt ngẩng lên thấy trước mặt,
Vòi vọi cao một cái cầu.
Như ngạo nghễ mà đón chào,
Như thách thức mà ghẹo trêu.
Cầu ơi có biết chăng cầu!
Hãy nghe ta nói mấy câu:
Bầu trời có khí âm khí dương phân biệt,
Cuộc đời có lúc sinh lúc diệt luân lưu,
Mạch đất có lúc thịnh lúc suy thay đổi,
Vận hội có lúc thuần lúc bạc khác nhau.
Mạnh Tử nói rằng:
Thiên hạ đã có từ lâu,
Hết trị đến loạn, người lường được đâu?
Mà thật ra ý trời sáng tỏ làu làu.
Có biết chăng từ khi ngươi đứng ở đây:
Binh hùng như sói,
Tướng mạnh như beo.
Nai nịt giáp trụ,
Mang vác qua mâu.
Xe quân, ngựa trận,
Cờ đỏ, chiến bào.
Sấm vang, gió giật,
Ném đá, nhảy sào.
Xung phong đột kích,
Tên đạn vèo vèo.
Trải bao hoa nở và lá rụng,
Lại đến chim hót rồi ve kêu.

Người ra đi thì cực khổ nơi trận mạc,
Người ở nhà thì chết dớ với thuế sưu.
Trâu bò biến thành đao kiếm,
Nhà cửa đỏ rực lửa thiêu.
Nặng nề âm khí, dịch tễ hoành hành,
Kéo dài nắng hạn, lúa má héo queo.
Lan tràn lũ lụt, sông cuồn cuộn,
Đùng đùng bão tố, biển thét gào.
Không lo điều đó, còn cứ lêu đêu,
Tự cho là phải, mà cứ hiêu hiêu.
Cầu ơi, cầu ơi!
Chiến tranh nổi dậy,
Loạn lạc theo sau.
Ngươi không thấy:
Người xưa nhân ái,
Như Công tử Kiều.
Đem xe chở dân,
Sức dân dồi dào.
Nên làm như thế,
Răn lòng tự kiêu.
Vỗ về dân như đàn con đỏ,
Dắt dẫn đời lên đường Thuấn Nghiêu.
Đợi khi:
Lòng trời thuận thỏa,
Mưa nắng hòa điều.
Đồng ruộng khai khẩn,
Cuốc bẫm cày sâu.
Non sông yên ổn,
Khoan khoái bao nhiêu.
Bấy giờ:
Dựng xây trụ cột,
Cao trời, tạnh mưa
Sửa sang thang bậc,
Chạm rắn rồng leo.
Há chẳng đẹp sao?
Cần chi mà gác cây buộc trúc,
Để cho dân chúng phải kêu rêu.
Cầu nghe ta nói; rằng: lời nói hay,

Giống như lời thơ Kỳ Chiêu.
Ngăn chàng du tử đi phiêu lưu,
Đã ngẫm nghĩ mà cúi đầu,
Lại khom lưng mà kính chào.

Ta bèn lên đường chừ đi chơi tiêu dao,
Mặt trời lên cao chừ, cưỡi gió phù dao.

Thanh Can *dịch*

NGHỆ AN KÝ

Nghệ An ký là một tác phẩm ghi chép khá tỉ mỉ về lịch sử, địa lý, con người và các mặt sinh hoạt của xứ Nghệ An ngày trước, tương ứng với hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh bây giờ. Chưa rõ tác phẩm được viết vào năm nào. *Quyển một* chủ yếu giới thiệu ranh giới địa lý của Nghệ An cùng đặc điểm của núi sông, đất đai, khí hậu. *Quyển hai* chủ yếu giới thiệu con người Nghệ An. *Nghệ An ký* có nhiều trang viết sinh động, có những nhận xét tinh tế, chính xác. Tác phẩm thể hiện lòng tự hào của tác giả về quê hương của mình. Tuy nhiên cũng cần nhận xét thêm rằng trong nhiều trường hợp Bùi Dương Lịch không hiểu đúng những hiện tượng xã hội nên rơi vào lối cắt nghĩa của những nhà phong thủy. Trong tuyển tập này chúng tôi trích một đoạn nói về khí hậu vùng Nghệ An, một đoạn nói về tiếng nói về đặc điểm trong sáng tác văn chương của các tác giả Nghệ An, và một đoạn nói về sinh hoạt của người Nghệ An, dựa theo bản dịch của Đoàn Thăng, có đối chiếu với bản *Nghệ An ký*, ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm A607 để hiệu đính lại những chỗ không sát với nguyên bản.

天氣

乂安天氣和暢.雖六陰節候盛陽常自如.稼穡有二熟十一月立苗夏四月熟.六月立苗冬十月熟.然冬夏之間又有三月穀.夏冬之間又有八月穀.隨地樹藝皆可收熟.至於蔬茄果窒蒲筍.無月不有.可見陰陽之調適也.

三月以後.南風觱盛.將發前,甲夜電光閃爍達曙.天氣如薰.淡雲片片班布天際.或疏雨刻許.風至鳴林著屋聲如萬雷.江河波濤洶湧.或數四日一止.或七八日一止.惟香山上游,土磊土黃泡陵三總無南風.蓋山獨障扞使然.但於風至前,開帳山中聞其殷殷闐闐如萬桴雷鼓聲耳.

秋冬無霜雪,多雨潦.有一月數次源者.源頭山潦迅疾.廬屋畜產.常為所漂蕩.以其山高海近,灌浸不過數日.故古來無堤政.而土田亦無填淤肥厚.

八九月間天陰雨東北風.風來雨至.風去雨止一來一去更迭終日.禾虫應候而生,故稱風曰禾虫風雨曰禾虫雨.

八月二十,二十一日常有雨.是日黎太祖高皇帝忌辰故謂之太祖忌辰雨.

八九月間常有暴風.將發前或有斷虹在東北天際.發辰從東北起.或轉東至南而息或轉西至南而息若未至南而驟息,後必復作,作則破屋拔木海水漲溢,近海民田為所浸沒不收凡暴風作在禾虫生後候故謂之禾虫暴.瀕海語曰誨爾小子父言須記九月五日暴風必起

KHÍ HẬU NGHỆ AN

Nghệ An khí hậu ôn hòa. Tiết hậu lục âm tuy thịnh, nhưng dương khí vẫn như thường. Mỗi năm cày cấy hai mùa. Tháng mười một cấy

lúa, tháng tư gặt, tháng sáu cấy lúa, tháng mười gặt. Nhưng giữa vụ đông và vụ hạ, lại có lúa tháng ba. Giữa vụ hạ và vụ đông, lại có lúa tháng tám. Tùy theo chất đất mà trồng trọt, thì đều thu hoạch được cả. Còn như các thứ rau, cà, hoa, quả, nấm, măng không tháng nào không có. Như thế đủ biết xứ này có âm dương điều hòa thích hợp vậy.

Hằng năm từ tháng ba trở đi, gió nam thổi mạnh. Khi sắp có gió, bắt đầu từ trống canh một, sấm chớp nhoang nhoáng cho đến sáng. Khí trời ấm áp. Những đám mây lờ mờ bay lượn rải rác ở trên không. Cũng có khi mưa nhỏ độ một khắc canh. Lúc gió đến, thì rừng rú nhà cửa vang lên những tiếng ầm ầm như sấm dậy. Sông ngòi nổi sóng cuồn cuộn, ba bốn ngày mới im, có khi bảy tám ngày mới im. Duy chỉ có miền thượng du huyện Hương Sơn có ba tổng Thổ Lỗi, Thổ Hoàng, Bào Lăng là không có gió nam, vì núi ngăn chặn nên gió không vào được. Nhưng trước khi gió đến, trong núi Giăng Màn nghe thấy những tiếng ầm ầm như trống hồi ngũ liên vậy.

Mùa thu và mùa đông không có sương tuyết, nhưng mưa lụt nhiều. Có tháng bị lụt đến mấy lần. Ở các đầu nguồn, nước lụt về rất nhanh, nhà cửa và gia súc thường bị trôi mất. Vì núi cao gần biển, chỉ ngập lụt trong vài ngày cho nên từ xưa đến nay, xứ này không có đê điều mà ruộng nương cũng không bị bồi lấp.

Trong khoảng tháng tám tháng chín, trời hay mưa dầm và có gió mùa Đông Bắc. Gió đến thì mưa, gió đi thì tạnh. Khi đến khi đi, thay đổi hằng ngày. Sâu cắn lúa theo thời tiết mà sinh ra, cho nên người ta gọi gió ấy là gió sâu ăn lúa và gọi mưa ấy là mưa sâu ăn lúa.

Hằng năm, ngày 20 và 21 tháng tám thường có mưa. Hai ngày ấy là ngày giỗ vua Lê Thái Tổ, cho nên người ta gọi mưa ấy là mưa giỗ Thái Tổ.

Trong khoảng tháng tám tháng chín, thường có gió bão. Trước khi bão, thường có mống cụt mọc ngang ở phía Đông Bắc trên trời. Bão thường bắt đầu khởi từ Đông Bắc, rồi chuyển sang phía Đông đến phía Nam thì tắt, hay chuyển sang phía Tây đến phía Nam thì tắt. Nếu bão chưa đến nam đã vội tắt thì sau thế nào cũng lại có bão nữa; mà bão sau này rất mạnh, phá hủy nhà cửa cây cối và làm cho nước biển dâng cao, ruộng dân gần biển sẽ bị ngập lụt không thu hoạch được. Gió bão thường hay có vào thời kỳ sâu lúa sinh sản, cho nên người ta gọi bão ấy là bão sâu lúa. Ở miền bể có câu ca dao: "Hối nhĩ tiểu tử, phụ ngôn tu ký. Cửu nguyệt ngũ nhật, bạo phong tất khỉ" (Dặn lại các con, lời cha nhớ rõ, ngày năm tháng chín, có gió mạnh đó).

土音文章

乂安土音正濁.然效他聲音皆可能.蓋濁為宮.宮為土.土無正位,無成性.四行皆可寄旺.故見之聲音亦然.若東城之黃塲,萬分,杏林,嵩舍,土音偏屬商徵.便效他聲音不得.至如眞福之金源,梧塲,香山之遐齡土音最濁.則土之帖滛者無可變化也.其土音發於惡怒.不平有二助.平入東韻.仄入陌韻.蓋惡怒火之暴也.二助火之生數也.一平一仄,火之有陰陽也.

乂安文章,多雄勁而少華麗.蓋文者心之聲也.氣質如此,故發之為文亦如此.惟其氣質如此.故不事華飾.鮮以文章自名.前代而土城胡參旨公尊鴛席上賦詩百篇,亦迫於道人請題而後見.洪德騷壇二十八宿,乂安無一人.當辰羅山潘參政公福謙,南塘鄧尚書公明壁皆號能詩,然亦不預.蓋由於此.近世諸公,生長都畿遂有時集世,亦氣味之一變也.

乂安風俗純厚,固在生質之美.亦朝廷政體有以成之.舊制解額四十有餘.三年一科.充貢者衆.其中登進士者效用于岩廊.累中塲者從政于縣府.餘雖無地盡用.然既充貢,便為鄉里所推重.民間事俗,多所質正.禮義廉恥,相勸為善.自朝廷大臣以及州郡官長,待遇有禮.民間情弊靡不詢訪.故下情得以上通.而奸惡無所逃.轉移動化,皆由於此.而國家之所以固結民心,維持邦本者皆於焉攸賴.近試法有次通納錢三貫者.雖一辰權宜.取濟之術.然有才學者,有稍通考.有能文考.人才悉無所遺,而流品亦自甄別.

ĐẶC ĐIỂM VỀ TIẾNG NÓI VÀ VĂN CHƯƠNG CỦA NGƯỜI NGHỆ AN

Tiếng nói Nghệ An đục và nặng, nhưng đều có thể bắt chước các tiếng khác được. Vì rằng đục âm cung [1], mà âm cung thì thuộc hành thổ. Thổ không có chính vị thì không có tích sẵn, bốn hành [2], đều có thể ký vượng được, cho nên phát hiện ra thanh âm cũng thế.

Như thổ âm các xã Hoàng Trường, Vạn Phần, Hạnh Lâm, Cao Xá huyện Đông Thành thuộc nhiều về âm thương và âm chủy thì không thể bắt chước tiếng khác được. Còn như thổ âm xã Kim Nguyên, xã Ngô Trường huyện Chân Lộc, xã Hà Linh huyện Hương Sơn rất đục, thì hành thổ ngưng trệ bất hòa không thể biến hóa được.

Thổ âm phát ra khi giận dữ bất bình có hai trợ. Bằng vào vần đông, trắc vào vần mạch. Vì rằng giận dữ là sự cương bạo của hỏa. Hai trợ là sinh số của hỏa. Một bằng một trắc là hỏa có âm dương vậy.

Văn chương Nghệ An nhiều hùng khí mà ít hoa mỹ. Vì rằng văn chương là thanh âm của tâm. Khí chất như thế, cho nên phát ra văn chương cũng như thế. Chính khí chất như thế, cho nên không chuộng sự tô vẽ, hoa mỹ, và ít khi lấy văn chương để tự phụ. Đời trước quan Phụng chỉ Hồ Tông Thốc người xã Thổ Thành, trong một bữa tiệc làm một trăm bài thơ, nhưng cũng là do đạo nhân ra đầu đề nài ép nên làm. Trong hội Tao Đàn Nhị thập bát tú đời Hồng Đức, Nghệ An không có một người nào. Thời bấy giờ, quan Tham chính Phan Phúc Cẩn, người huyện La Sơn, quan Thượng thư Đặng Minh Bích, người huyện Nam Đường có tiếng thơ hay mà cũng không được dự. Đại để đều do nguyên nhân đó. Các vị gần đây, sinh trưởng ở kinh đô, liền có thi tập lưu truyền ở đời, đó cũng là một lần thay đổi khí chất vậy.

Phong tục Nghệ An thuần hậu, vốn nhờ ơn sự tốt đẹp của sinh chất, nhưng một phần cũng do chính thể của triều đình tạo thành.

Theo chế độ cũ, mỗi khoa thi Hương được lấy hơn bốn mươi người đỗ, mà cứ ba năm thi một lần. Số người đỗ cống cử khá nhiều. Trong số những người ấy, người nào đỗ Tiến sĩ thì được bổ dụng trong triều, người nào nhiều lần trúng trường thì được làm việc ở các phủ huyện,

---

1. *Cung:* Là một âm trong ngũ âm. Ngũ âm là cung, thương, giốc, chủy và vũ.
2. *Bốn hành*: Kim, mộc, thủy và hỏa.

còn những người khác dù không có chỗ để bổ dụng hết, nhưng đã đỗ cống cử thì vẫn được làng xóm trọng vọng.

Công việc, phong tục trong dân gian phần nhiều nhờ số người này mà được sửa sang uốn nắn. Mọi người nhờ họ mà noi theo làm điều thiện, giữ gìn lễ nghĩa liêm sỉ. Từ các quan đại thần trong triều đến các bậc trưởng quan ở châu quận, đều đối xử với họ rất lễ phép. Những tình tệ ở dân gian, quan trên đều lưu tâm xét hỏi, cho nên tình dân đều được thông đạt lên các cấp trên, và những kẻ gian ác không trốn tránh đâu được. Phong hóa được thay đổi cũng đều là nhờ ở đó, mà nhà nước sở dĩ cố kết được lòng dân, duy trì được nước cũng là nhờ ở đó.

Gần đây, phép thi có lệ thứ thông nộp ba quan tiền, tuy là một kế hoạch quyền nghi nhất thời để lấy tiền chi dùng việc nước, nhưng những người có tài học, vẫn được xét vào hạng sảo thông và vào hạng văn hay. Nhân tài không bị bỏ sót người nào, mà phẩm giá vẫn tự có sự phân biệt.

生理

乂安近山際海.土性磽瘠.又無幾平衍.故自古獨無堤政.則其田地狹隘可知.近山者火耨刀耕,規卑激水,而山獸一夜蹂食,或至於無遺.

際海者沿灣築堰.捍滷為田.而颶風數刻鹹潮,或至於儘淹中畔.田有夏者無秋.有秋者無夏.而夏風秋潦.不保其全收.常仰資于山南商米.惟南塘清漳興元,沿江洲者,或資蜀黍救乏.石河,宜春,眞福多疏土者,半以蕃薯充糧.其餘諸縣,皆以雜產雜藝.資易資生,而器藝亦甚粗拙.女工紡織.則奇華弘福天祿群浦之絹.羅山安越平潮嫩柳林盛東烈東城閣中中坊.瓊瑠仁里瓊堆上安完義之布.僅供民間服用.百工什器則羅山安越上.宜春福洲之船.天祿明良雲幢東城花林之鐵器.奇華富義南塘雲屯東城里齋宜春威遠之耕舌.羅山錦粧宜春漢陽.南塘詩山之陶器.羅山光曠同

蓆.石河瓜牙之木器.石河扶越.真福梧場之竹筐.真福勇決,石河泰河瓜牙東城祭舍之管席.羅山安全,石河大節之蓬笠.宜春三制之帆.天祿美祿之麻網.亦備民間利用.而作者只足自贍而已.惟是上之人深知其情.而有以安養之.黎朝賦法.租粟只取公田.不及私田.至裕尊和皇帝.保泰三年.徵公田畝八陌.二熟出粟三分之二.一熟出粟三分之一.私田二熟畝三陌.一熟畝二陌.五年復減半.顯宗永慶二年.私田租減半.公田全免.又減私田租.三等收畝一陌.深淺高燥豁免.身庸每丁一貫二陌.五年亦免之.戶調每丁六陌.凡牌表祭券殿廟.行庫道路橋梁諸務.官雇人為之.九年亦赦免.民惟出力受兵兵.有官慶.不困給養.征商之法,則裴舍良場有征.惟守八十分之一.河黃驛崎.武烈可留.特以譏察往來.只有呈錢.雖辰有朴貪.而官稅較輕.朴貪者.亦不得濫索貪官猾吏之弊.唯其詞訟曲直之間.縱有詐虐貨賄.其害只及爭訟一二人.未有害及一墟者.況民情疾苦.鎮承得以條上.權貴抑劄.遠察得以調提.官吏能否.辰有差使清訪之.民事微隱.辰召賢士博詢之.年歲凶歉.官發錢粟賑給之.朝廷日夜議論.無一念不在乎民.在官者亦惟以名節為重.苟有貪貴賈賤.與民爭利.使為時論所鄙.終身不能自拔.士之未達者.亦皆以伺候權門.聚斂貨食為恥.風化之流.自上及下.四民之民.各業其業.故雖地瘠民貧.而樂事赴功.尊君親上,禮義廉恥.純厚之俗.未嘗有間也.

又安地瘠民貧,不逮四鎮遠甚.然風俗所以純厚.所以得正在於是.惟其貧瘠,故堅苦忍耐,勤儉節約,習以成性.為士者不務華飾,安於貧寒,諸鎮人常笑其陋.為民者不忽微細,安於節儉,諸鎮人常鄙其隘.嘉林陳尚書公驩州風土話云:上頗多激濁揚清之勁氣,小民深驕人益己之謫謀,蓋諸鎮之嘲謔又安殆如此.

SINH HOẠT CỦA NGƯỜI NGHỆ AN

Xứ Nghệ An gần núi giáp biển, đất đai cằn cỗi, lại không có mấy nơi bằng phẳng rộng rãi cho nên từ trước đến nay, xứ ấy không có đê điều, thế là đủ biết ruộng đất vừa hẹp vừa xấu. Những nơi gần núi, thổ dân đốt rẫy làm nương và làm bánh xe dâng nước lên tưới ruộng, nhưng lúa thường bị thú rừng đêm xéo nát hay ăn hết, có khi không còn một cây nào. Những nơi giáp biển, dân địa phương đắp đập dọc theo bờ vũng, cắm kè ngăn nước thủy triều để làm ruộng cấy lúa. Nhưng gió bão một lúc, thì nước mặn tràn vào có khi ngập cả bờ ruộng. Ruộng thì chân chiêm không cấy được lúa mùa, mà chân mùa cũng không cấy được lúa chiêm. Hơn nữa mùa hạ hay bão, mùa thu hay lụt, không thu hoạch được toàn vẹn, cho nên dân thường phải ăn gạo xứ Sơn Nam đem đến bán. Những huyện Nam Đường, Thanh Chương, Hưng Nguyên trồng ngô ở bãi hai bên bờ sông để cứu đói. Còn những huyện Thạch Hà, Nghi Xuân, Chân Lộc thì trồng khoai lang ở những nơi đất xốp để làm lương ăn. Các huyện khác thì lấy những sản vật và nghề phụ lặt vặt buôn bán kiếm ăn, nhưng kỹ xảo lại rất thô sơ vụng về.

Xã Hoàng Lễ huyện Kỳ Hoa và xã Quần Bố huyện Thiên Lộc làm nghề dệt lụa. Những xã An Việt, Bình Hồ, Hoa Lâm thuộc huyện La Sơn; những xã Đồng Môn, Hà Hoàng, Đại Tiết, Trung Tiết thuộc Huyện Thạch Hà; những xã Nộn Hồ, Nộn Liễu, Lâm Thịnh, Đông Liệt thuộc huyện Nam Đường; những xã Quang Trung, Trung Phường thuộc huyện Đông Thành; những xã Nhân Lý, Quỳnh Đôi, Thượng An, Hoàn Nghĩa thuộc huyện Quỳnh Lưu làm nghề dệt vải. Những lụa vải ấy chỉ đủ cung cấp cho dân gian dùng.

Xã An Việt Thượng huyện La Sơn và xã Phúc Châu huyện Nghi Xuân làm nghề đóng thuyền. Xã Minh Lương, xã Vân Chàng thuộc huyện Thiên Lộc, xã Hoa Lâm thuộc huyện Đông Thành làm đồ sắt. Xã Phù Nghĩa huyện Kỳ Hoa, xã Vân Đồn huyện Nam Đường, xã Lý Trai huyện Đông Thành, xã Uy Viễn huyện Nghi Xuân làm lưỡi cày. Xã Cẩm Trang huyện La Sơn, xã Mỹ Dương huyện Nghi Xuân, xã Lưu Sơn huyện Nam Đường làm đồ gốm. Những xã Quang Chiêm, Đồng Cần huyện La Sơn, xã Trảo Nha huyện Thạch Hà làm mâm gỗ. Xã

Phù Việt huyện Thạch Hà, xã Ngô Trường huyện Chân Lộc làm giỏ tre. Xã Dũng Quyết huyện Chân Lộc, những xã Thái Hà, Trảo Nha huyện Thạch Hà, xã Thái Xá huyện Đông Thành dệt chiếu cói. Xã An Toàn huyện La Sơn, xã Đại Tiết huyện Thạch Hà làm nón lá. Xã Tam Chế huyện Nghi Xuân làm buồm. Xã Mỹ Lộc huyện Thiên Lộc làm võng gai.

Những nghề vừa kể trên đủ dùng cho dân gian, mà những người làm cũng chỉ đủ ăn mà thôi. Các quan trên hiểu thấu tình dân, nên tìm mọi cách để cho dân làm ăn được đầy đủ.

Theo phép thu thuế triều Lê, chỉ có ruộng công phải nộp thuế thóc, còn ruộng tư thì không phải nộp. Đến năm Bảo Thái thứ 3 (Dụ Tông – 1722), ruộng công mỗi mẫu nộp tám tiền. Những ruộng hai mùa nộp hai phần ba thóc, những ruộng một mùa nộp một phần ba thóc. Ruộng tư, những ruộng hai mùa nộp ba tiền, những ruộng một mùa nộp hai tiền. Đến năm Bảo Thái thứ 5, lại giảm một nửa. Năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Phế Đế – 1730), ruộng tư được giảm nửa thuế, ruộng công được miễn hoàn toàn.

Tam đẳng điền ruộng tư lại được giảm mỗi mẫu chỉ một tiền. Còn những ruộng trũng ruộng cạn đều được miễn thuế. Thuế thân mỗi suất đinh nộp một quan hai tiền. Đến năm Vĩnh Khánh thứ 5 cũng cho miễn. Thuế hộ mỗi suất đinh nộp sáu tiền. Các việc tế lễ, làm bia, xây dựng đền miếu, kho tàng, đường sá, cầu đò, nhà nước thuê người làm lấy. Đến năm thứ 9 cũng cho miễn cả, dân chỉ còn phải đem sức ra để đi lính mà thôi. Mà lính thì đã có lương bổng của nhà nước, dân không phải nuôi nấng vất vả.

Về việc đánh thuế buôn bán, thì ở xã Bùi Xá và xã Lương Trường có sở thu thuế, nhưng chỉ lấy một phần tám mươi. Còn những sở ở các xã Hà Hoàng, Khu Độc, Vũ Liệt và Khả Lưu thì chỉ có khám xét sự đi lại và chỉ phải nộp tiền trình. Thuế nhẹ, nên không thể sách nhiễu được. Bọn tham quan hoạt lại chỉ kiếm chác về những việc kiện tụng, sự hà ngược và hối lộ của chúng chỉ có thể làm hại cho một vài người đương sự, chứ không thể làm hại cả một xứ được. Phương chi, dân tình tật khổ, các viên trấn thủ và các Thừa ty được phép điều trần với triều đình. Những bọn quyền quý ức hiếp nhân dân, thì các viên Hiến sát được phép tróc nã. Triều đình còn thường hay phái người đi thanh tra các quan lại tốt hay xấu, và triệu tập các cống sĩ để hỏi han về ẩn tình của nhân dân. Năm nào mất mùa kém

đói, thì nhà nước lấy tiền và thóc ở kho ra chẩn cấp. Triều đình ngày đêm bàn luận, không việc gì là không nghĩ đến dân. Những người làm quan cũng đều lấy danh tiết làm trọng. Người nào quen thói mua rẻ bán đắt, tranh lợi với dân, thì bị dư luận khinh bỉ, suốt đời không thể ngóc đầu lên được. Những sĩ phu chưa được hiển đạt, cũng đều lấy sự luồn lọt cửa quyền và bóc lột nhân dân làm hổ thẹn. Phong hóa lưu hành từ trên xuống dưới. Bốn hạng dân [1] đều yên nghiệp làm ăn. Cho nên xứ này tuy đất xấu dân nghèo, nhưng nhân dân đều hăng hái làm việc, đều có lòng tôn thân thượng và biết lễ nghĩa liêm sỉ. Phong tục thuần hậu chưa từng bị gián đoạn bao giờ.

Xứ Nghệ An đất xấu dân nghèo, kém xa bốn trấn. Nhưng phong tục mà được thuần hậu, được ngay thẳng, chính là ở chỗ đó. Vì dân nghèo, đất xấu nên mới tập được tính nhẫn nại, chịu đựng gian khổ và lấy sự cần kiệm tiết ước làm đầu. Sĩ phu không chuộng hoa sức, yên phận nghèo nàn, người các trấn thường cười là keo kiệt. Sách *Hoan châu phong thổ thoại* của Trần Thượng thư, người huyện Gia Lâm có câu rằng: Sĩ phu thì phần nhiều có khí tiết kích trọc, dương thanh, [2] tiểu dân thì có những mưu gian lừa người ích kỷ. Đó là những câu các trấn chế nhạo xứ Nghệ An.

---

1. Bốn dân là sĩ, nông, công, thương.

2. *Kích trọc, dương thanh* nghĩa là ngăn dòng nước đục lại mà nâng dòng nước trong lên. Nghĩa bóng: Bỏ điều ác, khuyến khích điều thiện.

CAO HUY DIỆU

(? –?)

Tự là Cửu Chiếu, hiệu là Hồng Quế Hiên, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Ông là người cùng họ với nhà thơ Cao Bá Quát. Chưa rõ năm sinh và năm mất. Dưới thời Tây Sơn, ông vào Phú Xuân, nhưng không biết ông có nhận chức gì với nhà Tây Sơn không. Đầu thời Nguyễn, năm 1806, ông đi thi Hương, đậu thủ khoa ở trường Kinh Bắc, sau đó làm Tư nghiệp trường Quốc Tử giám. Hình như ông mất vào khoảng cuối đời Gia Long. Về sáng tác, Cao Huy Diệu có tập thơ chữ Hán *Hồng Quế Hiên thi tập*.

Thơ Cao Huy Diệu phần nhiều viết về thiên nhiên và một vài cảnh sinh hoạt ở nông thôn. Cảnh của ông giản dị, mộc mạc. Lời thơ trong sáng, có nhiều hình ảnh. Đọc Cao Huy Diệu thấy ông là một người nhân hậu, không sôi nổi nhưng lạc quan, yêu đời. Những bài thơ trích tuyển ở đây lấy trong tập *Hồng Quế Hiên thi tập* ký hiệu A2836 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

前登蕉山寺

攝衣直跨瓊宮頂
遠違斜陽影欲西
坦步頓忘危石險
回頭暗笑老松低
千花勝景供評閱
八葉前因總品題
脚下江山暮半局
滔滔冷笑濁途迷

Phiên âm:

TIỀN ĐĂNG TIÊU SƠN [1] TỰ

Khấu y trực khóa quỳnh cung đỉnh,
Viễn viễn tà dương ảnh dục tê (tây).
Thản bộ đốn vong nguy thạch hiểm,
Hồi đầu ám tiếu lão tùng đê.
Thiên hoa thắng cảnh cung bình duyệt,
Bát diệp [2] tiền nhân tổng phẩm đề.
Cước hạ giang sơn kỳ bán cục,
Thao thao lãnh tiếu trọc đồ mê.

Dịch nghĩa:

LÊN CHÙA TIÊU SƠN LẦN TRƯỚC

Xốc áo trèo thẳng lên đỉnh cung Quỳnh,
Xa xa bóng chiều sắp ngả về tây.
Bước bình thản, quên phắt chòm đá cao hiểm trở,
Ngoái đầu nhìn, cười thầm cây thông già thấp lè tè.
Phong cảnh đẹp với ngàn hoa, mặc lòng thưởng ngoạn,
Nhân duyên xưa tám lá, thả sức luận bình.
Non sông phía dưới chân chỉ như nửa cuộc cờ,
Nực cười cho bao kẻ mải mê bon chen trên con đường ô trọc.

Dịch thơ:

Cung Quỳnh, xốc áo, trèo lên đỉnh,
Vời vợi non tây, bóng ác tà.
Chẳng kể chông chênh chòm đá hiểm,
Ngoảnh cười thấp tịt bác thông già.

---

1. *Tiên Sơn*: Tên một ngọn núi ở huyện Tiên Sơn, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bát diệp*: Tám lá, đây là nói kiêu đất nhà Lý: hoa sen tám cánh ứng với tám đời (bát diệp) làm vua.

Duyên xưa "tám lá", truy nguồn lá,
Cảnh đẹp ngàn hoa, lựa tứ hoa...
Thế giới dưới chân: cờ nửa cuộc,
Cười ai bể trọc chửa nhìn ra!...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

題古法福興寺
次梅齋則善兄前韻

堂堂梵宇鎮斯邦
幾度紛囂事已茫
林廣四周開覺岸
洮沱萬派泛慈航
風雲龍虎今和陣
漁牧耕樵古戰行
猶憶先朝車蓋跡
石磯偃伏樹蔥蒼

Phiên âm:

ĐỀ CỔ PHÁP PHÚC HƯNG TỰ, THỨ MAI TRAI TẮC THIỆN HUYNH TIỀN VẬN

Đường đường phạn vũ trấn tư bang,
Kỷ độ phân hiêu sự dĩ mang,
Lâm Quảng tứ chu khai giác ngạn,
Thao Đà vạn phái phiếm từ hàng.
Phong vân long hổ kim hòa trận,
Ngư mục canh tiều cổ chiến hàng.
Do ức tiên triều xa cái tích,
Thạch ky yểm phục thụ thông thương.

Dịch nghĩa:

ĐỀ CHÙA PHÚC HƯNG Ở CỔ PHÁP, HỌA VẦN BÀI THƠ TRƯỚC CỦA ÔNG ANH TẮC THIỆN HIỆU MAI TRAI

Ngôi chùa oai nghiêm trấn giữ nước này,
Bao phen chiến loạn, chuyện đã mờ mịt.
Bến giác ngộ mở ra bốn phía Lâm Thao, Quảng Oai,
Thuyền từ bi lướt trên muôn nhánh Sông Thao, Sông Đà.
Rồng hổ gió mây ngày nay đã thành cuộc thái bình,
Chốn ngư mục canh tiều bây giờ chính là nơi chiến địa ngày xưa.
Vẫn còn nhớ dấu vết xe và lọng của triều trước,
Nơi đó nay chỉ có ghềnh đá ngổn ngang cùng cây cối xanh um.

嘆夏

天年赭燃錦煙甚絃
月如應欲晒成烝六
五日山海仍未炎鼓
陽里灶燈英朵宙薰
驕萬行波蓮榴宇南
赫都燒點罷殘中得
赫明丹紅灼熛爐安

Phiên âm:

THÁN HẠ

Hách hách kiêu dương ngũ nguyệt thiên,
Minh Đô [1] vạn lý nhật như niên.
Đan thiêu thạch táo sơn ưng sánh,
Hồng điểm ba đăng hải dục nhiên.
Chước bãi liên anh nhưng sái cẩm,
Huân tàn lựu đóa vị thành yên.
Lô trung vũ trụ viêm chưng thậm,
An đắc nam huân [2] cổ lục huyền.

Dịch nghĩa:

THAN CẢNH MÙA HẠ

Trời về tháng năm thật là oi ả,
Cõi Nam muôn dặm ngày dài tày năm.
Son nung bếp đá, núi hẳn rực hồng.
Đỏ rực đèn sóng, biển dường bốc cháy.
Đốt rồi, hoa sen vẫn phơi vẻ gấm,
Hun lại, bông lựu chưa thành khói mây.
Vũ trụ như trong lò lửa vô cùng nóng nực,
Ước gì có được khúc Nam huân gảy lên vang sáu dây đàn.

---

1. *Minh Đô*: Chỉ phương Nam, tức chỉ nước ta.

2. *Nam huân*: Kinh Lễ ghi rằng: thời xưa vua Thuấn làm ra đàn năm dây rồi dạo khúc ca Nam huân, ca rằng: "Nam phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uấn hề", nghĩa là "gió nam mát rượi (chừ), có thể làm tiêu tan nỗi buồn bực của dân ta chừ". Đời sau thường dùng từ Nam huân để chỉ gió Nam.

Dịch thơ:

Tháng Năm oi bức khê người,
Viêm bang dằng dặc ngày dài như năm;
Núi như "bếp đá" nung ngầm,
Biển giăng "đèn sóng" rực tăm lửa bùng!
Sen thiêu còn óng màu nhung,
Lựu kia đốt lụi, chưa xông khói tàn;
Đất trời lò lửa cháy ran,
Gió Nam mong phả cung đàn sáu dây!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

愛州曉發

江山迢遞愛州天
爽思催人赶上前
傘影沖開岩畔霧
馬聲嘶破隴頭煙
疏松落漠禽初起
頑石低迷虎正眠
自慰鶴頭休怕冷
單衣徭戶雪沾肩

Phiên âm:

ÁI CHÂU [1] HIỂU PHÁT

Giang sơn thiều đệ Ái Châu thiên,
Sảng tứ thôi nhân cản thướng tiền.
Tản ảnh xung khai nham bạn vụ,
Mã thanh tê phá lũng đầu yên.

1. *Ái Châu*: Tức vùng Thanh Hóa bây giờ.

Sơ tùng lạc mạc cầm sơ khởi,
Ngoan thạch đê mê hổ chính miên.
Tự úy kiệu đầu hưu phạ lãnh,
Đan y dao hộ tuyết chiêm kiên.

Dịch nghĩa:

SÁNG SỚM TỪ ÁI CHÂU RA ĐI

Phương trời Châu Ái non sông xa tấp,
Hứng thú giục người rượt lên phía trước.
Bóng lọng chọc thủng màn sương sườn núi,
Tiếng ngựa hí tan làn khói đầu thung.
Trong rừng thông vắng lặng, chim vừa thức giấc,
Trên núi đá nhám lờ mờ, hổ còn ngủ say.
Tự an ủi rằng mình ngồi trên kiệu chớ có sợ lạnh,
Kìa như người dân phu quần áo phong phanh tuyết thấm đẫm vai.

Dịch thơ:

Châu Ái xa vời dái núi sông,
Giục người vươn bước, hứng mênh mông.
Lọng giương chọc thủng màn sương núi,
Ngựa hí xua tan lớp khói thung;
Thông lặng, chim vừa bừng thức dậy,
Hang mờ, hổ vẫn giấc say nồng!
Nghĩ mình trên kiệu không lo rét,
Áo mỏng, vai khiêng, mấy lạnh lùng!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

恭贊古跡天光殿

第一樓臺第一峰
二千餘載帝王宮
乾坤歷歷鴻厖事
樹石依依太古風
日月天光昭聖烈
山河地世載神功
詒然至德難名處
赫赫炎南大祖宗

Phiên âm:

CUNG TÁN CỔ TÍCH THIÊN QUANG ĐIỆN [1]

Đệ nhất lâu đài đệ nhất phong,
Nhị thiên dư tải đế vương cung.
Kiền khôn lịch lịch Hồng Bàng [2] sự,
Thụ thạch y y thái cổ phong.
Nhật nguyệt thiên quang chiêu thánh liệt,
Sơn hà địa thế tái thần công.
Di nhiên chí đức nan danh xứ,
Hách hách Viêm Nam [3] đại tổ tông.

---

1. *Thiên Quang điện*: Điện Thiên Quang, tức đền thờ Vua Hùng tại xã Hy Cương, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.
2. *Hồng Bàng*: Tương truyền là triều đại đầu tiên và là tổ tiên của Việt Nam.
3. *Viêm Nam*: Cõi Nam nóng bức, ngày xưa thường để gọi nước Việt Nam ta.

Dịch nghĩa:

KÍNH CẨN CA NGỢI NƠI DẤU XƯA LÀ ĐIỆN THIÊN QUANG

Lâu đài bậc nhất trên ngọn núi bậc nhất,
Đó là cung điện đế vương hơn hai ngàn năm trước.
Sự tích Hồng Bàng còn rành rành trong vòng trời đất,
Nề nếp cổ xưa vẫn vương vấn trên núi đá rừng cây.
Ánh trời nhật nguyệt soi tỏ nghiệp thánh,
Thế đất non sông ghi lại công thần.
Điều khôn tả xiết là đã để lại đức tuyệt vời [cho con cháu],
Và tổ tông vĩ đại của cõi Nam hiển hách.

𨨧場午泊

輕舟午泊大河傍
傍是吾郊白土坊
淺淺岸邊新孕土
深深洲面始生桑
往來要逕繁華地
工賈生涯富貴鄉
欲問舟頭吟眺者
也非公幹也非商

Phiên âm:

BÁT TRÀNG [1] NGỌ BẠC

Khinh chu ngọ bạc Đại Hà bàng,
Bàng thị ngô giao bạch thổ phường.
Thiển thiển ngạn biên tân dựng thổ,
Thâm thâm châu diện thúy sinh tang.
Vãng lai yếu kính phồn hoa địa,
Công cổ sinh nhai phú quý hương.
Dục vấn chu đầu ngâm diểu giả,
Dã phi công cán dã phi thương.

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA ĐẬU THUYỀN Ở BÁT TRÀNG

Thuyền nhẹ buổi trưa đậu bến Sông Cái,
Cạnh đó là phường đất trắng miền ta.
Nông choèn bên bờ là dải đất mới bồi,
Hun hút mặt bãi là rặng dâu vừa mọc.
Đây là chốn phồn hoa trên con đường qua lại,
Đây là nơi giàu có sống bằng nghề công thương.
Muốn hỏi về người ngâm thơ ngắm cảnh trên đầu thuyền,
Chắc chẳng phải người đi công cán mà cũng chẳng phải
khách đi buôn.

1 *Bát Tràng*: Tên một xã nổi tiếng về nghề gốm ở ngoại thành Hà Nội.

Dịch thơ:

Thuyền nhẹ, trưa về, neo bến Nhị,
Cạnh phường đất trắng, gốm quê hương.
Đất vừa bồi tới, nông choèn bãi,
Dâu mới trồng thêm, xanh ngút nương.
Mấy ngả vãng lai, đường tiện lợi,
Một vùng giàu có, nghiệp công thương.
Đầu thuyền ngâm ngợi, rằng ai đó?
Chẳng phải nhà quan chẳng khách buôn!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

河洲春望

戰殘嚴雪放元陽
春色油油何岸傍
緣起微波吞地白
青浮重錦染天蒼
喜當細雨花香嫩
望入濃煙樹影長
隱隱孤帆掛夕照
擎盃遠眺賦滄浪

Phiên âm:

HÀ CHÂU XUÂN VỌNG

Chiến tàn nghiêm tuyết phóng nguyên dương,
Xuân sắc du du hà ngạn bàng.
Lục khởi vi ba thôn địa bạch,
Thanh phù trọng cẩm nhiễm thiên thương.

Hỷ đương tế vũ hoa hương nộn,
Vọng nhập nùng yên thụ ảnh trường.
Ẩn ẩn cô phàm quải tịch chiếu,
Kình bôi viễn diểu phú Thương Lương. [1]

Dịch nghĩa:

NGẮM CẢNH XUÂN TRÊN BÃI SÔNG

Khí dương ấm áp đánh tan tuyết lạnh,
Vẻ xuân mượt mà ở bên bờ sông.
Màu biếc gợn sóng lăn tăn nuốt cả dải đất trắng,
Sắc xanh nổi trên nền gấm nhuộm hết trời xanh.
Mừng thấy mưa phùn hoa thơm tươi mượt,
Ngắm xuyên qua làn khói đặc, bóng cây ngả dài.
Thấp thoáng cánh buồm chơ vơ như treo trong ánh chiều tà,
Nâng chén rượu, nhìn ra phía xa mà ngâm bài Thương Lương.

Dịch thơ:

Xua tan băng giá, ấm hơi dương,
Bến nước triền sông, xuân điểm trang.
Đất trắng nhấp nhô màn biếc phủ,
Trời xanh rạng rỡ gấm lam quàng.
Xuyên làn khói đặc, cây vươn bóng,
Mừng buổi mưa phùn, hoa trổ hương.
Thấp thoáng cánh buồm đeo nắng xế,
Nghiêng bầu, vời hát khúc Thương Lương...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

---

1. *Thương Lương*: Tên một bài hát của người ở ẩn thời xưa của Trung Quốc, hát rằng: "Thương Lương chi thủy thanh hề trạc ngã anh; Thương Lương chi thủy trọc hề trạc ngã túc". Nghĩa là "Nước sông Thương Lương mà trong thì ta dùng để rửa dải mũ của ta; nếu nước sông Thương Lương mà đục thì ta dùng để rửa chân ta".

途間春雨

(一)

玉屑誰家細細篩
千青萬綠霎朝飛
天孫散錦長空織
帝女零絲嫩草垂
桑柘枝枝還作黛
康莊步步柢成脂
行人莫礙泥黏苦
散盡農夫五夜眉

Phiên âm:

ĐỒ GIAN XUÂN VŨ

(Nhất)

Ngọc tiết thùy gia tế tế sư,
Thiên thanh vạn lục sáp triêu phi.
Thiên tôn [1] tán cẩm trường không chức,
Đế nữ linh ty nộn thảo thùy,
Tang thác chi chi hoàn tác đại,
Khang trang bộ bộ chỉ thành chi.
Hành nhân mạc ngại nê niêm khổ,
Tán tận nông phu ngũ dạ my.

1. Đều dùng để chỉ Chức Nữ trong truyền thuyết.

Dịch nghĩa:

MÙA XUÂN TRÊN ĐƯỜNG

I

Bột ngọc nhà ai rây thật kỹ càng,
Muôn xanh ngàn biếc bay trong sớm mưa.
Cháu nội của Trời dệt gấm tãi trên tầng không bát ngát,
Con gái Thượng đế rủ tơ rời trên ngọn cỏ còn non.
Từng cành dâu đều biến thành màu xanh thẫm,
Mỗi bước đường đều trở nên trơn như mỡ.
Người đi đường chớ ngại nỗi khổ lầy lội!
Vì mưa xuân làm tiêu tan hết nỗi lo âu suốt năm canh của người nông phu.

Dịch thơ:

Nhà ai bột ngọc mịn màng rây,
Muôn biếc ngàn xanh, mưa sớm bay.
Đế nữ tơ buông trùm nệm cỏ,
Thiên tôn gấm dệt trải tầng mây.
Từng cành dâu nõn xanh pha thẫm,
Mỗi bước đường đi mỡ trộn lầy;
Khách chớ hiềm chi bùn lội khổ,
Năm canh yên dạ bác dân cày!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

途間春雨

(二)

獨行遇雨失群疑
踐履今朝苦易詞
脚後書童單護橐
空中香女故牽衣
逢春花草皆生意
出色江山盡故知
早晚青雲先得路
好將甘雨澤商圍

Phiên âm:

ĐỒ GIAN XUÂN VŨ

(Nhị)

Độc hành [1] ngộ vũ thất quần nghi,
Tiễn Lý [2] kim triêu cổ *Dịch* từ.
Cước hậu thư đồng đan hộ thác,
Không trung hương nữ [3] cố khiên y.
Phùng xuân hoa thảo giai sinh ý,
Xuất sắc giang sơn tận cố tri.
Tảo vãn thanh vân tiên đắc lộ, [4]
Hảo tương cam vũ trạch Thương vi. [5]

1, 2. *Độc hành... tiễn Lý*: "Đi một mình... làm đúng như quẻ Lý": Lấy từ ý lời Tượng trong hào Sơ Cửu quẻ Lý của *Kinh Dịch* "Độc hành nguyện dã" nghĩa là "đi một mình là theo ý nguyện vậy".

3. *Hương nữ:* Chỉ nữ thần làm mưa.

4. *Thanh vân... đắc lộ*: "Tìm được đường... lên mây xanh". Chỉ việc đỗ đạt vinh hiển.

5. *Thương vi*: "Lưới Thương". Vua Thang nhà Thương có lòng nhân từ, khi đi săn chỉ bủa lưới ba mặt, còn chừa ra một mặt để cho chim muông thú có đường chạy trốn. Cả câu này ý nói sẽ đem ơn đức lại cho dân.

Dịch nghĩa:

MÙA XUÂN TRÊN ĐƯỜNG

II

Đi một mình gặp trời mưa hết mọi điều nghi hoặc,
Sớm nay thực hiện điều đã định trước đúng như lời *Kinh Dịch* xưa.
Sau gót thư đồng một mình vác đẫy,
Trên không hương nữ cố níu áo lại.
Gặp xuân, hoa cỏ đều đầy sinh khí,
Phô sắc, núi sông vốn quen biết xưa.
Sớm muộn sẽ tìm đường lên tới mây xanh,
Lúc đó lấy mưa ngọt nhuần tưới cho lưới Thương.

月堂寺懷古

江 南 江 北 往 來 客
月 堂 寺 裡 夕 陽 斜
千 般 色 相 虛 無 甚
四 地 樓 臺 寂 滅 多
寶 蓋 珠 幡 猶 旖 旎
金 鐘 石 磬 已 鉦 笳
多 情 最 是 行 行 樹
故 作 清 陰 護 古 伽

Phiên âm:

NGUYỆT ĐƯỜNG TỰ HOÀI CỔ

Giang Nam giang Bắc vãng lai khách,
Nguyệt Đường tự lý tịch dương tà.
Thiên ban sắc tướng hư vô thậm,
Tứ địa lâu đài tịch diệt đa.
Bảo cái châu phan do bái độc,
Kim chung thạch khánh dĩ chinh già.
Đa tình tối thị hàng hàng thụ,
Cố tác thanh âm hộ cổ già.

Dịch nghĩa:

Ở CHÙA NGUYỆT ĐƯỜNG NHỚ CHUYỆN XƯA

Ta là người khách qua lại khắp miền Giang Nam, Giang Bắc,
Dưới ánh chiều tà ngắm cảnh trong chùa Nguyệt Đường.
Sắc tướng ngàn thứ đều rất "hư vô",
Lâu đài bốn bên phần nhiều "tịch diệt".
Lọng quý phướn châu giờ đây chỉ còn lại ngọn quân kỳ,
Chuông vàng khánh đá đã bị thay bằng chiêng, kèn chiến trận.
Đa tình nhất vẫn là những hàng cây,
Cố ý tỏa bóng râm mát để bảo vệ cho ngôi chùa cổ.

示陳有人述意

詩者言其志所之
所之之志見於詩
軒昂胸肚誠如許
峻激篇章也固宜
聳壑淩霄王子器
斬釘截鐵孟賢詞
希賢自是生平志
知己良朋勿我疑

Phiên âm:

THỊ TRẦN HỮU NHÂN THUẬT Ý

Thi giả ngôn kỳ chí sở chi,
Sở chi chi chí kiến ư thi.
Hiên ngang hung đỗ thành như hử.
Tuấn khích thiên chương dã cố nghi.
Tủng hác lăng tiêu, Vương tử [1] khí,
Trảm đinh tiệt thiết Mạnh hiền [2] tỳ (từ).
Hy hiền tự thị sinh bình chí,
Tri kỷ lương bằng vật ngã nghi.

---

1. *Vương tử*: Tức Vương tử Kiều là thái tử của vua Chu Linh Vương vì can gián thẳng thắn mà bị phế làm thứ dân. Tương truyền Vương tử Kiều sau thành tiên cưỡi hạc trắng bay đi.

2. *Mạnh hiền*: Bậc hiền triết họ Mạnh, chỉ Mạnh Tử.

Dịch nghĩa:

BÀY TỎ Ý MÌNH CÙNG NGƯỜI BẠN HỌ TRẦN

Thơ là để nói điều chí mình muốn đạt tới,
Và những điều chí mình muốn đạt tới sẽ được thể hiện trong thơ.
Lòng dạ nếu đã hiên ngang nhường ấy,
Thì lời thơ thiết tha da diết cũng là phải thôi.
Vì có phong độ vượt lên khe rãnh, lướt trên trời mây như Vương tử Kiều,
Nên phải có lời lẽ đanh thép dứt khoát như bậc hiền giả là Mạnh Tử.
Hy vọng được sánh kịp người hiền, vốn là chí bình sinh của tôi.
Vậy mong người bạn tri kỷ chớ có nghi ngờ tôi điều đó.

Dịch thơ:

Thơ tỏ chí người mong đạt tới,
Chí mong đạt tới, hiện trong thơ.
Hiên ngang, khảng khái, lòng như sẵn,
Tha thiết, hào hùng, ý hẳn phô.
Vương tử vút mây, thừa khí phách,
Mạnh Kha rèn thép, dằn ngôn từ.
Bình sinh rắp học gương hiền triết,
Bè bạn tri âm chớ vội ngờ!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

望即墨城有感

見說陳家即墨城
眼前風景不勝情
章陽咸子猶如故
興道昭文未再生
輦轂風儀湯沐邑
鞭笞號令鎮鈐營
昭陵石馬今何處
泥腳重煩此一經

Phiên âm:

VỌNG TỨC MẶC [1] THÀNH HỮU CẢM

Kiến thuyết Trần gia Tức Mặc thành,
Nhỡn tiền phong cảnh bất thăng tình.
Chương Dương, [2] Hàm Tử [3] do như cố,
Hưng Đạo, [4] Chiêu Văn [5] vị tái sinh.

1. *Tức Mặc*: Tên đất, thuộc phủ Thiên Trường, nay thuộc tỉnh Nam Định, là quê hương của nhà Trần.

2. *Chương Dương*: Bến đò ở huyện Thượng Phúc, nay là Thường Tín thuộc Hà Tây. Trần Quang Khải đã đánh bại Thoát Hoan ở đó.

3. *Hàm Tử*: Nay thuộc huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên. Trần Nhật Duật đã phá quân Toa Đô ở đó.

4. *Hưng Đạo*: Tức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

5. *Chiêu Văn*: Tức Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật.

Liễn cốc phong nghi thang mộc ấp.
Tiên suy hiệu lệnh trấn kiềm doanh.
Chiêu Lăng thạch mã [1] kim hà xứ,
Nê cước trùng phiền thử nhất kinh.

Dịch nghĩa:

CẢM TƯỞNG KHI NGẮM THÀNH TỨC MẶC

Nghe nói đây là thành Tức Mặc của nhà Trần,
Phong cảnh trước mắt chan chứa bao tình.
Chương Dương, Hàm Tử vẫn như xưa,
Hưng Đạo, Chiêu Văn chưa sống lại.
Đây là nơi quê vua từng in nghi vệ ngựa xe,
Đây là dinh trấn thủ từng vang hiệu lệnh roi vọt.
Ngựa đá tại Chiêu Lăng nay ở nơi đâu?
Lại phiền vì vó ngựa dính bùn qua đây lần nữa?

Dịch thơ:

Thành Trần, Tức Mặc nghe đồn
Mắt nhìn phong cảnh nỗi buồn khôn khuây!
Chương Dương, Hàm Tử còn đây,
Chiêu Văn, Hưng Đạo chưa ngày tái sinh!
Xe rồng, đất chúa, uy linh,
Ngọn roi hùng trấn, kiềm doanh thuở nào!
Chiêu Lăng, ngựa đá giờ đâu?
Phiền thêm chuyến nữa vó câu lấm bùn!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

---

1. *Chiêu Lăng thạch mã:* Ngựa đá ở Chiêu Lăng. Theo truyền thuyết, sau khi đánh thắng quân Nguyên, Trần Nhân Tông đến làm lễ ở Chiêu Lăng, thấy chân ngựa đá ở đấy đều dính bùn dường như ngựa chiến vừa đi xông pha trận mạc đuổi giặc ngoại xâm trở về. Trần Nhân Tông bèn tức cảnh làm hai câu thơ:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.
(Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông ngàn thuở vững âu vàng).

題無為寺

沖霄捶漢石巉岩
挺特孤峰結小庵
願借化工排佈力
直將片石補天南

Phiên âm:

ĐỀ VÔ VI TỰ [1]

Xung tiêu chùy Hán thạch sàm nham,
Đĩnh đặc cô phong kết tiểu am.
Nguyện tá hóa công bài bố lực,
Trực tương phiến thạch bổ Thiên Nam.

Dịch nghĩa:

ĐỀ CHÙA VÔ VI

Núi đá lởm chởm cao vút trời mây,
Một chiếc am nhỏ dựng trên ngọn núi chơ vơ sừng sững.
Muốn mượn sức sắp đặt của tạo hóa,
Đem ngay phiến đá để vá trời Nam.

1. *Nguyên dẫn*: Chùa này ở trên núi Long Châu xã Tứ Nê, huyện Yên Sơn, xưa có hành cung, phong cảnh rất đẹp. Dưới chân núi có một ngọn núi lẻ loi đứng tách hẳn ra, vách đá cao trăm nhẫn; lần bậc trèo lên, trên đỉnh núi có ngôi chùa nhỏ ba gian, biển đề là chùa Vô Vi. Lên cao nhìn xa, tâm thần lâng lâng, thấy trên vách có sẵn bài thơ tiểu luật đề vịnh của bậc hiền quý ngày xưa, bèn họa nguyên vần.

謁扶董最靈祠恭記

赫赫冲天祠
巍巍建初寺
劍馬歸太空
聲名在前史
京北標最靈
天南稱不死
壯哉扶董祠
萬年香火祀

Phiên âm:

YẾT PHÙ ĐỔNG TỐI LINH TỪ [1] CUNG KÝ

Hách hách Xung Thiên từ, [2]
Nguy nguy Kiến Sơ tự. [3]
Kiếm mã quy thái không,
Thanh danh tại tiền sử.
Kinh Bắc tiêu tối linh,
Thiên Nam xưng bất tử.
Tráng tai Phù Đổng từ.
Vạn niên hương hỏa tự.

---

1. *Phù Đổng tối linh từ*: Đền Phù Đổng tức đền thờ Thánh Gióng, tại xã Phù Đổng ngoại thành Hà Nội.

2. *Xung Thiên từ*: Chỉ đền thờ Thánh Gióng.

3. *Kiến Sơ tự*: Chùa Kiến Sơ, tên một ngôi chùa cạnh đền Phù Đổng, tại chùa này có thờ bà thân sinh ra Thánh Gióng.

Dịch nghĩa:

KÍNH GHI LẠI LẦN ĐI LỄ ĐỀN PHÙ ĐỔNG

Hiển hách thay đền Xung Thiên!
Nguy nga thay chùa Kiến Sơ!
Kiếm, ngựa về cõi thái không,
Tiếng tăm còn lưu sử cũ.
Được nổi tiếng là thiêng nhất miền Kinh Bắc,
Được ca ngợi là bất tử ở cõi trời Nam.
Hùng tráng thay đền Phù Đổng!
Được hương lửa thờ cúng muôn năm.

Dịch thơ:

Đền Xung Thiên lẫy lừng,
Chùa Kiến Sơ rạng rỡ,
Gươm ngựa vút trời cao,
Tiếng thơm lưu sử cũ.
Kinh Bắc, cõi tối linh,
Trời Nam, ngôi bất tử.
Đền Phù Đổng oai hùng,
Muôn thuở còn hương lửa!

Ngô Linh Ngọc *dịch*

春山明媚

群山迤邐繞羅城
粧點春天百媚生
亂石嶙峋天位置
嬌花蓓蕾地晴明
新枝鬢髮雲梳綠
細草橫眉雨黛青
高揭詩簾舒望眼
化工繡出四周屏

Phiên âm:

XUÂN SƠN MINH MỴ

Quần sơn dĩ lý nhiễu La Thành,
Trang điểm xuân thiên bách mỵ sinh.
Loạn thạch lân tuần thiên vị trí,
Kiều hoa bồi lỗi địa tình minh.
Tân chi mấn phát vân sơ lục,
Tế thảo hoành my vũ đại thanh.
Cao yết thi liêm thư vọng nhãn,
Hóa công tú xuất tứ chu bình.

Dịch nghĩa:

NÚI XUÂN TƯƠI ĐẸP

Núi non dằng dặc bao quanh La Thành,
Tô điểm trời xuân nảy trăm vẻ đẹp.
Đá mọc chập chùng do trời sắp đặt,
Hoa đẹp chúm chím khiến đất sáng tươi.

Chồi mới mọc như tóc mai chải lược mây trông xanh rờn
Cỏ vừa nhú như nét mày ngang kẻ bằng nước mưa nhìn
xanh thả
Vén cao rèm thơ để cho con mắt ngắm cảnh được thoải mái.
Tạo hóa thêu dệt nên bình phong khắp bốn bể.

暮牧度橋

穿橋跨嶺簇村兒
漸漸黃昏絡繹歸
倒騎斜陽鞭影遠
懶驅頑犢鐸聲遲
雜花有睹隨心採
短笛無腔信口吹
細叩林庄多少事
鴣歌雀舞鹿呼麋

Phiên âm:

MỘ MỤC ĐỘ KIỀU

Xuyên kiều khóa lĩnh thốc thôn nhi,
Tiệm tiệm hoàng hôn lạc dịch quy.
Đảo kỵ tà dương tiên ảnh viễn,
Lãn khu ngoan độc đạc thanh trì.
Tạp hoa hữu đổ tùy tâm thái,
Đoản địch vô xoang tín khẩu xuy.
Tế khấu lâm trang đa thiểu sự,
Cô ca tước vũ lộc hô my.

Dịch nghĩa:

MỤC ĐỒNG QUA CẦU TRONG ÁNH TRỜI CHIỀU

Một đàn trẻ quê qua cầu vượt núi,
Lũ lượt ra về lúc trời gần tối.
Bọn chúng cầm roi cưỡi trâu ở xa xa bóng in ngược dưới nắng chiều,
Tiếng mõ khua chậm rãi, uể oải lùa đàn nghé bướng bỉnh về chuồng.
Vì đố nhau, nên chúng thạ hồ hái lượm hoa cỏ tạp nhạp.
Chẳng cần biết làn điệu, sáo ngắn chúng cứ thuận miệng thổi tràn.
Gạn hỏi xem trong bản làng ở núi rừng có những chuyện gì:
Chỉ có chuyện gà gô gáy, chim tước múa, con hươu gọi con nai...

Dịch thơ:

Trẻ xóm qua cầu, leo dốc núi,
Đường về, chầm chậm bóng chiều rơi.
Roi tre in ngược lòng mây thẳm,
Nghé bướng nhờn nghe tiếng mõ lười.
Thỏa ý, cỏ hoa đùa ngất loạn,
Thuận mồm, sáo trúc thổi bừa chơi.
Đất rừng hỏi có điều chi lạ?
Công múa, gô gù, hươu gọi nai...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

秋潦平清

江收狂潦水涵清
秋水長天一色平
鸕棹閒翻明月底
魚梭亂織白雲城
蘆霞拂掠蓬鬆白
菱芡紆絁骨董青
三兩漁舟風裊裊
鮮魚數串一橈搖

Phiên âm:

THU LẠO BÌNH THANH

Giang thu cuồng lạo thủy hàm thanh,
Thu thủy trường thiên nhất sắc bình.
Lô trạo nhàn phiên minh nguyệt để,
Ngư thoa loạn chức bạch vân thành.
Lô hà phất lược bồng tung bạch,
Lăng khiếm vu di cốt đổng thanh.
Tam lưỡng ngư chu phong niểu niểu,
Tiên ngư sổ xuyến nhất nghiêu khinh.

Dịch nghĩa:

NƯỚC LŨ MÙA THU LẮNG TRONG

Con sông thu hết trận lụt điên cuồng, dòng nước trở nên trong xanh,
Mặt nước mùa thu cùng bầu trời bao la hòa làm một màu phẳng lặng.
Chiếc đò lội như đưa mái chèo khuấy động đáy nước in vầng trăng sáng,
Con cá bơi như đưa thoi dệt lên thành mây trắng in trên mặt nước.

Bông lau phơ phất hoa trắng phau phau,
Ấu mọc tràn lan một màu xanh thẫm.
Vài ba thuyền chài lướt gió hiu hiu,
Mấy xâu cá tươi, một mái chèo nhẹ.

中秋雨夜

古語中秋八月中
萬里無雲一輪月
秋水長天一色同
月圓人圓好時節
秦史鳳樓吹玉笛
唐皇蟾宮看霓裳
才子佳人兩賞玩
清香萬斛古天香
如許風光難再得
古人千金重一刻
走馬燈前酒千鍾
黃童白叟看月色
我憶自我為兒時
慈親道是中秋期
紅柿赤柚人面果
兩三兄弟笑嘻嘻
荏苒光陰年漸可
一年一遇中秋夜
有年看燈帝王州
有年嘲觴詩酒社
亦學世人看月光
月光早晚應麥粱

熟穫是記常似辰邊雨連殿面逢見齋徊醉佳舍夜祁寫何耶飲
麥麥若猶不不丙堤更連重半依隱書徘未未書秋祁描如熟倍
早晚長心年更在丙五聲九接山川小月酒詩歸前雨誰卻晚兒
光光來賞茫年歲戀灑颯裝川蒼泱史月酒詩雨記夜雨麥耶酌
前後年佳蒙今太偶滴颯理山蒼泱閱香欲欲冒追何苦梁熟獨
夜夜卜秋輝有年夜蕉蕭娥與望望燈簾來來早然夜雨秋早杯
半半數中明惟今是芭蕭亘未山川挑捲酒詩犬猛伊甘來麥闌

呵人理來歲荒蝗巳亢嶢焦滿燒折稿狂迫錢連燭年裏巽邊憔
呵目遍以辰申子癸枯奚盡麥豆隴月勢繁十牽明前閣景屋收
笑耳穹午丙戊壬勝田越麥禾芋田八雨魚六越光倍高風部情
面明宙宙似亂潦水旱辰雨雨署下秧間田大課有色宮駝鬪麻
出聰宇宇更兵水洪大丙不霖烈高種月下斗雜如風深銅窮買
娥亦知南歲午亥寅卯年春末仲月月八近一徭王民入馬入草
姮君須日幾丙辛甲乙今三春夏六七七遠米叢君窮照金照姑

宮容女童宙雨和壽前川日傳度樂時約輝時遇知月闕晴節
皇丰玉金宇日太富樓萬平處付者此處明名契相空一有時
玉自有有新十保歌御與太不予智當且揚遁奇兩長歌雨好
傲佳候使廣風明煖几山歌月心兮心水月榜雲酒觴杯明明
笑丹陪指唐一清飽玉千絃明有壽我樂秋金風詩觴酒有晴
此蟻我我朝日廷闕馮尊戶秋人者体山我行虎棋如照必約
故銀為為一五朝闕我平萬中他仁君樂見見龍琴心月晦相

Phiên âm:

TRUNG THU VŨ DẠ

Cổ ngữ Trung thu bát nguyệt trung,
Vạn lý vô vân nhất luân nguyệt.
Thu thủy trường thiên nhất sắc đồng,
Nguyệt viên nhân viên hảo thời tiết.

Tần Sử phượng lâu suy ngọc địch,
Đường Hoàng thiềm cung khán Nghê Thường.
Tài tử giai nhân lưỡng thưởng ngoạn,
Thanh hương vạn hộc cổ thiên hương.

Như hử phong quang nan tái đắc,
Cổ nhân thiên kim trọng nhất khắc,
Tẩu mã đăng tiền tửu thiên chung,
Hoàng đồng bạch tẩu khan nguyệt sắc.

Ngã ức tự ngã vi nhi thì,
Từ thân đạo thị trung thu kỳ,
Hồng thị xách du nhân diệu quả.
Lưỡng tam huynh đệ tiếu hi hi.

Nhẫm nhiễm quang âm niên tiệm khá,
Nhất niên nhất ngô Trung thu dạ.
Hữu niên khán đăng đế vương châu,
Hữu niên hàm thương thi tửu xã.

Diệc học thế nhân khán nguyệt quang,
Nguyệt quang tảo vãn ứng mạch lương,
Bán dạ tiền quang tảo mạch thục,
Bán dạ hậu quang vãn mạch nhương.

Số thập niên lai trường nhược thị,
Trung thu giai thưởng tâm do ký.
Minh huy mông mang niên bất thường,
Duy hữu kim niên cánh bất tự.

Kim niên thái tuế tại Bính Thìn,
Thị dạ ngẫu khế Bính đê biên.
Ba tiêu trích lịch ngũ canh vũ,
Tiêu tiêu táp táp thanh liên liên.

Hằng Nga lý trang cửu trùng điện,
Vị dữ sơn xuyên tiếp bán diện,
Sơn vọng thương thương, sơn y vi,
Xuyên vọng ương ương, xuyên ẩn hiện.

Khiêu đăng duyệt sử tiểu thư trai,
Quyển liêm khán nguyệt nguyệt bồi hồi,
Tửu lai dục tửu, tửu vị túy,
Thi lai dục thi, thi vị giai.

Thứ tảo mạo vũ quy thư xá,
Mãnh nhiên truy ký tiền thu dạ,
Y dạ hà dạ vũ kỳ kỳ.
Cam vũ khổ vũ thủy miêu tả?

Lai thu lương mạch khước như hà?
Mạch tảo thục da vãn thục da?
Nhàn bôi độc chước nhi bồi ẩm,
Hằng Nga xuất diện tiếu ha ha.

Quân diệc thông minh nhĩ mục nhân,
Tu tri vũ trụ cùng không lý.
Nhật Nam vũ trụ ngọ dĩ lai
Kỷ tuế cánh tự Bính Thìn tuế.

Bính Ngọ binh loạn, Mậu Thân hoang,
Tân Hợi thủy lạo, Nhâm Tý hoàng.
Giáp Dần hồng thủy thắng Quý Tỵ.
Ất Mão đại hạn điền khô khang.

Kim niên Bính Thìn việt khê nghiêu.
Tam xuân bất vũ mạch tận tiêu.

Xuân mạt lâm vũ hòa mạch đăng
Hạ trọng liệt thử vu đậu thiêu

Lục nguyệt cao hạ điền lũng sách,
Thất nguyệt chủng ương, bát nguyệt sắc,
Thất bát nguyệt gian vũ thế cuồng,
Viễn cận hạ điền ngư miết bách.

Mễ nhất đấu đại lục thập tiền,
Tùng dao tạp khóa việt khiên liên.
Quân vương như hữu quang minh chúc,
Cùng dân phong sắc bội tiền niên.

Chiếu nhập thâm cung cao các lý
Kim Mã Đồng Đà phong cảnh dị.
Chiếu nhập cùng lư bộ ốc biên
Như thảo mãi ma tình trạng tụy.

Cố thử ngạo ngọc hoàng cung,
Ngân thiềm đan quế tự phong dung,
Vị ngã bồi hậu hữu Ngọc Nữ
Vị ngã chỉ sử hữu Kim Đồng.

Nhất triêu Đường Ngu tân vũ trụ,
Ngũ nhật nhất phong thập nhật vũ,
Triều đình thanh minh bảo thái hòa,
Lư diêm bão noãn ca phú thọ.

Ngã bằng ngọc kỷ ngự lâu tiền,
Bình chương thiên sơn dữ vạn xuyên,
Vạn hộ huyền ca thái bình nhật,
Trung thu minh nguyệt bất hư truyền.

Tha nhân hữu tâm dư thốn đạc,
Nhân giả thọ hề trí giả lạc,
Quân thể ngã tâm đương thử thì,
Lạc sơn lạc thủy thả xứ ước.

Kiến ngã thu nguyệt dương minh huy,
Kiến quân kim bảng đề danh thì
Long hổ phong vân kỳ khế ngộ,
Cầm kỳ thi tửu lưỡng tương tri.

Tâm như hạo hạo trường không nguyệt,
Nguyệt chiếu tửu bôi ca nhất khuyết,
Hối tất hữu minh, vũ hữu tình,
Tương ước tình minh hảo thời tiết.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRUNG THU MƯA

Lời người xưa nói đêm Trung thu giữa tháng Tám,
Muôn dặm không mây chỉ một vành trăng,
Nước mùa thu cùng một màu với bầu trời,
Trăng tròn, người đoàn viên và thời tiết đẹp.

Chàng Tiêu Sử nước Tần thổi sáo ngọc trên lầu Phượng.
Vua Minh Hoàng thời Đường xem múa Nghê Thường ở cung Thiềm.
Tài tử và giai nhân cả hai cùng thưởng ngoạn,
Hương thơm vạn hộc đó là hương trời thuở xưa.

Quang cảnh như vậy thật khó có được một lần nữa.
Người xưa coi trọng một khắc như thế tựa ngàn vàng,
Trước đèn kéo quân bày ngàn chung rượu,
Từ đứa trẻ con tóc vàng hoe đến ông già đầu bạc đều ngắm ánh trăng.

Ta nhớ lại thuở ta còn là một đứa trẻ thơ,
Mẹ hiền bảo đó là tết Trung thu.
Nào hồng đỏ, nào bưởi đào, nào quả mặt người,
Hai ba anh em cùng nhau cười đùa vui vẻ.

Dần dà năm tháng tuổi dần khôn lớn,
Mỗi năm lại gặp một đêm Trung thu.
Có năm ta xem đèn ở đất đế vương,
Có năm ta nâng chén cùng làng thơ rượu.

Và ta cũng bắt chước người đời xem ánh trăng,
Ánh trăng sớm hay muộn ứng với lúa ngô [tốt hay xấu].
Trăng sáng trước lúc nửa đêm thì lúa chiêm sẽ tốt,
Trăng sáng sau lúc nửa đêm thì lúa mùa sẽ được mùa.

Mấy chục năm nay vẫn đều như thế.
Cảnh ngắm trăng vui vầy đêm Trung thu trong lòng ta
vẫn còn nhớ rõ,
Có năm trăng sáng, có năm trăng mờ, kể ra cũng thất thường.
Song chỉ có năm nay là không giống năm trước.

Năm nay là năm Bính Thìn,
Đêm đó ta bỗng nghỉ chân ở cạnh đê Bính.
Mưa suốt năm canh nước rơi tí tách xuống tầu lá chuối,
Tiếng mưa rì rào mãi không ngớt.

Chị Hằng Nga còn trang điểm ở trong bao tầng cung điện,
Chưa ló nửa mặt ra mà tiếp núi sông.
Núi trông xanh xanh, núi thấp thoáng,
Sông trông mênh mông, sông ẩn hiện.

Ta bèn khêu đèn đọc sử trong thư phòng nhỏ,
Rồi ta cuốn rèm ngắm trăng thấy trăng bồi hồi.
Có rượu mang đến muốn uống, nhưng uống chưa say,
Rồi thi hứng tới muốn làm thơ, nhưng thơ chưa hay.

Sáng sớm hôm sau dầm mưa trở về thư xá,
Bỗng chợt nhớ lại đêm của mùa thu trước,
Đêm đó là đêm gì mà mưa rả rích?
Mưa ngọt hay mưa cay đắng, ai mà tả được?

Thu tới lúa má sẽ ra sao?
Lúa sớm tốt hay lúa muộn tốt?

Thư thả uống rượu một mình có con trai ngồi hầu rượu,
Chị Hằng Nga ló mặt ra cười ha ha.

Ông cũng là người có tai mắt sáng suốt,
Nên biết cái lẽ cùng thông của vũ trụ.
Vũ trụ ở cõi Nhật Nam từ năm Ngọ tới nay,
Có mấy năm lại như năm Bính Thìn?

Năm Bính Ngọ loạn lạc, năm Mậu Thân mất mùa,
Năm Tân Hợi ngập lụt, năm Nhâm Tý có nạn châu chấu.
Năm Giáp Dần nạn hồng thủy nặng hơn năm Quý Tỵ.
Năm Ất Mão đại hạn ruộng đồng khô cằn.

Năm nay là năm Bính Thìn lại càng khó khăn,
Suốt mùa xuân không mưa, lúa má khô héo hết.
Cuối xuân mưa dầm dề, lúa má đều mất sạch,
Giữa mùa hè nắng gắt, khoai đậu cháy xém.

Tháng sáu ruộng cao ruộng thấp đều nứt nẻ,
Tháng bảy cấy lúa, tháng tám lúa trổ bông.
Tháng bảy, tháng tám mưa rất dữ,
Đồng trũng xa gần tôm cá nhởn nhơ.

Gạo một đấu to sáu mươi tiền,
Thuế má sưu dịch phiền hà, công đốc thúc liên miên.
Bậc quân vương nếu như có ngọn đuốc sáng,
Thì sẽ thấy người cùng dân năm nay vất vả khốn đốn gấp mấy lần năm trước.

Ngọn đuốc đó nếu soi vào trong gác cao cung sâu,
Thì thấy Kim Mã, Đồng Đà phong cảnh khác thường.
Ngọn đuốc đó soi vào bên lều tranh trong xóm nghèo,
Thì sẽ thấy ăn cỏ mua đay, tình trạng thật là tiều tụy.

Vì vậy nên ta cười nhởn nhơ ở trên thiên cung của Ngọc Hoàng.
Thiềm bạc, quế đỏ tự dưng đầy đủ ung dung.
Hầu hạ ta có Ngọc Nữ,

Để cho ta sai khiến có Kim Đồng.

Một mai vũ trụ sẽ đổi mới như thời Đường Ngu,
Năm ngày một lần có gió, mười ngày một bận có mưa.
Triều đình trong sạch sáng suốt, giữ gìn được cảnh thái hòa.
Xóm làng no ấm ngợi ca cảnh giàu có trường thọ.

Lúc đó ta sẽ tựa án ngọc ở trước ngự lâu,
Mà thưởng thức cảnh vật của ngàn núi muôn sông.
Muôn nhà sẽ đàn ca trong cảnh thái bình,
Và câu Trung thu trăng sáng sẽ không phải là hư truyền nữa.

Người khác có điều tâm sự, ta lượng đoán ra được.
Người nhân thì thọ, người trí thì vui.
Ông hiểu lòng ta là vào lúc này:
Thích núi thích sông và sống giản dị.

Sẽ thấy ta là trăng thu tỏa ánh sáng trong,
Sẽ thấy ông có lúc được đề trên bảng vàng.
Rồng hổ gió mây sẽ có duyên gặp gỡ kỳ diệu,
Đàn, cờ, thơ, rượu, hai ta sẽ là bạn tương tri.

Lòng vằng vặc sáng như trăng giữa trời lồng lộng,
Trăng chiếu vào trong chén rượu mà ca một khúc.
Hết tối rồi sẽ có lúc sáng, hết mưa rồi sẽ có lúc tạnh,
Ta hẹn cùng nhau lúc thời tiết đẹp trong sáng quang tạnh!

Dịch thơ:

ĐÊM TRUNG THU MƯA

Xưa nói tháng Tám, tuần Trung thu,
Muôn dặm mây quang, một vành nguyệt,
Nước thu, bầu trời, lẫn một màu,
Trăng tròn, người họp, thời tiết đẹp.

Sáo ngọc Tiêu lang lầu Phượng thổi,
Nghê Thường, Minh Hoàng, cung Thiềm chơi,
Tài tử giai nhân cùng ngoạn thưởng,
Hương trong vạn hộc, hương ngàn đời.

Cảnh đẹp tiết xinh, khôn gặp lại,
Cổ nhân, một khắc như ngàn vàng,
Trước đèn kéo quân, suối rượu chảy,
Răng long, má sữa, cùng ngắm trăng.

Nhớ lại thuở ta tuổi còn nhỏ,
Mẹ hiền bảo tết Trung thu đó,
Hồng đỏ, bưởi đào, "quá mặt người",
Mấy đứa anh em cười hớn hở.

Tháng lại, ngày qua, tuổi một lớn,
Mỗi năm lại một đêm Trung thu,
Có năm xem đèn nơi đế địa,
Có năm nâng chén với làng thơ.

Bắt chước người đời, ngắm trăng sáng,
Trăng sớm, trăng muộn, điềm lúa ngô:
Sáng trước nửa đêm: lúa chiêm tốt,
Sáng sau nửa đêm: mùa bội thu.

Mấy chục năm qua vẫn như thế,
Trăng vui Trung thu còn nhớ kỹ.
Trăng sáng, trăng mờ, cũng thất thường,
Duy chỉ năm nay thật quái dị:

Năm nay Thái tuế cư Bính Thìn,
Chợt nghỉ một đêm cạnh đê Bính,
Tàu tiêu mưa dội suốt năm canh,
Tầm tã, dầm dề, không lúc tạnh.

Điện thánh, Hằng Nga, bận trang điểm,
Chưa ló mặt ra cùng núi sông;
Núi thấp thoáng phô, màu biếc trải,
Sông lờ mờ hiện, nước mênh mông...

Phòng văn, khêu đèn, ngồi đọc sử,
Vén rèm, ngắm nguyệt, nguyệt trăn trở.
Rượu có, thèm say mà chửa say,
Thơ hứng, muốn làm mà chưa hay!

Sớm mai, thư xá đội mưa về,
Sực nhớ đêm nào, mùa thu trước,
Đêm ấy, đêm gì, rả rích mưa,
Mưa ngọt mưa cay, ai tả được!

Thu này lúa má biết sao mà!
Sớm tốt hay là muộn tốt a?
Khề khà chén rượu, trẻ hầu cạnh,
Hằng Nga ló mặt cười ha ha:

"Ông cũng thông minh, có tai mắt,
Vũ tru, cùng thông lý phải hay!
Nhật Nam, trời đất từ năm Ngọ,
Có năm nào giống Bính Thìn nay?

Bính Ngọ loạn lạc, Thân mất mùa,
Tân Hợi ngập lụt, Tý sâu bệnh,
Dần so với Tỵ, lụt to hơn,
Ất Mão hạn lớn đồng khô quánh!

Năm Bính Thìn đây càng khó khăn,
Hạn suốt mùa xuân, mạ héo cằn.
Cuối xuân mưa dầm, lúa ngập hết,
Giữa hè nóng bỏng, khoai đậu tàn!

Tháng Sáu đồng cao ruộng thấp nẻ,
Tháng Bảy cấy lúa, tháng Tám trổ,
Tháng Bảy, tháng Tám mưa cồn cào,
Đồng trũng xa gần rùa cá ở!

Gạo một đấu to sáu mươi tiền,
Thuế má, sưu dịch, thúc liên miên,
Nhà vua nếu thắp ngọn đuốc sáng,
Sẽ thấy năm nay dân khổ thêm!

Đuốc đó rọi xem nơi điện các,
Kim Mã, Đồng Đà, quang cảnh khác.
Soi túp lều tranh giữa xóm nghèo,
Ăn cỏ, bện đay, thật bi đát!

Nên ta cười cợt chốn Ngọc cung,
Thềm bạc quế đỏ xiết ung dung.
Hầu cận hôm mai có Ngọc Nữ,
Sai khiến mọi việc có Kim Đồng,

Một mai đời giống thuở Đường Ngu,
Đều đều cữ gió, đúng tuần mưa.
Triều đình trong sáng, nước bình trị,
Làng xóm âu ca, dân ấm no.

Ta dựa án ngọc trước lầu ngự,
Ngàn núi muôn sông thỏa ngắm nhìn.
Muôn hạ thái bình đùa hát khắp:
"Trung thu trăng sáng", chẳng lưu truyền.

Tâm sự ai kia, ta đoán được,
Người nhân thì thọ, kẻ trí vui.
Ông hiểu lòng ta lúc này nhỉ:
Thích núi sông và giản dị thôi!

Ta, mảnh trăng thu ánh tỏa trong,
Ông một mai tên yết bảng rồng.
Gió mây rồng hổ, duyên kỳ ngộ,
Cờ, rượu, đàn, thơ, kết bạn lòng...

Lòng như trăng sáng giữa bao la,
Trăng dọi chén quỳnh, một khúc ca.
Tối sẽ sáng ra, mưa sẽ tạnh,
Tiết đẹp, mùa xinh, ta hẹn ta...

Ngô Linh Ngọc *dịch*

冬夜寒起猛想古詩
"安得一大被覆盡天下民"
取以興

尋常衣褐敢偷安
遍覆猶思一被寬
天帳地氈常共煖
民胞物與舉無寒
欲推孟傳縫裁体
須重閩風織紝端
韋布迂疏休見笑
被民要在此心間

Phiên âm:

ĐÔNG DẠ HÀN, KHỞI MÃNH TƯỞNG CỔ THI "AN ĐẮC NHẤT ĐẠI BỊ, PHÚ TẬN THIÊN HẠ DÂN" THỦ DĨ HỨNG

Tầm thường y hạt cảm thâu an,
Biến phúc do tư nhất bị khoan.
Thiên trướng địa chiên thường cộng noãn,
Dân bào vật dữ cử vô hàn.
Dục suy Mạnh truyện phùng tài thể,
Tu trọng Mân phong chức nhậm đoan.
Vi bố vu sơ hưu kiến tiếu,
Bị dân yếu tại thử tâm gian.

Dịch nghĩa:

ĐÊM ĐÔNG LẠNH TRỞ DẬY SỰC NHỚ CÂU THƠ CỔ AN ĐẮC NHẤT ĐẠI BỊ, PHÚ TẬN THIÊN HẠ DÂN (ƯỚC GÌ CÓ CHĂN LỚN, CHE KHẮP DÂN GẦM TRỜI) BÈN LẤY ĐÓ ĐỂ KHỞI HỨNG

Là kẻ áo vải tầm thường nhưng đâu dám sống cầu an,
Vẫn còn mong có được chiếc chăn rộng để đắp cho tất cả.
Để cho những người màn trời chiếu đất đều luôn luôn được cùng ấm áp.
Coi dân như ruột thịt, cùng nhau chung hưởng mọi thứ khiến hết tháy đều không còn bị rét mướt.
Muốn suy từ sách Mạnh Tử ra cách mang chiếc chăn này,
Ắt phải coi trọng công việc cửi canh nói trong thơ Mân phong.
Chớ chê cười người hàn sĩ áo vải dây da là kẻ viển vông thô thiển.
Lòng yêu thương đùm bọc nhân dân chính ở ngay giữa trái tim này.

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

Đây là tác phẩm ký sự về lịch sử viết bằng chữ Hán. Tất cả có mười bảy hồi, gồm bảy hồi chính biên, mười hồi tục biên, ra đời khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế XIX. Tác giả là người họ Ngô Thì, làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, nay thuộc Hà Tây, (chưa rõ đích xác là ai). Có người nói rằng Ngô Thì Chí là tác giả phần chính biên, còn phần tục biên do Ngô Thì Du và Ngô Thì Thiến viết. Cũng có người nói tác giả là Ngô Thì Nhậm.

Hoàng Lê nhất thống chí kết cấu theo lối tiểu thuyết chương hồi, khắc họa một cách sinh động bức tranh rộng lớn của xã hội ta khoảng ba mươi năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu của thế kỷ XIX. Tác giả đi sâu vào bản chất của lịch sử, tạo ra được không khí lịch sử, nêu lên quá trình suy vong không gì cưỡng nổi của chính quyền phong kiến lúc bấy giờ.

Đồng thời, tác giả miêu tả cuộc khởi nghĩa Tây Sơn như một sức mạnh phi thường của quần chúng, của lực lượng chính nghĩa nhằm chiến thắng phi nghĩa, bạo tàn. Và trên cái nền ấy, tác giả đã dựng lên hình ảnh đẹp đẽ của Nguyễn Huệ, người thủ lĩnh nghĩa quân, đồng thời là anh hùng dân tộc đã chiến thắng một cách oanh liệt đội quân xâm lược Mãn Thanh trong chớp nhoáng.

Trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, mặc dù tác giả vẫn tỏ ra còn có cảm tình với các vua Lê và những người phục vụ nhà Lê, nhưng những tình cảm và thiên kiến giai cấp không che lấp cái nhìn hiện thực, khách quan của tác giả. Nhất là trước nạn ngoại xâm, vấn đề sống còn của dân tộc được đặt ra, thì lập trường dân tộc giúp cho cái nhìn của tác giả thêm đúng đắn, sắc sảo.

Về phương diện nghệ thuật, thành công của *Hoàng Lê nhất thống chí* là đã kết hợp được tương đối hài hòa chân lý lịch sử với chân lý nghệ thuật. Tác giả không phải chỉ ghi lại những gì đã xảy ra mà cố gắng miêu tả cái không khí trong đó xảy ra các sự việc ấy. Tác giả không phải chỉ nói các nhân vật lịch sử đã làm gì, mà cố gắng nói cái cách các nhân vật ấy làm. Chính vì thế, mặc dù trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, nhân vật được đặt ở bình diện thứ hai sau bình diện các sự kiện, người đọc vẫn thấy được diện mạo của các nhân vật lịch sử khá rõ nét

Hoàng Lê nhất thống chí không còn bản gốc. Hiện còn một số bản chép tay ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (các ký hiệu A22; A883; VH(v) 1542; VH(v) 1296; VH(v) 1534) và bản của Viện Văn học. Tác phẩm này đã được dịch ra chữ Quốc ngữ với các bản dịch của Cát Thành (1912), Ngô Tất Tố (1942), Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch (1964). Toàn bộ tác phẩm ở dưới đây lấy từ bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, bản in lần thứ hai, 1984). Bản dịch ấy dựa theo bản chép tay ký hiệu A22 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm), có tham khảo các bản khác.

HỒI THỨ NHẤT

Đặng Tuyên Phi được yêu dấu, đứng đầu hậu cung, Vương Thế Tử bị truất ngôi, ra ở nhà kín

Triều Lê Trang Tông Dụ hoàng đế [1] trung hưng cơ nghiệp ở sông Tất Mã [2]. Bấy giờ Thế Tổ Minh Khang thái vương Trịnh Kiểm làm phụ chính, giúp vua dẹp yên được đảng họ Mạc và trở lại kinh đô cũ. Rồi từ đó, họ Trịnh đời đời kế tiếp tước vương, nắm giữ hết quyền bính trong tay, hoàng gia mỗi ngày suy yếu dần.

Truyền đến đời Hiển Tông Vĩnh hoàng đế, niên hiệu Cảnh Hưng (1740 – 1786), thì Thánh Tổ Thịnh vương [3] chuyên quyền cậy thế, làm oai làm phúc; vua Lê chỉ còn biết chắp tay rủ áo mà thôi.

Thịnh vương là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán, sáng suốt, trí tuệ hơn người, có đủ tài về văn lẫn võ, đã xem khắp kinh sử, biết làm văn làm thơ. Sau khi Thịnh vương lên nối ngôi chúa, từ kỷ cương trong triều đến chính trị trong nước, hết thảy đều được sửa đổi; bao nhiêu tướng giặc, đảng nghịch, đều lần lượt bị dẹp tan, Chúa có cái chí muốn làm bá chủ, nào diệt giặc Trấn Ninh, nào phá bọn Công Chất [4], quân nhà chúa đã đến, không chỗ nào là không thắng. Lúc đó bốn phương yên ổn, kho đụng đầy đủ, chúa dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thỏa thích.

Một hôm, tiệp dư [5] Trần Thị Vịnh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. Ả họ Đặng này, quê ở làng Phù Đổng, mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng, bèn tư thông với ả.

---

1. Tức Lê Trang Tông, tên là Duy Ninh (1533 – 1548). Các chú thích từ đây trở đi đều của người dịch.

2. Tức Sông Mã ở Thanh Hóa.

3. Tức Trịnh Sâm, mới lên ngôi chúa.

4. Đây là hai cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở thế kỷ XVIII. Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh – Nghệ, lấy Trấn Ninh làm căn cứ, kéo dài 32 năm (1738 – 1770). Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Sơn Nam và Tây Bắc, kéo dài 30 năm (1739 – 1769).

5. Một cấp bậc của vợ vua, dưới bậc phi.

Từ đó, Thị Huệ càng ngày càng được nhà chúa yêu quý, ả nói gì chúa cũng nghe và hễ có việc gì là chúa cũng bàn với ả. Rồi ả được ở chung một nơi với chúa, như một cặp vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu, quần áo của ả cũng đều được sắm sửa hệt như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ từ lúc được nhà chúa chiều chuộng, hơi có vẻ lộng hành. Hễ có chuyện gì không vừa ý, là ả xây xẩm mặt mày rồi khóc thảm thiết để làm rối lòng chúa.

Chúa có một viên ngọc dạ quang, lấy được trong khi đánh dẹp phương Nam, vẫn xâu ở trên đầu khăn làm đồ trang sức. Một hôm Thị Huệ lấy tay mân mê viên ngọc. Chúa nói:

– Nhè nhẹ tay chứ, đừng làm ngọc sây sát!

Thị Huệ bèn ném viên ngọc xuống đất mà khóc rằng:

– Làm gì cái hạt ngọc này! Chẳng qua vào Quảng Nam kiếm giả chúa hạt khác là cùng. Sao chúa nỡ trọng của khinh người như vậy?

Rồi ả tự ý bỏ ra cung khác, từ chối không gặp chúa nữa. Chúa phải dùng nhiều cách dỗ dành cho ả vui lòng, lúc ấy ả mới chịu làm lành với chúa.

Kịp đến khi Thị Huệ có mang, chúa liền sai người đi lễ khắp trăm thần để cầu sinh con thánh. Đến kỳ, ả sinh được một trai, vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 38 (1777). Chúa hết sức yêu mến đứa bé, lúc đầy trăm ngày, chúa lấy tên của mình lúc nhỏ là Cán mà đặt cho nó, để tỏ ra nó cũng giống mình. Khoa thi hương năm ấy, chúa lấy hai câu: "Sơn xuyên anh dục, hồ hải tú chung" [1], để làm đề thi. Các quan văn võ đưa đón ý chúa, cũng có nhiều kẻ lấy chữ: "Tinh huy hải nhuận" [2] làm câu chúc mừng.

Lúc Vương tử Cán đầy tuổi tôi, cốt cách tướng mạo khôi ngô, đẫy đà, khác hẳn người thường. Đến khi biết nói, Vương tử Cán đối đáp gãy gọn, cử chỉ không khác gì người lớn. Mỗi khi các quan văn võ vào thăm, Vương tử tiếp đón với dáng bộ nghiêm chỉnh. Có người cách hàng năm mới gặp, Vương tử cũng vẫn nhớ họ, tên, kể lại chuyện cũ vanh vách.

Chúa sai quan từ hàn làm bài tụng 16 chữ, để viên a bảo [3] dạy

---

1. Nghĩa là: "Khí thiêng của sông núi tụ lại, sự tốt đẹp của hồ biển đúc nên", ý muốn chỉ về Trịnh Cán.

2. Nghĩa là: "Sao sáng, biển hòa" tức là điềm sinh ra bậc thánh.

3. A bảo là viên quan trông nom việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái của vua chúa.

truyền miệng cho vương tử. Vương tử chỉ nghe qua một lượt là đọc thuộc liền. Thấy vậy, chúa càng quý Vương tử Cán bội phần.

Cũng từ đó, Thị Huệ mới ngầm có ý muốn cướp ngôi thế tử.

Lại nói, lúc ấy chúa đã có thế tử là Trịnh Tông [1], do thái phi họ Dương đẻ ra. Thái phi tên là Ngọc Hoan, người ở làng Long Phúc, huyện Thanh Hà. Chị nàng là cung tần của Ân vương (cha Thịnh vương, tức là Trịnh Doanh), sinh ra Thụy quận công, được Ân vương hết sức yêu quý. Nhờ chị, thái phi được kén vào làm cung tần của Thịnh vương. Nhưng từ sau khi vào cung, nàng vẫn ngày đêm sống cô quạnh. Bỗng một đêm, nàng nằm mơ thấy vị thần đem cho tấm đoạn có vẽ đầu rồng. Nàng không hiểu đó là điềm gì, đem hỏi viên quan hầu là Khê Trung hầu. Khê Trung hầu biết chắc là điềm sinh thánh.

Hôm sau, chúa cho vời cung tần Ngọc Hoan vào hầu. Khê Trung hầu cố ý giả nghe lầm, đưa ngay Ngọc Hoan đến. Thấy nàng, chúa có vẻ không thích, nhưng đã trót gọi đến, không nỡ đuổi ra. Sau đó chúa đòi Khê Trung hầu vào trách mắng. Khê Trung hầu cúi đầu tạ tội, đoạn thuật rõ đầu đuôi chuyện thái phi nằm mơ cho chúa nghe. Chúa cũng nín lặng không nói sao cả.

Thái phi trải qua một trận mưa móc, liền có thai ngay. Đến kỳ, nàng sinh ra một trai, năm Quý Mùi, Cảnh Hưng năm thứ 24 (1763).

Chúa tự nghĩ đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là rồng vẽ không phải rồng thật, mà lại chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt cả. Vả lại ở triều trước, Trịnh Cối, Trịnh Lệ [2] cũng do người Long Phúc đẻ ra và đều mưu sự phản nghịch mà không thành.

Do đó, chúa có ý không vui. Các quan văn võ vào chúc mừng, chúa lấy cớ rằng đứa con ấy không phải là vợ cả đẻ ra, từ chối không nhận lời mừng.

Khi thế tử Tông đã lớn, dung mạo rất khôi ngô mà chúa cũng chẳng yêu chiều gì mấy.

Tính thế tử ham võ nghệ, không thích học hành. Năm lên bảy tuổi, Chúa sai Nguyễn Khản [3] tiến sĩ khoa Canh Thìn (1760), làm tả

---

1. Sau đổi là Trịnh Khải.

2. Trịnh Cối là con Trịnh Kiểm, Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh. Hai người này đều mưu đồ giành ngôi chúa, nhưng đều thất bại.

3. Nguyễn Khản là con Nguyễn Nghiễm, người huyện Nghi Xuân Hà Tĩnh có sách chép là Nguyễn Lệ.

tư giảng, và Trần Thản, tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), làm hữu tư giảng để rèn tập cho thế tử. Nhưng chẳng bao lâu, Thản chết. Còn Khản thì đang được chúa tin dùng, phải quán xuyến mọi công việc trong ngoài, nên cũng không mấy khi đến được chốn "màn giảng", chỉ có năm sáu viên tùy giảng bảo ban việc học cho thế tử theo như nếp cũ mà thôi. Chuyện đó chúa cũng có biết phần nào, nên lại càng không bằng lòng.

Theo lệ cũ, con trai nối ngôi chúa hễ đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bấy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, bắt thế tử phải đến ở tại nhà riêng của quan a bảo là Hân quận công (Nguyễn Đình). Như vậy, ngôi đông cung vẫn bỏ trống, như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là Vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đứa con nhỏ đó. Ba năm sau, thế tử đúng mười tám tuổi. Theo lệ cũ, thế tử đáng được mở phủ riêng; nhưng bấy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy.

Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hễ ai thuộc bè thế tử Tông thì hùa theo thế tử Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe Vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia.

Thị Huệ cho rằng thế tử Tông đã khôn lớn, lông cánh đã đủ; mà con mình hãy còn trứng nước, nên càng mưu mô để gây thêm thế lực.

Khi ấy Huy quận công Hoàng Tố Lý [1] đang có danh vọng lớn, thường dựa vào sự giúp đỡ của Thị Huệ; mà Thị Huệ thường cũng lấy Quận Huy làm chỗ nhờ cậy bên ngoài.

Quận Huy người làng Phụng Công, là cháu Bình Nam thượng tướng quân Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, vẻ người thanh dật, là tay văn võ toàn tài. Khoa thi hương năm Ất Dậu (1765), Huy đi thi được trúng cách; đến khoa thi võ năm Bính Tuất (1766), Huy lại đỗ luôn tạo sĩ. Hồi ấy, Ân vương còn đang trọng dụng Quận Việp, mới gả con gái thứ cho Quận Huy.

Uy quyền Quận Việp mỗi ngày một lớn. Có người ngờ sẽ xảy ra điều gì bất trắc, hoặc cũng có kẻ bảo Quận Việp sắp lấy thiên hạ để truyền cho Quận Huy. Căn cứ vào lời sấm hồi ấy có câu: "Nhất thì

1. Nguyên trước là Hoàng Đăng Bảo.

trục quần dương". (Một con lợn đuổi đàn dê); có kẻ tán rằng: Thỉ tức là Quận Huy, bởi vì Quận Huy tuổi Hợi (thuộc lợn), mà dương đây chỉ vào chúa và thế tử, vì cả hai đều tuổi Mùi (thuộc dê). Rồi những kẻ hiếu sự lại còn đặt ra câu sấm: "Thảo nhất điền bát" (Cỏ một, ruộng tám) để chỉ vào chữ Hoàng. [1] Có kẻ lại nói: "Thổ sất vân gian nguyệt, hoàng hoa ánh nhật hương". (Mảnh đất sánh trăng trong mây; hoa cúc ánh hương mặt trời). *Thổ, sất, nguyệt là chữ tế;* [2] *Hoàng, hoa, nhất là chữ Việp,* [3] chỉ quận Việp. Thêm nữa, tên cũ của Quận Huy là Đăng Bảo [4] người ta cũng lấy đó để dị nghị. Vì vậy Quận Việp muốn tránh sự hiềm nghi ấy mới bảo Quận Huy đổi tên Đăng Bảo ra Tố Lý. Sau Quận Việp lấy cớ mắc bệnh đau mắt để xin từ chức, chuyện ấy chẳng nhắc làm gì nữa.

Lại nói, năm Giáp Ngọ (1774), Quận Việp phụng mệnh kéo quân vào đánh trong Nam, có đem Quận Huy đi theo. Quận Huy vốn đã học được phép dùng binh gia truyền của Quận Việp, nên được các tướng tá rất sợ phục. Huy lại khéo cắt đặt nhân tài, nên các tay hào kiệt đều vui lòng chịu sai khiến. Huy có công luôn luôn phá được quân địch, tiếng tăm mỗi ngày một lẫy lừng. Khi dẹp yên được xứ Thuận Hóa thì Quận Việp qua đời. Chúa bèn giao luôn cho Quận Huy quản lĩnh số quân của Quận Việp và cho làm trấn thủ Nghệ An.

Đóng ở trấn Nghệ An, Huy ra sức tiêu diệt trộm cướp, cấm đổi tiền, [5] trấn áp cường hào, ngăn chặn việc kiện cáo, làm cho trong hạt rất thịnh vượng, Huy lại thu dụng những kẻ anh tài, đặt ra nhiều chức liêu thuộc. Dưới trướng ông ta có những chức như tả, hữu tham quân chẳng hạn. Thế là thiên hạ lại ồn ào lên, đồn rằng Quận Huy sắp sửa làm phản.

Chúa nghe tiếng, ngày ngày cùng viên triều thần tin cẩn là Nguyễn Khản và quan thế tử a bảo Hân quận công Nguyễn Đình bàn cách giết Huy. Trong lúc bàn bạc, ba người vẫn dùng tiếng lóng "chữ thập" để chỉ Quận Huy. Vì chữ thập cũng na ná chữ nghệ [6] là trấn Nghệ An, nơi Quận Huy đóng quân.

---

1. *Thảo nhất điền bát* chắp lại thành chữ *Hoàng* chỉ Hoàng Ngũ Phúc.
2. Chữ *tế* nghĩa là con rể, chỉ Quận Huy.
3. Chữ *Việp* gồm chữ *hoa* và chữ *nhất*, còn chữ *Hoàng* là họ Hoàng.
4. Có nghĩa là lên ngôi báu.
5. Đổi tiền đẹp để tích trữ làm cho tiền khan hiếm.
6. *Chữ "thập" xoay chéo thành chữ "nghệ".*

Họ thường đuổi mọi người đi để bí mật bàn bạc, chỉ có Thị Huệ là biết được.

Công chúa vợ Quận Huy, ngày đêm ra vào trong phủ luồn lọt Thị Huệ; Thị Huệ mới đem việc kín nói cho công chúa nghe. Quận Huy trong dạ không yên, dâng thư xin về triều. Chúa cho phép ngay.

Huy nghĩ rằng Thị Huệ tuy được chúa yêu, nhưng con trai của Thị Huệ còn nhỏ, trong khi đó thế tử đã lớn rồi, hùa theo Thị Huệ e không phải là kế lâu bền. Vì vậy, sau khi đã vào hầu chúa, Huy liền lấy châu báu đút lót cho những kẻ chân tay của thế tử, để xin nương tựa vào thế tử. Rồi Huy lại đem một trăm lạng vàng và mười tấm đoạn Nam Kinh làm lễ yết kiến, để xin vào ra mắt thế tử. Nhưng thế tử không nhận đồ lễ, cũng không cho vào gặp, nói riêng với bọn hầu cận rằng:

"Thằng giặc ấy sao không ở trấn làm phản, mà lại vội về triều? Rồi đây ta sẽ tịch thu hết cả gia sản nhà nó, cần gì đồ lễ của nó bây giờ!"

Quận Huy biết thế tử không dùng mình, bèn quyết ý hùa theo Thị Huệ và âm thầm có chí phế lập.

Huy đem dâng ngôi nhà cũ của Quận Việp cho Vương tử Cán làm dinh thự. Từ đó, Huy thành ra người riêng của Thị Huệ. Mà trước mặt chúa, Thị Huệ cũng hết sức bao che cho Huy. Do đó, Quận Huy được vào chính phủ [1] mở dinh quân Trung nhuệ, coi việc trong phủ, đồng thời kiêm lĩnh chức trấn thủ trấn Sơn Nam. [2]

Quận Huy và Thị Huệ, trong ngoài liên kết với nhau, thế lực nghiêng cả thiên hạ. Các viên quan võ như chức cai cơ, trấn thủ, đều do cửa của họ mà ra. Lúc ấy, duy chỉ có Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản, trấn thủ Sơn Tây hiện đang làm tả tư giảng cho thế tử, và Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc tức con nuôi của Hân quận công, hiện đang làm a bảo cho thế tử, là còn dám có ý kia khác với Quận Huy mà thôi. Như vậy là cái thế bè đảng đã thành rồi.

Lại nói, từ khi Vương tử Cán sinh ra, thế tử Tông có ý rất tức bực, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia

1. Phủ của chúa Trịnh để phân biệt với triều đình của vua Lê.

2. Địa bàn của Sơn Nam thời Lê gồm: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

thần là mấy tên hầu Thế Thọ, Thấm Thọ... nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân tạp lưu [1] Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm, thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo chầu chàm, đội mũ chữ đinh, đứng ở phủ đường. Sáng mai, thế tử kể lại với bọn gia thần và nói:

– Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến, ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên thế tử nên ngấm ngầm sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ; một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết Quận Huy và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến Vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây, Bắc [2] đem quân vào kinh, bắt ép các đại thần để dựng thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi thế tử lại sai người báo ngầm cho Khê Trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, thế tử mật báo cho các viên trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc, chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cắt đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy hơi bị tiết lộ. Hồi đó, có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm [3] tính tình nham hiểm, giảo hoạt, thường vẫn quen thói tố giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thụy quận công [4] mà y được làm chức Tham nghị ở trấn Sơn Nam. Dần dà, y ngoi lên chức tiến triều, [5] rồi lại thăng tới chức Đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đày tớ cho Thị Huệ; rồi thường nhặt nhạnh những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngầm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ

---

1. Tạp lưu là hạng thư lại không đỗ đạt gì, không do chính ngạch mà ra.
2. Sơn Tây, Kinh Bắc.
3. Làng Phú Thị, huyện Gia Lâm.
4. Thụy quận công tức là Trịnh Lệ con Trịnh Doanh, định giành ngôi chúa với Trịnh Sâm.
5. Những người không đỗ tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ thì gọi là tiến triều.

của hai viên trấn quân Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với Quận Huy. Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

– Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy hãy còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị thế tử, e sẽ có biến khác. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều, giam cả ở trong phủ, rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thể.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch các. Lại sai tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) là Nguyễn Quýnh làm tả tư giảng, và tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) là Nguyễn Đích làm hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên trấn thủ Tây, Bắc về triều; bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh Tý niên hiệu Cảnh Hưng (1780).

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc [1] có viên đốc đồng là Ngô Thì Nhậm, [2] tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) vốn là gia thần và tùy giảng của thế tử, thường vẫn rất ăn ý với trấn thủ Tuân Sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuân). Về phía Tuân, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của thế tử là Tuân không hề nói đến. Trước đó mấy ngày, Sơn Thọ [3] là gia thần của thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được thế tử sai đến kể rõ mưu mô của thế tử cho Nhậm biết; rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người cất lẻn lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

– Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tớ xúi giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được

1. Địa bàn của Kinh Bắc gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên.

2. Ngô Thì Nhậm người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông nay là Hà Tây, con Ngô Thì Sĩ, sau làm quan với Tây Sơn.

3. Có sách chép Hà Như Sơn.

ngài ư? E rằng tai họa sẽ xảy ra lúc nào không biết; bọn gia thần của thế tử rồi không còn đất gửi thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Tuân nghe, và khuyên Tuân phải hỏa tốc về kinh, can ngăn thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này.

Khắc Tuân không nghe, nói rằng:

– Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét; ngoài ra việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Tuân và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới kinh, họ thấy trấn thủ Sơn Tây (Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản) và a bảo Hân quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả Xuyên. Khắc Tuân xin vào điếm Quyển Bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyến Trung hầu ra trách Khắc Tuân rằng:

– Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuân quay ra, gặp Thì Nhậm ở điếm Tiểu Bút, Tuân cầm tay Nhậm than:

– Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế, tính sao bây giờ?

Thì Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liền làm tờ khải, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyến Trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyến Trung hầu đem tờ khải ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khải bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám tự bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thì Nhậm:

Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khải, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị can mà thế tử cũng sẽ được an toàn không việc gì.

Thì Nhậm bất đắc dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khải, lại càng giận dữ nói:

– Quả như lời nói của người ta không sai!

Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triều hầu, Đường Trung hầu, Án Trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thì Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về.[1]

Chúa bèn giao cho viên đồng tham tụng là Nghĩa Phái hầu Lê Quý Đôn, bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng, nắm được hết tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung vừa khóc vừa nói:

– Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bầy tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch; hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiền, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là bất đắc dĩ. Các ngươi cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ theo phép nước mà định tội chúng nó đi!

Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên phạm tội đều nên xử tử, còn riêng về thế tử thì không dám bàn.

Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

"Cứ xét theo nghĩa của kinh *Xuân Thu* thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nỡ như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi. Còn bọn các quan thì viên trấn thủ Sơn Tây và Khê Trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho được tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân quận công là người thật thà không tham dự vào mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường".

---

1. Nhậm về chịu tang cha là Ngô Thì Sĩ.

Theo *Việt sử thông giám cương mục* (sau đây gọi tắt là *Cương mục*) thì chính Nhậm hợp mưu cùng Huy Bá để tố cáo việc của Tông và bọn Khắc Tuân. Ngô Thì Sĩ đã cố sức can mà Nhậm vẫn không nghe. Sau nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Nhậm vì có công tố giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Do đó, người đương thời có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi thị lang" (giết 4 người cha để mà làm thị lang). Bốn cha là: Sĩ, thân phụ; Tông, quân phụ; Khắc Tuân, và Xuân Hán, phụ chấp (bạn của bố). Có thuyết lại nói tứ phụ là Sĩ và Nguyễn Khản, Phương Đình, Khắc Tuân ba người bạn của bố.

Mệnh lệnh ban xuống, Khê Trung hầu và Tuân Sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử.

Dưới trướng Tuân Sinh hầu có viên văn thư là Nguyễn Quốc Trấn cũng bị tội lây với chủ, phải ghép án tử hình. Lúc sắp bị chém, Quốc Trấn quát lớn:

– Trời không có mắt, triều đình không có quan, nỡ để Quốc Trấn mắc oan.

Rồi Trấn dặn người thân thuộc để giấy bút vào tay áo mình và nói thêm:

– Sống đã không bày tỏ nỗi oan được, chết phải kiện ở âm phủ.

Mọi người nghe câu đó, ai cũng thương xót cảm động.

Thế tử Tông bị truất rồi, chúa bắt cứ phải ở trong ngôi nhà ba gian, cho người giám sát chặt chẽ; phàm những việc ăn uống Tông đều không được tự do. Bọn gia thần của Tông cũng không được phép ra vào thăm hỏi. Do đó, phe đảng của thế tử, mỗi người lẩn trốn đi mỗi nơi.

Còn phe cánh của Thị Huệ thì mỗi ngày một mạnh. Các quan lớn nhỏ không ai là không nịnh nọt, hùa theo, mà nhà chúa cũng càng trọng ả hơn trước.

Thừa dịp ấy, Thị Huệ bèn hỏi con gái chúa là công chúa Ngọc Lan cho em trai mình là Đặng Mậu Lân.

Công chúa này tên chữ Ngọc Thuyên, là con gái yêu quý nhất của chúa. Nguyên chính phi họ Hoàng sinh được hai nàng công chúa. Cô lớn là công chúa Ngọc Anh, tên chữ Ngọc Loan, đã gả cho Đương Trung hầu Bùi Thế Toại, con trai cả của Đoan quận công Bùi Danh Đạt làm trấn thủ Nghệ An trước kia. Còn Ngọc Lan là con thứ hai, chưa có chồng, được chúa rất yêu chiều.

Ngọc Lan vóc người yếu đuối, từ nhỏ vẫn ở trong cung thủy tinh, kiêng nắng kiêng gió. Nơi Ngọc Lan ở, chúa bắt thị tỳ nói năng sẽ sàng để cho nàng khỏi giật mình. Khi Ngọc Lan đã lớn, mỗi lần vào thăm chúa, chúa đều cho phép cùng ngồi với mình như lúc nàng còn bé. Phàm những điều Ngọc Lan cầu xin chúa, không có lời nào là không đắt. Chúa đã hạ chiếu chỉ cho các quan văn võ, cùng con cháu các dòng họ công thần vào phủ để cho công chúa tự kén chọn. Chúa bảo công chúa hễ chọn được ai vừa ý thì chúa sẽ gả cho người đó.

Nhưng Ngọc Lan vẫn chưa kén được ai vừa lòng.

Đến nay, Thị Huệ cầu hôn cho em trai, chúa sợ mất lòng ả ta, bất đắc dĩ mà phải gượng nhận lời.

Lại nói, Đặng Mậu Lân này vốn là một tên hung bạo; từ khi Thị Huệ được chúa yêu dấu Lân lại càng ỷ vào thế chị để làm những việc càn rỡ. Hết thảy áo quần, xe kiệu của y, nhất nhất đều rập kiểu theo đúng như của vua chúa. Thường ngày, Lân vẫn đem theo vài chục tên tay sai, cầm gươm vác giáo đi nghênh ngang khắp kinh ấp. Hễ gặp xe kiệu, bất kỳ là của đám quan quân nào, Lân cũng đều cà khịa đánh nhau làm cho họ nhục nhã, rồi lấy thế làm thích thú. Gặp đàn bà con gái giữa đường, hễ người nào trông vừa mắt, tức thì Lân sai tay chân quây màn trướng ngay tại chỗ, rồi lôi người ấy vào hiếp liền Ai không chịu, Lân xẻo luôn đầu vú. Chồng hoặc cha kẻ bị nạn, nếu dám hé răng kêu ca, lập tức Lân sai quân vặn gãy răng, hoặc cũng có người bị đánh đến chết. Người thiên hạ sợ Lân hơn sợ beo sói.

Chúa cũng biết thế, nên tuy đã trót nhận lời gả công chúa cho Lân mà trong bụng vẫn còn có ý thương tiếc. Vả lại chúa nghĩ công chúa người yếu ớt, mảnh khảnh, không thể chịu nổi một tên đàn ông cường bạo như thế. Nên đến ngày về nhà Lân, chúa lấy cớ rằng công chúa chưa từng lên đậu lên sởi, để không cho phép Lân hợp cẩn [1]. Rồi chúa sai viên quan a bảo cùng nhiều thị nữ đi theo để hộ vệ công chúa. Tiếp đó, chúa lại phái thêm cả viên nội sai là Sử Trung hầu đến làm giám chế, không cho Lân xâm phạm tới công chúa.

Thật là:

Ái ân, cô gái không e sợ,
Hoan hỷ, chàng trai lại dở dang.

Chưa biết việc tới thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Theo lễ xưa, đêm tân hôn vợ chồng uống chung một chén rượu, gọi là *hợp cẩn*

HỒI THỨ HAI

Lập Điện Đô, bảy quan nhận di chúc, Giết Huy Quận, ba quân phò Trịnh vương

Lại nói, Đặng Mậu Lân tuy đã lấy được công chúa Ngọc Lan, nhưng cứ mỗi lần vào với công chúa thì lại bị Sử Trung ngăn cản; vì vậy Lân hết sức tức giận, nói với Sử Trung rằng:

– Chúa bảo con gái chúa là tiên dưới trần, nhưng ta coi ra, thật không bằng con bé ở xách giày nhà ta, có quý hóa gì? Đây ta không phải ham gì nhan sắc của nó; nhưng tốn kém mất bao nhiêu tiền của mới lấy được một con vợ, nếu không ra hồn thì cũng phải vần một trận cho nẫu nhừ ra như bùn, để đền đắp lại sự phí tổn, rồi bấy giờ sẽ tống cổ nó đi. Còn mày, mày muốn sống muốn tốt thì hãy tìm đường kiếm nẻo mà bước đi. Kẻo nữa lại kêu ta không bảo trước.

Sử Trung đáp:

– Đó là mật chỉ của chúa thượng, không phải tôi dám như vậy!

Lân nói:

– Mày thử hỏi chúa, xem chúa ở vào địa vị tao liệu chúa có nhịn được không?

Sử Trung nói:

– Quan lớn đừng nên quá lời như vậy, nhà chúa không thể so sánh với người thường.

Lân nổi giận đùng đùng mà rằng:

– À, mày đem chúa để dọa phỏng? Chúa là cái quái gì?

Dứt lời, Lân tuốt gươm chém Sử Trung. Sử Trung chết ngay.

Giết xong Sử Trung, Lân bèn sai đóng chặt cửa dinh, ra lệnh trong không được ra, ngoài không được vào, định ngầm thủ tiêu cái thây Sử Trung.

Ngọc Lan nghe chuyện, sợ quá, lập tức bảo một thị nữ chui qua một lỗ hở nhỏ chạy về phủ chúa báo tin.

Chúa cả giận, sai viên quan hầu đốc thúc một toán lính đến bắt Lân.

Lân cầm gươm lăm lăm, đứng trước cửa dọa:

– Đứa nào muốn chết thì cứ vào đây!

Chúa lại phải sai Quận Huy đem quân vây bắt Lân, giải về phủ, giao cho triều đình xử tội. Các quan đều nói tội giết sứ giả đáng bêu đầu.

Thị Huệ nghe tin, khóc lóc xin chết thay em. Chúa bất đắc dĩ phải tha cho Lân tội chết và giảm xuống thành tội đi đày ở châu xa.

Lại nói, vương tử Cán rất tuấn tú, thông minh, nhưng người vốn yếu đuối. Lúc còn ẵm ngửa, vương tử đã mắc chứng cam: bụng to, rốn lồi, da nhợt, gân xanh, chân tay gầy khẳng khiu. Chúa phải sai người đi tìm danh y khắp bốn phương về chữa cho Vương tử [1]. Những người do nghề thuốc mà vào phủ đều được thăng thưởng: Nguyễn Thực từ chức huấn đạo lên đến chức tiến triều; Chu Nghĩa Long là người khách buôn Trung Quốc, được phong tước hầu coi việc quân. Thuốc thang tốn kém kể cả hàng trăm vạn, nhưng chạy chữa hết năm này qua năm khác mà bệnh vẫn không khỏi.

Chúa lại sai người đi lễ bái khắp các đền đài có tiếng linh thiêng; một mặt cho thiết lập đàn tràng ở ngay trong cung để ngày đêm đèn nhang cầu khẩn. Vậy mà bệnh của vương tử vẫn đâu hoàn đấy.

Có kẻ tố cáo với chúa, nói là Tiệp dư [2] không được yêu, sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ ở trong cung để trấn yểm.

Chúa giận lắm, sai bắt người nhà Tiệp dư để tra hỏi. Nhưng bọn ấy trốn hết, tìm khắp tứ phía không lùng bắt được người nào cả. Sau, kẻ tố cáo tự dẫn người đến đào chỗ chôn người gỗ, cũng không thấy gì, việc này mới thôi.

Tuy nhiên, bụng chúa vẫn còn ngờ, nên cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ. Do đó, bọn đồng cốt ra vào tấp nập, mà bệnh của Vương tử Cán vẫn khi tăng khi giảm chẳng ra thế nào.

Đến khi thế tử Tông bị tội, thì gặp lúc bệnh của Vương tử Cán đã hơi đỡ. Năm sau Vương tử lên đậu, từ tuần nung mủ đến tuần đậu lặn đều không có gì quản ngại. Chúa hết sức vui mừng nói:

---

1. Hải Thượng Lãn Ông Lê hữu Trác cũng đã từng bị triệu vào kinh để chữa bệnh cho Cán (Xem *Thượng kinh ký sự*).

2. Tiệp dư đây không rõ ai, bản chữ Hán không ghi tên họ người nào; bản dịch của Ngô Tất Tố, cho là Dương Ngọc Hoan có lẽ là phỏng đoán như vậy.

– Thì ra trẻ con cam sài cũng là sự thường, chẳng cần phải lo. Mà hễ nó đã lên đậu, lên sởi thì tức là nên người rồi.

Bấy giờ các quan trong ngoài đều có lời chúc mừng.

Nhiều người khuyên chúa giáng chỉ lập Vương tử Cán làm thế tử cho yên sự mong mỏi của thiên hạ. Chúa nghe lời ngay.

Thánh mẫu thái tôn [1] được tin liền nói với chúa:

Thế tử Tông với Vương tử Cán đều là cháu cả, già này thực không coi đứa nào hơn đứa nào. Có điều thế tử đã lớn lại khỏe mạnh, còn Vương tử thì nhỏ tuổi lại hay đau yếu; khuyên chúa hãy nghĩ đến tông miếu xã tắc, tạm dành ngôi đông cung lại đó, may ra đứa con út [2] kia nó biết hối lỗi thì hay, bằng không, đợi lúc vương tử khôn lớn hãy lập tưởng cũng chưa muộn gì.

Chúa đáp:

– Tên Tông và tên Cán đối với mẹ là cháu, chưa bằng đối với tôi là con. Người xưa đã nói: "Biết con chẳng ai bằng cha". Tôi cũng chưa đến nỗi mê lẫn, vả chăng triều đình bàn bạc chung như thế, chứ cũng chẳng phải vì tôi yêu đứa con nhỏ mà bày đặt ra việc này. Mẹ há chẳng biết rõ rồi sao? Nay nếu không sớm định người nối ngôi, bọn tiểu nhân đâm ra dòm nom, mong chờ, tôi e tai họa sẽ xảy đến lúc nào không biết. Huống hồ ngôi báu của thiên hạ cốt phải giao phó vào tay người xứng đáng. Đã coi tôn xã làm trọng, thì dẫu con đẻ ra cũng không được tư túi; lẽ nào tôi lại dám tư túi với đứa con nhỏ? Nếu như cuối cùng bệnh của Cán không khỏi, thì thà lập Côn quận công, [3] trả lại dòng chính cho nhà bác; chứ không thể nào giao cho cái thằng Tông bất hiếu, để nó làm hỏng cơ nghiệp của tổ tiên.

Thánh mẫu không dám nói gì nữa.

Chúa bèn sai các quan trong triều làm tờ tâu lên vua Lê, xin lập Vương tử Cán làm thế tử. [4]

---

1. Tức là mẹ Trịnh Sâm.

2. Chỉ Tông vì Tông bị giáng xuống làm con út.

3. Có bản chép là Quế quận công, tức Trịnh Bồng, anh em con chú bác với Sâm, con Trịnh Giang.

4. Bấy giờ có nhiều người không đồng tình việc lập Cán, nên đã đặt ra câu ca dao:

Đục cùn thì giữ lấy tông,
Đục long, cán gãy, còn mong nỗi gì?

Dùng chữ tông và cán theo nghĩa đôi để chỉ vào Trịnh Tông và Trịnh Cán.

Lại nói, từ mấy năm nay, bệnh cũ của chúa vẫn thường hay phát trở lại, khi thì một tháng, khi thì nửa tháng. Mỗi lần bệnh phát thường hết sức nguy kịch, nhưng rồi dần dần cũng lại khỏi. Chúa rất sợ nắng gió, bình thường phải ở luôn trong thâm cung và nơi đó phải thắp nến suốt đêm ngày. Nếu không phải triều hội lớn, thì không bao giờ chúa ra gặp các quan. Sập ngự trong phủ chúa có che trướng thủy tinh, kiệu của chúa đi cũng treo rèm thủy tinh, để ngăn nắng gió. Các quan muốn trình báo việc gì, đều do quan hầu đem tờ khải vào. Chúa muốn phán gì cũng do quan thị truyền chỉ ra. Dẫu đến các bậc thân quý, cũng phải một năm hoặc nửa năm mới được gặp mặt chúa một lần. Còn các hàng văn võ trong triều, thì thường không hề được thấy mặt rồng. Việc của phủ chúa, bên ngoài người ta đồn đại như là việc thiên tào. Cứ như thế, sự ngăn cách, che lấp ngày càng thêm tệ.

Đến lúc này, bệnh của chúa lại nguy kịch. Thị Huệ ngày đêm hầu hạ. Trong hàng đại thần chỉ có Quận Huy là được ra vào. Mẹ chúa và các con gái chúa cũng ít khi được tới gặp, hằng ngày thăm hỏi sức khỏe của chúa, họ chỉ dừng ngoài cửa buồng và hỏi qua bọn quan hầu mà thôi.

Nhân cơ hội ấy, Thị Huệ bèn nói với chúa:

– Thiếp thờ chúa thượng, nhờ ơn được quá thương yêu, thành ra nhiều kẻ thù ghét; không biết rồi đây mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào đâu?

Chúa yên ủi rằng:

– Thế tử đã chính thức lên ngôi đông cung, nước là nước của nó; rồi đây khanh sẽ làm mẹ cả thiên hạ, kẻ nào còn thay đổi được?

Thị Huệ lại thưa:

– Sợ không dự định trước, đến lúc tình thế khẩn cấp sẽ bị người khác cướp mất.

Bấy giờ Quận Huy cũng có ở đó. Chúa nhìn Huy nói:

– Sau này ngươi cần hết sức giúp đỡ chính cung và thế tử, để cho yên lòng ta.

Quận Huy thưa:

– Tôi dám đâu chẳng hết lòng về việc này kỳ cho đến chết. Nhưng ngay bây giờ, nhân lúc chúa còn tỉnh táo, xin hãy kịp thời truyền lệnh cho thế tử Cán nối ngôi và lập chính cung làm vương phi, cùng coi việc nước, để cho có mệnh lệnh sẵn sàng.

Chúa khen:

– Phải đấy! Khanh cần làm phụ chính cho vương tử.

Quận Huy lại thưa:

– Vâng lời di chúc làm người phụ chính, tôi chẳng dám gánh vác một mình. Hiện nay có Khanh quận công là bậc chí thân, Hoàn quận công là bậc sư phó đại thần, Châu quận công và Tứ Xuyên hầu đều ở trong chính phủ, vốn có đức vọng, Diễm quận công là a bảo của đông cung. Thùy Trung hầu là bảo vệ của đông cung, đều là những bầy tôi tin cậy. Vậy xin nhà chúa hãy cho phép những viên ấy cùng nhận cố mệnh [1] với tôi.

Chúa bằng lòng.

Quận Huy liền sai Tứ Xuyên hầu thảo tờ cố mệnh và quan thiêm sai Nhữ Công Điền làm tờ sách phong Tuyên phi. Giấy tờ lập xong, Huy bỏ vào tay áo đem dâng chúa để xin điền tên.

Bấy giờ bệnh chúa đã nguy kịch, nhân có thánh mẫu vào thăm, Thị Huệ phải ôm chúa ngồi dậy. Thánh mẫu đứng ở đầu sập vừa khóc vừa hỏi han. Chúa cũng khóc mà rằng:

– Con xin chắp tay cúi đầu lạy mẹ. Nay con chẳng may xấu số, không được thờ mẹ cho đến cùng. Nghĩ đến đạo hiếu chưa tròn, ruột gan con đau như dao cắt. Xin mẹ hãy ngự giá về cung, cố ăn ngủ cho thảnh thơi, đừng nghĩ gì đến con mà đau lòng mẹ. Còn việc sớm hôm thăm hỏi sau này đã có tự vương [2] thay con.

Thánh mẫu nức nở, sụt sịt, ngập ngừng hồi lâu, ý muốn nói đến ngôi thế tử, nhưng vì có Thị Huệ ở đấy nên cũng khó hé răng, dùng dằng mãi chưa ra.

Chúa thấy vậy lại nói:

– Mẹ quá thương con, không nỡ dứt tình mà đi. Con trông thấy mẹ cũng đau lòng không thể nhắm mắt. Vậy cúi xin mẹ hãy ngự giá về cung.

Thánh mẫu bèn ứa nước mắt trở ra.

Chúa quay sang dặn Thị Huệ:

– Bệnh ta không khỏi, không ở được cùng khanh đến lúc bạc đầu.

---

1. *Cố mệnh:* Mệnh dặn lại lúc sắp chết.
2. Chúa nối nghiệp, chỉ Trịnh Cán.

Nay ta về chầu giời, khanh ở lại phụng thờ thánh mẫu, nuôi nấng tự vương; còn duyên sắt cầm đành hẹn đến kiếp khác.

Thị Huệ nấc lên đến hơn một khắc, rồi ả cắt tóc thề rằng:

– Chúa thượng chẳng thương thiếp, nỡ bỏ thiếp vò võ một mình! Thiếp xin liều thân mà chết theo chúa. Thờ phụng thánh mẫu đã có hai công chúa, giúp rập tự vương đã có quan đại thần, chúa đừng giao những việc ấy cho thiếp.

Rồi thị khóc òa lên.

Chúa ngoảnh sang Thùy Trung hầu nói:

– Sau khi ta qua đời, các ngươi phải nên khuyên giải chính cung cho khéo, chớ để nàng liều mình. Vạn nhất nếu không ngăn cản nổi ý chí của nàng, thì cứ để nàng chung thuyền với ta mà đưa đi, cho nàng được hầu hạ ta ở nơi lăng tẩm.

Tiếp đó, chúa cho đòi Quận Khanh, Quận Hoàn vào chịu cố mệnh.

Hai người xin vào, chúa truyền miễn lạy và cho ngồi. Hai người khóc lóc hỏi han sức khỏe. Chúa nói:

– Con xin chắp tay cúi đầu lạy chú, lạy thầy. Chẳng may con bị bệnh nặng, nay đã nguy cấp, muốn cho thế tử Cán lên ngôi chúa. Vậy nhờ chú và thầy chung sức đồng lòng, giúp cho qua khỏi bước khó khăn này.

Dứt lời, chúa bảo Thị Huệ đặt mình nằm xuống.

Quận Huy quỳ xuống, rút tờ cố mệnh trong tay áo dâng trình, nhưng chúa chỉ lấy tay xua đi.

Quận Huy lại thưa rằng:

– Nay thánh thể không yên, mà chỗ để tên họ trong tờ cố mệnh thì hãy còn để trống, vậy xin chúa hãy để cho vương thân Khanh quận công viết thay.

Chúa không còn nói được nữa, chỉ gật đầu mà thôi.

Quận Khanh bèn lấy bút phê, ngồi ngay trước sập chúa, lần lượt viết tên mấy người vào chỗ bỏ trắng trong tờ cố mệnh. Viết xong, lại dâng cho chúa xem; nhưng lúc ấy chúa đã nhắm nghiền hai mắt không biết gì nữa.

Thế là Thịnh vương qua đời. Bữa ấy nhằm ngày 13 tháng 9 năm

Nhâm Dần (1782). Chúa thọ 41 tuổi, làm chúa được 16 năm.

Sau khi chúa tắt thở, Quận Huy một mặt cắt đặt cho các quan lo liệu việc tang lễ, một mặt sai Thùy Trung hầu sao lấy mấy bản thư cố mệnh và tờ sách phong Tuyên phi đưa ra chính phủ, để cho các quan triều tâu lên vua Lê.

Ngay hôm ấy, vua Lê hạ sắc dụ lập thế tử Cán làm Điện Đô vương.

Trăm quan liền đem nghi trượng, binh lính đến cửa Kính Thiên để rước sắc về phủ chúa.

Đến phủ, quan a bảo Diễm quận công bế thế tử – đã được mặc áo triều, đội mũ, mang đai màu hoa quỳ – đứng đón ở sân, quỳ xuống nhận sắc.

Xong đó, ngoài phủ đường đã đặt sẵn sập ngự, Quận Diễm bồng thế tử Cán lên ngôi chúa. Các quan theo thứ tự lần lượt vào lễ mừng. Lễ xong, Quận Diễm lại bế chúa mới (Trịnh Cán) vào cung Huỳnh để lạy thánh mẫu. Rồi sau đấy, mọi người đều thay triều phục, mặc áo trở để làm lễ phát tang.

Lúc Thịnh vương còn sống có soạn ra cuốn *Vạn niên thư*, phàm việc tang lễ từ lễ "phạn hàm" đến "đại tường", "nhập miếu", [1] nghi tiết như thế nào đều đã chua rõ; cho cả đến mấy chữ miếu hiệu "Thánh Tổ Thịnh vương" cũng đều ghi sẵn. Nay cứ theo đó mà làm.

Bảy viên đại thần ngày đêm túc trực ở trong phủ, chia nhau coi sóc mọi việc.

Lại nói về bảy viên phụ chính này.

Khanh quận công tên là Trịnh Kiều, tức là con thứ năm của Hy tổ Nhân vương, và là em Nhị tổ Ân vương, đối với chúa mới là hàng ông chú. Kiều là bậc tuổi cao, đức cả, song tính tình chất phác, thật thà, đối với công việc nên hay không nên cũng mặc, chẳng có ý kiến gì.

Hoàng quận công tên là Nguyễn Hoàn, người làng Lan Khê huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743). Trước Hoàn làm hữu tư giảng cho Thịnh vương, sau lên đến chức Thượng thư bộ Lại, rồi làm tham tụng. Hoàn đã về trí sĩ nhưng lại bị gọi ra tham dự triều chính, Hoàn là một vị trọng thần của nhà nước, nhưng tính hòa hoãn, chìm

1. *Phạn hàm:* Lễ đặt vàng, ngọc hoặc các của quý khác vào trong miệng người chết.
Đại tường: Lễ giỗ sau khi chết hai năm.
Nhập miếu: Lễ rước linh hồn vào nhà thờ, để thờ chung với các tổ tiên.

nổi theo đời, gặp việc thường dè chừng, không quyết đoán.

Tứ Xuyên hầu tên là Phan Lê Phiên, [1] người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757). Phiên từng làm tả thị lang bộ Hộ, làm tham tụng; người có phong độ đoan trang, học vấn rộng rãi, nhưng tính nết thâm trầm lại hay nương nhờ vào bọn quyền thế.

Châu quận công, Diễm quận công và Thùy Trung hầu đều xuất thân từ hàng quan hoạn.

Châu quận công tên là Lê Đình Châu, người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, hầu hạ các chúa trải đã mấy triều. Châu có làm chức tri binh phiên cơ mật, là người trung hậu, lúc đã già vì là bậc kỳ cựu, nên được vào chính phủ, nhưng không giữ việc gì.

Diễm quận công tức Trần Xuân Huy, người làng Khoái Lạc, huyện Thiên Bản, nguyên là gia thần của Thịnh vương, khi vương chưa lên ngôi.

Lúc Thịnh vương lên cầm quyền, Huy được giao cho chức tri hộ phiên. Huy là người thuần thục, cẩn thận. Thịnh vương rất tin, sai Huy làm a bảo cho thế tử, ngày đêm ở luôn bên cạnh thế tử, không dự gì đến những việc bên ngoài.

Thùy Trung hầu tên là Tạ Danh Thùy, người làng Khang Thượng, huyện Yên Mô, từng làm chức xuất nạp [2] rồi lại làm trấn thủ Thanh Hoa. [3] Thùy là người cơ trí, giỏi văn học, biện luận như gió. Thịnh vương vốn tin trọng, sai Thùy làm chức bảo vệ cho thế tử; nhưng vì Thùy tuổi trẻ chưa có danh vọng gì mấy, nên không tránh khỏi phải lép vế và chiều theo ý những kẻ đồng liêu.

Bởi vậy, hết thảy mọi việc trong thiên hạ đều do một tay Quận Huy quyết định, không có ai bàn qua nói lại gì hết.

Nguyên sáu người kia, không phải hết thảy đều một lòng với Quận Huy cả. Chẳng qua thấy họ có địa vị và danh vọng, nên Quận Huy mới lôi kéo họ vào cùng cánh với mình để họ khỏi có ý khác mà thôi.

Chỉ có Diễm quận công vốn là phe đảng của Thị Huệ, xưa nay lại rất ăn ý với Tứ Xuyên hầu; nên hai người này đều một bụng một dạ

---

1. Có sách chép Duy Phiên hoặc Trọng Phiên.

2. Một chức quan hầu cận của vua chúa chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ và truyền đạt mệnh lệnh.

3. Thời Lê Trung hưng, Thanh Hóa gọi là Thanh Hoa.

với Quận Huy. Song Quận Diễm là người dốt nát, ít hiểu biết, việc gì cũng phải nhờ Tứ Xuyên hầu chỉ vẽ cho; mà Tứ Xuyên hầu thì cũng như Quận Huy, đều đang mê mẩn trong tình thế lúc bấy giờ.

Còn Hoàn quận công là bậc lão nho. Thùy Trung hầu là hạng khôn vặt. Rút lại không lường được bụng dạ của họ ra sao.

Trong đó, thực thà không có ý gì, duy chỉ có Khanh quận công và Châu quận công mà thôi.

Quận Huy tự đứng làm chủ cuộc, phàm mọi việc đều tự mình gánh vác, không cần đùn đẩy cho ai; người khác có đồng ý hay không, Huy cũng chẳng thèm kể đến.

Lúc đó, chúa mới lên ngôi, vì còn thơ ấu nên người trong nước không khỏi có ý ngờ. Ở phố phường người ta túm năm tụm ba bàn tán. Kẻ nói chúa mới bị bệnh rất nặng, chưa biết chừng ngày nào đó trong cung sẽ có biến; Quận Huy uy quyền lớn quá, không khéo hắn sẽ cướp nước mất. Người bảo chính cung tư thông với Huy, ả sắp đem xã tắc giao phó cho Quận Huy. Bấy giờ, đầu đường xó chợ có câu ca dao như sau:

Trăm quan ít sáng, nhiều mờ [1];
Để cho Huy Quận vào rờ chính cung.

Huy nghe tin, bèn sai quan đề lĩnh đem móc sắt và kéo treo khắp các chợ, dọa rằng những ai còn dám tụ họp nói chuyện sẽ móc lưỡi cắt đi. Do đó, ở ngoài đường sá người ta chỉ dám ghé mắt ngó nhau; dân chúng kinh kỳ đều sợ nơm nớp.

Lại nói về thế tử cũ, từ khi chúa mới lên ngôi, Thị Huệ vẫn muốn ngầm hại thế tử, nhưng Thùy Trung hầu thường tìm lời khôn khéo để che chở cho. Thị Huệ bị lời lẽ Thùy Trung hầu giằng giữ, nên không dám quả quyết hành động. Ả bèn bắt Tông ra ở tại nhà Tả Xuyên, rồi giao cho bốn đội Nội Khuông, Nội Dực, Nội Nhưng, Nội Kiệu giám sát. Mỗi ngày chỉ có ba bữa cúng cha, thế tử mới được vào phủ đường, lễ xong lại về sở giam. Vì vậy, thế tử ngày đêm lo lắng, sợ rằng không giữ được tính mạng.

Mẹ thế tử là thái phi họ Dương nhờ người chị là Quận phu nhân họ Dương kêu van với Quận Huy rằng:

– Em thiếp là cung tần Dương thị mỗ và con út chúa Vương tử

---

1. Có sách chép: "Trăm quan có mắt như mờ" hoặc "Sáu ông cố mệnh ngẩn ngơ".

mỗ xin gửi lời lạy trình quan lớn xét xem: Đứa con út đó có tội, gạt bỏ là phải, không dám phàn nàn. Nhưng nay nó ở vào cảnh ngộ hiềm nghi, tình thế cấp bách, khôn xiết nguy hiểm sợ hãi. Vậy muôn vàn lần mong mỏi quan lớn hãy rủ lòng thương, che chở cho nó được toàn vẹn; công ơn cứu sống của ngài, mẹ con nó xin ghi xương tạc dạ.

Quận Huy vừa khóc vừa trả lời:

– Tôi thờ tiên chúa, được chịu ơn huệ đã nhiều, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng tình là cha con. Thế tử cũ cũng là con của chúa tôi, tôi có lòng nào, thì xin trời đất tru diệt. Phu nhân trở về, cho tôi gửi lời trình trước màn tang của Vương tử và quý cung tần rằng, xin cứ yên lòng, tôi sẽ hết sức giúp đỡ, không có điều gì phải lo ngại.

Rồi Huy bí mật sức cho bốn đội quan quân, ra lệnh phải lỏng lẻo bớt trong việc giam giữ thế tử. Từ đó các gia thần và các người thân tín cũ của thế tử mới được ra vào dễ dàng, không ai xét hỏi.

Thế tử có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí, nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dự Vũ đáp:

– Nhà chúa bỏ con cả lập con út, thiên hạ căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, Quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần tên là Gia Thọ.

Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn; hắn nói với thế tử:

– Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phù, thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại trong đám thân quân tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

– Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mụ đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa, vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn Quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng Vương tử Cán bé dại dễ kiềm chế, nên hắn mới vào hùa với mụ mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối.

Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ? Ba quân đều là người ở đất "thang mộc" [1] và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của Nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt [2] lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

– Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc nhỡ có điều gì kinh động, Người lại quở trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn. [3]

Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế Quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thỏa.

Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt lên nói:

– Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bất quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong, [4] đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu, rồi kéo ùa cả vào, nắm cẳng hắn, vứt chổng gọng xuống dưới thềm một cái là xong mà thôi!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng, và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiếp Bảo tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, xứ Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê Trung hưng. Về sau tập ấm [5] đã hết, con

---

1. *"Thang mộc"* nghĩa là tắm gội. Đất *"thang mộc"* là đất thiên tử phong cho các chư hầu, để làm nơi cung đốn việc tắm gội trước khi vào chầu. Do đó, đất *"thang mộc"* cũng dùng để trỏ chung đất quê hương của vua chúa, ở đây đất *"thang mộc"* trỏ vào Thanh Hoa, quê hương của vua Lê và cũng là quê hương của chúa Trịnh.

2. Văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng được hưởng phú quý lâu dài.

3. Chùa Khán Sơn xưa ở trên trái núi đất gần khu vực vườn Bách Thảo Hà Nội, chùa bị phá từ cuối đời Cảnh Hưng.

4. Theo tang lễ xưa, người chết khi chưa chôn thì gia đình mỗi ngày cúng hai lần cơm.

5. Đây dịch theo hai chữ *ấm tận*. Trong chế độ phong kiến, những kẻ làm quan, tùy theo thứ bậc, con cháu đều được nối nghiệp làm quan gọi là *tập ấm*, đến lúc nào không được hưởng tập ấm nữa thì gọi là *ấm tận*.

cháu trở nên nghèo nàn. Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh nhã như dáng học trò. Sau khi vào đội Tiếp Bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân biện lại. Ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điêu toa trong việc xui nguyên giục bị.

Lúc này Bằng Vũ thủ xướng ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân.

Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau hễ nghe hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến khởi sự.

Mưu toan bí mật đã bàn định xong. Chợt lại có người nói:

– Việc này hết sức quan hệ. Nên nhờ quốc cữu tâu với thánh mẫu, xin lĩnh ý chỉ của thánh mẫu mà làm. Vạn nhất Quận Huy có biết, mình còn có mật lệnh làm cớ để mà nói, tỏ rằng mình vẫn làm việc minh bạch. Như thế mới là kế vạn toàn!

Người ấy là Bùi Bật Trực, quán làng An Toàn, huyện La Sơn, một tay danh sĩ xứ Nghệ. Bật Trực trước đã từng làm chức viên ngoại lang, hồi này vì bị mất quan vẫn nương nhờ ở trong nhà quốc cữu Viêm quận công. [1] Khi bọn biện lại hẹn quân sĩ đến tụ tập ở chùa Khán Sơn, Bật Trực cũng đã nghe phong thanh. Gã liền đem mưu mô của bọn quân sĩ nói nhỏ với Chiêu Lĩnh bá [2] con Viêm quận công, và khuyên nên nhập bọn để hớt lấy công ấy. Còn bản thân gã thì đứng ra làm người manh mối giữa Chiêu Lĩnh bá và bọn quân sĩ. Vì thế, nên gã mới đến dự cuộc họp để nói với bọn họ như vậy.

Quân sĩ vốn không cần chỉ của thánh mẫu, nhưng thấy người nhà quốc cữu cũng có mặt trong cuộc hội họp, khước từ sợ sẽ lộ chuyện. Vả lại, lời của Bật Trực nghe cũng có lý, họ bèn cùng đi với Bật Trực đến gặp Quận Viêm.

Lúc quân sĩ chưa đến, Chiêu Lĩnh bá đã đem chuyện nói trước với cha. Cha hắn ta vốn là người tầm thường, nghe thấy chuyện đó thì sợ lắm, bèn nói:

– Lũ lính tráng này là đồ thô lỗ, khinh suất nên mới làm việc ấy: mình can dự vào làm gì? "Con vua thì lại làm vua". Ai làm chúa ta cũng vẫn không mất cái chân là quốc cữu tiền triều. Nay lại muốn

---

1. Viêm quận công Nguyễn Trọng Viêm là em mẹ Trịnh Sâm, do đó gọi là quốc cữu.

2. Tức Nguyễn Trọng Chiêu.

cầu công trạng, nếu việc thành, ta cũng không thể giàu sang hơn thế này nữa; mà ngộ nhỡ công việc vỡ lở, hẳn là chết không có đất chôn!

Chiếu Lĩnh bá đáp:

– Bọn họ bàn bạc, ước hẹn với nhau đã đâu vào đấy rồi. Thế nào nay mai họ cũng ra tay, mà đã ra tay là phải xong việc. Cự tuyệt họ tức là bỏ uổng cơ hội. Vả chăng sự giàu sang của cha dẫu đã đầy đủ rồi thật, nhưng cha cũng nên để cho chúng con nhân dịp mà lập công danh. Hơn nữa con đã trót hứa với họ, bây giờ dù có muốn thoái thác cũng không thể được.

Một lát quân sĩ kéo đến. Quận Viêm bất đắc dĩ phải ra tiếp.

Sau khi nghe họ nói, Quận Viêm trả lời:

– Các anh em còn có lòng vì nước, tôi đây há lại dám có bụng dạ nào khác. Có điều anh em muốn xin ý chỉ của thánh mẫu, thì nên đến nhà cháu tôi là viên phó tri binh phiên Nguyễn Kiêm mà bảo viên ấy vào bẩm với thánh mẫu. Viên ấy giữ chức tri lệnh sử, nên ra vào cung Huỳnh người ta sẽ không nghi ngờ. Còn tôi, tôi cũng thêm gửi lời trình thêm với thánh mẫu nữa.

Quân sĩ nghe lời, lại kéo cả sang nhà Nguyễn Kiêm.

Kiêm vốn là hạng hèn nhát, nghe quân sĩ nói thì hoảng hốt chối đây đẩy. Nhưng bọn quân sĩ vẫn cố nèo:

– Việc này cũng đã bẩm với quốc cữu và người đã dạy như thế.

Rồi họ thúc ép Kiêm phải đến nhà Quận Viêm để nhận lời dặn mà vào tâu với thánh mẫu.

Nguyên việc bỏ con lớn lập con nhỏ, thánh mẫu vốn không hài lòng, vì vậy khi được nghe mưu toan ấy, thánh mẫu đã thấy hợp ý ngay. Nhưng dẫu sao cũng chưa thoát khỏi chí khí đàn bà, thánh mẫu sợ nhỡ công việc bại lộ, quốc cữu sẽ bị vạ lây; nên muốn hãy ngầm dỗ dành Quận Huy để hắn đưa thế tử Tông lên quyền ngôi chúa cho khỏi sinh biến. Lại nghĩ trong bọn bảy viên phụ chính, chỉ có Quận Hoàn vừa là thầy học của chúa trước vừa là bố vợ Kiêm, bụng dạ có thể tin được, mà lại là bậc lão nho có nhiều mưu trí, có thể cùng bàn mọi việc với ông ta. Thánh mẫu bèn bảo Nguyễn Kiêm một mặt báo cho bọn quân sĩ hãy chậm khởi sự lại vài ngày, còn một mặt thì tới bàn mưu với Quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

– Nếu ba quân làm như thế, tât sẽ gây ra rất nhiều việc lôi thôi. Nay thánh mẫu quyết đoán sáng suốt như vậy, thực là phúc cho xã tắc. Lão thần đây cũng không thể nghĩ hơn thế được. Nhưng xin thánh mẫu hãy hạ chỉ dụ cho Quận Huy, còn tôi ở trong sẽ nói thêm vào.

Kiêm đem lời ấy tâu với thánh mẫu. Thánh mẫu bèn sai người bảo Quận Huy rằng: "Nay tân chúa bị đau, trong nước đang lo lắng, nghi ngờ. Tướng quân nếu còn coi xã tắc là trọng thì, hãy nên tạm để cho Vương tử Tông lên quyền ngôi chúa để yên lòng người. Đợi khi nào tân chúa trưởng thành, Vương tử Tông sẽ lại trao trả chính quyền và lui về giữ trọn đạo làm tôi. Tướng quân nên đem ý đó bày tỏ với Tuyên phi và để Vương tử Tông nhận Tuyên phi làm mẹ nuôi, lấy tướng quân làm a bảo. Mong rằng tướng quân hãy hết sức giúp đỡ cho được chu toàn!".

Quận Huy đáp lại rằng: "Lý tôi gửi lạy dưới cửa thánh mẫu. Thánh mẫu đã lo đến việc lớn của xã tắc, tôi đâu dám chẳng vâng mệnh. Nhưng có điều việc này không phải ý của tiên vương. Tôi được tiên vương trao gửi con bồ côi, ngài đã dặn dò rất cặn kẽ. Nay tử cung [1] còn quàn tại đây mà đã thay đổi mệnh ngài, lòng tôi tự thấy không yên. Vậy chuyện này xin hãy để liệu sau. Và tiên vương cũng không còn người con nào khác, chỉ còn có tân chúa và Vương tử Tông mà thôi. Nếu tân chúa không gánh vác nổi công việc, thì sau đó tất là phải đến Vương tử Tông. Lúc đó Vương tử Tông cứ việc đường hoàng mà thay thế, há chẳng tốt đẹp hơn sao, cần gì mà phải vội vã hấp tấp, làm việc trái với lẽ thường như vậy? Còn như kẻ lo lắng, thì lâu rồi họ khắc yên lòng; kẻ nghi ngờ, lâu rồi họ khắc tin tưởng. Dám xin thánh mẫu cứ yên tâm...".

Sứ giả ra chưa khỏi cửa. Quận Huy đã hằn học:

– Việc này dẫu có đánh chết ta cũng chẳng nghe!

Sứ giả về thuật với thánh mẫu. Thánh mẫu biết chí của Huy không thể lay chuyển, bèn đem lời Huy nói lại với Nguyễn Kiêm.

Kiêm sợ việc lộ, vạ lây, lại đến bàn với Quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

– Bây giờ sự thể đã như vậy, thôi thì mặc cho ba quân họ muốn làm gì thì làm!

---

1. Quan tài của vua chúa.

Tình cờ có một tên lính ơ xã Vạn Lộc, huyện Động Sơn, đem các công việc báo với người cùng làng là viên thiêm tri binh phiên Trần Hữu Cầu. Cầu vốn tính hiếu sự, lại giỏi làm văn, tức thì soạn ngay bài hịch Ba quân phò chính, rồi ngầm đem dán ở khắp các đường phố. Do đó, trong kinh kỳ nôn nao cả lên. Thấy chuyện đã vỡ lở như vậy, bọn Bằng Vũ cho là thế không thể dừng được, bèn quyết định ngay ngày hôm sau khởi sự, không cần phải tâu với thánh mẫu. Hôm ấy là ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Dần (1782).

Bấy giờ Quận Huy cũng biết tai họa sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

– Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải dăm ba mạng đi theo.

Các quan nói:

– Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khải nói là Huy Bá tố cáo Quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà Quận Huy có kẻ khuyên hắn nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyên hắn nên đưa nghĩa sĩ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng Quận Huy đều gạt đi mà rằng:

– Xưa nay thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thong thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc quá gấp không thể trị nổi bọn chúng, thì ta đây vâng mệnh của đấng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy Quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi chín tiếng trống.

Các quan ngơ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các, bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thùy Trung hầu bảo Quận Huy rằng:

– Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiệt hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lấn nhau mà vào trong phủ.

Lúc ấy cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi Quận Châu ra bảo:

– Cậu [1] giữ chức binh phiên, làm sao không biết răn đe chúng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải rằng:

"Lý tôi kính khải như sau: Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay đám ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ về oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương ở dưới âm cung".

Tờ khải làm xong, Quận Huy giao cho quan xuất nạp dâng trình, và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc.

Khi bảo kiếm đưa tới, Quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận.

Lúc ấy Quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

– Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung còn quàn ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có điều gì muốn nói, cứ về viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính thét lớn:

– Cậu cũng định theo Quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào.

Quận Huy chống kiếm lên voi, cưỡi ra giữa sân phủ, trỏ ba quân quát:

– Bớ ba quân! Các ngươi phải đâu về đấy ngay, không được làm ầm ĩ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hắn cưỡi voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới.

---

1. Quận Châu là bà con họ ngoại chúa Trịnh, do đó gọi là cậu.

Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhôn nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ném ra tới tấp, voi co vòi mà gầm không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn, nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liêm lôi viên quản tượng xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi dao phóng xuống, làm bị thương vài người. Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên Vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng im không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ Quận Huy kéo xuống, rồi đánh đấm túi bụi, giết chết ngay tại chỗ.

Sau đó, họ phanh bụng Quận Huy lấy gan ăn sống, còn thây chết thì lôi ra ngoài cửa Tuyên Vũ.

Em ruột Quận Huy là Lý Vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến, vội vàng chạy bổ vào phủ đường. Nhưng mới đi đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luộn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thủy Quân. [1] Anh em Quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả xuyên phò thế tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thế tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng:

– Xin ngồi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thỏa lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kỷ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thế tử ngồi lên, rồi tám người kề vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỏi lại hạ xuống vai, rồi vai mỏi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giỡn quả cầu hoặc rước pho tượng Phật. Mỗi lần thế tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chặp. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phất ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu

1. Hồ Hoàn Kiếm bây giờ.

trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kẻ qua người lại trên đường đều hý hửng nói: "Chúa ta lập rồi!". Thế rồi họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kỳ hôm ấy vì thế phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều dìu thế tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng Quận Diễm bế chúa lánh đi ở một nơi khác, từ sớm đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải dọa: "Không được khóc to, kẻo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết!" Chúa nhỏ sợ hãi mới không khóc nữa.

Đến đêm, thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi không ăn uống gì được bệnh càng thêm nguy kịch.

Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ thì thưởng một trăm lạng bạc và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cục không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan tham tụng Tứ Xuyên hầu, thay chúa nhỏ làm một tờ khải xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khải làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung quốc công. Được ít lâu sau thì Cung quốc công qua đời.

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em Quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của Quận Huy.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân đều reo lớn:

– Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá hủy dinh Quận Huy anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của Quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bè đảng Thị Huệ và Quận

Huy, cũng những người dự vào việc tố giác vụ án năm Canh Tý [1] những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kỳ, lén đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt.

Lại nói, trong bọn thủ hạ của Quận Huy có một người tên là Nguyễn Hữu Chỉnh, quê ở làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An.

Cha Chỉnh nhờ nghề buôn bán, trở nên giàu sang, gia tư kể có hàng vạn, thường vẫn ở dưới cửa Quận Việp.

Chỉnh, phong tư đẹp dẽ, trí tuệ hơn người. Lúc nhỏ theo học nho, đã đọc khắp các kinh sử, năm mười sáu tuổi đỗ hương cống; đã từng theo cha nương nhờ dưới cửa nhà Quận Việp.

Chỉnh giỏi về thơ văn quốc âm. Vì mến công nghiệp của Quách Tử Nghi nhà Đường, Chỉnh có làm bài *Quách lệnh công phú* bằng chữ Nôm, được nhiều người trong nước truyền tụng.

Tính Chỉnh lại hào hiệp, giao du khắp thiên hạ. Trong nhà Chỉnh lúc nào cũng có vài chục người khách, khi ngâm thơ, khi uống rượu, tùy theo sự hứng thú mà thù tạc với nhau. Nhà Chỉnh nuôi mười mấy ca nhi và vũ nữ; Chỉnh tự tay soạn ra bài hát, phổ vào đàn sáo, ngày đêm bắt họ ca múa để mua vui.

Vì thế, Chỉnh được xem là tay phong lưu bậc nhất ở đất Trường An [2] hồi ấy.

Ngoài ra, Chỉnh lại còn có tài khôi hài, mỗi khi bông đùa ai cũng phải phục.

Ở trong nhà Quận Việp hơn mười năm, Chỉnh mới được cử ra coi đội Thiện tiểu; có kẻ thấy vậy chê rằng: "Sao nhỏ thế?". Chỉnh liền đáp lại ngay: "Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm gì!" [3]. Cả đám

---

1. Việc Tông mưu cướp ngôi khi trước.

2. Tức là kinh đô Thăng Long. Nguyên là tên kinh đô nhà Hán, sau thành danh từ chung chỉ kinh đô.

3. Câu này rút trong bài di chúc của Lưu Bị thời Tam Quốc để lại cho con. Nguyên văn là: *"Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi"*, ở đây Chỉnh mượn hai chữ *Thiện Tiểu* của Lưu Bị để chỉ đội *Thiện Tiểu* với ý khôi hài.

đều bật cười. Tài bông đùa của Chỉnh đại để là như vậy.

Khi Quận Việp vào đánh phương Nam, Chỉnh được đi theo giúp việc bút nghiên. Thấy Chỉnh có tài, Quận Việp hết sức yêu mến.

Sau khi Quận Việp qua đời, có kẻ tố cáo rằng trong lúc làm việc quan, Chỉnh đã đánh cắp vàng bạc của công kể đến hàng trăm vạn. Việc ấy liên lụy đến cả Quận Huy. Chỉnh bị tống giam vào ngục và bị tra tấn đến gần chết, nhưng vẫn nhất định không xưng. Nhờ vậy Chỉnh mới được vô tội. Còn Quận Huy thấy thế thì lại càng trọng Chỉnh bội phần.

Lúc vào làm trấn thủ Nghệ An, Quận Huy dùng Chỉnh làm hữu tham quân; thường giao cho Chỉnh luyện tập thủy thủ để chống giặc biển. Chẳng bao lâu Chỉnh trở thành vô địch trong nghề thủy chiến. Ngoài biển, mọi người thường gọi Chỉnh là "con hải ưng".

Đến hồi Quận Huy đổi về trấn Sơn Nam, Chỉnh cũng được đổi sang cai quân đội Tiền Trung, đem quân đi tuần mặt biển. Rồi ít lâu sau, Chỉnh lại được đổi về trông coi cơ Tiền Ninh ở trấn Nghệ An.

Ngôi mả tổ nhà Chỉnh nằm ở trên núi Côn Bằng. Về thế đất ấy, sách địa lý nói rằng: "Ngàn vạn con rồng đuổi ngàn vạn con hổ; xưng bá xưng vương đều được như ý". Nhân đó Chỉnh mới tự đặt hiệu là Bằng Lĩnh hầu.

Thời kỳ còn ở dưới trướng Quận Việp, Chỉnh có một người quen cùng làng tên là Nguyễn Viết Tuyển, thi võ đỗ biển sinh. Tuyển vốn có sức lực hơn người, lại là tay can đảm, mưu lược, nhờ Chỉnh tiến cử lên Quận Việp, nên Tuyển được coi trung đội của đạo Hậu Kiên đóng ở trấn Sơn Nam.

Đến lúc này nghe tin trong kinh có biến, Tuyển vội vã vượt biển về quê. Giương buồm ra đi từ ngày 26 đến ngày 28 thì đến làng Đông Hải. Tuyển đem hết mọi việc ở đường ngoài kể lại với Chỉnh. Chỉnh bối rối, hoảng hốt, không biết nên làm thế nào.

Thật là:

Sóng nổi đất bằng ai chẳng sợ,
Nắng thiêu núi tuyết khó nương nhờ [1].

Chưa biết Chỉnh tính liệu như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Sách *Thông giám* chép: Thời Đường, có người bảo Trương Thoàn nên tới nhà Dương Quốc Trung. Thoàn nói: "Các người tựa vào Dương hữu tướng như tựa núi Thái Sơn; tôi thì cho đó là trái núi băng. Hễ mặt trời lên thì các người hết chỗ dựa". Câu này lấy ý ở điển ấy.

HỒI THỨ BA

Dương nguyên cửu bàn chém kiêu binh,
Nguyễn quốc sư mưu trừ nội loạn

Lại nói, Nguyễn Hữu Chỉnh nghe lời Viết Tuyển, bị một phen giật mình sợ hãi, nhưng rồi lại cố trấn tĩnh ngay và giữ kín chuyện đó không để lộ cho ai biết, chỉ bí mật dặn vợ mấy điều, rồi đi thẳng đến trấn sở Doanh Cầu để bàn với Dao Trung hầu [1].

Dao Trung hầu nguyên là em rể Quận Việp, hiện làm trấn thủ Nghệ An, nghe lời Chỉnh nói, sợ lắm, liền hỏi mưu kế nên như thế nào.

Chỉnh nói:

– Trấn này giáp liền trấn Thuận Hóa, hiện nay phó tướng Phú Xuân là Thể quận công, đồn thủ Động Hải là Khôi Thọ hầu [2], đều là môn đồ của cụ Quận Việp; với chúng ta cũng là những người cùng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín đáo bảo Quận Thể tìm cách giết viên đại tướng Phú Xuân, chiếm lấy thành đó, rồi kíp cho người ra dụ Khôi Thọ, Khôi Thọ thế nào cũng đem cả thành Động Hải mà hưởng ứng với ta. Còn ở đây, quan lớn cứ việc giữ lấy trấn này để làm cái thế môi răng với hai nơi ấy. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, chặn đường Hoàng Mai và đóng đồn lớn ở vùng Quỳnh Lưu để làm kế cố thủ. Còn về việc phòng giữ mặt biển, tôi xin đảm đương. Trấn này địa lợi có thể nương tựa, nhân tâm có thể trông cậy. Năm trước, Quận Siêu bị tội với đức Dụ Tổ [3] cùng giữ trấn này để chống lại nhà chúa, cuối cùng đã thoát khỏi tai nạn. Huống chi sự thế ngày nay lại còn dễ dàng hơn hồi Quận Siêu, nếu ngài làm được như vậy, ấy là đã lấy được nửa thiên hạ rồi đó. Chẳng những triều đình không làm gì nổi, mà ngài còn có thể giữ cõi yên dân, ung dung ngồi nhìn sự thay đổi của thiên hạ. Như thế, chẳng những trước mắt khỏi bị tai vạ mà về sau còn có thể lập được kỳ công nữa!

Dao Trung hầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

---

1. Tức Vũ Tá Dao, người huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh.
2. *Thể Quận công* tên là Hoàng Đình Thể. Khôi Thọ hầu tên là Khôi Thọ.
3. Tức Trịnh Giang.

– Kế của ông quả thực là hay lắm. Nhưng tôi tự liệu tài sức không thể làm được như thế. Xin ông nghĩ cho cách thứ hai nữa xem sao?

Chỉnh đáp:

– Ngoài kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi thôi!

Dao Trung hầu lại hỏi:

– Nhưng mà đi đâu?

Chỉnh nói:

– Thiên hạ vạn nước, lo gì không có chỗ đi?

Rồi Chỉnh ghé tai Dao Trung hầu nói nhỏ mấy câu. Dao Trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa lại mơ hồ chưa quyết, liền nói với Chỉnh:

– Đó cũng là lo việc lớn lắm, để tôi nghĩ lại xem đã!

Chỉnh nói:

– Bây giờ sự biến chỉ trong chốc lát, đợi khi ngài nghĩ lại thì có lẽ cái lệnh tróc nã đã tới nơi rồi. Vậy ngài hãy ở lại mà nghĩ, xin để cho tôi được tự tiện!

Rồi Chỉnh cáo từ ra về. Tới nhà, Chỉnh hỏi vợ, biết mọi việc đã sửa soạn xong; bèn nói là có lệnh của quan trấn thủ sai đi tuần tiễu mặt biển, rồi đưa hết người nhà từ già đến trẻ và tất cả các thứ gia sản xuống thuyền. Mọi người trong nhà đều không hiểu công việc của Chỉnh.

Thuyền nhổ neo, Chỉnh cho bắn ba phát súng lớn, rồi sai chèo ra giữa dòng sông và kéo buồm cho thuyền chạy thẳng ra biển.

Lại nói, ba quân sau khi đã phò lập được thế tử Tông lên ngôi chúa, họ cậy vào công đó sinh ra kiêu căng. Hằng ngày họ tụ tập để cùng nhau bàn việc triều đình. Thường thì họ viết giấy đưa vào trong triều, nói việc này nên để, việc kia nên đổi. Nhiều khi những việc vô lý họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Chẳng những thế họ còn đòi hỏi những ơn này ơn khác, không biết thế nào là đủ. Triều đình hễ có ai bàn chuyện phải chăng, thì họ lấy việc phá nhà, đánh giết ra để hăm dọa. Những lúc các quan xử kiện, họ cũng nhúng tay vào, hoặc nhận bên nguyên là người họ, hoặc nhận bên bị là người quen, rồi ép các quan phải đổi trắng thay đen. Còn dân chúng trong vùng họ đóng có kiện cáo gì, thì họ tự ý đòi bắt và xử đoán lấy, không cần gì đến quan tư.

Các quan đều phải nhịn hơi nuốt tiếng, không dám động chạm đến họ. Trong cung hễ động làm việc gì bất kể lớn nhỏ, họ cũng dòm

nom bàn tán; hoặc bẻ việc này sao làm thế kia, hoặc hỏi việc kia sao làm thế này, chúa và Dương thái phi cũng thấy bị bó buộc quá, không thể chịu nổi.

Triều đình bàn nên xét công ban thưởng, để tỏ rõ sự đền ơn, khiến cho họ đều được mãn nguyện; rồi sau đó sẽ dùng phép vua mà trừng trị dần dần. Chúa cho là phải, bèn sai các quan bàn định về công giúp đỡ tôn phò nhà chúa. Phong cho Bằng Vũ là Suy trung dực vận công thần, tước hầu, coi đội quân chầu chực ở nội cung. Quận Viêm, Quận Hoàn cùng bọn Nguyễn Kiêm, Gia Thọ, Dự Vũ đều được phong làm Tuyên lực công thần và theo thứ bậc khác nhau, đều được thăng chức tất cả. Riêng ba chục người nhóm họp ở chùa Khán Sơn lại còn được ghi tên vào sổ trung nghĩa và cho thăng thưởng thêm. Ngoài ra, các quân lính thủy, bộ, trong, ngoài đều được thăng chức một lần, đồng thời được ban tiền thưởng tùy theo công trạng nhiều hay ít. Triều đình lại cấp cho họ những đạo sắc bỏ trống chỗ để tên người, họ có thể nhượng lại cho kẻ khác mà lấy tiền để hưởng được ơn huệ thực sự.

Sau khi quân lính đã nhận thưởng đâu vào đấy, chúa bèn dụ họ ai nấy đều tuân theo pháp luật để cùng vui hưởng thái bình.

Bấy giờ, quân lính đều răn bảo nhau rằng:

"Cánh mình đã phò lập ông ấy làm chúa, thì cũng đừng nên quấy nhiễu quá để cho ông ấy được biết cái thú vui làm chúa. Rồi xem sau này dần dần thuận cảnh ông ấy cư xử ra sao? Nếu ông ấy càn rỡ quá đáng, thì lúc bấy giờ sẽ liệu cách mà trừng trị. Chúng mình đằng nào cũng không mất quyền làm lính kia mà!".

Rồi từ đó, họ cũng bớt làm bậy.

Chúa được yên ổn đôi chút, liền đưa những người thân tín cũ vào các chỗ trọng yếu. Lấy tả tư giảng Nguyễn Khản làm tham tụng; cậu là Khuông Thọ hầu Dương Khuông làm quyền phủ sự.

Nguyễn Khản người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, là con Xuân quận công Nguyễn Nghiễm. Khản sinh ra là một trang phong lưu công tử, thi đỗ rất sớm, theo phò Thịnh vương từ lúc chưa lên ngôi chúa, được vương rất đỗi yêu mến. Kịp đến khi vương lên ngôi, Khản lại càng được tin dùng, được ra vào trong cung cấm, y như các viên nội giám.

Tính Khản hào hoa, trong lâu đài không mấy khi dứt tiếng sênh

ca, hoặc tiếng ngâm thơ, đánh đàn để mua vui. Người ta thường xem Khản là bậc phong lưu đại thần. Tại đình Kim Âu nơi Khản ở, có đủ cả nước, non, trúc, đá, cảnh trí hết sức thú vị. Thịnh vương hay ngự chơi nhà Khản, thường ban thưởng rất nhiều.

Trước Khản làm tả thị lang sung chức bồi tụng, với Xuân quận công cùng ở trong chính phủ. Sự yêu quý của chúa đối với Khản hồi ấy, thật là có một không hai trong hàng các quan văn võ.

Sau đó, Khản được đổi làm trấn thủ Sơn Tây và kiêm cả trấn thủ Hưng Hóa. Đến khi xảy ra vụ án năm Canh Tý, tội Khản đáng phải chết, nhưng Thịnh vương nghĩ thương tình, đặc cách cho giảm nhẹ, chỉ bắt giam ở nhà Quận Châu. Hồi ấy Quận Huy và Thị Huệ cũng muốn tìm cớ đưa Khản đến chỗ chết. Nhưng Khản biết ý đã làm một bài Tự tình khúc bằng chữ Nôm, kể hết những sự đãi ngộ quý mến ngày xưa, rồi nhờ người lén đưa giấu cho chúa. Chúa xem bài đó, động lòng thương, nhờ vậy Khản mới thoát chết.

Kịp đến khi thế tử Tông lên ngôi. Khản lại được phục chức về ban cũ, rồi thăng chức Thượng thư bộ Lại, tước Tán quận công.

Nguyên ngày đi đánh dẹp phương Nam, Khản làm tham lĩnh trấn Nghệ An, kiêm trông coi về lương hướng của quân lính; Khản có dung túng cho người nhà quấy nhiễu xứ ấy. Nên bây giờ thấy Khản được phục chức, thì bọn lính xứ Nghệ lại lôi cái oán cũ ấy ra. Họ nhao nhao bảo nhau: "Lão ấy là người xa xỉ, phóng túng, năm xưa đã từng gieo rắc bao nhiêu tội ác cho trấn ta, ta kiện nhưng không được xử. Nay lão ấy lại làm quốc sư, rồi để lão ấy lại làm tể tướng nữa thì dân chịu sao nổi? Chi bằng chúng ta mỗi đứa cho một quả đấm cho xong đời lão ấy đi!"

Nhưng rồi trong bọn lại có kẻ đứng ra khuyên giải, nên Khản mới được vô sự.

Dương Khuông là em ruột Dương thái phi, người rất dung tục bỉ ổi, không có tài năng gì hết. Vụ án năm Canh Tý, tôi tớ, họ hàng, bè đảng nhà thế tử Tông đều bị tai vạ, riêng Khuông nhờ ngu si mà được hưởng phúc thái bình.

Khi thế tử mới lên ngôi, Khuông liền được giao cho trông nom cơ Trung uy, cùng với Dương thái phi nấp bên trong mà định đoạt mọi việc. Quân lính đã từng nhạo báng, rằng: "Cậu ấy thì có tài cán gì? Chẳng qua chỉ nhờ vào cái bóng của người mặc váy mà được như thế.

Nay vừa khỏi vòng cùng khốn, đã muốn vội giàu sang. Cũng ví như kẻ bị đói đã lâu, lúc gặp cơm thì ăn ngốn ăn ngấu rồi cũng đến nứt ruột ra mà thôi!".

Đến bấy giờ, thấy Khản và Khuông cùng vào chính phủ, lòng họ đều không phục. Tuy vậy, bọn họ cũng rất giảo quyệt, kẻ này oán nhưng kẻ kia lại ơn, sau lưng họ chê mà trước mặt họ lại khen, chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao?

Vả chăng những nhà có chức quyền trọng yếu thường thường chỉ nghe lời nói chuyện thái bình mà không nghe lời nói chuyện nguy biến. Việc gì cũng muốn mạnh bạo tiến tới, nhưng không biết ngoảnh nhìn mối lo về sau. Họ chỉ muốn nóng vội làm cho chóng được thái bình. Cho nên mới có những mưu kế sâu sắc, những lời bàn bạc kín đáo, mà việc cần kíp thứ nhất là đè nén bọn kiêu binh.

Tình cờ lúc đó, trong đám kiêu binh có bốn người lính giả lấy danh nghĩa đồng đội, ức hiếp người lái buôn Đông Hà để mượn thuyền. Việc này bị người đội trưởng phát giác và triều đình đem chém cả bốn. Bọn kiêu binh đều oán là hình phạt quá lạm. Nhưng vì họ đã trót tự mình phát giác ra, nên cuối cùng đành im.

Khản và Khuông thấy đám lính im lặng, cho là uy quyền đã được lập lại. Hai người mừng rỡ bảo nhau:

"Nhà nước đã sẵn có pháp luật. Nếu ta cứ giữ vững pháp luật như thế vài lần, thì dù chúng có kiêu cũng chẳng kiêu được!".

Bấy giờ có viên tri huyện Đông Thành là Mai Doãn Khuê, người làng An Toàn, huyện La Sơn, Khuê vốn là tay giảo quyệt ghê gớm trong trấn Nghệ An. Việc quân lính ngông nghênh làm bậy, phần nhiều đều do hắn xui giục. Vì muốn tâng công với triều đình, Khuê bèn mật báo với Tấn quận công Nguyễn Khản rằng:

– Triều đình cho rằng kiêu binh có thể dẹp được, nhưng không biết rằng họa lớn sắp xảy ra không thể nào ngăn nổi. Tôi nghe bọn lính bàn nhau: hoàng tự tôn [1] nguyên trước do họ đón về, nay hoàng thượng tuổi già, mà hoàng tự tôn cũng đã khôn lớn, họ muốn họp nhau tâu xin Hoàng thượng nhường ngôi cho cháu. Khiến cho ngôi vua ngôi chúa đều do tay quân lính dựng lên, để công của họ càng to thêm. Trong bọn họ lại có một số người cậy mình có công rồi tỏ ý

1. Hoàng tự tôn là cháu nối nghiệp của hoàng thượng, chỉ Lê Duy Kỳ, tức Chiêu Thống sau này.

oán vọng, họ muốn phò cho nhà vua thống nhất thiên hạ, để cướp lại quyền ở nhà chúa. Nếu kế ấy mà thành được, tôi e các ngài sẽ không còn đất mà gửi thân nữa.

Tán quận công đem lời ấy tâu lại với chúa. Chúa sai Doãn Khuê phát giác chuyện đó.

Khuê bèn vu cáo cho viên câu kê Siêu Thọ bá, cháu gọi Tứ Xuyên hầu bằng cậu, cũng có dự mưu.

Việc ấy được giao xuống tra xét thì không thấy bằng chứng gì hết. Nhưng triều đình vẫn cho là người tố cáo nói đúng, bèn đưa Siêu Thọ về giam ở quê quán.

Còn Doãn Khuê vì có công phát giác, được phong làm Khuê Lĩnh bá, cho cai quản toán lính chầu hầu ở nội điện. Khuê lại còn được kiêm chức giảng quan cho hoàng tự tôn và được ở luôn trong nội điện để dò xét công việc của ông hoàng đó.

Lại nói, hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ, [1] là con thái tử Lê Duy Vỹ đã mất.

Thái tử xưa vóc người đẹp đẽ, tư chất thông minh. Thấy nhà vua bị mất quyền, thái tử căm tức lắm, thường vẫn khảng khái nuôi chí thu phục lại quyền bính. Thái tử lại từng xem khắp kinh sử, yêu mến các nho sinh; nên hào kiệt trong thiên hạ không ai là không ngưỡng vọng. Trong lúc Thịnh vương còn là thế tử, chỉ vì tranh giành trên dưới mà vương có bụng ghét thái tử.

Khi ấy chính phi của Ân vương không có con trai, chỉ sinh được một gái tức là công chúa Tiên Dung. Tiên Dung được vương hết sức yêu chiều. Năm nàng mới mười tuổi, chính phi xin với vương gả cho thái tử để sau này nàng làm hoàng hậu. Vương bằng lòng.

Một hôm thái tử và thế tử cùng vào thăm Ân vương; vương mời ăn cơm và để con rể với con trai cùng ngồi một mâm. Chính phi thấy vậy liền nói rằng:

– Sao chúa lại được cùng ăn với vua?

Rồi bà ta bắt ngồi riêng ra mỗi người một nơi. Thế tử giận tái mặt lại, nhưng vẫn cắn răng không dám nói. Lúc tan tiệc trở ra, thế tử bảo với thái tử:

– Hai chúng ta sẽ phải một người sống, một người chết. Vua ấy cũng không nên đứng cùng với chúa này!

1. Trước tên là Duy Khiêm, hoặc Tư Khiêm.

Đến khi Thịnh vương lên ngôi chúa, liền lập mưu với gia thần là viên quan hoạn Thiều quận công Nguyễn Kim Đĩnh, [1] vu cho thái tử Vỹ thông dâm với cung nữ của Ân vương; rồi đem tội đó tâu lên hoàng thượng để bắt thái tử bỏ ngục.

Trước đó, trong giếng Tam Sơn ở mé sau điện bỗng có tiếng nổ như sấm. Thái tử dùng thuật số để bói, biết mình sắp gặp nạn, bèn đến nói với hoàng thượng. Hoàng thượng cũng lấy làm lo, vẫn phải luôn luôn cầu nguyện cho con.

Kịp tới ngày bị bắt, thái tử biết tai nạn xảy ra đến nơi, liền vào ẩn trong điện ngủ của hoàng thượng.

Quận Thiều dẫn toán lính trước tiên xông thẳng vào Đông cung, định bắt thái tử đã rồi mới tâu vua, nhưng tìm khắp cả Đông cung không thấy. Quận Thiều liền vào thẳng trong điện, kể tội thái tử cho vua nghe, rồi nói rằng:

– Tôi nghe nói thái tử náu ở chỗ ngủ của bệ hạ, xin hãy bắt giao cho tôi.

Hoàng thượng ôm mãi lấy thái tử không nỡ rời ra. Quận Thiều cũng cứ quỳ mãi ở giữa sân điện.

Thái tử tự biết mình không thể thoát được, liền lạy trước mặt hoàng thượng, rồi ra cho quân lính trói.

Sau khi giải về phủ chúa, thái tử bị truất xuống làm dân thường và bị giam vào ngục. Rồi Thịnh vương ép hoàng thượng lấy người con thứ tư là Lê Duy Cận làm hoàng thái tử.

Được ít lâu sau, Quận Thiều lại sai tay chân vu cáo cho hai nho sinh thi đỗ ở làng Đan Luân là Nguyễn Huy Sưởng [2] và Lương Giản, [3] rằng hai người này âm mưu cướp thái tử ra khỏi ngục để cùng dấy quân làm loạn. Việc này được đưa xuống các quan bàn bạc, và bắt Sưởng để tra xét. Giản khi ấy đã kịp bỏ trốn. Còn Sưởng bị đánh đau quá, không chịu nổi roi vọt, đành phải nhận liều. Thế là thái tử phải ghép vào tội thắt cổ.

Ngày hành hình, bầu trời tự nhiên tối tăm, giữa ban ngày mà chỉ

---

1. Chính tên là Phạm Huy Đinh, người xã Cao Mỗ, nay là xã Kim Bôi, huyện Tiên Hưng, Thái Bình.

2. Chính là Vũ Bá Sưởng người làng Đan Luân, nay thuộc Bình Giang, Hải Dương.

3. Người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn, nay là Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

cách nhau gang tấc cũng không trông rõ. Chừng hơn một khắc mới lại sáng sủa. Già, trẻ, trai, gái trong thiên hạ, không ai là không rơi nước mắt. Họ đều cho rằng đó là việc trái ngược nhất, bi thảm nhất từ xưa đến nay. Hôm ấy nhằm ngày 20 tháng Chạp, năm Tân Mão, niên hiệu Cảnh Hưng (1771).

Sau khi giết thái tử, Thịnh vương bắt đầu có chí thống nhất đất nước, định bắt cả ba con của thái tử giam vào một nơi. Một hôm, chúa tắm gội ăn chay, rồi ngự ra hồ để cầu thần báo mộng. Đang đi, chợt thấy trước mặt có một cái kiệu, trên kiệu có một người ngồi chỉnh chệ, nhìn kỹ thì té ra đó là thái tử Vỹ. Chúa truyền hỏi quân lính có ai trông thấy xe kiệu gì ở trước mặt không. Quân lính đều nói không thấy. Chúa lo lắm, liền sai quay ngay về cung. Đêm ấy, chúa đang nằm trong màn, bỗng thấy một người đầu đội khăn hồng, mình bận áo đỏ, tay cầm một chiếc mái chèo, vạch màn ra rồi đứng ở đầu giường trừng mắt nhìn mình. Chúa vội hỏi ai thì người ấy đáp rằng:

– Ta là Duy Vỹ đây!

Chúa cả sợ, bấy giờ mới biết đó là linh hồn của thái tử Vỹ.

Nguyên khi thái tử bị bắt thì một người đàn bà trong cung bế con của thái tử chạy trốn về phía tây, và ngủ nhờ nhà một người dân ở làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm.

Người dân này đêm trước đã mơ thấy có người bảo rằng: "Mày phải quét rửa nhà cửa, sân sướng cho sạch sẽ, thiên tử và thái hậu sắp sửa tới nơi?" Tỉnh dậy hắn ta nghĩ bụng: "Mình là nhà dân, đâu được cái may mắn có các bậc chí tôn ngự tới?" Rồi suốt ngày hôm đó, hắn ta chắp tay đứng đợi ở ngoài cổng; nhưng đợi mãi mà vẫn chả thấy một ai. Đến xẩm tối, mới thấy một người đàn bà bồng con xăm xăm tiến đến trước cổng xin ngủ nhờ; hắn ta liền đón ngay vào trong nhà và mời ngồi lên chiếc phản cao nhất. Sau khi đã kể qua câu chuyện chiêm bao cho người đàn bà nghe, hắn ta lại nói:

– Cứ theo giấc mộng đêm qua của tôi như thế, thì bà và cậu đây hẳn phải là dòng dõi quý tộc: Nếu không phải thân thích nhà vua, ắt cũng là họ hàng nhà chúa!

Người đàn bà đó chính là cung phi họ Nguyễn, nghe nói, vội gạt đi mà rằng:

– Câu chuyện chiêm bao, có gì là bằng cứ. Bác đừng nói nhảm, đó là việc chết người chứ không phải chuyện chơi đâu!

Ngay sớm hôm sau, mẹ con lại từ giã chủ nhà mà ra đi. Nhưng chẳng bao lâu, bị người ta dò theo tung tích bắt được, đưa về an trí ở trấn Sơn Tây, rồi lại bị giải về kinh đô và giam ở ngục đề lĩnh.

Kịp đến khi quân lính phò thế tử Tông làm chúa, thì hoàng tôn (Lê Duy Kỳ) đã 17 tuổi. Nhân dịp ấy, quân lính bèn mang luôn kiệu tới nhà giam đón hoàng tôn về điện.

Hoàng tôn mặt rồng mắt phượng, tiếng nói như chuông, quân lính thấy vậy đều khen: "Thật đúng là bậc thiên tử!"

Bà nội thế tử Tông xưa nay vốn thân với thái tử Lê Duy Cận. Thấy hoàng tôn về, bà ta sợ thái tử Cận mất ngôi, liền sai người giả vờ mời hoàng tôn vào chầu cung Huỳnh, để lừa bắt hoàng tôn đem dìm xuống sông Nhị Hà. Lúc hoàng tôn vào cung, bà ta cho tay chân bức hoàng tôn phải nằm lên cáng rồi bí mật khiêng đi.

Khi qua Hồ Sen, hoàng tôn nằm trong cáng kêu gào ầm ĩ; lính canh nghe tiếng, quát phải đứng lại. Phu cáng và tên đi theo bỏ chạy tứ tung, nhân đó hoàng tôn được thoát nạn. [1]

Bấy giờ Cận nghe được chuyện đó, liền vào phủ hầu chúa.

Thấy kiệu thái tử để ở ngoài cửa phủ, quân lính đều tức giận nói:

– "Ngôi vua lại có thể cầu may mà được à? Để chi cái của này để hắn tiện đường chạy chọt làm những việc bậy bạ!"

Rồi họ phá tan chiếc kiệu. Thái tử Cận hoảng sợ phải ăn mặc giả làm thường dân mà lẻn về cung.

Chúa biết việc đó là do ở nơi bà mình gây ra, bèn dụ quân lính không nên làm ồn ào. Rồi lập tức sai triều đình bàn định việc dựng hoàng tôn Kỳ lên ngôi Đông cung, cho được yên lòng ba quân.

Chúa ép thái tử Cận phải nhường ngôi và giáng phong làm Sùng Nhượng công.

Thế là hoàng tôn Lê Duy Kỳ được lên ngôi làm hoàng tự tôn. Hoàng thượng liền sai đặt ra các giảng quan để trông nom việc học hành. Công phu dạy dỗ ấy, ngày tháng thêm nhiều mãi. Do đó mà cái tiếng thánh hiền nhân hiếu của hoàng tôn được đồn vang khắp cả

---

1. Theo *Cương mục* thì hơi khác: bà nội Tông sai hoạn quan Liêm Tăng ép Kỳ tới chầu hầu để bí mật giết chết. Kỳ chối không được, vừa khóc vừa đi. Do đó, quân lính phát hiện được la hét đòi tra ra kẻ chủ mưu. Họ tìm Liêm Tăng không thấy, có ý ngờ cho Cận chủ mưu.

trong ngoài. Cũng do đó mà quân lính mới có cái mưu tôn phò cho hoàng tôn lên làm vua.

Đến khi Doãn Khuê tố cáo, tuy tra xét không thấy có bằng chứng gì, nhưng cuối cùng chúa cũng vẫn ngờ.

Một hôm, quân lính họp nhau, đem việc đón rước hoàng tôn ở nhà giam ra tâu lên hoàng thượng, để kể công và xin được ban ơn. Hoàng thượng cho ba quân vào lạy ở sân điện Vạn Thọ, tuyên chỉ úy lạo họ. Rồi truyền cho viên tả phiên lại sai người đánh cá hồ sen lên, chọn lấy cá trắm làm gỏi thết đãi cả bọn. Sau đó mới từ từ bàn đến cách thưởng công cho họ.

Lúc quân lính ngồi dự yến tiệc ở trên điện, có kẻ chạy đi báo tin với chúa. Chúa cho đòi ngay Quốc sư Nguyễn Khản, Quốc cữu Dương Khuông vào phủ và bảo:

– Cái mưu tôn phò của bọn kiêu binh thật là giấp không thể tất được! Hiện giờ chúng nó đang tụ hợp trên điện nhà vua. Vậy ta nên làm thế nào?

Quốc sư Nguyễn Khản đáp:

– Xin cho bắt mà giết đi!

Chúa bèn sai viên đầu hiệu đội Nhưng nhất là Triêm Vũ hầu [1] đem quân đội quân Phong Vân đến vây bắt.

Gã Triêm Vũ hầu này người làng Phú Hoa, huyện Yên Lãng, thi đỗ tạo sĩ, dáng người hùng vĩ, có can đảm lại có sức khỏe. Sau khi vâng mệnh chúa, Triêm Vũ hầu liền xách gươm mà nói: "Gươm sắc lắm! Gươm sắc lắm! Chém được đầu kiêu binh đây!". Tiếp đó gã dẫn quân xông thẳng lên trên điện, vây lấy chỗ bọn kiêu binh đang tụ họp ăn uống.

Ba quân đang mải chè chén, thấy có lính đến vây bắt thì đều hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Triêm Vũ hầu và đội quân Phong vân đuổi bắt được bảy tên, đem giải về phủ chúa.

Chúa lập tức cho vời các quan tới để bàn cách xử trí. Các quan tới đông đủ, đem cả bảy tên ra tra hỏi. Bảy tên cứ thực tình khai hết, không có âm mưu gì khác cả. Các quan họp bàn đều có ý che chở cho họ. Riêng quốc cữu Dương Khuông lại quả quyết mà rằng:

– Không phải hỏi tội trạng nào cả! Chỉ cái thói bay tụ họp mà

1. Tên là Nguyễn Triêm.

không chừa cũng đáng xử chém rồi, còn phải bàn bạc làm gì nữa? Bọn chúng cứ cậy đông người mà ngông nghênh, không thể một lúc giết cho hết được. Nhưng hễ đứa nào phạm tội thì quyết không dung tha. Ví như cả bó đũa thì không thể nào bẻ gãy được, nhưng nếu cứ rút riêng một hai chiếc ra mà bẻ, thì lâu dần rồi cũng phải gãy hết. Hôm nọ chém bốn đứa đó, thế là chịu chết bốn đứa, có thấy chúng nó bắt đền được ai đâu?

Quốc sư Nguyễn Khản cũng nói thêm:

– Lời bàn của quốc cữu thực là có lý. Các quan cứ nên theo luật mà thi hành.

Các quan bèn chiếu theo điều luật "vào trộm hoàng thành" mà xử cả bảy tên vào tội bêu đầu.

Tờ khải dâng lên, chúa sai đem tội phạm ra chém ngay hôm đó. Trong triều ngoài phố, ai cũng lấy làm hể hả. Bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng (1772).

Sau vụ bảy kiêu binh bị giết chết, ba quân thảy đều đem lòng oán giận. Họ lại họp nhau bàn bạc.

Một người trong bọn nói:

– Ngày nay được có triều đình này, khiến cho chúa tôi ngồi yên mà hưởng phú quý, đều là do công sức của chúng mình cả. Thế mà, họ chẳng ơn thì chớ, lại còn cho là kẻ thù, động một tí là bị đè nén. Nếu chúng ta cứ chần chừ nín nhịn mãi khiến cho cái mưu "bẻ đũa" của họ thành được, thì rồi bọn mình sẽ không còn người nào sống sót đâu!

Một người khác lại nói:

– Chúng ta không biết bẻ, chỉ biết "đả" thôi! Mau mau mỗi người một đấm, đưa ngay chúng đi theo Quận Huy, xem chúng nó còn bẻ được nữa hay không?

Rồi họ hẹn nhau đến hôm sau, vào lúc tan chầu thì sẽ khởi sự.

Có kẻ đem việc đó mật báo với các quan trong triều. Các quan nửa ngờ, nửa tin. Sớm hôm sau, Quốc cữu Dương Khuông và Triêm Vũ hầu đi lén vào trong phủ. Còn Quốc sư Nguyễn Khản thì đóng cửa nằm nhà, không dám vào triều. Tan chầu, quân lính chia nhau đi bủa vây các dinh thự. Vào nhà Dương Khuông và Triêm Vũ hầu, không thấy hai người, quân lính tức thì hò nhau phá nhà. Chỉ trong chốc lát, cả hai dinh đó đều bị san thành đất bằng.

Riêng ở dinh Quốc sư Nguyễn Khản, có một thủ hạ là người khách phương Bắc, [1] vốn rất giỏi thuật đánh kiếm. Nghe tin có biến, hắn vội tuốt gươm ra đứng giữ ở cổng. Quân lính nom bộ dạng người khách phương Bắc, ngờ ở trong còn nhiều tay kiếm khách khác, nên không dám vào. Nhưng lâu lâu, họ thấy ra ra vào vào vẫn chỉ có một hắn ta; tức thì cả bọn liền sấn ngay vào sát cổng. Người khách múa gươm ra đánh, chém bị thương vài người, quân lính kéo ùa vào, vằm hắn ta nát như bùn. Rồi họ xông thẳng vào trong dinh; lúc ấy Khản đã thay đổi quần áo, theo đường tắt chạy ra cửa ô Trường Bần mà trốn đi rồi. Quân lính lập tức phá tan dinh của Khản.

Chúa nghe tin dinh thự của Quốc sư Nguyễn Khản có người canh giữ, cho rằng Khản đã phòng bị, chắc không việc gì; bèn sai một hiệu quân đến ngay đó để phân giải. Nhưng lúc quan quân tới nơi thì Khản đã bỏ trốn, dinh thự đã bị phá gần hết.

Sau đó, đám kiêu binh lại kéo về phủ báo với chúa rằng:

– Quốc sư mang quân ra ngoài làm loạn, xin chúa cho người đuổi theo!

Chúa bất đắc dĩ phải sai viên thị thần là thiêm tri binh phiên Thoan Trung hầu đem quân đuổi theo Khản; nhưng lại dặn ngầm là cứ đi từ từ để cho Khản chạy thoát. Thoan Trung hầu đuổi đến ô Cầu Giấy không theo kịp Khản, lại quay trở về.

Quân lính giận Thoan Trung hầu không chịu đem hết sức ra đuổi, liền kéo đến phá luôn nhà hắn ta.

Thoan Trung hầu cũng phải chạy trốn nốt.

Quân lính không bắt được hai viên quan ấy, lấy làm căm tức lắm. Sau khi dò biết Quốc cữu Dương Khuông và Triêm Vũ hầu lẩn trốn trong phủ chúa, họ bèn chia nhau chắn kín cửa phủ, rồi cho một toán xông vào bên trong, đòi chúa phải đưa hai viên ấy ra cho họ.

Chúa nói dối rằng:

– Không thấy ai trong này cả!

Quân lính đều nhao nhao:

– Chúng trốn vào phủ, đã có người trông thấy rõ ràng. Người ta còn nhớ cả giờ chúng đi vào nữa, thế mà chúa còn chối à? Xưa nay há lại có chuyện vua chúa chứa giặc ở trong cung bao giờ?

1. Chỉ người Trung Quốc lúc bấy giờ.

Dương thái phi vừa khóc vừa dỗ dành các quân lính rằng:

– Cái thân góa bụa may nhờ có ba quân phò chúa mới được như thế này! Nay chỉ còn có một đứa em, xin ba quân hãy tha mạng nó, để cho được trọn vẹn cái ơn xương thịt.

Đám kiêu binh thét lên:

– Tha mạng cậu ấy à! Thế hôm nọ bảy mạng người chết, ai tha? Nếu còn cố giấu, cung khuyết sẽ ra tro ngay lập tức, cái đó chắc cũng không hay ho gì!

Thái phi bèn ngồi sụp xuống đất, chắp hai tay lại vái lạy, van xin.

Các quân lính lại nói:

– Không nói chuyện với đàn bà. Chỉ hỏi nhà chúa thôi!

Chúa nói:

– Bức bách nhau thế này, thà đừng làm chúa còn hơn!

Quân lính nói:

– Tưởng rằng muốn làm chúa nên mới lập, chớ nếu không muốn thì có ai ép?

Một người nữa hùa theo nói:

– Bẻm mép thế! Thôi, hãy xuống khỏi bệ đi! Chúng tôi mời Thụy quận công đến là khắc yên chuyện.

Chúa hoảng sợ, không dám ho he gì nữa.

Lúc ấy trời đã sắp tối, bọn quân lính đều tản ra về, và họ còn nói thêm:

– Bắt chúng nó cũng ví như bắt cá. Nước sâu thì cá còn lặn; đến mai tháo cho cạn nước, xem chúng nó có thể bay lên trời được không?

Đêm ấy, kiêu binh canh giữ cửa phủ rất chặt chẽ.

Chúa bàn với thái phi rằng:

– Khí thế của chúng như vậy, không thể dùng lời nói suông mà giảng giải được đâu. Cần phải mất nhiều của đấm mõm cho chúng nó, may ra mới xong, nếu không, thì phải xoay kế khác...

Thái phi đáp:

– Nghe nói có tên Nhuyễn Thọ, biện lại đội Nhưng nhất là một đứa giảo quyệt, bọn kiêu binh làm gì cũng phải hỏi mưu nó.

Sáng mai, chúa bèn cho người ra dụ Thọ, ngỏ ý đút lót, bảo Thọ hễ nhận thu xếp việc này, sẽ giao một vạn lạng bạc, ba vạn quan

tiền, cho y mặc sức muốn làm gì thì làm, không cần hỏi đến. Lại hứa thêm rằng: "Nếu làm xong việc, sẽ còn có trọng thưởng nữa".

Nhuyến Thọ trong bụng đã ưng, nhưng còn làm bộ khó khăn mà rằng:

– Bọn họ muôn người muôn miệng, khó mà nói năng được với họ. Vả chăng, hễ đã ngỏ ý đút lót thì thế nào họ cũng sinh ngờ vực. Rồi ngộ nhỡ lúc ấy lại có một vài người bàn ngang vào nữa, làm cho cơn giận của họ bốc lên, thì lưng tôi phỏng chịu được mấy đấm?

Người của chúa sai đến vẫn cố kèo nài. Nhuyến Thọ ngần ngừ đáp:

– Nếu vậy để tôi lựa chọn lấy mấy chục người hung hăng, táo tợn nhất, đem tình thực ra bàn với họ, rồi bảo họ phụ họa thêm với tôi. Nhưng khi bàn bạc, giả sử mấy chục người này có đòi thêm điều gì, thì tùy nhà chúa thương lượng lấy; tôi chỉ xin đứng ra làm kẻ dàn xếp thôi. Còn như cái khoản tiền bạc công cộng kia, cũng xin đợi đến lúc quân lính tập hợp đông đủ đã. Bấy giờ nhà chúa sẽ tự ngỏ lời trước; tôi và mấy chục người này ở bên cạnh hùa thêm vào, như thế việc mới có thể thành được!

Người ấy về nói lại với chúa. Chúa bằng lòng, liền sai đưa riêng Nhuyến Thọ một ngàn lạng bạc để hắn phân phát.

Gần chiều, quân lính lại tụ họp và tiến sát vào tận trong phủ chúa và thái phi lại phải ra dỗ dành. Bọn lính nói:

– Việc gì mà phải lắm mồm! Cứ vào trong cửa cấm lùng khắp tòa phủ, rồi túm búi tóc lôi ra, hỏi hắn xem cái nắm đũa ấy còn có thể bẻ được mấy chiếc nữa?

Chúa nói:

– Ba quân làm như vậy thì có sướng gì, chẳng qua chỉ thêm bẩn tay mà thôi! Nay quả nhân có chút quà mọn là một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, xin đưa để khao thưởng ba quân, mong ba quân hãy nghĩ lại mà tha thứ cho hai cái mạng nhỏ bé đó!

Đám kiêu binh đáp:

– Chúa còn tiếc hai người đó, rồi sẽ thấy phủ đường cũng không giữ được lâu. Bọn tôi cần gì số tiền bạc ấy!

Giữa lúc họ đang nhao nhao, Nhuyến Thọ bỗng vượt lên phía trước và nói:

– Nhà chúa là bề trên đã phải chịu nhũn như vậy; các anh em không nên ăn nói cạn tàu ráo máng quá!

Tiếp đó bọn mấy chục người kia cũng mỗi người một câu phụ họa thêm vào. Rút cục lính tráng ai chẳng hám lợi, họ bèn dịu giọng mà rằng:

– Đã thế, thì hãy tha cho em ruột thái phi. Còn Triêm Vũ hầu là người giữa trời, bọn tôi phải xin mỗi người một miếng thịt để nhắm rượu, rồi sẽ tan về ngay tức khắc. Nếu không, thì dẫu có số tiền ấy cũng chẳng làm cho ba quân nguôi giận được.

Chúa nói:

– Tha thì tha cả. Sao còn tách bạch người nọ người kia?

Quân lính nói:

– Nhà chúa nếu còn quanh co che chở cho Triêm Vũ hầu; bọn tôi khi "máu đã nhập tim" [1], thì ngay cả quốc cữu cũng không tha nữa!

Nguyên hôm trước Triêm Vũ hầu trốn vào phủ, lẩn ở trên gác Kỳ Lân vẫn dùng đôi kiếm để giữ mình. Trong lúc bọn quân lính đòi giết, Triêm Vũ hầu bụng bảo dạ: "Nếu chúng không nghe nhà chúa điều đình, mà cứ xông vào bắt ta, thì phải đứng trên thang chém lấy dăm ba cái đầu của bọn chúng, chứ ta không chịu chết một mình!".

Đến lúc này việc đã gấp quá, chúa bèn sai người đến dỗ Triêm Vũ hầu rằng: "Bây giờ xã tắc nguy nan như treo trên sợi tóc, nhà chúa không thể cố giấu tướng quân được nữa. Vậy xin tướng quân hãy vì chúa chớ tiếc cái chết, để cho nhà chúa được yên. Đó là công muôn đời của tướng quân...!"

Triêm Vũ hầu bất đắc dĩ phải trèo thang xuống ra mắt chúa mà nói:

– Chết thì chết, thần xin hai tay kiếm tung hoành với chúng nó một trận, giết gọn lấy vài trăm đứa, cho hả bớt cơn giận của nhà chúa!

Chúa nói:

– Như thế, chỉ làm cho thái phi kinh sợ, mà quả nhân cũng chẳng được yên nào!

Triêm Vũ hầu quẳng hai thanh gươm xuống đất nói:

– Bó tay mà chịu như thế, thần đành chết uổng vậy!

Chúa khóc mà từ biệt Triêm Vũ hầu. Rồi lại hứa với Triêm Vũ hầu rằng, sau khi y chết, sẽ cấp cho một ngàn khoảnh ruộng làm của nối đời và phong cho làm phúc thần, bắt dân mười làng thờ cúng.

---

1. Do câu tục ngữ: *"Máu nhập tim, nhà lim cũng nhỏ"*.

Triêm Vũ hầu đáp:

– Thần chỉ vì chúa mà chết, đâu phải cầu mong tước lộc? Xin chúa hãy ra sức tăng thêm uy quyền, xoay loạn làm trị, thì thần dẫu chết, xương vẫn không mục nát!

Chúa bèn tự tay viết sáu chữ: "Trung nghĩa tráng liệt đại vương" đưa cho Triêm Vũ hầu. Triêm Vũ hầu quỳ xuống nhận mảnh giấy đó, vê tròn, nuốt vào bụng, rồi lạy tạ chúa mà đi ra. Khi qua điếm Tiểu Bút, Triêm Vũ hầu bị đám kiêu binh lôi kéo và hỏi:

– Gươm sắc của mày bây giờ thế nào?

Triêm Vũ hầu đáp:

– Tao không thể dùng thanh gươm đó chém đầu chúng bay là theo mệnh chúa và vì xã tắc đó thôi. Nhưng mà, chẳng lâu gì đâu, tao chết rồi, sẽ có người khác đến chặt đầu lũ chúng bay. Đến lúc ấy, chúng bay sẽ biết gươm có sắc hay không!

Quân lính xúm vào toan đánh Triêm Vũ hầu, gã cản lại mà rằng:

– Đây là nơi nghiêm cấm, không hành hung. Hãy để tao ra khỏi cửa phủ, ngồi yên đâu đấy, rồi tha hồ cho chúng bay muốn làm gì tao thì làm.

Đoạn gã bước khoan thai đến bên cạnh cầu đá, tìm chỗ, ung dung ngồi xuống và bảo bọn quân lính:

– Nào, bây giờ chúng bay làm gì tao thì làm đi!

Đám kiêu binh lấy gạch đá đập mãi vào đầu Triêm Vũ hầu khiến máu chảy đầy mặt. Nhưng gã vẫn ngồi yên không cựa, khẽ lấy tay áo lau mặt, rồi vừa cười vừa nói:

– Bây giờ tao không thi đấu võ, nhưng vẫn còn thi can đảm! Thế mới lạ chứ!

Ngay đó, một tên lính đứng sau cầm giáo đâm thọc vào lưng gã, gã mới chết.

Triêm Vũ hầu chết rồi; quân lính vẫn chưa hết giận, lại vào buộc chúa phải xử lại vụ án vừa qua.

Chúa bất đắc dĩ phải giao việc đó xuống cho triều đình bàn định. Quốc sư, quốc cữu đều bị bãi chức làm dân thường. Bảy tên lính bị chém ngày trước đều được đền mạng.

Từ đó, kiêu binh lại càng ngông nghênh tợn. Tại các đường phố, họ cứ dắt tay nhau mà đi. Các vị công hầu gặp họ đều phải quay xe tránh sang lối khác.

Lại nói, Nguyễn Khản lúc mới phục chức, được làm trấn thủ Sơn Tây; đến khi vào làm tể tướng thì cho em ruột là Điền Nhạc hầu Nguyễn Cương [1] ra thay.

Hôm ấy, Khản lật đật trốn ra ngoài thành, dùng võng một đòn bắt hai người khiêng đi, nhằm hướng Sơn Tây mà chạy. Tới trấn; Cương ra đón vào trong dinh và hỏi duyên cớ. Khản đáp:

– Tục ngữ nói: "Quân bất trị". Thật là đúng lắm!

Rồi Khản đem đầu đuôi câu chuyện kể hết cho Cương nghe. Cương nói:

– Bây giờ việc đã như thế, anh định đối phó ra sao?

Khản vốn là hạng người xuềnh xoàng, không có cơ mưu, nghe em hỏi liền cười và đáp:

– Trừ ra có thuật quỷ thần, hễ thấy chúng nó họp nhau, tức thì theo đến mà ám ảnh, làm cho chúng nó đau bụng nứt ruột, như Tề Thiên Đại thánh bóp Hoàng My, [2] không biết đằng nào mà lần nữa, họa may chúng nó mới sợ. Chứ còn sức người thì không làm sao được!

Cương là kẻ có nhiều mưu mẹo khôn ngoan, liền nói với Khản:

– Tôi có một mẹo, có thể khiến cho chúng nó chết ráo.

Khản hỏi:

– Mẹo như thế nào?

Cương đáp:

– Ngày nay dân trong bốn trấn [3] đang oán ghét chúng nó đến xương tủy; nếu ai lấy danh nghĩa diệt kiêu binh để kêu gọi, thì chỉ cần hô một tiếng, không người nào là không hưởng ứng. Trấn này ở về miền thượng du, dân chúng thuần hậu dễ bảo. Trước kia anh làm trấn thủ Hưng Hóa, các tù trưởng địa phương đều là thuộc hạ của anh, anh bảo chắc họ phải nghe. Trên vùng Tuyên Quang, phiên mục Diễn quận công [4] giàu có nhất thiên hạ, năm xưa có tội được anh cứu giúp, ông ta hẳn còn nhớ ơn; nếu viết thư lên rủ, thế nào ông ấy chả

---

1. *Cương mục* chép là Nguyễn Điều. Có sách lại chép Nguyễn Điền.

2. Điển này lấy ở truyện *Tây du*.

3. Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Thời Lê, 4 trấn ở chung quanh kinh đô này được gọi là kinh trấn hay kinh lộ, là những nơi che chở cho kinh đô; ngoài kinh trấn lại có 9 phiên trấn hay phiên lộ như Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang v.v... là phên giậu che chở cho các kinh trấn.

4. Tức Hoàng Văn Đồng giữ mỏ đồng Tụ Long, Tuyên Quang.

theo. Ở trấn Sơn Nam, Quận Thạc [1] là tướng đánh trăm trận, vốn nổi tiếng là bậc vô địch. Rồi ở trấn Kinh Bắc thì Thần Trung hầu, [2] ở trấn Hải Dương thì Thái Đình hầu, [3] đều là những tay có mưu trí. Bây giờ hãy dùng mật lệnh nhà chúa, sai họ ngầm nuôi nghĩa sĩ, giữ vững dinh trấn, và nghe theo sự điều khiển của anh. Còn anh, vốn là một vị tể tướng lại kiêm chức sư phó, thì một lời nói ra khỏi miệng, trấn nào lại dám không tuân theo. Bên Kinh Bắc còn có hai tên tướng giặc đầu hàng là Tú Huy và Cai Hổ, đều là những tay dữ tợn, tinh khôn. Hiện chúng đang ở chỗ viên nội thần Nhật Trung hầu; nếu thả cho chúng và sai đi xui giục hai phủ Lạng Giang, Bắc Hà, [4] chắc cũng giúp cho mình được một tay. Trên Thái Nguyên lại có tên giặc già là Cai Già, thuở xưa đã từng làm môn hạ của anh, hẳn anh cũng có thể sai khiến được. Cả bấy nhiêu nơi ta hẹn nhau cùng ngày khởi sự. Phàm ưu binh [5] Thanh – Nghệ, hễ đứa nào ở các trấn ngoài đều phải trừ cho hết. Đứa nào trốn thoát, cho dân sở tại cứ bắt mà giết đi. Rồi thì bốn phương tám mặt cùng ập vào kinh thành, kiêu binh ắt sẽ không còn đường mà chạy nữa. Đó là một kỳ công muôn đời mới gặp, anh nên tính gấp đi!

Khản nghe xong, nói:

– Hay lắm! Nhưng nay chúa còn đang ở trong tay chúng; ném chuột lại có thể không kiêng đồ vật được ư. [6]

Cương nói:

– Đó là việc rất dễ: Trước hãy sai người trình với chúa, bí mật lấy hết vàng bạc, của cải trong kho, phân tán ra các trấn; thái phi, vương tử và các cung tần cũng lén đưa cả ra ngoài thành, hễ gặp chỗ nào tiện thì hãy ở tạm. Sau đó ngầm báo cho Quận Thạc đem thuyền chở quân đến bến Thanh Trì, nói phao là đi tuần sông, rồi giấu kín một chiếc đò ngang, đợi sẵn ở bến Tây Long. Còn chúa thì sẽ ăn mặc quần áo thường dân, cất lẻn xuống chiếc thuyền ấy đi xuôi đến dinh

1. Tức Hoàng Phùng Cơ.

2. Tức Trương Tuấn.

3. Tức Trịnh Tự Quyền.

4. Đều thuộc Bắc Giang.

5. Thời Lê Trung hưng, kén lính ở 3 phủ thuộc Thanh Hoa và 12 huyện thuộc Nghệ An để chuyên bảo vệ kinh thành. Loại lính này được ưu đãi hơn các lính nơi khác, vì thế gọi là *ưu binh*, hoặc cũng gọi là *lính tam phủ*.

6. Ý muốn nói diệt kiêu binh lại sợ vạ đến Trịnh Tông.

trấn Sơn Nam và tạm đóng tại đó. Xong đâu đấy, bấy giờ các trấn mới cùng khởi sự. Như vậy, thì không còn lo ngại gì nữa!

Khản mừng mà rằng:

– Không có chú, tôi không nghĩ được đến thế. Dẫu không thành cũng là một việc làm hả dạ!

Rồi Khản làm tờ mật khải đưa về cho chúa. Chúa mừng lắm, viết ngay tờ mật chỉ khen ngợi, đồng thời hẹn sẵn mọi việc. Tiếp đó, chúa mời thái phi cải trang và lẻn ra ngoài thành, đến tạm trú tại nhà người chồng bà dì thứ bảy của chúa ở làng Văn Giáp, huyện Thượng Phúc. Vương tử và các cung tần cũng đều theo cả đến đó. Một mặt chúa cho mở kho lấy hết vàng bạc châu báu, sai các thị thần thân tín ngầm đem ra, giao phó cho bốn trấn. Một mặt chúa cho hẹn với quan trấn thủ trấn Sơn Nam, đúng ngày 28 tháng ấy thì bí mật đến đón mình; lại hẹn với các trấn đúng ngày mồng một tháng sau thì các đạo sẽ cùng khởi binh cả một loạt.

Công việc sắp đặt như thế là xong.

Tới ngày hẹn, Quận Thạc theo lệnh chúa đem thuyền đến đón.

Khi ấy trong kinh hết sức nhốn nháo: người ta kháo nhau rằng quan trấn thủ Sơn Nam sắp đem quân vào thành, để giết hết kiêu binh. Đám quân lính nghe tin ấy đều hoảng hốt, ngầm cho vợ con gói ghém hành lý đem ra ngoài thành và trốn tránh đi các nơi, còn ở kinh chỉ để lại những người thuộc "quân tịch" mà thôi. Rồi chúng kéo nhau vào phủ chúa, xin chúa cấp tốc khởi binh đánh dẹp. Chúa bất đắc dĩ phải ra ngự ở Trạch Các để úy lạo ba quân. Trong đám kiêu binh, có kẻ biết mưu của chúa, liền mắng chúa rằng:

– Chúa đừng tưởng chúng tôi không biết mà hòng đem đầu lưỡi ra khua múa để che đậy. Từ đây theo cửa Tuyên Vũ đi ra, rồi đến bến Tây Long [1]; chẳng qua chỉ độ trăm bước đã có thuyền của Quận Thạc chờ đón sẵn sàng ở đó; trông trước trông sau, khi nào thấy không có người, thì bước lên thuyền cho nhanh rồi tìm đường mà đi chứ gì!

Chúa biến sắc mặt, nín lặng quay vào.

Từ hôm ấy, quân lính canh giữ phủ chúa rất ngặt. Những người nào ra vào, hễ hơi có vẻ khang khác là bị họ khám xét tra hỏi liền.

Vì vậy, chúa không dám ra khỏi cung. Quận Thạc nghe tin, lại

---

1. Tục gọi là Tây Luông, ở thẳng phía sau nhà hát thành phố Hà Nội bây giờ.

rút quân về trấn của mình.

Chúa sai người ra báo lại với các trấn hoãn ngày khởi sự, nhưng chưa kịp đến thì các đạo theo đúng hẹn cũ đã rầm rộ kéo quân lên đường. Thiên hạ cực kỳ náo động. Hào kiệt các nơi đồng thời nổi dậy, ai ai cũng nói phải tiêu diệt hết kiêu binh.

Ngày hôm đó, hết thảy kiêu binh hai xứ Thanh, Nghệ đóng ở các trấn đều phải bỏ trốn, lúc đi qua làng mạc chúng không dám lên tiếng. Hễ kẻ nào buột miệng lòi ra thổ âm Thanh – Nghệ, tức thì bị dân chúng bắt giết ngay. Bọn chúng phải luôn luôn giả cách làm người câm, ăn xin dọc đường, rồi lần mò về kinh, báo cho đám kiêu binh ở đây biết cái tin nay mai quân các trấn sẽ về họp ở dưới thành.

Được cái tin này, bọn kiêu binh tức thì họp nhau bàn cách chống cự. Rồi họ chia nhau thành các đạo kéo đi. Nhưng đạo phía Tây mới kéo ra đến Đại Phùng, đạo phía Bắc mới kéo đến cầu Vịnh thì đã bị ngay các tay thổ hào địa phương đánh thua. Họ phải bỏ cả khí giới, cố mang vết thương mà chạy về kinh.

Bấy giờ kinh thành chấn động, dân hàng phố kẻ chợ đều dắt díu bồng bế nhau ra ngoài thành chạy trốn.

Đám kiêu binh vừa sợ vừa tức, gọi chúa là giặc. Rồi họ kéo vào trong phủ, lấy hết binh khí, chia cho cơ đội các dinh nắm giữ. Phủ chúa lúc ấy không còn một tấc sắt nào để tự vệ.

Đêm hôm ấy, kiêu binh bắt được bốn tay nghĩa sĩ lẻn vào thành; họ liền bí mật đem đến hội sở của họ để tra hỏi. Mấy tay nghĩa sĩ đau quá, khai liều rằng đêm nay quân ở ngoài sẽ vào đánh úp. Đám kiêu binh cả sợ, bèn bảo nhau phòng bị nghiêm ngặt. Súng nhồi sẵn mồi lửa, gươm tuốt khỏi vỏ, suốt đêm họ hò hét, đi lại rầm rập, kinh thành hầu như sắp vỡ.

Sớm hôm sau, họ đem chém cả bốn nghĩa sĩ, rồi xúm quanh phủ chúa mà trách rằng:

– Nhờ có chúng tôi tôn phò, chúa mới được lên ngôi. Nay Chúa lại coi chúng tôi là kẻ thù. Lính Thanh – Nghệ hai trăm năm nay vẫn là nanh vuốt cật ruột của nhà chúa. Bây giờ chúa lại nỡ dấy quân bốn trấn về giết hại lính hai xứ chúng tôi. Tin da dẻ mà ngờ cật ruột, giơ dao cưa để cắt nanh vuốt, kẻ nào bày ra mưu ấy đều là những kẻ bỏ thuốc độc cho chúa. Nếu chúa không mau dụ bốn trấn bãi binh, thì đừng có trách chúng tôi là vô lễ!

Chúa một mực chối là không biết, rồi ngầm sai người bảo các trấn bãi việc ấy đi.

Đám kiêu binh không biết là chúa đã ngầm ra lệnh đình chỉ, nên vẫn còn nghi ngờ. Họ bèn tụ họp nhau, bàn làm chuyện đại nghịch. Hẹn đến canh ba đêm ấy, nổ ba tiếng súng Bảo Long làm hiệu, rồi cùng kéo vào phủ chúa để hành sự; sẽ lấy hết của cải đồ vật trong phủ chia nhau; sau đó lấy xe kiệu của chúa chở hết đồ nghi vệ cùng sổ sách đưa đến nội điện, rồi rước hoàng thượng về Thanh Hoa để mưu toan công việc sau này.

Thật là:

Áo cá [1] *hở hênh nên chẳng quyết,*
Lòng hồ [2] *cố chấp hóa ngờ nhau.*

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ TƯ

Nhờ ngoại viện, Hữu Chỉnh rửa thù thầy.
Tỏ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa

Lại nói, đám kiêu binh sau khi đã bàn định mưu mô xong, liền kéo nhau đến hỏi Trần Nguyễn Nhưng. Nhưng vốn quen làm giấy tờ cho đám quân lính; bèn lập ngay một bản điều ước, cắt đặt rõ người nào làm việc nào, rồi đưa cho họ. Sau đó, Nhưng lại tức tốc đem mưu ấy vào báo với chúa. Chúa cả sợ nói:

– Hôm qua ta ngồi ở cung Trung Hòa, có con quạ khoang bay xuống trước sân, vừa nhảy nhót vừa nhìn vào ta đến hai ba lần, như có ý muốn mổ. Ta phải sai thị thần lấy giáo ra xua mấy cái, nó mới

---

1. *Áo cá* dịch chữ "ngư phục". Sách *Thuyết uyển* chép: *Bạch long ngư phục, khốn ư Dự Thư*, nghĩa là: con rồng trắng cải trang làm con cá, bị người Dự Thư bắn trúng mất. Ở đây ý nói Trịnh Tông định cải trang làm thường dân để ra khỏi thành, nhưng mưu cơ bị lộ...

2. Bụng dạ loài cáo nham hiểm, hay nghi ngờ.

bay đi. Thấy điềm ấy, bụng ta đã biết chắc là có kẻ dưới đang mưu hại ta. Nay quả nhiên đúng như vậy. Bây giờ ngươi hãy nên vì ta mà giảng giải với họ, cho nó hợp với cái điềm "xua giáo" của ta.

Rồi chúa lại hứa cho Nhưng tiền bạc, để Nhưng ngầm phá mưu của quân lính.

Nhưng là một người nông nổi, được chúa tỏ ý khen thưởng, tin dùng, liền đi khoe ngay với người khác. Quân lính biết mưu của họ đã bị Nhưng tiết lộ, bèn lùng bắt, Nhưng phải trốn về vùng Thanh Hoa.

Chúa thấy Nhưng là kẻ đa tâm lại hay kiếm chuyện, nhân dịp hắn đi trốn, bèn cho làm chức ký lục ở Thuận Hóa.

Sau khi Nhưng đi rồi, thì vừa lúc ấy các trấn cũng bãi binh; vì vậy mưu của quân lính cũng thôi nốt.

Bây giờ lại nói về việc Nguyễn Hữu Chỉnh giong buồm ra biển vào Tây Sơn trong năm Nhâm Dần (1782).

Ấp Tây Sơn thuộc địa phận xứ Quảng Nam [1]. Xứ này phía Bắc giáp Ải Vân, phía Nam giáp Gia Định, phía Tây giáp Ai Lao, phía Đông giáp biển; bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

Ở ấp Tây Sơn có người họ Nguyễn tên là Văn Nhạc, tổ tiên nguyên là người Nghệ An. Khoảng năm Thịnh đức (Lê Thần Tông 1653 – 1657), quân nhà Nguyễn ra đánh Nghệ An, chiếm cứ được bảy huyện phía nam Sông Cả, rồi dồn bắt tất cả dân cư đưa về Nam cho sống ở vùng Tây Sơn. Tổ bốn đời của Văn Nhạc, chuyến ấy cũng bị bắt ở trong số đó.

Văn Nhạc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có. Nhạc từng làm biện lại ở Vân Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là Biện Nhạc. Biện Nhạc vì tiêu mất tiền công bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, Biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn. Một hôm, Biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi và loan báo ở dọc đường rằng đã bắt được chúa Tây Sơn tức Biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên trấn tướng mừng lắm, mở cửa cho vào, rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, Biện Nhạc phá cũi xông ra, cướp

1. Quảng Nam hồi ấy gồm cả các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi, Bình Định. Tây Sơn ở vào địa phận tỉnh Bình Định ngày nay.

lấy thanh gươm của tên lính canh ngục, chém chết tên ấy, phóng lửa đốt luôn dinh trấn, rồi giết nốt viên trấn tướng và chiếm lấy thành [1].

Bấy giờ chúa nhà Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần (tức Định vương) còn bé, quan quốc phó của triều đình nhà Nguyễn là Đạt quận công (Trương Phúc Loan) nắm hết quyền chính, làm lắm điều càn bậy, nên lòng người trong xứ đều lìa tan.

Khi Văn Nhạc nổi loạn, lại mượn một bọn vô lại người phương Bắc [2] giả xưng làm quân cứu viện của Tập Đình hầu, để chống với quân nhà Nguyễn. Mấy trận đánh nhau, quân nhà Nguyễn đều không thắng nổi, do đó mà thanh thế của Tây Sơn càng to lớn hơn.

Năm Giáp Ngọ (1774) niên hiệu Cảnh Hưng, Thánh Tổ Thịnh vương nhân cơ hội đó, mới sai quan đại tư đồ Việp quận công làm Bình Nam thượng tướng đem quân đóng ở La Hà và phao lên rằng sẽ vào tiếp viện cho chúa Nguyễn. Nhạc thấy vậy liền sai người đem cống một con ngựa hay, một thanh gươm báu và xin theo về triều đình.

Hồi ấy, xứ Thuận Hóa mới dẹp yên, tướng sĩ đều ngại vất vả, muốn để công việc Tây Sơn sẽ tính toán sau. Do đó Quận Việp mới làm tờ khải về trình với Trịnh vương, xin nên nhân dịp ấy mà vỗ về Nhạc. Vương cũng nghe lời, bèn cho Nhạc làm trấn thủ Quảng Nam và phong làm Tuyên úy đại sứ, Cung quốc công. Từ đó, hằng năm Nhạc vẫn dâng lễ cống đều đặn.

Quận Việp thường hay sai Nguyễn Hữu Chỉnh làm sứ giả qua lại với Tây Sơn. Thấy Chỉnh có tài biện luận, Nhạc rất yêu mến. Được ít lâu, Nhạc thấy có điềm rồng vàng, liền cho đóng ngai rồng, lên ngôi vua, tự xưng là Thiên vương, đặt niên hiệu là Thái Đức. Triều đình biết vậy, nhưng cũng bỏ đó không hỏi gì đến. Bấy giờ Nhạc đang có ý muốn thôn tính Thuận Hóa, mà vẫn chưa có người để bàn định công việc. Nên khi được Chỉnh chạy vào với mình, Nhạc mừng lắm. Nhưng

---

1. Đây là thành Quy Nhơn, do trấn tướng Nguyễn Khắc Tuyên coi giữ. Theo một số tài liệu khác thì Nhạc chỉ là người vào làm nội ứng, bên ngoài lúc ấy đã có Nguyễn Thung cầm đầu một toán quân Tây Sơn ập vào, cùng với Nhạc cướp thành.

2. Khi Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, có hai thương nhân Trung Quốc là Tập Đình và Lý Tài chiêu tập các dân nghèo người Hoa kiều theo giúp, Lý Tài xưng là Hoa Nghĩa quân. Tập Đình xưng là Trung Nghĩa quân. Quân của Lý Tài và Tập Đình chiến đấu rất hăng, làm cho bên địch vô cùng sợ hãi. Nhân đó, Nhạc thường chọn nghĩa quân của mình lấy những người cao lớn, cho ăn mặc giống như quân của Lý Tài và Tập Đình, lúc ra trận quân Nguyễn trông thấy bóng đã bỏ chạy. Người phương Bắc nói đây chính là trỏ vào những người Hoa kiều đó.

thực ra, trong lòng vẫn chưa tin. Chỉnh cũng nhận thấy điều đó, liền kể với Nhạc tất cả đầu đuôi câu chuyện của mình, rồi lại tình nguyện gửi vợ con làm con tin, để xin được nương tựa vào xứ sở của Nhạc, Nhạc bằng lòng.

Nhạc vốn đã mến tài của Chỉnh, nên đối với Chỉnh càng ngày càng thân mật, tin cậy. Ngược lại, Chỉnh cũng hết lòng thờ Nhạc, bày kế cho Nhạc đánh chiếm đất đai các nước Chiêm Thành, Xiêm La, Bồn Man. Rồi Chỉnh lại tự mình cầm quân đi tiên phong, xông pha vào những nơi tên đạn, khiến mấy nước lân cận ấy lần lượt đều bị đánh bại. Do đó, ân tình giữa Nhạc và Chỉnh lại càng thêm mặn mà.

Tuy thế, nhưng trong khi ở với Tây Sơn, Chỉnh vẫn hằng ngày mong về nước cũ.

Lại nói, triều đình từ khi mất Chỉnh, rất lấy làm lo; thường vẫn chiêu mộ xem ai dụ được Chỉnh trở về thì trọng thưởng. Một người em rể của Chỉnh xin nhận việc đó. Triều đình liền cấp cho một đạo mật chỉ để người ấy lên đường.

Lúc gặp Chỉnh, người ấy chưa kịp nói gì thì Chỉnh đã hỏi:

– Chú lận đận trèo đèo lội suối tới đây làm chi? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Chú coi mặt ta, xem từ khi đẻ ra đến giờ đã từng nghe ai xui khôn xui dại chưa, mà chú dám cả gan như vậy?

Người em rể chỉ còn biết cúi đầu nín lặng, không dám nói gì nữa.

Chỉnh lại hỏi tiếp:

– Nhưng thôi được, chú đã ở Bắc vào đây, ắt là biết rõ đầu đuôi sự việc. Vậy chú hãy kể cho ta nghe xem, từ sau khi Huy quận công bị nạn, thì công chúa [1] và các cậu công tử lưu lạc đi đâu?

Người ấy đáp:

– Khi ấy, công chúa bị Dương thái phi giam vào hậu cung. Còn hai công tử nghe tin có biến thì bỏ chạy về huyện Yên Dũng, dấy quân trả thù, làm chấn động cả vùng Kinh Bắc. Chúa Trịnh sai viên trấn thủ Kinh Bắc là Mãn Trung hầu đem quân đi đánh. Mãn Trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng [2]. Các công tử sai viên thủ lệnh Hoàng Tú làm tiền bộ đem quân ra đánh. Hoàng Tú bị chết ngay trước trận.

1. Chỉ con gái Trịnh Doanh, vợ Huy quận công.
2. Nay ở địa phận huyện Việt Yên, Bắc Giang.

Quân sĩ tan rã. Hai công tử đều bị bắt sống, đóng cũi giải về kinh.

Chỉnh nghe xong, than rằng:

– Tuổi trẻ bồng bột, hèn nào không hỏng việc! Nhưng cũng là một việc làm vì nghĩa, dầu thất bại mà vẫn vẻ vang...!

Rồi Chỉnh lại hỏi:

– Thế đưa về kinh rồi sau ra sao?

Người ấy trả lời:

– Triều đình bàn định hai công tử đều đáng tội chết. Chúa nghĩ tình anh em cô cậu, ra ơn cho được tha tội chết. Nhưng lại bị thái phi ngầm sai người đến bắt uống thuốc độc. Có kẻ báo với chúa. Chúa vội sai viên trung sứ đến ngăn lại. Nhưng khi đến nơi thì cậu cả đã bị trúng độc chết rồi. Chỉ còn cậu hai hiện đang bị giam ở ngục cửa Đoài.

Chỉnh tỏ vẻ ngậm ngùi mà rằng:

– Thương thay! Phá tổ đổ trứng [1]! Người ta có tội tình gì?

Lại hỏi:

– Còn công chúa, từ khi bị giam vào hậu cung thì việc ăn ở ra sao?

Đáp:

– Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không nỡ hành hạ gì cả. Song vì thái phi vẫn có hiềm cũ, nên đã làm cho khổ cực đủ đường. Công chúa vừa đau buồn uất hận, nên đã thành bệnh mà chết rồi!

Chỉnh thở dài hồi lâu, rồi nói:

– Công chúa chết cũng là phải, sống mà làm gì nữa...!

Lại hỏi:

– Thế còn Đặng Tuyên phi thì thế nào?

Đáp:

– Khi chúa nhỏ bị bỏ, thái phi liền sai người bắt tuyên phi đến trước mặt mình, kể tội, rồi buộc tuyên phi phải lạy tạ. Tuyên phi không chịu lạy, thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc tuyên phi rập đầu xuống đất. Nhưng tuyên phi vẫn nhất định không chịu lạy, mà cũng không nói nửa nhời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhổ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ

1. Thời Tam Quốc, Khổng Dung bị Tào Tháo bắt, lúc sắp bị giết chết, có kẻ đến báo hai con của Dung nên trốn đi; hai người đó trả lời: "Tổ vỡ thì trứng còn toàn vẹn làm sao được". Câu này dùng theo ý đó.

tăng ở vườn sau. Tại đây, tuyên phi bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một bữa, tuyên phi lấy áo che mặt, trốn ra khỏi cửa Tuyên Vũ, chạy đến bến đò phố Khách thì bị quân lính đuổi kịp. Từ đó, lại càng bị giam giữ chặt chẽ. Năm sau trong nhà tẩm miếu trên lăng Thịnh phúc, tự dưng bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về kinh trình rõ việc biến. Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi. Cô đồng phán rằng: "Chúa thượng đã làm trái ý tiên vương; tội bất hiếu có hai điều. Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Đó là một! Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tủi nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy. Đó là hai! Nếu không mau hối lỗi tạ tội, tai biến sẽ còn nhiều nữa!" Thái phi sợ hãi, lập tức vào nói với chúa. Chúa bèn sai quan tế lễ tạ tội, rồi cho tuyên phi được trở lại làm cung tần nội thị vào thờ phụng tẩm miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lăng tẩm, đêm ngày chỉ gào khóc xin chết theo tiên vương. Đến ngày giỗ "đại tường" của tiên vương, tuyên phi bèn uống thuốc độc mà chết.

Chúa sai quan trấn thủ Thanh Hoa, theo lễ cung nhân táng tuyên phi ở cách Vọng Lăng của tiên vương một dặm.

Chỉnh nói:

– Chết được đấy! Ta tưởng tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ lại có tiết liệt như vậy. Nhưng không hiểu vì sao ngôi của tuyên phi lại bị giáng làm cung tần như thế?

Đáp:

– Bởi vì khi chúa lên ngôi được một năm, người ta lục tờ cố mệnh của tiên vương, thấy có chữ son của thánh mẫu ngự phê rằng: "Không phải bút rồng của tiên vương, không đủ làm bằng". Chúa liền giao tờ đó cho triều đình bàn định, bấy giờ quan thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm tờ luận về "quốc sách", nói rằng: "Ngôi của chúa Điện Đô với sách mệnh của tuyên phi cùng tờ cố mệnh, đều là cái mệnh của tiên vương trong lúc mê lẫn. Nó rất trái lẽ thường, sai đạo lý, không thể cho là phải được. Nay thánh mẫu là mẹ mà đổi lại ý của con thì thật là một việc hết sức chính đáng. Vậy cần phải truy xét về cái tội của những kẻ phụ họa, để làm cho sáng tỏ và nghiêm chỉnh pháp điển của nhà nước!". Do đó mà tuyên phi bị truất làm người thường. Rồi Tứ Xuyên hầu vì viết tờ thư cố mệnh, Khanh quận công

vì tự tiện viết thay bút rồng. Thiêm sai Nhữ Công Chấn vì tự tiện thảo tờ sách mệnh phong tuyên phi, xuất nạp Thùy Trung hầu vì sao chép những tờ sách mệnh ấy đưa ra chính phủ... đều phải bãi chức về làm dân thường. Đặng thị sau này lại phải giáng làm cung tần, cũng là vì cớ đó.

Lại hỏi:

– Ngoài mấy việc ấy, còn chuyện báo ơn, báo oán gì khác nữa không?

Đáp:

– Chúa mới lên ngôi hôm trước, hôm sau liền hạ lệnh rằng, tất cả mọi người đều được khoan dung, chỉ riêng những kẻ tố giác việc năm Canh Tý thì không được tha. Vì vậy những kẻ này lần lượt đều bị bắt và bị làm tội hết thảy. Duy Ngô Thời Nhậm không biết trốn đi đâu. Những kẻ phải chết về vụ án Canh Tý gồm có Tuân Sinh hầu, Khê Trung hầu và chồng dì Sáu, về sau đều được truy tặng tước vương và lập đàn chay để làm lễ cầu siêu, giải oan cho họ.

Chỉnh nói:

– Bãi bỏ mệnh của cha giữa triều đình, phô bày lỗi của cha với cả nước; đó là việc đại bất hiếu!

Lại hỏi:

– Tham tụng, bồi tụng bây giờ là những ai?

Đáp:

– Chúa mới lập nên, Tứ Xuyên hầu liền bị bãi chức; quan bồi tụng Bùi Huy Bích lên thay chân và được phong làm Kế Liệt hầu. Nay Kế Liệt hầu vẫn một mình giữ ngôi tham tụng. Còn bọn Trương Đăng Quỹ, Mai Thế Uông, và Trần Công Thước được thay nhau làm bồi tụng. Đó đều là những bậc tai mắt nắm quyền chính hiện giờ.

Hỏi tiếp:

– Từ bấy đến nay, còn có điềm lành, điềm gở gì không?

Đáp:

– Điềm lành không thấy, chỉ có điềm gở thì nhiều; ngày rằm tháng một năm Nhâm Dần (1782), ở trong cung bỗng dội ra một tiếng rất to, rền vang đến hơn một khắc, làm rung chuyển cả trời đất. Không hiểu là tiếng gì?

Chỉnh nói:

– Đó là tiếng trống trời.

Người ấy kể tiếp:

– Năm Quý Mão (1783), núi Vua Hùng tự nhiên sụt xuống hơn hai chục thước. Tháng sáu năm ấy, con sông Thiên Đức cạn hẳn một ngày một đêm. Năm Giáp Thìn (1784), giữa đêm mùng một tháng mười, trong hồ Thủy Quân [1] thình lình có tiếng phát ra như sấm, nước hồ sủi lên sùng sục, sớm mai bao nhiêu tôm cá đều chết sạch. Cũng trong năm ấy, trên các cây cối trong phủ chúa, thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến, bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác. Rồi ở quãng bờ thành phía ngoài của các cửa phủ đường, bỗng dưng cũng sụt xuống hơn mười trượng. Đó là những sự lạ to lớn, ai ai cũng biết. Còn những chuyện lặt vặt, thì không sao kể hết được.

Chỉnh chất lưỡi luôn mấy cái, rồi hỏi đến tình trạng bọn kiêu binh. Người ấy cứ theo sự thực kể lại hết đầu đuôi. Chỉnh xem chừng câu chuyện đã cạn, bèn sai nhà bếp làm cơm rượu, thết đãi cho người ấy ăn uống thật no say. Sau đó, Chỉnh mới căn vặn người ấy rằng vào đây để làm gì?

Người ấy thưa:

– Dương Trung hầu thấy tôi với quan lớn có tình bà con, nên mới tâu với chúa, xin giáng chỉ sai tôi đến đây khuyên quan lớn về triều, cho khỏi mất công danh phú quý.

Chỉnh cười mà rằng:

– Chú là đứa ngu, ta thực không thèm chấp. Song ta chỉ ghét cái đứa sai chú đến đây khinh nhờn ta. Vậy ta kết thúc tính mạng cho chú; nếu có oan ức thì cứ xuống âm phủ mà kiện cái đứa đã sai chú ấy!

Rồi Chỉnh hạ lệnh cho tay chân lôi luôn người ấy ra chém chết.

Nhạc thấy Chỉnh chém thuyết khách, lại càng thân cận tin yêu hơn.

Qua năm Bính Ngọ (1786), khoảng cuối mùa xuân, đại tướng Thuận Hóa là Tạo quận công [2] sai viên thuộc hiệu đội Dực hữu là Dương Linh bá Nguyễn Phu Như vào Tây Sơn nói về công việc biên giới của hai xứ.

Phu Như với Chỉnh vốn là chỗ quen biết, liền nói với Chỉnh

1. Tức hồ Hoàn Kiếm.
2. Tức Phạm Ngô Cầu.

những lẽ có thể lấy được Thuận Hóa. Rồi Như lại cho Chỉnh biết rằng hai xứ Thanh, Nghệ và cả bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ta oán kêu khổ, dân với lính chẳng ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền; nếu lấy được Thuận Hóa, thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa!

Do đó, Chỉnh mới quyết định mưu kế về nước. Luôn bữa ấy, Chỉnh vào hầu Nhạc, bày cách thức lấy đất Thuận Hóa và xin điều động binh tướng đánh chiếm ngay lấy Phú Xuân.

Nhạc theo lời, liền sai người em ruột là Thượng công Nguyễn Văn Bình [1], đốc xuất quân thủy bộ; lại sai dũng tướng Vũ Văn Nhậm [2] làm tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc, cùng theo hiệu lệnh của Bình, đến ngày 28 tháng tư thì kéo quân lên đường, tiến thẳng về phía thành Phú Xuân.

Lại nói, từ năm Giáp Ngọ (1774), Thuận Hóa thuộc về bờ cõi nước ta [3], thành Phú Xuân trở nên chỗ đầu cùng của miền biên giới và là một thị trấn rất xung yếu. Bởi thế, triều đình mới để ba ngàn quân đóng đồn và ba vạn quân thay phiên canh phòng, lại cử một viên đại tướng, một viên phó tướng, cùng với một viên đốc thị, một viên phó đốc thị trông nom công việc đó. Các nơi trọng yếu từ đèo Ải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân. Rồi lấy dân địa phương để bổ sung thêm quân lính. Khai khẩn đất hoang để tăng thêm lương thực. Mở mang việc lưu thông trao đổi hàng hóa. Khai thác các nguồn lợi trên rừng dưới biển. Lấy việc thi cử để kén chọn người tài. Dùng danh vị, tước lộc để thu phục lòng người... Cách khống chế, cai trị thật không còn thiếu sót điều gì. Chỉ đáng tiếc là viên đại tướng Tạo quận công đứng đầu xứ đó lại là một người nhu nhược, chỉ quen lấy miệng lưỡi khống chế người, còn đến khi gặp việc quan trọng xảy ra thì lại không có tài năng đối phó kịp thời. Trước kia, viên đốc thị Nguyễn Lệnh Tân cứ mỗi lần nhắc đến việc phải gấp rút đánh lấy Tây Sơn, thì lại bị Quận Tạo gạt đi. Lệnh Tân bèn tâu về triều rằng: "Quận Tạo là kẻ nhút nhát, ít mưu cơ, Thuận Hóa chắc chắn sẽ mất ở

1. Tức Nguyễn Huệ.

2. Vũ Văn Nhậm vốn là tiết chế của họ Nguyễn, bị Tây Sơn đánh thua ở trận Gia Định, toan tự tử, sau nghe Nguyễn Huệ dụ hàng Nhậm bèn theo Tây Sơn từ đó, rồi được Nhạc gả con gái cho.

3. Đứng về phía Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài mà nói, năm 1774 quân Trịnh hạ được thành Phú Xuân.

tay ông ta; xin hãy bãi chức ông ta và nhấc phó tướng lên làm đại tướng, họa may xứ này mới có thể giữ vững được". Chúa [1] nghĩ rằng Thuận Hóa là xứ vừa mới dẹp yên, lại thích tính ôn hòa, thận trọng của Quận Tạo, bèn bãi chức đốc thị của Lệnh Tân và cho người khác làm thay.

Bấy giờ Bảng nhãn Lê Quý Đôn khảo cứu những sấm ký về đất khởi nghĩa Tây Sơn, nói với chúa rằng: "Tây Sơn có đất thiên tử, đến mười hai năm nữa thì sức mạnh của họ sẽ không ai chống nổi. Đại tướng Thuận Hóa e không phải là tay đối địch được với họ. Xin chúa hãy lưu ý". Nhưng chúa cũng chỉ cho là lời nói quá đáng, không để ý gì mấy.

Rồi đó, bờ cõi không có chuyện gì, Nam Bắc đều yên ổn, Thuận Hóa đang là một miền thái bình, vui vẻ.

Đến tháng tư năm Bính Ngọ (1786), bỗng có chiếc thuyền buôn của người khách phương Bắc đi tới. Người khách vào ra mắt Quận Tạo, rồi giở thuật tướng số ra nói rằng: "Hậu vận của ngài rất tốt, phúc lộc không thể kể xiết. Có điều hiện nay ngài đang gặp phải năm xung tháng hạn, cần đề phòng bệnh tật xảy ra. Mùa hè này ngài nên lập đàn mà cầu cúng thì tốt!". Quận Tạo tin lời, tức thì sai lập đàn chay rất lớn, cúng luôn bảy ngày bảy đêm. Quân lính gác phục dịch liên tục hết đêm này sang đêm khác rất là vất vả.

Thình lình thấy có tin báo bộ binh của địch đã lấy mất đồn Ải Vân, tướng giữ Ải Vân là Quyền Trung hầu [2] bị chết trong khi đánh nhau; hiện nay các đạo thủy binh của địch đang theo đường biển kéo ra, chỉ sớm tối sẽ đến đây. Quận Tạo hốt hoảng về thành, không biết nên làm thế nào. Các quân lính vì suốt mấy hôm hầu hạ đàn chay đang mỏi mệt, thốt nghe tin có địch, ai nấy đều không còn hồn vía. Quận Tạo vội cho người đi tìm người khách, thì đã mất tăm không thấy nữa. Bấy giờ, Quận Tạo mới biết hắn là thám tử của địch, đến bày mưu để đánh lừa mình.

Nguyễn Hữu Chỉnh khi ở Tây Sơn, vốn đã biết Quận Tạo là người nhút nhát mà đa nghi, dụ hàng chưa chắc Tạo đã tin. Chỉnh bèn viết một bức thư cho phó tướng Thể quận công [3] đại ý nói rằng:

---

1. Trịnh Sâm.
2. Tức là Hoàng Nghĩa Hồ.
3. Tức Hoàng Đình Thể.

quân Tây Sơn tinh nhuệ lắm, không thể địch nổi. Quận Thể với Chỉnh xưa đều là thuộc hạ của Quận Huy, nếu nay Thể chịu đem thành Phú Xuân ra hàng thì Chỉnh sẽ bảo đảm cho được giàu sang toàn vẹn. Rồi Chỉnh lấy sáp bọc kín [1], và mật sai người cố ý đưa lầm phong thư ấy vào dinh đại tướng Tạo quận công. Quận Tạo nhận được thư đâm ra nghi ngờ, sợ hãi, ngầm có ý muốn hàng Tây Sơn, bèn dìm bức thư đi.

Chẳng bao lâu, đại binh Tây Sơn kéo đến. Đại tướng và phó tướng bèn cùng nhau bàn cách chống cự.

Nguyên thành Phú Xuân ở ngay bờ sông, từ mặt nước dưới lòng sông trông lên chân thành, chiều cao khoảng độ hơn hai trượng. Lúc ấy thuyền Tây Sơn ở dưới sông bắn ngược lên, vì vậy không tới mặt thành. Trong thành, người ta cho đóng chặt các cửa, rồi đốc tất cả quân sĩ ở trên bắn xuống. Bộ binh của Tây Sơn phải lui cả vào trong thuyền. Trên thành bắn theo, thuyền của Tây Sơn bị chìm một chiếc. Nhờ vậy, tinh thần quân lính trong thành đã hăng hái lên được một chút. Chẳng dè, đêm ấy thủy triều lên to, nước sông tràn ngập khắp chân thành. Quân Tây Sơn thừa dịp thả thuyền tiến sát vào, bắn thẳng lên thành, rồi cho bộ binh vây chặt cửa thành.

Quận Tạo tự mình chỉ huy các toán quân giữ cổng thành; rồi sai phó tướng Quận Thể cùng các thuộc tướng là bọn Kiên Kim hầu [2] ra ngoài thành đón đánh. Hai người con trai Quận Thể đều làm quan võ, cũng theo cha ra đánh, cả toán dựa lưng vào bờ thành mà bày trận. Đánh nhau được hơn một canh, tên đạn đều hết, Quận Thể cử người vào thành xin thêm. Quận Tạo ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại mà cự rằng: "Cơ nào đội ấy, ngoài việc cấp lương khẩu phần, đạn dược cũng đều có cả rồi, giờ lại còn vào đòi hỏi ai? "Quận Thể giận lắm, liền bảo với các tướng:

– Quận Tạo phản rồi! Để ta phá cửa thành vào chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau sẽ ra đánh.

Đoạn ngoảnh lại nói với các con:

– Chúng bay hãy đứng phía trước cản địch, ta vào một lát sẽ ra ngay.

Rồi Quận Thể co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi lại, thế trận tức

1. Xưa các thư từ bí mật đều bọc sáp ong.

2. Tức Vũ Tá Kiên.

thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa cơ sấn đến. Hai con Quận Thể phóng ngựa ra trận, múa đao chém chết chừng vài trăm người. Quân địch kéo đến càng đông hơn, họ xông vào chém chân ngựa của hai người. Ngựa quỵ, hai người lại hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa, rồi bị thương nặng và cùng đuối sức, bèn gọi cha ra cứu.

Quận Thể vội quay voi đến cứu, thì hai người đã bị chém chết ở trước trận. Liền đó, Kiên Kim hầu cũng bị giết chết.

Quận Thể thu quân, toan bày trận khác, nhưng ngoảnh đầu nom lên thành thì đã thấy kéo cờ trắng rồi.

Tên quản tượng của Quận Thể hoảng hốt, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Quân địch đuổi theo voi mà bắn. Quận Thể chết ngay trên bành voi.

Đại tướng Tạo quận công truyền mở cổng thành, xe quan tài ra hàng [1]. Bình thả quân vào thành, chém giết bừa phứa. Đốc thị Nguyễn Trọng Đương chết trong trận đó. Còn bao nhiêu lính tráng trong thành chạy trốn ra ngoài, đều bị thổ dân giết sạch.

Trong trận đánh này, mấy vạn mạng tướng sĩ đóng ở thành Phú Xuân đều không còn sống sót lấy một mống.

Chiếm xong Phú Xuân, Bình nhân đà thắng kéo quân ra lấy luôn đồn Động Hải. Tướng giữ đồn là Vị Phái hầu cùng viên hiệp trấn là Ninh Tốn mới trông thấy bóng quân Tây Sơn đã chạy trốn. Thế là mất hết cả đất Thuận Hóa. Bấy giờ là ngày 14 tháng 5 năm Bính Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng (1786).

Sau khi hoàn toàn lấy được Thuận Hóa rồi, Bình bèn họp các tướng bàn việc sửa lại địa giới Lạ Hà; đồng thời sai làm tờ "lộ bố" báo tin thắng trận về cho chúa Tây Sơn.

Lúc ấy, Chỉnh nói với Bình rằng:

– Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hóa, đánh một trận là xong, oai danh lừng lẫy khắp thiên hạ. Phép dùng binh có ba điều cốt yếu, một là "thời", hai là "thế", ba là "cơ"; ba điều ấy đều có cả thì đánh đâu cũng thắng. Nay ở Bắc Hà, tướng lười binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà đánh lấy, như trong sách đã nói: "Chiếm nước yếu, đánh nước ngu, lấy nước loạn, lấn nước suy vong". Cơ và thời ấy không nên bỏ lỡ!

---

1. Tỏ ý xin ra chịu chết.

Bình đáp:

– Bắc Hà là một nước lớn, có nhiều người tài. Lời xưa có nói: "Con ong có nọc", há có thể khinh thường được ư?

Chỉnh nói:

– Người tài ở Bắc Hà chỉ có một Chỉnh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi, ấy là cái nước rỗng không, xin ngài chớ nghi ngại!

Bình vốn khéo dùng ngôn ngữ để bẻ người, liền đùa rằng:

– Không nghi ngại người nào khác, chả hóa ra chỉ có ông là đáng nghi ngại thôi ư?

Chỉnh tái mặt mà tạ rằng:

– Sở dĩ tôi tự nêu lên cái ngu hèn của mình như thế, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyệt nhiên không có người tài đó mà thôi! [1]

Bình lại an ủi mấy câu, rồi tiếp:

Một nước đã trải bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình đến cướp lấy, người ta sẽ gọi đạo quân ấy là đạo quân gì?

Chỉnh đáp:

– Nước tôi có vua lại có chúa, đó là một việc hết sức trái ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng rằng phò Lê, thực ra chỉ là ăn hiếp thiên tử. Người trong nước vốn không phục. Trước đây, các bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy, chưa từng có ai không lấy danh nghĩa phò Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong "địa ký " của họ Trịnh có câu: "Chẳng đế, chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ". Mà tính từ Thái vương đến Tĩnh vương [2] thì đã đủ số tám đời rồi. Nếu ngài lấy cớ "diệt Trịnh phò Lê" mà kéo quân ra, thiên hạ không ai là không hưởng ứng. Đó chính là cái công không mấy đời có vậy.

---

1. Ý Chỉnh muốn nói chữa, ngoài Bắc chỉ có Chỉnh là tài mà Chỉnh cũng chỉ xoàng như vậy thì quả là ngoài Bắc không còn có người tài nữa.

2. Địa ký: Sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mả. Thái vương là Trịnh Kiểm; Tĩnh vương là Trịnh Sâm. Tương truyền Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: *Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, lộ truyền bát đại tiêu tường khởi họa* (nghĩa như trên). Câu "lộ truyền bát đại" có bản chép "truyền nhị bách niên" (truyền hai trăm năm).

Bình nói:

– Đó là việc rất hay! Nhưng nay ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hóa, không phải vâng mệnh đi đánh nước người. Tự ý thay đổi mệnh lệnh của nhà vua như thế thì ra làm sao?

Chỉnh đáp:

– Trong *Kinh Xuân Thu* có nói: "Thay đổi nhỏ mà công lao lớn, ấy là có công!" Như thế thì thay đổi cũng có ngại gì đâu? Huống hồ, ngài há chẳng nghe nói câu "tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không cần phải theo" đấy ư?

Bình là một người thông minh, quyết đoán, được lời Chỉnh nói trúng với ý của mình, tức thì nghe theo ngay. Bình sai Chỉnh đem đội quân tiên phong, vượt vào cửa biển Đại An, đánh lấy kho lương Vị Hoàng [1] trước; còn tự mình thì dẫn thủy binh theo sau, lại hẹn với Chỉnh hễ đến được Vị Hoàng thì phải đốt lửa lên làm hiệu.

Bố trí xong rồi, Chỉnh liền cầm quân đi trước. Lúc ngang qua mấy trấn Nghệ An, Thanh Hoa, Chỉnh sai nhiều toán du binh, mỗi toán chừng vài trăm người, chia ngả đi đánh các đồn để phô trương thanh thế.

Trấn thủ Nghệ An là Dương Trung hầu, trấn thủ Thanh Hoa là Thùy Trung hầu [2] đều bỏ thành mà chạy.

Ngày mồng sáu tháng sáu năm ấy (1786), Chỉnh tới Vị Hoàng. Quân ở trong đồn mới trông thấy bóng quân Chỉnh đã bỏ trốn. Hơn một trăm vạn hộc lương ở đây đều bị Chỉnh chiếm gọn. Sau đó, Chỉnh bèn đốt lửa báo tin.

Bình thấy hiệu lửa, lập tức dẫn hơn một ngàn chiếc thuyền theo đường biển đi ra. Dân chúng Nghệ An lên núi, trông bóng lâu thuyền [3] cùng cờ quạt ngoài biển đều ngậm ngùi than: "Công rắn cắn gà nhà, hắn ta thật có tội. Song cũng là một việc không mấy đời có!".

Chỉnh ở Vị Hoàng hợp với quân của Bình, thanh thế rất lớn. Bấy giờ ở trong nước, những kẻ hai lòng thường hay lui tới dinh quân của Chỉnh, đem hết tình hình nước nhà mà kể với địch. Còn như tình hình quân địch ra sao, thì triều đình lại không hề hay biết gì hết.

Khi Phú Xuân bị vỡ, tin từ biên giới báo về kinh, những người dự

---

1. Xã Vị Hoàng, sau là tỉnh lỵ Nam Định.
2. Tức Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy.
3. Loại chiến thuyền lớn, khoang thuyền có lầu cao.

bàn đều nói: Thuận Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cục chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may, ắt họ phải lấy sự lấn đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hẳn là ta không phải lo gì nữa.

Thế là kẻ trên người dưới, ai nấy đều yên lòng. Chợt nghe tin Nghệ An bị vỡ, quân địch sắp sửa đến nơi; triều đình bấy giờ mới hốt hoảng, bèn sai Thái Đình hầu [1] làm thống lĩnh, đem 27 cơ lính vào Nghệ An chống nhau với quân địch, Thái Đình hầu lĩnh mệnh đã hơn mười ngày, mà sửa soạn vẫn chưa xong. Kịp đến khi rời thành được nửa ngày, thì quân địch đã tới Vị Hoàng. Bấy giờ triều đình lại sai luôn Thái Đình hầu xuống giữ ở vùng Sơn Nam, và phái thêm Liên Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đốc lĩnh đường thủy, dẫn các đội thuyền Tả vệ, Hữu vệ, Ngũ hầu, Ngũ thiện, Ngũ trung cùng với Thái Đình hầu thủy bộ đều tiến.

Hồi ấy Nhưỡng đang đánh nhau với bọn thủy khấu [2] ở vùng Hải Dương; đến lúc này, bọn thủy khấu đã hợp cả với quân Nam, vì vậy triều đình liền sai luôn Nhưỡng về đánh giữ mặt Nam.

Nhưỡng là danh tướng ở vùng Hàm Giang, vốn là con nhà dòng dõi, triều đình đem hết công việc thủy chiến giao phó cả cho Nhưỡng.

Các thuyền quân của Nhưỡng kéo đến đóng ở Cửa Luộc [3], cầm cự với quân Tây Sơn. Bấy giờ gió đông nam thổi rất dữ, quân Tây Sơn ở hạ lưu cho năm chiếc thuyền làm tiền bộ tuyển phong, giương buồm ngược dòng tiến lên, còn đại quân thì từ từ tiến theo sau. Nhưỡng thấy những thuyền tuyển phong của địch xông lên, tức thì đem chiếc thuyền chặn ngang sông, dàn thành thế trận hình chữ "nhất"; rồi truyền quân lính nạp súng Bảo lân, bắn sang thuyền địch. Bắn phát đầu, thuyền địch đứng yên không động. Nhưỡng truyền bắn phát thứ hai, các buồm của thuyền địch đều cuốn lại. Quân bên Nhưỡng mừng rỡ, cho là bên địch có ý sợ. Nhưỡng lại sai bắn luôn ba phát nữa. Lúc ấy bên địch mới bắn trả một phát súng lớn, tiếng nổ như sấm, đạn

1. Tức Trịnh Tự Quyền.

2. Bọn cướp trên sông, biển.

3. Cửa Luộc, chỗ sông Luộc chảy vào sông Hồng Hà giáp liền với huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) và huyện Hưng Nhân (Thái Bình).

bay lên cây cổ thụ bên bờ, làm cho thân cây bị gãy làm hai đoạn.

Bấy giờ Trương Trung hầu [1] đang dàn quân ra ở hai bên bờ sông, thấy đạn bay lại, quân lính đều kinh hãi, cơ hồ muốn vỡ. Quân địch thừa thế bỏ thuyền kéo ùa lên bờ. Quân của Trương Trung hầu bỏ chạy hết. Bên địch kéo thẳng đến dinh trấn, Trương Trung hầu và viên Đốc đồng Nguyễn Huy Bình đều một mình bỏ trốn. Quân của Thái Đình hầu đóng ở cửa Kim Động [2] cũng tự vỡ mà chạy.

Khi ấy, thư báo tin thua trận tới tấp đưa về kinh, các quan văn võ trong triều ai nấy chỉ cuống lên lo thu xếp chỗ nương náu cho vợ con, lo cất giấu của cải, không một ai dám ra nhận lấy việc đánh nhau với quân Tây Sơn.

Chúa thấy Tham tụng Bùi Huy Bích ở ngôi tể tướng lâu ngày mà chẳng làm được việc gì, đến lúc này lại không có mưu kế gì để chống địch, trong lòng đã chán ghét. Rồi nhân những người xung quanh lại công kích Bích rất gay gắt, chúa bèn bãi chức tể tướng của Bích và cử ra trận đốc chiến.

Tể tướng đi rồi, lòng người càng nôn nao. Chúa bèn đòi Công Thước [3] vào phủ, mật bàn xem nên đánh lui địch hay nên tránh đi. Công Thước thưa:

– Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều trong binh pháp rất kỵ. Nên dử cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt hết, đó cũng là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiệu chúa lật đật ra ngoài thành tất lòng dân sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Chúa nghe theo lời Thước. Lại tự nghĩ rằng, trong hàng võ tướng chỉ có Thạc quận công là tay lão tướng có thể trông cậy được, bèn sai người ra trấn Sơn Tây tức tốc triệu ông ta về triều.

Được lệnh, Quận Thạc liền đem ngay năm trăm quận nghĩa dũng về cứu kinh thành. Thấy Quận Thạc về, lòng người cũng hơi vững. Khi Quận Thạc vào ra mắt, chúa nói:

– Ông bỏ quả nhân hay sao? Bây giờ thế nước như vậy thì làm thế nào?

1. Tức Đỗ Thế Dân.
2. Thuộc Hưng Yên.
3. Trần Công Thước, sau đổi là Công Xán.

Quận Thạc khóc mà rằng:

– Thần chịu ơn dày của nhà nước, thề không cùng sống với giặc. Cha con thần tất cả còn có chín người, nếu phải dựa lưng vào thành mà quyết một trận tử chiến, thần xin cầm roi mà theo dưới chân chúa, chúa không lo gì hết!

Chúa bèn bỏ ra năm ngàn lạng bạc, giao cho Quận Thạc để chi về việc binh. Thạc lập tức ra lo liệu việc quân, một ngày gọi được hơn một ngàn thủ hạ, toàn là những tên quân hết sức tinh nhuệ. Rồi theo lệnh chúa, Quận Thạc tiến quân ra đóng ở hồ Vạn Xuân [1].

Bấy giờ gió đông nam đang mạnh, đường thủy trở nên rất xung yếu. Sau khi các đội thuyền của Liễu Trung hầu đã bị đánh bại, quân địch chiếm được cả một dải đất yên ổn chạy dài theo ven sông, rồi thuận đường kéo thẳng lên kinh kỳ. Tông sai cả bốn hiệu lính thủy dốc hết quân xuống ngăn địch ở cửa Thúy Ái [2].

Thuyền địch đến bến Nam Dư [3], tức thì bỏ thuyền nhảy lên bộ, đánh úp vào đám lính thủy ở cửa Thúy Ái. Trước đó, thủy binh ở đây nghe tin quân địch còn xa, nên không phòng bị gì hết, cứ cột thuyền lại rồi lên bờ đi tản mát, linh tinh ở các bãi sông. Khi quân địch thình lình kéo đến, thủy binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết.

Cả đội duy có viên tướng họ Ngô [4] là dám vác dao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng hơn một khắc, quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết tại chỗ. Quân địch bèn kéo ùa lên bộ, xông vào trận của Quận Thạc.

Quân lính của Quận Thạc khi ấy đang ăn cơm, chợt thấy địch ập tới, ai nấy bỏ cả khí giới mà chạy [5]. Quân Tây Sơn từ hai phía tả hữu cùng đánh dồn lại, chém giết quân của Quận Thạc tơi bời, thây chết

---

1. Tức đầm Vạn Xoan, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

2. Cửa Thúy Ái nằm ở địa phận bãi Thúy Ái, Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

3. Cũng thuộc Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

4. Tức Ngô Cảnh Hoàn, theo *Cương mục*, Hoàn có người thiếp yêu là Phan Thị Thuần rất trẻ, đẹp. Sau khi Hoàn chết, nàng cứ nhởn nhơ may sắm quần áo và trang điểm như không có chuyện gì, mọi người chê cười cũng mặc. Đến hết giỗ 100 ngày, bấy giờ nàng mới trang điểm đẹp đẽ, bơi thuyền đến chỗ chồng chết mà tự tử. Nhân dân địa phương bèn lập đền thờ, khen là người con gái tiết liệt.

5. Theo *Cương mục*, lúc ấy có Mai Thế Pháp dám một mình vác dao ra chặn đường quân Tây Sơn, nhưng giết được mười người thì bị vây chặt, phải nhảy xuống sông tự tử.

nằm ngổn ngang khắp bãi. Những kẻ nhảy xuống hồ Vạn Xuân mà chết, cũng không biết bao nhiêu mà kể.

Quận Thạc chỉ còn hơn mười thủ hạ và tám người con. Bọn họ đều xúm quanh chân voi của Quận Thạc, tựa vào voi mà chống cự lại quân Tây Sơn. Sáu người con của Quận Thạc ra sức chiến đấu, chết ở trước voi. Quận Thạc liền sai quản tượng cho voi quỳ xuống, rồi ông ta nhảy xuống đất cùng hai người con cướp đường mà chạy tháo thân.

Thủy binh của Tây Sơn tiến thẳng đến bến Tây Long. Chúa thân hành ra ngự trên lầu Ngũ Long bày trận. Chia thành năm đạo quân: hiệu Tả bộ giữ mặt Đông Long, hiệu Hữu bộ giữ mặt Tây Hồ, hiệu Tiền bộ, giữ mặt cửa thành Tiền Lâu, hiệu Mật bộ giữ mặt Hậu Lâu cạnh bờ hồ Thủy Quân, còn hai hiệu Nhưng, Kiệu ở trung quân để hộ giá.

Quân Tây Sơn từ bãi sông tiến vào, chúa ở trên lầu sai nổi hiệu trống trận, hiệu Tiền bộ liền nổ súng bắn ra. Bắn được một hồi lâu, quân địch khom mình vừa tránh đạn vừa xông vào. Chúa bèn mặc đồ trận, xuống lầu, trèo lên mình voi, cầm cờ đỏ chỉ ba cái, vẫy ba cái, rồi sai thúc trống làm hiệu cho quân lính tiến về phía trước. Quân lính nghe trống giục, trông theo lá cờ liều mạng tiến lên. Bên địch dùng "hỏa hổ" [1] phun lửa bừa vào, quân lính nhà chúa đều sợ mất mật, bỏ cả khí giới ở bờ sông mà chạy thục mạng.

Chúa thấy quân lính tan tác, ngoảnh nhìn quanh mình, đã không còn một người nào; nhưng quân Tây Sơn không biết đó là chúa, hối hả tranh nhau xông vào phủ chúa, không có ai đến gần chân voi. Chúa vội cởi bỏ quần áo trận, đội khăn chữ đinh, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi, rồi co đầu voi quay về phủ. Khi qua cửa Tuyên Vũ, thì thấy tiền binh của địch chừng vài chục người đã vào lọt trong phủ và đang kéo cờ ở phía ngoài phủ; chúa liền quay voi men theo bờ hồ Minh Đường, nhằm phía cửa ô Yên Hoa [2] mà chạy.

Bấy giờ Bình đã vào thành [3], hạ lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc của dân, rồi Bình vào phủ chúa nghỉ ngơi.

Mấy viên cận thần và các thân binh biết chúa chạy ra phía tây, bèn lục tục chạy theo. Tới ngoài cửa thành, hãy còn có chín thớt voi hơn mười con ngựa và hơn ngàn người. Lúc qua địa phận Từ Liêm,

---

1. *Hỏa hổ:* Là tên một thứ ống phun lửa của Tây Sơn.
2. Tức là ở Yên Phụ, Hà Nội bây giờ.
3. Nguyễn Huệ vào Thăng Long ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786).

dân quê thấy bóng gươm giáo, ngờ là địch đến, vội dắt nhau chạy. Quan quân trông đằng xa thấy dân chạy lại tưởng là địch, quá nửa số người vứt bỏ cả khí giới mà trốn. Đến huyện Yên Lãng, thì có người con trai Nguyễn Thưởng là Nguyễn Noãn, quê ở làng Vân Điềm, huyện Đông Ngàn, vốn là gia thần của chúa, đón chúa ở dọc đường, quỳ xuống mép đường bên trái mà thưa rằng:

– Ngày trước tôi vâng mệnh chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được năm trăm tên, đang chờ ở phía bờ bắc sông này. Xin chúa hãy ngự giá sang phía bắc, tới làng tôi đóng tạm để lo tính công việc về sau.

Chúa bèn sai gọi đò để sang sông. Bao nhiêu chân sào ở bến đò mỗi người lẩn đi mỗi ngả. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được khoảng 13, 14 người. Chúa vội lên thuyền, chỉ có năm sáu viên quan hoạn trẻ tuổi và Noãn đi theo. Còn bao nhiêu quan quân và voi ngựa đều phải ở lại; khi nhìn thấy chúa đã sang đến bờ bên kia, thì họ cũng bảo nhau trốn chạy tan tác.

Chúa lên bờ, không thấy một tên quân nào, vội hỏi Noãn thì Noãn đáp:

– Lính tráng hiện ở làng tôi, xin chúa quá bộ đi dấn lên phía trước, làng tôi cách đây cũng không xa.

Chúa có ý hối bị Noãn làm lỡ việc, lại sợ đi chưa chắc giữa đường có được yên lành hay không. Bấy giờ quanh mình chẳng có ai đáng tin; chúa nghĩ rằng chỉ có những bậc văn thần tiến sĩ là có thể trông cậy được, bèn hỏi Noãn:

– Những thôn ấp gần đây có viên tiến sĩ nào không?

Noãn thưa:

– Ở đây thì chẳng có ai là tiến sĩ. Chỉ có viên Thiêm sai Lý Trần Quán, trước kia phụng mệnh đi chiêu dụ nhân dân, vẫn đóng tạm tại làng Hạ Lôi, nhưng không biết hiện giờ có còn ở đó nữa không?

Chúa nói:

– Ngươi hãy thử đi hỏi xem. Nếu còn thì nên bảo kín tình trạng này để cho viên ấy biết mà lo liệu giúp ta.

Noãn vâng mệnh, đi tới ra mắt Lý Trần Quán kể rõ đầu đuôi, rồi nói:

– Tôi trước vâng mệnh về quê mộ quân, hiện nay đã mộ được một số, đang đợi ở địa giới huyện tôi. Quan lớn hãy liệu cách nào mượn tạm lấy ít binh lính, khí giới hộ vệ cho chúa tới đó, thế là yên ổn.

Quán có người quen là viên tuần huyện Trang [1] ở làng Hạ Lôi. Trang vốn là một tên tướng cướp, thuở trước đã có học với Quán. Bây giờ Quán trú ở Hạ Lôi cũng là nhờ có Trang che chở. Nghe Noãn nói thế, Quán cho gọi Trang vào bảo:

– Hiện nay có quan Tham tụng là Kế Liệt hầu tránh loạn đến đây, muốn phiền anh hộ tống ra khỏi địa phận.

Trang xin vâng.

Quán liền cùng Trang theo Noãn đến yết kiến chúa.

Nguyên lúc Quán ở chính phủ chỉ là một viên quan nhỏ, chưa từng được thấy mặt chúa, mà chúa cũng chưa hề biết Quán bao giờ. Khi ấy, chợt thấy Quán đến, chúa bèn ngoảnh lại hỏi mấy viên thị thần:

– Đó là người nào?

Bọn thị thần đáp:

– Đó là Lý Trần Quán!

Chúa đang nhún nhường chưa biết nên nói câu gì. Quán khi được tiếp kiến cũng tỏ ra hết sức cung kính, điệu bộ rụt rè, khúm núm. Vô tình chúa và tôi đều lộ chân tướng. Hồi lâu, chúa mới nói tâm sự với Quán. Quán chỉ vào Trang thưa:

– Tôi có tên này, vốn là học trò cũ của tôi, việc đó hắn rất có thể đảm đương được.

Rồi Quán quay sang bảo Trang:

– Anh phải cẩn thận hộ vệ quan lớn ra khỏi địa giới đấy nhé!

Trang thưa: "Dạ!"

Quán bèn từ biệt chúa, trở về nhà riêng. Còn Trang thì đem theo năm mươi thủ hạ đi hộ vệ chúa. Lúc đi qua một ngôi nhà mà Quán đã từng ở, Trang giữ chúa lại một căn phòng bỏ không và hỏi:

– Ông có phải là Đoan Nam vương thì cứ nói thật với tôi. Nếu không, rồi xảy ra việc gì, ông đừng có trách!

Chúa mới đầu còn định giấu giếm, bèn đáp:

– Sao anh lại đoán xằng như vậy? Ta chỉ là quan Tham tụng Bùi Huy Bích mà thôi!

Trang nói:

---

1. Tức Nguyễn Trang.

– Ông chớ nói dối người ta. Cái bộ điệu che đậy của chúa tôi nhà ông lúc nãy tôi đã thấy cả rồi, còn che mắt ai được nữa? Từ xưa đến nay, hưng phế là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi, đừng có làm gì nữa cho thêm nhọc mình!

Rồi Trang đưa chúa về nhà. Chúa giận lắm, đổi sắc mặt mà nói:

– Vua chúa phải có mệnh trời. Chính thật Đại nguyên soái Đoan Nam vương là tao đây! Nếu có chết về tay người trong nước thì cũng là mệnh trời. Thả hổ cho mày làm gì thì làm!

Trang bèn sai người đi báo tin cho quân Tây Sơn. Hết thảy những kẻ đi theo chúa đều bị bắt giữ.

Quán nghe tin có việc biến, thân hành đến tận chỗ chúa, rập đầu xuống đất mà nói:

– Làm lầm chúa đến nông nỗi này, là do tội của tôi cả!

Tông đáp:

– Người ta ai có bụng nấy, khanh có can dự gì?

Quán lui trở ra, bảo Trang:

– Chúa là chúa chung của thiên hạ. Mà ta lại là thầy anh. Chúa tôi là nghĩa lớn, sao anh nỡ làm như thế?

Trang đáp:

– Quan lớn không bảo tôi trước, khiến tôi trót lầm đến gặp chúa. Nếu chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi nữa quân Nam đến hỏi tội tôi, liệu quan lớn có thể biện bạch hộ được không? Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình, tôi không để quan lớn làm cho lầm lỡ đâu?

Tiếp đó, Trang bức Quán phải trở về nhà, rồi quát thủ hạ dìu chúa về kinh đô.

Quán tới lạy chúa, vừa khóc vừa kêu gào rằng:

– Ối trời ơi! Tôi giết chúa tôi rồi, trời có hay chăng?

Chúa an ủi:

– Tấm lòng trung thành của khanh, "cô" [1] đã biết rồi đừng nên tự oán mình như thế!

Quán muốn nèo chúa ở lại chút nữa, nhưng chưa kịp nói thì chúa đã bị Trang đẩy đi rồi.

---

1. Lối khiêm xưng của vua chúa đời xưa.

Đi đến giữa đường, Trang dẫn chúa vào tạm nghỉ trong một cái quán. Chúa vớ được con dao con của nhà hàng, đưa lên đâm ngay vào cổ mình. Trang trông thấy vội giằng lấy dao. Mũi dao đâm vào hãy còn nông, nên vết thương ở cổ nhỏ. Chúa bèn dùng ngón tay chọc vào vết thương xé cho rách thêm ra, nhưng cũng bị Trang ngăn lại. Một chốc, chúa thấy trong bụng nôn nao, buồn bực, đòi uống nước lạnh. Trang sai người lấy nước cho chúa, Chúa bưng nước uống xong thì chết liền. Trang đưa thi hài chúa đến kinh. Quân Tây Sơn mừng lắm, đem phơi xác chúa ra ngoài cửa Tuyên Vũ để cho thiên hạ cùng biết. Sau đó, sai khâm liệm chúa đúng theo lễ vua chúa, rồi dùng kiệu rồng đưa ra chôn ở lăng Cung quốc công [1].

Còn Trang, được phong làm Tráng Nghĩa hầu thêm chức trấn thủ Sơn Tây. Hôm ấy nhằm ngày 27 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786) [2].

Ở Hạ Lôi, Lý Trần Quán sau lúc từ biệt chúa, liền quay về nhà trọ, nói với chủ nhà rằng:

– Bề tôi mà làm lầm chúa, tội thật đáng chết! Nếu ta không chết, không lấy gì tỏ được lòng này với trời đất. Vậy hãy sắm cho ta một cỗ quan tài, mười vuông vải trắng, để ta làm theo cái chí của ta.

Chủ nhà hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe, nói rằng:

– Ta đã muốn chết, tự khắc còn có những cách khác, nhà ngươi không thể ngăn nổi đâu. Nếu quả là yêu mến ta, thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phẫn uất, bồn chồn. Chủ nhà ngăn Quán không được, biết lòng trung của Quán không thể lay chuyển, đành phải sắm sửa đầy đủ các thứ theo như lời Quán đã bảo.

Quán sai đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó, đội mũ mặc áo chỉnh tề, hướng về phía Nam lạy hai lạy. Lạy xong, lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dây lưng trắng thắt ngang lưng; rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đậy nắp lại.

Tấm ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra:

---

1. Nơi chôn Trịnh Cán.

2. Theo *Trịnh thị thế gia*, thì ngoài Trang còn có Nguyễn Noãn tức Ba Đóm cũng tham dự vào việc bắt Tông. Nhưng lúc Noãn đòi thưởng công thì Nguyễn Huệ cho là bất nghĩa và sai đem chém ngay.

– Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã.

Chủ nhà lại mở nắp ra, Quán liền đọc hai câu rằng:

Tam niên chí hiếu dĩ hoàn,
Thập phần chí trung vị tận [1].

Rồi Quán bảo với chủ nhà:

– Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta.

Nói xong câu ấy lại tiếp luôn:

– Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé!

Chủ nhà và năm sáu tên đầy tớ cùng sụp xuống lạy chào ở trước quan tài; rồi đậy nắp và lấp đất lên. Hôm ấy ngày 29 tháng 6, năm Bính Ngọ (1786) sau khi chúa chết hai ngày.

Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766); tính nết giản dị, chất phác và rất hiếu thảo. Trong khi chịu tang mẹ, Quán ở nhà mồ luôn ba năm liền; miệng không ăn thịt cá, thân thể gầy rạc, chỉ còn da bọc xương, Quán thường tự nói: "Ta nay đã bốn chục tuổi đầu, nhưng những việc làm đã làm trong quãng đời vừa qua của ta, chỉ có ba năm chịu tang này là gần với đạo làm người". Bởi Quán cư xử không còn điều gì đáng phàn nàn như vậy, nên khi sắp chết, Quán mới có lời tự hứa [2] như thế.

Sau khi Quán mất, thiên hạ ai cũng thương chúa và kính trọng Quán là bậc nghĩa khí. Rồi nhân đó truy nguyên đến kẻ gây ra tai họa, không ai là không oán Chỉnh. Chỉnh cũng cảm thấy điều ấy.

Chỉnh có một người quen là Đỗ Thế Long, quê ở làng Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, vốn là một kẻ giảo hoạt. Hồi Chỉnh nợ tiền công bị bỏ ngục, Long vì cớ khác phải tội, cũng cùng ở tù với Chỉnh. Long làm các bài từ khúc bằng chữ Nôm rất giỏi, so với Chỉnh cũng không kém gì. Kịp đến khi Chỉnh ở Tây Sơn, Long vẫn còn bị giam. Chỉnh tới kinh, tức thì sai người thả Long ra, và đãi Long làm bậc khách quý. Mỗi lần có việc nước, Chỉnh đều hỏi han Long, Long biết điều gì, không bao giờ không nói. Đã nói, không bao giờ Chỉnh không theo.

Đến lúc này thấy chúa chết, Chỉnh bèn nói với Long rằng:

---

1. Nghĩa là: Đạo hiếu ba năm đã trọn, Chữ trung mười phần chưa hết.

2. Tự hứa nghĩa là tự cho rằng mình có điều đáng khen. Ở đây chỉ vào câu "Tam niên chí hiếu dĩ hoàn", ý nói mình đã tận hiếu với cha mẹ.

– Chúa không tin bụng ta, nên mới đến nỗi tự hủy hoại đời mình. Nếu chúa còn sống, hẳn ta cũng đặt vào một địa vị thanh nhàn không để đến nỗi phải mất danh lộc.

Long nghe lời lẽ của Chỉnh, thấy Chỉnh đối với chúa cũng có tình, bỗng nhiên Long nảy ra cái ý muốn lập lại họ Trịnh. Rồi nhân ý của Chỉnh, Long bèn xoay chuyển thêm để cho đúng với cơ mưu của mình.

Thật là:

Ác độc than người tàn phá trứng,
Ngây thơ cười kẻ giữ gìn con [1].

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ NĂM

Phò chính thống, thượng công vào điện
Kết duyên lành, công chúa ra xe

Lại nói, Đỗ Thế Long nghe lời lẽ Chỉnh có ý hậu với chúa, bèn nhân đó nói với Chỉnh rằng:

– Việc ông đã làm, tiếng là nhân nghĩa, nhưng xét rõ ra thì lại là tàn hại! Ngày nay ông có cái thế nghiêng non lật biển, quả thật là nhờ vào sự giúp đỡ của quý quốc [2]. Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, thử hỏi có cái gì không phải là ơn của nhà chúa? Chuyến này ông lấy tiếng: "Phù Lê, diệt Trịnh" để kéo quân ra, thật là quá lắm! Nếu bảo nhà chúa hiếp chế nhà vua là việc có lỗi, thì sao lại không nghĩ đến cái công tôn phò hai trăm năm trời? Theo người mới mà phản người cũ là bất nghĩa; bới lỗi lầm để lấp công lao là bất nhân. Đã bất nghĩa, bất nhân tức là tàn hại. Kẻ đại

1. Phá "trứng" dịch ở chữ hủy noãn, nghĩa bóng ý nói Nguyễn Hữu Chỉnh diệt họ Trịnh cũng giống như phá tổ chim đập vỡ trứng chim. "Giữ gìn con" tạm dịch ở chữ "Tồn sô" nghĩa đen là bảo tồn con chim non. Nghĩa bóng ý nói Đỗ Thế Long muốn lập lại họ Trịnh cũng giống như tổ chim đã bị phá mà còn muốn bảo tồn con chim con.

2. Chỉ Tây Sơn.

trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào địa vị tàn hại được ư?

Chỉnh nghe nói, sắc mặt tái mét, lặng đi hồi lâu mới đáp:

– Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi làm cái việc tôn phò ấy, là cốt để chống đỡ cho nền cương thường. Đó là một việc nhân nghĩa vô cùng lớn lao. Vậy mà ông lại cho là tàn hại, chẳng phải là ông nói nhau quá tệ ư? Nếu tôi không nghĩ sai, thì chắc là ông nói quá lời đấy!

Long nói:

– Nhà vua vốn đã tôn quý sẵn rồi, cần gì đợi ông tôn phò nữa? Chẳng qua ông cũng chỉ mượn cớ ấy để làm cho trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng mà, nhà nước đang như chiếc âu vàng lành lặn, bỗng dưng vô cớ ông đưa người ngoài đến đây, làm hại chủ súy, làm hại nhân dân; người trong thiên hạ nhất định sẽ còn cho ông là beo, sói, diều, quạ. Bảo là tàn hại cũng chưa phải là quá đáng. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, cũng giống như cáo mượn oai hùm. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc sẽ có ngày sinh biến. Vả lại, mai đây người ta bỏ ông mà về; bấy giờ ông lấy cái thân cỏn con để công cái tội tầy trời, làm sao mà đứng vững được với thiên hạ?

Chỉnh giận nghiến răng lại, nhưng vẫn còn làm ra vẻ mặt tươi cười mà rằng:

– Vậy thì ông bạn của giống beo, sói, diều, quạ, bảo giống beo, sói, diều, quạ nên làm thế nào bây giờ?

Long đáp:

– Ông ra chuyến này, chẳng qua muốn vì ngài trấn thủ trước [1] mà trả thù bọn kiêu binh. Nay kiêu binh đã diệt, ấy là chí ông đã thỏa. Nếu ông có thể nhanh chóng xoay lại đường lối đã định, khéo điều đình với quý quốc, khiến cho họ mãn nguyện mà rút quân về. Ông ở lại, chọn trong tôn thất họ Trịnh lấy một người khá, lập nên làm chúa, còn ông thì sẽ làm phụ chính. Đó thực là cái công không mấy đời có vậy!

Chỉnh nói:

– Đúng, nhưng để tôi nghĩ xem đã. Bây giờ ông hãy về nhà, đi tìm người nào đáng nói, rồi liệu mà sửa lời nói cho khéo, đợi lúc người ta thích nghe, thì ông có thể dùng lời nói mà làm cho mình

1. Chỉ Quận Huy.

được vẻ vang đấy!

Long ra khỏi, Chỉnh bảo với mọi người xung quanh:

– Rồng [1] thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn để nó làm mê hoặc thiên hạ.

Rồi Chỉnh sai người chặn bắt Long ở ngoài cửa, trói lại, đem ra dìm xuống giữa dòng sông Nhị Hà.

Lại nói, Nguyên soái Tây Sơn ngay từ lúc mới đến Vị Hoàng, đã làm tờ tâu nói rõ về ý tôn phò và đã sai người bí mật dâng lên nhà vua. Người ngoài cũng nghe phong phanh chuyện đó. Nhưng phần đông đều cho rằng lòng giặc khó lường, lời nói suông chưa thể tin được. Bởi vậy, khi ấy quan, quân, lại, sĩ ở kinh thành ai cũng tranh nhau mà chạy trốn. Người nào còn bận việc quan hoặc còn đang mắc cớ gì khác, chưa kịp ra ngoài thành thì đến ngày 26, cũng hốt hoảng đeo bọc mang hòm chuồn ra nốt.

Nhân lúc rối ren, dân chúng ở xung quanh kinh thành tha hồ rủ nhau đón đường cướp bóc. Ngựa xe, của nả của họ hàng nhà chúa và của các đại thần, đại phu đều bị họ lấy sạch, không biết bao nhiêu, chỉ còn trơ chiếc mình không mà chạy.

Còn bọn kiêu binh, sau khi tan vỡ đều phải chạy trốn đi các nơi.

Nhưng chúng đến đâu cũng bị dân quê kể tội kiêu ngạo lộng quyền ngày trước và làm cho nhục nhã đủ đường, không có ai chứa chấp.

Bữa ấy có một người cởi trần trùng trục cũng ở trong thành chạy ra, khi qua cửa ô bị dân chúng trông thấy, họ liền chỉ mặt mà nói:

– Thằng bụng phệ kia chẳng phải lính Nhưng, Kiệu [2] là gì, lôi cổ nó lại mà đánh chết đi!

Người ấy vội đáp:

– Không phải, ta là huyện úy Thọ Xương đây!

Mọi người cùng cười mà rằng:

– Người ta thường nói "bụng to như bụng ông huyện", thật không sai!

Người ấy cũng cười rồi đi.

Ngày hôm đó, lính Thanh Nghệ dắt díu nhau về quê, bị đói khát ở dọc đường, lại chết thêm đến hàng trăm tên.

---

1. "Rồng" là nghĩa của chữ "long" (tên Đỗ Thế Long).
2. Nhưng và Kiệu là tên của hai cơ lính trong hàng ngũ kiêu binh hồi bấy giờ.

Riêng có chi phái nhà vua, các gia thần nội điện, các lính tráng nội điện, cùng dân chúng ở phố phường quanh điện, thì vẫn yên ổn như cũ.

Đến ngày kinh đô bị mất, Bình vào thành, việc trước tiên là sai tỳ tướng đem một đội quân vây giữ cung điện. Lúc ấy hoàng thượng đang ốm, các hoàng tử đều hầu hạ ở trong điện. Thấy sân điện có quân lính đứng vây kín như bức tường, ngờ là địch đến bức bách nhà vua, ai nấy vội vàng nâng hoàng thượng dậy, định dìu ra vườn Tam Sơn ở mé sau điện mà trốn. Chợt thấy có viên tỳ tướng quỳ ở giữa sân, hai tay nâng tờ tâu lên trán để tiến dâng, gia thần nội điện chạy ra đón lấy và đem dâng vua. Trong tờ tâu, đại ý nói những lời thăm hỏi sức khỏe nhà vua, sau xin ngày khác sẽ vào ra mắt. Hoàng thượng xem xong tờ tâu, bấy giờ trong lòng mới yên.

Tinh mơ sớm hôm sau, Bình và Chỉnh cùng vào điện Vạn Thọ để ra mắt nhà vua. Quan hầu vào tâu, hoàng thượng đang ở trong điện, sai người vén màn lên, đưa Bình vào hầu ở sập ngự. Bình sụp xuống đất lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Hoàng thượng sai hoàng tử nâng Bình dậy, và mời đến ngồi vào một chiếc sập khác ở bên trái sập ngự, Bình nhún nhường không dám ngồi. Hoàng thượng phải hai ba lần dụ, Bình mới ngồi ghé vào một góc chiếu cuối sập, một chân bỏ thõng xuống đất.

Hoàng thượng úy lạo hết sức ôn tồn. Bình nói:

– Thần vốn là một kẻ hèn mọn ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của Bệ hạ, ăn lộc của Bệ hạ. Nhưng vì thánh đức của Bệ hạ tràn đi xa rộng, nên thần tuy ở chốn mọi rợ cũng vẫn một lòng kính mến. Ngày nay được thấy mặt rồng, cũng là bởi tấm lòng chí thành như hoa quỳ[1] của thần xui khiến ra vậy. Vả lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh để tỏ oai quyền của Bệ hạ. May được thành công như thế này thực cũng là nhờ phúc lớn của Bệ hạ đem đến. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể khỏe mạnh, cai trị thiên hạ, cho thần được hưởng chút phúc thừa.

Hoàng thượng đáp:

– Đa tạ ông có lòng hậu đối với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ

---

1. Ý Bình muốn nói: Lòng luôn luôn hướng về nhà vua hoa quỳ luôn luôn hướng về mặt trời.

xa đến đây, thật là vất vả cho tôi tớ ngựa xe. Hiềm nỗi quả nhân ở ngôi thanh bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Bình nói:

– Thần vì nghĩa tôn phò mà đến đây, đâu dám kể công lao. Vả chăng, chuyến này thần ra cũng là bởi ý trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với Bệ hạ mà kéo quân ra, thì đành rằng quân lính, thuyền bè, thần có thể điều khiển được, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nồm mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là mệnh trời muốn Bệ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho ức vạn năm sau. Từ nay, thần xin Bệ hạ sắp đặt giềng mối, yên kẻ trong, nuôi kẻ ngoài, để đưa cõi đời này lên cảnh thái bình. Ấy là thần được ban tặng nhiều lắm vậy!

Rồi Bình ngoảnh về phía Chỉnh nói:

– Kia là bề tôi cũ của Bệ hạ đấy!

Chỉnh liền ra trước sập ngự lạy vua.

Hoàng thượng phán cho Chỉnh ngồi.

Bình lại nói:

– Ông này đội ơn tước lộc của Bệ hạ tưởng chưa nhiều lắm. Vậy mà tấm lòng trung thành của ông ấy đối với Bệ hạ, thật là có một không hai trong nước Nam. Thần được đến đây cũng chính là nhờ vào công sức giúp đỡ của ông ấy một phần lớn.

Hoàng thượng nói:

– Chỉnh biết trung nghĩa như vậy cũng là do ông gây dựng cho.

Chỉnh rập đầu rằng:

– Thật đúng như lời dạy của Thánh thượng.

Hoàng thượng vỗ về, an ủi hồi lâu nữa, rồi Bình cáo từ mà rằng:

– Hiện giờ thánh thể không được khỏe mạnh lắm, ứng tiếp mãi e rằng sẽ mỏi mệt. Thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay về sau, thỉnh thoảng thần lại xin vào chầu. Nếu Bệ hạ còn muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính đợi chờ thánh chỉ.

Hoàng thượng nói:

– Quả nhân có nước mà không được tham dự, khoanh tay rủ áo đã hơn bốn mươi năm. Nay lại già lẫn, việc nước việc quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phò, thì hãy nên ở lại tệ quốc giúp quả nhân, xin đừng ruồng bỏ!

Bình đáp:

– Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hóa; nay đã trót ra đây cũng là việc nhân tiện mà làm, thần không dám ở lâu. Tuy nhiên, vì bốn phương còn rối loạn, nên thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên đã rồi mới xin về.

Hoàng thượng sai trà đồng pha chè thết Bình. Bình ung dung uống chè, rồi lui ra. Chỉnh cũng ra theo.

Trong lúc ngồi chầu, Chỉnh nhận thấy các quan tản mát chẳng ra sao; gia thần của hoàng thượng thì không có người nào ứng đối nên lời. Còn về hoàng thân, chỉ có Thanh Nguyên hầu Lê Duy Thiều, Áng Sơn hầu Lê Duy Phục, mà cũng đều là những kẻ tầm thường. Xem chừng không còn ra triều đình nữa. Về hàng quan văn chỉ còn hai người là Lê Duy Lâm và Lê Duy Chiểu thì lại đều là những kẻ lêu lổng ở Trường An, vì cùng khốn quá không cần phải lẩn trốn, mới vào nương nhờ trong nội điện, rồi nhân có Thanh Nguyên hầu tiến dẫn, nên được hoàng thượng dùng để coi về việc giấy má. Đối với hai người này, bụng Chỉnh cũng đều không ưa. Chỉnh tự nghĩ: "Gần đây, những triều thần có tham dự chính sự và hàng ngày mình cũng đã biết, thì chỉ có Tứ Xuyên hầu Phan Lê Phiên, Kiến Xuyên hầu Trương Đăng Quỹ, Thao Đường hầu Uông Sĩ Lãng [1], Luyện Đường hầu Trần Công Thước, Thiêm sai Nhữ Công Điền, Hoàn quận công Nguyễn Hoàn, cả thảy sáu người". Chỉnh bèn tâu xin hoàng thượng ban sắc gọi đến. Hoàng thượng lập tức cho đi vời ngay mấy người vào triều.

Phan Lê Phiên và Nhữ Công Điền bị cách chức, ở nhà đã lâu. Nguyễn Hoàn, Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Lãng và Trần Công Thước đều lánh nạn binh đao ở ngoài thành. Khi có chỉ nhà vua đòi, các viên ấy đều vâng mệnh tới kinh, riêng Nhữ Công Điền lấy cớ mắc bệnh điên để từ chối.

Uông Sĩ Lãng thấy chiếu vua đòi, ngờ có sự quở trách gì, trước khi vào chầu, vội đem chiếc ấn bộ Binh mà Lãng vẫn giữ, nộp cho Chỉnh để xin hàng. Nhưng Chỉnh trả lại ấn và bảo cứ ra. Thế là từ đó, các viên ấy ngày ngày lui tới triều đình để bàn việc nước. Những viên quan khác nghe tin, cũng đều lục tục đến kinh. Hoàng thượng liền truyền cho tất cả các viên quan trong triều đều phải tùy công việc mà giao thiệp với Bình.

1. Còn có tên là Uông Sĩ Điền.

Bình tự nghĩ rằng mình ở nước ngoài xa xôi mới đến, chưa am hiểu phong tục tập quán của xứ này; cho nên công việc giao thiệp với các quan trong triều, Bình đều nhất nhất nghe theo Chỉnh.

Một hôm Chỉnh nói với Bình rằng:

– Ngài lấy danh nghĩa tôn phò nhất thống mà ra đây, thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân việc nước đều phải do hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự tôn phò. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ, ngài vào ra mắt hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay ngài nên chọn ngày lành, cử hành lễ chầu yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại.

Bình lấy làm phải, bèn chọn ngày mùng 7 tháng bảy.

Đến ngày, Bình xin hoàng thượng mở cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các quan đều theo thứ tự đứng hầu. Bình tự dẫn các tướng sĩ theo cửa Đoan Môn đi vào. Sau khi đã lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Bình dâng lên tờ tấu nói về công diệt họ Trịnh, cùng các sổ sách quân, dân để hoàng thượng sai quan coi giữ.

Hoàng thượng nhận lễ triều yết xong, truyền đưa tiễn Bình ra khỏi cửa điện, rồi bãi triều.

Hôm sau, hoàng thượng sai quân đem tờ chiếu đến tận chỗ đóng quân của Bình, phong cho Bình làm Nguyên soái phù chính dực vũ, Uy quốc công.

Bình làm lễ bái mạng nhận phong xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn, rất là chu đáo.

Nhưng sau đó, Bình bảo riêng với Chỉnh rằng:

– Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận mà dẹp yên được cả thiên hạ. Một thước đất, một người dân của nước Nam, không có cái gì không thuộc quyền sở hữu của ta. Ví phỏng ta muốn xưng đế, xưng vương, gì mà chẳng được. Sở dĩ ta nhường nhịn không ở những ngôi ấy, là hậu đãi nhà Lê đó thôi! Cái chức Nguyên soái, quốc công, với ta có thêm được gì đâu? Phải chăng là nước Nam dùng cái danh hão ấy để lung lạc ta? Nếu ta không nhận thì e hoàng thượng bảo ta là kiêu căng. Song nhận mà không nói gì, thì người trong nước lại bảo ta là mọi rợ. Nên nhân tiện nói chuyện, thì ta cũng nói cho rõ mà thôi!

Chỉnh biết ý Bình không bằng lòng, bèn bịa ra lời riêng của hoàng thượng rồi vờ tiết lộ với Bình rằng:

– Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi rằng: nhà vua đơn bạc, không có vật gì đáng tặng. Vẫn biết những danh tước nhỏ mọn, không đủ làm cho ngài sang thêm. Song vì tục lệ trong nước vốn chuộng lễ nghĩa, nên cũng gọi là tỏ chút lòng thành của hoàng thượng kính ngài mà thôi. Bản ý của hoàng thượng vẫn cho rằng đã cao tuổi, sợ sau khi ngài về, không thể nương tựa vào ai, nên người muốn nối liền tình thân hai họ, để cho hai nước đời đời kết tình thông gia giao hảo với nhau. Nhưng vì chưa hiểu ý ngài thế nào, nên hoàng thượng vẫn còn trù trừ chưa dám nói rõ.

Bình đáp:

– Xưa nay những kẻ chinh phu xa nhà, tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy kia à? Ừ! Em vua nước Tây, làm rể hoàng đế nước Nam, "môn đương hộ đối" như thế, tưởng cũng không mấy người đã có được.

Mọi người ngồi quanh Bình đều cười.

Bình lại tiếp:

– Nhưng nói đùa đó thôi! Ý nghĩ ấy của hoàng thượng thật là mưu kế già giặn. Người muốn cho hai nước hòa hiếu với nhau đấy mà.

Chỉnh biết là Bình bằng lòng, bèn vào tâu với hoàng thượng, kể hết đầu đuôi như vậy, rồi lại hỏi xem con cái hoàng thượng hiện còn mấy công chúa chưa gả chồng.

Nguyên trong số những người con gái đẻ sau của hoàng thượng còn có đến năm, sáu nàng công chúa chưa chồng. Nhưng chỉ riêng có một nàng tên chữ gọi Ngọc Hân, là người có sắc đẹp và nết na hơn cả. Hoàng thượng rất yêu quý Ngọc Hân, thường ngày vẫn nói:

"Con bé này ngày sau nên gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường!"

Lúc ấy nghe lời Chỉnh nói, hoàng thượng trong bụng cũng ưng, bèn bảo Chỉnh:

Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ có mình Ngọc Hân là có chút nhan sắc. Tuy vậy, thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch, chưa biết ở mắt người ngoài thì ra sao. Ngươi hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi tùy ngươi lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành việc đi!

Rồi hoàng thượng sai viên quan đứng hầu đi gọi các công chúa. Một lát, tất cả các cô con gái chưa chồng của hoàng thượng đều ra hầu ở trước ngự tọa. Chỉnh liếc nhìn một lượt, rồi nói:

– Được rồi! Mối nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối, mười phần chắc xong cả mười.

Rồi Chỉnh về nói với Bình:

– Câu chuyện riêng hôm qua tôi nói với ngài, nay tôi đã vào tâu với hoàng thượng, Người vui mừng mà bảo tôi rằng: Nếu đã được ngài bằng lòng cho như thế, âu cũng là duyên trời run rủi. Hiện hoàng thượng có nàng công chúa thứ chín, tuổi vừa đôi tám, xin cho nương bóng nhà sau, hầu hạ khăn lược, để cho hai nước thành ra thông gia, đời đời hòa hiếu với nhau.

Bình nói đùa rằng:

– Vì dẹp loạn mà ra, để rồi lấy vợ mà về, bọn trẻ nó cười cho thì sao. Tuy nhiên, ta mới chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng nên thử một chuyến xem có tốt không?

Những người cùng ngồi với Bình đều cười ầm.

Chỉnh ra về, Bình lại nói thêm:

– Tôi xin kính lạy dưới bệ hoàng thượng vạn tuế! Ở nơi khe núi hẻo lánh xa xôi tới đây, há dám đường đột như vậy? Bây giờ may sao lại được bám vào cành vàng lá ngọc, thật là mối duyên kỳ ngộ ngàn năm mới có. Kẻ ở khe núi này xiết bao mừng rỡ.

Chỉnh vào điện tâu lại với Hoàng thượng. Hoàng thượng bèn gả công chúa Ngọc Hân cho Bình.

Bình chọn ngày mồng mười tháng ấy, sắp sẵn hai trăm lạng vàng, hai ngàn lạng bạc, hai chục tấm đoạn màu, bày biện gươm giáo cờ quạt; rồi sai viên thị lang bộ Hình đem các thứ lễ vật đó cùng một tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Hoàng thượng cho hoàng tử là Sùng Nhượng công ra đón nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái Miếu, định ngày hôm sau thì đưa dâu. Rồi hoàng thượng lại truyền cho các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm đó đợi ở cửa điện, để đưa công chúa về phủ của Bình.

Sáng sớm hôm sau, Bình lại sai quan đem một tờ tâu vào triều, xin cho làm lễ nghênh hôn. Một mặt, Bình khiến quân lính đứng sắp

hàng ở hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái trong kinh nghe tin, rủ nhau đi xem đông như ngày hội. Ai cũng cho là việc hiếm có xưa nay. Khi xe của công chúa tới cửa phủ, Bình ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thảy mọi thứ lễ nghi đều theo đúng như lệ thường ở các nhà. Sau khi công chúa vào phủ, Bình sai đặt tiệc ở bên ngoài để thết các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ đi đưa dâu. Trong tiệc, mọi người đều theo thứ bậc mà ngồi. Tiệc tan, Bình sắp riêng hai trăm lạng bạc, sai quan ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái, và đưa tiễn ra tận cửa phủ. Các quan ra về, lại họp ở nhà công đường bộ Lễ, ai nấy đều khen nhà vua kén được rể tốt, và bảo nhau: "Thế là từ nay nước An Nam ta đã có một nước dâu gia".

Công chúa lúc mới về còn có vẻ bẽn lẽn e thẹn, nhưng sau rồi cũng quen. Hôm vào làm lễ yết các vị tiên hoàng đế ở nhà Thái Miếu, Bình và công chúa dóng kiệu cùng đi, lúc lễ xong lại dóng kiệu cùng về.

Bình vốn có tính kiêu căng, chợt hỏi công chúa:

– Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được vẻ vang như nàng.

Công chúa đáp:

– Nhà vua ít lộc, các con trai con gái ai cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lấy được lệnh công [1], ví như hạt mưa, hạt móc bay ở giữa trời, được sa vào chốn lâu đài như thế này, là sự may mắn của thiếp mà thôi!

Bình nghe câu ấy, thích thú lắm.

Đến ngày 14, bệnh của hoàng thượng đã nguy kịch. Bình muốn nhân lúc nhà vua đang còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về cuộc thống nhất để trong ngoài đều biết, cho trọn vẹn cái công tôn phò của mình. Bình bèn chọn ngày rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tấu lên xin với hoàng thượng. Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây đan trì [2]. Các lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ trang trọng, rồi xin hoàng thượng ra ngự chầu. Sau khi các hoàng tử đã dìu hoàng thượng lên ngự tọa, ngoài điện đã nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong, hoàng thượng ban tờ chiếu nói về việc thống nhất, sai đem dán ở ngoài cửa Đại Hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy, đều khen "phúc,

1. Tiếng gọi tôn trọng, chỉ Nguyễn Bình.
2. Thềm sơn đỏ nơi cung điện nhà vua.

lộc, thọ khảo"[1] của hoàng thượng thế là hoàn toàn tốt đẹp.

Sau ngày lễ ấy, bệnh của hoàng thượng ngày càng nguy hơn, đã gần hấp hối. Công chúa mời Bình vào thăm. Bình nói:

– Nay tôi với hoàng thượng, nghĩa như cha con. Tôi thành thật muốn kịp thời vào thăm khi hoàng thượng còn sống, để chiêm ngưỡng mặt rồng, cho tỏ tấm lòng lưu luyến. Song, tôi mới từ xa tới đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua hoàng thượng ra ngự chầu, ai biết thánh thể mang bệnh? Nếu như tôi vào thăm lại chẳng may đúng lúc Người về chầu trời, há chẳng khiến cho tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư? Chi bằng, nàng cứ về thăm hoàng thượng và nói rõ với các anh chị em như thế, để ai nấy hiểu lòng tôi.

Công chúa Ngọc Hân từ biệt Bình về cung thăm vua cha.

Đêm đó, hoàng thượng tinh thần tỉnh táo, bèn cho đòi hoàng tự tôn vào, dặn dò các công việc lớn lao của nhà nước, lại cho đòi công chúa Ngọc Hân vào để dạy bảo về đạo làm vợ. Trối trăng với con cái xong đâu vào đấy, đúng giờ Mão ngày 17, hoàng thượng băng ở điện chính tẩm. Bấy giờ hoàng thượng thọ 70 tuổi, ở ngôi vua được 47 năm.

Nhà vua râu rồng, mũi cao, tóc bạc, mắt phượng, đi nhẹ như nước, ngồi vững như non; tính nết hiền từ, giản dị. Khi còn làm hoàng tử, vì việc ông hoàng Lê Duy Mật chống lại họ Trịnh, nên nhà vua bị chúa Trịnh nghi ngờ, đem giam vào nhà viên nội thị Hồng quận công. Đến năm Canh Thân (1740), Nghị Tổ[2] lên làm chúa, Quận Hồng ra trấn Sơn Nam, chúa liền chuyển nhà vua đến giam ở nhà cậu mình là Bính quận công.[3] Khi chưa có lệnh ấy của chúa, một hôm Quận Bính bỗng mơ thấy thiên tử tới nhà, cờ quạt phất phới, nhã nhạc vang lừng, rõ ra cảnh tượng của đời thái bình. Sớm hôm sau liền thấy Quận Hồng cho giải hoàng tử đến giam ở nhà mình, Quận Bính hết sức ngạc nhiên, nghĩ rằng giấc mộng lúc ban đêm không phải là tình cờ, bèn vào kể lại với chúa. Bấy giờ bốn phương đang loạn lạc, thế nước ngả nghiêng, chúa thấy điềm lành ấy, muốn nhờ vào phúc đức của nhà vua để dẹp cho yên thiên hạ, liền cho đón về, lập nên ngôi và đặt niên hiệu là Cảnh Hưng.

1. Phúc là điều tốt lành, lộc là của cải, thọ khảo là sống lâu.
2. Tức Trịnh Doanh.
3. Vũ Thận cậu ruột Trịnh Doanh, em thái phi Vũ thị.

Sau khi nhà vua lên ngôi, bốn phương dần dần dẹp xong, thiên hạ lại bình yên. Chúa biết phúc của nhà vua rất lớn, nên càng hết sức tôn kính. Nhà vua cũng nhã nhặn, khiêm tốn, tin cậy vào chúa. Thỉnh thoảng chúa lại dâng tiến thức nọ thức kia, vì thế sự chi dùng của nhà vua cũng được thừa thãi.

Lúc nhà vua ở ngôi, chẳng qua chỉ rủ áo khoanh tay, tìm trò mua vui chứ không có việc gì phải lo. Nhà vua lại giỏi về các kỹ nghệ lặt vặt. Bao nhiêu điệu Nhạc phủ, nhà vua đều chế ra bài mới, âm thanh cực kỳ du dương, trong sáng. Thường khi nhà vua lại còn theo tranh Tam Quốc, sai các cung nữ mặc áo trận, cầm giáo mác, chia thế trận ba nước Ngụy – Ngô – Thục, rồi dạy họ các cách ngồi, đứng, đâm, đỡ, để mua vui trong lúc thư nhàn.

Những năm tuổi già, nhà vua bị Thánh Tổ Trịnh Sâm đè nén đủ đường, người khác hẳn phải tức giận không thể chịu nổi, nhưng nhà vua thì vẫn vui đùa như thường. Những người gần gũi nhà vua thấy vậy đều can ngăn. Nhà vua liền đáp rằng:

– Các người mới chỉ biết một mà chưa biết hai. Nhà vua đối với nhà chúa, hiện nay đang ở vào thế bị ngờ vực; nếu trẫm lấy việc mất quyền làm tức giận, thì nhà chúa ắt phải ngấm ngầm tính việc chẳng hay. Vì vậy, trẫm phải mượn hứng vui chơi như thường để tránh tai vạ đó thôi.

Có lần, nhà vua lại nói với các cung nữ rằng:

– Trong đời ta, thế nào cũng có phen được trông thấy cuộc nhất thống, nhưng đó chẳng phải là điều mà ta vui mừng.

Các cung nữ hỏi lại:

– Nhà chúa chèn ép như vậy, nếu chúa bại là may cho nhà vua, cớ sao bệ hạ lại không vui mừng?

Nhà vua đáp:

– Trời sai nhà chúa phò ta. Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất chúa, tức là cái lo lại về ta, ta còn vui gì?

Khi Đoan Nam vương Trịnh Tông mới lên làm chúa, bọn kiêu binh có lần đã nghĩ đến mưu tôn phò nhất thống và lén đến xin ý kiến nhà vua. Những người xung quanh cũng đã khuyên nhà vua nên nghe theo mưu ấy. Nhưng nhà vua nói:

– Ta vì thành thật nghe theo trời nên mới được như thế này.

Những chuyện do ở mưu người xếp đặt, ta quyết không làm. Nếu kẻ nào còn dám nói đến chuyện đó, trẫm sẽ lôi sang cho chúa, để theo phép mà làm tội.

Vì thế, mưu ấy mới thôi.

Đến hồi này, thấy Bình làm việc tôn phò, nhà vua bề ngoài tuy mừng nhưng bề trong thì lại lo. Những việc giao thiệp, tiếp đãi đều là bất đắc dĩ.

Kịp đến khi bệnh nặng, nhà vua bảo với hoàng tự tôn rằng:

– Ta chỉ sớm tối là được trút hết gánh nặng, cái lo sẽ dồn cả vào thân mày, mày phải nghĩ tới điều đó!

Lúc sắp băng, nhà vua lại trối thêm:

– Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện gì cũng phải bẩm qua ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua băng. Hoàng tự tôn bèn lên nối ngôi vua.

Trước đó, từ lúc công chúa Ngọc Hân mới về với Bình, Bình đã hỏi công chúa về đức tính của các vị hoàng tử. Người nào thế nào, công chúa cũng đều kể thật với Bình. Khi Bình hỏi đến nhân phẩm của hoàng tự tôn như thế nào, công chúa chưa thoát khỏi thói thường của người đàn bà, nghĩ bụng anh thân hơn cháu, lại sợ hoàng tự tôn sẽ cướp mất ngôi của Sùng Nhượng công, bèn đáp:

– Nhân phẩm của Hoàng tự tôn cũng tầm thường thôi!

Do đó, Bình có ý không thích Hoàng tự tôn.

Đến khi bệnh của hoàng thượng đã tới lúc hấp hối, triều đình bàn nhau lập hoàng tự tôn, và sai người ra nói với Bình. Bình không nghe. Sứ giả quay về nói lại ý Bình, cả triều bàn bạc phân vân, chưa biết quyết định ra sao. Thình lình trong bọn có một người lớn tiếng nói rằng:

– Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn. Họ Lê sẽ mất, ấy là lỗi tại công chúa Ngọc Hân. Công chúa thực đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, hãy xóa tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang, họ ta chẳng thiếu gì một con người ấy!

Triều đình nhìn xem ai, thì té ra là hoàng thân Vượng quận công.

Công chúa sợ hãi, bèn về phủ xin với Bình. Bấy giờ Bình mới bằng lòng. Sau khi hoàng thượng băng, trăm quan bèn phò tự tôn lên ngôi.

Hôm ấy, Bình ở trong phủ, nghe tin hoàng thượng băng, liền sai

lính thị vệ sắp sửa các đồ nghi vệ, xe kiệu, để chờ khi hoàng tự tôn được lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua lại trình và mời sang lo việc tang, thì Bình sẽ sẵn sàng đi ngay. Nhưng hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bẩm với Bình.

Bình giận vì không được mời trước, cho là hoàng tự tôn coi mình như người ngoài, bèn sai ngay người vào triều bắt phải hoãn lễ đăng cực, [1] có ý muốn lập người khác. Sứ giả đến nơi thì lễ đăng cực đã xong, triều đình đem cái việc đã rồi ấy báo lại với Bình. Bình càng tức, liền đòi công chúa về phủ, rồi mắng rằng:

– Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến tiên đế, hôm nọ vì tránh sự hiềm nghi không dám vào thăm; hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm, tới nơi để được thấy mặt ngọc cho trọn cái tình bố vợ con rể; song tự dưng ta đến e rằng không phải phép. Sao hoàng tộc lại gạt ta ra ngoài không thèm mời? Nếu không có ta, thử hỏi: Triều đình sẽ thành cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Cớ sao lại dám sơ suất như vậy? Ta thử bỏ đây mà đi, xem hoàng tộc làm ăn ra sao?

Rồi Bình lập tức truyền lệnh cho các quân thủy bộ, sửa soạn hành trang, để sớm hôm sau rút quân về nước.

Công chúa khóc lóc xin Bình ở lại, một mặt ngầm sai người tỏ bày ý kiến với tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Bình ở lại. Bấy giờ, Bình mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ thành phục, tự hoàng sai quan mời Bình vào tế.

Bình mặc đồ tang, đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo. Lúc đang tế, có viên tả phiên lại hơi có vẻ cười, Bình sai lôi ngay ra chém. Đại khái đối với việc tang lễ, Bình hết sức kính cẩn như vậy.

Bấy giờ, Bình đã ngấm ngầm có ý định muốn về, bèn nói với các quan trong triều rằng:

– Tôi vâng mệnh vua anh đem quân ra ngoài cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phù mà tới đây, may mắn đã làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết đạo hiếu với bố vợ. Làm cho xong sớm việc tang lễ khi tôi chưa rút về, để cho trung hiếu vẹn cả hai bề, đó là ước muốn của tôi vậy.

---

1. Lễ lên ngôi vua.

Các quan đều nói:

– Chúng tôi xin vâng mệnh!

Rồi họ liền chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền.

Còn Bình thì suốt ngày sắm sửa cho lễ táng, các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Bình tự cưỡi voi, đem ba ngàn quân, hộ tống tử cung đến bến đò, rồi chờ cho lễ rước tử cung xuống thuyền xong xuôi đâu đấy, mới quay trở lại.

Lúc công chúa Ngọc Hân về phủ, Bình nhơn nhơn ra vẻ tự đắc mà rằng:

– Tiên đế có hơn ba mươi người con trai, ngày nay báo hiếu lại chỉ ở một người con gái, nào ai giúp đỡ cho được mảy may? Người xưa thường bảo "Con gái làm rạng rỡ cho cả nhà cửa?" Quả cũng đúng thật!

Công chúa cảm tạ và nói:

– Nhờ công đức của thượng công, thiếp được báo hiếu với hoàng khảo mở mặt với anh chị em. Tục ngữ vẫn nói: "Trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng", chính là như thế đó!

Bình nghe nói, thích lắm. Chợt có tin báo vua Tây Sơn sắp ra. Bình vội sai Chỉnh cho dán yết thị khắp kinh thành, nói là: "Thiên vương tuần du ra Bắc để xem xét phong tục, khoảng mười ngày nữa sẽ tới. Vậy bố cáo cho cả trong ngoài đều biết". Một mặt, Bình sai người tâu với tự hoàng, xin cho văn võ trăm quan ra ngoài cửa ô đón tiếp.

Ngày mồng năm tháng tám, vua Tây Sơn đến kinh thành. [1]

Vua Tây Sơn chẳng quản muôn dặm đường xa tới đây, mà coi bộ lại hết sức hối hả, vội vã; mọi người đều không hiểu duyên cớ làm sao?

Thật là:

Cá kình vượt biển giương vây nhảy,
Cọp dữ lìa rừng mượn cánh bay.

Chưa biết vua Tây Sơn đến về việc gì? Xin xem hồi sau phân giải.

---

1. Ở một bản khác, thấy có thêm một đoạn như sau: "Hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa Nam Giao và sai quan khâm mạng đứng ở bên đường sau đó ngỏ lời chào mừng, rồi đi về. Chúa Tây Sơn sai người đáp lại, rồi truyền đánh xe vào thành".

HỒI THỨ SÁU

Chúa Tây Sơn lén rút quân về nước
Quân Đông Giang mưu khởi nghĩa phò vương

Lại nói, khi Thuận Hóa mới vỡ, vua Tây Sơn nhận được thư báo tin thắng trận của Bình. Đại ý bức thư viết như sau: "Lũ thần vâng theo mưu mô của miếu đường, lại kính nhờ về oai trời thiêng liêng. Thuận Hóa đã dẹp yên, thiên hạ đều rung động. Nay ở Bắc Hà, quân kiêu tướng lười, thế có thể lấy được. Thần cúi xin mạn phép tùy tiện, đã ủy cho Hữu quân Nguyễn Chỉnh đem tiền bộ thủy binh đi trước, thẳng tới Sơn Nam. Riêng thần hiện đang chiêu mộ nhân dân các vùng ven biển, chọn lấy đinh tráng để tăng thêm thế lực cho quân ta. Hẹn trong ít ngày sẽ dẹp yên xứ Bắc Hà. Còn quan ải, thành quách, xứ Thuận Hóa, hiện đang giao cho Đông Định công [1] coi giữ. Vậy xin bề trên ban cho chiếu chỉ để thần tuân theo".

Vua Tây Sơn xem thư, mừng rằng việc đã thành công, nhưng lại ghét cái chỗ tự chuyên của Bình. Vả lại, vua Tây Sơn vốn đã biết Bình là người khôn ngoan, giảo quyệt, sợ Bình lấy được Bắc Hà, lúc trở về ắt sinh ra kiêu căng, khó kiềm chế. Vua Tây Sơn lại còn nghĩ rằng: "Nhà mình đời đời vẫn ở Nam Hà, được xứ Thuận Hóa là nơi bờ cõi cũ, đủ rồi; không cần lấy thêm một nước lớn nữa làm gì. Ví dụ có lấy được, chưa chắc đã giữ được, vạn nhất vấp ngã một cái, thì sự tai hại không phải là nhỏ". Do đó, vua Tây Sơn liền sai người hỏa tốc mang thư ra ngăn Bình. Nhưng khi người đưa thư tới nơi, thì Bình đã thân hành đem đại quân, thuận theo gió nồm trẩy ra Bắc rồi. Tiếp được tin này, vua Tây Sơn càng không hài lòng.

Qua ngày hai mươi sáu tháng sáu khi kinh sư bị vỡ, Bình lại gửi thư báo tin thắng trận về Tây Sơn. Trong thư đại khái nói rằng: "Trước đây thần vâng mệnh cho phép tùy tiện đem quân ra dẹp Bắc Hà, trông nhờ vào oai danh của vương huynh, chỉ đánh một trận mà thắng. Nay nhà Trịnh đã diệt, thiên hạ thu về một mối, thần thể theo lòng ước muốn của người trong nước, phò lập nhà Lê, cho họ yên

---

1. Tức Nguyễn Lữ, em thứ ba của Nguyễn Nhạc.

lòng. Bây giờ trong nước mới tạm yên, thần xin để cho quân lính được nghỉ ngơi, tạm đóng tại kinh đô nước họ, để vỗ yên dân chúng và cắt đặt mọi việc cho đâu vào đấy. Chờ đến dịp thu đông thuận gió, thần lại xin kính cẩn đem quân về nước".

Bức thư đến Tây Sơn vào ngày mười bốn tháng bảy. Vua Tây Sơn tiếp được thư, hết sức lo ngại, nghĩ bụng: "Bình luôn luôn lập được chiến công, đã làm cho hắn thêm kiêu ngạo. Huống hồ trong tay hắn lại nắm giữ đạo quân lớn, chuyên chế ở ngoài muôn dặm. Rồi Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh, những viên tướng dũng mãnh, mưu trí lại thuộc quyền sai khiến của hắn. Nếu cứ buông lỏng cho hắn bay nhảy ở ngoài, lâu dần ắt phải sinh ra những việc không hay. Nhưng khí thế của hắn như thế, không thể dùng một lá thư mà gọi về được. Nếu mình không thân hành ra Bắc, bắt hắn phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa vậy". Thế rồi, luôn trong bữa đó, vua Tây Sơn tự đem năm trăm tên lính thị vệ ra thẳng Phú Xuân. Tới nơi, lại lấy thêm hai ngàn quân Phú Xuân đi gấp ra kinh sư. Đoàn quân tất tưởi kéo đi, dáng dấp tiều tụy, người ta không còn nhận ra đó là đám quan quân nào nữa.

Lúc vua Tây Sơn tới cửa biển Hội Thống ở trấn Nghệ An, có người dân quê đem ít đồ biển xin ra mắt, nói rằng:

– Chúng tôi thấy quan lớn đi qua, nhân có chút quà mọn, gọi là tỏ tấc lòng thành kính.

Vua Tây Sơn tính vốn thật thà, không quen ăn nói văn hoa, thấy vậy, liền đáp:

– Tôi không phải là quan lớn, tôi là họ ngoại của chúa Nam Hà,[1] vẫn quen gọi là Biện Nhạc ấy mà! Các người hậu tình, thấy tôi đi xa, lương khô, ăn nhạt, mà đem cho những món ngon lành thế này, cảm ơn lắm, cảm ơn lắm!

Rồi lại hối hả đi luôn.

Thình lình thấy một bọn chừng vài chục người, kẻ nào cũng lưng đóng khố, tay cầm đòn ống, mình trần trùng trục đứng ở ven đường. Chờ vua Tây Sơn đi qua, bọn này liền kêu lớn lên rằng:

– Chúng tôi về Nam, bị Chưởng Tiến[2] đòi tiền mãi lộ, lấy hết của cải rồi.

---

1. Chúa Nam Hà chỉ vào họ Nguyễn, vì Nhạc gả con gái cho Thế tử Dương của chúa Nguyễn nên tự xưng là họ ngoại.

2. Một lục lâm hảo hán ở Nghệ An hồi ấy.

Vua Tây Sơn hỏi:

– Nó đâu?

Bọn này đáp:

– Nó lấy được của xong, vội chạy vào trong dãy núi kia!

Vua Tây Sơn liền sai một tốp lính đuổi bắt. Vừa đến một chỗ núi hiểm, mấy chục người đều rút dao kiếm trong đòn ống ra và reo lên:

– Chúng bay đã biết bọn tao hay chưa; bọn tao đều là các bậc đàn anh trong đám thủ hạ của Chưởng Tiến. Hôm nay đến để chặt cái đầu của lũ "lông đỏ" [1] chúng bay đây.

Vừa reo họ vừa xông vào đâm chém, dao kiếm vung lên tua tủa, quân Nam bị đánh bất ngờ, thua chạy liểng xiểng.

Vua Tây Sơn cả sợ, từ đó, trên đường hành quân không dám vào ngủ trong nhà dân nữa; tối đâu giăng màn ra giữa đồng ruộng ở đó mà ngủ, còn các quân sĩ thì đều ngủ ngoài trời.

Bởi lẽ đó, khi tới kinh sư, cả đoàn quân chỉ còn là một lũ nửa người nửa ngợm, mặt mũi hốc hác, coi không ra bộ quân của vua chúa nữa.

Thấy vậy, thiên hạ đều đồn đại lung tung. Kẻ thì bảo thành Tây Sơn đã bị nhà Nguyễn phá vỡ, vua Tây Sơn vì không giữ được nữa nên phải chuồn ra đây. Người thì nói Bình dùng mưu chước gian dối, mượn một kẻ khác giả làm vua anh để thêm thanh thế cho mình. Hào kiệt thiên hạ và những kẻ coi giữ châu quận ngầm nuôi binh mã, đều muốn dò xem thực hư thế nào, để tìm cách bắt lấy; nhưng rốt cục cũng không ai biết rõ tình hình.

Lúc vua Tây Sơn mới đến kinh. Bình ra tận ngoài ô đón tiếp và tạ cái tội tự chuyên của mình. Vua Tây Sơn nói:

– Tướng ở bên ngoài, nếu gặp việc có ích lợi cho nước nhà thì cứ tự ý mà làm cũng được. Bắc Hà có thể lấy, mà em lấy ngay được, đó là chỗ thần diệu trong phép dùng binh. Vả lại, em trèo đèo lội suối đi hàng muôn dặm để mở mang bờ cõi cho đất nước rộng thêm; thủ đoạn anh hùng như vậy, anh thực không thể nào sánh kịp. Nhưng mà, mình

---

1. Không hiểu sao lại gọi Tây Sơn "lông đỏ" (hồng mao), chưa tra cứu ra. Trong *Đại Nam quốc sử diễn ca* thấy có câu tả cách ăn mặc của quân Tây Sơn như sau: "Quân dung đâu mới lạ nhường; Mao mao áo đỏ chật đường kéo ra". Có lẽ tác giả đã căn cứ vào cách ăn mặc đó (mũ lông áo đỏ) mà gọi Tây Sơn là "hồng mao" chăng?

đi đánh nước khác, kéo quân vào sâu trong xứ sở của người ta, một chốc làm thay đổi hết nền nếp cũ của họ như thế; tránh sao khỏi sự thù oán của muôn họ. Anh luôn luôn lo ngại đến những việc bất ngờ có thể xảy ra, vì vậy phải lật đật ra ngay đây để nghĩ kế đỡ em.

Rồi hai anh em cùng dóng ngựa đi vào thành.

Tới phủ, Bình dắt công chúa Ngọc Hân ra chào và nói hết cả sự thật với anh. Vua Tây Sơn khen:

– Chà, em vua Tây Sơn làm rể vua nước Nam, "môn đương hộ đối" mối nhân duyên đẹp thật!

Rồi lại bảo công chúa rằng:

– Người quý giá như thế này, thực không hổ là cô em dâu của nhà ta.

Hai người ôn tồn trò chuyện thân mật như anh em nhà thường dân vậy.

Hồi lâu, công chúa cáo từ lui ra. Bình sai quây màn ở cung chính tẩm, mời anh vào nghỉ; còn tự mình thì chuyển ra ngủ ở gác Kỳ Lân.

Quân lính của Bình đem đi trước đây, các đội ngũ đều đã thay đổi một lượt. Đến lúc này, Bình đem binh phù nộp cả cho anh. Vua Tây Sơn nắm được binh quyền trong tay rồi, bèn bố trí lại đội ngũ y như cũ, còn sự thay đổi mới đây của Bình thì vờ như không hay biết gì cả. Thế là từ đó, bao nhiêu tướng sĩ lại chỉ nghe theo mệnh lệnh của "ông vua lớn".

Được ít bữa, vua Tây Sơn liền bí mật cùng với Bình bàn chuyện rút về. Bình đành phải vâng theo. Các tướng tá chỉ riêng có Vũ Văn Nhậm được biết việc kín này, còn Chỉnh thì không được dự nghe.

Lại nói, lúc mới tới kinh, Chỉnh và Nhậm đều đóng ở lầu Ngũ Long. Nhậm đóng trước lầu, Chỉnh đóng sau lầu.

Chỉnh vốn là người bản quốc, nhiều kẻ quen thuộc, nên người trong nước chỉ có biết Chỉnh. Quan lại, dân chúng, ai đến ra mắt đều vào cửa Chỉnh. Sau lầu thường đông như chợ; mà trước lầu nơi Nhậm ở thì chẳng có lấy một ma nào lui tới. Việc ấy làm cho Nhậm có vẻ không thích. Thấy vậy, Chỉnh phải sai một tên thư lại mới vào làm việc, ngày ngày ngồi chực ở cửa Nhậm để mời khách đến chỗ Nhậm, nhưng khách vẫn không đến, Chỉnh bất đắc dĩ lại phải xoay cách khác. Hễ khách nào tới thăm Chỉnh, sau khi đã thù tiếp xong. Chỉnh lại sai đưa người khách kèm theo đồ lễ đến cửa Nhậm. Nhưng rốt cuc Nhậm vẫn không

bằng lòng. Chỉnh bèn rời chỗ ở sang chùa Tiên Tịch.[1]

Sau chuyện này, Nhậm bèn đem những lời gièm pha Chỉnh mà nói với Bình rằng:

– Hắn là một kẻ bầy tôi đi trốn, chạy về với mình, muốn mượn sức của mình trả thù cho thầy, để hả cái lòng căm tức với nước cũ. Nay mình rong ruổi hàng muôn dặm, đưa hắn về nước, vẽ mày vẽ mặt cho hắn. Thế mà khi hắn đã được toại nguyện, những người trong nước vào hùa với hắn, có kẻ lại đem hai câu đối: "Hổ tự Tây Sơn xuất, Long tòng Đông Hải lai"[2] ở tháp chùa Thiên Mụ của nhà Nguyễn để bảo ông là hổ, hắn là rồng. Ý nói: "Hổ ra khỏi núi thì thất thế, rồng ra khỏi biển vẫn vẫy vùng". Thế là chẳng những hắn không chịu để mình dùng, mà lại còn có chí ngang tàng nữa. Bây giờ mình giam mấy vạn người ngồi ăn không ở đây, để giúp cho hắn gây nên thế lực, nghĩ cũng khờ dại quá! Tôi nghe người trong nước này oán hắn rất sâu sắc; sở dĩ họ chưa nổi dậy là vì còn sợ mình đó thôi. Nếu mình bỏ hắn mà về, người nước này hẳn sẽ tranh nhau nhai thịt hắn. Vả hắn thường nói: "Nhân tài Bắc Hà chỉ có mình hắn". Để cho hắn chết, mình lấy Bắc Hà sẽ càng yên ổn.

Bình tin lời Nhậm, nên từ đó đối với Chỉnh tuy ngoài mặt vẫn như thường, nhưng trong lòng thì rất ngờ vực.

Quân Nam vì phải đi xa cũng rất oán Chỉnh, ngày đêm mong cho Bình giết Chỉnh. Rồi họ biết thế nào Bình cũng đưa Chỉnh đến chỗ chết, nên họ khinh Chỉnh ra mặt. Một hôm, bọn người trong nước vào hùa với Chỉnh, có kẻ mang binh phù của Chỉnh cấp mà băng qua khu đất cấm; khi bị quân Nam gạn hỏi, người ấy đáp:

– Tôi có binh phù của quan hữu quân cấp cho đây!

Quân Nam bèn nói:

– Hữu quân là ai? Có phải Hữu Chỉnh không? Được cứ đợi đấy nửa tháng nữa mà xem hữu quân của các anh!

Chỉnh nghe được chuyện đó, bèn sinh ra hai lòng với Bình. Và Chỉnh cũng đã tính toán, biết rằng sớm muộn thế nào rồi Bình cũng phải đi, mình sẽ không thể ở lại kinh sư một mình được. Vì vậy, Chỉnh ngầm có ý muốn chiếm cứ Nghệ An, bèn mật tâu với hoàng thượng rằng:

---

1. Ở xóm Nam Ngư, huyện Thọ Xương. Nay là đường Nam Bộ, Hà Nội.
2. Hổ từ Non Tây ra; Rồng ở Biển Đông lại.

– Thần đem hắn ra, chỉ vì việc tôn phù. Bây giờ việc đã xong, Thần quyết không theo hắn nữa. Chắc thế nào hắn cũng rút về, mà khi hắn đã về rồi, thì trấn Nghệ An tức là một bức phên giậu ở bên cạnh giống sài lang. Vậy xin bệ hạ cho thần vào đấy trấn thủ, một mặt Nam Hà thần xin đương cả.

Kịp đến khi nghe tin vua Tây Sơn ra. Chỉnh lại đoán là vua Tây Sơn sẽ cướp ngôi của hoàng thượng và chiếm cứ đất nước. Rồi muốn dựa vào vua Tây Sơn để tránh tai vạ, Chỉnh bèn khuyên hoàng thượng nên sắp sẵn ngọc tỷ mà ra hàng, lại giục các quan trong triều thảo gấp một tờ biểu xin hàng. Triều đình bàn bạc mấy ngày liền chưa quyết, không ai dám hạ bút trước. Lúc vua Tây Sơn tới nơi, hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa phía Nam. Ngài đứng ở trong cửa ô, sai hoàng thân là Thanh Nguyên hầu quỳ ở mé bên trái đường đi, để chào và nói thay hoàng thượng. Vua Tây Sơn khi qua cửa ô không đáp lễ, cứ giục ngựa đi thẳng vào và cho một người quay lại nói rằng:

– Quả quân thấy nhà vua lễ độ quá, sợ rằng nếu xa giá ở lại chậm trễ, hoặc giả làm phiền cho quý thể phải quỳ lạy mệt nhọc, rồi quả nhân lại mang tiếng là thất lễ. Bởi thế, quả quân phải vội vã đi ngay. Xin ngự giá hãy cứ về cung, ngày khác thong thả sẽ cùng gặp nhau.

Hoàng thượng thấy vậy, biết vua Tây Sơn còn ưu đãi mình, nên khi về cung không bàn đến việc đầu hàng nữa.

Hôm sau, vua Tây Sơn sai bày ở phủ đường ba chỗ ngồi. Chiếc sập của vua Tây Sơn kê ở chính giữa, bên trái là ghế của hoàng thượng, bên phải là ghế của Bình. Hai bên có hai hàng giáp sĩ đứng hầu cực kỳ nghiêm chỉnh.

Cuộc hội kiến này đúng lễ "hai vua gặp nhau", không ai phải lạy ai. Khi hoàng thượng ngự giá đến cửa phủ, vua Tây Sơn sai viên quan hầu ra đón. Hoàng thượng đi bộ vào trước thềm; vua Tây Sơn đang ngồi vội bước xuống đất và đứng sang bên cạnh sập để tỏ ý kính lễ; rồi sai Bình xuống dưới thềm đón tiếp và mời hoàng thượng vào ghế. Mọi người đã ngồi yên chỗ, vua Tây Sơn liền hỏi:

– Hoàng thượng năm nay xuân thu độ bao nhiêu?

Viên quan đi theo đáp thay hoàng thượng, rồi nhân đó nói rằng:

– Quốc quân họ Lê chúng tôi gặp phải họ Trịnh lấn quyền lộng thế, mũ dép đảo lộn đã lâu. May nhờ thánh thượng là bậc chí nhân

đại nghĩa, sai tướng ra quân, vì quốc quân chúng tôi mà chỉnh đốn lại cơ đồ. Hiện nay đất đai cùng dân chúng nước Nam đều là do thánh thượng gây dựng lại. Nếu như thánh thượng muốn thu nhận một vài quận ấp của nước tôi để làm quà khao thưởng quân sĩ, thì quốc quân chúng tôi xin nhất nhất vâng mệnh.

Vua Tây Sơn đáp:

– Tôi nghe ngày xưa đức Thái Tổ mở mang ra nước Nam Việt, công đức như trời. Tôi tuy ở xa khuất tại miền biển phương Nam, song cũng là đất của đức Thái Tổ khai thác. Tôi vì giận kẻ cường thần hiếp chế nhà vua, nên phải làm việc tôn phò. Nếu là đất của họ Trịnh, một tấc tôi cũng không để; còn đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không dám lấy. Tôi nghĩ rằng nước ta đây mới dẹp yên, còn có nhiều việc cần phải sửa sang, vì vậy tôi phải ra để giúp đỡ nhà vua. Sau khi bốn phương đã phẳng lặng, anh em tôi lại xin rút về nước. Bây giờ chỉ mong nhà vua chấn chỉnh giềng mối triều đình, giữ yên bờ cõi, cùng nước tôi đời đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy.

Viên quan theo hầu hoàng thượng lại thay lời mà rằng:

– Thánh thượng nghĩ đến công đức của tiên hoàng đế, ra ơn nối lại dòng dõi, khiến cho cơ đồ của tiên hoàng đế không đến nỗi tuyệt diệt; ơn ấy của thánh thượng thật là vô cùng. Quốc quân chúng tôi và các bề tôi xin đời đời giữ tình láng giềng hòa hiếu, không dám sai trái.

Vua Tây Sơn sai trà đồng pha trà đệ lên các ghế. Hoàng thượng uống trà xong, ung dung cáo từ ra về.

Vua Tây Sơn đứng dậy từ biệt. Bình tiễn hoàng thượng xuống thềm, vua Tây Sơn đi theo một quãng, rồi né mình bước giật lùi về chỗ, sai viên quan hầu đi hộ vệ hoàng thượng ra khỏi cửa phủ.

Hoàng thượng lên kiệu về cung, rồi sai các quan trong triều tới ra mắt vua Tây Sơn. Vua Tây Sơn lần lượt hỏi hết quan chức, họ tên từng người. Các quan trả lời xong, vua Tây Sơn nói rằng:

– Tôi nghe nói ở nước An Nam, tiến sĩ là quý nhất. Thế các ông có phải là tiến sĩ không? Tôi sẽ nói với nhà vua cho xin mấy ông đem về để dạy dỗ người trong nước. Vậy các ông có chịu đi theo tôi không?

Các viên quan trong triều đều thưa:

– Quốc quân chúng tôi bảo sao chúng tôi phải nghe làm vậy. Dầu

rằng sang Đông, sang Tây, sang Nam, sang Bắc, đi đâu chúng tôi cũng không dám chối.

Vua Tây Sơn lại hỏi:

– Các ông lúc mới thấy tôi đột ngột ra đây như thế, có ngờ tôi không?

Các viên quan đáp:

– Thánh thượng đã sai Thượng công ra phò lập nhà Lê. Việc ấy rõ ràng lắm rồi, lũ chúng tôi đâu còn dám ngờ!

Vua Tây Sơn nói:

– Ai ngờ tôi kẻ ấy là người ngu! Chúa Trịnh bắt quân đi hàng muôn dặm, cố chiếm lấy đất Thuận Hóa, lấy nước lớn làm hại nước nhỏ, nên mới dẫn đến cái vạ ngày nay. Gương ấy há có xa đâu? Tôi nếu tham đất nước Nam, như vậy là lấy nước nhỏ mà hại nước lớn, còn mong lâu bền sao được? Giả sử đời tôi giữ được đi nữa, thì đến đời con cháu tôi cũng không thể nào giữ nổi. Tôi có ngu gì mà lại nuôi cái mầm vạ ấy? Chẳng bao lâu nữa anh em tôi sẽ về, các ông nên giúp rập nhà vua cho yên thiên hạ. Hai nước chúng ta sẽ kết nghĩa láng giềng, giữ vững tình hòa hiếu, để cùng hưởng thái bình!

Các quan đều ca ngợi:

– Sách có nói rằng: "Bậc thánh nhân không chăm lo đến việc lập cộng ở phương xa". Thánh thượng nghĩ tới chỗ đó, thật là vượt quá người thường đến muôn vạn lần. Nhưng quốc quân chúng tôi hiện còn tre tuổi, nhiều việc chưa quen thạo, lũ chúng tôi lại đều là những kẻ tài hèn; Thánh thượng nếu đã giúp cho nước tôi được còn, xin hãy tạm lưu lại đây, để vua tôi nước chúng tôi nhờ vào oai linh của thánh thượng. Bao giờ bốn phương đều yên, giềng mối đã dựng lại, bấy giờ ngự giá hãy về cũng chưa muộn.

Vua Tây Sơn nói:

– Có về cũng còn hàng năm hàng tháng, há phải đâu là chuyện ngày một ngày hai? Các ông chớ vội lo!

Các quan lạy tạ lui ra, rồi cùng bàn riêng với nhau: kẻ thì cho lời vua Tây Sơn nói là thật, người thì bảo lời vua Tây Sơn nói là giả; đại để cũng chỉ đoán có hai việc là ông ta đi hay ở lại, mà cứ hư hư thực thực, chẳng ai biết đích xác như thế nào cả.

Nhưng người trong nước biết rõ hay không biết rõ, vua Tây Sơn

cũng chẳng cần. Chỉ riêng có Nguyễn Hữu Chỉnh là người trong bọn, lại là tay quỷ quyệt, nên vua Tây Sơn phải tìm đủ mọi cách để kiềm chế mà thôi.

Lúc này, trong bụng vua Tây Sơn rất nôn nóng muốn về, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra vẻ ung dung, thư thái. Sau lễ tiếp kiến, vua Tây Sơn sai Chỉnh chọn ngày tốt, để vào làm lễ ra mắt ở nhà Thái Miếu. Chỉnh xin chờ đến sau tết Trung thu, vua Tây Sơn cũng bằng lòng. Rồi nhân nói đến chuyện hôn nhân của Bình vua Tây Sơn bảo Chỉnh:

– Chú hai ra đây, được người làm mối cho cô vợ đẹp; riêng ta lại không ư?

Chỉnh thưa:

– Chỉ sợ thánh thượng chê gái đất Bắc Hà quê mùa mà thôi. Nếu như thánh thượng rộng lượng bao dung, thì sự đó cũng chẳng phải là khó!

Vua Tây Sơn cười mà rằng:

– Thế thì người còn nợ ta đấy, phải trả mau đi nhé!

Chỉnh thấy lời lẽ của vua Tây Sơn có vẻ ung dung thong thả, do đó cũng yên lòng, bèn xin lui về.

Ngày 17 tháng ấy, vua Tây Sơn bí mật hạ lệnh cho tất cả các quân thủy, bộ đều phải sửa soạn hành trang nai nịt gọn gàng. Rồi sợ Chỉnh ở ngoài thấy rõ tình hình sinh nghi, vua Tây Sơn cho đòi Chỉnh vào hầu, giữ chân Chỉnh từ sáng đến tối, người ngoài không được vào, tin ngoài không cho tới. Vì thế nên mọi việc xảy ra ở bên ngoài, Chỉnh đều không biết gì hết. Đến khuya, vua Tây Sơn mới thả cho Chỉnh ra. Kịp đến khi Chỉnh về nhà, người nhà có báo cho Chỉnh biết việc vua Tây Sơn sắp về, thì Chỉnh còn nửa tin nửa ngờ:

– Ta suốt ngày ngồi hầu, chuyện trò rất thư thái, làm sao lại có sự lật đật như vậy được?

Đến canh hai đêm ấy, vua Tây Sơn cho người vào gõ cửa điện, ngỏ lời từ biệt hoàng thượng, nói là sớm mai rút quân về Nam. Vậy mà Chỉnh cũng vẫn không biết gì cả.

Trước đó hơn mười ngày, đêm nào ở trại quân Nam cũng nổi chiêng trống vang trời, nhưng sang đến đầu canh hai thì chỉ còn thưa thớt vài tiếng, rồi từ canh ba trở đi thì lặng như tờ, không còn tiếng nào nữa. Vì thế, mỗi hôm cứ vào quãng nửa đêm, người trong kinh lại

tưởng là quân Tây Sơn ngầm rút đi rồi; từ đó về sau ai cũng cho là thường, không hề để ý. Mà tiếng trống canh cũng không còn lấy gì làm chuẩn xác nữa.

Phép quân Tây Sơn, lệnh cấm ban đêm rất ngặt. Thám tử của Chỉnh mọi đêm đều không được ra ngoài. Đêm ấy, khoảng đầu canh năm, bọn thám tử của Chỉnh liều mạng xông ra đường không kể lệnh cấm; khi vượt qua mấy điếm canh, vừa đi vừa nghe ngóng thì thấy tất cả đều vắng lặng không có tiếng người. Chúng đi vòng đến cửa phủ, ngó khắp bốn phía cũng không thấy có người nào, mà chỉ thấy gáo mẻ nồi vỡ vứt bừa bãi trên đường. Chúng vội vàng đi ra bến sông, thì ở đó chỉ có trời nước mênh mông, hàng trăm vạn lâu thuyền trước đấy, không biết đi đâu hết cả. Lập tức chúng chạy về báo với Chỉnh.

Chỉnh được tin ấy, trọng bụng cực kỳ hoang mang, tự biết mình đã thất thế, ở lại thì không dám, mà bỏ đi thì cũng dở; đường thủy không có thuyền, đường bộ không có quân, muốn trốn không có chỗ trốn, không biết nên đi đường nào.

Người nhà Chỉnh khi ấy cũng rất sợ hãi. Nhưng Chỉnh trong lúc sống chết nguy cấp như vậy, vẫn còn dở giọng bông đùa mà rằng:

– Ta đã đi khắp bốn biển chín châu, chẳng lẽ khi trở về xó bếp, lại bị chuột chù gặm chân ư? Không sợ! Không sợ! Ta cứ ở đây xem sao?

Bấy giờ bọn người nhà mới hơi vững dạ. Chỉnh bèn bí mật sai người chạy gấp ra bến Cơ Xá tìm thuyền. Tảng sáng, kiếm được một chiếc thuyền buôn. Chỉnh cùng bọn tay chân độ vài chục người đi đến cửa ô Tây Long thì bị chúng dân ở kinh kỳ từ tứ phía kéo ra đuổi bắt. Chỉnh một mình một dao quay lại đón đánh, mọi người phải chạy tán loạn. Thừa cơ, Chỉnh liền cướp đường chạy xuống bến sông, nhổ neo buông thuyền, thuận dòng xuôi thẳng ra cửa biển để theo quân Nam. Còn ngựa xe, khí giới, đồ đạc, của cải của Chỉnh đều bỏ lại ở chùa Tiên Tích, không biết bao nhiêu mà kể.

Khi trời sáng rõ, có người đem chuyện đó tâu với hoàng thượng. hoàng thượng vẫn không tin. Sau cho người đi tra xét, mới biết là thật, hoàng thượng hết sức kinh ngạc, vội cho đòi các quan vào triều hỏi rằng:

– Anh em hắn cướp hết của nước ta mà đi, để cái nước rỗng không lại đây cho ta, nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chế?

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, chưa biết nên nói thế nào. Chợt viên quan hầu cận tâu rằng:

– Hôm qua vâng chỉ truyền sớm nay thiết triều. Bây giờ ngự giá đã cột ngựa rồi, dám xin tâu lại.

Hoàng thượng bèn hỏi các quan:

– Phiên chầu hãy thôi chăng?

Các quan đều nói:

– Hoàng thượng ra triều để ban chiếu chỉ đổi niên hiệu, đó là việc lớn, sao lại thôi?

Hoàng thượng bèn ra ngự triều, rồi ban tờ sắc công bố việc đổi niên hiệu, lấy năm sau tức năm Đinh Mùi (1787) làm năm đầu niên hiệu Chiêu Thống. Trong tờ sắc đó, chỗ nào cũng một rằng nhờ đức vua của quý quốc, hai rằng nhờ thượng công của quý quốc, giọng văn đại để đều là những câu viết trong lúc vua Tây Sơn còn ở kinh sư; Vì thế có người bàn rằng: nay họ đã về rồi, nên đổi lại hết cả đi! Song trong khi vội vàng không làm kịp, nên lại cứ để như cũ không sửa đổi gì.

Tan chầu, hoàng thượng bảo các quan ở lại triều đường họp thêm để bàn việc.

Nguyên hoàng thượng là người anh minh, quả quyết, từ lâu vẫn căm tức về việc bị nhà Trịnh chèn ép. Vả hoàng thượng với Thịnh vương lại có mối thù không đội trời chung,[1] nên khi được Tây Sơn ra diệt Trịnh, hoàng thượng rất mừng. Lúc Đoan Nam vương chết, hoàng thượng đang còn là hoàng tự tôn; tiên đế sai hoàng thượng đem các hoàng tử đến chỗ Bình ở tỏ lời chúc mừng, hoàng thượng đã nói với Bình rằng:

– Tôi có thù cha chưa trả, nay ông trả thù thay cho tôi, đời tôi không còn gì mong hơn thế. Nếu thân này có phải chết ở quý quốc, tôi cũng không hề phàn nàn. Huống chi ông lại còn phò dựng họ Lê, khiến cho được thờ phụng tông xã lâu dài, công đức ấy thật không nói sao cho xiết.

Bình đáp:

– Đạo trời vẫn hay đền bù. Đấng thái tử bị hại, thì nay hoàng tự tôn cố nhiên là phải được hưởng phúc thái bình, thống nhất.

Kịp đến khi tiên đế băng hà, hoàng thượng lên nối ngôi, liền

---

1. Đây chỉ vào việc Trịnh Sâm giết Lê Duy Vỹ, tức là cha Lê Duy Kỳ (xem lại hồi ba sách này).

hăng hái tự gánh lấy việc nhất thống. Lại muốn nhân dịp quân Nam tôn phò, tự mình lấy uy thế, cho nên trong khi quân Nam chưa về, hoàng thượng đã nuôi ngầm vây cánh. Ngoài việc sai các hoàng thân ai về quê ngoại của nấy, để chiêu tập binh mã phòng khi dùng đến, hoàng thượng còn cho người tìm kiếm các nho sĩ, mời vào giúp cho mình. Về mặt quan văn, lúc ấy đã thu dùng được bọn Ngô Vỹ Quý, Vũ Trinh, Nguyễn Nễ. Hoàng thượng ngày đêm cùng họ trù tính mọi công việc, ngay cả những mưu kế phải dùng đến trong lúc bối rối bất ngờ, cũng được lo toan chu đáo.

Bấy giờ, danh tướng trong thiên hạ thì có Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, Liễn quận công Đinh Tích Nhưỡng. Còn văn thần mà có binh lực mạnh mẽ thì có Dương Trọng Tế.[1]

Hoàng Phùng Cơ từ khi thua trận ở Thúy Ái, phải chạy về Sơn Tây, vẫn còn nấp náu chưa dám ra.

Nhưỡng từ khi bị tan đạo quân ở Sơn Nam, liền về Cẩm Giàng, đem hết cả họ hàng ra chiếm luôn trấn Hải Dương. Trấn này lúc trước chưa bị binh đao, trong thành còn có năm vựa thóc công. Nhưỡng bèn đem số thóc ấy ra nuôi quân. Nhờ đó Nhưỡng chiêu mộ được hơn một ngàn dũng sĩ, thanh thế lẫy lừng. Lúc ấy lại có một tên cướp biển là Thiêm Liên, nghe tiếng Nhưỡng cũng đem đồ đảng xin theo, thành ra Nhưỡng có trong tay cả thảy tới vài vạn quân.

Hồi Chỉnh mới về kinh sư, đã có viết thư gọi Nhưỡng. Nguyên Nhưỡng với Chỉnh đều là môn hạ của Quận Việp, hai người vẫn ăn ý với nhau. Nhưng khi viết thư trả lời Chỉnh, thì Nhưỡng lại kiếm cớ từ chối không đến. Chỉnh cũng chưa có thì giờ hỏi đến việc ấy. Do đó, Nhưỡng được chuyên giữ một lộ, ngày đêm ra sức luyện tập quân lính.

Còn viên văn thần Dương Trọng Tế thì vốn không biết việc binh. Nhưng Tế có Dương Vân là con trai người anh ruột, tính rất hung tợn, vẫn thường tụ tập những phường vô lại, hoành hành ở các làng xóm, ai cũng phải khiếp sợ. Lúc quân Nam ra, Vân ngầm cho gọi thợ rèn đến rèn đúc khí giới. Bình sai người tìm thợ rèn, nhân biết việc đó, bèn cho tróc nã bọn Vân. Vân đóng cổng làng bắt hết những người của Bình đem giết đi. Trọng Tế cả sợ, bất đắc dĩ mới phải khởi binh, kéo cờ, chiếm cứ huyện Gia Lâm. Chỉ trong mười ngày, quân của Tế đã lên đến trên một vạn. Quân tuần tiểu của Tây Sơn sang đánh không hạ nổi.

---

1. Còn có tên là Trọng Khiêm, người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ.

Lúc quân Tây Sơn còn ở kinh thành, người trong kinh đồn rằng: hai đạo Đông, Tây đã hợp quân làm một, chẳng bao lâu sẽ tới dưới thành. Đến lúc quân Nam lén rút đi, trong thành trống rỗng, các quan bàn nên gọi các hào kiệt vào giữ hoàng thành. Bấy giờ ai có người nào quen biết, đều xin nhà vua ban chỉ dụ đi vời. Trong một ngày, chỉ dụ đưa đến hơn mười đạo. Nhưỡng và Tế cũng đều ở trong số những người bị gọi.

Hoàng thượng cho rằng Tế là quan văn, nghe mệnh nhà vua tất phải đến ngay; còn Nhưỡng là quan võ, lại có chút tiếng tăm nếu mời mọc không trịnh trọng, chưa chắc Nhưỡng đã chịu đến. Bởi vậy, hoàng thượng mới sai thảo một tờ sắc, lời lẽ cực kỳ ôn tồn, và trong sắc lại có các lời hứa như "nguyên huân" "đồng hưu" v.v... [1]. Rồi sai người đem sắc đến cho Nhưỡng.

Nhưỡng đọc tờ sắc, vừa khóc vừa nói:

– Nhà tôi mười tám đời quận công, ơn nước thật cao dày, đội trời đạp đất há dám quên ơn? Nay tôi còn có dăm ba người theo, cũng là nhờ cái đức của nhà vua. Bây giờ đã có chiếu mệnh ra đòi, đáng lý tôi phải lập tức đến ngay trước cửa khuyết. Nhưng vì tôi còn đang bận kiểm điểm binh mã, sắm sửa hành trang chưa thể đi được; vậy xin hãy hoãn cho tôi chừng năm ba ngày nữa, tôi sẽ vào triều sau.

Đoạn Nhưỡng thảo tờ tâu và sai người theo sứ giả về kinh dâng vua.

Lúc Nhưỡng chưa đến kinh, người ở đây đồn rầm lên rằng Nhưỡng đem thủy binh đánh úp quân Nam, bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Lại có tin nói rằng Nhưỡng đã tóm được Chỉnh, chặt hết chân tay làm hình "lợn người", chỉ trong sớm tối sẽ đưa tới kinh. Chợt lại có tin rằng con "lợn người" ấy đã được đưa đến kinh rồi. Thế là người ta tranh nhau đi xem. Một ngày có đến bốn năm lần náo nức, ồn ào lên, và cứ như vậy luôn trong mấy ngày liền.

Bởi lẽ đó, hễ ai nghe tên Nhưỡng cũng đều khiếp phục và trông ngóng.

Hoàng thượng nhận được tờ tâu của Nhưỡng, thấy lời lẽ chan chứa lòng trung vua yêu nước, thì rất mừng, cho rằng Nhưỡng tất là người có thể tin cậy được, nên trong bụng cũng đỡ lo.

Lại nói, sau khi họ Trịnh bị diệt, quân Tây Sơn giết chết Đoan

---

1. "Nguyên huân" là người có công lao cao cả trên hết, "đồng hưu" là hưởng chung mọi sự tốt lành.

Nam vương rồi kéo về Nam, những gia đình quan lại cũ và những bầy tôi còn sống sót ai nấy đều tiếc cho vương không khéo lẩn núp để đến nỗi bị nạn. Lòng họ vẫn còn chưa tuyệt vọng đối với họ Trịnh.

Bấy giờ con đầu lòng của Đoan Nam vương hãy còn nhỏ, vương thân Khanh quận công Trịnh Kiều thì đã già nua; chỉ còn có Côn quận công Trịnh Bồng và Thụy quận công Trịnh Lệ khi ấy đều khoảng bốn mươi tuổi, là có thể đảm đương được công việc.

Côn quận công là con trai Dụ Tổ, [1] tính nết hiền từ khoan hậu được nhiều người yêu mến. Cuối đời Trịnh vương, vì việc con trưởng con thứ lôi thôi chúa đã muốn cho Thị Huệ nuôi Côn quận công Trịnh Bồng làm con, để nếu bệnh của Vương tử Cán không khỏi, thì sẽ lập Côn quận công làm chúa. Nhưng rốt cục, ý định ấy vẫn chưa thực hiện được. Đến lúc thế tử Tông lên ngôi, kiêu binh mấy lần muốn phò dựng Côn quận công, họ vào tận nhà để thúc ép và đón rước ông ta, khiến ông ta phải lẩn vào phủ chúa kể rõ đầu đuôi với Đoan Nam vương, rồi mới dám về nhà.

Còn Thụy quận công là con trai Nghị Tổ (Trịnh Doanh) và là em ruột Thánh Tổ (Trịnh Sâm), vốn là người khôn ngoan và thông minh. Lúc Nghị Tổ còn sống, Quận Thụy thường vẫn có ý muốn cướp quyền con cả. Đến khi Nghị Tổ mất, Thánh Tổ lên làm chúa, Quận Thụy bèn cùng với một người gia thần là Phạm Huy Cơ, tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757), mưu toan việc cướp ngôi. Chẳng may bị Dương Trọng Tế phát giác, Thánh Tổ lấy tình anh em ruột thịt tha tội chết cho Quận Thụy, và bắt giam vào một nơi. Kịp khi Đoan Nam vương lên ngôi, vương nghĩ nể mẹ Quận Thụy là bà dì mẫu của mình, liền thả Quận Thụy ra khỏi ngục. Ít lâu sau, gặp lúc bọn kiêu binh oán giận vương, Quận Thụy lại thừa cơ cùng với bọn này mưu cướp ngôi của vương. Nhưng việc cũng bị lộ. Mẹ Đoan Nam vương vì lẽ Quận Thụy là con trai của chị ruột mình, nên phải đứng ra cố xin với vương, vương nể lời mẹ, lại tha cho Quận Thụy.

Lúc quân Tây Sơn kéo ra, Quận Côn chỉ đem một con đòi, một tên đầy tớ, lánh vào huyện Chương Đức, lén lút trong đám dân gian làm kế ở ẩn lâu dài. Còn Quận Thụy thì trốn về huyện Văn Giang, cùng với Thần Trung hầu [2] ngầm chiêu tập binh mã, hòng có dịp là sẽ nổi lên.

1. Tức Trịnh Giang.
2. Tức Trương Tuân, người xã Như Quỳnh, huyện Văn Giang.

Thần Trung hầu là con trai của công chúa Quỳnh Anh, đối với Quận Thụy là chỗ con cô con cậu, Thần Trung hầu đỗ tiến sĩ, đã từng coi cấm quân, lại từng làm trấn thủ trấn Kinh Bắc. Khi nghe tin quân Tây Sơn đã rút, Thần Trung hầu bèn dựng cờ viết hai chữ "cần vương", rước Quận Thụy qua sông, rồi theo bến Thanh Trì đi thẳng lên cung Tây Long. Lúc này, quân của Dương Trọng Tế vâng chỉ Hoàng thượng từ Gia Lâm vượt sông sang, tình cờ chạm trán với quân của Quận Thụy.

Nguyên trước kia, Tế mới đỗ tiến sĩ và ra làm quan được ít lâu, thì đã phải bãi chức quan hơn mười năm vì tội ăn của đút; mãi sau nhờ công phát giác Quận Thụy mưu phản, mới được phục chức. Bấy giờ gặp Quận Thụy, Tế vô cùng sợ hãi, bèn đem quân xin hàng để chuộc lỗi xưa. Quận Thụy tức thì sai luôn Tế và Thần Trung hầu đóng quân ở ngoài thành, khua chiêng đánh trống, thanh thế rất là lừng lẫy.

Khi ấy, Hoàng thượng nghe tin Thần Trung hầu đang lảng vảng ở bên ngoài, bèn sai người ra gọi vào. Thần Trung hầu vào yết kiến, hoàng thượng liền bảo rằng:

– Ngươi là danh tướng con nhà dòng, nay dấy quân gìn giữ kinh thành, tấm lòng trung nghĩa ấy trẫm rất ngợi khen. Vậy ngươi cứ mang quân vào, trẫm sẽ tùy việc mà dùng.

Thần Trung hầu quỳ tâu:

– Ở trong bốn biển, ai chẳng là tôi nhà vua. Bệ hạ khoanh tay rủ áo không làm việc gì, thì còn cần chi binh lính bảo vệ? Duy có nhà chúa chẳng may bị lũ lính mọi làm hại, thì mới cần kíp phải dùng đến binh lính mà thôi!

Nói đoạn, Thần Trung hầu lạy tạ đi ra.

Hoàng thượng giận, sai quan trấn điện đem quân đuổi chém. Mọi người phải cố sức can ngăn, hoàng thượng mới thôi.

Thần Trung hầu về nói với Trọng Tế rằng:

– Xưa nay nhà chúa truyền ngôi, nối ngôi, có bao giờ phải xin lệnh nhà vua đâu? Thường thường thì công việc đã làm xong rồi, bấy giờ mới đệ tờ tâu vào triều. Ngay cả những tờ sắc dụ, sách phong, cũng đều do nhà chúa thảo sẵn trước, sau đó đệ lên hoàng thượng ngự lãm qua, rồi đưa trả về phủ chúa để tuyên bố thi hành, thế là thành mệnh,[1] cần gì phải xin phép nhà vua cho thêm rắc rối?

---

1. Thành mệnh là mệnh lệnh của vua làm thành từ trước.

Rồi hai người bèn tức tốc chỉnh đốn hàng ngũ binh lính, rước Quận Thụy vào thành. Bấy giờ trời đã xẩm tối, chừng đến canh hai mới vào tới phủ. Họ bèn thắp đèn sáng trưng khắp cả phủ, đánh ba hồi chín tiếng trống, rồi phò Quận Thụy lên ngôi. Thần Trung hầu và Trọng Tế tự chia làm hai ban đứng ra lạy mừng. Lạy xong, họ lại bảo các quân sĩ cùng hò reo thêm rầm rộ.

Sau đó, hai người chia quân đi đóng giữ các cửa thành cùng các điếm canh trong kinh đúng như lệ cũ. Đến sớm mai, họ mới cho người đi gọi các quan văn võ.

Các quan văn là Hoàng quận công, Tứ Xuyên hầu, cùng vài ba viên tiến sĩ, khi ấy đang ở trong triều, thấy có giấy đòi, liền bảo nhau rằng:

Quận Thụy từ trước đến giờ, đã từng ba lần gây việc mà đều không thành. Con người mà tâm địa như vậy, hẳn không phải là "của quý". Thần Trung hầu là hạng công tử ăn chơi, bình sinh chỉ biết ban đêm uống rượu say mềm lăn ra ngủ đến khi mặt trời sắp xuống núi mới dậy. Như thế, trong một ngày còn được mấy giờ để lo việc nước mà còn muốn làm đại thần? Trọng Tế hồi trước phản Quận Thụy, nay lại theo Quận Thụy, há cũng là "đồ vật ở chốn miếu đường" được ư ? [1] Huống chi, một việc lớn lao như vậy, mà trên không xin mệnh lệnh của nhà vua, dưới không thu góp ý kiến của mọi người, chỉ cắm đầu nhắm mắt để tự làm với nhau, lẽ nào lại thành việc được? Hoàng thượng vốn anh minh, quả quyết, chắc chắn bọn ấy không thể lấn ép được. Chúng ta chớ nên hấp tấp, nhẹ dạ mà đến với họ, kẻo sau này có hối lại cũng không kịp!"

Thế rồi, mấy người sai viên thư lại trả lời cho bọn Thần Trung hầu và Trọng Tế, đại để như sau: "Các quan trong triều vì chưa vâng mệnh của hoàng thượng, cho nên không dám tự tiện tới phủ chúa. Xin hai quan lớn trình chúa hãy thảo giấy tâu xin mệnh lệnh của hoàng thượng, thì các quan sẽ xin vâng mệnh hoàng thượng sang lạy mừng".

Trọng Tế bèn tự ý làm một tờ tâu rằng: "Thần là Trịnh Lệ kính tâu: Nhà thần đời đời nối nghiệp chúa, tôn phò nhà vua. Vừa rồi nhân vì quân mọi vào cướp, tông miếu nghiêng đổ. Nay nhờ trung thần nghĩa sĩ một lòng giúp rập, giặc mọi nghe tin, đang đêm phải

---

1. Câu này ý nói Trọng Tế không phải là người xứng đáng làm một vị đại thần ở triều đình.

hốt hoảng chạy trốn. Hôm mồng mười tháng này, thần đã vào ở trong chính phủ. Vậy cúi xin ban cho sắc dụ, khiến thần được nối ngôi chúa, đời đời tôn phò, để giữ vững cái cơ nghiệp vua, chúa trong ngàn vạn năm".

Hoàng thượng coi tờ tâu, cả giận nói:

– Nhà Trịnh là kẻ dưới mà dám lấn người trên, nên mới chuốc lấy cái nạn bại vong. Thế mà nay nó lại vẫn đi theo cái vết xe đổ ấy. Nó định khinh trẫm ít tuổi hay sao?

Khi ấy, quân của hoàng thượng chiêu mộ, đã có tới vài ngàn người, hiện đã đến ở trước cửa khuyết. Các quan tả hữu bèn khuyên hoàng thượng rằng:

– Chẳng qua hắn cũng giương to thanh thế đấy thôi! Ta cứ dọa cho hắn sợ, ắt là có thể nhân đó mà đè bẹp được hắn. Hắn có một vạn thủ hạ, quân ta cũng hàng mấy ngàn; nếu như hai bên đánh nhau, hắn muốn nuốt ta cũng chưa dễ đã nuốt trôi. Vả chăng nhân dân trong nước tuy nơi nào theo sự kêu gọi của hào kiệt nơi ấy mà nổi lên, và cố nhiên lại có chia ra đám nọ đám kia khác nhau, nhưng cái lòng tôn vua thì đều như nhau cả. Nên việc chống lại nhà vua để nổi dậy, thì quyết không một người nào dám theo. Nay Quận Thụy không chịu vào triều để bái yết, lại nghênh ngang ngồi trong phủ, chưa được mệnh vua mà đã xin sắc dụ, nếu ta dễ dãi cho hắn ngay, sau này khí thế hắn mạnh thêm, sẽ có nhiều điều khiến ta không thể chịu nổi. Vậy xin cứ bắt hắn phải vào lạy trước đã rồi mới được lập, chắc chắn là hắn sẽ không dám tới. Hắn không tới, thì việc sách lập sẽ chậm, mà thế lực của hắn tất nhiên sẽ tan vỡ. Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế hai người ngồi suông trong phủ mà đóng vai quan võ, quan văn phường chèo, thì rốt cục cũng chẳng được mấy lúc.

Hoàng thượng theo lời, sai thảo một tờ chỉ, truyền dụ cho Trọng Tế, nói rõ lệ cũ mỗi khi lập ngôi chúa, thì chúa mới phải thân hành vào triều vâng mệnh nhà vua; rồi nhà vua mới hậu đãi bằng cái lệ "vào triều không lạy, tờ tấu không xưng tên". Thảo xong, hoàng thượng sai viên nội hàn là Lê Hữu Cáo đem tới phủ đường.

Trọng Tế xem rồi, tức thì xé tan tờ chỉ dụ ngay trước mặt sứ giả mà nói:

– Lạ thay, ta chưa từng thấy triều nào, đời nào lập ngôi chúa mà vua lại dám ngăn trở vậy! Chắc là mấy thằng rồ dại đã lạy quân mọi

hôm nọ, sợ rằng sau khi lập chúa, chúa sẽ hỏi tội chúng nó, cho nên chúng nó mới xúi bẩy nhà vua đấy thôi. Ta cần gì phải xin xỏ, cứ việc đem quân đến bắt hết mấy thằng xúi bẩy ấy đi, cho trơ cái ngai gỗ ra. Xem vua có cho lập hay không cho lập?

Đoạn, Trọng Tế lại bảo sứ giả:

– Ông về tâu với hoàng thượng, chúa vẫn là chúa, nhà vua có thiệt hại gì đâu? Xin hãy cứ lập đã, rồi sẽ vào lạy sau.

Sứ giả về triều tâu hết đầu đuôi, hoàng thượng càng tức giận mà rằng:

– Nó khinh ta quá lắm! Như thế nó còn phải xin mệnh của ta làm gì? Thôi mặc cho nó làm lấy, ta cũng không khiến nó lạy nữa!

Các quan trong triều thấy vậy, thảy đều run sợ. Giữa lúc ấy, bỗng có tờ tâu của Quận Côn đệ vào, đại ý nói rằng: "Tổ tiên nhà thần giúp đức tiên đế gây nghiệp trung hưng, đội ơn thiên tử xét công ban thưởng rất hậu, phong cho ngôi chúa. Đến đời gần đây, vì chuyên quyền lâu ngày, đâm ra kiêu lộng, làm những việc trái với lẽ thường, đến nỗi "sụp đổ mất cơ nghiệp của tổ tông. Nay thánh thiên tử thống nhất thiên hạ, đùm bọc che chở, tấm lòng rộng mở bao la như trời đất, chẳng nỡ làm tuyệt diệt tông miếu nhà thần. Thần may được là dòng trưởng họ Trịnh, lánh nạn nấp ở dân gian, cái bụng mến nhớ tông miếu, bâng khuâng suốt cả đêm ngày, chỉ vì chưa được chiếu chỉ, cho nên thần vẫn chưa dám tự tiện vào thành. Vậy dám đánh bạo tâu lên hoàng thượng xem xét".

Hoàng thượng coi hết tờ biểu, rất hài lòng, khen:

– Trẫm nghe nói Quận Côn là người hết sức lễ độ, khiêm tốn quả nhiên không sai!

Rồi ngài giao tờ biểu đó xuống cho triều đình bàn bạc. Các viên quan triều nghe tin Quận Côn ở vùng Chương Đức, hiện có cái thế nổi lên được, ai nấy đều ngầm có bụng ngả theo, nên đều khuyên hoàng thượng xuống chỉ vời vào.

Quận Côn tiếp được chiếu chỉ, lập tức phân chia hàng ngũ người ngựa, luôn trong bữa ấy lên đường về kinh. Quan quân lại sĩ nghe tin, tranh nhau đi đón.

Thần Trung hầu và Trọng Tế thấy vậy đều sợ hết hồn hết vía, đám người đi theo cũng hơi ngã lòng. Cả hai bấy giờ mới chịu lép vế cúi mình, sai người vào triều tâu xin cho Quận Thụy tới lạy. Hoàng thượng ưng lời.

Khi sứ giả ra khỏi, hoàng thượng bèn sai lính phục sẵn ở bên cầu Cận Thiềm, chờ Quận Thụy và bọn Thần Trung hầu, Trọng Tế tới nơi sẽ bắt lại để hỏi tội.

Nhưng Quận Thụy rốt cục cũng không dám vào. Trọng Tế biết việc không xong, bèn nói với Quận Thụy, xin để mình và Thần Trung hầu chia quân chống chọi với Quận Côn. Quân của Trọng Tế ra đóng ở cửa ô Trường Bán, [1] còn quân của Thần Trung hầu thì đóng ở cửa ô Xã Đàn. [2]

Rồi thừa cơ, Trọng Tế bèn bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ đem một cánh quân lẻn đi xin hàng.

Nễ dẫn tới làng Nhân Mục, vừa gặp tiền quân của Quận Côn, Nễ liền sai quân lính cắm ngược gươm giáo xuống đất, hai tay chắp lên trán, đứng ở bên trái đường. Khi kiệu của Quận Côn đến nơi, Nễ quỳ xuống, thuật rõ ý của Trọng Tế. Quận Côn bằng lòng, sai ngay Nễ làm tiền bộ tuyển phong. Đi đến dưới lầu Trường Thi, gặp quân của Thần Trung hầu chĩa bắn thẳng vào, quân của Nễ liền ngồi thụp cả xuống đất để tránh đạn. Quân của Thần Trung hầu kéo ùa tới. Quân của Nễ bấy giờ mới nhất tề đứng dậy, xông bừa vào đám quân của Thần Trung hầu. Quân Thần Trung hầu thấy quân Trọng Tế đã đầu hàng như thế, liền vất bỏ cả gươm giáo mà chạy. Quân Nễ và quân của Quận Côn thừa thế đuổi thẳng đến trại Nam Đồng, chém được chừng vài trăm người, quân của Thần Trung hầu thua to phải chạy vào thành. Thế là tất cả đều tan vỡ, Quận Thụy, Thần Trung hầu. Trọng Tế không còn kịp nhìn nhau, nhắm thẳng phía cửa ô Ông Mặc, mạnh ai nấy chạy lấy thân mình.

Quận Côn kéo quân vào thành. Khi ấy đám tàn quân của Trọng Tế ở cửa ô Trường Bán, phía ngoài bị quân của Quận Côn chẹn ngang phía trong bị lính thị vệ của nội điện chặn giữ, thành ra chúng không còn đường nào mà chạy phải liều chết cố đánh.

Chúng đâm một hoàng thân ngã ngựa chết. Hoàng thượng cả giận liền sai quân bổ vây, bắt hết cả bọn đem chém, máu chảy lênh láng, ngập đến mắt cá chân. Hôm ấy là ngày 14 tháng chín.

Lại nói, bấy giờ thanh thế của Quận Côn rất là ghê gớm. Nhưng vì thấy y có vẻ cung kính, hòa thuận, nên hoàng thượng định hãy cứ vỗ về y, rồi sẽ ngấm ngầm uốn nắn dần.

1. Ở vào khoảng Giảng Võ, Voi Phục trên đường Đại La bây giờ.

2. Nay ở vào khoảng làng Xã Đàn và Nam Đồng.

Đến lúc Quận Côn đã vào trong thành, hoàng thượng liền sai dẫn y tới ra mắt ở điện Vạn Thọ. Quận Côn lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Lễ xong, hoàng thượng cho ngồi và bảo:

Nhà chúa trải hai trăm năm tôn phò, công lao đối với nhà vua không phải là nhỏ, Trẫm muốn đền ơn thật hậu. Xét trong họ hàng nhà chúa, không ai được hiền như ông, vả lại ông là ngành trưởng nên việc nối dòng tế tự trẫm vẫn để dành cho ông.

Quận Côn tâu rằng:

– Thần vốn là kẻ hèn mọn, tính lại ưa sự điềm tĩnh. Gặp lúc vận nhà suy bĩ, thần đành cam phận bỏ đi, những toan khoác áo cà sa mà sống trọn quãng đời thừa. May sao, nhờ hoàng thượng sẵn có mưu mô thần thánh, xoay lại vận hội trời đất, nên nạn nước lại yên, thần lại được trông thấy mặt trời. Bây giờ, hoàng thượng lại nghĩ đến tiên tổ nhà thần, mà không nỡ dứt bỏ thần, thần kính xin được về triều để đợi mệnh. Gây dựng cho thần kiếp này, đều là ơn hoàng thượng vậy!

Hoàng thượng khen phải, rồi hỏi luôn:

– Thế đã chọn nơi nào để đóng quân hay chưa?

Quận Côn đáp:

– Tòa lượng phủ [1] còn có thể che mưa che gió, thần xin ở đấy.

Ý hoàng thượng không muốn cho Quận Côn ở trong phủ, bèn nói:

– Nhà cũ của ông không việc gì chứ?

Quận Côn thưa:

– Nhà thần ở chỗ hẻo lánh, lửa binh không lan tới, nhưng cũng bị người kẻ chợ cướp bóc, tàn phá, không còn chỗ nào nguyên lành.

Hoàng thượng lại hỏi:

– Thái phi và các vương tử của Đoan Nam vương bây giờ ở đâu?

Quận Côn đáp:

– Trong lúc hoảng hốt vội vàng, mỗi người chạy đi mỗi ngả, đến khi tạm yên mới kịp dò hỏi. Nay vừa được biết, họ đều ở tại nhà Ngạn Lĩnh hầu trên trấn Sơn Tây. Nghe đâu ba vị vương tử đã chết mất hai, giờ chỉ còn vị con cả mà thôi!

Hoàng thượng nói:

---

1. Phủ cũ của thế tử họ Trịnh.

– Đoan Nam vương xưa cũng có hậu tình với trẫm, trẫm rất thương xót, thường vẫn cho người thăm viếng phần mộ, sửa lễ cúng vái, để an ủi hương hồn. Trẫm cũng thường hay hỏi han tin tức thái phi và các vương tử, đến nay mới biết đích xác. Vậy hãy cho người đón về đây đi, trẫm sẽ hậu đãi!

Quận Côn đáp:

– Dạ!

Hồi lâu, Quận Côn lạy tạ xin lui. Khi qua cửa phủ, vào thăm cung miếu, Quận Côn gào khóc một chập, rồi lại sai xe đưa về lượng phủ. Nhưng bọn tay chân nói:

– Thần dân thiên hạ rước ngài đến đây, chỉ muốn ngài ở phủ làm chúa, để họ lập chút công danh. Nay ngài lại nhường phủ không ở, chắc họ sẽ bảo ngài là "vương tử lại vẫn hoàn vương tử". Rồi đó lòng người chán nản, đại binh sẽ tan, khó mà thu thập lại được. Nếu về ở lượng phủ, thà rằng cứ ở Chương Đức làm một người thanh nhàn, còn phải lôi kéo bao nhiêu người tới đây làm gì cho nhọc?

Quận Côn nghe lời, bèn lưu lại trong phủ, vào ở lại Trạch Các, rồi làm tờ tâu lên hoàng thượng, đại ý nói rằng: "Thần vào thăm gia miếu, trông thấy lửa hương nguội lạnh, quang cảnh tiêu điều, lòng bồi hồi không nỡ bỏ đi. Vậy xin tạm chọn một ngôi nhà cạnh miếu để ở, cho tiện sớm hôm quét dọn thăm nom, để cho linh hồn tiên tổ được yên". Hoàng thượng xem tờ tâu, hiểu ý ngay, nhưng thế chưa ngăn cấm được, liền bảo với các quan tả hữu rằng:

– Nếu muốn ở phủ, tức là lại muốn được làm chúa rồi. Như thế thì cái nạn Quận Thụy cũng vẫn như chưa trừ được vậy. Cái ổ đã vỡ đó, hết kẻ kia đi, lại đến kẻ này lại, ồn ào bụi bậm làm dơ bẩn con người. Trẫm giận mình lúc Tây Sơn mới đi, đã không kịp cho ngay nó một mồi lửa cho rảnh!

Hôm sau, hoàng thượng sai các quan trong triều bàn việc sách phong cho Quận Côn, ý hoàng thượng chỉ muốn phong làm quốc công rồi cho hưởng lộc hậu hơn mà thôi. Nhưng các quan triều thấy Quận Côn giữ binh ở phủ, chắc y không chịu ngồi suông; vả lại, coi cái thế thiên hạ hùa theo y bây giờ, thì có đè nén cho y khỏi to lớn cũng chẳng được nào. Bởi vậy, không có người nào dám bàn trước. Chợt có kẻ xin với vua rằng:

– Nhà chúa từ khi Văn Tổ [1] bắt đầu được phong chức tiết chế thủy bộ chư doanh, bình chương quân quốc trọng sự và tước quốc công. Bây giờ, xin theo như lệ cũ ấy mới là có căn cứ.

Hoàng thượng bèn sai lấy quốc sử xuống để tra xét cho rõ; rồi bắt bớt đi hai chữ "tiết chế". Các quan triều đều phân vân chưa dám quyết định.

– Giữa lúc ấy, chợt có tin báo Liên Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng vâng sắc hoàng thượng đã tới. Nhưỡng có ba ngàn bộ binh đóng ở Bát Tràng, nói thặng lên là ba vạn và ba trăm chiến thuyền đóng ở bến Thúy Ái, nói thặng lên là ba ngàn; lại lấy hiệu quân là Đông Giang. Người trong nước bấy giờ, nghe thanh thế của Nhưỡng, đua nhau đi theo rất đông.

Nhưỡng đem vài trăm khinh kỵ vào thành, dương dương tự đắc có vẻ coi khinh cả thiên hạ.

Hoàng thượng thấy Nhưỡng đến vừa lúc Quận Côn cũng đến, e cuộc gặp gỡ ấy làm cho Nhưỡng bất bình, mới sai người dẫn Nhưỡng vào ra mắt, vỗ về an ủi cực kỳ ôn tồn. Nhưỡng cũng giãi tỏ hết tấm lòng trung ái của mình. Hoàng thượng bảo Nhưỡng:

– Nhà ngươi nay đã đến đây, nên đem hết quân vào thành để bảo vệ kinh sư.

Nhưỡng lạy tạ rồi lui ra.

Hoàng thượng lại bảo Nhưỡng ra triều đình để cùng các quan bàn việc.

Các quan đem lệ cũ ở quốc sử ra nói với Nhưỡng. Nhưỡng nói:

– Tôi là kẻ võ biền không biết văn học; chẳng hay hoàng thượng đãi nhà chúa như thế là hậu hay bạc?

Các quan ngập ngừng chưa dám trả lời ngay. Chợt có Nguyễn Hàn đáp rằng:

– Nhà chúa không thể giữ nổi tông miếu, hoàng thượng bảo tồn cho, như thế kể cũng đã là hậu.

Nhưỡng nhìn Hàn chòng chọc và hỏi:

– Ông là tiến sĩ phải không?

Hàn thưa:

---

1. Tức Trịnh Tráng.

– Phải!

Nhưỡng lại hỏi:

– Đỗ khoa nào?

Hàn trả lời:

– Khoa Kỷ Hợi (1779).

Nhưỡng nín lặng đi ra.

Các quan cũng đều lui về.

Hôm ấy, thủ hạ của Quận Côn vì muốn dựa vào uy thế của Nhưỡng cho chóng thành việc, mới khuyên Quận Côn mời Nhưỡng đến để phó thác công việc.

Nhưỡng từ chối mà rằng:

– Tôi là bề tôi nhà Lê nhà Trịnh, chỉ biết có nhà Lê nhà Trịnh, há lại có bụng dạ kia khác nào? Nay ông đến đây, việc phong tước còn chưa xong, tôi lại vừa mới đem quân tới, nếu tôi vào ra mắt ông, e khi ông làm được chúa, rồi nay mai hội bàn ở triều đình, tôi có điều gì không đồng ý kiến với họ, người ta sẽ ngờ cho tôi là tư túi với ông. Vậy xin hãy cứ chờ đến khi nào có mệnh lệnh nhất định của hoàng thượng, bấy giờ tôi sẽ đến lạy chào cũng chưa muộn gì.

Hôm sau, hoàng thượng xuống chỉ phong Nhưỡng tước quận công rồi sai nội hàn Lê Hữu Cáo khuyên Nhưỡng một lòng giúp rập nhà vua cho thành công cuộc nhất thống.

Nhưỡng nói:

– Tôi vâng chiếu đến đây, chỉ mong thánh thiên tử ở trên cầm quyền, nhất thống bốn biển, ấy là phúc của thiên hạ. Tôi đâu dám chẳng ra sức để làm cho tỏ hết lòng ngu của mình? Nhưng trước kia tôi trót phạm quân luật, làm tan vỡ cả một đạo quân, để cho việc nước đến nông nỗi này; mà nay hoàng thượng lại tha tội cho, như thế cũng đã là may mắn lắm rồi. Còn bây giờ, trong lúc ngôi chúa vẫn chưa định, mà tôi lại đi nhận phong tước trước, thì dư luận mọi người sẽ bảo tôi ra sao? Tôi thờ bệ hạ còn về lâu về dài, vậy nay hãy xin trả lại mệnh phong tước.

Tiện thể, Cáo đem việc hoàng thượng muốn phong cho Quận Côn tước công để dò ý Nhưỡng. Nhưỡng bèn đáp rằng:

– Thánh thiên tử chẳng thiếu gì trí tuệ, cứ đãi ngộ thế nào cho xứng với công đức của nhà chúa là được.

Cáo về triều, thuật lại ý Nhưỡng, và xin theo đúng như lệ phong Văn Tổ khi trước. Hoàng thượng lại sai các quan triều bàn bạc rồi phong Quận Côn làm Tiết chế thủy bộ chư doanh, bình chương quân quốc trọng sự, tước Côn quốc công, cấp ba ngàn tên lính, năm ngàn mẫu ruộng, hai trăm xã dân để cung phụng về việc tế tự nhà chúa. Sau đó, các quan lại đem ý của hoàng thượng nói với Nhưỡng. Nhưỡng chẳng có ý kiến gì khác. Các quan bèn đem lời bàn của triều đình tâu lên hoàng thượng. Hoàng thượng nghĩ rằng: Văn Tổ ngày xưa lúc mới phong thì thế, mà rồi về sau, lại tiến lên đến ngôi chúa. Bây giờ nếu không nói trước cho rõ ràng, e rằng lâu dần sẽ lại sinh ra những chuyện khác. Bởi vậy, khi đã quyết định việc phong tước quốc công cho Quận Côn, hoàng thượng bèn bắt các quan triều làm tờ sắc dụ, nói rõ từ nay về sau cứ đời đời nối tiếp tước công mà thôi. Các quan triều vâng mệnh hoàng thượng, làm đúng như vậy. Mấy chữ ấy ghi trong sắc dụ, Nhưỡng không được biết gì hết.

Hôm sau, hoàng thượng, sai quan đem sắc đến phủ ban cho Quận Côn, rồi lại sai đem dán bản sao ra ngoài cửa Đại Hưng cho thiên hạ đều biết.

Nhưỡng xem tờ yết thị, thấy có mấy chữ "đời đời nối tiếp tước công", liền hầm hầm mà rằng:

– Lấy tước công làm cái mệnh lúc đầu, còn có lý. Nay lại nhất quyết hạn định ở tước công, bắt con cháu nhà chúa đời đời kiếp kiếp cứ phải noi theo như thế mãi thì còn có lý nào nữa? Vừa rồi giặc đến, nhà vua được tôn phò, các quan văn võ không một người nào phải mất tước vị; riêng nhà chúa thì có tội tình gì mà lại bị thụt chức? Thử coi những kẻ tai mắt ngồi ở trong triều, ai không chịu ơn sâu của nhà chúa? Thế mà bây giờ người ta lại dùng những câu văn khéo léo để chiều ý nhà vua như vậy, thật là khinh bạc quá lắm! Được! Họ đã nổi tiếng vì câu văn khéo léo, thì ta cũng lại lấy văn khéo léo mà chọi lại, thử xem ai thắng ai?

Rồi Nhưỡng làm luôn một tờ yết thị như sau:

"Hàm Giang, Đinh mỗ kính đạt các quan văn võ quý đài:

Nay vâng sắc chỉ lập quốc công để nối dòng dõi nhà chúa. Nếu như lòng người đều đã thỏa thuận, thì nên đến phủ lạy mừng. Nhược bằng ai còn nghĩ đến công đức nhà chúa, riêng có ý muốn tâu xin thế nào, thì hãy đến cùng họp ở cung Tây Long, bàn với mỗ về việc thảo

biểu dâng lên hoàng thượng, để cúi chờ thánh thượng xét định, cho thỏa lòng mong mỏi của thiên hạ".

Khi mệnh phong tước quốc công mới ban xuống, ai nấy đều nghĩ rằng việc đó hẳn chưa hết miệng tiếng. Đến lúc này, Nhưỡng đã đi trước mọi người, lập ra cuộc họp ấy để tranh công đầu. Tuy nhiên, để phòng ngừa vì lỗ mãng thô bạo mà hỏng việc như bọn Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế, nên Nhưỡng cũng không dám dùng uy thế mà ăn hiếp các viên triều thần hiện đang theo nhà vua. Ngược lại, các viên triều thần khi mới gặp Nhưỡng, cũng chỉ ngồi im để xem Nhưỡng ngả về bên nào mà cân nhắc nặng nhẹ. Lúc thấy Nhưỡng kêu gọi hội họp, mọi người tuy không dám theo Nhưỡng, nhưng trong bụng lại sợ Nhưỡng, vì thế việc theo phò nhà vua cũng có phần chểnh mảng. Còn nhà vua, tuy vẫn quyết tâm giữ mệnh cũ, không chịu thêm bớt nửa chữ, xong cũng chỉ xoay xở một mình, không ai là người giúp đỡ.

Bấy giờ, trong hàng quan văn đến họp với Nhưỡng có Ngô Trọng Khuê, Nguyễn Gia Lịch, [1] Nguyễn Tông Điển, Nguyễn Huy Chiểu, Nguyễn Đình Thiều, Phan Huy Ích... cả thảy sáu, bảy người.

Các quan đến dự cuộc họp, được Nhưỡng đặt tiệc rất to để thết đãi. Tiệc xong, Nhưỡng hỏi mọi người rằng:

– Cái mệnh "quốc công" các ông cho là thế nào?

Ngô Trọng Khuê đáp:

– Hai trăm năm nay có vua có chúa, công đức nhà chúa không thể vì một lần thất bại mà hết sạch. Nhà vua còn ít tuổi, nghĩ ngợi chưa chu đáo. Phụ họa với ý nhà vua để làm việc vô lý này, đó là lỗi của bọn chúng tôi. Phen này chỉnh đốn lại, phi ông thì không xong.

Nhưỡng nói:

– Tôi họp các ông cũng chính vì việc đó. Bây giờ tôi muốn làm tờ tâu để xin với nhà vua, vậy các ông có hiệp ý không?

Mọi người đều đáp:

– Không hiệp ý thì đã chẳng đến đây; đã đến đây tức là không ai không hiệp ý.

Nhưỡng nói:

1. Có bản chép Nguyễn Văn Lịch.

– Nếu các ông đã hiệp ý, thì nên thảo ngay tờ tâu để tôi đem dâng hoàng thượng. Hoàng thượng dẫu muốn chẳng cho, tôi cũng cứ cố xin, đến bao giờ được mệnh lệnh nhất định thì mới thôi.

Một viên quan võ là Nguyễn Gia Quán nói rằng:

– Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế cũng có tờ tâu hẳn hoi, vậy mà chỉ đợi xin mệnh, cho nên rốt cục mới hỏng việc. Nay có đủ cả quan văn, quan võ cùng hội họp như thế này, cứ kéo tuột vào trong phủ là tự khắc thành triều đình. Triều đình đã thành, thế lớn ắt phải trở về với nhà chúa. Kìa hãy thử nhìn hai điếm tả hữu [1], không lại vẫn hoàn không. Đã đến nước ấy, cần gì phải đợi xin mệnh nữa?

Nhưỡng đáp:

– Tôi muốn làm thế, kể cũng không khó. Nhưng thiết nghĩ chúa không chịu mệnh của nhà vua, bảo là thuận thì chưa lấy gì làm thuận. Vả lại tục ngữ đã nói: "Chẳng ai mặc áo qua đầu". Vì vậy, tôi muốn cứ theo con đường ngay thẳng cho phải lẽ. Tôi không phải là quân ô hợp như bọn Thần Trung hầu và Trọng Tế, để đến nỗi bị người ta bỏ rơi. Nếu tôi đã tâu xin, hẳn là mấy ông thầy già ngồi trong triều có muốn làm rầy tôi cũng không thể được.

Sau đó, mọi người bèn thảo tờ tâu, đại ý nói rằng: "Nay kính vâng hoàng đế bệ hạ đoái nghĩ đến nhà chúa, muốn cho được bảo tồn dòng dõi, phong làm tước công, đời đời giữ việc cúng tế. Thần dân thấy vậy, chẳng ai không cảm kích. Nhưng nhà chúa từ đức Thái vương về sau vẫn được thiên tử ban cho tước vương. Mới rồi gặp cơn quốc biến, tiên chúa Đoan Nam vương đã phải đem thân chết theo nước. Bây giờ nạn nước đã qua, vâng được thánh thượng bao dong, các bề tôi đều không ai bị mất quan tước, riêng có nhà chúa lại phải giáng phong. Như thế, thần dân nghĩ không đành lòng. Vậy dám cúi xin cho Côn quốc công được phong lên tước vương, cho thỏa lòng mong mỏi của thần dân".

Hoàng thượng xem xong tờ tâu liền nói:

– Cứ nằng nặc đòi phong vương để ăn hiếp ta mới sướng hay sao? Nếu yên phận làm tôi, thì công với vương phỏng có khác gì? Vả lại, mệnh vừa mới ban xuống mà đã muốn đổi, mệnh thiên tử đâu phải là trò trẻ con?

---

1. Trước kia Trịnh Cương đặt tả điếm và hữu điếm ở ngoài cửa phủ đường, để làm chỗ trăm quan tra xét kiện tụng.

Các viên quan triều thấy vậy, tự nghĩ phò chúa đã không dự, giúp vua lại không xong, ai nấy đều muốn tháo thân mà đi. Tứ Xuyên hầu vào tâu với vua:

– Lấy chúa hiếp vua, đó là cái gốc sinh loạn. Loạn đã đến thế, họ vẫn còn noi theo vết cũ mà làm, chẳng qua là lòng trời xui khiến ra như vậy. Nhưỡng là kẻ vũ phu, không thể lấy nghĩa lý mà nói cho hiểu. Thần xin vâng chỉ đến nói thẳng với Quận Côn, khuyên y hãy từ bỏ chuyện xin phong vương, may ra việc nước còn có thể làm được. Nếu không, phen này mà loạn thì lũ thần không sao xoay chuyển nổi. Dám xin hoàng thượng hãy tha tội cho thần!

Hoàng thượng bằng lòng. Tứ Xuyên hầu bèn đến phủ nói với Côn quốc công rằng:

– Tôi chịu ơn sâu của nhà chúa, không phải là không muốn hậu với ông. Nhưng mà biến cố của nước nhà lần này, chính là một cơ khép mở rất lớn của trời đất; do đó, mọi việc đều không nên câu nệ vào nếp cũ. Nay nếu theo lệ nối ngôi ngày trước mà lập, để ép thiên tử phải làm cái việc không muốn làm, thì thật là quá ư vô đạo. Lũ chúng tôi, nghĩa không thể nín, cho nên phải nói với ông. Ông nếu bỏ qua lời nói của tôi, thì loạn lạc sau này, sẽ không thể cứu được nữa. Trong sách đã nói: "Nước có đạo thì làm quan, nước vô đạo thì ở ẩn". Lũ chúng tôi đành xin đi từ nay.

Côn quốc công đáp:

– Tôi vẫn tự biết là kẻ hèn mọn, đâu dám mong những điều quá đáng? Việc này là do Liễn Trung hầu gây ra, tôi thật không dự, xử trí thế nào tùy lượng bề trên. Xin ông hãy vì tôi tâu lên hoàng thượng, soi xét cho tấm lòng ấy của tôi.

Tứ Xuyên hầu thấy lời lẽ Côn quốc công có ý thoái thác, bèn về tâu với vua rằng:

– Việc này thần không thể nào xoay chuyển được nữa. Hoàng thượng dùng thần cũng là vô ích!

Rồi Tứ Xuyên hầu từ biệt mà đi.

Nhưỡng nghe tin ấy, nói với mọi người:

– Lão rậm râu sâu mắt bỏ đi rồi, thế là bớt được một tên cáo già!

Lúc ấy, hai điếm tả hữu đều bỏ không. Những kẻ hội họp trước kia nay về ngồi trong triều, đều là bè đảng của Nhưỡng. Hoàng thượng thấy vậy, than thở với bọn gia thần rằng:

– Ta nay không còn ai giúp rập nữa rồi! Tuy vậy, nó cũng không thể cậy đông người mà ăn hiếp ta được. Ta cứ không nghe, thử xem nó làm thế nào?

Thế rồi, sau khi Tứ Xuyên hầu đã đi khỏi, hoàng thượng vẫn cứ giữ nguyên mệnh cũ, ngay cả số quân dân, cũng đều không cấp thêm cho Côn quốc công một người nào cả.

Các quan văn trong tòa nội hàn ở luôn bên cạnh vua sợ bị Nhưỡng quở trách, nhiều người khuyên vua nên ưng cho lời xin của hắn. Nhưng vua đều không nghe.

Nhưỡng thấy nhà vua cương quyết, cũng có ý chờn, bèn làm một tờ tâu kín, xin vua cứ cho Côn quốc công mang danh hiệu tước vương, còn các quyền bính thì vẫn thuộc về nhà vua. Trong tờ tâu ấy, lời lẽ của Nhưỡng cực kỳ mềm mỏng. Rồi Nhưỡng lại thân vào chầu để xin với vua. Vì thế, nhà vua mới nguôi lòng mà nghe theo phong cho Côn quốc công làm nguyên soái phụ quốc chính, tước Án Đô vương. Rồi vua sai viên quan trong triều là Nguyễn Du [1] đem sắc chỉ đến ban cho Côn quốc công.

Côn quốc công vâng mệnh, thân hành vào triều lạy tạ; đoạn về phủ sai người đánh ba hồi chín tiếng trống, làm lễ lên ngôi chúa. Hôm ấy là ngày mười chín tháng chín.

Sau khi Án Đô vương được lập rồi, các quan tả hữu khuyên vương nên theo lệ cũ, đặt ra các viên tham tụng, bồi tụng, chưởng phủ, thự phủ, để dựng riêng một triều đình. Rồi họ lại trông mặt mấy viên để họp ở cung Tây Long hôm nọ mà chỉ định người làm chức này, người kia làm chức kia sắp đặt rõ đâu vào đấy. Nhưng Nhưỡng tự nghĩ hôm trước mình tâu với hoàng thượng như thế, mà nay đã vội tự ý tráo trở, lật lọng, e rằng như vậy là lừa gạt bề trên quá chừng. Vì vậy, Nhưỡng vẫn còn trù trừ, chưa dám xin vương ra mệnh.

Còn hoàng thượng, thì cứ giữ theo mệnh cũ, đổi chức tham tụng làm bình chương, bồi tụng làm tham tri, thiêm sai làm thiêm thư, hai điếm tả hữu làm hai nhà nghị sự. Rồi bắt Nhưỡng phải kịp chọn lựa các quan, xin chỉ hoàng thượng, định ngày họp ở nhà nghị sự để chia đặt mọi việc. Nhưng ý Nhưỡng chưa quả quyết, thành ra công việc cứ dùng dằng, lẩn quẩn luôn trong mấy hôm.

---

1. Nguyễn Du quê ở xã Vân Xá huyện Thanh Oai, Hà Đông, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785).

Đang khi ấy, chợt có tin báo Thạc quận công ở trấn Sơn Tây đã thu thập hết binh lính các huyện, đông đến vài vạn người, lại đem cả thổ binh của bọn phiên mục đất Phù Sùng ở vùng Hưng Hóa là Đinh Công Hồ và Đinh Công Trình đi theo, nay mai sẽ tới kinh sư.

Thật là:

Đã mạnh lại còn tay mạnh nữa,
Bất ngờ phòng chuyện bất ngờ hơn.

Chưa biết Quận Thạc đến kinh sư làm gì? Hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ BẢY

Phò Lê đế, đạo Vũ Thành lại ra quân, Đốt Trịnh cung, chúa Án Đô phải bỏ nước

Lại nói, Thạc quận công (Hoàng Phùng Cơ) sau khi thua trận ở cửa Thúy Ái, liền chạy về vùng Hưng Hóa, nương nhờ ở nhà một phiên mục là Đinh Công Hồ. Kịp khi nghe quân Tây Sơn rút về Nam, Quận Thạc bèn tới trấn Sơn Tây, thu nhặt binh lính để về bảo vệ kinh thành. Khi ấy hoàng thượng vẫn thường cho người qua lại chỗ Quận Thạc, vua tôi rất là ăn ý với nhau.

Đến lúc này được tin Quận Thạc đã tới, nhà vua liền sai ông ta đem quân vào đóng ở cửa ô Trường Bán để bảo vệ hoàng thành. Lúc vào thành, Quận Thạc đến lạy chào vua, rồi sau mới ra chào Án Đô vương.

Bấy giờ, người trong kinh nhao nhao đồn rằng: "Thạc vào bè với vua; Nhưỡng vào bè với chúa. Hai người sẽ có ngày dàn quân đánh nhau, cả hai đều là tướng mạnh, chưa biết ai thua ai được?". Hoặc có người lại nói rằng: "Vua với chúa thế lực cũng ngang nhau, nhưng vua có phần mạnh hơn một chút".

Án Đô vương thường sai người đến úy lạo Quận Thạc, khuyên Thạc nên giúp đỡ nhà chúa. Nhưỡng cũng hay cho người đi lại biếu xén để liên kết với Quận Thạc.

Thủ hạ của Quận Thạc có người tên là Nguyễn Liên, thấy thế lớn

trong thiên hạ đang có chiều ngả về phía chúa, nên cho rằng việc Nhưỡng phò chúa khó mà có thể xoay chuyển được. Rồi nhân đó, muốn cho Quận Thạc hợp vào với Nhưỡng, Liên bèn cố khuyên Quận Thạc bỏ vua mà theo chúa. Quận Thạc trả lời:

– Người ta khó nhọc mới làm được mâm cỗ ngon, mình bỗng xông đến, chọc ngay đũa vào mà ăn, còn ra cái mặt mũi gì nữa?

Liên nói:

– Hiện nay ngôi chúa tuy đã lập, nhưng quyền chúa chưa định xong. Ông Nhưỡng vì đã trót hứa với hoàng thượng là quyền binh thuộc về nhà vua, nên bây giờ không dám hé răng nói lại. Chúa ngồi chồm chỗm ở trong phủ, mà hóa ra chính phủ chẳng có người nào, dân không biết theo ai. Việc ấy không có ông thì không xong. Người xưa có câu: "Làm việc thì dễ; làm cho nên việc mới khó". Bây giờ, nếu ông gánh lấy cái khó ấy, thì công nghiệp chẳng kém gì ông Nhưỡng đâu!

Quận Thạc hỏi:

– Thế thì nên làm thế nào?

Liên đáp:

– Người ta có thể họp được các quan, sao ông lại không chịu họp? Nay ông hãy định ngày hội họp các quan để bàn về việc đặt tên các quan chức rồi sau đem những lời bàn ấy mà tâu xin với vua, hẳn là nhà vua phải nghe theo.

Quận Thạc khen phải, rồi sai thảo tờ hiểu thị các quan văn võ, đại ý nói rằng:

"Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đưa giặc vào cướp nước, mỗ vâng mệnh dẹp giặc, chẳng may đã sai phạm quân luật và làm tan vỡ quân đội, đến nỗi kinh thành không giữ được, thật là đáng chịu tội muôn lần. May nhờ lòng trời hối họa [1], quân giặc phải lẻn trốn về. Nay non sông lại y nguyên, vua chúa vẫn như cũ. Nhưng giềng mối đã đổ, triều chính lại càng rối bời. Tướng võ, quan văn, há nên một mực im lặng? Vậy xin định đến ngày này tháng này, hội họp ở bộ Lễ, cùng nhau bàn định, rồi sẽ tâu lên hoàng thượng và trình lên vương thượng biết; sau đó xin giao xuống cho thi hành, để chỉnh đốn lại thể thống của triều đình".

---

1. Quan niệm phong kiến xưa cho rằng, mọi tai họa ở trên đời đều là do trời gieo rắc, khi tai hoa hết, ấy là lúc trời đã hối lại.

Mọi người thấy tờ hiểu thị đó, đều cho rằng Quận Thạc vì nhà vua mà mở ra cuộc họp ấy, để báo thù lại cuộc họp của Nhưỡng ở cung Tây Long trước đây. Đến ngày đã định, Quận Thạc kéo quân từ hoàng thành ra, Nhưỡng dẫn quân ở phủ chúa lại, người ta chắc là hai tướng sắp sửa đánh nhau, có kẻ sợ vạ lây đã phải lánh đi nơi khác. Nhưng đến khi thấy hai tướng đã gặp nhau mà không xảy ra chuyện gì, thì người ta lại đồn rằng Quận Thạc lừa cho Nhưỡng ngồi vào họp rồi mới bắt, tướng trẻ tất phải mắc mưu tướng già. Rút lại, chẳng ai hiểu được ý định của Quận Thạc như thế nào?

Kịp đến lúc các quan văn võ đến họp, chào hỏi nhau xong, Quận Thạc nói:

– Chúa lên ngôi đã hơn một tuần, mà chính sự vẫn chưa ra đầu ra mối gì cả, các ông có ý kiến gì cứ bày tỏ, rồi cùng lựa chọn những điều đáng làm để đem tâu xin với bề trên.

Mọi người còn chưa biết nói thế nào. Trong đám có Ninh Tốn là tay lắm mưu mẹo giảo quyệt, định dùng lối nói lập lờ nước đôi để dò ý Quận Thạc, bèn lên tiếng mà rằng:

– Từ khi sáng nghiệp về sau, quyền ở nhà vua. Từ ngày trung hưng lại đây, quyền ở phủ chúa...

Tốn vừa mở miệng đến đấy, đã bị Nhưỡng hỏi vặn ngay:

– Bây giờ là sau đời sáng nghiệp hay là sau đời trung hưng? Làm sao lại còn nói đèo thêm sáng nghiệp nào nữa? Xem viên ấy là quan chức gì mà nói dốt đến vậy?

Tốn vốn có tài đối đáp nhanh nhẹn, liền nói luôn:

– Ấy là tôi cũng chỉ viện dẫn ra để tỏ rõ rằng, từ sau đời trung hưng thì như thế nào đó mà thôi!

Nhưỡng nói:

– Nếu vậy thì mời ông ra thảo bản nghị sự.

Tốn bèn thảo một bản nháp, đại ý nói như sau:

"Nhà vua, nhà chúa, vẫn là một thể. Nay tên gọi các chức quan ở phủ chúa phải theo như chỉ ý của nhà vua vừa mới định, nhưng cũng nên giữ cả tên gọi cũ. Vậy xin để chức bình chương kiêm chức tham tụng, tham tri kiêm bồi tụng, thiêm thư kiêm thiêm sai, đô cấp sự kiêm lục phiên tri phiên. Về hàng quan võ thì những chức chưởng phủ, thự phủ, sẽ thêm vào những chữ ngũ quân đô đốc phủ, tả hữu đô

đốc. Còn nhà nghị sự ở ngoài cưa phủ đã quen tai mắt thiên hạ, xin cứ để nguyên như tên cũ. Các việc chính sự sau khi bàn xong, trước hết phải trình cho chúa biết, rồi sau mới tâu vua để xin nhà vua quyết định".

Nhưỡng coi bản nháp của tờ nghị sự, thấy lời văn chứa đựng những ý tứ khôn khéo, tiếng rằng theo vua mà kỳ thực là xem trọng ở chúa, bèn đổi ra giọng vui mừng mà rằng:

– Người ta khen ông là tay lão luyện về nghề từ hàn, quả thật là không sai! Vừa nãy tôi lỡ lời, xin ông đừng giận.

Rồi Nhưỡng bảo Tốn chép thành bản tâu để dâng lên nhà vua. Lúc bản tâu đã chép xong, Nhưỡng tự thấy rằng việc làm ấy và lời hứa của mình với nhà vua trước đây là trái ngược nhau, nên không dám giáp mặt vua, bèn cáo từ các quan mà về dinh, các viên quan võ cũng đều theo Nhưỡng ra về hết. Chỉ còn lại Quận Thạc và mấy viên quan văn vào điện để xin mệnh của nhà vua.

Hoàng thượng lúc đầu tưởng Quận Thạc hẳn phải thuận theo ý mình, nên rất mừng, cho người dẫn ông ta vào ra mắt. Đến khi coi hết tờ tâu, hoàng thượng nổi giận mà rằng:

– Tham tụng, bồi tụng cứ việc tham tụng, bồi tụng, hà tất phải đèo thêm bình chương, tham tri? Chưởng thự cứ việc chưởng thự, can gì phải đèo thêm ngũ quân đô đốc? Bọn các ngươi lấy hư văn mà đánh lừa ta; bịp bợm, xảo trá như vậy, há phải là lễ thờ vua?

Quận Thạc nghĩ xưa nay mình với nhà vua vốn có ân tình sâu xa, bỗng dưng vô cớ thay đổi thì thật là xấu hổ, vì vậy, không dám hé răng, chỉ cúi rạp đầu tạ tội mà thôi.

Ninh Tốn quỳ tâu:

– Nay ở ngoài thành đều là bãi chiến trường, thiên hạ đang loạn lớn, mà chính sự trong triều đình thì vẫn còn rối bời. Lũ thần chót phạm oai trời, thật là sợ hãi khôn xiết. Dám xin hoàng thượng soi sét.

Hoàng thượng nói:

– Ngoài thành đều là bãi chiến trường, vạ ấy hỏi tại nhà ai gây ra?

Đâu phải là lỗi ở trẫm? Thôi đừng nói lắm, lũ ngươi tưởng rằng bè đảng đông, có thể ăn hiếp được trẫm, thì cứ việc làm đi! Cần gì mà phải xin mãi?

Bọn Quận Thạc đều sợ hãi, mồ hôi toát ra khắp lưng, không dám

nài xin gì nữa; bèn cùng nhau phủ phục ở sân rồng, mãi đến đầu canh một chưa dậy.

Hoàng thượng thấy họ cứ nằm lì ở sân, nghĩ rằng người ta đã có bụng khác với mình, không thể trông cậy được nữa, dầu có cố giữ ý mình cũng là vô ích, bèn ưng cho lời tâu của họ.

Bọn Quận Thạc xin được mệnh lệnh rồi, liền lạy tạ mà ra.

Hôm sau, họ cùng nhau vào phủ để lựa chọn các quan. Mọi người bàn bạc cho rằng, chúa mới được lên ngôi, những người mà hoàng thượng đã từng tin dùng như loại Tứ Xuyên hầu, chưa nên gạt bỏ vội. Rồi họ bèn lấy Tứ Xuyên hầu [1] làm chức bình chương kiêm tham tụng; Kế Liệt hầu [2] và Khuê Phong hầu [3] cùng làm chức đồng bình chương sự kiêm hành tham tụng; Quận Thạc làm trung quân đô đốc phủ, tả đô đốc trưởng phủ sự, tước Thạc Vũ công; Nhưỡng làm đông quân đô đốc phủ, hữu đô đốc thự phủ sự, tước Liễn quận công; Ngô Trọng Khuê, Ninh Tốn đều làm tham tri chính sự kiêm bồi tụng; Nguyễn Huy Chiểu, Phan Huy Ích, cả bọn gồm sáu người đều làm chức đô cấp sự trung, kiêm thiêm sai tri phiên trong sáu khoa.

Mệnh đó được ban xuống, Tứ Xuyên hầu từ chối không nhận. Kế Liệt hầu thì tự thẹn mình không làm được công trạng gì, nói:

– Ta làm tể tướng không được tốt lành [4]. Việc trước hãy còn tấm gương sờ sờ ra đấy. Một đời lại định mấy lần hại nước người ta nữa? [5].

Rồi Kế Liệt hầu cũng không chịu nhận chức. Chỉ có Khuê Phong hầu một mình gánh vác công việc. Nhưng bấy giờ quyền bính trong nước đều ở tay Nhưỡng. Còn Quận Thạc thì già nua dốt nát, chẳng biết gì đến chính sự, chỉ giữ một chức quan cho đủ số mà thôi.

Quan liêu trong chính phủ đã đầy đủ, họ bèn ngày ngày mưu tìm kế để đè nén nhà vua, muốn cho tất cả quyền hành về việc binh, việc dân đều thuộc về phủ chúa. Riêng có bổng lộc của nhà vua, thì bàn nhau đãi hậu hơn các triều trước một chút. Nhưng hoàng thượng cũng không chịu lép vế, cứ mỗi việc mỗi giằng giữ co kéo, thành ra các

---

1. Tức Phan Lê Phiên.

2. Bùi Huy Bích.

3. Tức Phan Cận.

4. Trỏ việc Bùi Huy Bích trước kia làm tham tụng (tướng quốc) nhưng bất lực, để Tây Sơn lấy được Bắc Hà.

5. Người ta đây chỉ vào nhà vua; quan niệm phong kiến cho nước là của vua.

việc binh, dân chính đều rối tung chẳng đâu vào đâu. Rồi hoàng thượng lại ra sức mộ thêm binh mã để tự vệ, và ngấm ngầm lập mưu chế ngự nhà chúa.

Lệ cũ, nội điện nhà vua có một viên quan phụ tá. Án Đô vương bèn sai một hoàng thân tin cẩn của mình đến sung vào chức đó. Hoàng thượng bảo với vị hoàng thân ấy rằng:

– Ta vừa cho lên làm chúa, sập ngồi còn rung rinh, thế mà đã vội sai người đến dòm ngó, làm như nền nếp lúc thời bình ấy. Ông về bảo chúa Án Đô rằng, chúa đã sai ông đến làm phụ tá cho trẫm, thì trẫm cũng khiến ông trở lại làm phụ tá cho chúa.

Vị hoàng thân ấy lui ra, hoàng thượng bèn dặn mấy người tả hữu:

– Các người hãy nhớ lấy, hễ mà người này còn lại đây nữa, thì cứ chặt chân hắn đi cho ta!

Thế là từ đó, vua chúa đâm ra thù nhau.

Hồi Án Đô vương mới vào kinh thành. Trọng Tế trốn về huyện Gia Lâm. Vương vốn mến tư cách của Trọng Tế, lúc này bèn cho sứ giả đi mời. Khi Tế đến nơi, vương nói:

– Trong lúc giặc mọi vào cướp kinh kỳ, các quan văn võ hoặc chạy trốn hoặc đầu hàng, riêng người là Nho thần lại dám lập đồn bên cạnh kinh thành để chống nhau với giặc; cái tiếng nghĩa khí của người đã làm rung động cả nước, bọn giặc càn rỡ sở dĩ phải trốn đi, cũng chính là sợ về oai phong của người. Điều đó, Quận Thạc, Quận Liễn không thể sánh kịp. Vả lại, người mới thoạt vào thành đã lấy ngay việc lập chúa làm điều trước nhất. Tuy việc Quận Thụy không thành; nhưng thanh thế nhà chúa lại nhen nhúm lên được cũng là từ đấy. Nay ta mới được lên ngôi, nhà vua với ta lại chưa hòa thuận, mà thiên hạ thì đang còn rối ren, vậy người hãy cố ở lại giúp ta.

Sau đó Án Đô vương bèn cho Tế trông nom về việc tài phú. Nguyễn Mậu Nễ, học trò của Tế, cũng được cất nhắc lên làm chức tiến triều.

Tế vốn có bụng oán giận nhà vua, liền nói với Án Đô vương:

– Cái thuyết nhất thống [1] do ở giặc Chỉnh xướng ra, thật không nghĩa lý gì hết. Xưa nay nhà vua vẫn ủy quyền cho nhà chúa, mà nhà

---

1. Tập trung quyền bính vào tay nhà vua.

chúa thì phò giúp mối giềng của nhà vua; có hề "nhị thống" [1] bao giờ? Nhà vua đã chẳng chịu chung tai nạn với nhà chúa, trái lại còn lấy sự thất bại của nhà chúa để làm lợi cho mình. Bọn Tứ Xuyên hầu đã cúi mình theo giặc, giờ lại hùa theo nhà vua mà không biết chi đến chúa. Đó đều là những việc mà lẽ trời, tình người đều không thể dung tha. Dạo nọ vì chúa đến chậm, thần bất đắc dĩ mà phải phò Thụy quận công. Nếu chúa đến sớm, thì thần há lại để cho bọn đầu hàng giặc tới nay vẫn còn trốn khỏi hình pháp? Tông thất nhà vua hãy còn nhiều, tìm một vị khác làm người khoanh tay rũ áo, tưởng cũng không thiếu gì. Chúa mà đến sớm hơn nữa, ông vua "lông đỏ" hẳn đã phải đi theo bọn giặc "lông đỏ" từ lâu rồi!

Đoạn, Tế xui Án Đô vương cho quân vây điện vua ở, bắt hết bọn gia thần của vua giết đi, rồi bỏ vua này mà lập vua khác.

Mưu mô đã định xong, Tế bèn sai Nguyễn Mậu Nễ đem quân chẹn ở phía trước điện, đồng thời ngầm cho Nhuận Trạch hầu (Bùi Nhuận) lẻn vào cửa Đông Hoa để đánh úp mé sau.

Hoàng thượng nghe tin có biến, liền sai các hoàng thân đem hết binh lính đã mộ ra chống giữ. Nễ cưỡi voi đến ngoài cửa Đại Hưng, khí thế rất mạnh, khiến cho trong điện ai nấy đều run sợ, cơ hồ muốn tan vỡ. Thình lình thấy Quận Thạc ngồi trên đầu voi từ phía sau điện xông tới cửa Đông Hoa, ngăn Nễ không vào được nữa và quát:

– Mày muốn sống thì mau thu quân về, bằng không, tao sẽ chặt đầu mày trước để bêu ra cho thiên hạ coi, rồi sau sẽ bắt nốt những tên trong đảng nghịch.

Nguyên Quận Thạc vốn ghen với danh vọng của Tế, vả lại trong bụng cũng không ưng cái việc đại nghịch ấy; mặt khác, lúc bấy giờ, Quận Thạc đang làm chức đề lãnh chính hiệu, phải gìn giữ hoàng thành, e rằng trong điện có biến thì mình cũng mang tội, vì vậy Quận Thạc phải kịp ngăn cản.

Nghe Thạc quát, Nễ sợ hãi lùi ngay, Nhuận Trạch hầu cũng không dám vào nữa. Thế là trong điện được vô sự.

Hoàng thượng giận lắm; bảo các quan tả hữu rằng:

– Đảng ác đã đông, gốc họa khó mà nhổ được nổi. Nếu không có hữu quân [2] trở lại, thì việc tất không xong.

---

1. Quyền lực thuộc vào cả vua cả chúa.
2. Chỉ vào Nguyễn Hữu Chỉnh.

Rồi đó, hoàng thượng bèn bàn tính việc gọi Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân ra bảo vệ kinh sư.

Lại nói, sau khi quân Nam lén lút kéo về, Chỉnh cướp được chiếc thuyền hối hả đuổi theo, ra đến biển lại bị gió cản lại luôn mấy ngày, chừng hơn một tuần mới vào đến cửa biển Hội Thống. Lúc thuyền của Chỉnh đậu ở dưới bến Đông Hải [1], thì cũng vừa gặp lúc anh em Tây Sơn đi đường bộ đã vào tới Vĩnh Doanh [2]. Bình nghe tin Chỉnh đã trốn thoát và theo về đến đó thì cả kinh mà rằng:

– Thằng chết tiệt này khéo tìm đường sống, thật chẳng khác gì mười lăm giống quỷ dạ soa luân hồi làm hại, cắt cũng không đứt đi cho.

Tuy vậy, lúc Chỉnh vào ra mắt, Bình vẫn vỗ về yên ủi. Chỉnh xin theo Bình cùng về, Bình nói:

– Nay Quận Thạc, Quận Liễn chưa trừ xong, nước An Nam phi ông không ai trị nổi; ông hãy tạm ở đây đã!

Rồi Bình sai người san sẻ các thứ súng đồng, súng sắt, cùng những khí giới, đồ lề thu được ở Bắc Hà, đem đến Đông Hải cho Chỉnh.

Chỉnh từ chối không nhận.

Bình lại cho Chỉnh hai mươi lạng vàng, hai trăm lạng bạc, và để lại một trăm tên lính để hộ vệ cho Chỉnh. Chỉnh nghĩ để số lính ấy cũng chẳng dùng được bèn nhận vàng bạc, trả lại lính, và nói:

– Tôi xin được tự mộ lấy quân địa phương mà dùng. Nếu sức tôi không đủ, phải đưa thư cáo cấp, thì bấy giờ mong ông hãy chú ý sai tướng sĩ giúp đỡ tôi.

Bình ưng lời, rồi về Phú Xuân, lưu Chiêu Viễn hầu đóng lại ở Kỳ Hoa để hưởng ứng với Chỉnh. Nhưng Bình về rồi thì Chiêu Viễn hầu cứ đóng lỳ ở Kỳ Hoa không hề liên lạc gì với Chỉnh.

Chỉnh ở dưới thuyền, thủ hạ chỉ còn hơn ba chục người, thành thử không dám bỏ thuyền lên cạn.

Người xứ Nghệ biết Chỉnh đang lúc thân cô thế cô cùng liền bàn nhau định ngày khởi binh bắt Chỉnh.

Chỉnh được tin, vội gọi người anh rể là Nguyễn Kim Khuê xuống thuyền để bàn cách đối phó, Chỉnh bảo Khuê:

---

1. Tức xã Đông Hải, quê Chỉnh. Nay thuộc Nghi Lộc, Nghệ An.
2. Vĩnh Doanh thuộc một địa điểm trong vùng thị xã Vinh, Bến Thủy.

– Nay trong nước rối loạn, tôi muốn chiếm cứ trấn này để tính việc lấy thiên hạ. Ý anh thấy thế nào? Mưu mẹo của anh sắp đặt ra sao?

Kim Khuê người làng Đặng Điền, huyện Chân Phúc, từng làm chức tri huyện, là bậc túc học và có mưu trí. Thấy Chỉnh hỏi vậy, Khuê liền bày mưu rằng:

– Tên tuổi ông, thiên hạ không ai là không sợ! Sức ông lấy Nghệ An, chẳng qua chỉ như trở bàn tay. Nay người trong trấn này tuy biết ông thân cô thế cùng, song họ vẫn chưa biết rõ hư thực thế nào. Tờ hịch của họ mới truyền đi, chỉ là những lời đưa đẩy lẫn nhau, chưa kẻ nào dám thò đầu ra trước. Nếu ông làm trước để chặn họ, hẳn họ sẽ trở tay không kịp. Hiện nay ông mà có được một ngàn thủ hạ, thì ông có thể dọc ngang khắp thiên hạ vậy!

Chỉnh nói:

– Anh nói rất hợp ý tôi.

Rồi đó, Chỉnh bèn làm tờ hịch lông gà [1] để điều động quân lính. Hịch phát bắt đầu từ làng Chỉnh ở. Ra lệnh hễ chậm khắc sẽ chém liền.

Ở làng bên cạnh có hai tên lính già, nguyên là lính ở các đội Nhưng, Kiệu trở về, thường vẫn hống hách với dân làng, thấy hịch của Chỉnh đến, chúng liền ra ngăn dân làng và bảo họ đừng nhận.

Chỉnh được tin, tức thì đến đêm sai bọn thủ hạ sang cướp phá làng đó, đâm chết hai tên lính già, chém lấy đầu, rồi truyền hai cái đầu ấy đi khắp các thôn ấp, rao cho nhân dân biết.

Thế là cả huyện Chân Phúc, không ai dám trái mệnh của Chỉnh. Chỉ trong mười ngày, Chỉnh đã mộ được hơn một ngàn quân.

Các hào mục ở huyện bên cạnh, thấy Chỉnh dấy binh, vội vàng tính việc đánh Chỉnh. Họ tôn viên trấn thủ cũ là Dương Trung hầu [2] lên làm thủ lĩnh, rồi ai nấy đều kéo quân đi theo.

Chỉnh lúc đó bị vây hãm tứ phía, tình thế hết sức nguy ngập.

Bấy giờ, ở kinh đô có Khuê Phong hầu là người Nghệ An được người làng cho biết là Chỉnh hiện đang ở vào tình thế rất dễ bắt. Khuê Phong hầu liền đem việc đó tâu trình với Án Đô vương; rồi xin cho Dương Trung hầu ra làm trấn thủ như cũ, lại xin cử Phan Huy

---

1. Dịch chữ "vũ hịch". Thời xưa, trên tờ hịch văn mộ quân, người ta thường cắm chiếc lông gà, để tỏ ý phải thi hành thật mau, phải làm gấp như bay.

2. Bùi Thế Toại.

Ích làm chức đốc thị và viên trấn thủ Thanh Hoa là Mãn Trung hầu [1] sung chức tham lĩnh, thu nhặt các tàn binh ở Thanh Hoa đem vào Nghệ An, rồi lại triệu tập binh xứ Nghệ và hào mục, thổ dân sở tại để đánh Chỉnh, Án Đô vương bằng lòng.

Lúc lĩnh mệnh lên đường, Ích hung hăng nói với mọi người rằng:

– Các ông hãy chờ đó, để tôi vào xứ Nghệ lấy đầu Hữu Chỉnh về cướp ấn quận công cho mà coi!

Ích lại còn sai bọn thủ hạ làm chiếc trống trận và dặn:

– Phải làm cho rõ lớn, có thể chứa được người vào trong, để khi ta thúc đội tiền quân xông vào bắt được Chỉnh rồi, thì sẽ chọc thủng mặt trống, nhét hắn vào đó mà khiêng về dưới cửa khuyết.

Ngày Ích xuất quân, ai cũng cho rằng sự thành công có thể đứng mà chờ đợi.

Hồi Chỉnh ở Nghệ An, lúc nghe tin Án Đô vương mới lên ngôi, bèn đặt câu nói lái mà đùa rằng: "Yến Đô là đố yên" [2]. Ý Chỉnh muốn bảo: nhà chúa có muốn yên cũng không thể yên được.

Kịp đến lúc nghe tin ở kinh đô, các tàn quân đã họp thành cơ ngũ như cũ, lại nghe tin Án Đô vương đã sai người vào đánh mình; Chỉnh bèn viết thư báo gấp vào Phú Xuân, nói là Thạc, Nhưỡng lại lập họ Trịnh, định chiếm cứ đất nước để báo thù xưa, xin cho quân cứu viện ra để chống nhau với chúng.

Bình được thư ấy, tức thì sai viên tả quân đem binh ra ngay.

Cùng lúc ấy, Chỉnh lại viết thư cho Đinh Tích Nhưỡng. Trước hết Chỉnh nhắc lại tình xưa nghĩa cũ; rồi nói rằng mình hiện đã đoạn tuyệt với Tây Sơn, xứ Nghệ An tiếp giáp xứ Thuận Hóa, chưa biết quân Nam sẽ ra đánh lúc nào. Tiếp theo, Chỉnh xin hãy cho Chỉnh ở đó để đương lấy một mặt, sau khi bình yên rồi, nếu Nhưỡng có thể bảo toàn cho Chỉnh, thì chẳng bao lâu, Chỉnh cũng sẽ về triều.

Nhưỡng coi thư xong, liền gọi con rể của Chỉnh là Siêu Vũ vào dinh mà bảo rằng:

– Ông anh với chú trước đây cùng ở trong cửa cụ Huy. Cụ lớn đều coi như con đẻ. Chẳng may cụ lớn bị nạn, ông anh đã trả thù được cho ngài; riêng chú chẳng có công trạng gì, chú thẹn với ông anh

1. Tức Lê Trung Nghĩa, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
2. Âm Hán đọc Án Đô hay Yến Đô đều được.

nhiều lắm. Song ông anh ta, nói về nghĩa thời đã đủ rồi, mà nói về trung thời hãy còn chưa trọn. Nay chú phò nhà chúa, dựng lại cơ đồ; ông anh đã ngỏ ý muốn đóng giữ trấn Nghệ An lẽ nào chú dám chẳng chiều ý? Nhưng ông anh chớ có lừa ta, rồi mà bất thình lình nổi dậy kéo quân về... Tuy nhiên, chú cũng nói thế thôi, chứ chú có ở đây, thì dù ông anh có muốn về chú cũng chẳng nghe đâu. Anh về phải thưa lại ý chú như thế nhé!

Từ đó, Nhưỡng không để ý gì đến việc Chỉnh nữa.

Bấy giờ Án Đô vương đang ngày ngày mưu sự chuyên quyền, không nghĩ gì đến các việc khác.

Có người thấy vậy, nói với Nhưỡng rằng:

– Hiện nay giặc dữ mới đi, bờ cõi còn chưa yên ổn, mà giặc Chỉnh ở Nghệ An thế lực càng ngày càng lớn mạnh. Nhân trong lúc này lòng người đang phấn chấn, hãy xin chúa ngự giá thân chinh để diệt quân, đuổi Chiêu Viễn, lấy lại bờ cõi cũ của đất Nghệ An; thì như vậy cũng chẳng kém gì cái công dựng nghiệp trung hưng của các bậc tiên vương. Khi đã lập công mà về, quyền lớn tự nhiên sẽ vào tay. Cần gì chúa cứ phải quẩn quanh tranh giành những chuyện cũ rích, mà bỏ quân giặc không lo nghĩ đến? Vạn nhất Chỉnh lại đem binh ra, thì lúc ấy lấy gì mà chống chọi?

Nhưng Nhưỡng chỉ làm thinh.

Giữa khi ấy, Chỉnh lại sai anh ruột là giám sinh Nguyễn Ban lén ra kinh đô yết kiến hoàng thượng, để xin mệnh làm trấn thủ Nghệ An. Hoàng thượng liền hỏi kín Ban về tình hình quân lính của Chỉnh. Ban được thể, nói thêm lên để phô trương thanh thế cho Chỉnh. Hoàng thượng mừng lắm, bèn nói rằng:

– Việc ấy, trước mặt trẫm, Hữu quân đã từng tâu xin, mà trẫm cũng đã hứa cho rồi. Nay lại xin nữa thì sẽ cho làm tờ sắc ban xuống. Vậy ngươi hãy ở đó mà đợi mệnh!

Các quan tả hữu thấy thế, khuyên nhà vua rằng:

– Hữu quân ở xa mà chúa thì gần. Chưa biết sau này hai bên thua được ra sao? Nếu như mệnh này ban ra, mà việc của Hữu quân không thành, thì chúa sẽ có cớ mà nói.

Hoàng thượng nghe theo, bèn thôi không dám hạ mệnh cho Chỉnh.

Ban lật đật ra về, nói dối là đã có sắc của vua cho Chỉnh làm

trấn thủ Nghệ An, được mở dinh quân Trung Hùng, thăng tước Bằng Lĩnh hầu, đồng thời khiến Chỉnh phải đem quân về bảo vệ kinh sư.

Chỉnh cũng vờ làm lễ bái mệnh, rồi truyền hịch đi kêu gọi các hào mục và thu thập các quân lính tản mát trong vùng.

Do đó, các tay hào mục đều bảo nhau:

– Hắn dẫu đáng ghét thật, nhưng nay đã chịu mệnh vua, nếu chống lại hắn tức là chống mệnh triều đình, hắn sẽ vin vào cớ đó mà tới, thì mình khó tránh khỏi tội.

Rồi họ bỏ Dương Trung hầu mà theo Chỉnh. Chỉ trong khoảng mười ngày, Chỉnh đã thu thập được hàng vạn quân. Chỉnh bèn cho người bà con là Nguyễn Kim Khuê làm chức thị sư, đặt ra những hiệu quân Tứ đột, Tứ thành, lấy danh nghĩa là vâng sắc tôn phò nhà vua mà định ngày xuất quân. Quân của Chỉnh tuy mới mộ, song đội ngũ chỉnh tề, hiệu lệnh nghiêm túc.

Lúc này ở kinh sư, hoàng thượng đang tức vì bị bọn Nhưỡng ăn hiếp, nên ngày đêm chỉ mong Chỉnh kéo quân ra. Hoàng thượng bèn ngầm ban xuống một tờ chiếu giục Chỉnh tức khắc lên đường.

Chỉnh nhận được lệnh, vội hội họp đông đủ quân sĩ, rồi tuyên cáo với mọi người rằng:

– Bọn Đinh Tích Nhưỡng và Dương Trọng Tế cầm quân ở kinh sư, ngầm mưu làm việc phản nghịch. Ta nay vâng mật chỉ đem quân về triều, để quét cho sạch lũ giặc bên cạnh nhà vua. Vậy các người phải nên chung lòng gắng sức để cùng giúp nhà vua trong lúc khó khăn.

Khi quân Chỉnh qua bến Hoàng Mai ở huyện Quỳnh Lưu, thì gặp Tham lĩnh Mẫn Trung hầu và Đốc thị Phan Huy Ích, hai người vâng mệnh chúa Án Đô vào mộ lính Thanh Hoa đánh Chỉnh, Chỉnh lập tức sai đội thiết kỵ bất thình lình đón đánh, hai bên giao chiến ở địa phận Ngọc Sơn [1]. Kết quả, Mẫn Trung hầu bị thua, chết tại trận, còn Phan Huy Ích thì bị bắt sống.

Chỉnh mắng Ích về những tội vào bè với Nhưỡng, làm phản nhà vua rồi hỏi:

Nghe nói nhà ngươi làm cái trống lớn lắm, chọc thủng mặt trống có thể chứa được người phải không?

1. Ngọc Sơn là một huyện giáp liền với Quỳnh Lưu. Nay là huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

Ích run sợ mà xin lỗi.

Nguyễn Kim Khuê vì chỗ quen biết nên hết sức cứu gỡ cho Ích. Chỉnh cười khẩy mà rằng:

– Hừ! Cái bộ thầy đồ nói khoác, giết cũng vô ích.

Đoạn Chỉnh tha cho Ích và bắt phải đi theo mình.

Sau khi Chỉnh thắng được trận ấy, thanh thế càng lừng lẫy. Tin báo đến tai Án Đô vương. Vương liền cho đòi Nhưỡng vào phủ để bàn cách chống cự.

Lúc này, hoàng thượng đã hạ mật chỉ sai các hào kiệt vùng Hải Dương đánh phá đất Hàm Giang để diệt từ họ Đinh. Nhưỡng bất đắc dĩ phải cố xin được lĩnh chức trấn thủ Hải Dương và Yên Quảng. Rồi Nhưỡng tự đem bộ hạ kéo về miền Đông.

Dân chúng các hạt Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách vốn ghét Nhưỡng là kẻ tàn bạo, nên khi được mật chỉ của nhà vua họ rất mừng. Lập tức họ họp nhau thành từng đoàn, đưa hịch kể tội ác của Nhưỡng, rồi bốn mặt ào ào kéo đến, vây kín thành trấn.

Nhưỡng liệu sức mình không ngăn nổi, bèn nhân lúc ban đêm, phá vỡ vòng vây, chạy về giữ Hàm Giang.

Khi ấy, ở kinh kỳ người ta đồn rằng Nhưỡng đã bị dân xứ Đông giết chết, chỉ trong sớm tối Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh sẽ đến nơi, kinh sư ắt thành bãi chiến trường. Trong một ngày, người ta nhốn nháo bỏ chạy đến ba bốn lần. Lòng người nơm nớp lo sợ. Dân chúng trong thành khuân chuyển đồ đạc, dắt già bế trẻ, tranh nhau chạy trốn về các vùng thôn quê, quan quân ngăn cấm cũng không được.

Quận Thạc biết sự thể không thể làm gì được nữa, liền bàn riêng với bộ hạ rằng:

– Vua chúa thù ghét nhau, việc nước không có chủ. Quận Liễn đã đi mất rồi, mà giặc Chỉnh lại sắp đến, ta đóng mãi ở đây thật là thất sách. Chi bằng rút về Sơn Tây, chiếm cứ miền thượng du, giữ vững thế căn bản, bảo tồn lấy lực lượng, ung dung xem việc thiên hạ, chờ cơ hội mà nổi dậy, sau này ắt phải kỳ công. Các ngươi đều ở dưới cờ của ta, roi cung giong ruổi, phải nên gắng sức. Trong lúc trẩy quân, cần phải đánh dẹp trộm cướp, làm cho dân chúng ăn ở yên ổn, chứ đừng có bắt chước Quận Liễn, đi đâu làm việc tàn bạo ở đấy, khiến cho dân chúng xứ Đông đều phản lại mình.

Bọn thủ hạ đều nói:

– Chúng tôi đâu dám chẳng nghe theo tướng lệnh?

Quận Thạc bèn thu quân trở về xứ Đoài. [1]

Thế là Quận Liễn đi, Quận Thạc lại đi nốt, kinh sư khi ấy thành ra một nơi trống rỗng. Hoàng thượng truyền cho các hoàng thân đốc thúc những lính đã mộ được đêm ngày tuần phòng, canh giữ cung điện. Còn ở bên phủ chúa thì chỉ có viên quyền phủ sự Bùi Nhuận, viên Hành tham tụng Mai Thế Uông và viên Bồi tụng Dương Trọng Tế, hằng ngày trong phủ đường thảo giấy bắt lính, thu lương. Nhưng các phủ huyện không ai chịu làm theo. Người của phủ chúa sai đi, qua các thôn ấp đều bị dân quê đánh đập, lột quần áo, chỉ còn cái mình trần chạy về.

Chúa Án Đô thấy vậy rất lo, nói với Trọng Tế:

– Việc lớn hỏng mất rồi! Nếu không phải người có tài như Thiếu Khang, Thần Mỹ [2] thì không thể cứu vãn được tình thế. Ta không tự lượng sức mình, trót đã làm chúa. Nhà ngươi quá đỗi trung thành, trót đã giúp ta. Nay giặc Chỉnh sắp kéo ra, thế lực cực kỳ mạnh mẽ.

Tục ngữ có nói: "Ở vào thế cưỡi hổ không thể xuống được". Muốn cho xong việc này, phi nhà ngươi không còn ai.

Rồi chúa bèn sai Tế làm chức trấn thủ Thanh Hoa, đem quân chống nhau với Chỉnh.

Tế bất đắc dĩ phải xin vâng mệnh. Nhưng khi nghe người ta nói đến tên Chỉnh thì Tế đã mất hồn vía, kéo quân ra đến ô Cầu Rền, Tế còn trùng trình đóng ở đó hai ngày, chưa chịu lên đường. Sau chúa phải cho người đến giục. Tế mới chịu đi. Quân Tế vừa mới đến làng Bình Vọng [3] thì có tin báo Chỉnh đã vượt sông Thanh Quyết, Tế giật mình và rằng:

– Trừ phi có Phù Đổng Thiên vương sống lại, còn ai có thể địch nổi với hắn? Quận Liễn, Quận Thạc thật là biết thời cơ; tiếc thay ta là kẻ đọc sách biết chữ mà lại không bằng mưu trí của bọn võ biền! Bây giờ nghĩ lại thì đã muộn mất rồi!

---

1. Tức Sơn Tây.

2. Thiếu Khang là chắt vua Hạ Vũ; Thần Mỹ là bề tôi của Thiếu Khang. Lúc nhà Hạ bị bọn Hậu Nghệ, Hàn Sác cướp mất nước, Thiếu Khang và Thần Mỹ đã khôi phục được.

3. Tức làng Bằng, Thường Tín, Hà Tây.

Liền đó, Tế thu quân qua bến Thanh Trì, không kịp vào gặp Án Đô vương nữa. Chạy một mạch thẳng sang vùng Kinh Bắc, rồi Tế mới sai người về dâng tờ khải, xin Án Đô vương cho lĩnh chức trấn thủ Kinh Bắc, để chiêu mộ hào mục ở đó mà mưu đồ cuộc nổi dậy khác.

Chúa Án Đô thấy tờ khải của Tế, sợ hãi luống cuống như mất cả hai cánh tay, lập tức cho gọi Bùi Nhuận. Nhưng Bùi Nhuận đã đem cả gia quyết trốn đi từ ban đêm rồi. Chúa lại cho đòi Sĩ Uông, Uông cũng thác bệnh xin về nhà riêng. Chúa khóc mếu nói:

– Ta chẳng may đẻ ra ở nhà chúa, lại bị một lũ tiểu nhân làm cho lầm lỡ. Nếu sớm biết thế này, thà cứ ở Chương Đức làm ông sư già, chống cây thiền trượng [1] ở dưới cửa chiền mà lại hóa hay!

Rồi chúa ngoảnh lại hỏi bọn tả hữu:

– Bây giờ nên đi đâu?

Có người trong họ, quê ở huyện Quế Dương tâu rằng:

– Xin chúa cứ trấn tĩnh, hãy vào nhà Thái Miếu làm lễ cáo biến, thu xếp thần chủ của tiên vương, để tôi ra sông tìm thuyền, chờ đến đêm khuya, tôi xin phò chúa qua sông sang Bắc, đi về làng tôi. Nhà tôi đã trải mấy đời làm tướng cầm quân, hào mục vùng Từ Sơn đều ở trong cửa mà ra, nếu tôi lấy điều trung nghĩa mà kêu gọi, chắc hẳn không ai là không theo. Đinh Tích Nhưỡng ở Cẩm Giàng làm cánh tay trái; Dương Trọng Tế ở Gia Lâm làm cánh tay phải; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây làm ngoại ứng; còn chúa cứ việc đóng tại huyện Quế Dương mà hiệu triệu quân cần vương, đồng thời dựa vào thế hiểm của sông Nhị Hà để cố thủ. Chỉnh tuy hung tợn, há dám sang sông đánh nhau cùng ta? Xin chúa đừng lo!

Chúa mừng rỡ mà rằng:

– Có lẽ trời chưa nỡ làm mất họ Trịnh, nên mới đem ngươi mà ban cho ta. Nếu quả như lời ngươi nói, thật là phúc lớn cho xã tắc vậy!

Đồng hồ [2] nhỏ giọt xuống đến trống canh ba. Án Đô vương bèn lẻn sang Bắc, quan quân theo hầu chỉ chừng vài chục người. Tàn binh Thanh Nghệ ở trong bốn đội quân thị vệ không một tên nào đi theo.

Sớm hôm sau, hoàng thượng mới biết là Án Đô vương đã trốn đi

---

1. Gậy của nhà sư.

2. Đây là đồng hồ ngày xưa: Người ta dùng một cái bình đựng nước có khắc từng độ, và có lỗ cho nước gió giọt dần dần, rồi cứ xem mực nước mà biết giờ giấc.

lúc ban đêm, tức thì ngầm sai người phóng hỏa đốt hết phủ chúa. Khi phủ cháy, khói lửa bốc lên ngút trời, hơn mười ngày chưa tắt.

Thế là hai trăm năm lâu đài cung khuyết huy hoàng, bỗng chốc đã thành ra bãi đất cháy đen! Xa gần nghe thấy tin đó, ai cũng thương chúa và trách vua là quá đáng. Hôm ấy nhằm ngày mồng 8 tháng chạp năm Bính Ngọ (1786).

Lại nói, khi qua sông Thanh Quyết, Chỉnh trước hết cho ngay bộ hạ là Lê Giốc đem biểu tới dâng nhà vua.

Trong biểu đại ý nói rằng: "Thần vâng chỉ kéo quân vào bảo vệ kinh sư, đã kính cẩn xuất quân từ tháng trước. Khi tới huyện Ngọc Sơn, Lê Trung Nghĩa [1] và Phan Huy Ích dám ra chống cự, thần vẫy toán thiết kỵ tiến đánh, chém chết Trung Nghĩa, bắt sống Huy Ích. Nhờ về oai trời, lòng hăng hái của quân sĩ tăng lên gấp trăm lần. Từ Thanh Hoa trở ra Bắc, thần đi tới đâu, dân chúng vui mừng đón rước tới đó. Đến chỗ nào thần cũng đều kính cẩn tuyên bố oai đức của nhà vua, khiến cho dân đấy đều yên nghiệp làm ăn. Thần nay thân mang giáp trụ, hồn mơ tưởng quân thiều, [2] tấc lòng khôn xiết nhớ mong cửa khuyết".

Hoàng thượng xem xong tờ biểu, mừng lắm, liền hỏi thăm về tình trạng khi ở trấn Nghệ An. Giốc cứ thực mà tâu. Hoàng thượng khen Chỉnh đã khéo quyền biến; rồi phong cho Giốc làm chức Nội hàn Viện cung phụng sử thiêm thư khu mật viện sự, trông coi tả oai.

Khi Chỉnh tới làng Thịnh Liệt, hoàng thượng sai các quan triều ra ngoài cửa ô đón tiếp. Lúc Chỉnh vào triều, hoàng thượng cho ra mắt ở điện Trung Hòa và ân cần an ủy. Chỉnh tâu rằng:

– Gần đây kiêu binh làm loạn, đại thần [3] gặp nạn, thần bấy giờ đang cầm quân ở ngoài, vì chúa Trịnh không dong, nên phải bỏ nước trốn đi. Thần đã nghĩ kỹ, nguồn gốc của sự rối loạn ấy là do cương thường sai trái, mũ dép đảo lộn mà ra. Khoảng năm Canh Thân (1740), Tân Dậu (1741), những kẻ trung nghĩa trong nước đều căm tức về chuyện ấy, người thì phò hoàng thân mà nổi dậy, người thì giữ quận ấp mà mộ binh. Công việc của họ tuy không thành, nhưng cái tiếng nghĩa khí cũng đã lan rộng. Coi đó đủ biết, người ta ai cũng

---

1. Tức Mẫn Trung hầu.
2. "Quân thiều" là khúc nhạc của vua Thuấn. Ở đây mượn để chỉ vào nhà vua.
3. Chỉ Quận Huy.

chung một bụng ấy, không phải thần vì mưu riêng của thân mình mà gây ra hiềm khích. Vả chăng thần lấy điều nghĩa mà cảm động lòng người, là cốt để chỉnh đốn lại cơ đồ nhà vua, làm sáng tỏ đạo quân thần cho hợp với lẽ trời đất. Chớ còn đối với chúa Trịnh, thần có thù oán gì đâu? Nay nếu lòng trời đã hối việc gieo họa, mọi người đều biết sửa lỗi lầm; đó há chẳng phải là phúc lớn của nước nhà sao? Bệ hạ thương tấm lòng ấy của thần, đã dùng những lời lẽ ôn tồn dụ thần, thần thật cảm kích khôn xiết. Vậy mà người trong nước, những kẻ không hiểu thần, lại cho thần là có tội. Họ muốn mưu đồ bước theo vết xe đã đổ, rắp tâm giết chết thần để quấy rối chính sự buổi đầu của bệ hạ. Cúi xin bệ hạ xét kỹ lo xa, không có điều gì là không soi đến. Thần chẳng dám đổ vạ cho người để che lỗi của mình. Người xưa đã nói: "Biết tôi là vua". Mong ở lượng trên soi xét".

Hoàng thượng nói:

– Trẫm đã biết rồi! Ngày nay giúp trẫm dẹp yên loạn lạc, làm cho nước được thái bình, chỉ nhờ nhà ngươi mà thôi!

Rồi đó, hoàng thượng thăng cho Chỉnh làm chức Bình chương Quân quốc trọng sự, tước Bằng Trung công. Một người thân cận với Chỉnh là Nguyễn Kim Khuê và con trai Chỉnh là Nguyễn Hữu Du đều được phong tước hầu, được cầm quân và cùng thuộc vào trong tướng phủ. Ngoài ra, bao nhiêu bộ hạ, tướng sĩ của Chỉnh, cũng đều được theo thứ bậc mà thăng chức tất cả.

Khi Chỉnh mới chạy về Nghệ An, trong triều có viên quan văn là Nguyễn Đình Giản, thường vẫn nói mãi về tội Chỉnh dắt quân nước ngoài vào phá nước nhà; lại xin gánh vác việc đánh Chỉnh để giết tên giặc của nước, và thề không cùng sống với Chỉnh. Bấy giờ triều đình cũng cho là người hăng hái, nhưng không dám chuẩn y lời xin của Giản.

Viên quan Nguyễn Đình Giản ấy, người làng Vĩnh Trị, huyện Hoằng Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), là người chất phác, cương trực, hay công kích lỗi lầm của người khác. Kẻ có lỗi dẫu là bậc quyền quý, là bạn gần gũi hay là bà con thân thuộc, Giản cũng đều vạch lỗi ngay trước mặt, không hề kiêng nể. Bởi vậy mọi người đều khen Giản là thẳng thắn.

Đến lúc Chỉnh vào kinh, thì Giản đang vâng mệnh đi chiêu dụ ở trấn Sơn Tây chưa về. Các quan bàn riêng với nhau: Giản chắc không về, mà có về chắc cũng không chịu khuất phục, nhất định Giản sẽ lập mưu với Hoàng Phùng Cơ để diệt Chỉnh. Nếu Giản về triều, chắc

Chỉnh sẽ không dung, thế nào Chỉnh cũng ngầm kiếm cớ để giết Giản. Hai sự việc ấy không biết rồi sẽ ra sao?

Kim Khuê nghe được những lời ấy, bèn hỏi Chỉnh:

– Ông cho Nguyễn Đình Giản là hạng người như thế nào?

Chỉnh đáp:

– Cuồng trực! [1]

Khuê lại hỏi:

– Có thể dùng được không?

Chỉnh trả lời:

– Chẳng những dùng được mà thôi, con người ấy còn đáng trọng nữa là khác!

Khuê lại hỏi tiếp:

– Ông không giận Giản, có phải là thật tình chăng?

Chỉnh nói:

– Ông chẳng thấy Quận Hoàn là bố vợ hắn, vậy, mà hắn còn ngồi tại giữa triều kể tội ông ta rằng quỳ gối theo giặc, huống chi là người khác? Nếu mình có lỗi, hắn nói là đúng. Còn như mình không có lỗi mà hắn nói, thì cũng không hại gì cho mình. Con người như hắn thực không nên giận. Mà có giận cũng không làm gì hắn tốt. Chẳng qua chỉ tổ để cho người ta nhòm thấy chỗ nông sâu của mình thôi!

Khuê nhân đó bèn khuyên Chỉnh nên vời Giản về dùng, để thu phục lòng người trong nước. Chỉnh nghe theo, liền sai người đưa thư cho Giản, trong thư lời lẽ hết sức ôn tồn, mềm mỏng.

Giản trở về, vừa gặp lúc triều đình đang bàn việc sắp đặt quan chức. Phan Lê Phiên được cử làm bình chương sự; Trương Đăng Quỹ, Trần Công Xán làm đồng bình chương sự; Nguyễn Huy Trạc, Phạm Đình Dư làm tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản làm phó đô ngự sử.

Khi mọi việc đã tạm yên, Chỉnh liền sửa sang dinh thự ở tòa Lương phủ để ở.

Năm ngày Chỉnh mới vào chầu một lần, tan buổi chầu, lại ra ngồi ở chính sự đường để bàn bạc công việc. Còn những ngày khác, bất kỳ việc quan, việc dân, các quan đều phải tới dinh thự riêng của Chỉnh, để xin Chỉnh quyết định.

---

1. Thẳng thắn đến mức cuồng dại.

Từ đó, quyền Chỉnh thật ngang với nhà vua, thế của Chỉnh có thể lật nghiêng cả nước.

Bấy giờ, tiền tệ trong nước phần nhiều bị các nhà giàu giấu cất, nhân dân đều khốn khổ về nạn khan tiền, hàng hóa không lưu thông, vật giá cao vọt. Chỉnh bèn xin với triều đình, ra lệnh thu vét hết tượng đồng, chuông đồng ở các chùa, miếu, đem về kinh sư, mở lò đúc tiền. Rồi Chỉnh thả cho thủ hạ đi về khắp nơi, cướp bóc chuông tượng của các thôn ấp. Người nào mà giấu giếm, tức thì bị chúng tra khảo, trừng trị. Chỉ riêng có pho tượng thần bằng đồng đen ở quán Trấn Vũ phía bắc kinh thành, là chúng không dám lấy mà thôi.

Thấy Chỉnh làm như vậy, trăm họ ai cũng ta thán. Một đêm, có người dán ở cửa Đại Hưng hai câu đối như sau:

Thiên hạ thất tự chung, chung thất nhi đỉnh an tại?

Hoàng thượng phần vương phủ, phủ phần tức điện diệc không! [1]

Chỉnh nghe hai câu đó, lấy làm căm ghét lắm. Vả chăng, Chỉnh cũng tự đoán biết rằng, những việc mình làm đều không được dư luận đồng tình. Bởi vậy, Chỉnh càng mượn thế ra oai, để hòng khóa miệng mọi người.

Hồi Chỉnh trốn theo quân Nam, có viên quan võ là Hoàng Đình Xước vâng chỉ đốc lính coi giữ kinh thành. Khi đó, Xước gặp người nhà Chỉnh đeo gươm chạy ở trên đường, liền bắt lại hỏi. Người ấy xin nộp thanh gươm, Xước thu lấy rồi thả cho đi. Đến khi Chỉnh tới kinh sư, Xước đang đóng quân ở trấn Kinh Bắc, liền về ra mắt Chỉnh để trả lại thanh gươm. Chỉnh lập tức sai bắt Xước bỏ ngục. Nghe nói nhà Xước có nhiều đồ quý lạ, Chỉnh bèn đòi lấy kỳ hết, rồi mới tha.

Những việc làm của Chỉnh đại loại đều như thế thực là tàn bạo và không còn kiêng sợ gì cả.

Muốn thêm oai thế, Chỉnh lại tự đặt tên quân đội của mình là đạo Vũ thành. Trong đạo chia ra năm doanh; nội quân gồm có hai vệ gọi là Thiết ky, Thiết độ; mỗi vệ chia làm năm đội; khí giới, màu sắc quần áo đều trang bị theo hình thức của triều nhà Thanh, để cho phân biệt các toán quân khác. Tại Lương phủ, nơi ở của Chỉnh, nhà cửa, lâu đài, kiệu xe, quần áo hết thảy đều chế theo kiểu mới, có ý

---

1. Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc còn đâu nữa? Hoàng thượng thiêu phủ chúa, phủ thiêu, điện cũng trơ thôi! Chữ "đỉnh" (vạc) ở vế trên, là tượng trưng cho cơ nghiệp của nhà vua.

muốn sánh ngang với nhà vua. Trong thì nắm giữ quân cơ, ngoài thì chiếm quyền trấn thủ các trấn, phàm những chỗ cơ mật, trọng yếu, đều do vây cánh của Chỉnh chia nhau lĩnh chức. Tất cả mọi việc, Chỉnh đều chuyên quyền, làm trước rồi mới tâu vua. Thậm chí có việc đã bàn định tại triều mà vua cũng không được biết.

Uy quyền của Chỉnh ngày càng to lớn như vậy, nên hình tích của hắn cũng lộ ra hết. Người ta bàn tán sôi nổi, ai cũng bảo rằng Chỉnh sẽ làm chúa, và rồi đây hiếp chế nhà vua sẽ còn tệ hơn chúa Trịnh ngày xưa.

Hoàng thượng thấy thế cũng ngờ Chỉnh. Một hôm, hoàng thượng đuổi hết tả hữu, rồi mời kín với hai viên nội hàn là Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp rằng:

– Chỉnh tuy có công bảo vệ, nhưng dần dà thấy hắn có vẻ muốn lấn bức. Giá có thể chặn ngay lúc đầu, khiến hắn không thể càn rỡ được nữa, thì mới đúng với thuật nuôi chim ưng [1]. Nếu để khi thế lực của hắn đã thành, thì hắn sẽ khó trị, e cũng giống như nuôi cọp để lo về sau. Vậy các ngươi hãy nên tính kỹ hộ trẫm!

Bọn Quý, Hợp tâu:

– Như lũ thần đã xem xét, thì Chỉnh là hạng người ý nghĩ cực kỳ hiểm độc, bụng dạ quá ư tàn nhẫn, mưu mô hết sức sâu sắc, giả trá rất đỗi khôn ngoan, mà ứng biến thì mau lẹ tuyệt vời. Con người ấy thực là một kẻ gian hùng ở thời loạn, chưa chắc là một kẻ bầy tôi hiền tài ở thời trị. Cũng ví như loài chồn sói, không phải là vật có thể dạy dỗ được, như giống yêu ma, không phải là vật có thể kiềm chế. Chỉ còn có một cách là giết đi mà thôi. Nhưng giết hắn cũng phải có mẹo. Bệ hạ hãy nên coi hắn như người tâm phúc, đãi hắn với vẻ lễ mạo, cho hắn ra vào nơi cung cấm, không tỏ vẻ gì nghi kỵ này khác. Rồi đó, thỉnh thoảng lại mời hắn vào điện bàn việc, luôn thể đặt tiệc cho hắn uống rượu thật say. Vài lần như thế, để cho hắn quen đi mà coi là thường, bấy giờ mới dùng thuốc độc mà giết. Như vậy, việc làm mới khỏi lộ, biến loạn cũng không thể do đâu mà xảy ra được. Theo ý ngu của lũ thần, chỉ có mẹo ấy là hay hơn cả!

Hoàng thượng nói:

---

1. Thời Tam Quốc, Trần Đăng nói với Lã Bố rằng: "Tào công nói nuôi Lã Bố như nuôi chim ưng, cáo thỏ chưa hết thì không dám cho ăn no, nếu ăn no, ưng sẽ bay mất v.v...". Ở đây dùng ý ấy.

– Chuyện này ra ở miệng các người, vào trong tai trẫm, đừng để cho người nào biết. *Kinh Dịch* có câu rằng: "Làm vua không kín chuyện thời mất bề tôi, làm bề tôi không kín chuyện thời mất thân mình". Các người phải lấy đó làm răn, bao giờ gặp cơ hội có thể làm được, trẫm sẽ bảo với các ngươi.

Thực là:

Âu quen trên biển chừng không lạ, [1]
Thỏ mắc trong vòng hẳn khó ra. [2]

Chưa biết việc này như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ TÁM

Dương Trọng Tế bị dâng tù trước nhà Thái Học
Hoàng Phùng Cơ phải tự tử ở ngoài Tây thành

Lại nói, sau khi vua đã lập mưu giết Chỉnh, một hôm viên nội hàn là Vũ Trinh có việc riêng vào yết kiến, vua bèn đem việc ấy bảo kín với Trinh. Trinh giật mình nói:

– Người nào bày cho bệ hạ cái mưu ấy, thần trộm lấy làm nguy hiểm. Hiện nay ở ngoài có giặc mạnh, tin tức ngoài biên ải đang báo về khẩn cấp, ở trong triều đình thì mọi người còn nghi ngờ nhau. Bệ hạ đã dựa vào Chỉnh làm nanh vuốt, thì nên đối đãi bằng cách thành thực, để cho y được vui lòng thần phục. Hễ mà biết cách giá ngự, thì kẻ loạn thần có thể thành kẻ lương thần. Sao lại đón trước sự dối trá của người ta để đoán chừng một việc chưa chắc đã có? Hình tích chưa

---

1. Theo sách *Liệt tử*: Xưa trên biển có người chơi với chim âu đã quen thuộc. Một hôm anh ta theo ý người cha định bắt chim âu về cho cha chơi, chim âu bèn không chịu đậu xuống nữa. Câu này ý nói việc vua Lê định lừa Nguyễn Hữu Chỉnh uống rượu cho quen để đánh thuốc độc cũng giống như thế.

2. *Kinh Thi* có bài thơ "Thỏ ta" ý nói đời Văn Vương đến những người làm nghề bẫy thỏ cũng có thể dùng làm quan. "Thỏ ta" là cái bẫy đánh thỏ. Ở đây tác giả chỉ mượn hai chữ ấy để nói một khi Nguyễn Hữu Chỉnh đã mắc cạm bẫy thì khó mà trốn khỏi.

lộ mà nghi kỵ đã sinh. Họ hàng bè đảng của Chỉnh đều cầm nhiều quân và ở nơi trọng yếu, la liệt trong ngoài, một khi xảy ra biến cố, bọn ở kinh thành sẽ làm việc có hại cho xã tắc, bọn ở các ngoại trấn sẽ chạy theo quân giặc. Ấy là mình tự cắt vây cánh của mình để giúp cho kẻ thù vậy.

Vua liền đổi sắc mặt mà rằng:

– Nếu nhà ngươi không nói, thì có lẽ trẫm bị lầm rồi.

Tức thì vua đòi Vi Quý, Xuân Hợp vào quở trách và bảo mau mau thôi ngay việc ấy đi.

Về sau Chỉnh biết chuyện ấy, rất oán vua bạc bẽo và muốn hại ngầm những người bày ra mưu đó.

Chỉnh bảo với viên tướng bộ hạ là Nguyễn Như Thái rằng:

– Ta đi khắp bốn biển, không kẻ nào dám ngó thẳng vào mặt ta. Mấy thằng học trò chưa thông hiểu việc đời ấy là cái thá gì mà dám cả gan như vậy? Chờ khi nào ta xuất quân đánh giặc, sẽ đem chúng để thử gươm có sắc không, rồi tống cổ chúng xuống âm ty cho chúng gây chuyện với Diêm vương.

Thái hỏi người nào, Chỉnh trả lời:

– Chính là Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp, bọn bề tôi thân cận của nhà vua đấy!

Từ đó, Chỉnh cứ ở luôn trong dinh thự riêng, không vào triều yết. Mọi việc quân, việc nước, đều sai người vào tâu. Vua có ý kiến nên chăng thì lại sai các đại thần như bọn Phan Lê Phiên, Trần Công Xán, Vũ Trinh đến dinh của Chỉnh để biện bạch cho rõ.

Một hôm, trời rất rét, bọn Phiên ở trong triều, cử Trinh tới nhà Chỉnh.

Trinh người làng Xuân Liên, huyện Lang Tài, nổi tiếng là người có tài và nhanh nhẹn, Chỉnh cũng có ý kính mến. Vua thường dặn Trinh nếu có dịp thuận tiện thì nên biện bạch với Chỉnh về chuyện hiềm nghi trước đó.

Hôm ấy, Trinh đến nhà Chỉnh là để phúc tư về việc quân, ngồi chờ trên linh các mãi không được vào. Một viên công sai nói với Trinh:

– Thượng công đang ở nhà trong uống rượu không phải là giờ tiếp khách, quan lớn hãy về đã.

Trinh nói to lên rằng:

– Việc quân khẩn cấp, không thể báo chậm. Thượng công ngồi chơi, chỉ cách hai tấm cánh cửa, mà tấc tịt không thông; trên nhà dưới nhà mà xa nhau hơn ngàn dặm, thế là cớ làm sao? Tôi có việc công đến đây không phải là để gặp riêng, về cũng không được!

Chỉnh nghe tiếng, vội sai người dẫn Trinh vào.

Sau khi nói xong, Trinh xin lui, Chỉnh nói:

– Việc ấy đã có bọn tỳ tướng của Quận Thái trông nom, sẽ phát binh phù ngay, không phải phiền đến sứ thần nhà vua phục mệnh. Ông hãy ở đây cùng uống chén rượu đã. Rồi Chỉnh rót một chén rượu lớn đưa cho Trinh.

Trinh cố từ không nhận, Chỉnh nói:

– Quan Nội hàn nghi tôi chăng?

Trinh đứng dậy tạ lỗi, xin uống, và nói:

Tôi là kẻ bất tài, được thu dùng đã là quá lắm. Việc gây dựng cho tôi đều là nhờ ở nhà vua và quan tể tướng, dám đâu có bụng nghi ngờ như chuyện "cung treo soi bóng" đời xưa. [1]

Chỉnh im lặng không nói gì. Tan tiệc, Trinh ra bảo với viên thị sư của Chỉnh là Nguyễn Khuê rằng:

– Gần đây lắm kẻ bịa tin nhảm, trăm điều không có một điều thật. Bọn gian đó thêu dệt ra những việc không có căn cứ, để gây sự nghi hoặc cho cả trong và ngoài. Óc suy xét của người tầm thường có khi không khám phá nổi. Nhưng người cao minh như ông lớn nhà ta, chắc là không để những câu nói ấy vào tai. Tuy vậy, về phần hình tích, có lẽ ngài cũng chưa khỏi lầm lẫn; tôi sợ rằng vì thế mà họ lại bịa ra nhiều chuyện. "Cọp ở chợ" [2] là việc không thể có, nhưng đến ba người nói thì người nghe cũng không rõ là có hay không. Huống chi những kẻ bịa chuyện, lại không phải chỉ có ba người mà thôi. Vì thế, tôi muốn nói rõ sự tình ấy, để dứt mối hiềm nghi từ lúc còn nhỏ bé,

---

1. Theo *Tấn thư:* Xưa Nhạc Quảng mời bạn uống rượu, cái cung treo ở trên tường soi bóng vào trong chén, người bạn tưởng là con rắn, uống xong về nhà thành bệnh. Sau Quảng phải mời bạn đến uống rượu một lần nữa ở chỗ ngồi trước kia và chỉ cho bạn biết rõ là bóng cái cung, soi vào trong chén rượu, bấy giờ người bạn mới khỏi bệnh. Đây mượn ý để chỉ sự nghi ngờ.

2. Theo *Chiến Quốc sách:* Bàng Thống nói với vua nhà Ngụy rằng, một người nói ở chợ có cọp thì vua không tin, nhưng hai ba người nói ở chợ có cọp thì vua sẽ phải tin. Ý nói tuy lời gièm pha không thật, nhưng nhiều người nói thì người nghe cũng phải tin.

khiến cho giữa vua và tôi, tình ý thông suốt, trên dưới yên ổn với nhau, há chẳng hơn hay sao?

Khuê trả lời:

– Vâng! Ông hãy cứ về.

Sáng mai, nhân lúc rảnh, Khuê đem lời Trinh thuật với Chỉnh, Chỉnh nói:

– Lời người ta nói cố nhiên không thể tin cả, nhưng cũng không thể hoàn toàn không tin. Ta đã xem kỹ, nhà vua là người nhẫn tâm đa nghi, việc ấy chắc có. Tuy vậy, dù có dù không, cũng chẳng làm gì được ta. Vả chăng, trong lúc bốn cõi còn nhiều giặc giã, hãy gác chuyện đó lại, khoan nói đến.

Lại nói, Dương Trọng Tế từ khi ở làng Bình Vong rút quân chạy sang Kinh Bắc, liền cùng cháu là Dương Vân, học trò là Nguyễn Mậu Nễ, đắp đồn lũy ở huyện Gia Lâm để chống giữ và lo tính việc khởi binh. Vừa lúc ấy, chúa Trịnh chạy đến làng Quế Ổ [1], cho người đến gọi Tế, Tế nói:

– Vừa rồi, việc đi Thanh Hoa, trong phủ có Bùi Nhuận là võ tướng, Mai Thế Uông là thổ quan, chúa không sai hai người ấy mà lại dùng ta trước để thử quân giặc. Đó là chúa muốn đem ta mà cho giặc vậy. Bởi chúa đãi người không thật cho nên mới đến thế này. Bây giờ cùng chúa mưu tính việc lớn, đã có một lũ võ biền ở làng Quế Ổ, vời ta làm gì?

Rồi Tế chối là việc quân khẩn cấp, không thể đến được. Tế tự mộ lấy vài ngàn người tráng đinh, đắp lũy từ làng Như Kinh đến làng Phú Thị, [2] dựng lên ba đồn, chia quân đóng giữ. Tế cho Vân làm chức bình địch tướng quân, Nễ làm chức tham tán quân vụ. Lại đưa hịch đến các quận bên cạnh, kể cái tội nhà vua dựa vào Chỉnh mà đuổi chúa. Lời hịch đại lược như sau:

"Trong hồi ngụy Mạc, nhà Lê đã không còn nước. Nhờ có Thái vương họ Trịnh giúp cuộc trung hưng, công nghiệp thấu đến trời đất, phúc khánh để cho con cháu. Hai trăm năm nay, vua Lê chỉ việc khoanh tay rủ áo, chúa Trịnh coi hết mọi việc chính sự; thần dân trong ngoài cùng tôn phò và kính mến, không ai có lòng nào khác.

---

1. Nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Giang.

2. *Như Kinh* nay gọi là Như Quỳnh, thuộc Văn Giang, Hưng Yên. *Phú Thị* thuộc Gia Lâm, Hà Nội.

Tên Nguyễn Hữu Chỉnh vốn là một kẻ vong mạng, thoát chết, mưu đồ làm việc càn rỡ, đem giặc ngoài vào phá phách nước nhà, giết chủ cũ mà làm hại nhân dân, xướng ra câu: "diệt Trịnh", mượn cái tiếng "phò Lê". Vua Chiêu Thống là người do quân Nam và Chỉnh lập lên. Nể giặc lập mình, quên ân nghĩa tám đời chủ súy; đốt phá phủ chúa, tựa vào sức một lũ loạn thần. Đã không xứng đáng làm vua, lấy gì tiêu biểu cho nước. Tôi là viên đài thần [1] của tiên triều, nghĩa không thể nín. Nay sắp dấy quân giết Chỉnh, tìm lấy người hiền trong họ vua cháu chúa mà lập lên để nối cơ nghiệp vua, chúa thuở trước. Hẹn đến ngày mồng một tháng nọ sẽ kéo quân qua sông Nhị Hà. Các vị hào kiệt bốn phương người nào đồng chí với tôi, đều nên đúng hẹn họp quân, hợp sức tiến đánh, công khôi phục kịp sớm hoàn thành, nghĩa đồng hưu cùng ghi vĩnh viễn..."

Các thân hào ở vùng Từ Sơn, Thuận Thành thấy lời hịch chỉ trích nhà vua, giọng nói ngược ngạo, họ bèn nói với nhau rằng: "Danh đã không chính thì lời nói cũng không thuận, mà việc sẽ không thành. Chúng mình đều là bề tôi của nhà vua, không nên theo y để chuốc lấy vạ". Bởi vậy, chẳng một người nào hưởng ứng với Tế; mà những người đã nhóm họp với Tế rồi cũng rút về dần dần, thành ra người giúp Tế càng ngày càng ít đi.

Vả chăng bọn Tế, Vân sẵn có tính tàn bạo, hay cướp bóc của dân, Nễ lại là tên ty bỉ dung tục, không hiểu biết gì, nên ai cũng chán ghét.

Lúc bấy giờ có người giám sinh ở huyện Văn Giang, bắt được tờ hịch của Tế, chạy lên báo với vua. Vua xem hịch giận lắm, vội vàng cho gọi Chỉnh mà bảo rằng:

Trọng Tế xuất thân ở hàng tiến sĩ, sao lại được khinh vua. Trước đây y đã gọi trẫm là vua "lông đỏ" và xé tờ chỉ dụ của trẫm trước mặt sứ giả. Nay y lại viết ra tờ hịch, không kiêng sợ gì cả. Thằng giặc ấy mà không giết thì lấy gì để răn kẻ khác. Vậy phải cho quân đi đánh ngay.

Chỉnh lạy hai lạy, vâng mệnh lui ra, rồi sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyển đem quân đi đánh Tế. Lúc sắp đi, Chỉnh dặn họ rằng:

– Trọng Tế chiếm giữ vụng trộm mấy thôn ấp ở quê mình, chẳng khác con cáo nương nơi gò cũ. Thứ quân nhà quê của y cũng như bầy dê chăn ở ngoài đồng, cầm roi mà đuổi là chạy, có cần gì phải đánh! Các ông cứ giong trống mở cờ, đến thẳng dưới lũy. Chắc hẳn chỉ có hai

1. *Đài thần* tức là chức ngự sử.

cách: không hàng thì chạy. Hắn hàng thì điều ngay về, không được cướp bóc làng xóm. Hắn chạy thì không cần đuổi tới cùng, sợ sinh ra việc rắc rối khác. Ta nghe nói người vùng Kinh Bắc oán hắn đến tận xương, hắn chạy đến đâu chắc không có ai chứa chấp, sớm muộn thế nào họ cũng bắt hắn đến cửa quân cho hắn nộp đầu mà thôi.

Thái, Tuyển vâng mệnh dẫn quân qua sông.

Tế nghe tin báo, liền gọi bọn Vân và Nễ bàn việc chống cự. Vân nói:

– Giả sử Chỉnh tự đến đây, cũng không phải là kẻ đối thủ của cháu, huống chi mấy thằng thiên tỳ [1] kia thì làm được trò trống gì? Cứ cho chúng nó đến để chịu chết. Chém đầu hai đứa ấy trước, rồi kéo tràn sang sông, bắt Chỉnh và dựng nước đều ở cả một chuyến này. Quan chú không phải lo lắng gì!

Tế mừng lắm, cho là phải, rồi cười nói:

– Cửa chùa đã có thiên thần hộ pháp, khắp ba ngàn thế giới, mười lăm loài quỷ, tự nhiên đều phải lui bước nghe theo. Đức Phật Thế Tôn chỉ việc chắp tay ngồi trên tòa sen nhận lễ dâng cúng mà thôi.

Mậu Nễ cũng nói:

– Tôi xin sắp sẵn trâu rượu, chờ khi tới kinh mở tiệc uống cho thật say. Lần này quan thầy sẽ là đức Phật sống của nước Nam Việt, trăm nghìn Phật La Hán chắc đều phải hiện chân thân để nghe ta chỉ vẽ.

Chú cháu, thầy trò tâng bốc, khoe khoang lẫn nhau, không còn để ý gì đến việc binh nữa. Chợt có tin báo quân của Thái, Tuyển đã đến. Tế bèn lấy thanh gươm trao cho Vân và nói:

– *Kinh Thư* nói rằng: "Nãi ngôn để khả tích". [2] Phải nhớ lấy nhé!

Vân lạy hai lạy, nhận gươm lui ra, rồi dẫn quân lên mặt lũy, phấp phỏng dòm ngó. Thấy thế quân của Thái, Tuyển rất mạnh. Vân bắt đầu tỏ vẻ lo sợ. Vả chăng, quân của Vân mới mộ, đều là hạng người ô hợp chưa qua trận mạc bao giờ, tai mắt chưa quen thuộc với chiêng trống cờ xí, họ tưởng đó cũng như những đám rước thần, cúng Phật ở thôn quê mà thôi.

Vân tựa vào lũy mà dàn trận, Thái, Tuyển chia quân làm hai đường cùng đánh ập lại. Súng và hỏa hổ cùng nổ ran một lúc, xa gần

1. *Thiên tỳ* là những quan võ giúp việc cho chủ tướng.

2. Nghĩa là: Lời người đưa đến thành công.

rung động, khói lửa ngút trời. Quân của Vân kinh hãi, tan vỡ, không sao ngăn được. Vân hoảng hốt, cuống quýt, không biết làm thế nào, bèn cởi bỏ áo trận, rồi chạy trốn.

Trọng Tế ở trong đồn Lạc Đạo [1] cho người đến dò, thì Vân đã bỏ đi đâu mất, chỉ thấy hai đạo quân của Thái, Tuyển đang trèo lên lũy, chém giết tứ tung.

Người do thám sợ hãi chạy về báo tin, Tế nghe nói, vội vàng đứng dậy, ruột gan rối bời, chưa biết định liệu ra sao? Lại thấy quân lính tan tác, mỗi người chạy mỗi ngả, Tế trông trước, nhìn sau, chẳng biết làm thế nào, bèn ngửa mặt lên trời, mà kêu rằng:

"Trời ơi, chỉ tại trời không phù hộ nhà chúa cho nên mới đến thế này đây!"

Rồi Tế dẫn vài tên tay chân vượt lũy chạy trốn. Chập tối, Tế chạy đến làng Ngọc Xá [2] thì Vân theo kịp. Đêm ấy chú cháu bàn với nhau ngủ nhờ ở nhà một người dân trong làng. Vân nói với Tế:

– Xin chú trước hết hãy vào Quế Ổ ra mắt chúa, chúa vốn tin và trọng chú, thấy chú chắc là mừng. Hơn nữa, ở đó đều là những người võ biền, được chú là văn thần bày mưu kế, chỉ huy mọi việc cho, thế nào chúa cũng nghe theo. Nhân cơ hội ấy, mình sẽ thu thập tàn quân để tính việc về sau. Chẳng qua chỉ trong mười ngày, thanh thế nổi lên là lại có thể làm nên việc.

Tế nói:

– Không được! Trước đây chúa cho gọi ta, ta chối không đến. Bây giờ thua trận mà đến, thì lấy cớ gì mà nói! Vả chăng như thế thì còn mặt mũi nào? Mà rồi những người ở Quế Ổ còn coi ta ra gì? Trước đây ta đã cộng sự với Nhưỡng, rất là tương đắc. Nay nghe ông ta chiếm giữ vùng Hàm Giang, và hiệu triệu nhân dân vùng Hải An, thủ hạ có tới vài vạn, thuyền bè đầy sông. Ông ta là tay tướng giỏi, ta nên đến ngay Hàm Giang, mưu tính với ông ta, rồi xin với chúa dời xa giá về đó, bọn người ở Quế Ổ không thể không theo chúa tới họp. Nhân đó ta bảo họ nổi lên ở xứ Bắc, cháu đem một cánh quân đi cùng họ; Quận Nhưỡng thì nổi lên ở xứ Đông; ta thì phò chúa đốc chiến. Các đạo hẹn nhau cùng cất quân trong một ngày, việc lớn chắc

1. Tên xã, thuộc Gia Lâm, Hà Nội.

2. Sau đổi là Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.

có thể thành. Không như trước đây, chỉ một toán quân chơ vơ, đến nỗi bị giặc uy hiếp.

Vân nói:

– Phải lắm! Nhưng từ Ngọc Xá đến Hàm Giang, đường sá xa xôi, mà mình chỉ có năm sáu người lủi thủi đi đường, bộ dạng tiều tụy, trông chẳng ra sao. Vả lại, vạn nhất xảy ra biến cố gì, giữa đường tay không, lấy chi mà chống đỡ. Vậy cháu xin mộ lấy dăm sáu chục tên lính, khí giới sắc bén, mở cờ gióng trống mà đi; sớm lên đường chiều tới nơi, Quận Nhưỡng thấy thế cũng không đến nỗi khinh mình.

Tế nói:

– Ý kiến của cháu cũng đúng. Cháu nên gấp rút đi mộ quân lính, hẹn chiều tối đêm nay phải đến đây ngay.

Không ngờ chú cháu y bàn luận cả đêm như thế, đều bị người trong nhà nghe thấy hết và biết rõ chuyện. Nửa đêm, họ liền đi báo với viên ấp trưởng. Sáng dậy, khi Vân đã đi rồi, viên ấp trưởng liền đem vài chục bộ hạ cầm khí giới và khiêng một cái cũi đến, bảo với Tế rằng:

– Mời quan lớn vào trong này! Đã có quân của Quận Tuyển chờ ở gần đây, xin sẵn sàng hộ tống ngài về kinh yết kiến cụ Bằng Trung công.

Tế vờ thất kinh mà rằng:

– Các ông lầm rồi! Tôi là học trò xứ Hải Dương, tới Như Kinh kiếm nơi dạy học, thình lình gặp việc binh đao, nên lại trở về xứ Đông; có việc gì mà phải yết kiến bậc quý nhân trong triều?

Người ấp trưởng cười mà nói:

– Quan lớn đừng có dùng miệng lưỡi nói dối người ta! Trước kia ngài đã bay lượn ở vùng Thăng Long, gầm hét ở hạt Kinh Bắc, tự cho là người tài giỏi độc nhất trong nước Nam. Học trò Hải Dương đâu có khí thế ấy? Bây giờ xin mau mau vào cũi để họ khiêng đi cho sớm. Đừng nhiều lời làm gì, mệt sức vô ích!

Rồi họ đẩy Tế vào cũi, giải đến dinh quận của Tuyển. Những nơi cũi Tế đi qua, nhân dân đều đổ xô ra hai bên vệ đường để xem. Có người gọi Tế mà bảo:

– Ông nghè sao lại đến thế, tiếc thay thằng kẻ cướp vô lại kia sao lại lọt lưới! [1]

---

1. Chỉ Dương Vân.

Trước đó, khi bọn Tuyển cầm quân ra đi, Chỉnh đã có lời răn bảo. Đến lúc ấy bắt sống được Tế rồi, Tuyển liền đem quân thắng trận trở về, hết thảy đúng như lời Chỉnh đã dặn.

Các quan trong triều đến dinh Chỉnh. Mừng việc thắng trận, ai cũng tấm tắc khen ngợi và khâm phục. Riêng Trần Công Xán lại nói:

– Không phải ông có tài liệu tình hình địch mà chỉ vì Tế vô mưu "Giống vật làm hại lẫn nhau", [1] thật là đáng buồn!

Chữ "vô mưu" ở đây là Trần Công Xán ám chỉ việc Trọng Tế viết tờ hịch chỉ trích vua Lê trước kia.

Vua nghe tin đã bắt được Tế, liền sai thảo bản kể tội của Tế, để làm cho nghiêm chỉnh pháp điển. Chỉnh tâu:

– Xin kéo hắn ra cửa Bắc mà chém đi là xong, chẳng cần phải làm bẩn bút mực!

Phan Lê Phiên nói:

– Với tên giặc khác, cố nhiên nên như vậy. Nhưng Tế là người học hành thi đỗ, xuất thân trong hàng tiến sĩ mà dám làm việc phản nghịch như thế, thật là kẻ tội nhân trong danh giáo. Sao được chết một cách im lặng như vậy? Bởi thế, cần vâng theo chỉ ý của hoàng thượng, nêu rõ tội ác của y, để cho người khác thấy y mà biết răn mình, thì bọn ngang ngược kia mới dẹp đi được.

Rồi Phiên cầm bút thảo lời "Luận tội" dâng lên rằng:

"Làm tôi phản vua, trời đất không còn chỗ chứa; mang tên là giặc, người nước cùng được giết đi. Vậy phải đục bỏ tên trong bia tiến sĩ, dâng tù trước nhà Thái Học, để tỏ rõ rằng y đã bị đuổi ra ngoài hàng kẻ sĩ, khiến cho không làm nhơ danh của nhà Nho".

Vua truyền "được", rồi lập tức sai bọn Tuyển mặc quần áo trận, bắt Tế đưa đến nhà Thái Học phủ phục chịu tội, rồi điệu đến Trường thi võ mà chém.

---

1. Dịch câu: "Vật thương kỳ loại", câu này do ở thành ngữ "Thố tử hồ bi, vật thương kỳ loại", nguyên nghĩa là: "Con thỏ chết con cáo buồn, giống vật thương tình đồng loại". Ý nói người ta thấy kẻ đồng loại gặp hoạn nạn thì cũng buồn thương. Nhưng theo lô gích của đoạn đối thoại trên mà lại dịch như nghĩa thành ngữ (giống vật thương tình đồng loại) thì không hợp nghĩa. Vì vậy chúng tôi phải dịch như một câu thông thường (giống vật làm hại lẫn nhau), chứ không dịch theo nghĩa của thành ngữ gốc.

Sau đó, vua lại thăng thưởng quân công cho bọn Tuyển, Thái, và theo thứ bậc mà ban cấp tiền bạc cho các tướng sĩ.

Nhân việc này, triều thần lại kiến nghị tâu với vua thăng cho Chỉnh lên tước công một chữ [1], cho phép mở ra phủ quân Vũ thành, đúc con dấu Vũ thành và để Viện xu mật thống thuộc vào đấy. Chỉnh nhân dịp, liền tâu xin cho con trai là Hữu Du làm chức doanh tướng, coi lĩnh toán quân ấy.

Vua ưng cho.

Từ đó, những việc thuộc về quân sự, Chỉnh đều để cho Du điều khiển lấy. Chỉnh lại xây dựng một tòa phủ ở phía đông chỗ ở của mình, nhà cửa rất mực lộng lẫy để cho Du ở, theo như lệ "thế tử ra ở phủ riêng" của chúa Trịnh ngày xưa. Bộ hạ của Chỉnh nhân đó cậy thế làm nhiều điều phi pháp. Bất cứ là nha môn nào hay việc gì, hễ đã thấy những giấy tờ đưa đến, có đóng dấu quân Vũ thành, là không ai dám trái lệnh. Vì thế, triều đình không còn kỷ cương gì cả, mà lòng người cũng sinh ra chia lìa. Người hiểu biết đều cho là thế nào cũng loạn. Có người cáo bệnh bỏ quan tìm chốn ở nơi xó rừng, góc biển để tránh tai vạ.

Chỉnh cũng biết dư luận không ưa gì mình, muốn mượn con đường khoa mục, thu nhặt nhân tài, để mua chuộc lòng người là chước yên lành về sau. Chỉnh bèn bàn với Lê Phiên tâu xin theo phép "kén học trò theo mười khoa" của Tư Mã Quang nhà Tống, đặc cách mở một chế khoa [2]. Các quan văn từ tam phẩm trở lên đều phải tiến cử những người mình biết, rồi cho phép họ vào trong sân điện, đối đáp những câu văn sách của nhà vua hỏi. Khi ấy, các danh sĩ trong nước ai cũng trao đổi chữ nghĩa và đức hạnh để chờ đợi ơn trên. Cả những người làm quan rồi cũng đều hăng hái ứng cử. Bấy giờ là tháng Giêng mùa xuân, năm đầu tiên niên hiệu Chiêu Thống (1787).

Lúc đó có viên hiến phó là Ngô Tưởng Đào được cử vào khoa "hiền lương phương chính" dâng biểu cố từ như sau:

---

1. Theo quan chế đời xưa, tước "một chữ" (nhất tự) là cao quý hơn tước có nhiều chữ. Ví dụ: Bằng công to hơn Bằng Trung công.

2. *Chế khoa* là khoa thi do nhà vua tự ra đầu bài và tự chấm lấy văn. Nhưng đời sau, những khoa thi mở bất thường đều gọi là chế khoa. Đời Tống Triết Tông, Tư Mã Quang xin vua cho đặt mười khoa (10 điều) để làm tiêu chuẩn kén Nho sĩ. Mười khoa đó đại để như sau: có nết, có tiết tháo, có mưu trí và sức khỏe, thông minh, ngay thẳng, thông kinh sử, học rộng biết nhiều, v.v...

"Hiện nay, nhân sau khi sụp đổ, những việc đáng cảm đáng than trong nước, kể không thể xiết. Không phải chỉ có "một đau, hai khóc, ba thở dài" [1] mà thôi. Nếu không có tài hơn đời thì sao có thể xoay chuyển được thời thế. Nhưng những bậc kỳ tài, kỳ ngộ phải đâu hết thảy đều do khoa cử mà ra. Đời nếu có người tài, bệ hạ nên dùng lễ mà mời ra như vua Thang mời Y Doãn ở đất Sằn, vua Văn thăm Lã Thượng ở sông Vị, ngõ hầu mới mời được họ đến. Còn như thần đây tạm giữ một chức còn sợ chưa nổi dám đâu làm nhơ đến việc long trọng này, để thương tổn đến sự sáng suốt trong việc cất nhắc nhân tài của thánh triều".

Lê Phiên nghe bài biểu ấy nói với Công Xán rằng:

– Ông ta bảo cần phải có người có tài lạ, là muốn nói nước giặc đang nhòm ngó ở bên ngoài, chẳng bao lâu sẽ có nạn binh đao. Mình bỏ việc ấy không lo, mà lại đi mở khoa thi kén học trò để vờ làm ra vẻ thái bình. Sợ quân Nam trở lại không biết dùng chước gì mà chống đỡ? Đó thật là cái lo trước mắt!

Năm ấy, những kẻ vào thi điện đã đối đáp văn sách, có đến hai trăm người. Chỉnh muốn kén chọn cả loạt để thu nhặt danh sĩ trong nước. Nhưng đến khi xướng tên, thì hạng đúng tư cách thi đỗ chỉ có hai người là Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát mà thôi. Chỉnh có ý không bằng lòng, cho nên mùa đông năm ấy, Chỉnh lại xin thi hội ở lầu Ngũ Phượng, lấy bọn Bùi Dương Lịch vào hạng tiến sĩ, tất cả mười lăm người. Nguyễn Khuê là người bà con của Chỉnh, đỗ vào thứ tư, dư luận trong ngoài có ý chê là tư vị.

Nhắc lại, khi Chỉnh ở Nghệ An về triều, được vua trọng dụng, các thân thần, cựu thần của nhà vua chẳng ai được ở trên Chỉnh. Vì vậy, Chỉnh làm việc gì cũng trôi chảy, không còn lúc nào nghĩ đến tình hình nước địch và công việc ở ngoài biên cương nữa.

Lúc ấy, những người ở ngoài đối địch với Chỉnh, thì phía tây có Quận Thạc, phía đông có Quận Nhưỡng, Chỉnh đều xem khinh. Mỗi khi trò chuyện với ai, Chỉnh vẫn thường nói:

– Nhưỡng tuy là dòng nhà tướng, nhưng là người thô lỗ, không thạo mưu cơ làm tướng. Xưa kia ở dưới cửa tiên công [2], y vẫn coi ta là bậc anh. Về sau vì sự gặp gỡ khác nhau, thành ra mỗi người một ngả.

---

1. Nói theo lối của Giả Nghị trong bài nói về tình hình trị an đời Hán Văn Đế.
2. Chỉ Quận Huy.

Chắc Nhưỡng không dám tranh giành với ta, mà ta cũng không nỡ đánh nhau với Nhưỡng, hãy để y ra ngoài đã. Đến như Quận Thạc thì chỉ là một người dũng mãnh, mà lúc cần gặp việc cần ứng biến thì lại không phải là giỏi. Vả nay y đã tuổi già sức yếu, nên cũng không đáng sợ nữa.

Vừa lúc ấy, có người thân của Chỉnh là Lệ Vũ ở Sơn Tây về, nói với Chỉnh rằng:

– Quận Thạc trước đi Hưng Hóa, chiêu dụ mấy viên quan Mường, mở lò đúc khí giới. Hiện nay đồ đảng ở bốn trấn có đến vài vạn, ông ta đang truyền hịch cho các thổ hào trấn Sơn Tây, hẹn ngày đem thủ hạ vào kinh. Nghe đâu ông ta có sai người đem tờ biểu bí mật dâng lên nhà vua, ông có biết không?

Chỉnh nói:

– Ta biết rồi. Trong tờ biểu, Quận Thạc trình bày rằng: "Trước đã trái luật làm tan mất quân đội, sau vào bảo vệ kinh thành lại không nên công trạng gì, nhờ hoàng thượng có lòng bao dung, lại cho làm chức trấn thủ để cho bù lại tội xưa. Ngày nay có lòng luyến nhớ cửa khuyết, lại sợ ý ấy chưa được rõ ràng, kẻ không ưa sẽ được thế chỉ trích, đổ cho tiếng xấu, nên còn dùng dằng chưa dám tới ngay..." Hoàng thượng có đưa tờ biểu cho ta xem. Ta đã đoán ngầm được ý của Thạc, chắc y không dám dùng quân sự chống cự lại ta, mà chỉ muốn giảng hòa. Y ở ngoài lâu ngày, tình thế cách trở, đâm ra nghi hoặc, sợ hoàng thượng không tin dùng. Mà đột ngột về kinh, thì lại sợ có ta ở trong triều, chưa biết họa phúc thế nào, nên mới dâng trước tờ biểu ấy để dò xem ý tứ của triều đình đó thôi. Ta cũng muốn tâu xin hoàng thượng giáng chỉ triệu y, nhân tiện ta gửi cho y một lá thư, nhưng khó kiếm được người xứng đáng để sai đi. Ngươi đã biết rõ tình hình thì nên theo sứ giả của nhà vua mang thư cùng đi.

Lệ Vũ xin vâng lời. Chỉnh bèn viết thư gửi cho Quận Thạc, đại lược như sau:

"Trước đây tướng quân lên miền thượng du, xếp đặt công việc ngoài bờ cõi, trèo đèo vượt suối, thật là vất vả. Nếu tướng quân có ý muốn chuyên giữ một phương, để che chở cho miền Tây, thì tôi xin đề đạt ý ấy lên nhà vua, cho phép tướng quân tùy ý mà làm. Nếu tướng quân cho rằng ở trong quân ngũ đã lâu, sức lực suy yếu, muốn nghỉ việc quân cơ, thì tôi dám đâu không giúp đỡ tướng quân chọn một địa

vị tốt đẹp để cho tướng quân giữ trọn công danh, làm bậc túc tướng [1] của tiên triều? Kẻ đại trượng phu ở đời chỉ có hai con đường là "hành" và "chỉ", cần phải sớm sớm chọn lấy một. Mong tướng quân tính liệu lấy".

Lúc mới nghe có mệnh lệnh nhà vua đòi, Quận Thạc liền ra ngoài sân để bái nhận và hạ lệnh cho tướng tá kiểm điểm binh mã cho ngày lên đường. Đến khi mở thư Chỉnh ra, Quận Thạc bỗng nổi giận bảo Lệ Vũ:

– Mày là người riêng của Chỉnh phải không?

Sứ giả đỡ lời:

– Thư này Bằng công đã trình lên hoàng thượng xem: như vậy, người đưa thư tức là do hoàng thượng sai đi, không phải là người riêng.

Thạc nói:

– Tục ngữ có câu: "Bò con mới đẻ không biết sợ cọp". Chính là bảo hạng người như Nguyễn Hữu Chỉnh đây! Ta là con nhà võ biền, không biết văn hoa che đậy; việc gì cũng cứ thẳng băng mà làm. Điều gì không bằng lòng, chỉ biết có lưỡi gươm mà thôi. Nay ta nói cho các ngươi nghe: Nguyễn Hữu Chỉnh trước thì phản bội nước nhà mà rước Tây Sơn, sau lại ở hai lòng với Tây Sơn mà chiếm giữ đất Nghệ An. Đến khi Tây Sơn không nhìn nhận, người Nghệ An không dong, mới quay về với hoàng thượng. Các vị quan văn lại bị hắn lừa dối, để cho hắn có thể mượn mệnh lệnh của nhà vua sai khiến người trong nước. Riêng có Dương Trọng Tế chống cự với hắn, nhưng vì không rõ nghĩa lớn, cho nên hắn có cớ mà nói. Quận Nhưỡng lại là bạn quen của hắn, thành ra chỉ bay lượn ở vùng Hàm Giang, không dám vượt lên một bước, tiến về kinh đô mà hỏi tội hắn. Hiện nay, riêng ta thề lấy việc đánh Chỉnh làm trách nhiệm của mình. Các ông hãy về bảo với Chỉnh rằng: Hắn quen dùng ngón gian trá, giảo quyệt để lừa dối người trong nước, nhưng lừa dối thế nào được ta đây. Nếu hắn có thể đánh với ta, thì nên ra ngoài thành vài dặm để chọi nhau cho tiện, đừng để kinh động đến kinh khuyết. Bằng không thì hắn nên ra chịu tội ở ngoài cửa Đại Hưng, đã có triều đình xử trí.

Rồi đó, Quận Thạc tiễn sứ giả về kinh, lại viết tờ biểu "xuất sư" dâng lên nhà vua, đại lược nói:

---

1. *Túc tướng* là vị tướng cũ đời trước còn lại.

"Trước đây, thần vâng lệnh ra trấn Sơn Tây, vừa lúc ấy Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào chầu. Bệ hạ cho là Chỉnh có công tôn phò, nên giao việc chính trị trong nước cho hắn. Đứa tiểu nhân đắc chí, dần dà mưu đồ làm việc không hay. Cứ như ngu ý của thần, thì Chỉnh không phải là người bề tôi thuần phục, mà là một đứa tự mưu lợi riêng. Xem việc hắn làm, giống như ma quỷ; xét bụng hắn nghĩ, độc hơn hùm beo. Cúi xin bệ hạ xét rõ, cho phép thần được trị hắn ngay từ lúc đầu, để hắn không thể rông rỡ làm ác về sau, thì thật là phúc cho xã tắc..."

Tiếp đó, Quận Thạc đưa tờ hịch đến các lộ Quốc Oai, Quảng Oai, kể rõ tội ác của Chỉnh, gọi là tên giặc ở cạnh nhà vua, nguyền thế nào cũng giết Chỉnh để triều đình được trong sạch.

Chỉnh nghe tin Quận Thạc đem quân đến, nổi giận nói:

– Tên giặc già này thật đáng chết! Không muốn làm người có công ở thế gian, lại muốn theo gót thằng Trọng Tế làm con ma phản nghịch ư?

Rồi Chỉnh vào tâu với vua, xin sai bộ tướng là Lê Duật đem quân đi đánh Thạc; còn tự mình đốc xuất đội quân lớn theo sau tiếp ứng.

Duật đến làng Đại Phùng [1] thì quân Quận Thạc cũng vừa tới đó. Hai bên mới giao chiến được một trận thì Quận Duật chống không nổi đã vứt bỏ khí giới mà chạy. Con trai Quận Thạc là Gia Vũ xin thừa thắng đuổi tràn, khiến hậu quân của Chỉnh kinh sợ, thì có thể giành được toàn thắng.

Quận Thạc không nghe và nói:

– Quân lệnh sớm nay đã truyền là đúng trưa họp ăn ở làng Đại Phùng. Các quân lính đang mỏi mệt, chờ đợi nghỉ ngơi ăn uống, thì quân giặc thình lình kéo đến; ta mới vẫy quân một cái mà đánh lui được chúng, bây giờ nên nhân đây mà truyền cho quân lính ăn cơm là phải. Nếu lại khua cho họ tiến lên, chiều tối đến kinh thành, giặc tất nhiên dốc hết quân ra liều chết mà đánh, lúc đó quân ta vừa mệt mỏi vừa đói, lấy sức đâu mà chống? Binh pháp có nói: "Quân đi hàng trăm dặm để kiếm lợi, sẽ què thượng tướng"; đó là con đường nguy hiểm. Hãy cứ nghỉ quân mà ăn uống, ăn rồi thúc trống tiến lên, gặp giặc là đánh. Ăn no khí mạnh, lo gì không thắng địch? Vả lại, ta bắt

---

1. Thuộc huyện Đan Phượng, Hà Tây.

Chỉnh như bắt trẻ con, có cần gì mà phải gấp vội để cho thất tín với quân lệnh.

Quận Thạc bèn truyền lệnh khua chiêng cho quân tạm nghỉ. Duật chạy đến nửa đường, ngoảnh lại trông biết là quân Thạc không đuổi; lại sợ Chỉnh đến sẽ bị quở phạt, liền thu quân, dàn thành trận, quay trở lại đánh quân Thạc. Quân của Quận Thạc đang ngồi lên khí giới mà ăn, hàng ngũ lộn xộn chẳng đâu vào đâu. Thấy quân Duật ào đến, quân Quận Thạc không kịp đánh lại, sợ hãi, tan vỡ, chạy tứ tung. Lúc ấy Quận Thạc đang ngồi trên đình Đại Phùng, vội vàng trèo lên mình voi, thủ hạ chỉ còn vài chục, xúm quanh thân voi, ra sức mà đánh. Quận Thạc ngồi trên bành voi, ném lao giết chết quân Duật chừng vài trăm người. Duật không dám lại gần. Chốc lát thấy Chỉnh đem đại quân kéo đến tiếp ứng, Duật liền vẫy quân vây quanh voi của Quận Thạc, lấy giáo dài mà đâm. Quận Thạc co voi vào bãi cát, rồi xuống voi nhảy phốc lên ngựa, múa đao chém vung tàn tán, người ngựa qua lại như bay. Gia Vũ ở phía sau trận phi ngựa hô lớn, xông lên phía trước, lăn xả vào đánh giết, làm bị thương quân địch rất nhiều. Một viên tùy tướng của Quận Thạc là Hoàng Đăng, tập hợp được vài trăm tên lính tản mát, cũng quay trở lại hợp sức mà đánh, Chỉnh trông thấy thế, sợ Quận Thạc thoát thân được thì sẽ phi ngựa trốn mất, bèn vẫy quân thiết đột vây kín bốn mặt, nhằm vào ngựa Quận Thạc mà bắn. Ngựa què, Quận Thạc bị bắt sống. Gia Vũ, Hoàng Đăng liệu chừng không thể chống nổi, đều theo lối Thượng Hiệp [1] mà tháo lui.

Trận này, Quận Thạc tự mình đốc suất các phiên thần Hưng Hóa, thổ mục Sơn Tây, lại hợp với quân của cả hai trấn, khí giới rất sắc bén. Sau khi thua một trận, hết thảy đều bị thu bắt không còn sót một tý gì. Do đó, oai danh của Chỉnh rung động khắp thiên hạ.

Tin thắng trận về đến kinh thành, các quan vào mừng. Vua Lê miễn cưỡng ra ngự triều, rồi nói riêng với Ngô Vi Quý rằng:

– Quận Thạc không phải là bầy tôi bạo nghịch của trẫm. Quận Thạc còn sống thì tên gian hùng kia [2] còn e sợ, nay chẳng may mà chết, trẫm rất thương xót, còn mừng nỗi gì?

1. Tên xã thuộc Sơn Tây (cũng ở vùng Đan Phượng).

2. Chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

Tiếp đó, Chỉnh rút quân về giải Quận Thạc vào kinh thành tâu xin đem chém.

Vua khuyên Chỉnh rằng:

– Quận Thạc trọng về phần nghĩa nhiều mà ít hiểu về phần lý, cho nên danh với thực không xứng với nhau, hình tích khó mà rõ rệt. Nay thua trận bị bắt, phép vẫn nên chém. Nhưng nghĩ lại lúc Trọng Tế thả quân vây bức thành, trẫm đứng bơ vơ một mình trong điện, suýt nữa mắc phải tai biến bất trắc; nếu không có Quận Thạc, làm gì có ngày nay? Theo như phép "Bát nghị" [1] đời xưa, cũng đều là tội chết, nhưng phải có phân biệt. Lòng trẫm thật không nỡ, nên bàn lại để cho tỏ rõ cái ơn nghĩ đến công trạng hồi xưa.

Chỉnh đối với Quận Thạc từ trước vốn không có hiềm thù gì, nay đánh một trận mà thắng, khí tức cũng đã hả, lại nghe lời vua khuyên dụ, bèn xin giao cho triều đình bàn lại.

Ngự sử là Ngô Trọng Khuê thảo lời nghị tội khác, trong có câu:

"Làm quan chống lại mệnh lệnh của triều đình, tội vẫn đáng chém; nhưng đem công mà bù với tội, thì sự chết cũng nên có lễ..."

Vua bèn sai đưa Quận Thạc ra ngoài cửa Tây, cho uống thuốc độc.

Quận Thạc lạy hai lạy, rồi uống thuốc độc mà chết.

Lúc Quận Thạc mới bị giải vào thành, nhân dân kinh đô xúm lại xem. Quận Thạc nói:

– Ta là tên tướng già Hoàng Phùng Cơ đây. Cha con một nhà đã có sáu người chết vì việc nước. Phải, trái đã có công luận. Thành, bại là bởi lòng trời. Ta không giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, thế nào Tây Sơn cũng sẽ giết hắn. Đạo trời báo ứng không bao giờ sai. Chỉ tiếc rằng ta không kịp trông thấy mà thôi.

Sau khi Quận Thạc chết, thi hài được đem về chôn ở Sơn Tây, quân và dân ai cũng chảy nước mắt.

Lại nói, Nguyễn Hữu Chỉnh nắm hết quyền bính trong nước, việc gì cũng tự tay y mà ra. Càng ngày y càng lộng hành, lòng người lìa tan, quan văn quan võ, ai cũng chán nản. Người nào theo lẽ công, giữ phép nước, đều bị bọn tướng sĩ thuộc cơ Vũ thành của Chỉnh quấy

---

1. Theo sách *Chu Lễ*, hình phạt có "Bát nghị" (tám phép bàn), chia ra làm tám loại người thân của vua, người có công, người có tài, người quý hiển, v.v... để xét xử phân biệt khác nhau mà định cách giảm tội.

nhiễu. Người nào khảng khái dám nói thì nhiều khi bị chúng làm hại, tai họa xảy ra bất ngờ không sao mà lường trước được. Bởi thế, thường thường ai cũng kiêng nói. Cũng có người đã cáo bệnh, trả lại ấn tín, bỏ về nơi làng xóm.

Bọn hào mục gian ác ở đâu thì tụ họp ở đấy, rồi đi cướp bóc lẫn nhau. Ngoài thành vài dặm, đều là hang ổ của bọn trộm cướp.

Vua Lê lấy thế làm lo, bèn vời viên tham tụng cũ là Bùi Huy Bích vào triều để hỏi về việc thiên hạ. Bích sợ Chỉnh không dám nói gì, chỉ từ tạ mà rằng:

– Thần may được thi đỗ, nhưng không có tài giúp đời trị nước. Chúa Trịnh xưa cất nhắc thần làm việc trong chính phủ; lính kêu dân oán, quân giặc lấn cướp, thần không có một chước gì để cứu vãn. Kinh thành bị hãm, chúa soái mất mạng, cái tội làm lầm lỡ việc nước ấy, thần thật khó lòng mà trốn tránh. Nay nước nhà đã thống nhất, chính sự ban đầu đang sáng suốt, bệ hạ hãy nên tìm lấy những người tài giỏi khác. Còn như thần đây, thì dám đâu làm nhơ đến triều đình, để lỡ việc thiên hạ? Cúi xin bệ hạ cho thần được lui về nơi ruộng đồng, làng xóm.

Lúc lui ra, Bích bảo riêng với người thân tín rằng:

– Thiên hạ sắp loạn mất rồi! Từ đây ta cũng bỏ mà đi thôi.

Rồi đó, ông đem cả gia quyến rời sang xứ Đông.

Viên đốc đồng trấn Nghệ An là Phạm Huy Khiêm cũng bỏ quan đi lên vùng thượng du huyện Thanh Chương, mưu đồ việc khởi quân cần vương. Khiêm có đưa tờ hịch kể tội Chỉnh, nhưng việc chưa thành thì đã chết [1].

Bấy giờ, trong bọn sĩ phu tại chức lại có hạng người khác, nặng lòng công danh, lấy việc dẹp loạn, phò nguy làm trách nhiệm của mình. Họ tụ tập các người đồng chí, chiêu mộ quân lính nghĩa dũng. Hào kiệt bốn phương, khi nhận được chỉ thư, cũng theo lời hiệu triệu mà đến với họ. Những đám như vậy, khắp nơi đều có.

Viên đốc trấn Cao Bằng là Lưu Tiệp [2] nhận tờ mật chỉ của chúa Trịnh. Còn viên đốc đồng là Nguyễn Hân [3] lại nhận tờ mật chỉ của

---

1. Huy Khiêm (có người đọc Vĩ Khiêm, tức là Phạm Nguyễn Du).
2. Có bản chép là Lưu Côn, Lưu Tiệp quê ở làng Nguyệt Áng huyện Thanh Trì, Hà Nội.
3. Nguyễn Hân quê ở xã Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội. Tiệp và Hân đều đỗ tiến sĩ.

vua Lê. Cả hai đều khuyên dỗ bọn phiên mục ở trấn ấy giúp sức, rồi lại cấp phát phù tín, sắm sửa khí giới cho họ, và dặn họ sẵn sàng chờ lệnh đòi gọi. Lúc bấy giờ một trấn Cao Bằng, chia làm hai đảng. Kẻ theo tiết chế của viên đốc trấn thì không biết có viên đốc đồng. Người theo ước thúc của viên đốc đồng thì lại không biết có viên đốc trấn. Hai người ai ở dinh ấy, không chịu họp chung với nhau. Tiếng là đồng liêu với nhau, thật ra chỉ là thù địch.

Tiệp ngầm sai viên thuộc quan của mình đem thủ hạ về trá hàng Nguyễn Hân, rồi lại cho người tới cầu hòa để đòi lại viên phiên thuộc cùng bọn đầu hàng ấy. Hân không biết là mẹo lừa, cứ nhận bọn đầu hàng mà cự lời xin của Tiệp. Tiệp liền đem quân vây đánh Hân. Bọn trá hàng bấy giờ mới nổi lên làm nội ứng cho Tiệp, quân của Hân tức thì rối loạn tan vỡ. Hân hoảng sợ vội vàng bỏ chạy, bị giết chết liền. Vợ con của Hân ở trong dinh cũng đều bị giết tất cả. Do đó, trấn Cao Bằng rối loạn lung tung. Bọn hào mục kẻ nào giữ ấp trại của kẻ nấy, rồi đem quân đánh giết lẫn nhau, Tiệp cũng không thể ngăn nổi. Cùng lúc đó, Hà Quốc Kỳ ở Lạng Sơn, Triệu Văn Khương ở Thái Nguyên, Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang, Đinh Văn Hồ ở Hưng Hóa và các tù trưởng ở vùng Phù Sùng, Tây Lĩnh cũng đua theo, đây đó đều chống lại mệnh lệnh của triều đình, quan lại ở trấn cũng có người bị chúng đuổi. Khắp trong bốn cõi không còn có chỗ nào yên tĩnh.

Thật là:

Quạ, cáo tranh nhau, không đáng ngại
Cọp, rồng đánh lộn, mới ghê thay!

Chưa biết sự thể ra sao? Hãy chờ hồi sau phân giải.

HỒI THỨ CHÍN

Tướng Tây Sơn Vũ Văn Nhậm
đem quân lấn ngoài bờ cõi

Quan Bình chương Trần Công Xán
vâng mệnh bàn việc biên cương

Lại nói khi ở Cao Bằng bắt đầu nhóm lên việc binh đao, Lưu Tiệp, Nguyễn Hân đều có sai trạm đưa thư vào kinh báo biến. Tiệp bảo Hân là phản nghịch, Hân bảo Tiệp là phản nghịch, và cả hai đều nói "hiện đã điều quân vây đánh, chỉ khoảng mười ngày sẽ bắt được kẻ có tội".

Quan Bình chương là Phan Lê Phiên thấy thư ấy, rất kinh hãi mà rằng:

– Hai người đều là bậc thanh cao trong hàng triều sĩ, ra ngoài gánh việc phiên trấn, đáng lẽ phải vì việc công mà quên việc riêng. Sao họ lại không chịu nán lòng theo nhau, lại đi cầm đầu cho cuộc quấy rối? Đồng loại làm hại nhau, đó cũng là một biến cố lớn! Đáng ghê! Đáng sợ!

Vừa lúc ấy, các viên trấn thủ ở bốn lộ Lạng, Thái, Tuyên, Hưng cũng đều lần lượt gửi thư hỏa tốc về cáo biến.

Vua Lê bèn bàn với Bằng công Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh thưa:

– Các trấn đem quân đánh nhau, cũng là thói thường của bọn tù trưởng ở ngoài bờ cõi, chỉ cần hạ một bức thư, báo cho họ biết đường họa phúc, chắc họ sẽ nghe theo; dẹp yên việc ấy, không có gì khó. Riêng việc biến cố ở Cao Bằng thì lại do các viên quan trấn gây ra, bọn tù trưởng trên ấy đều không đáng trách. Cái tội tự tiện đánh nhau, giết nhau, triều đình sẽ phải có phân xử, vậy xin giao xuống cho các quan họp bàn.

Quan Đồng Bình chương Trương Đăng Quý và quan Tham tri Nguyễn Điện đều xin gấp rút chọn hai viên đốc trấn, đốc đồng khác có tài cán lên coi thay việc trấn và luôn thể hạ chiếu chỉ triệu bọn Tiệp, Hân về triều may ra mới dẹp được cuộc rối loạn.

Phan Lê Phiên nói:

– Phải đấy! Rễ chùm, mấu cứng, phải có đồ sắc! Viên quan cử lên coi trấn ấy, không phải dễ dàng muốn sai ai cũng được.

Quan đồng Bình chương Trần Công Xán nói tiếp:

– Việc loạn ở Cao Bằng hồi xưa, viên đại thần đã qua đời là Nghĩa Thành vương [1] vâng lệnh lên vỗ về, ở luôn trên trấn ấy bảy năm, nhân dân các bản đều mến phục. Sau ông mất tại đấy, dân địa phương vì thương tiếc mà nghỉ mấy phiên chợ liền, lại dựng đền mà thờ. Quan xu mật hiện nay là Nguyễn Đình Tố [2], chính là con của Nghĩa Thành vương. Ông ta là người rộng rãi có độ lượng, tài xử sự cũng nhanh, vậy xin gấp rút sai đi ngay.

Vua Lê liền dùng Nguyễn Đình Tố làm đốc trấn Cao Bằng, lại sai Nguyễn Huy Túc làm phó đốc trấn. Rồi hạ lệnh giục hai người lên đường đi nhậm chức. Tố nói:

– Cha thần sinh ở Cao Bằng, mất ở Cao Bằng, thần cũng xin ở Cao Bằng, nay lại lên đó, việc sau này có thể biết rồi. Vậy xin cho phép mười ngày để thần xếp đặt việc nhà.

Khi hai người lên đến giáp giới tỉnh Lạng Sơn thì nghe tin Hân đã bị hại, Tố giật mình nói:

– Thương thay! Chết cũng bởi số, nhưng cũng lỗi tại ta đi chậm quá.

Rồi Tố lập tức giục trạm đi dấn lên. Khi trạm đầu báo tin quản đốc mới là Nguyễn Đình Tố đến, thì tù trưởng các nơi đều vui mừng đón. Lúc Tố đến Cao Bằng thì Lưu Tiệp còn đang đóng cửa thành, đánh nhau với dư đảng của Hân. Tố vâng lệnh công bố uy đức của nhà vua, bảo hai bên phải giải tán quân lính, rồi thong dong xếp đặt mọi việc, trong cõi lại yên ổn như thường.

Một hôm, vừa gặp lúc đến yết kiến đền thờ Nghĩa Thành vương, Tố bảo Nguyễn Hữu Túc:

– Tôi nay có lẽ sắp đi với tiền nhân, trách nhiệm ở bờ cõi rất nặng, rồi đây sẽ có những việc khó khăn, lớn lao. Trấn này thông với đất Trung Quốc, trước đây tôi đã đi sứ, cũng hơi thuộc đường lối, chỉ giận rằng không ở đây nữa. Ông còn ở đây, hãy nên cố gắng mà đương lấy mọi việc.

---

1. Tức Nguyễn Đình Bá.
2. Người ở Khoái Châu, Hưng Yên.

Tố lại ngoảnh sang các phiên trưởng mà dặn rằng:

– Sau khi tôi đi rồi, các ông chỉ nên nghe lệnh phó đốc trấn, chớ như vừa rồi, gây ra nhiều việc, thì thế nào cũng có vạ lớn.

Mọi người đều lấy làm lạ mà hỏi, thì Tố nói:

– Điều đó rất khó nói.

Chiều hôm ấy, Tố về doanh rồi chết.

Huy Túc một mặt lo liệu việc ma chay, một mặt viết thư báo tin cho triều đình, rồi vâng chỉ của vua lĩnh chức đốc trấn Cao Bằng.

Lại nói, vua Tây Sơn từ lúc rút quân về Nam, đến Nghệ An ở lại mười ngày, giao cho phó tướng Nguyễn Duệ giữ đất này, cùng đô đốc là Chiêu Viễn đóng quân ở doanh Hà Trung [1].

Sau đó, vua Tây Sơn lại đổi Chiêu Viễn vào đóng ở châu Bố Chánh, Nguyễn Duệ coi doanh Kỳ Hòa, tả quân Võ Văn Nhậm đóng một đạo binh quan trọng ở Đông Hải [2] để làm thanh viện và nương tựa lẫn nhau.

Lúc Nguyễn Hữu Chỉnh theo kịp, thượng công [3] ngỏ lời yên ủy dỗ dành, và bảo ở lại Nghệ An làm việc với Duệ. Bề ngoài tuy thượng công hứa hẹn với Chỉnh bằng những lời ngon ngọt, nhưng lại dặn riêng Duệ rằng:

– Chỉnh vốn người Bắc, trốn về với ta. Xem bộ hắn ta là kẻ phản phúc gian dối, không thể tin cậy. Vả chăng người Bắc oán hắn rất sâu. Ta định bỏ hắn, để cho hắn chết. Không ngờ hắn lại trốn chết cố theo. Nghệ An là quê hương của hắn. Nay để nhà ngươi ở lại đây, ngươi nên xét kỹ lòng người xứ này, xem theo ai chống ai và tình hình động tĩnh của hắn ra sao. Chiêu Viễn ở gần đây, gọi một tiếng là đến. Tả quân cũng không xa đây lắm, có việc gì nên chăng, ngươi phải viết thư báo cho ta mau, và cùng bàn định với ông ta. Sống ở nước ngoài đất khách phải để ý đề phòng cẩn thận, chớ có dễ dàng tin theo Chỉnh mà mắc mưu của hắn. Ngươi phải cẩn thận lắm mới được.

Sau khi thượng công về Nam, Chỉnh liền được chiếu chỉ nhà vua vời đưa quân ra Bắc. Lúc đi, Chỉnh để đồ đảng của mình là Nguyễn

1. Thuộc Hà Tĩnh.

2. Bố Chánh thuộc Quảng Ninh, Kỳ Hòa thuộc Hà Tĩnh. Đông Hải tức Đồng Hới (Quảng Bình).

3. Tức Nguyễn Huệ.

Duật ở lại làm việc với Duệ. Ngày chia tay lên đường, Chỉnh hai ba lần dặn dò và mong mỏi Duệ đối xử tử tế với mình; Duệ cũng tiễn đưa Chỉnh rất ân cần tử tế.

Sau khi Chỉnh nắm được chính quyền, thường thường gửi thư qua lại với Duệ và biếu tặng rất hậu. Rồi Chỉnh lại ngầm sai người gọi Duật về kinh thành để hỏi tình hình Tây Sơn và dò ý tứ của Duệ. Khi đã biết vua Tây Sơn và thượng công gây ra việc binh đao, anh em đánh lẫn nhau, tiếp đó lại được thư của Duệ hẹn cùng chung sức đánh vào phương Nam, thì Chỉnh rất mừng, cho là có thể mưu đồ lấy lại Nghệ An. Chỉnh bèn thu xếp mười lạng vàng và mười tấm đoạn, sai Duật đem vào biếu Duệ, nhân tiện lấy việc lợi hại họa phúc mà dọa hắn ta, lại dỗ dành hắn ta giữ lấy Nghệ An ngăn chặn Chiêu Viễn, đắp lại lũy cũ Hoành Sơn, và vạch Sông Gianh làm nơi biên giới như việc cũ trước đây [1].

Lúc đó, người do thám của Võ Văn Nhậm ở Nghệ An biết rõ việc ấy, vội vàng về báo với Nhậm, Nhậm lập tức đưa binh phù triệu Duệ về. Duệ chống lại và nói:

– Tướng ở ngoài, mệnh lệnh của vua cũng có khi không cần phải theo. Lúc thượng công về, giao cho tôi đóng giữ đất này, nay tôi không dám tự tiện rời khỏi trấn này.

Nhậm được thư, liền nói:

– Quả nhiên Duệ làm phản rồi.

Tiếp đó, Nhậm lập tức gửi thư cáo biến với thượng công; trong thư có đoạn viết: "Ngày trước dùng Chỉnh tức là nhốt hổ gầm giường; ngày nay để Duệ, ấy là nuôi ong tay áo. Xin kịp phát quân ra Bắc, trước hết giết Duệ ở Nghệ An, rồi sau bắt Chỉnh ở Thăng Long. Dẹp loạn và bình định đất nước ở một chuyến này, cơ hội không nên bỏ lỡ..."

Trong lúc ấy, thượng công và vua Tây Sơn đang có xích mích, cuộc binh đao giữa hai anh em chưa dàn xếp xong, việc nội chiến ở miền Nam so với nỗi lo ở miền Bắc còn cần kíp hơn nhiều. Bởi vậy thượng công không quả quyết thi hành, bèn sai người báo cho Nhậm biết, và giục Nhậm tiến quân ra Nghệ An bắt Duệ; rồi sau đó sẽ kiểm điểm quân lính, thu góp lương thực, chia đi đóng đồn ở các nơi hiểm yếu và viết thư hỏi Chỉnh về tội thông mưu với Duệ, xem Chỉnh trả

---

1. Chỉ vào cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn (1627–1672), sau lấy Sông Gianh làm giới ranh để phân chia Đàng Trong (Nam) và Đàng Ngoài (Bắc).

lời ra sao. Nếu Chỉnh còn biết sợ hãi, cố tình chối cãi, thì nên để đó sau này sẽ liệu, chưa nên đánh vội. Bằng Chỉnh ra mặt chống lại, thì như thế là đã có cớ, lúc ấy cứ việc tiến quân ra đánh thì cũng không muộn gì.

Nhậm vâng lệnh, tự mình đem quân đi gấp. Chỉ trong một ngày một đêm. Nhậm đã đến doanh Kỳ Hòa nhưng Duệ không còn đó nữa.

Số là mùa đông năm trước thượng công nghe tin Chỉnh đem quân ra bảo vệ vua Lê, sợ có biến cố gì khác xảy ra liền sai Nguyễn Văn Đức đem quân giữ phủ Diễn Châu cùng làm chức trấn thủ với Duệ, để nương tựa lẫn nhau. Kịp đến khi nghe miền Nam đánh nhau, Duệ và Đức bèn gửi thư cho Chỉnh, mưu đồ hợp tác kéo quân về Nam, để thừa cơ làm loạn. Hai người hẹn rằng, sau khi đắc thắng, sẽ trả tất cả các đất từ Hoành Sơn ra Bắc nhưng Chỉnh còn chần chừ chưa quyết định. Đến khi bị Nhậm phát giác, hai người bèn bỏ xứ Nghệ đem quân theo mạn ngược trở về Nam. Duệ về với vua Tây Sơn. Còn Đức vốn là một đại thần của chúa Nguyễn, bị quân Tây Sơn bắt, phải miễn cưỡng theo, chứ thực ra cũng không thích làm việc cho họ. Lúc đó, Đức bèn theo đường núi Tây Nam, trốn thẳng sang nước Tiêm La, Đức đi đã lâu, thượng công mới nhận được thư hỏa tốc của Nhậm, vội sai quân đón bắt, nhưng cũng không kịp.

Nhậm đến Nghệ An, kiểm điểm binh lính, trưng thu lương thực, sửa soạn khí giới, rồi đưa thư ra Thăng Long, trách móc Chỉnh gay gắt.

Chỉnh được thư, giấu giếm không cho vua Lê biết, đoạn thư viết tạ tội, đại ý nói:

"Trước kia tôi bỏ nước cũ về với chúa công, nhờ ơn cho vào nơi mạc phủ, hầu hạ túi cung roi ngựa đến bốn năm năm. Mùa thu năm ngoái, đại quân về Nam không cho tôi biết, tôi cũng biết là thượng công muốn dùng cách đó thử tôi để xem tôi lui tới ra sao. Lúc bấy giờ người Bắc cố lưu lại, nhưng tôi quả quyết bỏ họ mà đi. Nghĩ rằng lòng này không có đổi thay như thế, bậc cao minh hẳn đã soi xét đến. Lúc vào yết kiến thượng công ở Vĩnh Dinh, tôi xin đi theo quân đội về Nam, ngài bảo tôi rằng: "Quận Thạc, Quận Nhưỡng còn làm ngang trở không thể không trừ khử, nhà ngươi hãy ở lại đây, lo liệu một phen" tôi dám đâu không theo mệnh lệnh? Tôi đã đem thân mình mà xin ruổi rong theo chúa [1] thì còn dám tiếc gì? Vì thế, tôi tự

1. Chỉ vua Tây Sơn.

mình xông pha tên đạn, quyết chiến với bọn Thạc, Nhưỡng. Chỉ mong trừ được hai tên ngang ngược ấy, thì sẽ lập tức quay ngựa về Nam. Nhưng, tháng trước đây đánh ở Sơn Tây, mới bắt được có Quận Thạc. Riêng Nhưỡng thì vẫn vùng vẫy ở miền Hải Dương, còn cần phải đánh dẹp vất vả. Bởi vậy cho nên tôi chưa về triều được. Những kẻ ghét tôi, thấy tôi ở lại đất Bắc, liền đặt lời gièm pha. Sao họ không xét rằng, sau khi thượng công về Nam, tôi chỉ ở lại Nghệ An hơn mười ngày, rồi lại ra Bắc ngay, thì còn thì giờ đâu mà mưu toan với Duệ? Từ đó kẻ Nam người Bắc, ai làm việc nấy, tôi có hề đi lại gì với Duệ đâu? Nếu xét rõ tình cảnh ấy, hẳn không cần phải chờ tôi biện bạch gì thêm. Vả chăng, cái ngày mà tôi làm việc chung với tướng quân, không phải không lâu. Nếu quả là tôi có lòng gì khác, hồ dễ đã giấu được cho khỏi lộ? Tướng quân nên chuyển đạt lời tôi đến trước chúa công thì tôi đội ơn nhiều lắm!"

Nhận được thư ấy, biết Chỉnh còn có ý sợ, Nhậm bèn viết bức thư khác, dùng lời nói khéo, vỗ về khuyên giải làm cho Chỉnh yên lòng, để mình có thì giờ sắp đặt công việc ở trấn Nghệ An, tiện thể Nhậm cũng không quên buộc Chỉnh phải mau chóng dẹp yên Quận Nhưỡng, rồi rút quân về Nam, để khỏi trái với ý định.

Chỉnh tiếp thư, không hiểu rõ ý của Nhậm, cho rằng Nhậm có thể dễ lừa phỉnh, chắc không phải lo gì về mặt Nam.

Lúc bấy giờ, trong ngoài đều đồn đại rằng tướng của Tây Sơn là Tả quân Nhậm, kéo quân ra Nghệ An, kén chọn lính tráng, định kỳ xuất phát, chẳng bao lâu quân Tây Sơn lại tới, Thăng Long sẽ thành nơi chiến trường. Vì thế, trong kinh nhốn nháo, người chuyển vận đồ đạc, người bồng bế con cái, tranh nhau đi lánh nạn, lính Kim Ngô [1] ngăn cấm không nổi. Nhiều viên đình thần đem việc đó tâu với vua Lê. Vua Lê liền triệu Chỉnh vào hỏi. Chỉnh tâu:

– Người ta đồn nhảm, không cần phải tin. Thần đã cho người đi xem xét biết hết sự thật rồi. Vua Tây Sơn từ khi ở đất Bắc về Nam, liền vào thẳng chỗ quốc thành [2]. Còn thượng công thì đóng ở Phú Xuân, nghỉ quân để vui chơi, ban bố hiệu lệnh, sửa sang thành lũy. Bao nhiêu vật liệu, khí giới và các báu vật lấy được ở Bắc về, thượng công đều thu chứa lấy. Vua Tây Sơn sai sứ thần tuyên triệu, thượng

1. Tên một đội bảo vệ trật tự ở kinh đô.

2. Tức Quy Nhơn.

công không chịu về triều. Mọi việc phong quan, ban tước và xử trí này khác, thượng công đều tự tiện quyết định. Vua Tây Sơn sai người đưa ấn phong thượng công làm Bắc Bình vương và hỏi những thứ của báu lấy được ở phủ chúa Trịnh. Thượng công cũng chống lại không chịu dâng lên. Vua Tây Sơn giận lắm. Vì thế anh em mới gây ra cuộc binh đao, ở trong một nhà mà đối với nhau còn dữ dội hơn là đối với nước thù địch. Ngay trong bọn họ với nhau cũng không đủ thì giờ để cứu vãn được tình thế cấp bách, đâu còn dám ra khỏi Hoành Sơn một bước để tranh quyền với ta? Ta cần làm sao cho việc nội trị có quy mô yên ổn, thế là sẽ được thái bình. Đến như trấn Nghệ An thì chỉ cần sai một sứ giả đem bức quốc thư sang, bàn bạc với họ một lời là xong. Ta cùng họ đã thành thông gia, ta cũng không cần lo xa làm gì.

Quan ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

– Xưa nay tình hòa hảo thông gia, nói chung không thể tin cậy. Chỉ có bằng vào chước tự cường của mình, làm sao cho bờ cõi được vững chắc, ngăn chặn sự dòm ngó của kẻ địch, thì như vậy mới có thể tin cậy được. Bắc Bình vương cũng là một bậc anh hùng, xem thường ông ta không được đâu!

Chỉnh nói:

– Tôi đã từng cộng sự với ông ta, há lại không biết? Ông ta quả thật là bậc anh hùng, nhưng nhân tài xứ Bắc ta đây cũng không thua lắm. Vạn nhất xảy ra việc binh đao, tôi xin chọi với ông ta, còn như bọn Võ Văn Nhậm thì không đáng kể. Nay nghe nói Nhậm đã chiếm đất Nghệ An, nhưng cứ mặc y. Quân nước ngoài ở trọ, chẳng qua cũng như bọn Chiêu Võ, Thuận Nghĩa hồi xưa chiếm đóng bảy huyện phía nam Nghệ An,không bao lâu rồi cũng lại về ta [1].

Vua Lê nói:

– Nhân tình lo sợ, nghi ngờ, họ đang coi việc động tĩnh ở phương Nam để định sự thể khinh trọng của nước nhà. Ngươi nên tính kỹ, liệu trước để cho lòng trẫm được thư thái.

Chỉnh tâu:

– Đó là việc trong chức phận của thần, dám đâu không hết lòng hết sức?

---

1. Chỉ việc các tướng của họ Nguyễn là Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật, đánh chiếm được bảy huyện ở nam Sông Lam hồi xưa (1655 – 1669), trong cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn, về sau các miền ấy lại bị họ Trịnh giành lại.

Ngoài mặt, Chỉnh tuy nói năng khuếch khoác để trấn áp mọi người nhưng kỳ thực, từ khi được thư của Nhậm, trong lòng Chỉnh rất đỗi lo sợ.

Một hôm vào chầu, Chỉnh đuổi người chung quanh ra mà nói kín với nhà vua rằng:

– Võ Văn Nhậm tuy là tả tướng trong soái phủ của Bắc Bình vương, nhưng vốn là rể vua Tây Sơn. Lâu nay chỉ huy việc quân, y vẫn đóng vai con rể của nước, nay thấy anh em Tây Sơn xích mích nhau, Nhậm là kẻ đứng giữa, cố nhiên là phải tuân theo tướng lệnh, nhưng trong lòng lẽ nào lại hoàn toàn không nghĩ gì đến bố vợ? Vừa rồi có tên do thám nói rằng: "Nhậm ở Đông Hải nghe việc biến cố ấy, bèn xin về hầu. Nhưng Bắc Bình vương không cho mà bảo ra thẳng Nghệ An. Nay Nhậm đang ở vào địa vị nguy ngập và bị ngờ vực nên không thể có ý trông về bên trong. Thần xin nhân cơ hội này để thương lượng về việc bờ cõi Nghệ An. Hết sức nhấm nhe vào ân tình của họ, lại lễ nhiều, lời ngọt, ngoài có Văn Nhậm tâng bốc, trong có công chúa đỡ lời; Bắc Bình vương dù có lòng nào chăng nữa cũng không thể không gượng theo mình.

Vua Lê khen phải.

Sáng hôm sau, nhân buổi chầu sớm, vua nói với các quan rằng:

– Nghệ An liền kề với Thanh Hoa, là một quận phụ vào đất "thang mộc". Con em đất ấy vẫn được lựa chọn vào quân túc vệ, làm nanh vuốt cho nước nhà. Đất ấy không thể để cho người khác chiếm giữ mãi. Trẫm sắp sai người đi Phú Xuân để bàn bạc với Bắc Bình vương một phen. Vậy các ngươi hãy chọn xem người nào có thể sung vào sứ bộ?

Trương Đăng Quỹ thưa:

– Nguyễn Đình Giản và Phạm Đình Dư là người ngay thẳng có thể làm được việc ấy.

Phan Lê Phiên nói:

– Giản cương trực có thừa mà mềm mỏng ôn hòa thì không đủ. Dư tuy nghị luận vững vàng, nhưng xét việc hơi chậm. Bắc Bình vương là người rất quỷ quyệt, hay dùng mưu khôn lung lạc người ta. Trong lúc bàn bạc, khi nén xuống, khi nâng lên, không biết đường nào mà dò. Thần sợ rằng hai người ấy tranh biện với ông ta, thế nào rồi cũng làm hỏng việc nước.

Đình thần bàn mãi việc cử người, luôn mấy ngày vẫn chưa ngã ngũ. Chỉnh bèn tâu để Trần Công Xán đi.

Vua Lê nói:

– Được đấy!

Nhà vua bèn đòi Công Xán vào triều và bảo rằng:

– Ngươi là người trung trinh vì nước, lòng trẫm đã biết. Ngày xưa Phù Bật sang sứ Khiết Đan, làm cho nước địch phải kính trọng, công việc xong xuôi. [1] Chuyến đi này, cũng giống như thế. Ngươi cố vì trẫm vâng mệnh ra đi, cũng là Phù Bật của nước Nam đó. Một vị hoàng thân cùng đi, trẫm đã sai Duy Án, [2] còn một viên phó sứ nữa thì tùy ngươi chọn lấy.

Xán hăng hái xin đi, và nói:

– Vua phải lo thì bề tôi mang nhục; thần đâu dám sợ khó khăn? Trong những người từng làm việc chung với thần mà thần biết, thì có Ngô Nho là có thể dùng được.

Vua ưng lời, rồi ban mệnh lệnh xuống. Cả triều đình đều khen là chọn được người xứng đáng.

Duy Án là con thứ sáu của vua Ý Tông, và là ông chú họ nhà vua. Án tính người cẩn thận, nho nhã và trung thực. Công chúa Ngọc Hân khi chưa lấy chồng, vẫn thường tôn kính Án, mọi việc nên chăng đều hỏi ý kiến của Án. Kịp đến khi *công* chúa về với Bắc Bình vương, Án thường nhân có việc tới gặp Bắc Bình vương nói năng lui tới có lễ độ. Lúc đó vì muốn luôn tiện hỏi thăm *công* chúa, cần chọn người hoàng thân xứng đáng nên mới sai Án đi. Trần Công Xán, người làng Yên Vĩ, huyện Đông An, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) đời Cảnh Hưng. Hồi Đoan Nam vương còn coi giữ việc nước, Xán đang ở chức tả thị lang bộ Công, được sung chức hành tham tụng. Trong cuộc biến loạn năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn tiến sát kinh kỳ, quân Quận Thạc tan vỡ, các quan văn võ đang đêm đua nhau bỏ trốn, riêng có mình Xán xin với chúa quyết liều một trận sống chết. Xán bận quần áo trận, tay cầm gươm, hộ vệ chúa Trịnh ở lầu Ngũ Long.

---

1. Khiết Đan là một nước ở phía bắc Trung Quốc, thường hay xâm phạm bờ cõi. Đời Tống Nhân Tông, quân Khiết Đan đến đóng sát biên giới và bắt nhà Tống phải cắt đất. Phù Bật được đi sứ, đã hết sức biện bạch, kết quả làm cho quân Khiết Đan phải lui và từ đó hai nước hòa bình được đến vài chục năm.

2. *Cương mục* chép là Duy Hiên.

Lúc Bắc Bình vương vào kinh đô, vua Lê trước sai các quan lần lượt tới yết kiến. Thấy thần sắc của Bắc Bình vương rực rỡ, nghiêm nghị, ai cũng run sợ, hãi hùng, riêng có Xán là tiến thoái như thường, không mất phong thể của bậc đại thần, Bắc Bình vương lấy làm lạ, đã mấy lần mời Xán đến, hỏi việc Bắc Hà. Hỏi đâu Xán đáp luôn đấy, nói như suối chảy, không có chỗ nào ngập ngừng, ấp úng.

Có lúc Bắc Bình vương cố ý hỏi vặn, nhưng Xán vẫn lật qua lật lại, tranh cãi nhiều lần, không mảy may chịu khuất phục.

Bắc Bình vương bảo với tả hữu rằng:

"Ta nghe Bắc Hà có nhiều nhân tài, nay tới tận nơi thì chỉ thấy Trần Công Xán là có khí sắc con người mà thôi!"

Công Xán vốn được Bắc Bình vương kính trọng là như vậy.

Xán đã từng làm thượng thư Bộ Hình, được vào chầu ở tòa Kinh Diên, rồi lĩnh chức Đồng bình chương quân quốc trọng sự trong triều đình, Xán là người cương trực, gặp việc có tài ứng biến, lại thêm có học thuật, vì vậy ai cũng tôn trọng. Xán lại là thầy học của Chỉnh. Mỗi khi Chỉnh có tâm sự gì, không thể nói với người ngoài thì không khi nào không hỏi Xán để quyết định. Vì thế, chuyến này Chỉnh mới xin vua để sai Xán đi.

Ngô Nho người làng Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên. Trước khi Xán làm đài quan [1] coi việc chấm thi, đã lấy Nho đậu tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785), nên Nho vẫn theo nghĩa thầy học mà đối đãi với Xán, thường đến nhà Xán luôn. Nho thấy Xán là người khảng khái, có khí tiết lớn lao, không thèm xu phụ quyền thế, nên hai bên thanh khí gặp nhau. Xán cũng yêu và trọng Nho, vì thế bảo Nho đi với mình.

Khi Nho mới nghe lệnh ấy, liền vào gặp Xán. Xán bảo Nho rằng:

– Nước địch đè lấn, tin báo ngoài bờ cõi đang gấp. Nay chỉ biết ra đi chưa biết ngày về. Tôi là đại thần của nước nhà, nghĩa phải ra đi, sống thác không cần tính đến. Ông mới làm quan, ngôi thứ còn thấp, ở nhà lại có mẹ già. Trung hiếu không thể vẹn cả đôi đường, hãy thử nghĩ cho kỹ, tôi không dám ép ông đâu.

Nho trả lời:

– Tướng công chịu ơn dày của nước, tôi thì chịu ơn tri ngộ cao cả của tướng công. Đại thần gánh việc cho nước nhà, kẻ sĩ chết vì người

1. Tức là chức ngự sử.

tri kỷ, đều là nghĩa phải như thế, ngoài ra không biết đến việc gì khác.

Xán mừng mà rằng:

– Mạnh mẽ thay! Kẻ sĩ như thế đáng gọi là "đạt" vậy.

Rồi đem Nho vào yết kiến vua. Vua cho Nho lạy ở nội điện và hỏi:

– Nhà ngươi đã ôm ấp kinh luân, từng trải việc đời, thử liệu xem chuyến đi này ra sao?

Nho tâu:

– Ngửa trông phúc lớn của nhà nước và mưu sâu của miếu đường, công việc xong xuôi tưởng cũng không khó. Vả lại lúc ấy đã có vị lương thần chuyên việc ứng đối, chắc sẽ không để nhục đến mệnh vua. Thần làm người giúp việc chỉ biết làm hết chức phận mà thôi.

Nhà vua gật đầu, rồi sai quan Bình chương Phan Lê Phiên cùng với Bằng công Nguyễn Hữu Chỉnh họp nhau bàn việc thảo quốc thư. Trong thư đại lược nói rằng:

"Nghệ An là đất nền móng trong cuộc trung hưng của bản triều, cùng với Thanh Hoa, đều là quận chân tay của nhà nước, quan văn tướng võ phần nhiều ở đó mà ra. Quân lính túc vệ cũng đều kén chọn đinh tráng ở xứ ấy mà sung vào. Nếu như dùng người mà bỏ đất, để họ cách trở quê hương, xa lìa thân thích, xét về nhân tình, rất là trái ngược. Đức vua quý quốc trọng điều tín nghĩa, hòa với láng giềng, "suy bụng ta ra bụng người", chắc rằng không việc nhỏ mọn nào mà không soi thấu, huống chi là việc rõ ràng như thế. Nghĩ lại đức vua quý quốc lúc mới ra Bắc, vốn lấy việc tôn phò làm nghĩa thứ nhất. Tiên đế lúc sinh thời, từng mời ngồi trên giường, cầm tay cùng trò chuyện. Tiếng ngọc còn văng vẳng bên tai, vội quên sao được? Kịp đến khi tiên đế tựa gối trối trăng mọi việc, ân cần lo cho kẻ tiểu tử này tuổi còn trẻ nhỏ, muốn nhờ vào phúc ấm của quý quốc, để làm nơi nương tựa. Gần đây nghe tin quý quốc sai tướng ra đóng ở Nghệ An, lòng người ngờ vực, có kẻ cho rằng đó là do bọn bề tôi ở biên giới gây việc, không phải bản ý của quý quốc vương. Đến lúc tiếp được bức thư tư ra, mới biết thật là vâng mệnh lệnh của quý quốc vương. Trong thư vin vào cớ mùa thu năm ngoái bản quốc đã hứa cắt đất khao quân. Kẻ tiểu tử này mới lên ngôi, chưa được rõ nguyên nhân việc trước, đã sai đình thần tra cứu lại cái ước cắt đất, thì là hai châu Bố

Chánh, Minh Linh [1], chứ không liên quan gì tới bờ cõi xứ Nghệ An. Vả lại, hồi đó đã vâng lời quý quốc vương dụ rằng: "quả là đất đai của nhà Lê, mọi tấc cũng không lấy". Nay nếu khao quân bằng đất thì không bằng khao quân bằng của. Vậy xin tính số thu nhập của đất ấy, dùng làm chi phí khao quân; rồi cứ hằng năm đưa đến biên giới, làm thành định lệ lâu dài. Xa trông quý quốc vương xét cho, để trọn tình hòa hảo của hai nước. Cả nước chúng tôi lấy làm may mắn!"

Thư thảo xong, đệ lên vua xem. Vua sai lấy ở kho nội phủ một số vàng, đoạn màu, và lụa vải thổ sản làm đồ biếu tặng. Rồi vời Trần Công Xán vào trước mặt để dặn dò và giao cho mang đi. Ngay hôm đó, bọn Xán lên đường. Trăm quan đều tiễn chân đến ngoài kinh thành. Riêng Nguyễn Hữu Chỉnh thì cùng Xán ngủ đêm ở chùa Thịnh Liệt. Xán bảo Chỉnh rằng:

– Bắc Bình vương là người hiểm sâu khó lường, chuyến đi này vị tất chúng đã tin theo. Nhưng tôi đã vâng mệnh nhà vua, thì cứ liệu chiều biện luận, liều chết mà cãi. Còn công việc phòng bị thì sau khi tôi đi, ông phải chú ý thêm, chớ có sơ suất. Dọc theo địa phận miền núi Thanh Hoa, phải gấp rút chia đồn đóng giữ các nơi hiểm yếu để phòng quân bộ. Cửa biển trong trấn Sơn Nam cũng nên đóng cọc ngang dòng sông, để chặn quân thủy. Nếu họ trái lời hẹn, mà tới đánh, thì ta đã có phòng bị trước. Không đến nỗi để việc tới nơi mới hấp tấp.

Chỉnh nói:

– Xin thầy cứ đi, không phải quá lo. Lời nói của thầy ai cũng nghe theo? Nếu không thì việc điều khiển quân lính của trò đây cũng chẳng kém ai. Vạn nhất có biến, há lại không làm nổi một trận sấm vang chớp giật, nghiêng biển, lật núi cho sướng bụng hay sao? Họ dù kiệt hiệt, cũng chẳng làm gì được.

Xán không cho lời nói của Chỉnh là phải.

Khi sứ thần đến đầu huyện Quỳnh Lưu thì có viên tướng do Võ Văn Nhậm sai ra đóng đồn ở đấy, đón vào trong đồn. Xem xét đồ vật xong rồi, y chỉ cho ba viên sứ thần và mười tám người tôi tớ cùng đi, còn bao nhiêu đều bảo về.

---

1. Bố Chánh này gồm các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa thuộc Quảng Bình, Minh Linh nay là Vĩnh Linh, Gio Linh thuộc Quảng Trị.

Đến doanh trấn Nghệ An, Nhậm sai thết tiệc khoản đãi, rồi thong thả hỏi Xán rằng:

– Quan văn quan võ ở Bắc Hà như cụ phỏng được mấy người? Vua Lê giao nước cho tên giặc Chỉnh, ý ngài tự nghĩ ra sao? Tôi nay đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước chém đầu giặc Chỉnh, sau hỏi tội vua Lê sao lại bội ơn dung nạp đứa làm phản? Rồi báo cáo rõ ràng với sĩ dân Bắc Hà, cho họ biết tại sao chúng tôi phải dùng quân? Vua Lê đã không giữ nổi nước nhà thì các trấn từ Thanh Hoa trở ra, chúng tôi không lấy, người khác cũng sẽ lấy. Nghệ An là một mảnh đất cỏn con, cắt hay không cắt có quan hệ gì đến việc mất còn của nước nhà mà phải đi xa xin xỏ cho mất công trèo non lội suối. Tôi chỉ e rằng con chim đã lìa tổ, đến lúc bay về lại không có cành đậu nữa mà thôi!

Xán im lặng, mọi người nghe nói đều sợ hãi. Đến lúc trở ra, Xán bảo Nho rằng:

– Người Tây Sơn hành binh như bay, tiến quân rất gấp. Xem họ đi lại vùn vụt mau chóng như thần, chống không thể được, đuổi không thể kịp, xưa nay chưa hề có giặc nào như thế. Ý tôi đã lo xa, phải đề phòng trước, lúc đi đã dặn ông Bằng phải như thế, như thế, không biết ông ấy có nhớ không? Nếu hơi chậm trễ việc sẽ không kịp.

Nói xong, than thở hồi lâu rồi đi. Nho bèn nói với Xán rằng:

– Xem mưu kín của chủ tướng họ, thì việc thôn tính nước mình họ đã sắp đặt sẵn. Việc tôn phù năm trước chẳng qua chỉ mượn cớ mà thôi. Bọn lang sói vốn sẵn bụng ác, quyết không thể nói bằng nhân nghĩa. Bây giờ khi xe sứ thần đã ra khỏi bờ cõi, kinh thành sắp bị nạn binh đao, sự thể quá gấp, phải tính đường quyền biến để làm cho được việc, không nên câu nệ và xem ông Bằng từ khi đắc chí đến nay, đai vàng ngang lưng, bộ dạng nhởn nhơ tự đắc, không còn như hồi trước "nhá rễ cây mà làm nên việc". Tôi e rằng ông ta luýnh quýnh ra trận thế nào cũng bị Võ Văn Nhậm bắt mất. Lúc đó vua ta đi hay ở lại, e cũng chưa dám chắc. Chúng ta phải trù tính ngấm ngầm thế nào để xoay lại then máy, may ra mới có thể cứu vãn được. Chỉ cần cho nước được yên, dù có tự tiện cũng không hề gì. Nếu cứ vâng theo chỉ cũ cứ tranh cãi về việc Nghệ An, thì đúng như người ta vẫn nói: "Cướp đã vào nhà còn sửa phên dậu". Như thế thật là thất sách. Vậy xin chữa lại quốc thư để mang đi.

Xán nói:

– Chữa! Chữa như thế nào?

Nho nói:

– Chữa rằng: "Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê không còn nước. May nhờ quý quốc vương tôn phò. Nếu trời còn phù hộ nhà Lê, tiên đế đâu đến nỗi qua đời. Tôi là cháu kế tự còn nhỏ tuổi, nghĩ rằng gánh vác không nổi, để nhục cho xã tắc. *Kinh Thư* có chữ "làm khách". *Kinh Thư* nói rằng "có khách" [1] đều là việc đời xưa. Kính xin cắt cho một phần đất để được nối đời thờ phụng tổ tiên. Thật là thuận mệnh trời để mà sống còn, cầu lòng thương của trời về dài lâu vậy!" Nếu họ chỉ muốn giữ nước, không có bụng làm hại mình, thấy nói như thế chắc hẳn phải mừng rỡ, thế nào họ cũng thả sứ thần về nước và chia đất cho ta. Nhân thế ta có thể khuyên vua ta hãy tạm ở đất ấy. Họ không có lòng ngờ ta thì sẽ không dòm ngó nữa. Bấy giờ ta sẽ lo tính dần dần như vua Thiếu Khang ở Luận Ấp, vua Câu Tiễn ở Cối Kê, tự nhiên sẽ có ngày trung hưng. Nếu không thế, họ đã tức giận mà ra tay hung tàn, thì bọn mình chỉ làm ma biển khơi. Điều đó tuy chẳng đáng kể, nhưng vua ta sau khi phiêu bạt, long đong không còn tấc đất để nương tựa, thì dẫu đến tài như Khổng Minh cũng khó lòng mà trở tay.

Xán nói:

– Không được! Ông Bằng theo việc quân từ lúc đầu còn để chỏm, là tay lão luyện trong chốn trận mạc, nếu như đô thành mắc nạn binh đao, tưởng cũng không đến nỗi khốn đốn lắm. Hai nước đánh nhau, chưa biết ai thua ai được. Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra khỏi cõi mà đã chữa quốc thư, mạo lời chúa, chẳng những bị tội với nước mình, mà nếu bên địch khám phá ra chỗ lừa dối đó, họ cũng không dong mình; tai vạ càng lớn, tiếng cười không biết đến bao giờ mới hết. Chi bằng cứ minh bạch mà làm, việc thành hay bại là tại ông trời, ta có lo gì.

Từ đó Nho không dám nói nữa.

1. Hai câu này đều có nghĩa là muốn nhường nước cho người khác. Ở đây, tỏ ý nhường cả nước cho Tây Sơn, và chỉ xin cắt lại một mảnh đế vua Lê lấy chỗ thờ cúng tổ tiên mà thôi.

Khi đến Phú Xuân, các sứ thần bày lễ vật vào yết kiến Bắc Bình vương. Xán trình quốc thư lên. Bắc Bình vương xem qua một lượt, rồi vứt thư xuống đất mà nói to:

– Thư này ai làm? Nói ra toàn điều vô nghĩa lý. Người Bắc quen dùng lời lẽ để dử người. Ta không phải trẻ con mà lừa dối được đâu!

Xán vẫn không đổi nét mặt, ung dung trả lời:

– Xin Đại vương hãy bớt giận, để tôi nói rõ. Nếu muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một lời rồi chết.

Bắc Bình vương vốn trọng Xán, liền đổi nét mặt mà rằng:

– Ngày xưa ta vượt biển ra Bắc, phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều chịu bó tay, không ai dám làm gì. Lúc bấy giờ nếu ta chiếm giữ đất nước, xưng đế, xưng vương, gì mà chả được? Nhưng vì ta xa mến đức của tiên đế, nên đem cả cõi đất nguyên vẹn trả lại ngài. Cơ đồ thống nhất đều do tay ta gây dựng lại. Bắc triều lại dùng chế sách "Thượng công" để đền đáp ta. Chẳng biết "Thượng công" là danh hiệu gì? Đối với ta có thêm được cái gì không? Kịp đến khi tiên đế chầu trời, lễ cả sơn lăng, ta giúp đỡ cho; tự vương nối ngôi, lễ lớn sách lập, ta chủ trương cho. Nay không cảm ơn những việc của ta làm, lại chứa chấp kẻ phản ta, chống cự với ta, mưu đồ giành lại đất Nghệ An. Xử sự như thế, nhân tình có ai mà nhịn được không? Ta đã phái ra hai vạn binh mã, sai tả quân Võ Văn Nhậm thống lĩnh, thẳng tới Thăng Long, chặt đầu cha con giặc Chỉnh về dâng. Chắc rằng khi Chỉnh nghe tin quân ta kéo ra, thế nào cũng kèm tự tôn bỏ chạy. Bấy giờ ở dưới gươm đao, ngọc đá lẫn lộn, không biết tự tôn có giữ được yên lành hay không? Nếu có làm sao, người trong nước lại quy oán về ta thì thật phiền.

Xán thưa:

– Xưa đức Lê Thái Tổ dẹp yên quân Ngô, mở mang nước nhà, công đức như trời. Vua Thánh Tông tự mình làm nên thái bình, rạng danh đời trước, mở rộng về sau. Từ núi Thạch Bi ra Bắc, từ dãy Đại Lĩnh [1] vào Nam, đều làm tôi làm dân, ai ai cũng phải tôn kính, trải qua hàng trăm năm. Họ Mạc tiếm ngôi, cả nước đều giận. Đấng tiên vương hội họp những người đồng chí, dựng lại họ Lê. Họ Trịnh nối theo cũng vì có công phò Lê, cho nên mới sai bảo được bốn phương và được mọi người hưởng ứng. Từ mấy đời nay, chúa Trịnh tuy là hiếp

---

1. Thạch Bi ở Quảng Nam. Đại Lĩnh ở Khánh Hòa.

chế vua Lê, nhưng chính sóc không thay đổi, chuông khánh vẫn ở đấy,[1] thiên hạ vẫn là thiên hạ của nhà Lê. Đại vương ruổi xe một mạch, thẳng đến kinh thành, tuy rằng oai danh đã vang dậy khắp nơi, nhưng cũng do lấy nghĩa cả tôn phò, khiến người ta tín phục, mới được như vậy. Nếu không, việc vào nước người ta, đâu có dễ dàng như thế. Tiên đế thoạt thấy đại vương, tiếp đãi rất long trọng. Trước ban sách mệnh làm tước công, rồi sau sẽ phong vương, đó là tiền lệ cũ của bản triều, không phải trả ơn không hậu, chớ nên như thế mà cho là bạc. Một nước đã trải ba trăm năm, trời cao chứng giám, lòng người tôn sùng. Đại vương đem cả cõi đất trả lại nguyên vẹn, là để thuận ý trời, chiều lòng dân, chưa có thể lấy đấy làm ơn. Tiên đế mất đi, hoàng thượng nối ngôi, mọi việc đều bẩm trước với đại vương. Đại vương không làm chủ thì ai làm chủ nữa, lý đã đến thế, dừng cũng chẳng được. Tôi không dám khen ngợi để dâng lời ton hót. Đại quân về Nam, Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi theo, đại vương để hắn lại Nghệ An, sao lại bảo hắn làm phản? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, bản triều phải giữ gìn bờ cõi, sao lại nói là tranh giành? Đại vương phái binh mã ra, nếu là để thăm hỏi, bản triều đã có lễ nghênh tiếp. Bằng không, thì như người xưa đã nói: "Nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ". Tôi nay đã ra khỏi bờ cõi, việc ấy không còn dám biết đến. Tự hoàng của nước tôi, trời đã sai làm vua, đế vương có chân mệnh, gươm đao cũng phải lựa chọn, đại vương chớ có lo. Nếu như đại vương cứ thuận lẽ trời mà làm, gây lại nước đã suy, nối lại họ đã dứt, để cho dân trong cả nước ai chẳng cảm đội công đức, còn có oán gì? Nhược bằng làm trái lại, thì sự thể thay đổi khác thường, tôi đây ngu dại, không thể nào mà thấy trước được.

Xán cứ cãi đi cãi lại mãi, không chịu khuất phục một lời nào. Đến lúc trời sắp tối, Bắc Bình vương bảo:

– Hãy ra nhà trọ mà nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ!

Xán nói:

– Nghĩ lắm luẩn quẩn lại dễ lầm lẫn, một chết là xong!

Bắc Bình vương nổi giận, sai đem Xán vào ngục. Bọn Án và Nho

1. Chính sóc là ngày mồng 1 tháng Giêng; xưa các vua sáng nghiệp khi lên ngôi thường đổi chính sóc, đây mượn ý đó để nói đến quyền vua. Chuông khánh là những đồ thờ của nhà vua; đây ý nói miếu đường của nhà vua vẫn tồn tại.

cũng đều bị chia ra giam ở các nơi khác.

Xán vào ngục, cười nói như thường. Bắc Bình vương sai người đến dò, thấy Xán viết ở chỗ giam đôi câu đối như sau:

Đạt đức hữu tam, túng vị năng chi, nguyện học.
Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vưu? [1]

Tư mã Ngô Văn Sở xin giết chết bọn Xán. Bắc Bình vương còn tiếc tài của Xán, bèn bảo Trung thư Lê Văn Kỷ và viên quan bộ Lễ là Vũ Văn Trụ rằng:

– Nhân vật Bắc Hà, Xán cũng vào bậc giỏi đấy! Ta muốn thu phục hắn để dùng, nhưng mà chắc hắn không chịu. Các người thử hiểu dụ hắn một phen nữa xem sao?

Hai người bèn đến chỗ giam Xán, thấy Xán mang gông nằm sấp, liền nói:

– Ông già sao lại tự mình làm khổ mình như vậy?

Xán trả lời:

– Cũng là số mệnh đấy thôi!

Kỷ nói:

– Quân tử có khi không cần theo số mệnh, chế ngự được số mệnh là cốt ở mình. Ví như đánh bạc, đồng tiền một sấp một ngửa; ta theo kẻ được mà đánh, thiên hạ sẽ khen ta là người đánh bạc giỏi.

Xán nói:

– Bởi thế cho nên đó chỉ là phường cờ bạc, chứ không phải đạo của người quân tử. Tôi nghe nói: "Kẻ làm bề tôi phải chết vì chữ trung". Đấy là lời dạy của người xưa!

Hai người biết là không thể làm lung lay được ý chí của Xán, liền đi ra và nói với nhau:

– Nhà Hán có Tô Tử Khanh, [2] nhà Lê có Trần Công Xán. Đáng thương, nhưng cũng đáng ghét thay!

Vừa gặp lúc đó, vua Tây Sơn gửi thư ra kể tội lỗi của Bắc Bình vương và sắp phái quân tới đánh. Tướng sĩ dưới cờ của Bắc Bình

---

1/ Nghĩa là: Đạt đức có ba, dù chẳng làm nên, xin học. Tiểu tâm như một, noi theo chí cũ, oán gì?

2. Tức Tô Vũ đời Hán Võ Đế. Khi đi sứ Hung Nô, Tô Vũ bị Hung Nô giữ lại, bắt nuôi dê ở Bắc Hải 19 năm ròng, mà Tô Vũ vẫn giữ khí tiết không chịu khuất phục.

vương có kẻ trốn đi, Bắc Bình vương liền bảo Trần Văn Kỷ rằng:

– Nay nước ta có việc lôi thôi, lòng người còn phân vân. Việc biến trong nhà không nên để nước láng giềng nghe biết. Sứ Bắc ở đây, tai vách mạch dừng. Họ ở xa đến dò xét ta, giữ họ ở lại thì họ biết rõ tình hình trong nước, hoặc giả nhân đó họ xúi giục, gây ra việc không hay. Thả họ về thì lại bị họ rêu rao làm lộ việc, người Bắc Hà mà biết, thì lại sinh lòng khinh rẻ ta. Bởi thế, ta định ném bọn họ xuống biển, để cho hết tiếng tăm dấu vết, vậy cứ theo chước đó mà làm.

Rồi Bắc Bình vương sai đô đốc là Võ Văn Nguyệt sắp sẵn vài chiếc thuyền biển, nói phao là đưa sứ thần về Bắc.

Lúc bọn Xán vào từ giã, Bắc Bình vương nói:

– Các ông hãy về trước, chờ lúc tôi ra ngoài ấy vời vào gặp mặt, sẽ có cách xử trí việc Nghệ An.

Rồi Bắc Bình vương lại đem tặng họ một trăm nén bạc và bảo:

– Đây là của công chúa gửi tặng, các ông đừng chối từ.

Tiếng gọi là đưa họ về, nhưng thật ra Bắc Bình vương đã ngầm bày mưu cho Nguyệt, người ngoài không ai được biết.

Tháng ba, mùa xuân năm Đinh Tỵ (1787), thuyền từ cửa Tư Dung [1] giương buồm ra đi, không mấy ngày đã đến cửa biển Đan Nhai thuộc trấn Nghệ An. Nguyệt cùng bọn sứ thần ghé thuyền vào bờ, rồi cùng lên bộ.

Lúc ấy có người học trò cũ của Xán là giám sinh Nguyễn Hiên, người huyện Chân Lộc, nghe tin thầy học được về, vội mừng rỡ đến chào. Chợt thấy nét mặt Nguyệt có vẻ khác thường, Hiên ngầm đoán được ý của hắn, bèn nói kín với Xán hãy xin đổi đi đường bộ.

Nhưng Nguyệt nói:

– Tôi vâng mệnh đưa sứ giả đi đường biển, thuận tiện mà ổn thỏa, không nên đi đường bộ, trèo non vượt suối vất vả.

Rồi đó, cả bọn lại lên thuyền ra biển.

Vừa ra đến ngoài khơi, Nguyệt liền bảo bọn lái thuyền đục thuyền cho nước vào, dìm cả bọn sứ thần xuống biển. Hiên đứng trong bờ trông xa xa gào khóc hồi lâu mà về. Hôm ấy nhằm ngày 11

---

1. Thuộc Thuận Hóa, nay là cửa Tư Hiền.

tháng 4, mùa hè năm Đinh Tỵ (1787).

Xong việc, Nguyệt lại ghé thuyền vào bờ, nói phao cho trong ngoài biết rằng, thuyền gặp sóng gió bị đắm, để tránh cái tiếng giết hại sứ giả. Lúc bấy giờ, có người làm hai câu thơ rằng:

Tên lưu vũ trụ bia ngàn thuở.
Nghĩa nặng cương thường biển vạn năm.

Từ lúc bọn Xán đi Nam, Chỉnh cho rằng thế nào việc cũng xong, nên đã nói toạc ra ở triều rằng:

– Tình hình Tây Sơn như ở trong tầm con mắt của ta. Họ sẽ mừng là ta đã không gây sự, để họ có thể chuyên tâm vào việc nước họ. Hiện nay cuộc nội biến của họ đang rối ren, thì giờ đâu mà lo việc bên ngoài. Còn Võ Văn Nhậm thì chơ vơ ở Nghệ An, ngoảnh về bên trong không có quân cứu viện, có làm được gì? Bắc Bình vương thấy thư của ta đưa đến, thế nào cũng mừng mà nghe theo, xin đừng lo gì việc miền Nam!

Vì thế, những lời Xán dặn lúc ra đi, Chỉnh đều không để ý tới, chỉ tâu xin cho Nguyễn Duật làm trấn thủ Thanh Hoa mà thôi.

Lúc Duật sắp đi, Chỉnh dặn rằng:

– Nên giữ gìn bờ cõi cẩn thận, chớ có sinh sự để bên địch nghi ngờ. Đợi khi Trần Bình chương trở về, sẽ dời vào làm trấn thủ Nghệ An, sửa lại lũy cũ ở Hoành Sơn, giữ vững bờ cõi để làm chước lâu dài.

Quan Bình chương Phan Lê Phiên nghe được chuyện ấy, liền đến nhà Chỉnh mà nói:

– Ông Trần đã già dặn việc đời, xét đoán công việc rất nhanh. Ngày thường ông ấy bàn bạc tính liệu như thần, đến lúc sự việc xảy ra, không việc gì là không đúng. Ông chớ nên xem thường!

Chỉnh cũng không cho là phải. Phiên ra ngoài nói với người bạn đồng liêu là Trương Đăng Quỹ rằng:

– Ông Bằng vốn có tiếng là biết việc binh, thế mà không nghe lời can, coi thường quân giặc, sợ rằng quốc đô mới qua một cuộc tàn phá, không thể chịu nổi một trận giày đạp nữa. Chúng ta gánh vác chức phụ bật đã lâu, nếu "đổ mà không giữ, nguy mà không phò" thì còn dùng hạng tướng quốc như chúng ta làm gì?

Hai người than thở cùng nhau hồi lâu, rồi Phiên nói:

– Nghĩ lại công đức của tiên đế rất lớn, mà nay ngài chưa có miếu hiệu, không bàn định cho kịp lúc này, rốt cuộc điển lễ vẫn thiếu.

Hai người bèn cùng bàn với các quan, dùng sách vàng tôn xưng tiên đế làm Vĩnh hoàng đế, miếu hiệu Hiển Tông. Rồi tâu với vua xin làm lễ cáo miếu.

Chỉnh nói:

– Theo lễ, việc tôn xưng miếu hiệu phải chờ sau ngày đại tường, khi đã rước linh vị vào miếu rồi mới cử hành, làm gì mà gấp thế?

Phiên nói:

– Việc đời chưa biết thế nào, bây giờ chính là lúc cần phải tôn mỹ hiệu của tiên đế cho xong ngay đi!

Chỉnh nghe nói cũng im lặng.

Lại nói, lúc Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào kinh, Án Đô vương Trịnh Bồng chạy qua sông, sang trấn Kinh Bắc, vào tạm lánh ở làng Quế Ổ. Ở đấy có viên võ biền tên là Nguyễn Đình Toại [1] vâng mật chỉ của chúa kêu gọi các thổ hào vùng Thuận Thành, Từ Sơn chiêu mộ quân nghĩa dũng, mưu đồ đánh Chỉnh để dẹp yên nạn nước và khôi phục nghiệp cũ. Rồi đó, Toại lại đưa hịch cho các phiên thần ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, bảo họ họp quân lại, làm việc cần vương.

Chỉnh thấy vậy, luôn luôn tỏ ý muốn đánh, nhưng vì có Dương Trọng Tế chiếm giữ huyện Gia Lâm, đắp lũy chống nhau với Chỉnh, đường đi còn bị ngáng trở một lối, nên Chỉnh đành phải tạm gác việc ấy lại chưa làm vội. Kịp đến khi Trọng Tế đã bị giết, Chỉnh bèn hối hả cho việc đánh chúa Trịnh là điều cần thứ nhất, liền tâu xin tự mình đem quân bản bộ tiến đánh.

Vua Lê nghĩ chúa Trịnh vốn có lòng kính thuận, không nỡ đánh, vả trong bụng đang hết sức ghét Chỉnh, không muốn cho hắn đắc chí, sợ sẽ thành cái thế lấn át vua, nên muốn ngăn việc ấy lại. Nhưng rồi khó nói ra lời, nhà vua bèn sai viên nội hàn là Vũ Trinh tuyên rõ chỉ ý của vua và truyền cho Chỉnh biết rằng:

– Gia đình họ Trịnh trải qua nhiều đời, thực có công lớn, nếu để người như Tử Văn mà phải tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều

---

1. *Cương mục* chép là Nguyễn Trọng Toại.

thiện?[1] Chi bằng trước hãy làm bài cáo văn hiểu dụ rõ đường họa phúc cho y. Nếu y cứ u mê không tỉnh, sau đó ta hãy đem quân đánh. ta cứ giữ niềm trung hậu, để cho người ngoài không nói vào đâu được, há không hơn hay sao?

Chỉnh không nghe, nói:

– Nếu tôi không đem quân ra, để cho việc Trọng Tế giúp chúa được thành, xem y có xử hậu với hoàng thượng không? Anh hùng làm việc, há lại theo lòng nhân đức của đàn bà?

Rồi Chỉnh cố xin ra quân, vua Lê bất đắc dĩ phải cho Chỉnh đốc suất các quân qua sông, thuyền bè chật cả mặt nước, khí thế rất là lẫm liệt đáng sợ.

Chúa Trịnh nghe tin, vội vàng sai Toại đốc suất người trong họ ở Quế Ổ làm quân tiền phong, thổ hào Yên Dũng là Nguyễn Trọng Linh làm tướng chống bên tả, thổ bào Gia Bình là Trần Quang Châu làm tướng chống bên hữu, bày trận chờ sẵn.

Quân Chỉnh tới nơi, hai bên đánh nhau từ sáng đến trưa, chưa phân được thua; sau đều rút quân để nghỉ ngơi.

Chỉnh sai người đưa tờ chiếu của vua tới dụ chúa, khuyên nên quy thuận, không nên chống cự. Chúa cười mà nói:

– Hữu Chỉnh đến đây lần này, ý muốn bắt sống ta, nuốt trôi, chắc không chịu nhả ra. Nay lại lấy lời ngon ngọt dỗ ta, thằng nghịch tặc này quỷ quyệt đáng ghét thật. Tuy vậy, hắn đã mượn mệnh lệnh hoàng thượng đưa lại, ta không thể im lặng không trả lời.

Chúa bèn tự thảo một tờ biểu trần tình, kể tội ác của Chỉnh và nói nhân dân ai cũng nghiến răng tức giận, xin hãy giết Chỉnh đã, rồi sẽ về triều, lời lẽ có nhiều câu gay gắt.

Thật là:

Sống mái ngoài đồng còn chửa quyết,
Trai cò trong ruộng vẫn giằng co.

Chưa biết thua được ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Tử Văn tên thật là Đấu Cốc Ô Đồ, người đời Xuân Thu, làm quan nước Sở, có công lớn trong việc trị nước. Sau người em họ là Đấu Việt Thục làm loạn, đáng lẽ phải tru di cả họ; nhưng Sở Trang Vương tha tội cho người cháu của Tử Văn, và nói: "Người như Tử Văn mà bị tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều thiện".

HỒI THỨ MƯỜI

Lân Dương hầu phò chúa vượt biển đến Yên Quảng
Bằng công Chỉnh mời vua qua sông đi Lạng Sơn

Lại nói, Chỉnh thấy lời lẽ trong tờ biểu, gọi mình là giặc, thì giận đùng đùng, vung gươm quát to:

– Cái quân mất nước kia mà chưa biết sợ, còn dám múa bút khua lưỡi để lừa người trong nước! Hôm nay ta thề với hắn một sống một thác. Tướng sĩ các ngươi đều phải trông cờ nghe trống, ra sức xông vào trận mạc, chỉ có tiến không có lùi. Kẻ nào không nghe mệnh lệnh đã có thanh gươm này!

Rồi Chỉnh mặc đồ trận, lên mình voi, cầm lá cờ đỏ vẫy các quân sĩ tiến về phía trước.

Nguyễn Như Thái tế ngựa vào trận hò reo "giết giặc".

Súng nổ, cung bắn, tên đạn bay tới tấp như mưa rào.

Quân bên tả của chúa chống không nổi cơ hồ sắp vỡ. Chúa bèn sai đội tiên phong hợp với hai đội tả hữu vừa đánh vừa lui vào lũy, rồi chia quân để cố thủ.

Chỉnh dàn quân giáp liền với lũy, bốn mặt đánh vào, suốt nửa ngày không lấy được lũy. Đến tối, mưa dầm rả rích, gió thổi ào ào, trời đất đen ngòm, cách gang tấc không trông thấy gì. Chỉnh hạ lệnh cho quân lính vây sát lũy của chúa. Chúa bèn chia quân làm ba toán. Những người dũng cảm thì làm hai cánh quân trước và sau, do Toại và Châu đốc suất. Những người già yếu thì cho làm cánh giữa, chúa tự dẫn đi.

Đêm đã yên lặng, chiêng trống im bặt, đèn lửa tắt hết. Ngoài lũy súng bắn liên thanh không ngớt, mà trong lũy im lặng như tờ, Chỉnh sai quân do thám ngầm đến dưới lũy nghe ngóng, hình như trong lũy không có người, nhưng cũng không lường được hư thực ra sao.

Đến canh tư, mưa và sấm sét lại nổi lên dữ dội.

Chúa sai mở rộng cửa lũy, bảo Toại, Châu ra trước, mỗi người đem năm mươi tên dũng sĩ, đánh thẳng vào doanh của Chỉnh; Toại đánh mặt tả, Châu đánh mặt hữu, mở một đường ở giữa. Tiếp đó chúa dồn quân ra, nhằm phía Đông mà chạy, để Toại và Châu làm đội chặn hậu.

Đêm ấy, quân của Chỉnh không phân biệt ai với ai, bắn nhau đâm nhau lộn bậy. Sáng ra mới biết rõ sự thật, thì đuổi theo không kịp nữa rồi. Chỉnh dồn quân vào lũy, chỉ thấy nhà cửa rỗng, sai quân tìm kiếm khí giới lương thực, chẳng được gì hết. Chỉnh rầu rầu không vui liền rút quân về kinh.

Chúa Trịnh chạy đến Hàm Giang, nương tựa vào Đinh Tích Nhưỡng. Bao nhiêu quân lính già yếu, chúa đều cho về, chỉ để hai tướng Châu, Toại và hơn một trăm thủ hạ ở lại với mình, Nhưỡng sai dọn riêng một trại để cho chúa ở.

Tính Nhưỡng nóng nảy, lại không thông thạo nghề làm tướng, và cũng không phải thật thà có lòng trung nghĩa. Lời nói, việc làm thường ngày của Nhưỡng cũng đều là giả dối, cốt lấy tiếng mà thôi. Từ khi xuất thân tới nay, Nhưỡng chỉ quen thủy chiến, chứ chưa từng đốc suất lính bộ. Sau trận thua ở Kim Động, Nhưỡng bỏ hết thuyền bè, thất thểu chạy về miền Đông, giữ trấn thành Hải Dương. May nhờ ở đấy sẵn có quân lương, nhưng Nhưỡng không khéo vỗ về trăm họ, lại thả lỏng cho bộ hạ cướp bóc xóm làng, nên dân chúng hai phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng đều căm giận. Hào mục các nơi hùa nhau nổi lên đánh lại, Nhưỡng phải bỏ thành chạy về Hàm Giang. Khi nghe tin Tây Sơn đã về Nam, Nhưỡng lại kéo quân vào kinh, định mưu lập Quận Thụy để chống vua Lê. Đến khi Quận Thụy thua chạy, Nhưỡng bất đắc dĩ lại phải bám vào Quận Côn tức chúa Trịnh Bồng. Lúc nghe tin Chỉnh lại ra Bắc, sợ Chỉnh không dong mình, Nhưỡng bèn dẫn quân về đông, xin lĩnh hai trấn Hải Dương, Yên Quảng để tránh tai vạ. Khi chúa chạy về Quế Ổ, Nhưỡng vẫn vẫy vùng ở phía Đông chưa hề lần nào đến thăm chúa. Đến lúc này, chúa đến Hàm Giang, Nhưỡng luôn luôn tỏ vẻ nhạt nhẽo, lễ ý xem chừng cũng đơn bạc. Toại và Châu đêm ngày ở bên cạnh chúa. Đối với Toại thì Nhưỡng ghen ghét là con nhà tướng; đối với Châu thì Nhưỡng khinh rẻ là kẻ bạch đinh. Hai người do biết ý Nhưỡng, sợ có điều gì bất trắc, nên đều từ giã chúa và ra đi cùng một ngày.

Chúa khóc lóc tiễn đưa hai người và nói:

– Tục ngữ có câu: "chết đuối vớ phải bọt", bám cũng không được, chẳng bao lâu nữa ta cũng đi thôi, giữ các ngươi lại làm gì cho nhục!

Chúa ở lại hơn mười ngày. Nhưỡng không hề nói đến việc quân, việc nước. Chợt một đêm, Nhưỡng tới chỗ chúa ở mà nói:

– Trời thanh trăng sáng, vẻ thu rất đẹp, thần đã đem rượu lên thuyền chờ đợi, xin chúa đi chơi một lúc, ngắm xem phong cảnh, cho khuây nỗi buồn.

Chúa tỏ vẻ sầu não mà rằng:

– Phong cảnh vẫn như thường mà ngước mắt thấy non sông khác lạ. Ta chưa giết được quân thù, không nên quên ngồi trên áo giáp. Bơi thuyền uống rượu không phải là việc của ta ngày nay. Tướng quân hãy đi mà chơi!

Sau khi Nhưỡng đi, chúa rầu rầu tựa ghế, bảo bọn người hầu:

– Quan võ đều không thể trông cậy, hoặc giả bọn quan văn có khá hơn chăng?

Chúa bèn viết bức thư sai người ngấm ngầm đưa cho quan Bình chương là Trương Đăng Quỹ. Thư nói rằng:

"Kiếp này sinh ra lỗi thời, gặp lúc nhà nước lắm nạn; lạm dự vào dòng đích của nhà chúa, rất lo cho việc tôn miếu xã tắc. Dâng biểu trần tình, may được hoàng thượng cho về triều kiến. Lúc mới về, chí muốn giữ lấy việc thờ phụng tổ tiên cho tròn đạo hiếu, thực không có bụng chuyên quyền giữ nước. Sự thế đổi thay, lại bị chư tướng ép buộc, thành ra trái ý hoàng thượng. Lúc Chỉnh vào kinh, cung khuyết liền bị tiêu hủy. Con chim bị cháy tổ, bay quanh không biết nương nhờ vào đâu. Vì thế phải phiêu bạt giang hồ, không dám về nơi kinh khuyết. Nay Quế Ổ, mai Hàm Giang, chỉ vì lo tìm nơi trú ngụ, bèn vướng lấy hình tích chống chế triều đình, khiến kẻ ghét mình có cớ mà nói. Mảnh lòng kính thuận, không có cách nào thấu đến bề trên. Ông hãy dùng lời lẽ khéo léo, tâu bày giúp cho. Lần này, dù tiến dù lui, tùy theo mệnh lệnh của hoàng thượng".

Quỹ tiếp thư ấy, liền đem tâu vua. Vua ngậm ngùi mà rằng:

– Tấm lòng thật thà của chúa, trẫm đã lường biết. Chỉ vì không khéo xử sự trong lúc gặp biến cố nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã nghĩ lại và biết hối lỗi, trẫm sẽ có cách đối đãi, chẳng những giữ được dòng dõi, mà cũng không mất địa vị giàu sang.

Luôn dịp, vua Lê bèn sai Quỹ làm sứ thần đi nghênh tiếp, đón chúa về triều.

Lúc đó, chúa ở Hàm Giang, nghe nói Nhưỡng và Chỉnh ngấm ngầm thông tin tức với nhau, ngờ rằng bọn chúng có mưu đồ gì khác, liền than rằng:

– Đây không phải là chỗ yên lành có thể ở được. Ta thà vượt biển vào núi còn hơn là ngồi lại mà chịu nhục.

Rồi chúa sai người hầu bí mật mượn mấy chiếc thuyền buôn, đang đêm đem cả đồ đảng, thuận gió giương buồm chạy thẳng tới Sơn Nam. Sáng ngày Nhưỡng mới biết, rất lấy làm kinh sợ mà nói:

– Chúa đi sang Nam mà không báo cho ta biết trước, phải chăng là có ý ngờ ta? Nếu không theo chúa, lòng này không sao bộc bạch ra được, thiên hạ sẽ cho ta là người thế nào?

Tức thì, Nhưỡng cũng cưỡi chiếc thuyền binh chạy theo chúa.

Chúa đến huyện Chân Định thì có Phạm Tôn Lân [1] lên thuyền yết kiến.

Lân quê ở làng Bác Trạch, huyện Chân Định, [2] vốn dòng dõi thế phiệt; ông tổ đời trước là Phạm Tôn Nhậm, một danh tướng của Trịnh Doanh, khoảng đầu niên hiệu Cảnh Hưng từng lập được nhiều chiến công, trong quận ấp ai cũng kính phục. Tính Lân hào hiệp, khách ăn trong nhà thường có hàng trăm, khí giới cất giấu đầy đủ. Trong đám thổ hào của trấn Sơn Nam Hạ, Lân là bậc nhất.

Lúc ấy gặp chúa, Lân bàn việc binh cùng chúa, và vạch chước tiến thủ. Chúa rất vui mừng và nói:

– Tiếc rằng ta gặp ngươi muộn quá! Người hãy gắng giúp ta để nối công đức của tổ tiên ngày xưa.

Lân nói:

– Thần vốn không tài gì. May được nhờ oai linh của chúa, dám đâu không hết lòng hết sức.

Rồi đó, Lân mời chúa về nhà, nhóm họp đồ đảng, hộ vệ cho chúa.

Hôm sau, Nhưỡng cũng đã theo đến nơi. Trước hết, Nhưỡng sai người đưa một tờ khải cho chúa, trong nói:

---

1. *Cương mục* chép là Phạm Đình Thiện.

2. Nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

"Nhà thần bao đời được đội ơn dày, một lòng với nhà chúa. Nay thần với Chỉnh, nói về tình tuy có quen thuộc, nhưng nói về thế thì không thể nào đứng đôi. Cả nước ai cũng biết điều đó, thần dám có lòng nào để nhục đến tổ tiên đời trước, xin chúa soi xét cho, khiến thần có thể lập được chút công, bù lại lỗi trước..."

Chúa xem khải rồi hỏi ý Lân, Lân vốn nghe tiếng tăm của Nhưỡng, thường coi là tay cự phách xứ Đông, nay may được chung sức làm việc thì rất lấy làm mừng, nên cố khuyên chúa đem lòng thành thực mà dùng Nhưỡng để thêm thế lực. Chúa nghe lời, Lân lập tức tự mình ra đón Nhưỡng cùng vào gặp chúa. Do đó, hai người rất là tương đắc. Họ liền đưa hịch đi các phủ Thái Bình, Kiến Xương, Thiên Trường [1], hẹn cùng dấy quân đánh Chỉnh. Trong khoảng mười ngày, người theo về có đến vài vạn. Họ định cùng tiến quân, thuyền bè đầy sông, thanh thế lừng lẫy, xa gần đều hưởng ứng. Nhiều người cho rằng, nghiệp chúa có thể tính ngày mà khôi phục. Con em nhà quan lúc trước, như bọn Đoàn Nguyễn Tuấn, Phạm Giáp, Nhữ Công Liên, Đào Nhữ Toản cũng đều chiêu mộ người làng đến họp. Các xứ Đông Tây cùng nổi dậy trong một lúc.

Bấy giờ Trương Đăng Quỹ vâng mệnh đi đón chúa, đến huyện Tiên Hưng, đường bị nghẽn, phải trở lại.

Vừa lúc ấy có người từ kinh thành tới yết kiến chúa, nói rõ việc Chỉnh chuyên quyền kiêu ngạo, lòng người không phục vua cũng nghi kỵ, và khuyên chúa nên kịp tiến binh đánh Chỉnh. Chúa nói:

– Ta có viên tướng cũ là Bùi Nhuận, hiện ở kinh thành, coi quân Kim Ngô, lĩnh chức tứ thành đề lĩnh, có thể bảo y làm nội ứng. Chức trách của Nhuận là việc tuần phòng, chắc không ai nghi ngờ.

Rồi chúa bèn sai người đưa tờ chỉ bí mật cho Nhuận, nói về việc ấy.

Tiếp chỉ, Nhuận liền bàn với thân tín đổi hết các quân canh giữ cửa ô. Con Hữu Chỉnh là Bái Xuyên hầu dò biết việc đó, lập tức sai quân bắt Nhuận; rồi sai tướng của Chỉnh là Nguyễn Viết Tuyển hiện làm chức trấn thủ Sơn Nam đem quân đánh chúa.

Lúc lính thủy của Tuyển tới sông Ngô Đồng [2], mà lính bộ chưa

1. Thái Bình, Kiến Xương sau đều thuộc tỉnh Thái Bình. Thiên Trường sau là Xuân Trường thuộc Nam Định.

2. Thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định.

đến cửa Đại Hoàng [1], có người dò biết về báo với chúa. Nhưỡng đem hai chục thuyền biển lớn nhất, dàn ngang sông thành trận chữ "nhất", đầu thuyền bày đặt các thứ súng, trông như bức thành. Quân Tuyển đến đánh, vì thuyền nhỏ không thể chống cự, nhiều chiếc bị súng Bảo Long bắn chìm xuống sông, Tuyển sợ, định lui giữ Hoàng Giang [2] để cùng bộ binh nương tựa lẫn nhau.

Thình lình có gió đông nam nổi lên, Nhưỡng liền sai các hải thuyền tản ra, ghé sát vào hai bờ, rồi buộc thuyền lại mà lên bộ. Tiếp đó Nhưỡng chỉ huy quân lính từ bờ theo chiều gió bắn xuống thuyền quân của Tuyển. Nhưng quân Nhưỡng toàn là quân ô hợp, đứng, ngồi, tiến, lui chưa quen hiệu lệnh, lại hờ hững không có chí chiến đấu; nên sau khi lên bộ, hàng ngũ lộn xộn, chẳng ra sao. Tuyển ở dưới sông trông thấy vậy, liền hô to:

– Quân Nhưỡng thua rồi!

Thế là quân lính của Nhưỡng đâm nghi hoặc, rồi hoảng sợ, tan vỡ, đua nhau cướp đường mà chạy, giày xéo lẫn nhau, không sao ngăn cấm được nữa. Thuyền bè bỏ bừa ven sông, đều bị quân Tuyển bắt được.

Quân Lân ở sau, trông thấy quân của Nhưỡng thua chạy tan tác, lại nghe nói Nhưỡng đã bị giặc giết rồi, nên đều kinh ngạc run sợ. Riêng Lân cũng không thể kiềm thúc được nữa, thế là cùng lúc ấy, đám quân tan vỡ luôn. Lân bèn hộ vệ chúa, cưỡi một chiếc thuyền, xuôi dòng chạy sang phủ Thái Bình. Chừng nửa đêm, đến huyện Đông Quan, chợt nghe tiếng súng đùng đùng giống như hiệu lệnh hành quân. Có người bảo quân Tuyển đuổi theo. Có người ngờ là bọn kẻ cướp. Sau Lân sai người đi dò, mới biết đó là quân của Trần Mạnh Khuông.

Trần Mạnh Khuông là một người hào mục ở huyện Đông Quan, gia tư giàu có, lại có nghĩa khí. Khi mới tiếp được tờ hịch, lập tức tụ tập quân lính trong huyện để hưởng ứng việc nghĩa, hẹn ngày hôm ấy xuất quân ra đi. Lúc này quân Khuông đóng ở Bái Hạ, cách đấy không xa.

Nghe nói, chúa bèn vội vàng sai người đến gọi Khuông. Khuông theo sứ giả tới yết kiến, chúa nói:

– Quả nhân tài hèn, đức kém, không biết tự lượng sức mình, hễ

---

1. Thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình.
2. Tên sông, thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nam

hành động gì liền bị vấp ngã. Bây giờ nên làm thế nào?

Khuông nói:

– Thua được là sự thường của nhà binh, dù là đạo quận thắng trận luôn, cũng phải có một lúc thua trận. Cho nên tướng giỏi đời xưa trước hết phải xem tình thế, đắp doanh lũy, chứa lương thực, phòng bị sẵn những khi xảy ra việc cần kíp, làm cho khi tiến công có thể đánh, khi lui có thể giữ. Đó chính là cái chước vẹn toàn, không làm gì đến nỗi thua một trận mà phải bẹp hẳn. Ở huyện tôi có làng Bái Hạ, bốn bề đều là đồng lầy, phía trước có sông lớn chặn ngang, chỉ có một lối ra vào, lại có khe nhỏ chảy quanh thông với sông, có thể dùng để chuyển vận quân lương. Cuộc loạn lạc trước đây, địa phương đây ở vào chỗ xung yếu của hai vùng đông nam, nên tôi đã cho sửa sang lại, nay hào rãnh đều đã bền vững. Chỉ hiềm luôn mấy năm mất mùa, thóc tích trữ chưa được đầy đủ mà thôi. Xin chúa hãy tạm rời xa giá về đó, rồi thong thả sẽ tính chuyện sau.

Chúa Trịnh nghe theo, bèn phong cho Lân làm quân phủ trưởng sứ. Khuông làm chức hành doanh sứ, dẫn quân vào đóng ở ấp Bái Hạ.

Ở đó mới được vài đêm, Khuông sai người đi trưng thu lương thực chưa về, thì Chỉnh đã sai Nguyễn Như Thái đem lính bộ đến, hợp với quân của Tuyển, hai đường thủy bộ tiếp nhau, hai mặt trước sau đánh dồn lại. Trong đồn dựa vào hình thế hiểm yếu mà giữ, quân Chỉnh đánh luôn mười ngày không hạ được. Tuyển bèn đắp lũy dài để tuyệt đường lương thực của quân chúa. Quân chúa hết lương đến nỗi phải đào cả củ chuối mà ăn, tình thế rất là khốn quẫn.

Lân và Khuông vội gọi các thủ hạ mà bảo rằng:

– Ngồi đây để làm con ma chết đói của làng Bái Hạ, sao bằng quyết một trận tử chiến, giết lấy vài trăm tên giặc cho sướng tay? Các ngươi ai là người có thể chung lòng góp sức với ta, để ta khỏi mang tiếng phụ chúa mà các ngươi cũng không mang tiếng phụ ta. Dẫu có chết còn được làm con ma trung nghĩa. May mà không chết, rồi đây công lao sự nghiệp sẽ không biết đến đâu mà lường!

Mọi người nghe nói đều cảm động, có hơn trăm người xin theo. Đêm đến, bốn bề vắng lặng, họ bèn cưỡi thuyền nan, theo đường khe mà đi ra. Nhân lúc Tuyển và Thái sơ ý, họ liền phóng hỏa đốt doanh trại. Hai người hoang mang không kịp chống cự. Lân và Khuông tức thì phá vỡ vòng vây, đem chúa ra, cướp chiến thuyền, rồi theo cửa

biển chạy thẳng về phía Đông. Tuyển đem quân đuổi theo, nhưng không kịp. Thái thả quân vào làng Bái Hạ, chém giết lung tung, trai gái, già, trẻ, không sót lại một người. Từ khi dấy binh đao tới lúc này, không chỗ nào không có nạn chém giết, nhưng chưa có đâu bị chém giết thê thảm như ở đây.

Lại nói, sau trận thua ở sông Ngô Đồng. Nhưỡng một mình chạy về phía Đông, thuyền bè và đồ quân dụng bỏ mất gần hết.

Đến khi đồn Bái Hạ bị vỡ, chúa chạy về Hải Dương, lại cùng bọn Lân vượt biển tới đất Yên Quảng, giả làm khách buôn, chia nhau ở trọ trong các nhà dân ở châu Vạn Ninh [1]. Chẳng bao lâu, Lân vì có việc nhà, cáo từ xin về, người theo hầu chúa chỉ còn lại Mạnh Khuông mà thôi.

Sau đó hơn một tháng, Khuông lại mắc bệnh, rồi chết. Lúc bấy giờ, bên cạnh chúa không còn có ai, chúa một mình sống lẩn lút ở vùng ven biển tình cảnh rất là điêu đứng.

Chúa nghĩ bụng: "Giàu sang ở kiếp phù sinh, đều là ác mộng. Bởi vậy, ngày xưa đã có người thề xin đời đời đừng sinh vào nhà vương... Phật thương hết thảy chúng sinh bị chìm đắm trong biển khổ. Óc Người thông suốt, ý kiến Người thông suốt, thật là gương sáng muôn đời. Từ lúc ta trọ ở đất Chương Đức đã có ý nghĩ như thế. Bây giờ nên quay đầu lại còn hơn".

Thế rồi chúa Trịnh gột sạch ma chướng ở đời, tự xưng là Hải Đạt thiền sư, dạo khắp các chùa ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng.

Bấy giờ có người học trò Kinh Bắc tên là Vũ Kiền, chạy loạn lên Lạng Sơn. Một hôm Kiền gặp Hải Đạt thiền sư ở chùa Tam Giáo, nhân trong lúc đàm kinh thuyết pháp, Kiền ngầm biết đó là chúa, bèn bảo với bọn phiên thần ở đó là Hà Quốc Kỳ, và Nguyễn Khắc Trần [2].

Hai người bèn vờ nói là có việc làm chay, đón Hải Đạt thiền sư về nhà, rồi đuổi hết người nhà ra mà bảo với nhà sư rằng:

– Chúng tôi nối đời làm bề tôi ở chốn biên cương. Ở xa vẫn mến oai đức của triều đình, thường chỉ nghe người ta nói vua Lê chúa Trịnh như ở trên trời. Nếu như thiên hạ vô sự, bọn chúng tôi làm gì được trông thấy chúa. Chẳng may nước nhà có nạn, xe chúa phải tới nơi biên ải, thần dân ai chẳng đau lòng. Lúc này chính là dịp để cho

---

1. Nay là đất Móng Cái.

2. Có bản chép là Nguyễn Khắc Lâm.

kẻ trung thần nghĩa sĩ ra tài kinh luân. Vậy chúng tôi xin rước chúa về ở Đoàn Thành [1], xướng nghĩa cả, để lo việc hưng phục. Trông nhờ vào phúc hồng của chúa, thành được công lớn thì may chăng lũ tù trưởng nhỏ mọn ở xứ mọi rợ này được dự vào hàng cuối ở vân đài [2], ấy là ý nguyện của chúng tôi.

Nhà sư nhắm mắt chắp tay, khoan thai trả lời:

– Sư già này xuất gia theo Phật, không can dự gì đến việc đời. Các ông chớ có nhận lầm, khiến cho đương lúc yên lặng, lại sinh ra bao nhiêu nỗi phiền não. Trong thiên hạ, ai là vua, ai là chúa, đã có mệnh trời; sư già này chỉ biết một lọ một bát, tu hành ở cửa thiền, làm môn đồ đức Phật Như Lai mà thôi.

Vũ Kiền lúc ấy cũng thưa rằng:

– Thần tuy chưa được vào chầu phủ chúa, nhưng khi du học ở kinh sư cũng đã từng trông trộm dung nhan của chúa. Người trong nước còn có lòng ấy, chúa cũng không nên từ chối. Thần nghe nói, nghiệp vương phải khó nhọc, không thể ngồi yên mà làm nên được. Bởi vậy, Quang Võ đã phải bạc cả đầu, Tiên chúa [3] thì phải mòn hết thịt vế. Những cơn nguy hiểm ở Quế Ổ và Bái Hạ gần đây, cũng giống việc Tuy Thủy, Hô Đà thời Hán [4], chỉ vì không nản chí, không ngã lòng, rốt cuộc họ đã làm nên nghiệp lớn. Thần chưa từng bao giờ thấy ai đường đường là một vị vương giả mà lại lui về làm nhà sư nhàn hạ. Xin chúa hãy nghĩ lại!

Nhà sư khóc và nói:

---

1. Tức thành trấn Lạng Sơn.

2. Vân đài: Đài cao chạm mây, nơi vua Minh Đế nhà Hán sai vẽ hình 28 người công thần.

3. Quang Võ là vua đầu nhà Đông Hán. Tiên chúa tức Lưu Bị, là vua nhà Thục thời Tam Quốc.

4. Theo *Hán thư*, sau khi Hán vương là Lưu Bang vào chiếm Bành Thành, Sở vương là Hạng Võ đem quân trở về, phá tan quân Hán trên sông Tuy Thủy và vây Hán vương ba vòng, may gặp có gió lớn nổi lên, thổi tan quân Sở, Hán vương mới chạy thoát. Cũng theo *Hán thư*: Khi vua Quang Võ đi đến trạm Khúc Dương, phía sau có quân Vương Lang theo đuổi, mọi người đều kinh sợ. Quang Võ cho người đi dò đường thì họ nói, trước mặt có sông Hô Đà nước chảy mạnh lắm, không thể qua được. Quang Võ lại bảo Vương Bà đi xem lại. Vương Bà e quân lính hoảng sợ, bèn nói dối là ở sông băng giá đông rất chắc, có thể đi qua được. Quang Võ bèn bảo Bà hộ vệ mình qua sông, nhưng mới qua được mấy người thì băng đã tan. Ở đây, mượn hai điều này để nói làm nên nghiệp lớn thế nào cũng phải trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm thì mới đi tới thành công.

– Cái cảnh "Thử ly" "Mạch tú" [1] ở đâu cũng đều cảm động. Ta không phải là loài gỗ đá, sao không căm hờn. Nhưng đã hết sức của ta, mà vẫn không thể giành được với trời, nên đành phải nín nhịn để giữ lấy mình, đâu còn dám làm càn để lại làm lẫn lần nữa?

Chúa đã lộ bản tướng, liền bị mọi người vin lấy mà bắt buộc phải truyền sắc lệnh ra để điểm quân, thu lương.

Bọn Kỳ và Trần đều là kẻ tầm thường, không nghiêm cấm nổi thủ hạ, để chúng làm bừa những việc phi pháp. Nhân dân không thể chịu đựng được, họ bèn nổi lên làm loạn, giết bọn Kỳ và Trần, rồi đuổi chúa đi. Chúa chạy về đất Hữu Lũng [2] rồi từ đó nấp náu trong chốn núi rừng, cả nước không còn thấy mặt chúa ở đâu nữa.

Họ Trịnh từ Thái vương là Trịnh Kiểm thụ phong, truyền đến Thịnh vương là Trịnh Sâm vừa được tám đời thì xảy ra biến loạn. Rồi đến Đoan Nam vương là Trịnh Khải, Án Đô vương là Trịnh Bồng thì nghiệp chúa hết. Tất cả trước sau gồm 243 năm [3].

Xét trong địa chí chép về đất phát tích của tổ tiên họ Trịnh có lời đoán rằng:

"Chẳng đế chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ".

Lại nói sau khi Chỉnh đưa Tây Sơn vào nước, dân chúng oán Chỉnh thấu đến xương tủy. Lúc Chỉnh tất tả chạy về Nghệ An, người cả một xứ ai cũng muốn giết Chỉnh cho hả dạ. May được vua Lê có chỉ vời, Chỉnh bèn lấy việc dấy quân ra bảo vệ nhà vua mà thoát khỏi tai nạn. Rồi Chỉnh lại được nhà vua mở lòng tin dùng, cho nên mọi người chỉ dám oán mà không dám nói. Các quan văn võ trước kia chạy trốn ra ngoài, đều dấy quân và lên tiếng giết Chỉnh. Chỉnh mượn nhà vua để sai khiến cả nước, tự tiện làm oai làm phúc, luôn luôn đem quân đi trừ khử những người muốn hại mình. Thế rồi, bắt Trọng Tế, giết Phùng Cơ, đem quân đánh mãi Án Đô vương, làm vương phải chạy trốn lang thang không dám về kinh.

1. "Thử ly" là một bài thơ trong *Kinh Thi* nói về cảnh cung điện nhà Chu bị tan hoang thành ra ruộng lúa. "Mạch tú" là bài hát của Cơ Tử nói về việc nhà Thương mất nước, cung điện thành ruộng cấy lúa mạch. Ở đây chỉ cảnh tang thương của họ Trịnh.

2. Nay thuộc Lạng Sơn.

3. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* thì tất cả là 243 năm, kể từ Trịnh Kiểm năm Kỷ Hợi (1539) đến Trịnh Bồng năm Bính Ngọ (1780).

Việc Chỉnh làm phần nhiều là càn bậy, nhưng đụng đâu là thắng đấy, nên chẳng ai biết làm thế nào. Vì thế, Chỉnh càng ngày càng làm lắm điều bạo ngược, Chỉnh tự cho rằng người đời chẳng ai bằng mình. Thậm chí Chỉnh coi nhà vua như đứa trẻ con, khi bảo làm thế này, khi bảo làm thế kia, không còn kiêng sợ gì cả. Bụng Chỉnh còn e dè, chỉ một Bắc Bình vương mà thôi. Chỉnh thường nói riêng với người thân tín rằng:

– Bắc Bình vương là người anh hùng hào kiệt ở miền Nam ta cũng không thua. Hắn quỷ quyệt hơn ta, nhưng ta khôn ngoan hơn hắn. Năm trước ta từng cộng sự với hắn, nên ngày nay hãy nhường hắn một nước cờ, đợi khi trong nước tạm yên, ta sẽ chuyên tâm lo việc phương Nam. Lúc đó, ta có thể tập hợp binh mã, cùng hắn giao phong trong một trận lớn lao. Đã trừ khử được một vật ngăn trở rồi, thì từ dải Đèo Ngang trở về Nam, lại là bờ cõi của nước nhà. Nay Trần Bình chương vào Nam bàn việc bờ cõi, dù bất đắc dĩ mà phải nhượng đất Nghệ An cho họ, thì cũng như cái mưu khôn xưa nước Tấn đem ngọc bích và ngựa tốt đút cho nước Ngu, Hán Cao Tổ đem đất Quan Trung nhường cho Hạng Vũ đấy thôi [1]. Đúng như lời sách xưa đã nói: "Định muốn lấy của nó hãy cho nó" [2]. Điều đó người thường không thể biết được!

Vì thế, đối với việc Nghệ An, Chỉnh mới dùng lễ vật nhiều, lời nói ngọt, mong sao cho được vô sự; lại đem hết những điều ủy khúc trong lòng mà dặn dò Trần Công Xán. Chỉnh cho rằng chuyến đi ấy cũng dẹp yên được binh đao, nên không còn để ý đến việc quân lữ và việc bờ cõi nữa. Không ngờ rằng Bắc Bình vương lập tâm bắt Chỉnh đã lâu, nhưng cơ mưu giấu kín quá nên Chỉnh không biết. Hoặc có người nhắc đến việc biên cương thì Chỉnh cũng xem thường, cho là kẻ hiếu sự đoán mò hay cho là tin đồn nhảm ngoài đường xá mà thôi. Tới lúc sứ bộ chết đắm ở biển, nhiều người trong triều bảo đó là do Bắc Bình vương sợ lộ việc tranh chấp ở miền Nam mà giết ngầm đi, khi nội biến đã yên, thế nào họ cũng sẽ mưu đồ đánh ta; Chỉnh cũng

1. Thời Xuân Thu, nước Tấn lấy ngựa hay ngọc quý đút lót cho nước Ngu để mượn đường đánh nước Quắc, đến khi diệt được nước Quắc rồi, Tấn liền diệt luôn cả nước Ngu, thu lại ngựa và ngọc quý đã biếu. Việc Hán Cao Tổ cũng tương tự, tạm nhường đất Quan Trung cho Hạng Vũ rồi sau lại lấy lại.

2. Câu này nguyên văn chữ Hán là "Tương dục thủ chi tất cô dữ chi" trong Đạo đức kinh của Lão tử cũng có câu tương tự là: "Tương dục đoạt chi tất cô dữ chi". Có thể tác giả dẫn câu này thoát thai từ câu của Lão Tử.

vẫn không cho là phải...

Sau khi Bắc Bình vương đã hòa với vua Tây Sơn [1] liền trở về Phú Xuân mở đại hội các tướng mà bảo rằng: "Nguyễn Chỉnh là người đã chết, ta lại vẽ mặt vẽ mày cho. Nay hắn bay nhảy ở Bắc Hà, phò vua Lê để sai khiến cả nước. Đã không lo đền đáp ơn ta mà còn định cắn lại, mưu đồ giành đất Nghệ An, đặt làm một trấn quan trọng, để bắt chước việc chúa Trịnh xâm lấn phương Nam ngày xưa. Thằng giặc ấy thật đáng giết. Không biết hắn đã sắp sẵn được bao nhiêu binh mã, có thể đánh nhau với ta được một trận không?"

Tức thì, Bắc Bình vương sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân ra Nghệ An, họp cùng Võ Văn Nhậm tính việc đánh dẹp phương Bắc. Tiếp đó lại cho Võ Văn Nhậm lĩnh ấn tiết chế, các tướng đều phải ở dưới quyền. Khi sắp đặt đã xong, Bắc Bình vương hạ lệnh giục họ tiến quân. Bấy giờ đúng vào tháng mười một mùa đông năm Đinh Tỵ (1787).

Khi Văn Nhậm kéo quân qua Thổ Sơn, trấn thủ Thanh Hoa là Lê Duật không dám chống cự, rút quân lui giữ Trinh Giang [2], rồi cho người phi ngựa về kinh cấp báo. Tin cáo cấp một ngày đến chín lần, làm cho kinh thành nhao lên, nhân dân hoang mang, vội vàng mang xách, bồng bế nhau ra ngoài thành để trốn tránh: phố phường đóng cửa thôi buôn bán đường sá cũng ít người đi lại, trong chốn đài sảnh chỉ còn người có chức vụ ở lại mà thôi.

Vua Lê sai các quan cùng họp ở dinh của Chỉnh để bàn cách đánh giữ. Chỉnh nói:

– Thời nhà Tấn, khi quân nhà Tần ập đến bờ cõi, Tạ An vẫn cười nói như thường; thời Tống khi quân Khiết Đan vào sâu trong nước, Khấu Chuẩn vẫn điềm nhiên như không. Các vị đại thần cần phải trấn tĩnh, không nên tự mình bối rối trước, chỉ tổ làm cho lung lay lòng người. Chức trách của Lê Duật là giữ đất đai, thấy giặc đến không thể không báo cáo. Nhưng y cũng là một tay tướng giỏi. Võ Văn Nhậm vị tất đã dễ dàng nuốt sống được y. Vả chăng, sông Trinh Giang, Sông Quyết [3], sông sâu nước lạnh, dù có thiên binh vạn mã chưa dễ đã vượt qua được một cách yên ổn. Công việc đánh hay giữ đã có định cục, làm gì mà phải luống cuống.

---

1. Theo các tài liệu lịch sử thì hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ giảng hòa với nhau ở thành Quy Nhơn.

2. Sông Trinh Giang thuộc xã Trinh Sơn, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

3. Sông Quyết tức khúc Sông Đáy thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình.

Quan Phó đô ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

– Thanh Hoa là đất "thang mộc", lăng tẩm mấy triều đều ở đấy. Nay người Tây Sơn tới đánh, cả vùng Tĩnh Gia đã bị chiếm mất, còn vùng Thiệu Thiên, Hà Trung đều thành chiến trường, xã tắc nguy như treo trên sợi tóc. Ông là vị quan đầu triều, binh quyền trong tay, định cục thế nào, thử nói ra cho rõ ràng, để chúng tôi đem hết ý kiến nông cạn, cùng ông lo liệu. Việc thiên hạ không phải là chuyện riêng một nhà, sao không nói cho mọi người đều biết? Ngày xưa người Nguyên cười người Tống rằng: "Đợi cho chúng mày bàn bạc ổn thỏa thì ta đã qua sông rồi". Nay không lo liệu sớm, chờ khi quân giặc đã đến ô Cầu Rền thì giả sử Tạ An, Khấu Chuẩn có sống lại, họ cũng không thể trấn tĩnh được!

Ninh Tốn và Nguyễn Bá Lân [1] cũng đều nói:

– Quan Ngự sử nói đúng.

Ngày thường Chỉnh quen dùng miệng lưỡi để lấn át người ta, người ta cũng sợ khí thế của y, nên không dám tranh cãi lại. Nhưng lúc ấy, tin tức về quân địch gấp rút đưa đến, trong bụng rối beng, lại bị Giản bẻ, nên Chỉnh chưa biết trả lời ra sao. Quan Bình chương Phan Lê Phiên nói:

– Không cần nói nhiều, quân giặc đến chỉ có đánh mà thôi. Bộ hạ của ông, người nào có thể làm tướng, xin tâu với thánh thượng cho làm tướng; tòa Xu mật sẽ cấp binh bài, tòa Đô chi sẽ cấp lương thực; ngày nay vào bái mạng, ngày mai tức tốc lên đường, không thể chậm trễ!

Chỉnh nói:

– Ý tôi cũng vậy, nói trấn tĩnh là nghĩa như thế!

Chỉnh liền tâu vua cho Nguyễn Như Thái làm thống lĩnh, Ninh Tốn làm quan tham tán quân vụ, đem quân cùng họp với Duật, chống địch ở trấn Thanh Hoa.

Lại nói, Duật đóng quân ở Trinh Giang, Nhậm bèn sai người đến bảo rằng:

– Ngày mai đại quân qua sông, ngươi dám đánh nhau thì bày trận chờ đợi. Nếu không có thể đánh nhau thì mau mau tới đầu hàng.

Lúc đó, Nhậm đóng quân ở phía Nam Trinh Giang, trước tiên sai Ngô Văn Sở đem quân men theo chân núi đi về phía Tây, cất lén qua

---

1. Có bản chép Nguyễn Nhuận.

sông Tất Mã, đánh úp phía sau lưng quân Duật. Duật không hề biết, tôi hôm ấy rút quân chạy cả đêm, hôm sau tới Cao Lũng, đã thấy quân Sở ở đấy, quân Duật sợ hãi, chạy tan tác ra tứ phía. Duật bị quân Sở giết chết. Khí giới, lương thực, hết thảy đều bị bên địch thu lượm.

Quân Nguyễn Như Thái đi đến Châu Cầu [1], nghe tin Duật đã thua mà chết, vội gọi Ninh Tốn đến cùng bàn, Tốn nói:

– Binh pháp dạy rằng: "Tranh được núi thì thắng, giữ chỗ hiểm thì vững". Giữa Thanh Hoa nội với Thanh Hoa ngoại có núi Tam Điệp [2] ngăn cách, ấy là chỗ trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu. Ta nên tiến quân gấp mà giữ lấy, chớ nên để quân giặc chiếm trước. Được như vậy thì từ Trường Yên [3] về Bắc còn là của mình. Nếu núi Tam Điệp mà mất, thì lộ Sơn Nam thênh thang với những cánh đồng bằng phẳng rộng rãi, e khó đánh nhau với giặc, việc nước sẽ không thể làm thế nào được nữa.

Thái cho là phải, lập tức chỉnh đốn đội ngũ, đang đêm gấp rút tiến quân. Mờ sáng, quân Thái qua sông Gián Khẩu [4] thì nghe tin quân Nhậm đã vượt qua núi Tam Điệp, Phan Văn Lân đã đem quân tiên phong đóng ở Hàm Mai [5], cách đấy chỉ có vài dặm. Thái vỗ ngực kêu to mấy tiếng rồi đem quân bày trận trên bờ Sông Gián để chờ địch.

Quân Tây Sơn đến, chia hai ngả đánh kẹp vào. Quân Thái lẻ loi không có quân cứu viện, cố sức đánh từ sáng đến trưa, tên đạn đều hết sạch. Bọn lính ở đằng trước trở giáo hàng địch. Thái biết thế không thể chống nổi, bèn cùng vài chục người bộ thuộc, phi ngựa chạy về phía Bắc. Quân địch đuổi theo, bắn chết hết. Ninh Tốn chạy trốn vào nhà dân, được thoát nạn.

Văn Nhậm đã thắng trận, tức thì dẫn quân tiến lên.

Chỉnh đang ăn thì tin báo đến nơi, luống cuống vứt đũa, chạy vội vào nhà, gọi Hữu Du và bảo:

– Chiến tướng của ta chỉ có bốn người. Thái và Duật chẳng may chết rồi, Tuyển ở Sơn Nam, Thước ở Kinh Bắc, gọi về không kịp. Tình thế gấp rút, ta phải tự ra cầm quân. Con nên sắp đủ binh lính,

1. Nay là nơi gần xã Phủ Lý, Hà Nam.
2. Tục gọi là núi Ba Dội, ở chỗ giáp giữa Thanh Hóa và Ninh Bình ngày nay.
3. Tên phủ, sau đổi là Yên Khánh, thuộc Ninh Bình.
4. Tức Sông Gián, cũng thuộc Ninh Bình.
5. Có sách chép là Đa Mai.

lương thực, cùng đi với ta. Quân cha, con cùng dốc một lòng mới có thể nên việc được.

Du nói:

– Sách có câu: "Thờ cha phải hết sức, thờ vua phải liều mình". Con xin được trước đánh với giặc một trận lớn, không dám để cho vua và cha phải lo vì giặc. Cha cứ đi thong thả mà đốc thúc việc chiến trận, con sẽ lấy đầu thằng Võ Văn Nhậm đem về cho cha xem.

Lúc Chỉnh sắp ra đi, người hầu yêu nắm lấy vạt áo của y mà nói:

– Thiếp nghe đâu các quan trong triều đều đã đem vợ con đi trốn trước rồi, đài sảnh hiện bỏ không tất cả. Bây giờ quan lớn lại ra đánh giặc, tướng sĩ cũng đều đi theo hết, riêng thiếp ở đây một mình, chịu làm sao được? Vậy xin cho thiếp một chiếc kiệu nhỏ để thiếp đi theo quan lớn.

Chỉnh nói:

– Trong vòng tên đạn, không phải nơi đàn bà nên đi, đừng làm cho ta thêm rối ruột nữa!

Rồi Chỉnh tự mình vào cung điện tâu xin xuất quân.

Vua bèn ngự ra điện Cần Chánh, truyền chỉ ban tiết việt [1] cho Chỉnh và dụ rằng:

– Trẫm dựa vào ông như dựa bức trường thành. Chuyến đi này quan hệ đến sự an nguy của nước nhà. Nhất thiết chớ có khinh giặc đánh tràn, phải tùy cơ mà làm, mau đưa tin thắng trận về để yên lòng trẫm.

Chỉnh tâu:

– Thần đã biết rõ tình hình của giặc, Võ Văn Nhậm mạnh mà không có mưu khôn, làm tỳ tướng thì dư sức, mà làm chủ tướng thì không đủ tài. Ngày thường hắn vẫn sợ thần, nay thấy thần đến, chắc là không dám chống chọi. Thần chỉ lấy khí thế mà đè nén, không cần phải đánh cũng thắng. Chuyến đi này, không quá năm ngày sẽ có thư trạm tâu tin thắng trận, xin bệ hạ chớ lo!

Tâu xong, Chỉnh bái từ mà ra. Vua Lê thân hành tiễn đến ngoài

---

1. Tức "phù tiết" và "phủ việt". "Phù tiết": là vật làm tin, thường làm bằng thanh tre viết chữ vào đó rồi chẻ làm đôi, mỗi người giữ một nửa, sau này kháp lại để làm tin. Cũng có khi làm bằng vàng, ngọc hoặc gỗ... Phủ việt là lưỡi búa. Thời xưa khi đại tướng ra trận được vua ban tiết việt để trao quyền hạn và làm tin.

Đoan Môn, rồi sai các hoàng thân và trăm quan tiễn đưa ra ngoài kinh thành.

Chỉnh đưa quân đến trạm Hoàng Mai [1], sai Hữu Du lĩnh các đội quân của cơ Ngũ nhuệ đi trước.

Du đi đến sông Thanh Quyết, liền đắp lũy đất chạy theo bờ sông, chia đồn mà cố thủ.

Lúc bấy giờ, khí trời rét buốt, quân lính của Du đêm ngủ giữa trời, túm năm tụm ba đốt củi để sưởi. Quân đi tuần của địch trông vào ánh lửa, thấy rõ tất cả, bèn về báo với Văn Nhậm.

Nhậm cho quân cưỡi bè, sang thẳng bãi sông, ngắm bắn xuyên qua các khe hở trên bờ lũy, nhắm chỗ có lửa làm đích, bắn phát nào trúng phát ấy. Quân ở trong lũy hoảng sợ, bối rối tự nhiên tan vỡ, Du rút quân về giữ Châu Cầu. Quân sĩ mười phần chỉ còn hai ba, không dám đón đánh, cũng không dám chạy về, phải vừa lui vừa dừng để đợi hậu quân [2].

Lại nói, Chỉnh đem quân đến trạm Bình Vọng [3], tạm dừng lại nghỉ. Chợt thấy gió nam thổi vù vù, có đám mây đen từ tây nam đến. Chỉnh ngồi trong kiệu, giở sách bói ra xem, vừa gặp một quẻ có lời đoán rằng: "Nước có giặc lớn, nguyên nhung thua trận". Chỉnh tỏ ý buồn rầu, đang lúc trầm ngâm nghĩ ngợi, thình lình lại có đàn ong rừng vo vo bay đến, đua nhau đốt vào cổ Chỉnh. Chỉnh giật mình ngã xuống, sực nghĩ toàn là điềm gở, chần chừ không muốn tiến quân. Chốc lát thấy quân bại trận của Du tan tác chạy về nói:

– Quân ta đã vỡ, quân giặc đuổi theo sắp sửa đến nơi!

Chỉnh nghe nói, mặt mày thất sắc, tiến lui hai đường đều khó khăn. Tướng sĩ, bộ hạ cũng đều mất vía, đua nhau nói: "Thế giặc rất mạnh, chưa thể giao tranh với chúng được. Kinh thành ít quân khó mà giữ nổi. Chi bằng dẫn quân về, lui giữ đất Kinh Bắc, chặn ngang sông Nhị Hà cho vững; rồi sau sẽ từ từ tính chước công thủ, thế là tiện hơn". Chỉnh nghe theo.

Sau một lúc, Hữu Du đến, Chỉnh kéo quân tức tốc về kinh. Sấm

---

1. Nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

2. Sự kiện này. *Cương mục* chép hơi khác: thuyền súng đạn của Du đậu ở bờ bắc sông. Không phòng bị gì; nửa đêm quân Tây Sơn ngầm bơi sang, buộc thừng vào các thuyền của Du, rồi kéo về phía bờ nam, tước đoạt hết súng đạn, do đó Du thua...

3. Tục gọi Làng Bằng, thuộc Thường Tín, Hà Đông. Nay là Hà Tây

tối, vừa về tới thành, Chỉnh liền bảo quan tham tri chính sự là Nguyễn Khuê vào tâu với vua, xin đến ngày mai, xa giá đi sang Kinh Bắc [1]. Rồi Chỉnh vào thẳng Lương phủ là chỗ mình ở, sắp xếp hành trang, sai người hộ vệ vợ con gia thuộc sang sông trước.

Lính Kim Ngô biết chuyện, vội vàng vào điện tâu với vua rằng: "Gia quyến ông Bằng đi rồi!"

Vua Lê lật đật chạy đến dinh của Chỉnh. Lúc bấy giờ Chỉnh đang chạy đi chạy lại trước sân, dặn dò những người ra đi. Vua cầm lấy tay Chỉnh mà hỏi:

– Sự thể đã thế này thì làm thế nào?

Chỉnh thấy vua, thẹn thùng, run sợ, bèn lạy mà thưa rằng:

– Bệ hạ giao nước cho thần, thần không xứng đáng chức vị, làm lỡ lầm việc nước, tội ấy không dám chối cãi: hai mặt Tây Nam kinh sư, không còn có gì để nương tựa, thành trì cũng chưa đào đắp chỉ có cửa ô mà thôi. Quân giặc thừa thắng ruổi dài, không có thành lũy nào ngăn cản; đánh thì không được, giữ cũng không xong, lấy gì để đảm bảo cho được toàn vẹn? Nay bệ hạ nên đi sang phương Bắc, để lo tính công việc sau này. Quân giặc từ xa đến đã mệt nhọc, lại bị sông lớn ngăn trở, thế nào cũng không dám đuổi ta. Trong khoảng mười ngày, ta được thư thả, rồi sẽ lo sâu tính xa, há không có cơ hội tốt để khôi phục? Bệ hạ hãy về cung, tâu với hoàng thái hậu, xin đưa từ giá [2] đi trước, thần sẽ thân đem lính và voi đợi ở bên sông.

Dứt lời, Chỉnh nhớn nhác đảo mắt ngó quanh một lượt, rồi đi. Vua cũng lập tức đi bộ về cung. Trên đường đã thấy dân chúng dắt díu nhau cùng chạy. Bọn vô lại thừa cơ cướp giật, tiếng kêu khóc oai oái. Có kẻ giữ lấy vua, sờ nắn trong lưng không có gì, mới tha cho đi. Vua vội vàng đi về phía cửa Chu Tước, rồi vào cửa Tả Khúc. Vừa tới nơi đã nghe thái hậu và các phi tần tìm nhà vua không thấy, đang gọi luôn miệng: "Thừa dư [3] ở đâu?". "Ở đây! Ở đây!" Rồi nhà vua gọi bọn thị vệ, nhưng chỉ được mười bảy, mười tám người, còn thì lẩn trốn không đến. Vua vội vàng sai lấy võng đòn tre cáng thái hậu và

---

1. Theo *Cương mục* thì vua Lê cho gọi mấy lần nhưng Chỉnh không đến, cuối cùng mới cho Nguyễn Khuê đến thay...

2. Xe của mẹ vua.

3. Chỉ nhà vua.

nguyên tử [1] đi. Các tông thất và phi tần đều phải đi bộ. Những đồ ngự dụng chỉ khênh đi được bốn hòm, còn bao nhiêu đều bỏ lại trong điện. Những đồ riêng tây cùng quần áo quý báu của bọn thị vệ, cũng đều bỏ rơi dần ở dọc đường.

Đến bên sông, phải giành giật lấy đò mà qua, bất cứ kẻ sang người hèn, ai mạnh thì được sang sông trước. Ở trong bãi cát, mọi người giẫm đạp lẫn nhau, có người bị ngã rồi bị xéo đến chết. Các tay lái đò chèo không kịp, hoặc có thuyền vì chở nặng quá mà bị đắm. Tiếng kêu khóc vang động trời đất. Kinh thành rối loạn lung tung. Bọn vô lại ùa vào cung, phủ, cướp bóc bừa phứa. Nhưng những vật lấy được, chúng cũng không dám chuyên chở ra ngoài thành, mà phải giấu ở các phố.

Gần tối, Võ Văn Nhậm đến nơi, đem quân vào thành thì thấy cung điện, kho tàng chỉ còn trơ cái xác nhà không mà thôi. Nhậm nói:

– Vào chợ còn được cái kim, huống chi là vào một nước. Ta nghe đất Bắc Hà giàu có, sao lại sạch trơn thế này? Ta ở xa đến mà không kiếm được một đồng tiền nào đưa về thì nói ra con nít cũng không nghe được.

Ngày hôm sau Nhậm liền thả lính lùng khắp các nhà dân ở phường phố, lấy được của báu rất nhiều, đến cả của tư cũng đều lấy hết.

Có người dân đến cửa quân kêu rằng:

– Đời xưa hành quân, không hề chạm đến một mảy may của dân. Có người lấy nón của dân để che áo giáp của quan, cũng không dung thứ. Sao nay dân gian lại bị hại đến như thế?

Nhậm quát to:

– Những vật quân ta lùng được đều là tài sản trong cung phủ nhà Lê, phải đâu là của nhà dân? Chẳng qua chúng bay nhân lúc rối loạn, tranh nhau ăn trộm, đại quân ập đến, không kịp cất giấu đấy thôi. Thằng này chính là bè đảng của bọn côn đồ, không thể tha thứ được.

Lập tức, Nhậm sai điệu người ấy ra chém. Do đó, dân chúng rất sợ, không còn ai dám kêu ca gì nữa. Lại nói, cha con Chỉnh cùng các quan theo vua chạy sang phương Bắc. Vì sợ quân địch đuổi kịp, ai nấy chạy sấp chạy ngửa, người này níu áo người kia, chẳng còn ra thể thống gì cả. Chập tối thì vua tôi nhà Lê đến trấn Kinh Bắc. Gặp lúc

---

1. Con đầu của vua mà chưa lập làm thái tử thì gọi là nguyên tử.

trấn thủ là Nguyễn Cảnh Thước mưu đồ làm phản, mượn cớ ốm không chầu vua. Chỉnh đến quở trách gắt gao, Thước mới miễn cưỡng ra yết kiến.

Lúc ấy, dọc đường quân lính đã bỏ trốn quá nửa. Chỉnh rất lo, liền kiểm điểm số lính còn lại, ưu binh và nhất binh [1] chỉ còn hơn bốn trăm ba mươi người, ngựa hơn sáu chục con, Chỉnh đem quân đi trước, qua sông Như Nguyệt, [2] đóng đồn ở núi Tam Tằng, [3] tự mình đốc suất quân lính đắp lũy, cắm rào, rồi sai Thước hộ vệ nhà vua đến sau.

Chỉnh đi rồi, vua và thái hậu chờ đợi bên sông, lâu mãi chẳng thấy thuyền, liền cho gọi Thước đến hỏi. Thước tâu:

– Các thuyền đều không ở đây, bệ hạ muốn sang sông gấp thì xin cho thần ít nhiều vàng lụa, mới có thể thuê được. Nếu không, dẫu đến sáng mai cũng vẫn ở đây. Giả sử quân giặc đuổi đến, thần xin dùng thuyền gỗ để đưa bệ hạ qua sông. Nhưng chỉ e những đồ ngự dụng không thể giữ được mà thôi.

Vua nói:

– Trẫm có cả thiên hạ còn không giữ được, bây giờ lại còn tiếc cái gì đâu.

Tức thì vua sai mở các hòm cho Thước xem. Trong hòm chỉ có con dấu truyền quốc và bốn mươi lạng vàng mà thôi.

Vua nói:

– Tùy nhà ngươi muốn lấy gì thì lấy.

Thước nói:

– Đội ơn bệ hạ ban cho, thần xin chia một nửa.

Vua cho Thước tất cả. Thước liền gọi lái đò đưa thuyền đến bến, chở nhà vua và đám người cùng đi qua sông. Khi vua đã lên bờ, Thước lại cho người đuổi theo, lột chiếc ngự bào vua đang mặc. Vua ứa nước mắt cởi ngự bào trao cho chúng, rồi chạy về núi Như Thiết.

Vua xin với thái hậu rằng:

– Con tài đức kém cỏi, không đủ làm chủ thần khí, [4] lại không sành sỏi trong việc xét người, bị Nguyễn Hữu Chỉnh làm lầm lỡ, đến

---

1. Nhất binh là lính tuyển ở bốn trấn.
2. Tức Sông Cầu.
3. Nay thuộc Bắc Giang.
4. Trọ ngôi vua.

nỗi kinh thành thất thủ, phiêu bạt ra ngoài, để gây nỗi lo cho thánh mẫu. Bây giờ trèo leo ở chốn núi rừng, nay đây mai đó, tình thế này không chắc đã sum họp một nhà được. Đã thế lại còn dắt díu nhiều người đi theo, sợ giặc dò biết, sẽ sinh ra tai biến bất ngờ. Con đã nghĩ lại, chỉ có viên đốc đồng trấn Cao Bằng Nguyễn Huy Túc là người trung hậu có thể nương nhờ được. Vậy xin thánh mẫu hãy tạm lên Cao Bằng, nơi đó đường đất xa xôi, quân giặc không thể phút chốc đi tới được. Ở đó, công việc nên chăng thế nào, con xin viết bức thủ thư giao cho Túc. Đến như việc sớm khuya hầu hạ, em con có thể thay con. Dám xin thánh mẫu tạm yên lòng, để con ở đây ngầm lo việc khôi phục, ngõ hầu có thể chuộc được tội lỗi.

Thái hậu nói:

– Trời đã không giúp xã tắc, già này sống chẳng bằng chết, nguyện lấy mảnh đất ở núi này làm nơi chôn cất hài cốt, chớ còn phải trèo non vượt suối làm chi nữa cho khổ?

Vua rập đầu chảy máu, mãi không dậy. Các quan cũng có nhiều người khuyên giải. Thái mẫu mới ưng ý.

Rồi đó, em vua là Quang, thị thần là Lê Quýnh cùng bọn tôn thất hơn ba chục người đều theo thái hậu đi lên Cao Bằng. Hôm sau, vua sang huyện Yên Dũng, [1] văn thần đi theo chỉ có năm sáu người là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lệ, Vũ Trinh, Trương Đăng Quỹ mà thôi.

Vừa lúc ấy, Võ Văn Nhậm sai bộ tướng là Nguyễn Văn Hòa đuổi kịp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hai bên đánh nhau ở núi Tam Tằng. Hữu Du múa đao đánh mạnh, giết vài chục quân địch. Hòa chia một đội kỳ binh vòng ra sau núi đánh úp. Quân Chỉnh rối loạn, tự nhiên tan vỡ. Hữu Du chống cự không nổi, chết ở trước trận. Tham tri chính sự là Nguyễn Khuê cũng bị địch giết. Chỉnh lên ngựa nhằm hướng Bắc mà chạy, ngựa ngã, bị quân địch đuổi kịp, chúng tranh nhau chĩa giáo chực đâm. Chỉnh vội kêu to:

– Xin cứ bắt sống mà đem dâng!

Quân địch bèn trói Chỉnh lại, bỏ cũi đem về kinh.

Chỉnh xin gặp Văn Nhậm để nói một lời. Nhậm không cho, sai người kể tội Chỉnh rằng:

---

1. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Mày vốn là tôi chúa Trịnh, phản chủ mà về với chúng tao để mưu đồ diệt họ Trịnh; rồi lại phản chúng tao về Bắc, lừa dối vua Lê, chiếm lấy ngôi cả, tự tiện làm oai làm phúc, ngấm ngầm lo mưu lấn cướp để tranh giành với chủ tao. Xét cuộc đời của mày, toàn học thói cũ của quân giặc loạn, phải phanh gan ruột mày ra, bỏ hết những cái dơ bẩn, để người Bắc lấy mày làm răn!

Rồi Nhậm bảo phanh thây Chỉnh, thả chó cho ăn thịt.

Trong trận ấy, Hòa tuy bắt được Chỉnh, nhưng chưa bắt được vua Lê, Hòa thả quân lùng mãi không được, bèn ngấm ngầm sai người dò tìm tung tích. Vua Lê nghe tin sợ quá, liền chạy trốn vào vùng núi Bảo Lộc. [1]

Lại nói, trước kia Lân Dương hầu là Phạm Tôn Lân theo Án Đô vương chạy ra Yên Quảng, rồi vì có việc phải cáo từ về nhà; nhân đó Lân mưu đồ chiêu dụ quân lính để giúp chúa Trịnh, nhưng về sau không biết chúa ở đâu, bèn nương nhờ vào người hào mục huyện Yên Dũng, là Nguyễn Trọng Linh. [2]

Lúc ấy, nghe tin vua ở vùng Bảo Lộc, Lân bèn nói với Linh cùng nhau đi đón vua về. Rồi họ đốc suất nhân dân bảy tổng thuộc huyện Yên Dũng, đắp lũy ở phía Bắc sông Nguyệt Đức, [3] chống nhau với Hòa. Hòa đánh không được. Nhậm phải tự mình dẫn đại quân đến, đêm ngày đánh rất dữ. quân Linh thua trận. Linh dắt vua Lê chạy trốn. Em Linh là Lung bị Nhậm bắt sống, Nhậm không giết mà sai đem thư dụ Linh, bảo phải nộp vua Lê, đại lược nói rằng:

"Tôi vâng mệnh ra Bắc, chỉ giết giặc Chỉnh, không can gì hết tự hoàng nhà Lê. Tự hoàng là người của chúa thượng lập nên, bị giặc kèm đi, cùng chạy với chúng. Loài cáo vốn hay ngờ vực, vẫn mê không chịu quay về; bọ ngựa dám chống bánh xe, nên phải đem quân tới đánh. Nay nếu biết hối mà về ngay, còn có thể chuộc được lỗi trước. Nếu không, thì sẽ tìm người khác để coi việc nước. Ngôi chủ tể đã có người, thì tự hoàng không còn ngày trở về nữa, mà lũ các người rồi cũng bị vạ lây".

Linh nhận được thư, dùng dằng chưa quyết, lại sai Lung về báo với Nhậm rằng: "Sau khi bị thua, mỗi người bỏ chạy một ngả, thật

---

1. Nay thuộc huyện Lạng Giang, Bắc Giang.
2. *Cương mục* chép là Dương Đình Tuấn, người huyện Yên Thế, Bắc Giang.
3. Tức sông Cầu.

không rõ vua Lê ở đâu. Xin cho phép mươi ngày để đi tìm kiếm, rồi sẽ tự đến".

Đình Giản biết chuyện ấy, bèn tâu riêng với vua Lê rằng:

– Anh em Linh không thể tin cậy được. Các ông Đình Dư, Doãn Lệ, Vũ Trinh đều là người Kinh Bắc nên kịp sai đi chiêu dụ lấy quân để tự vệ, rồi rời xa giá đến phủ Thuận An. [1] Còn các ông Đăng Quỹ, Văn Lân đều là người Sơn Nam, cũng nên sai về bản quán mộ quân, chờ lệnh trưng phát.

Vua Lê nghe lời, sai mọi người chia ngả mà đi làm việc, chỉ để Đình Giản ở lại hộ giá. Vua Lê ngấm ngầm rời huyện Gia Bình, [2] với tiến sĩ là Trần Danh Án, hỏi về tình hình vùng đó, Án tâu:

– Thổ hào phương Bắc đây có Trần Quang Châu, nguyên là xã trưởng xã Kênh Than, là người dũng cảm mà lại có sức mạnh. Trước đây nhân khi loạn, Châu tụ tập đinh tráng, để giữ xóm làng. Trong huyện nơi nào có kẻ cướp thì Châu liền đem quân đến cứu. Trộm cướp không dám đụng chạm đến, cả huyện yên ổn, họ bèn bầu Châu làm chức huyện trưởng. Có lúc, Châu vác cày bừa, giả dạng làm người nông phu, hễ gặp lính Tây Sơn là đánh chết liền. Quân Tây Sơn luôn luôn bị Châu giết hại, răn nhau không dám xâm phạm bờ cõi huyện này. Văn Nhậm nghe tin giận lắm, định đem quân đến bắt Châu. Châu bèn trốn vào vùng Chí Linh, Phượng Nhãn, [3] chiêu mộ dũng sĩ, chống nhau với địch. Người ở hai vùng Đông Bắc, theo về với Châu mỗi ngày một nhiều. Châu thường cho người dò la nơi ở của quân Tây Sơn, rồi đêm đến đem quân đi gấp tới nơi, đánh úp giết chết. Quân của Châu khi ẩn, khi hiện như thần, đánh đâu là thắng đấy. Quân Tây Sơn chẳng làm gì được. Châu vẫn muốn khởi nghĩa, nhưng chưa có ai làm chủ. Vậy xin đưa lá thư của bệ hạ đi để chiêu dụ Châu, chắc là Châu sẽ đến ngay.

– Vậy nhà ngươi hãy sai người đi đi!

Châu nghe tin, mừng lắm, nói với mọi người rằng:

– Quân ta nay đã có danh nghĩa rồi!

---

1. Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

2. Nay là huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

3. Chí Linh thuộc Hải Dương, Phượng Nhãn nay sáp nhập vào huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Châu bèn đem quân đến đón vua Lê, vua tôi gặp nhau rất là vui mừng.

Vua nói:

– Nghe đồn nhà ngươi dùng binh rất hùng dũng, nay quân giặc tụ tập ở vùng Bảo Khảm chừng hai trăm tên, nếu ngươi có thể đánh phá được chúng, ta sẽ cho ngươi làm trấn thủ xứ Kinh Bắc.

Châu nói:

– Việc đó rất dễ, song chỉ e khi chúng kéo hết quân đến, thần ít quân, lại không có quân cứu viện, thì không đủ sức đánh nhau với chúng, mà rồi lại không thể tránh đi nơi khác để giấu kín tung tích. Lâu nay, những việc thần đã làm, chỉ có thể hả bớt tức giận mà chưa thể tự lập được cũng là vì cớ ấy. May nhờ oai linh của bệ hạ, lại được các tướng góp sức, thần xin tự mình chống đỡ một mặt, gặp giặc là đánh, có chết thì thôi chứ không chạy.

Vua nói:

– Mạnh mẽ thay! Thật đáng là bậc đại tướng.

Rồi đó vua bèn phong cho Châu làm quyền trấn thủ, tước Dao quận công. Châu liền mở cuộc diễu võ ở núi Vạn Kiếp, [1] dựng cờ và trống đại tướng ở trên núi, rồi sai người tâu với vua tới xem.

Thật là:

Thành lữ long đong lo việc nước,
Trạch bào hăng hái giết quân thù. [2]

Chưa biết việc này sẽ ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương.

2. *Thành lữ:* Mượn ở câu "Hữu điền nhất thành, hữu chúng nhất lữ" (đất đai có mười dặm, quân lính có năm trăm người) trong Bắc sử, trỏ vào việc vua Thiếu Khang nhà Hạ bị mất nước chỉ còn có một thành một lữ mà lại khôi phục được cơ nghiệp. Trạch bào mượn chữ ở bài "Vô y" trong *Kinh Thi*, bài thơ nói về tinh thần hữu ái và khẳng khái của quân lính. "Trạch" là áo lót, "bào" là áo khoác, nguyên văn là "Khởi viết vô y. Dữ tử đồng bào... Khởi viết vô y. Dữ tử đồng trạch" (Há rằng không có áo? Ta sẽ chung áo khoác cùng anh...). Cả hai câu thơ trên đều nói về việc Chiêu Thống cùng đám quân cần vương đang hăng hái mưu khôi phục được cơ nghiệp.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Tây Sơn lại kéo vào thành chiếm giữ đất nước
Chiêu Thống ba phen tính chước khôi phục kinh đô

Lại nói, vua Lê thân hành tới xem diễu võ ở núi Vạn Kiếp. Nhà vua ngự ở đền Trần Hưng Đạo, gọi Châu đến và hỏi:

– Có được mấy trăm quân?

Châu đáp:

– Trừ số người mới theo về, thủ hạ tinh luyện của thần chỉ có trăm người mà thôi!

Vua nói:

– Tiếc rằng ít quá!

Châu đáp:

– Quân cần tinh nhuệ, không cần nhiều. Có trăm quân cảm tử, cũng đã đủ hoành hành trong thiên hạ. Thần đã từng thử, quân giặc có lúc kéo tới đầy cả đồng, thần chỉ sai vài người xông đến trước trận, múa dao chém bừa, không lần nào giặc không tan vỡ.

Vua bảo:

– Đúng như lời ngươi nói, nhưng đánh bất thình lình thì được chứ đối trận mà đánh thì không được. Nay đang khi nhân tình dễ loạn, làm gì cũng phải cho chu đáo mới có thể đứng vững để lo khôi phục. Vạn nhất bị vấp ngã thì không thể nào nhóm họp lại được nữa. Vì thế đời xưa có người chịu nép mình ở đất Ba Thục, [1] người ta vẫn phải ẩn nhẫn mà giữ lấy lực lượng, không dám làm liều để rước lấy

1. Ở đây Chiêu Thống muốn nói đến chí phục thù của các vua đời xưa ở Trung Quốc, như Việt Vương Câu Tiễn thời Xuân Thu và Hán Cao Tổ cuối thời Tần. Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai đánh bại và cho ở đất Cối Kê, nhưng vẫn nhẫn nhục chịu đựng mọi cay đắng, ngầm nuôi chí lớn, sau quả nhiên trở lại diệt được nước Ngô. Hán Cao Tổ bị Sở Bá Vương biếm phong vào đất Ba Thục, Cao Tổ cũng tạm thời chịu lép vế, rồi về sau thắng Sở.

sự thất bại. Ngày nay, việc nước nhà cũng giống như vậy, nên trước tiên phải kêu gọi quân cần vương để thêm thanh thế, không nên lộ mặt ra vội. Trẫm đã sai các quan chia đường chiêu mộ binh lính, ở Kinh Bắc có Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lệ, ở Sơn Nam có Trương Đăng Quỹ, Phạm Văn Lân, ít lâu nữa họ sẽ trở về phục mệnh. Ngươi nên đợi họ, bây giờ hãy đóng quân ở trong núi, luyện tập số người mới theo, cho tất cả đều tinh nhuệ, để chờ sai khiến.

Vua lại sai Đình Giản qua miền thượng du trấn Sơn Tây, kêu gọi nghĩa binh các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, hẹn ngày cùng đến. Còn tự mình thì đi tới vùng Hải Dương, truyền hịch chiêu dụ.

Lúc vua đến huyện Chí Linh, quan văn đi theo chỉ có ba người Trần Danh Án, Vũ Trinh và Ngô Thì Chí mà thôi.

Ngô Thì Chí có dâng vua bài "Sách lược trung hưng" như sau:

"Thần trộm nghĩ, dẹp loạn phải xem cơ, dùng võ phải có đất. Vua Thiếu Khang giữ Luân Ấp mà sau mới dấy được nghiệp trung hưng; Vua Chiêu Liệt chiếm Ích Châu, mà sau mới chống được kẻ ngoại địch. Địa thế nước ta, Cao Bằng, Lạng Sơn nằm ở phía Đông Bắc, giáp với đất Trung Hoa. Núi sông hiểm trở, đủ để giữ vững, binh mã hùng cường, đủ để tiến đánh. Nay bệ hạ hãy ngự giá đến đó, sai một sứ thần sang báo với nhà Thanh, xin họ đem quân đóng áp bờ cõi, để làm thanh viện cho ta; đồng thời đưa mật chỉ cho hào kiệt bốn trấn, bảo họ hưởng ứng. Lòng người đã được khích lệ, ai dám không theo? Trăm quan kẻ nào chưa theo kịp, ai dám không tới? Ngoài dựa vào thế thượng quốc, trong nhóm họp quân Cần vương, khiến cho thế giặc mỗi ngày một trơ trọi, thế ta mỗi ngày một lớn mạnh. Rồi đó, ta sắp đặt phương lược, tiến lên khôi phục kinh thành, công nghiệp trung hưng hẳn có thể hẹn ngày mà làm nên được!"

Vua vời Chí tới và bảo:

– Ngươi nói rất hợp ý ta. Mùa đông năm ngoái, ta sai hoàng đệ và các hoàng thân hầu thái hậu lên Cao Bằng, có đưa mật chỉ cho viên đốc đồng Nguyễn Huy Túc, dặn y dùng lời nghĩa khí kích động lòng người, liên kết bọn phiên tướng, tụ tập quân biên cương, cũng là sắp sẵn cho việc ấy. Nhưng còn Lạng Sơn thì ta chưa sai ai đi.

Chí tâu:

– Trước kia, khoảng năm Đinh Dậu (1717), niên hiệu Cảnh Hưng, cha thần đã vâng chiếu lên làm trấn thủ xứ Lạng Sơn, để tuyên bố

uy đức của triều đình và chiêu tập những kẻ lưu vong. Nhân dân bảy châu, đến nay vẫn còn mến yêu. Thần xin lên đó, vâng chỉ chiêu dụ, nhân dịp báo tin cho Túc, tâu với thái hậu, hẹn ngày ra quân để đón xa giá. Thế là một chuyến đi mà được cả hai việc.

Vua Lê khen là phải rồi cho Chí đi. Chí mới đến huyện Phượng Nhãn thì phát bệnh, không thể đi tiếp, liền gửi tờ biểu về xin nghỉ ít hôm để điều trị. Vua bèn cho mười nén bạc để chi về việc thuốc thang.

Trong lời biểu của Chí gửi về tạ ơn vua, có đoạn viết:

"Gặp cơn nguy hiểm, chí hợp mà tâm đồng; nghĩa vua tôi ngàn năm mới gặp; trong đạo luân thường, phận ưa mà tình nặng; tình cha con một nhà khác chi? Nay gặp buổi quốc gia còn lắm nạn; chính là khi thần tử phải quên mình. Dám đâu vì việc riêng mà tiếc thân; nguyện sẽ đeo bệnh tật để dấn bước".

Vua xem tờ biểu này cảm động.

Vừa lúc đó, bọn Đình Dư, Doãn Lệ sai người đưa tờ mật biểu tới nói rằng: "Các vùng Đông Ngàn, Kim Hoa, Võ Giàng, Quế Dương, [1] lòng người đâu đâu cũng căm tức. Bọn thần đã tuyên lời chiếu dụ, các hào mục đều xin dấy quân Cần vương. Cúi xin xa giá trở về Kinh Bắc, để cho bọn họ được vào yết kiến. Rồi nhân đó, bệ hạ ban lời dụ trước mặt họ cho họ về đóng ở đấy, thì người trong thiên hạ đều được trông thấy mặt trời. Đình Giản trước đây đi Sơn Tây, Tôn Lân trước đây đi Sơn Nam, cũng được xa nhờ tiếng tăm, uy tín của nhà vua mà đem quân về họp. Hà tất phải lên Lạng Sơn là nơi bờ cõi xa xôi cách trở? Bọn thần e rằng cứ nấn ná ngày tháng sẽ làm mất cơ hội, rồi lại bỏ chỗ gần mà lo chỗ xa, thì thật là thất sách!"

Vua Lê cho lời ấy là phải.

Vũ Trinh mời vua về làng Xuân Liên, huyện Lang Tài [2]. Cha Vũ Trinh là Vũ Chiêu làm tờ biểu xin dâng hai trăm lạng bạc để tiêu vào việc quân, vua nhận số bạc ấy, bèn dùng nhà Chiêu làm nơi hành tại.

Lại nói, khi Bắc Bình vương sai Võ Văn Nhậm ra đánh đất Bắc, vốn do mệnh lệnh đã định trước, nhưng trong bụng cũng hơi nghi ngờ Nhậm, bèn sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tham tán quân vụ để chia bớt quyền của Nhậm. Bắc Bình vương lại bảo riêng với Sở rằng:

---

1. Nay đều thuộc Bắc Ninh; riêng Kim Hoa sau đổi là Kim Anh, nay là Sóc Sơn, Hà Nội.

2. Nay sáp nhập với huyện Gia Bình thành huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

– "Nhậm là con rể vua anh. Nay ta với vua anh có sự xích mích, lòng y chắc cũng không yên. Chuyến này y cầm trọng binh vào nước người, sự biến không thể liệu trước. Nay ta không lo Bắc Hà mà chỉ lo về Nhậm mà thôi. Người nên xem xét từng ly từng tý, hễ có gì thì phải gấp rút báo về cho ta biết. Ví như lửa cháy, dập tắt từ khi mới bén thì dễ dàng hơn".

Lúc Nhậm thừa thắng dong xe ra Bắc, như vào làng bỏ trống, không một người nào dám chống cự. Nhậm có vẻ dương dương tự đắc. Kịp khi bắt sống được Nguyễn Hữu Chỉnh. Nhậm tự cho là uy vũ của mình đủ khiến người ta phải phục, khu xử việc Bắc Hà không có gì khó. Khi nghe vua Lê chạy sang Bắc, nương tựa vào Nguyễn Trọng Linh. Nhậm liền tức tốc gửi thư bắt buộc Linh phải đem vua Lê ra nộp. Nhậm lại cho đòi những người trong tông thất và các quan văn võ phải đến cửa quân chờ hầu; thường dùng hất hàm, đưa mắt, dùng bộ điệu, khí sắc để sai khiến mọi người mà chẳng ai dám làm gì.

Thế nhưng, rốt cuộc Nguyễn Trọng Linh vẫn không đến, các viên quan có thế lực cũng chẳng ai tới. Trần Quang Châu ở Kinh Bắc, Nguyễn Viết Tuyển ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, ai nấy cầm quân giữ đất và nói phao lên rằng, chẳng bao lâu, bốn phía sẽ nhóm về kinh đô, cùng Nhậm quyết chiến. Rồi đó, hễ quân Tây Sơn có tên nào ra khỏi thành là bị bọn thổ hào giết chết. Giặc cướp cũng nhân dịp nổi lên khắp nơi, khói lửa liên tiếp. Lúc bấy giờ Nhậm mới có ý sợ, liền bắt hết nhân dân quanh vùng kinh kỳ đắp lại thành Đại La. Ngày đêm đốc thúc, không cho nghỉ ngơi chút nào, đến nỗi có người đang đội đất mà ngã sấp xuống. Làm lụng mệt nhọc, đói khát, ai cũng ta oán. Khi ấy, có người đồn rằng: "Trần Quang Châu đã lẻn vào trong thành làm nội ứng, hẹn Nguyễn Viết Tuyển đem binh thuyền ngược dòng sông Nhị Hà đi lên để làm nội ứng. Nhậm bèn hạ lệnh lùng khắp kinh sư, những người ở trọ trong các phố phường đều đem chém chết.

Ngô Văn Sở nói:

– Mình cứ vững dạ, có lo gì họ? Nếu mình tự bối rối trước, thì còn trấn áp được ai? Chi bằng tha họ cho yên lòng dân.

Nhưng Nhậm không nghe. Vừa lúc ấy có người ở làng Cơ Xá, huyện Gia Lâm, tự xưng là Trần Đình Khôi làm chức thiêm sự của nhà Lê, xin vào yết kiến. Nhậm cho mời vào và hỏi:

– Nguyễn Hữu Chỉnh là kẻ vong mạng, lấy trộm ngôi cao, tàn

hại nhân dân, thiên hạ ai cũng căm giận. Người Bắc Hà mưu đồ đánh hắn mà không được, trở lại bị hắn làm hại. Nay ta trừ hắn đi cho, đáng lẽ ơn ta mới phải, sao ta vời mà không ai đến?

Khôi đáp:

– Ông có tài quyết thắng ở ngoài ngàn dặm, lẽ nào lại không xét rõ tình người? Người Bắc Hà dù oán Chỉnh rất sâu, mà lòng nhớ nhà Lê chưa nguôi. Họ thấy ông giết Chỉnh, xa gần cũng đã mừng rỡ, nhưng vì ông chưa bàn gì đến việc phò Lê, nên người ta bàng hoàng trông ngóng, chưa dám đến vội. Nay tự quân đã bỏ nước mà đi, không có lẽ còn quay trở lại. có Sùng Nhượng công Lê Duy Cận, lúc tiên đế còn sống đã chính vị làm đông cung, sau gặp việc biến cố năm Nhâm Dần (1782), mới bị kiêu binh truất bỏ. Nếu ông khôi phục ngôi đó cho Sùng Nhượng công để tạm coi việc nước, rồi đem việc ấy bá cáo khắp trong ngoài, yết một mảnh giấy ở cửa Đại Hưng, thì chẳng bao lâu các quan văn võ sẽ đến họp cả. Lúc bấy giờ việc thiên hạ ai cũng phải nghe ông, ông xoay vần dễ như trở bàn tay, lo gì mà không xong xuôi?

Nhậm gật đầu nói:

– Ông nói rất có lý. Ví như mổ trâu, cắt đúng đường gân khớp xương thì các thớ thịt sẽ đứt cả, không khó nhọc gì.

Rồi đó, Nhậm bèn sai mời Sùng Nhượng công vào phủ, lấy lễ thượng khách mà tiếp đãi và bảo rằng:

– Thiên hạ vốn là thiên hạ của nhà Lê. Tự hoàng bỏ nước mà đi, trong nước không có ai làm chủ. Ông là thái tử cũ, đã có mệnh vua từ trước. Bây giờ ở ngôi ấy, ngoài ông ra thì còn ai nữa?

Sùng Nhượng công nói:

– Nước mọn này mất cả giềng mối, nhờ ơn thượng công [1] đã gây dựng lại cho. Nhưng trời chưa thôi vạ, tự hoàng thơ ấu, bị tên loạn thần làm lầm lỡ, phải chuốc lấy sự bại vong. Nay chúa công [2] không nỡ bỏ, lại lo nối lại cái dòng đã đứt, nếu được lạm giữ ngôi ấy, thì công việc chỉnh đốn phen này, cũng xin nhờ chúa công giúp đỡ cho, may ra mới có thể tự lập được.

Nhậm cười mà rằng:

---

1. Chỉ Nguyễn Huệ.
2. Chỉ Võ Văn Nhậm.

– Ông hãy cứ làm, không cần lo xa. Có tôi ở đây, bọn gian hùng dù muốn hại ông, cũng quyết phải sợ mà không dám hành động. Đợi khi thượng công đến đây, tôi xin nói giúp, ông sẽ được lên ngôi vua thực sự.

Sùng Nhượng công nghe nói, mừng lắm, bèn sắm sửa lễ vật tới yết nhà Thái Miếu, rồi vào ở trong gian nhà phía tả điện Cần Chính, và cho Khôi đi tìm tất cả các quan đến để làm việc.

Trước hết, Khôi tới nhà Lê Phiên. Phiên mắng rằng:

– Vua phải chạy đã không đi theo, lại theo người ta mà lập vua khác. Lời nói ấy sao còn đến tai ta làm gì?

Rồi Phiên lập tức bỏ trốn.

Khôi lại tới nhà viên Tham tụng là Huy Bích. Bích từ chối không chịu gặp. Sùng Nhượng công bèn thảo tờ dụ các quan đại ý nói rằng:

"Năm xưa đã nhường ngôi, quả không có lòng tham thiên hạ. Ngày nay tạm nắm quyền, chỉ mong giữ việc tế tự. Những ai hiểu cho ý đó, thì nên tới họp tại triều".

Nhưng các quan văn, rốt cuộc chẳng một ai tới. Khôi liệu công việc chắc là không thành, bèn bàn tính với một người bạn. Người ấy trả lời:

– Anh nộp tiền để mua chút bằng sắc, triều không ngồi, tiệc không dự, mất nước không phải tội lỗi của anh, được nước không phải trách nhiệm của anh, chẳng qua anh muốn nhân lúc loạn lạc mưu đồ phú quý mà thôi. Nhưng Sùng Nhượng công không phải món hàng có thể buôn bán được, Văn Nhậm lại là kẻ dã tâm khó lòng tin cậy. Một mai Bắc Bình vương đến, tai vạ thật là khó lường; mà sau này vua Chiêu Thống trở về, anh cũng không có chỗ nào để dung thân nữa. Tục ngữ có câu: "Ở yên chẳng muốn, muốn chui đầu vào chum để mua vạ". Chính là nói hạng người như anh đó!

Khôi sợ, bèn bỏ trốn.

Sùng Nhượng công ngồi trơ trong điện, chỉ có một vài hoàng thân và ba bốn tên võ biền, sớm tối ở chung với nhau; còn mọi công việc đều không đến tay, hằng ngày hắn ta đi bộ đến phủ đường, chầu chực Văn Nhậm và hỏi cách xử trí, song Nhậm cũng chẳng biết xử trí ra sao. Người kinh thành thấy vậy, đều gọi hắn ta là "giám quốc lại mục". [1]

1. Viên thơ lại coi việc nước.

Lại nói, Ngô Văn Sở từ khi nhận mật chỉ của Bắc Bình vương và cùng Nhậm ra Bắc, lúc ở trong quân thường vẫn dùng lời nói ngọt như Nhậm, để ngầm dò ý. Đến lúc này, Sở bèn bảo Nhậm rằng:

– Chúng tôi vâng mệnh theo ông đánh dẹp, giặc Chỉnh đã bị giết, nhưng dư đảng của y ở vùng Đông Nam vẫn chưa dẹp yên, vua Lê vẫn còn chạy trốn ở nước ngoài, mà các quan cũng đều lẩn tránh. Nay ông cho Sùng Nhượng công làm giám quốc, nhưng tôi xem lão ấy chỉ là phường a dua không được tích sự gì, rốt cuộc chỉ là một cục thịt trong cái túi da, làm sao mà sai khiến được kẻ khác? Từ khi có nước Nam tới nay, triều đại thay đổi không biết là mấy lần rồi. Thiên hạ nào phải của tiêng nhà ai. Liệu có thể lấy được thì cứ lấy, rồi đặt quan, chia chức để xây dựng phên giậu, làm cho tai mắt của mọi người đều được một phen đổi mới. Nếu có kẻ nào lấy trộm danh nghĩa [1] thì cứ bảo là giặc, rồi đem quân tới đánh, ai dám chống lại? Việc gì mà phải mượn đứa tôi đòi ngoài chợ trông coi việc nước, để hắn sắm vai ông chủ "tượng đất" trong cung; còn mình thì cứ đóng mãi trong thành, làm tụi lính khách ở trọ nước ngoài?

Nhậm nói:

– Bọn Nhưỡng, Tuyển chẳng qua hơi tàn thoi thóp; nắm lấy cánh tay, tự nhiên phải đến. Vả ta xem bọn bề tôi nhà Lê chẳng có mặt nào như Điền Đan nước Tề, Vân Trường nhà Hán [2]; Nếu ta hạ một cái bảng, hạn ngày phải tới cửa quân, không tới thì chém, chắc là chúng sẽ phải cởi áo mang roi đến xin chịu tội. Điều đó không phải là việc đáng lo. Chỉ vì lòng người đất Bắc còn nhớ họ Lê, không thể không chiều theo lòng mong mỏi của mọi người. Mượn hắn ra làm pho tượng gỗ, là cốt để chia rẽ đồ đảng của Chiêu Thống, và ràng buộc lòng dân Bắc Hà đó mà thôi. Chỗ đó không phải chỗ lũ các ông có thể biết được! Các ông khỏe sức đánh trận, ta sẽ giao cho các ông chia đường tiến đánh, rồi giữ lấy đất, làm bức trường thành cho ta, há chẳng tốt ư? Đến lúc đó, cuộc thế xoay vần, tự nhiên có nhiều việc hay, đường đường làm chủ không phải ta thì còn ai? Cần gì mà phải làm khách?

Sở im lặng ra về, rồi bảo với Lân rằng:

– Lão Tiết chế thật là khinh người quá. Hắn có tài đức, trí lực gì

1. Ý nói những kẻ mượn tiếng phò Lê.

2. Điền Đan là người họ vua Tề thời Chiến Quốc; Vân Trường tức tên của Quan Vũ, là kết bạn nghĩa của Lưu Bị thời Tam Quốc. Hai người đều có tài trong việc đánh dẹp và giúp nhà vua khôi phục đất nước.

mà dám coi bọn ta là tụi lính tráng? Xem hắn từ khi vào thành đến nay, đã làm được việc gì? Thúc ép dân phải gấp rút đắp lũy và phò Lê Duy Cận làm giám quốc, đều là sắp sẵn cái mưu làm phản, để hòng tranh giành với chủ ta. Đã không biết lấy việc giặc Chỉnh làm răn, trở lại muốn bắt chước nó, không muốn sống lại muốn chết, thì cứ cho hắn đi theo Chỉnh, để răn những kẻ khác!

Sở bèn lượm lặt các việc làm của Nhậm, cho là tội trạng làm phản, lấy Lân làm chứng, rồi ngầm sai người về Nam báo với Bắc Bình vương, [1] Bắc Bình vương nói:

– Thằng Võ Văn Nhậm đáng chết thật! Ta biết hắn thế nào rồi cũng làm phản, quả nhiên không sai.

Tức thì Bắc Bình vương hạ lệnh tiến ra Bắc, đốc thúc các quân bộ và quân kỵ mã ngày đêm đi gấp. Chừng hơn mười ngày, đến thành Thăng Long. Bấy giờ đồng hồ vừa nhỏ giọt xuống đến trống canh tư, Nhậm đang ngủ say trong phủ. Sở được tin, liền dặn người do Bắc Bình vương sai đến phải giấu kín việc ấy, không được báo cho Nhậm biết; rồi sai người ngấm ngầm ra ngoài thành đón Bắc Bình vương. Người nhà và người xung quanh Nhậm cũng đều không ai biết gì. Chốc lát, Bắc Bình vương vào thành, đến thẳng chỗ Nhậm nằm, Nhậm cũng vẫn chưa biết. Bắc Bình vương liền sai võ sĩ là Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm rồi khênh xác ra sau phủ đường. [2]

Mờ sáng, Bắc Bình vương truyền lệnh cho Sở làm chức đại tư mã, thống lĩnh quân đội thay Nhậm, lúc đó quân lính mới biết.

Hôm ấy Bắc Bình vương cắt đặt lại quan chức: Đô đốc Nghĩa Hòa hầu làm trấn thủ trấn Sơn Nam; Lôi Quang hầu [3] làm trấn thủ trấn Sơn Tây; Nguyệt Quang hầu làm trấn thủ trấn Kinh Bắc; Hám Hổ hầu [4] làm trấn thủ trấn Hải Dương. Còn Giác Hòa hầu coi giữ bộ Hình, Chánh Ngôn hầu coi bộ Hộ, Ước Thiện hầu coi bộ Lễ, Lộc Tài hầu coi bộ Lại, và đều kiêm nhiệm chức hiệp trấn. Bắc Bình vương

---

1. Theo *Cương mục* thì Nhậm có làm những việc trái phép, như tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất nhắc, xếp đặt quan chức, v.v... Nhưng bên cạnh đó, Sở vốn có hiềm khích với Nhậm, nên đã dâng mật thư vu oan cho Nhậm làm phản.

2. Cũng theo *Cương mục*, lúc Nguyễn Huệ đến, Nhậm ra ngoài thành đón, Nguyễn Huệ liền nhường ngựa đang cưỡi và lọng che cho Nhậm vào thành, lại an ủi vỗ về ôn tồn. Sau đó, Nguyễn Huệ mới bắt Nhậm đem tra khảo và giết chết.

3. Có bản chép Tuyết Quang hầu.

4. Có sách chép Hô Hổ hầu.

lại bảo họ tiến cử những người mà họ hiểu biết, chia ra cho làm quan ở các huyện. Võ thì chia ra chức suất, chức nội; văn thì chia ra chức tri, chức ngoại. Cả sáu trấn [1] đều do Sở tùy theo tài năng mà cắt đặt, sau đó bẩm lên xin cấp văn bằng, rồi cho ai nấy lĩnh quân bản bộ về trấn của mình. Bắc Bình vương lại hạ chỉ vẫn để con thứ tư của tiên hoàng nhà Lê là Lê Duy Cận làm giám quốc, coi việc tế tự, và cho đòi hết thảy các quan văn võ phải tới cửa khuyết, chực sẵn ở nhà bộ Lễ, rồi theo viên lễ quan là Võ Văn Ước vào yết kiến.

Bấy giờ, viên quan văn là Ngô Thì Nhậm vào yết kiến trước, Ước tưởng nhầm là hoàng tử nhà Lê, liền mời cùng ngồi với mình. Tiếp đó, bọn Lê Phiên đến, đều lạy ở dưới sân. Ngô Thì Nhậm trong bụng rất áy náy, vội đứng dậy đi ra. Ước lấy làm lạ không biết là ai, bèn hỏi:

– Người vừa ngồi đây là ai thế?

Có người trả lời:

– Văn ban Ngô Thì Nhậm đấy!

Ước giận mà rằng:

– Sao lại được vô lễ như vậy?

Rồi Ước tức tốc sai người theo bắt.

Ngô Thì Nhậm đã biết trước chuyện đó, nên lúc ra, vội vàng trốn tránh ngay. Đến tối, Nhậm vào yết kiến viên trung thư lệnh Kỷ Lễ hầu là Trần Văn Kỷ.

Kỷ người Thuận Hóa, vốn có văn học, là bậc danh sĩ ở Nam Hà, năm Đinh Dậu (1777) niên hiệu Cảnh Hưng, Kỷ thi ở trấn đậu giải nguyên. Năm Mậu Tuất (1778), Kỷ tới kinh thi hội. Sĩ phu ở Bắc Hà, Kỷ có giao thiệp quen biết ít nhiều. Năm Bính Ngọ (1786), Bắc Bình vương đánh lấy thành Phú Xuân, sai người tìm Kỷ hỏi việc Nam, Bắc, Kỷ đối đáp rất nhanh và rất hợp ý, nên Bắc Bình vương rất trọng, cho ở vào chỗ "màn trướng", [2] việc gì cũng bàn với Kỷ, lúc nào cũng gần bên Kỷ, không mấy khi xa rời.

Lúc ấy, Ngô Thì Nhậm mới gặp Kỷ, nói rõ tình trạng mình xúc phạm tới Ước, sợ bị hãm hại nên không dám đến, chứ không phải

---

1. Theo *Dụ Am văn tập*, dưới thời Tây Sơn, các trấn ở Bắc Hà được chia ra thành 7 nội trấn và 6 ngoại trấn. Đây là 6 ngoại trấn: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Yên Quảng.

2. Nơi ở của bậc tướng soái.

trốn tránh, rồi nhờ Kỷ giải cứu cho.

Kỷ nói:

– Nghe ông là bậc kỳ tài. Không may bị tiếng gièm pha, trốn tránh hơn năm sáu năm, sự tích lũy càng thêm tinh túy, nay ra ứng dụng với đời, chính là hợp thời. Tôi đã đem tên ông trình với chúa thượng, ngài khen tài ông có thể dùng vào việc lớn. May mắn nay được chúa thượng rủ lòng yên mến, đã sai tôi tìm ông, vậy không phải cần gì đến ông Ước! Tức thì Kỷ đưa Nhậm vào yết kiến Bắc Bình vương. Bắc Bình vương nói:

– Ngày trước, ngươi vì chúa Trịnh không dong, một mình bỏ nước mà đi.

Nếu ta không đến đây, ngươi làm sao được thấy bóng mặt trời? Có nhẽ đó là ý trời muốn dành người tài cho ta dùng. Vậy ngươi hãy cố mà lo việc báo đáp, thế là được.

Ngô Thì Nhậm rập đầu tạ ơn. Bắc Bình vương quay lại bảo Kỷ:

– Đây là người do ta gây dựng lại, nên thảo ngay tờ chế phong làm chức tả thị lang bộ Lại, tước Tình Phái hầu, cùng với Văn Ước coi tất cả các quan võ của nhà Lê.

Hôm sau các quan lục tục kéo đến, lễ quan đưa vào lạy ở điện Chính Trung, Bắc Bình vương đòi hết lên sảnh đường mà bảo:

– Vua Lê do ta lập nên, nhưng là người tối tăm nhu nhược không thể gánh nổi công việc. Sau khi ta về Nam, liền bị Nguyễn Hữu Chỉnh sai khiến tự rước lấy bại vong, đất nước này dù ta không lấy thì cũng bị người khác lấy mất. Nay ta đã để Sùng Nhượng công làm giám quốc, các ngươi hãy cố gắng ở lại giúp đỡ ông ta. Ta thật không muốn lấy Bắc Hà để kiếm lợi, nay mai lại sắp về Nam. Nhưng vì sợ tự hoàng tranh giành cùng giám quốc, thành ra ta làm ơn mà lại hóa ra gây loạn cho họ, nên ta phải để viên đại tư mã là Ngô Văn Sở ở lại trông nom việc binh, chờ khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về.

Trăm quan từ giã lui ra, rồi nói riêng với nhau:

– Bắc Bình vương tạm dùng lời nói ngọt để giá ngự chúng ta, chứ không phải thật bụng. Văn Sở cầm quân ở đây, thì Sùng Nhượng công làm gì mà có nước? Hễ cử động gì liền bị họ nắm lấy cánh tay, ông ấy còn làm được chi? Ví như cây tầm gửi, bám vào cành cây khác, rễ không bén đất, sống lâu dài làm sao được? Chúng ta, người nào có thể đi theo vua lo việc khôi phục thì đi đi, nếu không thì nên

ẩn xa cho sạch mình, chớ để cho người ta lừa phỉnh mà rước lấy vạ.

Sùng Nhượng công cũng biết như thế, nên đã phải than rằng:

– Ta nay tiếng là giám quốc, thật ra chỉ là một ông từ giữ đền. Nhưng vì miếu xã ở cả đây, bỏ đi thì đi đâu? Thôi thì cũng đành cam lòng như thế, không hối hận gì nữa vậy!

Qua vài ngày, Bắc Bình vương dẫn quân về Nam. Trước khi lên đường, vương chọn năm sáu viên văn thần là bọn Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn, Nguyễn Bá Lân... phong cho quan tước: Ích làm chức tả thị lang bộ Hộ, tước Thụy Thân hầu được đưa về Nam. [1] Còn bọn Lịch, Tốn, Lân..., thì đều được phong chức hàn lâm trực học sĩ, theo Đại tư mã Sở ở lại đất Bắc. Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên đều xin về dưỡng nhàn, nhưng vẫn được Bắc Bình vương cho giữ nguyên chức tước, và sai bộ Lễ cấp phát giấy tờ cho họ về làng xóm. Tham tụng là Bùi Huy Bích, Thiên đô là Nguyễn Huy Trạc đều có đến kinh, nhưng không chịu cho dẫn vào lạy chào. Rồi đang đêm Bích trốn, còn Trạc thì tự tử ở đài Ngự Sử.

Những người trốn tránh không chịu ra thì có Phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, Tham tri chính sự Lê Duy Đản, Phạm Đình Dư, Đồng xu mật viện Nguyễn Duy Hạp, Phạm Trọng Tuyến, Thiêm sai công phiên Phạm Quý Thích, Đô cấp sự trung Nguyễn Đình Tứu, tất cả chỉ có bảy người mà thôi. [2]

Lại nói, bấy giờ vua Lê đang ở huyện Lang Tài, lại dời đến huyện Chí Linh. Các quan biết chỗ vua ở, nhiều người đến theo. Lê Ban ở Giáp Sơn [3] đem một trăm người nghĩa dũng đến yết kiến. Vua mừng lắm, phong cho làm chức ngự doanh sứ, tước Trung Nhạc hầu.

Ban nói kín với vua rằng:

– Trước đây, thần về Nghệ An, thấy nhân tình rất là căm phẫn ghét Tây Sơn như cừu thù, nhiều người đã nhóm họp ở rừng núi để cùng lo việc khởi nghĩa. Các bậc phụ lão nghe tin thần ở Bắc vào, đều lần lượt đến hỏi nhà vua ở đâu, muốn cho con em đi theo. Nhân thế thần mới cùng đi với họ. Dọc đường qua cửa biển, thần lấy điều nghĩa khuyên dụ, nhiều người xin đem thuyền qua biển, hẹn với nhau

---

1. Bản chữ Hán chép cả Ngô Thì Nhậm cũng được đưa về Nam; đó là chép lầm.
2. Theo *Cương mục*, thì số người này gồm tám viên, mà có tên khác hẳn đây.
3. Cũng đọc Hiệp Sơn, nay là đất huyện Kinh Môn, Hải Dương.

họp ở ngoài khơi phủ Kinh Môn [1]. Gần đây, thần được tin báo rằng: hiện có chừng hơn bảy chục chiếc thuyền và hơn ba trăm thủy thủ, khí giới lương thực đầy đủ, ít hôm nữa sẽ đến. Vậy xin xa giá ngự ra Giáp Sơn, hạ chiếu cho Trần Quang Châu đem quân bản bộ hộ vệ. Quân bộ do Châu thống lĩnh; mặt thủy thì thần xin đảm đương. Hai cánh quân nương tựa lẫn nhau. Trước hãy khôi phục trấn Hải Dương để làm nơi xa giá tạm nghỉ. Trấn ấy phía Bắc có thể khống chế các huyện Từ Sơn, Thuận Thành; phía Nam thông với các phủ Thái Bình, Kiến Xương, theo đường lên có thể đến Cao Bằng, và kéo luôn sang vùng Lạng Sơn. Cơ trung hưng không còn cách nào nữa.

Vua Lê nghe theo, bèn hạ chiếu cho Châu làm chức đốc chiến ở đạo Kinh Bắc.

Quân chưa kịp tiến, thì vừa gặp lúc Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương dâng tờ biểu xin theo đi đánh trận. Mọi người nghe tin, nói nhao lên rằng: "Nhưỡng là một thằng chẳng ra làm sao. Bảo là có nghĩa ư? Trước đây hắn đã toan giúp nhà chúa để chống lại mệnh lệnh nhà vua, lúc đầu phò Quận Thụy, sau lại theo chúa Án Đô. Đến khi Quận Thụy làm không nên việc và Án Đô bị thất bại, hắn đều bỏ đi không nhìn. Bất nghĩa đến thế là cùng! Bảo là có tài ư? Chính hắn đã hai lần cầm quân chống giặc, thì một lần thua ở Kim Động, một lần thua ở Ngô Đồng, chỉ chạy thoát được cái thân, không chết là may đấy thôi! Xem một đời hắn, toàn không có nghĩa khí, lại không có tài chiến đấu, chỉ cậy thế con nhà tướng, quen dùng khí thế đè nén người ta. Khi hắn mới về Hải Dương, thả bộ hạ cướp bóc trong xứ. Người ta coi hắn là giống diều quạ gian giảo và gọi là giặc Nhưỡng. Hào mục các huyện đã viết thư cho nhau kể tội ác của hắn. Họ đã họp nhau trong làng Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, hẹn nhau đến đánh phá Hàm Giang, Nhưỡng phải lui quân về huyện Bình Giang, rồi nhân lúc ban đêm, kéo đến làng Lai Cách, giết hại không biết bao nhiêu người mà kể, đến nỗi thây nằm ngổn ngang đầy đồng, sự tàn nhẫn của hắn như vậy, nên người Hải Dương ai cũng coi hắn là kẻ thù. Nay dung nạp hắn, chẳng những vô ích mà còn mất lòng nhân dân Hải Dương, thật là thất sách".

Vua Lê cũng từng nghe tin: Nhưỡng bị mọi người không dong đã ngấm ngầm đưa thư xin hàng Tây Sơn, nên lúc này cũng nghi ngờ

---

1. Địa bàn phủ Kinh Môn (Hải Dương) thời Lê rất rộng, gồm cả một số huyện của Quảng Yên và Kiến An hiện nay.

không cho Nhưỡng theo đi đánh.

Các hào mục ở trấn Hải Dương nghe tin vua sang xứ Đông, đều dâng tờ biểu, quyết xin đánh Nhưỡng.

Vì thế, Nhưỡng bối rối quá tính không còn chỗ nào để dong thân liền phải phát cáu mà nói rằng:

– Vua đã không thương ta, ta còn cần gì vị nể vua?

Rồi Nhưỡng sai tên đồ đảng của y là Trần Liên đến Thăng Long ngấm ngầm tố cáo chỗ vua ở và xin Văn Sở sai quân đi bắt. Ban đầu Liên nghe tin vua lén lút ở trong nhà dân, chỉ còn sáu bảy người theo, bèn báo cho Sở biết.

Sở hỏi cặn kẽ. Liên vẽ rõ đường đi cùng chỗ ở của vua, rồi nói:

– Ví như vào chùa trói một lão trọc lôi đi mà thôi!

Sở cười mà rằng:

– Nếu quả như lời ngươi nói, sao ngươi không lôi cổ đến đây cho ta, còn xin quân làm gì?

Liên đáp:

– Lôi ông ta đi chẳng qua chỉ một tên lính cũng đủ, nhưng chúng tôi còn sợ danh nghĩa, nên không dám làm. Việc ấy cố nhiên là việc dễ, nhưng lại khó đối với người trong nước, xin ngài xét cho chỗ đó!

Sở tin là thật, liền sai một trăm tên lính cùng đi với Liên. Không ngờ lúc ấy, Trần Quang Châu và Lê Ban đã đến chỗ vua ở, và quân lính bảo vệ cũng không ít. Đêm ấy nghe bảo quân Tây Sơn vượt núi mà đến, hai người bèn chia hai đường đánh dồn lại, và giết hết sạch. Liên chạy trốn vào hang núi được thoát, rồi chạy về Thăng Long báo tin. Văn Sở lập tức cho một đạo quân lớn đi đuổi vua Lê [1].

Vua mới đến Giáp Sơn, các đạo quân Cần vương còn chưa nhóm họp được hết. Chợt nghe tin quân địch sắp đến, Nhưỡng làm hướng đạo. Mọi người đều run sợ nói nhao nhao lên rằng: "Nhưỡng mà thông đồng với giặc thì Hải Dương không thể ở được".

Châu xin vua lại về huyện Chí Linh. Ban thì xin vua đi Yên Quảng.

---

1. Theo *Cương mục*, thì Đinh Tích Nhưỡng đã đến vây đánh vua Lê hơn một tháng. Sau có người ở Hải Dương là Trần Đình và Hoàng Xuân Tu đến cứu vua, chém chết hai người em của Nhưỡng, Nhưỡng mới phải bỏ chạy.

Mọi người đang bàn bạc phân vân chưa quyết, thì vừa lúc Trương Đăng Quỹ và người con là Trương Đăng Thụ cưỡi chiếc thuyền biển đi từ phủ Kiến Xương đến yết kiến vua. Thấy thế, Quỹ bèn nói:

– Chí Linh là nơi đồi núi gập ghềnh, tắt ngang sang Gia Bình thì lại là đồng ruộng mênh mông. Ta quân ít sức hèn, đánh hay giữ đều không tiện. Còn Yên Quảng thì lại giáp với Hải Dương, đường sông, vũng biển, đều là cửa ngõ ra vào của Nhưỡng. Hắn đã ăn ở hai lòng, thì đó cũng không phải là chỗ yên lành có thể trú ngụ. Trấn Sơn Nam đất tốt dân đông, đinh tráng có thể luyện thành quân lính, thóc gạo có thể trưng làm lương thực, sông ngòi chằng chịt như mạng nhện, cưỡi một chiếc thuyền, bỏ chỗ nọ đến chỗ kia, chẳng ai còn biết lối nào mà tìm. Bệ hạ đang lúc như con rồng ẩn bóng, không đâu yên ổn bằng đấy.

Vua theo lời Quỹ, bèn quyết ý dời về phía Nam. Còn lời bàn của Châu và Ban thì vua đều không nghe. Rồi đó, vua yên ủy hai người, sai Châu dẫn quân về Bắc. Ban thì đem thuyền biển lui về Biện Sơn [1], chờ lệnh trưng phát. Thế là, quân Cần vương tan tác đi ra bốn phía, còn vua thì đi về phía Nam.

Lúc tới nơi, vua đóng ở huyện Chân Định, dùng nhà Đăng Quỹ làm nơi hành tại. Quỹ đưa con em và người trong họ tới lạy chào, vua đều ban cho quan tước, sai họ chia nhau đi các làng, các huyện chiêu mộ quân nghĩa dũng. Xa gần nô nức hưởng ứng, đều xin họp quân Cần vương, hẹn ngày cùng đến, thuyền bè kể có hàng nghìn, quân lính có tới hàng vạn. Các tay hào mục đều đến, vua tự mình ra yên ủy họ. Rồi sai Đăng Quỹ chia làm năm đạo, trong từng đạo lại đặt ra các chức thống lệnh, đốc chiến, tham quân, đốc hướng mỗi chức một viên, lập thành cơ đội, chờ ngày xuất phát.

Viên nội hàn là Lê Xuân Hạp bảo Đăng Thụ rằng:

– Quân lữ là việc lớn, không thể khinh suất. Trước hết nên điểm số quân, kén lấy người cường tráng làm chiến sĩ, cứ năm chục người làm một đội, năm đội làm một cơ, năm cơ làm một đạo, do viên thống đạo đốc suất. Những người còn lại thì để dùng vào việc chuyên chở và sai khiến, chớ để quân lính không tinh nhuệ lẫn trộn vào, tiếng là có số mà vô dụng. Nay nên kể rõ danh sách, dẫn vào bái mạng, để nhà vua ban cho binh phù, trao cho quân luật. Viên thống

1. Núi Biện Sơn ở vùng biển huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

đạo vâng lệnh triều đình; các cơ đội thì chịu sự tiết chế của viên thống đạo. Người nào tuân theo mệnh lệnh thì có trọng thưởng, người nào không nghe mệnh lệnh thì bị tội chém. Sao cho quân lính đều hăng hái và biết khuôn phép, sau đó mới có thể đưa ra trận mạc. Binh là việc dữ, chiến là việc nguy, không phải là trò trẻ con.

Thụ nói:

– Ngày nay chính là lúc đang cần gấp rút thu phục lòng người, mọi việc hãy tạm giản dị, chưa thể buộc ngay họ vào khuôn phép được!

Hạp nói:

– Thu nạp được nhiều người mà dùng không được, chỉ sợ thấy giặc là chạy, rồi lại còn giày xéo lẫn nhau nữa, thì dù nhiều cũng chẳng làm gì. Sao không nghĩ đến việc cụ lớn đại thần nhà ta đã cố sức khuyên nhà vua qua xứ Sơn Nam, ông là con ngài, vâng mệnh cầm quân, vạn nhất mà bị vấp ngã, tội ấy tại ai?

Thụ không nghe, chỉ gọi hào mục đến mà phân phái bằng miệng, tuyệt nhiên không có sổ sách gì để có thể tra cứu. Bởi vậy, đến khi có việc cần sai khiến, Thụ đều lờ mờ không biết đâu mà lần, đến nỗi phải chạy đi hỏi lăng nhăng khắp nơi, trong quân ngũ chẳng còn có kỷ luật gì nữa. Quỹ cũng không biết, gọi Thụ hỏi về việc quân thì Thụ thưa rằng: "Các đạo nay đã tề tựu, quân số rất nhiều, ai cũng hăng hái đánh giặc. Xin đánh một trận để lập công!

Quỹ cho là phải, tâu xin chọn ngày xuất quân. Vua có ý ngần ngại mà rằng:

– Ta nghe những người giỏi về chiến trận, trước hết phải lo việc thua, rồi sau mới thắng được người. Nay ta xem thuyền bè thì đều là thuyền câu, thuyền chài, quân lính thì đều là những kẻ chợ búa ô hợp, dùng quân ấy mà đánh, có chắc là không bị thua chăng? Nghĩ đến cảnh sau lúc chạy trốn, cùng một vài người bề tôi lo việc dựng lại cơ nghiệp thì trẫm dù không thể khôi phục được xã tắc cũng quyết chết với xã tắc, thề đánh nhau với giặc đến cùng, chớ có sợ gì xuất quân? Nhưng trẫm muốn làm việc gì cũng phải tính kế vẹn toàn, ngõ hầu khỏi mang tiếng là vì khinh suất, vội vàng mà chuốc lấy vạ bại vong.

Quỹ ngoảnh lại bảo Thụ:

– Thánh thượng bảo như vậy, con nghĩ thế nào?

Thụ nói:

– Ngày nay, điều mà mình trông cậy, ấy là lòng người. Mọi người ai cũng kính mến ơn đức của thánh thượng, căm thù giặc, nguyện xin đánh một trận lớn, giết cho hết giặc. Lòng người như thế, đánh đâu không tan? Đẽo cây gậy có thể quật ngã nước Sở, dựng ngọn sào có thể làm mất nhà Tần [1]; huống chi số quân này và số thuyền này há không đủ giết chết quân giặc sao? Nếu cứ muốn quân lính quen thạo trận mạc, thuyền bè phải đủ lầu gác, thì trước đây Quận Thạc, Quận Nhưỡng đều là những viên tướng trải qua trăm trận, lính thủy lính bộ các doanh mà họ thống lĩnh đều là quân tinh nhuệ, hùng dũng, sao cũng không thể thành công mà lại phải tan vỡ? Vậy thần xin thả thuyền ngược dòng mà lên. Quyết chiến với giặc, có thể lấy lại kinh thành, cơ hội này không nên bỏ lỡ!

Vừa lúc ấy Nguyễn Viết Tuyển đưa binh thuyền đến đón vua. Nhân thế, Đăng Quỹ khuyên vua cho xuất quân.

Nguyên trước, Tuyển làm bộ tướng của Chỉnh, cùng với Chỉnh vượt biển vào với Tây Sơn, xông pha những nơi nguy hiểm, không hề rời bên cạnh Chỉnh. Đến lúc Chỉnh về nước và đắc chí, liền tiến Tuyển với vua, nói là tài Tuyển có thể đương nổi một mặt.

Vua bèn hạ chiếu cho Tuyển làm trấn thủ trấn Sơn Nam, thống lĩnh năm ngàn lính bộ và bảy chục chiếc thuyền.

Tuyển giỏi về thủy chiến, nên khi Chỉnh có hiềm khích với Tây Sơn, sợ Văn Nhậm lợi dụng lúc sơ hở mà đi đường biển đến, Chỉnh bèn sai Tuyển đóng đồn ở cửa biển Đại Hoàng, đem quân đi tuần ngoài biển để dò la tin địch. Đến lúc kinh sư tan vỡ, Chỉnh đưa vua chạy sang Kinh Bắc, Tuyển không được biết. Sau đó tin báo đến nơi. Tuyển mới lật đật ở biển rút về trấn, mưu đóng giữ đất ấy để chống với địch. Văn Nhậm đã có lần đánh Tuyển, nhưng không hạ được. Đến khi Văn Sở lên thay Nhậm, muốn dỗ Tuyển về hàng, bèn sai người vào Nghệ An, bắt cha và vợ Tuyển ra Thăng Long. Rồi sai vợ Tuyển cầm thư của cha Tuyển viết để dụ Tuyển, đồng thời lại đưa tin rằng: "Nếu Tuyển không mau mau đầu hàng, thì sẽ giết cha!" Tuyển thấy thư của cha khóc và nói:

1. Trong sách *Mạnh Tử*, lời Mạnh Tử nói với Lương Huệ Vương có câu: "Chế đình khả dĩ thất Tần, Sở chi kiên giáp lợi binh", nghĩa là đẽo cây gậy có thể đánh bạt giáp bền gươm sắc của quân Tần, Sở. Theo Bắc sử, cuối thời Tần, Trần Thắng và Ngô Quảng khởi binh, chỉ dùng cây cối làm gươm giáo, dựng ngọn sào lên làm cờ mà đánh bại quân Tần.

– Đời người có ba đấng bề trên thì hoàng thượng là vua ta, Bằng công là thầy ta; mệnh cha không dám không theo, nhưng thù của vua và thầy không thể không trả, giả sử đầu hàng mà được trọn đạo nuôi cha, trở về quê hương họ hàng làm người nông dân huyện Chân Phúc cho hết đời, thì dù được đằng nọ mất đằng kia, ta cũng cam lòng. Song nếu bị giết hại, thì trung hiếu đều hỏng, để tiếng cho ngàn đời, làm kẻ ngu dại trong thiên hạ, như thế rất không nên.

Rồi đó, Tuyển dặn vợ trở về tạ với cha. Cha Tuyển được tin, biết Tuyển không có ý cứu mình, bèn ngửa mặt lên trời mà than rằng:

– Đã không có thể cầu sống với con thì còn xin sống với người khác làm gì? Giả sử nó làm được như Vương Lăng [1], thì dù có chết như bà mẹ Lăng, ta cũng không tiếc, nhưng ta xem nó chỉ như con lợn con chó, khó lòng mà được như thế. Chết khi chính mắt trông thấy nó thất bại thà rằng chết trước còn hơn!

Sở biết ý ông ta, liền sai người canh giữ rất nghiêm ngặt, và nói:

– Tuyển đã không có ý hàng, thì ta cũng không thể nuôi giặc.

Rồi Sở tự đem quân đi đánh Tuyển, đưa cả cha và vợ Tuyển đi theo. Sở sai đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, thống lĩnh thủy quân, còn mình thì thân hành đem bộ binh cùng Phan Văn Lân chia làm hai cánh tả hữu, men theo hai bờ Sông Cái, cùng tiến lên.

Đến bến Thanh Trì, Sở bắt được chiến thuyền, đóng ở cửa ải Hàm Tử, mà không có quân bộ. Lương thực toàn lấy của dân, năm ngày một kỳ, nhưng cũng không được đều đặn. Quân của Tuyển có khi buộc thuyền ở ven bờ sông, rồi vào nhà dân cướp bóc, mọi người ai cũng chán ghét, thế không thể nào đóng lâu ở đấy được. Gần đây, Tuyển lại sai đắp lũy đất ở sông Hoàng Giang, đốc thúc công dịch rất gấp. Nghe đâu ông ta sắp lui về đấy để làm chước cố thủ.

Nhờ vậy, Sở biết rõ tình hình hư thực của Tuyển, liền bảo với Lân rằng:

– Quân ta chuyến này bắt Tuyển như bắt đứa trẻ con, không khó gì cả!

Sở bèn họp quân bộ, chia làm hai đạo, nhân đêm tối tiến về phía

---

1. Thời Hán, Vương Lăng là một tướng giỏi của Hán Cao Tổ, khi Sở Hạng Võ đánh nhau với Hán, bắt mẹ Vương Lăng, rồi buộc phải viết thư dụ con về hàng, nhưng bà không chịu, tự đâm cổ vào mũi gươm mà chết cho con một lòng phò Hán.

Nam, vòng ra sau quân Tuyển, phục kích ở hai bên bờ sông, đợi khi thủy quân giao chiến với quân Tuyển và nghe thấy tiếng súng nổ, thì lập tức giục trống, hò reo xông lên, hai cánh cùng nhắm thuyền quân của Tuyển mà bắn.

Rồi đó, hai bên giao chiến ở vùng huyện Kim Động, quân Tuyển bất lợi, phải theo nước xuôi chèo gấp về Nam. Sở thừa thế vẫy quân đuổi theo. Đến bờ sông Hoàng Giang, quân Tuyển dựa vào lũy đất để giữ thế thủ, hai mặt thủy bộ nương tựa lẫn nhau để chống với quân Sở.

Lúc Tuyển thua ở Kim Động, sĩ dân mạn xuôi đều chưa, ai biết trông thấy thuyền bè đầy sông, cờ quạt rợp trời, họ cho là quân Tuyển thế nào cũng thắng trận. Lại nghe vua Lê ở Chân Định, Tuyển đã cho thuyền đi đón, xe vua sắp đến, nên ai cũng nô nức mừng rỡ, tranh nhau đem đinh tráng, mở cờ gióng trống để đón quân vua. Tuyển thấy nhân tình như thế, nên mới dâng biểu tâu xin nhà vua ngự ra coi quân. Đăng Quỹ cũng chủ trương việc nhà vua thân chinh. Vua Lê bất đắc dĩ phải gắng gỏi nghe theo. Nhân dân vùng ven sông trông thấy tàn lọng nhà vua, đều xúm xít trên bờ, chen chúc đứng xem chật như nêm cối. Ai nấy đều nói: "Vua ta đến đây!". Rồi bảo nhau vái lia lịa và tung hô "vạn tuế".

Xe vua đi sang hướng Bắc, đến sông Ngô Đồng, chợt thấy một người hớt hơ hớt hải chạy về phía Nam. Quân lính liền bắt lại, hỏi cớ sao mà chạy. Người ấy miệng run cầm cập, không thể nói được, chỉ giơ ngón tay trỏ về một làng ở đằng xa, hồi lâu mới đáp:

– Giặc... đến... nơi... rồi!

Mọi người cùng lên cao mà nhìn thấy thấp thoáng ở trong đám cây cối um tùm, có một toán quân đang từ phía Tây đi tới, cờ quạt khi mờ khi tỏ. Ai nấy đều nói: "Đúng là bộ dạng quân Tây Sơn". Họ vội vàng xuống thuyền, tâu rõ với vua. Vua nói:

– Quân Tuyển đóng ở phía trước, quân giặc sao lại vượt qua mà đến đây được?

Rồi nhà vua sai Xuân Hạp lên bờ, dùng ống viễn kính để xem. Hạp xem đúng là quân Tây Sơn, nhưng sợ quân sĩ kinh sợ, bèn trở lại tâu rằng:

– Bộ dạng toán quân ấy chưa được rõ ràng, nhưng quân Tây Sơn xuất quỷ nhập thần, rất là khó lường. Đề phòng việc bất trắc, đó là phép đời xưa. Vậy xin tạm dời thuyền ngự sang bờ bên Đông xem sao? Vua cho là phải.

Thì ra lúc bắt đầu đi đánh Tuyển, Sở đã lấy thủy quân thẳng theo dòng sông xuôi xuống làm chính binh; lại ngầm sai Đô đốc Nguyễn Văn Hòa lĩnh đạo khinh binh do đường Bình Lục, Thiên Thúy vòng lại làm kỳ binh, để đánh úp phía sau. Nhưng Tuyển không hề biết.

Quân hai bên đánh nhau mới được vài hiệp, Tuyển sai tướng sĩ đặt súng Bảo Long ở trên bờ sông, để bắn quân địch. Chợt thấy quân địch trói cha và vợ Tuyển ở đầu thuyền, rồi chèo thuyền vun vút xông lên phía trước. Tuyển trông thấy, khóc và nói:

– Con bắn cha là trái với đạo trời!

Đoạn Tuyển vội vã thét quân sĩ thôi bắn, và lui vào trong lũy để cố thủ.

Bỗng nghe tiếng súng ầm ầm như sấm, khói lửa ngút trời, quân lính hoảng sợ, đều nói nhao lên rằng: "Giặc đã chặn mất đường về rồi".

Họ bèn bỏ chạy tan tác. Tuyển ngăn không nổi, liền cùng bộ hạ hơn trăm người nhắm phía Nam sông Hoàng Giang mà chạy.

Thuyền vua Lê đóng ở bờ phía Đông hồi lâu, sau nghe tin quân Tuyển thua trận, quân Tây Sơn xông ra bốn phía, chém giết rất dữ dội, thì mọi người đều mất hồn mất vía, bỏ cả thuyền bước vội lên bờ, cướp đường mà chạy. Nhà vua thấy vậy, liền thuận theo dòng sông buông thuyền chạy về phía nam. Khi tới một ngã ba sông, không biết đi về ngả nào, vua bèn sai gọi gấp Đăng Quỹ để hỏi nhưng không thấy Quỹ ở trên thuyền nữa.

Lúc ấy gió bấc đang mạnh, vua sai giương buồm thẳng ra biển mà đi. Bốn bề mênh mang, mù mịt, trời nước một màu, theo gió cưỡi sóng, lênh đênh trong biển khơi, việc sống chết lúc ấy thật không biết đâu mà lường. Vua Lê ngước mắt lên trời mà khấn rằng:

"Nếu trời không muốn bảo tồn dòng dõi họ Lê, thì xin nguyện đi theo hải mã đến chỗ Quảng Lợi vương ở biển Nam Hải, không cần sống làm gì nữa".

Nói chưa dứt lời, chợt thấy có một chòm núi, đột ngột hiện ra giữa những lớp sóng, sau núi có chừng vài chục chiếc thuyền. Vua vội vàng hỏi người cầm lái, thì ra ra đã đến hải phận Biện Sơn. Dần dần lại gần, thấy một người bận quần áo trận đứng ở đầu thuyền, nhìn kỹ chính là Lê Ban.

Vua vừa mừng vừa thẹn, chưa biết nói sao. Ban biết là thuyền

vua, vội vàng đến bái yết, vua ứa nước mắt mà nói:

– Ta hối không dùng kế của nhà ngươi, bị Trương Đăng Quỹ làm lỡ. Biết trước thế này, thà ở Giáp Sơn mà bị thua, còn hơn là đến Chân Định mà thua, thêm một phen lận lội, chỉ tổ cho người ta chê cười. Nhưng thôi, cũng là việc đã rồi. Còn bây giờ thì nên làm như thế nào?

Ban tâu:

– Thần nghe nói: "Có lắm nạn mới dấy được nước, sự lo phiền mở rộng thánh đức". Xin bệ hạ chớ vì thế mà nhụt chí. Thua được là việc thường của nhà binh. Ví như đánh cờ, thua ván này ta bày ván khác, cố làm sao cho nước cờ lạ hơn người, quy mô sắp sẵn rồi, mới có thể ra mặt. Hiện nay thế giặc quá mạnh, ta chưa chiếm được mảnh đất nào, không thể đánh nhau với chúng. Đường vào Nam Sơn là đất hưng vương của Thái Tổ ngày xưa, thần xin bệ hạ lấy đó làm nơi bảo vệ xa giá, rồi sai người truyền dụ các tù trưởng của dân Mường Mán. Họ đều là dòng dõi phiên thần, ai mà chẳng hăng hái? Thêm vào đó, lại thu nhặt quân hai xứ Thanh, Nghệ, họ đều là lính túc vệ thân cận xưa kia, ai là chẳng vui lòng đi theo? Thế rồi theo đường Sơn Tây, Hưng Hóa xuôi dòng sông mà xuống, đột ngột từ trong núi kéo ra. Một ngày kia cả ba đạo đồng thời nổi dậy, tiến thẳng đến đô thành. Cuộc trung hưng của triều ta xưa kia, chính là dùng cách ấy.

Vua nghe lời, liền theo đường bộ đi về vùng Lam Sơn, trấn Thanh Hoa. Rồi sai Ban qua đất Thiên Quan [1] dụ quân Thái; sai Tôn Thất Duy Lan tới đất Phù Sùng dụ hai viên tù trưởng ở Tây Lĩnh.

Hai viên tù trưởng này vừa mới qua lại hòa hảo với Tây Sơn không dám trở mặt ngay, họ đều nói:

– Chúng tôi mấy đời nhớ ơn nặng của nhà nước, há dám không hết lòng? Nhưng mà kinh doanh việc lớn, ắt phải tích lũy lâu năm mới thành, không thể làm xong ngay trong khoảng mươi hôm. Đời xưa Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông còn phải khó nhọc đến năm sáu năm. Vậy xin lượng thánh xét kỹ, hãy cứ lấy Lam Sơn làm nơi ẩn náu, thư thả để cho chúng tôi luyện tập quân mã, sắm sửa khí giới, thu góp lương thực, sửa sang đường sá, rồi mới có thể vâng mệnh nhà

1. Tên phủ, gồm đất các huyện Nho Quan, một phần huyện Gia Viễn (Ninh Bình) và một phần huyện Lạc Sơn (Hòa Bình) ngày nay.

vua được. Nếu muốn làm gấp, e không phải sức của chúng tôi có thể làm nổi.

Lan về nói với vua rằng:

– Chúng nó thật không có lòng mộ nghĩa, nên tạm dùng lời thoái thác để cự tuyệt ta. Chỗ này sơn lam chướng khí không thể ở lâu. Vậy xin bệ hạ sớm lo liệu, đừng để mất thì giờ vô ích.

Vua cho là phải, bèn lập mưu thay quần áo như người thường, trở về Kinh Bắc, tạm trọ ở phủ Lạng Giang, sau lại rời ra phủ Từ Sơn, ở nhà viên tham tri là Đình Dư. Do đó, bọn Lê Đản, Doãn Lệ, Danh Án, Vũ Chiêu, Vũ Trinh, Xuân Hạp lại lần lượt lui tới chỗ vua ở. Vua cùng họ bàn mưu tính kế; Đình Dư nói:

– Nay bề tôi nanh vuốt của nhà vua chỉ có ba người là Ban, Tuyển và Châu. Tuyển từ sau khi thua ở Hoàng Giang, chạy về Nghệ An, nay không biết ở đâu? [1] Châu bị Tây Sơn lùng bắt, lẩn trốn vào hang núi không còn thì giờ lo toan công việc. Ban vâng chỉ đi chiêu dụ, còn ở Thanh Hóa cũng chưa có tin tức gì. Hiện nay bệ hạ nương náu ở nơi thôn ổ, lũ thần đi lại luôn luôn, sợ lâu dần có người biết, sẽ xảy ra tai biến bất trắc. Chi bằng bệ hạ hãy đi lên Cao Bằng, Huy Túc hiện còn hầu thái hậu ở đó. Trong thì dùng các phiên thần hộ vệ, ngoài thì dựa vào sự cứu viện thiên triều, ngõ hầu mới có thể làm được việc.

Vua nói:

– Trước kia, ta đã sai Ngô Thì Chí lên Cao Bằng, để sắp đặt hết mọi việc, nghe đâu Chí bị ốm giữa đường, nay không biết ra sao?

Danh Án thưa:

– Chí bị bệnh nặng, không đi được, phải cáng về huyện Gia Bình, rồi mất. Chúng thần nghe tin, nhưng chưa kịp tâu.

Vua ứa nước mắt nói:

– Mất một người bề tôi giỏi rồi đấy! Tiếc thay!

Rồi vua bèn tự tay viết tờ chiếu, truy tặng Chí làm chức hàn lâm thị chế, tước Dụ Trạch bá, trao cho Án và nói:

– Nhà ngươi cầm tờ chiếu này đưa cho vợ con của ông ta, cho họ biết ý của trẫm.

---

1. Theo *Cương mục*, thì sau đó Tuyển ra Thăng Long xin hàng Ngô Văn Sở, bị Sở giết chết.

Đản tiến lên nói:

– Hiện nay những kẻ thần dân theo giặc, đem hết tình hình nước nhà nói với chúng, cho nên mình sắp mưu toan việc gì, thế nào chúng cũng biết trước, thậm chí có kẻ còn đưa giặc đến để bức bách nhà vua, biến tự trong sinh ra, không chỉ có giặc ngoài mà thôi, vì thế mà việc ở Chí Linh và Giáp Sơn cả hai lần đều không làm nên chuyện; liền đó, việc ở Sơn Nam cũng vậy. Ngày nay chỉ còn có cách là sai sứ sang báo gấp với nhà Thanh, xin họ dàn quân sát biên giới nước ta, để hỏi cái tội của quân Tây Sơn gây việc binh đao và bọn người trong nước theo giặc; làm cho bọn giặc không thể ở yên, mà lũ phản nghịch cũng có phần sợ. Như vậy, thì lòng mộ nghĩa của người ta mới được bền vững mà mưu cơ khôi phục mới khỏi bị lộ và khỏi bị phá rối.

Vua cho là phải, bèn sai thảo bức thư, đưa trước cho viên tổng đốc Lưỡng Quảng, [1] đại lược nói rằng:

"Ba trăm năm nay, nước chúng tôi nhờ đội ơn đức của thiên triều, đời đời giữ chức phiên phong, trong nước yên lặng. Chẳng may vận nước giữa chừng gặp buổi suy vi, vua trước qua đời. Nguyễn Huệ Tây Sơn là rể nước tôi, quên ơn bội nghĩa, nhân khi nguy biến, đánh người trong lúc có tang! Lại chiếm cứ đất nước, để đến nỗi người cháu nhà vua phải trốn chạy ra ngoài, chưa kịp sai sứ báo tang và xin phong, thể lệ nhiều điều thiếu thốn. Nếu không đến cửa ải mà bày tỏ, e ngại vì thế mà mang tội. Vì vậy, nay xin bẩm rõ nguyên do, mong rằng ngài thương tình kẻ ở xa, để đạt giúp cho. Tôi đã có biểu trần tình, xin giao cho một người đem đi, lại có chép một bản phụ, xin trình lên ngài xem. Vời trông thiên triều, ví như trời che đất chở, xa gần không sót chỗ nào, xét đến tấm lòng kính thuận của các đời trước nhà tôi, và thương đến nỗi khổ yếu ớt lang thang của tôi: xin hãy truyền cho đem quân tới sát bờ cõi, đánh kẻ có tội, dẹp yên loạn lạc, để gây dựng lại nước tôi. Muôn vàn lần nhớ ơn thiên triều, ơn đức của đại hoàng đế không sao kể xiết, mà công giúp đỡ của quan lớn cũng sẽ cùng bền vững với núi sông của nước tôi vậy"

Thư thảo xong, vua sai Đản và Án sung chức chánh phó sứ. Hai người đem vài kẻ thân tín cùng đi, chỉ đội nón cũ, bận áo rách như người thường dân đi đường. Vua Lê tiễn hai người đến vùng núi Bảo Lộc và dặn rằng:

---

1. Tức hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.

– Đối đáp ở đất nước người là chức trách của sứ thần. Chuyến đi này quan hệ đến sự mất, còn của nước nhà và sự thành, bại của công việc. Các người nên tùy cơ ứng biến, đem cái tài học chất chứa lúc bình sinh mà thi thố ra việc làm. Tài kinh luân ở ba tấc lưỡi, việc từ lệnh ấy không thể thiếu được. Các ngươi nên cố gắng cho xứng đáng với tấm lòng trông chờ của trẫm.

Hai người lạy tạ rồi đi. Đản nói riêng với Án rằng:

– Bọn ta tiếng là bồi thần, thật ra chẳng khác gì kẻ vong mạng, ra đi lúi xùi chẳng có ai đưa đón, trên đường thì nhiều sự cách trở, lại phải trèo leo vất vả trong chốn núi rừng. Nếu chưa đến đất Trung Hoa mà đã bị quân giặc đuổi bắt, thì đó chính là sự dở dang rất đáng lo ngại. Còn như đã tới được gần doanh của đốc bộ Lưỡng Quảng thì ta không lo gì nữa.

Án nói:

– Nếu như lòng trời còn giúp xã tắc, chắc sẽ không có việc ấy, cần gì mà phải lo xa? Có điều, từ khi nước ta có đến nay, trong việc đi lại với Trung Hoa, tuy rằng các đời sáng nghiệp và trung hưng cũng đã từng gặp cảnh gieo neo không biết là bao nhiêu phen, nhưng mà kẻ bồi thần đi sứ, chưa có ai lại như chúng ta ngày nay.

Nhân thế, Án làm bài thơ, trong đó có hai câu rằng:

"Ngàn thủa còn truyền câu chuyện lạ:
Sứ thần áo rách, nón mê tàn! [1]

Rồi hai người theo con đường tắt trong núi, qua cửa ải Lạng Sơn mà đi.

Thật là:

Dời nước một thân qua ải Hán
Đau lòng hai mắt khóc sân Tần. [2]

Chưa biết hai người đi chuyến ra này sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

1. Dịch ở hai câu chữ Hán như sau: "Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự, Tệ sao tàn lạp sứ thần trang".

2. Thời Xuân Thu, nước Sở bị nước Ngô chiếm đóng, quan đại phu nước Sở là Thân Bao Tư sang cầu cứu với nước Tần, vua Tần không nghe, Bao Tư cứ đứng khóc ở sân luôn bảy ngày đêm; sau đó vua Tần phải cho quân sang cứu Sở. Đây mượn ý đó để nói việc bọn Án sang cầu cứu nhà Thanh cũng khó khăn như vậy.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Lê sứ thần qua đất Bắc xin quân,
Tôn Đốc bộ tới ải Nam truyền hịch,

Lại nói, viên Tham tri chính sự Lê Duy Đản và viên Phó đô ngự sử Trần Danh Án theo đường tắt trong núi đi đến vùng Hòa Lạc [1], gặp lúc quân do thám của viên Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Diệm đi tuần, xét hỏi rất ngặt, người nào không có giấy tờ đều bị ngăn trở. Hai người bèn cải trang làm người lái buôn, nhập theo bọn khách trú [2], men núi đi tắt sang Trung Hoa, rồi nhờ quân của viên quan giữ cửa ải đưa đến doanh phủ Thái Bình [3].

Bọn Đản lạy rập dưới sân mà nói:

– Kinh thành của nước chúng tôi từ năm Bính Ngọ (1786), bị giặc Tây Sơn là Nguyễn Huệ đánh phá, quốc vương lìa đời, cháu nối nghiệp do dòng chính thống lên làm việc tế tự. Mùa đông năm Đinh Tỵ (1787), Huệ lại sai tướng ra đánh. Tự quân phải chạy trốn ra ngoài, các bề tôi lớn nhỏ đều phiêu bạt nơi sườn non góc biển. Người ở lại chúng bắt bớ, người ra đi bị chúng ngăn chặn. Hễ chúng bắt được là giết chết liền. Trước đây, tự quân của chúng tôi chạy vào Sơn Nam cùng với một vài người bề tôi tập hợp quân dân, tính việc khôi phục lại, bị chúng đánh phá, phải chạy vào trấn Thanh Hoa. Nay nhân khi dân mộ nghĩa còn mến chủ cũ, đều muốn tự quân của chúng tôi lén về phía bắc sông Nhị Hà, đem tình hình báo với thiên triều, ngước mong thương đến nước chúng tôi, đem quân cứu viện để cho tự quân của chúng tôi có thể khởi sự ngay ở trong nước, rồi dựa vào uy thế của thiên triều sai khiến các nghĩa sĩ. Như vậy thì việc khôi phục đất nước mới mong có cơ hội. Hiện nay, tự quân của chúng tôi đóng ở huyện Phượng Nhãn, sai chúng tôi lén lút sang đây. Đường đi đến cửa ải, tính ra chỉ có bốn ngày nhưng vì chúng tôi sợ giặc bắt, phải vượt suối trèo non, đi vòng theo đường quanh co, nên hơn một tháng

1. Thuộc huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn.
2. Tiếng đương thời dùng để chỉ những người Hoa kiều ngụ cư ở Việt Nam.
3. Thuộc Quảng Tây.

mới tới nơi. Cúi xin nghĩ lại: Nước nhỏ mọn chúng tôi làm bề tôi của thiên triều đã hơn ba trăm năm, lo giữ chức phận và việc tiến cống không bao giờ ngớt. Nay bỗng chốc bị giặc chiếm đoạt, xã tắc tan hoang. "Người ta đến lúc cùng thì quay về gốc", không thể không gọi ông trời mà kêu. Đức đại hoàng đế là bậc quan lại giúp việc nhà trời. Muốn trông thương đến kẻ ở nơi biên ải xa xôi, dựng lại nước đã mất, nối lại dòng đã đứt, để cho họ Lê là người bề tôi tiến cống, được đội phúc lớn của trời.

Bọn Đảm nói rất thảm thiết và đem các tờ biểu, tờ bẩm trình lên. Viên phân phủ họ Vương ngờ rằng quân Tây Sơn giảo quyệt, giả làm sứ thần của họ Lê để dò la tình hình Trung Quốc, bèn vờ hỏi vặn rằng:

– Vua trước của nước Nam mất đi đã hơn hai năm nay. Nếu như trong nước có biến, tự tôn đáng lập mà không được lập, sao không tới cửa ải bày tỏ sự tình ngay từ năm ấy? Vả chăng, trước đây có tiếp được công văn đệ sang, chẳng qua chỉ nói về việc mất quốc ấn, xin cấp cho chiếc khác mà thôi còn như duyên cớ tại sao không được lập, nguyên do tại sao bị đuổi đi thì không hề nói tới một lời. Nay việc đã trải qua hai năm, tự tôn nương náu ở đâu, quân giặc động tĩnh ra sao, người trong nước theo ai phản ai như thế nào, tình hình đều chưa rõ rệt. Lại nữa, trong biểu này đứng tên tự tôn họ Lê, mà chưa có tờ biểu báo tang và cầu phong, chưa được cấp lại quốc ấn thì sao được khinh suất dâng tờ biểu lên, và vội sai sứ thần đến? Xét ra, những việc ấy đều việc chưa hợp thể lệ. Cần phải có tự tôn họ Lê tự mình đến đây khai báo, để giáp mặt mà hỏi rõ tình do. Nếu chỉ bằng vào lời nói của người khác thì không được. Ta là bề tôi giữ đất, việc ở ngoài bờ cõi là việc lớn, quyết không thể nhẹ dạ mà tin các ngươi. Nhưng thôi được, các người đã vì việc cáo cấp mà đến đây, nghĩ tình ta cũng không nỡ đuổi đi. Hãy chờ ở lại đây, để ta bẩm rõ với quan đốc bộ, sai người ra bờ cõi, dò xét một phen cho chính xác, rồi mới có thể làm tờ biểu tâu lên nhà vua mà cho chỉ ý quyết định.

Đản và Án nghe vậy, không biết nói sao, đành phủ phục dưới sân mà gào khóc. Viên phân phủ họ Vương xét thấy thật tình, bèn dỗ dành rằng:

– Xem ra các ngươi trung thực đáng khen, mà tình cảnh thật đáng thương! Thiên triều sẽ có cách phán xử, không nên kêu mãi cho nhàm, cứ ra nhà trọ để chờ mệnh lệnh.

Hai người mừng rỡ, bái từ lui ra, bấy giờ là năm 53 niên hiệu Càn Long, tức là tháng chín mùa thu năm Mậu Thân (1788). Đản và Án ở đó được ít lâu, viên phân phủ họ Vương gọi vào mà bảo rằng:

– Việc bên ấy xin cứu viện, đã được thấu đến triều đình. Hoàng đế thương đến các vua đời trước của nhà Lê làm bề tôi tiến cống nhiều đời, đã hạ chỉ cho quan tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn đại nhân, hiệp đồng cùng quan tổng đốc Vân, Quý [1] là Phú đại nhân, điều động năm chục vạn lính dõng ở Điền Châu ra ngoài biên thùy tìm kiếm tự tôn họ Lê, hộ tống về nơi kinh thành nước An Nam. Những tình hình đó, từ cuối mùa đông năm Đinh Tỵ (1787), quốc mẫu bên ấy và viên trấn mục ở Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đã qua cửa ải Đẩu Áo sang bày tỏ rồi. Nhưng chưa rõ hai anh em tự tôn thất lạc ở đâu. Còn tự tôn thì sau khi chạy trốn, mẹ con cách trở, cũng không rõ tình trạng bên này, nên lại sai các người trèo đèo vượt suối sang đây. Các ngươi đã là người do tự tôn sai đi, mà tự tôn đang ở đất Phượng Nhãn, thế thì tình hình ra sao, các người hãy làm tờ cung khai, bẩm lên quan đốc bộ, chờ khi đại quân xuất phát, ta sẽ dẫn các ngươi tới lạy chào và cung khai.

Bọn Đản, Án được tin ấy, mừng lắm, bèn xin để một người ở lại chờ hầu, một người về trước phi báo cho tự tôn rõ, để nhóm họp những kẻ đồng chí, kêu gọi người trong nước, khiến cho xa gần đều biết, và các nơi đều nổi dậy, chờ thời cơ hưởng ứng với thiên binh. Lại dựa vào oai linh của thiên triều, các nơi sẽ nhằm những chỗ hiểm yếu mà đóng đồn trại ngăn chặn quân địch. Đó là một cơ hội rất tốt.

Viên phân phủ họ Vương bằng lòng cho. Thế là Án ở lại phủ Thái Bình, còn Đản thì theo đường cũ về nước.

Lại nói, từ khi kinh thành thất thủ, vua Lê chạy sang phương Bắc. Còn hoàng thái hậu cùng mấy người tôn thất chạy trước lên Cao Bằng; viên đốc đồng Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đem phiên binh đón rước mời về ở tạm tại một nhà dân bên cửa ải Đẩu Áo, để mưu đồ sang cầu cứu nhà Thanh.

Nguyên lúc Huy Túc mới đến Cao Bằng, có người khách trú có tên hiệu là Ngô Sơn tiều ẩn, vốn quen với Nguyễn Đình Tố, thường vẫn hay đi lại nơi dinh trấn. Túc lần đầu được gặp và nói chuyện với hắn ta, lấy làm lạ lắm. Đến lúc Tố mất, người khách đến viếng, Túc

1. Vân Nam, Quý Châu.

lấy lễ thượng khách đối đãi, mời ở lại hơn mười ngày. Việc tang của Đình Tố đã xong xuôi, người khách mới cáo từ ra về. Lúc sắp chia tay, người khách bảo riêng với Túc rằng:

– Quý quốc từ nay sẽ có nhiều việc, quan đốc thần trước cũng đã biết, không hiểu lúc gần mất ngài có nói lại với các vị đồng liêu không?

Túc nói:

– Nước tôi, bên ngoài có giặc mạnh, sau này chắc là không thể yên ổn. Đó là việc mà người trong nước ai cũng biết. Nhưng kết cục ra sao, không phải là điều Túc này có thể biết trước, quan đốc thần trước với Túc này đều lấy làm lo. Nay tôi làm quan ở ngoài, đã không được dự vào nơi trọng yếu, thì dù có ý kiến nông cạn cũng không làm được gì?

Người khách nói:

– Chính vì làm quan ở ngoài nên mới không thể không đương lấy việc nước. Cứ như tài của ông, há chẳng có thể làm được một phen kinh trời động đất, khiến người cả nước vội vàng chạy vạy ư? Nhưng chẳng qua chỉ là một giấc chiêm bao mà thôi. Đó thật là khí số với nhân sự có quan hệ với nhau; đáng cười mà cũng đáng tiếc vậy!

Túc nằn nì hỏi mãi, nhưng cuối cùng người khách vẫn không chịu nói rõ, cáo từ mà đi.

Đến lúc Túc đưa thái hậu qua đất Trung Hoa, tới Long Châu lại gặp người khách ấy giữa đường. Túc đem tình hình trong nước nói với hắn ta, không hề giấu giếm, và nói thêm:

– Việc gấp lắm rồi! Ông có cách gì dạy cho tôi không?

Người khách nói:

– Khi ông ở trấn Cao Bằng, bắt đầu nghe có tai biến, nếu có thể cùng viên đốc đồng trấn Lạng Sơn, đồng một lòng hợp sức giữ lấy đất hai trấn ấy, tụ tập phiên tướng phiên binh, chống nhau với giặc, làm hùng bá ở một phương! Rồi đưa thư sang các phủ Long Châu, Bằng Tường, [1] hẹn khi có việc nguy cấp thì họ cứu giúp, để nhờ viện trợ của họ. Ngày xưa họ Mạc đã dùng kế ấy mà duy trì được 56 năm. [2]

---

1. Đều thuộc Quảng Tây, giáp liền với Cao Bằng, Lạng Sơn.

2. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* thì sau khi vương triều nhà Mạc đổ, dư đảng họ Mạc chiếm giữ Cao Bằng còn kéo dài được 96 năm nữa, kể từ Mạc Kính Cung (1592) đến Mạc Kính Vũ (1688).

Nếu quả ông mà làm được như thế, há chẳng giữ được trọn đời của ông hay sao? Sao lại bỏ chỗ ấy cho người ta! Đã bỏ lỡ mất cơ hội đó không làm, thì nay chỉ có cách liên lạc với các trấn Long Châu, Bằng Tường, thiết tha xin với quan tổng đốc, đem việc tâu lên nhà vua, trông vào điều may trời cho, để cầu xin cứu viện mà thôi. Sau khi lấy lại được nước nhà, ông nên cố gắng "đào giếng đắp núi", tự mình phải hết sức, đừng để làm cái trò cười cho đời sau.

Túc nói:

– Đó là cái ý quan trọng xa xôi, tôi xin kính vâng lời dạy, không dám lãng quên. Nay Túc tôi đưa quốc mẫu chạy sang đây, cũng chính là như thế, song chỉ sợ tình của kẻ dưới, không thể thấu lên đến bề trên. Nếu được nhờ ơn ngài chỉ đường vạch lối, đem việc này thưa trước lên trên cho chúng tôi, thì xin đội ơn vạn lần, vạn lần!

Người khách nói:

– Đất lạ quen nhau, tôi dám đâu không hết sức?

Người khách bèn cùng đi với Túc. Viên đô ty Long Bằng [1] tên gọi là Trần Hồng Thuận là bạn quen của người khách. Khách bèn dẫn Túc đến, nói là mẹ, vợ và thân thuộc của tự tôn nước An Nam bị quân giặc Quảng Nam [2] đuổi giết, trốn đến cửa ải, cúi đầu đợi mệnh...

Hồng Thuận lập tức hội đồng với viên phó quan ở Long Châu là Trần Thốt đi tới tra xét. Tất cả đàn ông đàn bà gồm 64 người, Hồng Thuận tùy tiện cho ở bên cửa ải, rồi đem việc ấy nói rõ với viên quản đạo Tả Giang thuộc tỉnh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp, để bẩm lên quan tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị. Tiếp đó, Hồng Thuận lại cho sao đơn khiếu nại của nước Nam đại ý nói rằng: "Quốc thành bị giặc đánh phá, cướp bóc, không biết kêu xin với ai? Ai cũng căm thù giặc, thề không cùng sống với chúng, nhiều người lẻn lút ở trong núi kết thành đồ đảng, chỉ vì chưa có người đứng ra làm chủ, cho nên họ còn rải rác khó bề hợp nhất. Nếu được thiên binh sang cứu thì các nơi sẽ cùng hưởng ứng ngay, và có thể hẹn ngày mà lấy lại quốc thành".

Sĩ Nghị thấy giấy báo tin ấy, liền bảo bọn liêu thuộc rằng:

– Nước An Nam từ thời Hán, Đường, là đất phụ thuộc vào nước ta; đến đời nhà Tống, họ Đinh quật cường, mới trở thành đất tiến cống. Trải mấy đời nối theo nhau đến ngày nay, lại không thể giữ

---

1. Long Châu, Bằng Tường.
2. Chỉ quân Tây Sơn.

được nước. Hoặc giả trời khiến nước ấy lại làm quận huyện của Trung Quốc chăng?

Lập tức, Sĩ Nghị ruổi ngựa tới vùng Long Bằng, dò xét tình hình biên giới, rồi họp bàn với viên tuần phủ là Vĩnh Thanh.

Vĩnh Thanh nói:

– Mở mang bờ cõi là một việc lớn, lợi hại không phải nhỏ. Quả như lời họ nói, thì nước ấy kể cũng đáng thương. Nhưng thế lực của giặc, đoán chắc là không phải như vậy. Chúng ở ven biển nổi lên, theo việc binh nhung từ thời đầu còn để chỏm, một lần khởi quân mà lấy được cái nước đã ba trăm năm, nhất định không phải là yếu, và cũng nhất định không đời nào chịu để cho người ta dọa dẫm, mới nghe tiếng đã phải đêm hôm lẻn trốn đi. Trừ phi chúng có bị đánh cho dập gẫy một vài phen thì chúng mới chịu rút lui và nghe theo. Đại thanh ta thái bình đã hai trăm năm nay, dân chúng không biết đến việc binh. Nay bỗng dồn họ đến chỗ nóng nực lam chướng, dù thắng được cũng không phải là mạnh. Huống chi chưa chắc đã thắng, mà vạn nhất vấp ngã thì tổn thất thật không nhỏ. Cụ lớn là vị đại thần của nước, nắm quyền ở chốn biên thùy, cần phải giữ vững bờ cõi! Há nên vừa nghe kêu nài một tí đã vội gây hấn ở nơi biên ải? Cái gương của bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ ở đời Vĩnh Lạc, Tuyên Đức, [1] cũng chưa phải xa xôi, xin nghĩ kỹ cho!

Nghị nói:

– Nước An Nam được phong, đời đời lo giữ phận tiến cống. Tây Sơn là bọn giặc nhỏ, dám diệt nước họ. Nạn của cống thần không thể không cứu, tội của cuồng tặc không thể không trị. Vì nghĩa mà hành quân, ai dám không theo? Nếu lấy cớ là mọi rợ mà bỏ ra ngoài, ngồi nhìn bọn họ giết hại nhau mà không cứu, thì tám xứ "man", chín xứ "di" làm bề tôi Trung Quốc, còn trông cậy gì nữa?

Rồi Nghị gọi sáu người là Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiển, Nguyễn Đình Quán, Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Đình Mai đến cửa quan, để hỏi sự tình.

Trước hết, Nghị hỏi tự tôn có mấy anh em, sau khi chạy trốn, hiện nay ở đâu?

---

1. Hoàng Phúc và Trương Phụ là tên các tướng nhà Minh, Vĩnh Lạc là niên hiệu Minh Thành Tổ, Tuyên Đức là niên hiệu Minh Tuyên Tông. Đây chỉ việc quân Minh sang xâm lược Việt Nam hồi đầu thế kỷ XV, sau bị Lê Lợi đánh bại.

Bọn Túc khai là tự tôn có ba anh em rất yêu mến nhau. Anh trưởng là Lê Duy Kỳ, tức là đấng nối ngôi, thứ hai là Tụ quận công Duy Tụ, thứ ba là Lan quận công Duy Chỉ. Hiện nay, Duy Kỳ chạy xuống lộ Sơn Nam Hạ, [1] để chiêu tập nghĩa binh. Duy Tụ ở vùng Tuyên Quang, Hưng Hóa cũng đang nhóm họp các người đồng chí xa làm thanh viện cho nhau. Nghe nói họ nương tựa lẫn nhau, thần dân thuận theo, quyết không đến nỗi tan tác. Nhưng không biết từ đấy về sau có thể hăng hái làm nên việc hay không? Tới đây đã hơn bảy tám tháng, sự thế đổi thay, họ có còn giữ được chỗ ấy nữa không, điều đó chúng tôi không được biết.

Nghị lại hỏi tin tức mẹ tự tôn nay ra sao?

Túc nói:

– Chúng tôi trước ở Cao Bằng, rồi rước quốc mẫu sang nội địa. [2] tự tôn thì vẫn ở trong nước. Quan san cách trở, tin tức không thông. Nay nếu được phép thì xin lẻn về báo cho tự tôn biết tin của mẹ và gia quyến. Xin cho ba người chia đi hai ngả. Đình Mai xin đi đường cửa ải núi Mông Tự, Quýnh và Đông xin theo đường Long Môn mà vượt biển. Ngửa trông đại nhân cho người dẫn đến biên giới, để chúng tôi gấp đường chạy về; chừng trong một tháng, dò xem tin tức ra sao, sẽ xin bẩm rõ?

Nghị lại hỏi lâu nay ở bên ấy mùa màng ra sao?

Túc thưa:

– Nước chúng tôi luôn mấy năm bị mất mùa, giá gạo rất đắt, một thưng gạo giá đến sáu trăm đồng tiền. Lộ Sơn Nam Hạ vốn được gọi là nơi giàu có, bây giờ dân gian cũng không có thóc lúa để dành, các nhà đều trống rỗng như chiếc chuông treo. Tự tôn trước kia đóng ở xứ ấy, vì lương thực không đủ, cho nên hễ làm việc gì cũng bị thất bại. Chúng tôi khi ở nước nhà, chỉ nghe như thế, đó là việc thực.

Nghị quay sang hỏi Lê Quýnh, Quýnh liền đáp:

– Họ Lê giữ nước hơn ba trăm năm, dùng ân huệ buộc chặt lòng người, dùng lễ nghĩa vun trồng sĩ khí. Cho nên, dù bọn phản nghịch tiếm quyền mà lòng người mến chúa cũ vẫn như xưa. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế, lòng dân căm giận. Tây Sơn nhân lúc sơ hở ấy, mượn tiếng

1. Năm Lê Cảnh Hưng thứ 2 (1741), chia xứ Sơn Nam làm 2 lộ, lộ Sơn Nam Hạ (thuộc vùng Nam Định, Thái Bình ngày nay)

2. Chỉ đất Trung Hoa.

phò Lê diệt Trịnh, nên người trong nước không ai chống cự. Chúng nhân thế đắc chí, lại càng hung hăng, tự đặt niên hiệu, chiếm giữ kinh thành, đến nỗi tự tôn họ Lê phải phiêu bạt ra ngoài. Do đó, dân cày và những kẻ lục lâm nổi lên khắp nơi, không ai hẹn ai mà người nào cũng xưng là quân họ Lê. Nếu như thượng quốc rủ lòng bao dung kẻ nhỏ mọn, giúp đỡ kẻ khốn cùng, sai một đạo quân tới sát bờ cõi để làm thanh viện, thì người trong nước nghe tin, ai mà không trỗi dậy, thề cùng phục thù? Mà như vậy, chắc cũng không hao tổn đến binh lực của thiên triều nhiều lắm.

Nghị nghe được lời khai rõ ràng, bèn đem một bức địa đồ nước Nam, bảo bọn Quýnh duyệt lại, và hỏi:

– Có đúng không? Không sai chứ?

Quýnh bẩm:

– Vị trí và phương hướng nhiều chỗ sai lầm, ước chừng mười phần sai đến bốn năm.

Nghị nói:

– Cho phép các ngươi cứ thật mà sửa lại.

Rồi Nghị sai gọi một người thợ vẽ đến, theo chỗ Quýnh sửa đổi mà vẽ lại. Lại bảo Quýnh lưu ý xem những vùng nào đã theo giặc, vùng nào chưa theo giặc, anh em vua Lê hiện đóng ở đâu, nhất nhất đều ghi chú thật rõ ràng vào địa đồ.

Rồi nhân đó, Nghị gọi bọn Túc ra bảo:

– Chờ ta tâu lên triều đình, khi nào được chỉ của nhà vua, tức khắc sẽ chiếu theo những điều kêu xin của bọn ngươi mà làm cho thật tốt tất cả mọi việc. Chuyến này các ngươi về nước, phải tìm cho được đích xác chỗ ở của tự tôn. Lại phải dò xem quân giặc động tĩnh ra sao? Người trong nước có thể trỗi dậy được không? Hễ có dịp thuận tiện lập tức phải phi báo cho ta biết, ta sẽ phúc tấu về triều, xin cho kéo quân ra ải, thì công việc mới có thể mau xong.

Bọn Túc mừng lắm, cùng nhau ngoảnh mặt về hướng Bắc, trông vời cửa khuyết mà lạy mà hô "vạn tuế" luôn mấy lần.

Sau đó, Nghị sai viên quan đạo Tả Giang tỉnh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp hộ vệ quốc mẫu An Nam và các quyến thuộc đến đất Nam Đôn, tùy nghi cấp cho các thứ lương thực chăn áo, để ai nấy đều được yên ổn.

Luôn thể, Nghị thảo tờ biểu tâu rằng: "Cứ lời người trấn mục của nước An Nam là Nguyễn Huy Túc, chạy sang nội địa cung khai: tháng sáu mùa hè năm thứ 51, niên hiệu Càn Long, em giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc là Nguyễn Văn Huệ đem quân xâm phạm kinh thành nước ấy. Tiếp đến tháng tám, Văn Nhạc theo ra. Vừa gặp lúc các trấn đều chỉnh đốn binh lính voi ngựa đến cứu. Anh em Văn Nhạc sợ không dám ở; ngay trong tháng ấy, đang đêm phải đem quân lẩn trốn.

Quốc vương là Lê Duy Đoan [1] làm mất quốc ấn, liền đó bị bệnh và mất. Vì con trưởng chết sớm, cháu đích tôn là Duy Kỳ theo lệ được nối ngôi, có thảo văn thư đệ sang, xin cấp cho quả ấn khác. Kế đó tiếp được hịch của quan đốc bộ đưa sang, nói rằng như thế không hợp thể lệ mà phải sai bồi thần dâng biểu báo tang rồi xin phong mới đúng. Không ngờ mùa đông năm sau, Văn Huệ lại sai bộ tướng là Võ Văn Nhậm nhân khi nguy biến, đánh người giữa lúc có tang, đến nỗi tự quân phải chạy trốn, chưa kịp sai sứ thần qua xin. Bọn Túc đưa quốc mẫu của nước Nam chạy ra Thiên Trường. Tướng giặc chiếm cứ quốc thành, sai người đi khắp nơi lùng bắt. Lại có tên thổ dân trấn Lạng Sơn là Quyến Trầm, tên phiên mục Cao Bằng là Bế Nguyễn Trù đầu hàng giặc, đem quân định cướp quốc mẫu để làm con tin. Bọn Túc bèn đưa quốc mẫu lên Cao Bằng. Tháng sáu năm nay, đi tới đầu xứ Bắc Nậm, [2] bị quân giặc theo kịp, không còn kế gì để thoát thân, bọn Túc phải đứng cách sông kêu xin thiên triều cứu giúp. Rồi họ liều mạng đưa được quốc mẫu và bọn quyến thuộc lội nước sang bờ bên này, người nào không kịp sang sông đều bị giặc giết chết. Nay bọn Túc rập đầu kêu van, xin được ở lại chịu tội với thiên triều, không chịu mắc vào tay nhơ nhớp của giặc... Lại cứ lời bọn Túc nói thì hiện nay quốc thành bị giặc chiếm đóng, các nơi khác cũng đều nghe tiếng và tan rã tơi bời. Các địa phương tiếp liền với nội địa như Mục Mã, [3] Lạng Sơn, đều đã theo giặc. Riêng có vùng Diễn Châu ở Nghệ An, các hạt Kim Môn, Nam Sách ở Hải Dương... là còn có bọn thổ hào ứng nghĩa ra vào các nơi hang núi, lừa dịp đánh giết quân giặc; nên giặc cũng chưa thể đánh chiếm được tất cả.

Vả chăng, tuy quân giặc từ khi chiếm được đất, một mực hung

1. Tức Lê Hiển Tông.
2. Thuộc vùng huyện Quảng Uyên và Phú Hòa tỉnh Cao Bằng.
3. Thuộc Cao Bằng.

tợn, chỉ biết có việc tàn sát, nhưng cũng vẫn có những nơi không chịu hàng giặc. Tự tôn lẩn trốn, chắc cũng ở những nơi ấy. Mẹ và vợ của tự tôn đã chạy sang đất thiên triều, muôn lần trông được sự bao dung. Còn trong bọn bề tôi chạy trốn cũng có được một vài kẻ có chút tài cán, họ tự xin về nước, tìm kiếm tự tôn, để lại gắng sức lo toan một phen nữa. Nếu như sức chẳng chiều lòng, thì họ xin làm cái chước bảo tồn lấy người con côi, tha thiết xin được thiên triều thương xót... Các khoản trên này, đều do tay Tri phủ Nguyễn Hữu Nhân [1] viết thành câu hỏi, đầu mục nước ấy lần lượt trả lời. Xét ra, họ cũng thật tình, lại có phần hăng hái, biết được nghĩa lớn.

Thần trộm nghĩ, công thần họ Lê, theo lệ thì tự tôn của họ được nối ngôi, chẳng may nước ấy bị diệt, mẹ và vợ đã tới cửa ải kêu van, thực cũng nên thể tình mà chu cấp, để họ được yên chỗ, rồi chờ xét rõ tin tức của nước họ, sẽ định việc cho đi hay cho ở lại. Chỉ nghĩ bọn họ khi chạy đến ven sông, tức là đã thuộc về địa đầu bờ cõi của thiên triều; Vậy mà tụi giặc trông thấy quân lính thiên triều đóng đồn ở đấy, lại vẫn còn dám hung hãn giết người, lòng giặc hiểm độc, không phải là không có ý dòm giỏ.

Thần đã mật thư cho viên đề đốc là Tam Đức sắp đủ chiến binh, chia đi đóng giữ ở các cửa ải trong sáu xứ chung quanh Long Châu. Nếu chúng qua sông, tức thì bốn mặt chặn đánh, không để cho chúng chạy thoát; luôn dịp cũng tỏ cho chúng được biết binh uy của thiên triều, cho chúng hoảng sợ. Thần lại xin viết thư mật cho các viên quan coi giữ miền Triều Châu và Long Châu, bảo phải gấp rút đi tuần tra và dò xét kỹ ở các miền biên giới... Nếu có tình hình gì khác, thần xin tiếp tục viết biểu tâu lên, chờ vâng chỉ cho thi hành".

Vua Thanh xem tờ tâu ấy, liền bảo viên đại học sĩ là Bá Hòa rằng:

– Lê Duy Kỳ ở An Nam, tuy chưa được phong, nhưng y là người đáng được nối ngôi, cũng không khác gì quốc vương. Nay mẹ và vợ cùng các quyến thuộc của y đều chạy sang đây, thế là toàn cõi nước ấy đều đã mất cả. Việc dựng lại nước đã bị diệt, nối lại dòng đã bị tuyệt, cần phải trù liệu sắp đặt mà rốt cuộc cũng phải hao phí rất nhiều binh lực.

Nay xét ra, Duy Kỳ còn ở lại trong nước để tự lo lấy việc khôi

1. Có bản chép Đào Hữu Nhân.

phục, dân nước ấy theo giặc chẳng qua mới chỉ mấy xứ Mục Mã, Lạng Sơn, còn các vùng Đông Bắc, Tây Nam thì lòng người mến chủ cũ vẫn có thể tin cậy. Nếu dựa vào đó để lo nối lại ngôi vua ắt là có thể xong việc. Vậy truyền dụ cho Tôn Sĩ Nghị biết rằng: "Họ Lê thờ phụng thiên triều rất là kính thuận. Duy Kỳ theo lệ đáng được nối ngôi. Việc mất quốc ấn, ngày trước có dâng thư xin cấp ấn khác. Song vì chưa có sứ sang báo tang, không hợp thể chế, cho nên việc cấp ấn phải hoãn, đã có hịch dụ. Nay họ lại sai sứ thần tha thiết sang kêu xin, vậy chuẩn y việc sắc phong và cấp ấn cho họ.

Xét cho kỹ, Duy Kỳ sở dĩ bị giặc đánh đuổi cũng chỉ là vì không lo gắng sức trỗi dậy mà ra. Hiện giờ đất nước của y còn nhiều chỗ chưa bị giặc chiếm, thần dân cũng còn biết kính mến! Duy Kỳ nên nhân dịp ấy nhóm họp nghĩa quân, thu phục quốc thành, để cho nghiệp cũ không đến nỗi bị sụp đổ. Mẹ và vợ chạy sang nội địa, đã được sắp đặt chỗ ở yên ổn, ăn mặc không thiếu, đất nước đã quen, y cũng không cần phải lo nghĩ, có thể chuyên ý lo việc trong nước, chờ khi khôi phục được kinh thành thì sẽ cho quân đưa mẹ và vợ y trở về, lúc y sai sứ thần, thì lại nên sai người đã thông tin lần này sang, để làm chứng cứ, ngõ hầu mới khỏi bị kẻ gian lừa dối mưu hại.

Đến như Nguyễn Huệ cậy mạnh cướp nước, phép không thể tha, đã giáng chỉ điều động đại quân ở Quảng Tây, để chờ khi gọi đến. Nếu giặc cứ hung hăng như trước, mà tự tôn họ Lê không thể phấn chấn để làm nên việc, thần dân nước họ lại cam lòng theo giặc thì sẽ cho đem đại quân bốn mặt họp lại mà đánh, cho sáng tỏ tội trạng của chúng. Như thế, trước tiên phải đưa hịch phi báo cho thần dân nước ấy, khiến họ đều biết, để làm mạnh thêm thế của họ Lê và làm cho bọn Tây Sơn mất vía kinh hồn, mà đối với việc giúp đỡ cho việc thanh viện cũng là có ích. Những người đi theo như bọn Nguyễn Huy Túc, tình nguyện về nước tìm kiếm chỗ ở của tự tôn, để cùng giúp việc khôi phục, chí ấy rất đáng khen, lẽ nên cho họ về sớm! Sớm một ngày là tự tôn của họ đỡ lo một ngày và sau này trẫm cũng được nghe tin nước ấy mau hơn một ngày.

Tôn Sĩ Nghị vốn có tiếng nhanh nhẹn, sáng suốt, sao không liệu trước điều đó, mà còn lo trẫm không ưng cho làm, để phải tâu đi tâu lại, không khỏi phạm sai lầm về câu nệ. Nay Nghị cần phải sớm tới Long Châu giáp mặt mà hiểu dụ bọn sứ thần, giục họ lập tức lên đường! Đem ý của trẫm truyền bảo cho họ biết, để họ về nước báo tin

với anh em Duy Kỳ! Đồng thời phải sao các tờ hịch thành nhiều bản, bảo họ đem về trong nước, ngõ hầu có thể truyền bá rộng rãi. Ngoài ra, bọn họ lặn lội khó nhọc, hành lý sơ sài, vậy ở đường thủy và đường bộ đều phải cấp phu trạm, hộ tống cho họ gấp đường mà đi, lại cấp cho mỗi người mười lạng bạc để tiêu pha về việc ăn uống.

Nói tóm lại, việc này, nếu như cả nước An Nam bị mất, Duy Kỳ lại bị giết hại, thì tình cống thần không thể bỏ qua mà không hỏi tới. Vả chăng bờ cõi nước Nam chưa đến nỗi hoàn toàn mất hết, tự tôn tuy phải chạy trốn, nhưng thần dân vẫn còn mến phục. Như vậy, ta chỉ cần làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy công việc, bất tất phải dấy quân làm to chuyện, đem binh lực trong nước hao phí ở ngoài cõi nóng nực, xa xôi. Đó mới là kế tuyệt hay. Tôn Sĩ Nghị phải theo chỉ dụ trước, tới nơi biên thùy, trù tính cho kỹ, Đốc thần [1] là người thạo việc, chắc có thể hiểu được ý của trẫm. Việc kinh lý biên thùy ở đấy, cho phép đốc thần được cùng viên phủ thần là Tôn Vĩnh Thanh họp bàn thỏa đáng, tùy tiện thi hành. Hãy kính theo chỉ dụ này!"

Lại nói, quan lại hai hạt Triều Châu, Long Châu từ khi tiếp được thư mật của Nghị, lập tức đi tuần tra dò xét miền biên giới và cho người đưa hịch sang bá cáo ở trấn Thái Nguyên.

Bấy giờ có hai họ Trương và Cát quê ở hạt Triều Châu, chuyên sống nghề khai mỏ lấy bạc, sang cư trú tại làng Tống Tinh trong trấn Thái Nguyên. Họ vỗ về mọi người, làm kẻ tù trưởng địa phương, đồ đảng có đến hơn vạn người, đều là các gia đình người Trung Hoa. Hai họ ấy nghe được tờ hịch, liền tìm đến chỗ trọ của người đưa hịch mà trình rằng:

– Chúng tôi chuyên sống về nghề mở xưởng khai mỏ, đời đời ở nước Nam. Trước đây nghe tin kinh thành của nước An Nam bị mất, trong nước loạn to, sợ rằng cháy thành vạ lây, nên đã cùng người địa phương luyện tập súng, nỏ, làm chước giữ mình. Có lần, mấy trăm quân giặc đến cướp, chúng tôi mới thử đánh một trận mà giết hết được tất cả. Nghĩ rằng chúng tức giận, ắt lại đến nữa, chúng tôi bèn chia làm mười đoàn, mỗi đoàn một nghìn người thề cùng liều chết chống giặc. Nay tiếp được hịch văn, ai cũng nô nức nhảy nhót, xin làm tiên phong. Vả lại chúng tôi vốn là dân Triều Châu, nay cũng muốn xin được cùng ra sức một phen với quân nghĩa dũng ở Điền Châu.

---

1. Chỉ Tôn Sĩ Nghị.

Người đưa hịch nghe họ nói như vậy, liền lấy tờ khai và đem tình hình duyên do về bẩm.

Lại nói, vua Lê trước kia đã sai bọn bồi thần sang trần tình và cầu cứu với nhà Thanh. Đến bây giờ, Lê Duy Đạt ở Thái Bình về, báo tin viên đốc bộ tỉnh Quảng Tây đem việc tâu lên, đã được vua Thanh chuẩn y, chẳng bao lâu đại binh sẽ sang.

Rồi tiếp đó, Lê Quýnh lại từ Long Châu về báo, nói là thái hậu và quyến thuộc hiện ở thành Nam Ninh, ăn ở yên ổn. Vua mừng lắm bèn chắp tay lên trán mà rằng:

"Kẻ tiểu tử này, gặp lúc vận nhà lắm nạn, nhờ được chín miếu thiêng liêng, đức đại hoàng đế rủ lòng thương, bao bọc cho kẻ nhỏ mọn, trong nước lại được thấy bóng mặt trời, cơ hội trung hưng phải chăng là ở lúc này?

Rồi nhà vua sai thảo tờ biểu tạ ơn và các thư từ trình bày, để cùng đưa sang một thể. Trong đó nói rõ: "Giặc Tây Sơn tàn ngược, dân không chịu nổi. Hiện nay thần tuy chạy trốn ở ngoài, nhưng may nhờ lòng người vẫn còn nhớ đến chủ cũ. Nhân đó thần cũng đã cử sự được một vài phen, song đều bị thất bại. Gần đây tiếp được văn thư, thần đã ngấm ngầm khuyên dụ hào kiệt trong nước, ai cũng hăng hái, thề giết quân giặc, hằng ngày trông mong ở sự viện trợ của thượng quốc. Nhờ cậy oai trời, việc chắc phải thành. Khi tiếp được hịch văn do viên sai quan mang về, thần đã đem tuyên cáo với mọi người trong nước, ai nấy đều mừng rỡ, hớn hở hơn là chết đi sống lại! Quân giặc cũng vì thế mà mất hết nhuệ khí. Hiện nay, ở các nơi đều đã nhóm họp quân nghĩa dũng, chờ thiên binh qua cửa ải, thì sẽ đến cửa quân lạy chào và xin chịu kỷ luật làm quân đi tiên phong. Ơn tái tạo của đức đại hoàng đế, cùng với đức gây dựng của cụ lớn, thật đáng ghi tạc dài lâu mãi như Sông Lô Non Tản vậy!".

Tôn Sĩ Nghị vừa tiếp được tờ bẩm của Triều Châu lại được luôn tin ấy, liền hội đồng với viên tuần phủ, tâu xin xuất quân. Trong tờ biểu đại khái nói rằng: "Vâng lời Thượng dụ" chỉ nên làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy không cần phải dấy quân làm to chuyện. Kính tuân theo thánh chỉ ấy, thần đã tra xét kỹ càng các nơi đường xá qua lại. Từ đài Chiêu Đức đến đô thành nước họ, quân đi chẳng qua chỉ mất sáu ngày. Ở Lạng Sơn hơi có lam chướng. Qua khỏi đó, thủy thổ

đều tốt lành. Đại quân tiến lên đóng ở La Thành [1] vừa không nóng nực lại không có lam chướng. Vả lại cũng cần diễu võ giương oai, phô trương thanh thế quân ta ở đấy, để cho giặc biết là không thể địch nổi. Rồi sau mới sai phái các quân ứng nghĩa của nước họ tự đi đánh dẹp lấy. Quân ta sẽ không đến nỗi phải vấy máu mũi gươm, mà quân giặc đều bị bắt giết.

Như vậy, công trạng hẳn chóng thành. Trộm nghĩ đi lần này thật đúng như lời thánh thượng đã dạy. Lần trước cứ tâu đi tâu lại, thần tự biết là đã phạm cái sai lầm câu nệ, chậm trễ. Việc binh cần mau chóng, nếu gặp được cơ hội, thần dám đâu không hết sức tính việc biên thùy để xứng đáng với sự giao phó của bề trên? Đến như sau khi dẹp yên, các công việc cần phải xử trí ra sao, thần sẽ xin kính cẩn viết tờ biểu tiếp tục tâu lên".

Rồi đó, Nghị hỏa tốc tư cho bọn đốc thần ở các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, tuân theo như chỉ vua đã gửi trước, từ hai tỉnh ấy kéo quân theo đường Tuyên Quang mà đi, còn đại binh thì qua ải Nam Quan, do đường Lạng Sơn tiến sang.

Thật là:

Vâng lệnh nguyên nhung [2] coi hống hách,
Ra quân, đại tướng vẻ vênh vang.

Chưa rõ lần ấy thua được ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

1. Người Trung Quốc bấy giờ cũng gọi Thăng Long là La Thành (thành do Cao Biền đắp ở vùng Hà Nội ở thời thuộc Đường).

2. Cũng như nguyên soái.

HỒI THỨ MƯỜI BA

Khiếp thanh thế giặc mạnh rút lui
Nhờ viện binh, vua xưa trở lại

Lại nói, lúc sắp xuất quân, Tôn Sĩ Nghị lại dâng tiếp một tờ sớ, đại ý nói: "Thần nghe họ Lê ở nước Nam hèn yếu, sau này không chắc đã giữ được nước. Nay họ sang cầu cứu, bản triều theo nghĩa phải cứu giúp. Vả chăng, An Nam vốn là đất cũ của Trung Quốc, nếu sau khi khôi phục họ Lê rồi, nhân đó lại cho quân đóng giữ, thì như thế là bảo tồn họ Lê mà đồng thời lại chiếm được nước An Nam, một công mà hai việc vậy".

Tuần phủ là Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại lời bàn ấy của Nghị, đại để nói: "Triều đình mượn tiếng khôi phục họ Lê, khi thấy họ Lê không thể giữ được nước, lại định sai quan chiếm nước họ! Ban đầu thì làm việc nghĩa, cuối cùng lại theo việc lợi, thần trộm cho là không nên. Hiện nay họ Lê họ Nguyễn đang đánh nhau, họ Lê thế nào cũng bị họ Nguyễn thôn tính. Chi bằng cứ đóng quân yên lặng, rồi sau đó, nhân lúc cả hai bên đều kiệt quệ bấy giờ ta sẽ đánh lấy cũng chưa muộn gì".

Rốt cuộc, vua Thanh nghe theo lời Nghị. Vì không hợp ý với Nghị, Thanh bèn cáo ốm không đi.

Nghị một mình vâng chiếu đem quân bốn lộ Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, ra khỏi cửa ải, rồi chia làm hai đạo: một đạo đi đường Lạng Sơn, do Nghị đốc suất; một đạo đi đường Tuyên Quang, do viên Tổng binh đốc suất. Cả hai đạo đều chịu dưới quyền tiết chế của Nghị. [1]

Nghị họp các tướng sĩ, ban bố quân luật gồm tám điều như sau:

Điều thứ 1. Đại binh ra ải vốn để dẹp giặc an dân. Hễ qua các

1. Theo *Cương mục* thì quân Thanh kéo sang gồm ba đạo: Một đạo do Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy, theo đường ải Nam Quan qua Lạng Sơn kéo xuống; một do Đề tổng Vân Quý là Ô Đại Kinh chỉ huy, do đường Mông Tự qua Tuyên Quang tràn sang; một do Tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống điều khiển, từ Khâm Châu qua Cao Bằng đổ xuống.

nơi đều phải nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, không được quấy nhiễu nhân dân, cướp bóc chợ búa.

Điều thứ 2. Ngoài ải, non cao rừng hiểm miền ấy rất dễ mai phục, trước hết phải san bằng đá tảng, phát hết bụi rậm, để cho trước mắt quang đãng, có thể vững lòng mà tiến lên. Nếu gặp chỗ nào đất mới xốp bở, càng nên để ý xem xét, để đề phòng mưu gian của giặc.

Điều thứ 3. Hễ nơi nào đại binh định đóng thì trước hết phải xem xét địa phương, chọn lấy hình thế, tìm nơi dễ lấy nước, lấy cỏ, chớ có đóng gần rừng rậm, bốn mặt phải hào đắp lũy và đốc suất binh lính đêm ngày tuần phòng, ngày đêm phải chia quân đi dò xét ở ngoài mười dặm, không được ồn ào, dễ gây ra kinh sợ rối loạn.

Điều thứ 4. Người Nam đánh trận, hay dùng sức voi. Voi không phải là vật nội địa từng tập quen, nên hễ gặp phải, trước tiên quân ta thế nào cũng tránh chạy. Không biết rằng, sức voi tuy khỏe, chung quy cũng là thân máu thịt, không thể đương được với súng ống của ta. Nếu thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và dao, làm cho nó bị đau mà chạy trở lại dày xéo lẫn nhau, quân ta nhân cơ hội ấy mà tiến lên chém giết, thế nào cũng thắng trận, không còn nghi ngờ gì nữa. Cần phải chỉ bảo cho nhau cùng được biết.

Điều thứ 5. Quân Nam không có sở trường gì khác, toàn dùng thứ ống phun lửa làm lợi khí, gọi là "hỏa hổ". Khi hai quân giáp nhau, trước hết họ dùng thứ đó đốt cháy quần áo người ta, buộc người ta phải lui. Nhưng tài nghệ của họ cũng chỉ có thế mà thôi, so với súng ống của ta thì còn kém rất xa. Hiện ta đã chế sẵn vài trăm lá chắn bằng da trâu sống. Nếu gặp "hỏa hổ" của người Nam phun lửa, thì quân ta một tay cầm lá chắn đỡ lửa, một tay cầm dao chém bừa, chắc chắn chúng sẽ phải bỏ chạy tan tác.

Điều thứ 6. Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối dòng sông chỗ nào nước sâu thì phải chặt lấy tre gỗ, bắc làm cầu phao, để binh mã vượt qua cho tiện, chỗ nào sông hẹp nước nông, thì viên quan coi quân phải dò thử đích xác, rồi cho quân lính nối tiếp nhau như xâu cá mà kéo đi. Lúc xuống nước, không được đem bùi nhùi, thuốc súng bạ đâu vứt đấy để bị ẩm ướt.

Điều thứ 7. Rau, củi của đại binh dùng hằng ngày, đã có tiền công cấp phát! Chỉ được đổi chác với người Nam bằng cách thuận

tình, không được tự tiện chặt cây cối ở các làng xóm để sinh ra tranh giành. Nếu ở chỗ nào cách rừng núi độ một hai dặm, cần sai quân lính bảo vệ cho kẻ đi kiếm củi, không được tự ý đi xa, xảy ra biến cố khác. Đến như việc lấy nước nấu cơm, cũng phải do viên quan coi quân xét nghiệm rõ ràng quả thật trong sạch không có độc mới cho múc uống.

Điều thứ 8. Những quân lính bị thương hoặc bị ốm, viên quan coi quân phải tra xét tường tận, làm giấy bẩm rõ, rồi cho đưa về doanh điều trị, để tỏ sự giúp đỡ, thương xót. Nếu có bọn quân lính không tốt, giả làm bị thương hay ốm đau, hòng được về nhà, một khi tra ra sẽ trị tội ngay tức khắc. Vả lại, lần này hành quân xa xôi qua biên ải, triều đình thương đến binh lính, đã chu cấp rộng ra ngoài thể lệ, mỗi người lính được cấp một tên phu. Các viên coi quân cần hiểu dụ trước cho mọi người biết. Lính và phu cũng cần phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không được tùy tiện sai khiến một cách tàn ngược. Đến như lúc hành quân, lính đều phải mang lấy khí giới, không được tự mình buông tay đi không, vật gì cũng giao cho phu dịch mang đội, để đến nỗi họ không thể chịu nổi, phải giữa đường bỏ trốn. Ngoài ra, số phu quá nhiều, tra cứu rất khó, thậm chí có người ở doanh trước lẫn vào doanh sau, người này người kia không quen biết nhau dễ sinh ra lộn xộn. Do đó, phải cấp cho mỗi tên phu một mảnh thẻ bài đeo ở lưng, kê rõ tên họ, danh hiệu để tiện nhận xét phân biệt.

Các điều quân luật trên đây quân lính đều phải tuân theo một cách nghiêm túc. Kẻ nào làm trái, nhất thiết xử theo quân pháp, không tha.

Rồi đó, trước tiên Nghị sai truyền hịch sang dụ nước Nam, đại lược nói:

"Dấy nước đã diệt, nối dòng đã tuyệt, việc đáng làm nào kể nơi man rợ, xa xôi; vớt người bị chìm, cứu kẻ bị thiêu, đừng chẳng được phải dùng đến cung tên, binh lính. Nghĩ lại họ Lê ở An Nam vốn là cống thần của thiên triều. Ba trăm năm vật sản tiến dâng, kính theo chức phận! Mười lăm lộ đất phong chia cắt, gồm có nước nhà. Thế mà khoảng năm Càn Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ dấy quân làm loạn, đánh phá La Thành; vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Duy Kỳ phiêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa, tha thiết xin quân cứu viện. Sau khi hỏi rõ bọn Túc thì tự tôn hiện nương náu

ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, thần dân còn nhớ chủ cũ. Nguyễn Nhạc là quân mọi rợ như giống trâu dê, quen thói hung tợn của loài lang sói, đến đâu cướp bóc đó, trăm họ oán đến xương tủy. Từ một tên dân ở nơi biên thùy nổi dậy, can phạm luân thường, làm trái nghĩa lý, trời không thể dung tha; lại dám hoành hành ở nơi nội địa, bạo ngược quần chúng, tàn hại nhân dân, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đem việc này tâu lên, vâng được đức đại hoàng đế thương xót đến họ Lê tan nát, không nỡ để Giao Châu lầm than; đặc cách sai quan đốc phủ đeo ấn Chinh Man [1] đại tướng quân, điều động năm mươi vạn quân, thẳng tới La Thành, trị tội bọn Nguyễn Văn Nhạc, không để chúng trốn thoát hình phạt của trời. Dân nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhớ ơn nuôi dưỡng đã lâu, tri năng chưa hết, tình cảm đang còn, không thể để mất lương tâm trời cho, bỏ vua theo giặc. Kẻ nào có thể xướng trước tiếng nghĩa, dựa vào thiên triều làm nơi cứu viện, nhóm họp các người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, cửa ải hát khúc khải ca, mạc phủ [2] dâng lên công trạng, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ nhà Lê, như ông tổ họ Trịnh ngày trước. Hịch văn đưa tới, quân lính đều nên hăng hái mài giũa giáo mác của các người mà chống lại quân thù của nhà vua. Đồng lòng chung sức, ắt có công lao. Rồi sẽ ngửa trông ban thưởng ở cửa quân, giữ mãi phúc chung ở trong nước. Hãy cố gắng lên!"

Lúc đó, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diễm và Phan Khải Đức đang đóng giữ Lạng Sơn, thấy tờ hịch đến đều run sợ. Trong khoảng một ngày, thổ binh do họ triệu tập, bỏ trốn mất quá nửa. Khải Đức trước hết bí mật sai lính đem thư sáp đến cửa ải xin hàng. Văn Diễm tự liệu quân mình lẻ loi, thế không chống nổi; vả lại là người Quảng Nam, nếu có hàng, chưa chắc đã được bao dong, bèn đang đêm rút quân bỏ trốn về Kinh Bắc, cùng với viên lưu thủ ở đó là Nguyễn Văn Hòa giữ lấy trấn thành, rồi sai lính cưỡi ngựa đưa thư về Thăng Long báo cấp.

Lại nói, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ từ mùa hè năm ngoái ra Thăng Long giết viên chủ tướng tiết chế Võ Văn Nhậm, rồi thay đổi quan quân, chỉnh đốn công việc, chuyên giao cho các viên Đại tư mã

---

1. Xưa người Trung Quốc gọi các dân tộc ở phương Nam là Man (man rợ chưa khai hóa); "chinh man" đây nghĩa là đi đánh Việt Nam.

2. Chỗ làm việc ở nơi đóng quân của các tướng soái thời xưa. Ở đây, mạc phủ là cách tự xưng của Tôn Sĩ Nghị.

Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, Chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Thị lang bộ Hộ Trần Thuận Ngôn, Thị lang bộ Lại Ngô Thì Nhậm cùng giữ thành Thăng Long. Lúc sắp lên đường, về Nam, Huệ mở tiệc họp đông đủ mọi người, rồi nói:

– Sở và Lân là nanh vuốt của ta; Dụng và Ngôn là tâm phúc của ta; Tuyết là cháu của ta; còn Nhậm vừa là bề tôi vừa là khách của ta, lại là dòng văn học Bắc Hà, thông thạo việc đời. Nay ta giao cho các ngươi cả mười một trấn trong toàn hạt. [1] Những việc quan trọng trong nước, đều cho tùy tiện mà làm. Mọi việc cùng nhau họp bàn ổn thỏa, chớ vì kẻ cũ người mới mà xa cách nhau. Ai nấy phải đồng lòng hiệp sức, lo chung công việc để xứng đáng với sự trông mong của ta. Các người hãy cố gắng nữa lên!

Mọi người đều đứng dậy lạy tạ và xin vâng mệnh.

Sau đó, Bắc Bình vương chọn ngày lên đường về Nam.

Từ khi ấy, trên rừng dưới biển, hễ có ai dám ngang ngạnh, Sở chỉ cần sai một viên tỳ tướng đi đánh là dẹp tan được ngay. Các phủ huyện có đệ ấn kiện, giấy tờ lên thì Sở cứ theo việc mà xử, không để ứ đọng. Trong những ngày rỗi, Sở thường cưỡi ngựa qua các đường phố để mua vui, tự cho rằng ở Bắc Hà không còn việc gì khó. Một hôm, mọi người cùng họp nhau ăn uống ở nhà hiệp nghị, Sở bảo Lân và Tuyết rằng:

– Chúa công đem cả thành lớn giao phó cho ta, cũng ví như sai người cắt áo gấm mà chưa thể tin là có biết cách cầm kéo hay không. Các ông thấy việc đó ra sao? Giả sử có Tề Thiên Đại thánh từ trên trời rơi xuống hay Diêm vương từ dưới đất lên, ta cũng chỉ quét một lưỡi là hết. Huống chi cái lũ tép nhẹp, chẳng qua chỉ để người ta thử xem gươm có sắc hay không, chứ làm được trò trống gì?

Rồi Sở ngoảnh lại bảo Ngô Thì Nhậm rằng:

– Quan thị lang thật giỏi về nghề văn học, còn việc cung kiếm có thông thạo gì không?

Nhậm nói:

– Có văn tất phải có võ, văn võ không phải chia làm hai đường. Nhưng người xưa dùng binh, gặp việc thì lo, sao ngài lại lấy binh làm trò chơi mà coi thường như thế? Tôi trộm nghe bọn người nước ta

1. Thời Lê, Bắc Hà gồm 11 trấn. Về sau, Quang Trung có chia lại.

chạy sang bên Trung Hoa, trong đó có nhiều người định xúi họ mở mang bờ cõi, gây ra binh biến. Ngài chịu sự ký thác ở cõi ngoài, e rằng không khỏi một phen bạc đầu vì lo lắng, đến lúc ấy ngài nên nhớ đến lời nói của tôi.

Sở cười và nói:

– Lúc ấy sẽ phiền ông làm một bài thơ để lui quân giặc. Nếu không làm được như thế, thì túi dao bao kiếm chính là phận sự của kẻ võ thần, can gì phải quá lo?

Chẳng bao lâu nghe tin báo ở ngoài biên ải đưa về. Sở rất kinh sợ, tức thì hội họp các quan văn võ cũ của nhà Lê, mượn tiếng Sùng Nhượng công Duy Cận coi việc nước, làm một bức thư đứng tên Duy Cận; lại giả danh các hào mục lập một tờ trạng suy tôn Duy Cận làm giám quốc; rồi sai bọn quan văn là Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, bọn quan võ là Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chử, Nguyễn Đăng Đán đem bức thư và tờ biểu tới cửa ải để xin hoãn binh. Một mặt, Sở họp với bọn Văn Lân bàn việc đánh giữ.

Chưởng phủ là Nguyễn Văn Dụng nói:

– Trộm nghe hồi cuối thời Trần, người Minh sang lấn nước ta, có bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt hiệt của Trung Quốc. Bấy giờ vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, thế lực không địch nổi. Nhưng hành binh theo cách quỷ quyệt, lại hay dùng mưu mẹo khôn ngoan; rồi nhờ khéo dùng cách mai phục, nhân lúc quân giặc không phòng bị mà đánh úp; cho nên có thể lấy ít quân mà đánh kẻ nhiều quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên [1] võ công tuyệt lạ, ngàn thuở ngợi khen. Nay người Thanh ở xa đến đây, phải trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân nhọc mệt, nhằm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ; cứ làm theo kế hoạch ấy, lo gì mà không thắng?

Thì Nhậm nói:

– Không phải thế! Ông chỉ biết một mà chưa biết hai. Việc thiên hạ, tình tuy giống nhau mà thế có khác nhau, sự được mất do đó cũng khác hẳn. Xưa kia, nước ta bị phụ thuộc vào Trung Quốc, quân Minh buông tuồng làm điều tàn bạo. Người cả nước ai cũng muốn đuổi

---

1. Bến Đông Bộ tức bến Đông Tân ở khúc sông Nhị Hà gần Hà Nội. Núi Mã Yên ở xã Mai Sao thuộc huyện Ôn Châu, Lạng Sơn.

chúng đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng, hào kiệt trong nước kéo đến như mây tụ. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ lo quân mình bất lợi. Mỗi khi có tin thắng trận, ai nấy đều hết sức vui mừng. Lòng người như thế, nên hễ chỗ nào có quân mình mai phục, thì người ta đều giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Sở dĩ thắng được giặc, đều bởi cớ ấy. Ngày nay, những người tôi trốn tránh của nhà Lê, đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghển cổ mà trông. Sĩ dân cả nước, giành nhau mà đón chúng. Quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, số quân nhiều hay ít, quân giặc chưa biết thì họ đã báo trước với chúng, rồi bốn mặt kéo đến vây bắt. Quân cơ đã bị tiết lộ, tự nhiên mất hết mọi điều tiện lợi. Ấy là tự mình hãm mình vào chỗ chết. Còn hòng đánh úp được ai? Binh pháp có nói: "Khéo che đậy không khi nào không thắng, vụng che đậy không khi nào không thua". Được thua khác nhau là do ở chỗ xưa với nay khác nhau vậy!

Sở hỏi:

– Vậy thì nên làm thế nào?

Nhậm trả lời:

– Phép dùng binh chỉ có một đánh một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước làm nội ứng cho chúng, phần nhiều là phao tin đồn nhảm, làm cho thanh thế của chúng to thêm, để cho lòng người sợ hãi lay động. Quân ta có ai được sai phái đi đâu, vừa ra khỏi thành là đã bị bắt giết. Số người Bắc Hà thuộc vào số quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Đem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bầy dê đi chọi cọp dữ, không thua sao được? Đến như việc đóng cửa thành mà cố thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Dầu có Tôn, Ngô [1] sống lại, cũng phải bó tay, không thể làm được gì. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ kỹ mà xem, đánh đã chẳng được, giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai kế đánh và giữ đều không phải là kế hay. Nghĩ cho cùng thì chỉ còn một cách này: sớm sớm truyền cho thủy quân chở đầy các thuyền lương, thuận gió giương buồm, ra thẳng cửa biển, đến vùng Biện Sơn mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, giong trống lên đường, lui về giữ

---

1. Tức Tôn Võ, người nước Tề thời Xuân Thu, và Ngô Khởi người nước Vệ thời Chiến Quốc là hai nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc thời xưa.

núi Tam Điệp. Hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử xem quân Thanh đến thành, khu xử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu Thống sau khi phục quốc, xếp đặt việc quan việc nước thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen cũng chưa muộn gì.

Sở nói:

– Chúa công về Nam, đem thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì cũng phải sống chết với giặc, còn mất với thành, trên không thẹn là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ chức trách cầm quân, nếu mới thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, chẳng những mang tội với chúa công mà người Bắc còn coi ta ra cái gì?

Nhậm nói:

– Tướng giỏi đời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước; đừng có đem nước sau làm nước trước, đó mới là tay cao cờ. Nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm, rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích của nước Tấn đời xưa [1], vẫn nguyên lành chứ có mất gì. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi sẽ xin bộc bạch với chúa công thế nào cũng được chúa công lượng xét, xin ông chớ nghi ngại.

Sở bèn nghe theo, rồi mật truyền cho các viên trấn thủ ở Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn một mặt nói phao là đem quân đắp lũy ở sông Như Nguyệt, một mặt cất lẻn rút quân về. Lại tư cho các viên trấn thủ ở Hải Dương, Sơn Tây hẹn ngày họp ở thành Thăng Long. Còn trấn Sơn Nam thì sắp sửa thuyền bè, chờ thủy quân đến sẽ cùng xuất phát.

Qua năm ngày, các đạo quân đều kéo đến đầy đủ, cùng dự cuộc duyệt lớn ở bãi sông. Rồi đó, Sở hạ lệnh cho quân bộ sắp sẵn lương khô để chờ sai phái. Trước hết, Sở cho thuộc tướng là Đặng Văn Chân đốc suất lính thủy đi xuống phía Đông. Cắt đặt vừa xong, thì trời sập tối, chợt thấy bọn Nguyễn Quý Nha, Nguyễn Đình Khoan từ trấn ải Nam Quan chạy về nói rằng: Khi họ đến Nam Quan, bị bọn lính canh cửa ải của nhà Thanh ngăn chặn không cho sang; hiện nay quân Thanh đã qua Nam Quan, quân bộ và quân kỵ của đội tiền

---

1. Xem chú thích ở hồi 10.

phong đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhãn và đóng tại đó.

Sở liền họp các tướng, định rút lui. Phan Văn Lân nói:

– Quân không cứ nhiều, nước không cứ lớn. Nay ta làm tướng cầm quân ở ngoài, giặc đến chưa từng đón đánh, chỉ mới nghe tiếng dọa hão đã vội rút lui, thì còn làm tướng làm gì nữa? Tôi xin đem một ngàn quân tinh nhuệ, đến thẳng sông Như Nguyệt, đánh nhau với chúng một trận, xem khí thế của chúng ra sao và người Nam với người Thanh ai khỏe hơn ai, để cho chúng biết rằng bọn ta cũng không phải là hèn nhát. Đó cũng là sự tính toán tất thắng trước dùng thanh thế của mình để đè bẹp bên địch vậy!

Sở cũng cho là phải.

Lân bèn đem quân qua sông đi sang phía Bắc. Canh ba tới bờ phía Nam sông Như Nguyệt, nghe tin quân Tôn Sĩ Nghị đã đóng ở núi Tam Tằng. Lúc ấy tiết trời giá rét, Lân kéo quân qua sông thách đánh. Tướng sĩ vốn sợ oai của Lân, phải liều với khí lạnh mà lội bừa xuống nước. Ra đến giữa sông, những kẻ cóng quá không thể qua được, đều bị chết đuối. Còn những kẻ vào tới được bờ cũng đều bị quân Thanh giết chết. Lân liệu chừng không thể giao chiến được nữa, liền vẫy quân chạy lui. Đám quân tan vỡ trốn vào các làng, đều bị dân chúng bắt nộp cho quân Thanh. Lân chỉ trơ một mình một ngựa mà chạy về.

Sở sợ quá, giấu kín việc bại trận không cho ai biết, rồi truyền lệnh cho các đạo quân nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Đúng giữa trưa, đi qua Phú Xuyên, [1] người ta mới biết là Sở rút quân. Hôm sau tới huyện Yên Mô, [2] Sở sai chia quân đóng đồn dọc theo ven núi Tam Điệp, thẳng đến bờ biển, hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau để cố thủ.

Trước đó, vua Lê đang lẩn lút ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, nghe tin Tôn Sĩ Nghị đưa hịch sang nước Nam và hẹn ngày đến cửa ải, nhà vua bèn bí mật sai người đi gọi nghĩa sĩ bốn phương. Các quan văn võ nghe tin, cũng đều khuyên bảo hào mục các địa phương, nhóm họp hương binh để chờ đợi.

Rồi đó, vua Lê sai Lê Duy Đản đem thư lên cửa ải để yết kiến Tôn Sĩ Nghị, bẩm rõ tình hình trong nước với Nghị và nói rằng: Tự

---

1. Thuộc Hà Tây.
2. Thuộc Ninh Bình.

quân vừa bị cảm hàn, không thể đi đường, xin chờ đón ở trấn thành Lạng Sơn.

Đến khi nghe tin quân Tây Sơn rút lui, vua mới truyền cho các đạo quân cần vương đều tới nơi hành tại; rồi kén lấy hạng khỏe mạnh một ngàn người sang làm quân túc vệ ở doanh vua; còn bao nhiêu thì giao cho các tướng lập thành đội ngũ, ai đem bộ thuộc của người nấy chia giữ các trấn. Trần Quang Châu lĩnh trấn Kinh Bắc, Nguyễn Đạo Lĩnh lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Tố Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam, Hoàng Phùng Tứ lĩnh trấn Sơn Tây. Mọi người đều vâng mệnh đi tới lỵ sở. Riêng Trần Quang Châu thì ở lại hành doanh bảo vệ xa giá.

Châu xin dời xe vua về trấn Kinh Bắc, sửa sang thành lũy, xây dựng nhà cửa để chờ quân Thanh. Vua nghe lời.

Đoạn nhà vua lại sai bọn Bình chương Phạm Đình Dữ, Tham tri Vũ Trinh đem thiếp thỉnh an lên đất Hòa Lạc gặp Sĩ Nghị, nói rõ: Hiện đã phái quân chia đi kinh lược bốn trấn ở ngoài đô thành, lùng bắt bọn giặc lẩn trốn ở các nơi. Xin đưa một số thổ sản nhỏ mọn là mười con trâu, một trăm vò rượu, làm lễ khao quân, ngước trông thu nhận cho.

Vua lại sức cho các kỳ lão và các xã dân mấy huyện ven đường, phải sửa soạn đón rước quân Thanh.

Đại quân của Sĩ Nghị đi sang phương Nam, dọc đường đều thuận lợi thông suốt. Kịp khi tới núi Tam Tầng đóng quân lại, đến đêm, tuy Phan Văn Lân định quấy rối, nhưng bị giá rét làm cho thương tổn, nên Nghị chưa đánh mà quân Lân đã tan. Ngô Văn Sở nghe tin cũng thu quân bỏ chạy cả đêm từ lâu rồi. Thế là trên đường tiến quân không còn ai dám ngăn chở Nghị. Do đó, Nghị không hề lo sợ mà lại có vẻ kiêu căng. Mới thấy Vũ Trinh, y liền hỏi:

– Lúc đại binh ra cửa ải, trước hết đã có đưa hịch sang bá cáo, quân giặc sợ hãi đã ôm đầu chạy trốn. Nghĩ rằng thần dân bên ấy, ai lại không phấn chấn nổi dậy? Dựa vào oai trời mà lo giết giặc nước, chẳng mấy chốc sẽ có thể thành công, sao cứ một mực nhu nhược, để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các người vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế, còn gọi là nước có người được không?

Trinh nói:

– Nước nhỏ này tự mình không thể làm được việc, mới đến nỗi phải gõ cửa cầu cứu. Nếu sức của chúng tôi có thể chế ngự được chúng thì đâu dám phiền đến đại binh? Nay đại nhân lấy điều đó quở trách, tôi còn biết nói làm sao? Xin thưa về tình hình của giặc: Nguyễn Nhạc sinh trưởng ở vùng Tây Sơn, có sào huyệt hiểm yếu để nương tựa; Nguyễn Huệ là tay lão luyện về trận mạc, lại nắm giữ đội quân hùng mạnh. Từ khi kéo quân về Nam, anh em chúng đánh lẫn nhau. Nhạc ở Tây Sơn, Huệ chiếm Thuận Hóa, ai nấy tự xưng hùng, kẻ đế, người vương. Còn ở quốc thành của nước tôi, chỉ có đồ đảng của chúng là bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân mà thôi. Được tin thiên binh đến, bọn chúng chưa biết hư thực thế nào, nên hãy thu quân tạm lánh. Nhưng nghe đâu bọn chúng đóng chặn ở núi Tam Điệp, ngăn hẳn từ đất Trường Yên [1] về Nam, mưu đồ lại tiến ra Bắc lần nữa. Một tên tỳ tướng, còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng? Nếu không dùng đại binh thật lớn mà đánh, làm sao có thể bắt sống được chúng? Nước tôi sau khi loạn lạc tan tác, tướng ít quân hèn, sợ rằng khó lòng làm xong việc. Nhờ oai linh lừng lẫy của đại nhân, tên tù trưởng mọi rợ sợ oai phải đến hàng, đó là điều mong mỏi của nước nhỏ vậy.

Nghị cười mà rằng:

– Nước ngươi vì bị tàn ngược đã lâu, mất cả tinh thần khí khái, nên động một tí là đem hùm sói dọa nhau. Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu dê, sai một người đem thừng buộc lấy cổ mà lôi về, hẳn cũng không khó gì. Đợi khi quân ta đến La Thành, nhổ bãi nước bọt xoa tay là xong việc. Ngươi hãy chờ mà xem!

Lúc Nghị tới trấn Kinh Bắc, vua Lê tự đem các quan đến chào. Nghị yên ủy rằng:

– Quý tự [2] mắc phải nạn lớn đã nhiều năm, nhờ đức đại hoàng đế thương xót, sai bản chức đem quân hộ tống mẹ và vợ về nước. Chuyến này sang đây, giúp việc kinh lý, trước hết cần bắt cho hết đảng giặc, rồi sau chỉnh đốn quy mô, làm kế lâu dài. Bao giờ mọi việc đều muôn ngàn lần ổn thỏa rồi, bấy giờ mới rút quân, xin chớ lo gì về việc nước nữa.

Vua Lê nói:

---

1. Tên phủ, thuộc Ninh Bình, giáp liền với Thanh Hóa.
2. "Quý tự" là người nối nghiệp tôn quý, đây chỉ Lê Chiêu Thống

– Đội ơn đại hoàng đế, đức cả như trời, không sao hình dung được cho hết. Lại nhờ đại nhân hạ mình tới đây, khiến cho nước chúng tôi được thấy ánh sáng của áo cừu, đai ngọc, được thỏa lòng ngửa trông sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn. Nỗi vui mừng, kính mến, không sao kể xiết!

Rồi nhà vua mời Nghị vào đình nghỉ tạm. Nghị nói:

– Đây cách quốc thành không xa, cần đi ngay, không nên dùng dằng.

Nghị liền sai bắn chín phát súng và nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.

Chập tối, đến bờ bắc sông Nhị Hà, vua Lê xin qua sông vào kinh thành trước, rồi sai sắm sửa giường màn ở điện Kính Thiên, mời Nghị vào ở. Nghị không ưng nói:

– Chỗ ấy không phải là hành doanh của đại tướng, đối với việc quân, có nhiều điều bất tiện.

Đoạn Nghị truyền lệnh chia quân đóng ở nơi quang đãng trong hai bãi cát phía bờ Nam và bờ Bắc sông Nhị Hà; lại sai bắc cầu phao trên mặt sông để tiện đi lại. Hôm ấy nhằm ngày 2 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).

Hôm sau, vua thân hành đến chờ đón ở doanh của Nghị.

Nghị sai người bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, rồi truyền cho trăm quan tới hầu. Vua Lê đội mũ miện, mặc áo cổn quỳ ở giữa sân. Nghị dẫn bọn liêu thuộc đến, rồi tuyên đọc tờ sắc của hoàng đế nhà Thanh phong cho vua Lê làm An Nam quốc vương. Trong tờ chế phong vương, đại lược nói rằng:

"Chia ra cõi bờ mười ba đạo, không phải tham gì đất đai này, đã lo chức cống ba trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tông trước...?"

Xong lễ thụ phong, vua bèn theo lệ thảo tờ biểu tạ ơn, xa trông cửa khuyết mà lạy tạ, rồi nhờ Nghị cho đệ tờ biểu đi.

Nghị nhận lời.

Tuy vua Lê đã được phong vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn Long. Vì có Nghị ở đấy nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày, sau các buổi chầu, vua lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân, việc nước. Vua cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cưỡi ngựa đi sau, quân lính hộ vệ chỉ vài chục người. Người trong kinh có kẻ không biết là vua. Hoặc có người biết,

thì họ nói riêng với nhau rằng:

"Nước Nam từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luồn cúi đê hèn như thế. Tiếng là làm vua, nhưng niên hiệu thì viết là Càn Long, việc gì cũng do viên tổng đốc, có khác gì phụ thuộc vào Trung Quốc".

Nghị cũng ngông nghênh tự cho mình là tôn quý; có lúc vua tới yết kiến, y không buồn tiếp, chỉ cho người đứng ở dưới dinh các truyền bảo: "Hôm nay không có việc quân, việc nước gì, hãy về cung yên nghỉ!"

Lễ ý và sự thù tiếp của y đối với nhà vua hết sức sơ sài như vậy. Còn đối với quân lính, thì y lại hay dung túng cho chúng mặc sức làm điều phi pháp.

Trước kia, người Trung Hoa ngụ cư ở các nơi như phường Hà Khẩu [1] ở đô thành, phố Cơ Xá ở trấn Kinh Bắc và phố Hiến Doanh [2] ở trấn Sơn Nam có tới hơn vạn người. Đến lúc ấy, bọn họ đều đến bám theo các đồn quân của Nghị, hoặc lập riêng ra điếm Liễu để. Bọn họ thông thạo tiếng nước Nam, am hiểu phong tục tập quán nước Nam; do đó, họ liền nhân cơ hội kiếm mọi cách vu hãm những người lương thiện, áp bức cướp bóc những nhà giàu có, thậm chí giữa chợ, giữa đường cũng cướp giật của cải, hãm hiếp đàn bà, không còn kiêng sợ gì cả. Nhân dân ở quanh kinh kỳ luôn luôn bị khổ sở với bọn họ.

Vua Lê tuy biết sự tệ hại ấy, nhưng đã trót mời quân Thanh sang, chỉ sợ vì việc đó mà làm mếch lòng chúng, nên cũng khó ăn khó nói.

Nghị cũng không phải không biết tình trạng như vậy, song cũng mặc cho bọn ấy tha hồ làm bậy bạ, không hề ngăn cấm gì hết.

Lại nói, từ khi vua Lê trở về thành, các quan văn võ trước kia phiêu bạt đều lục tục kéo đến lạy mừng. Vua bèn ban thưởng cho những người đã từng theo đi trốn, hoặc những người có công giúp đỡ. Phong cho Phạm Đình Dữ là Thượng thư bộ Lại, kiêm bình chương sự, Nguyễn Huy Túc làm Đồng bình chương sự, Lê Duy Đản, Vũ Trinh đều làm Tham tri chính sự, Nguyễn Đình Giản làm Thượng thư bộ Binh, kiêm tri xu mật viện sự, Nguyễn Huy Hiệp, Chu Doãn Lệ làm Đồng tri xu mật viện sự, Trần Danh Án làm phó đô ngự sử, Lê Duy Tấn, Phạm

---

1. Khu vực phố Hàng Buồm, Hà Nội bây giờ.
2. Nay là Hưng Yên.

Quý Thích làm Đô tri bộ Hộ, Lê Xuân Hạp, Ngô Vi Quý làm Đồng tri binh chính, Lê Quýnh làm Quân trung úy đốc, tước quận công, lĩnh quân cần vương theo Tôn Sĩ Nghị lo liệu và xử trí việc quân.

Ngoài ra, các quan liêu trong ngoài đều về các dinh thự làm việc như cũ.

Viên phó hiến ở trong Kinh Bắc là Ngô Tưởng Đào lấy cớ già ốm, từ chối không nhận chức, và dâng sớ nói rằng:

"Vận trời đang lúc gian truân, không ngờ lại được thấy bóng mặt trời, thật là cái phúc vô cùng của xã tắc. Thần trộm nghĩ rằng: Việc binh cốt phải mau chóng. Nếu cơ hội có thể làm được, hà tất việc gì cũng cứ giao phó cho quân nước ngoài để đến nỗi dềnh dàng ngày tháng. Hiện nay quân cần vương các lộ, ai cũng muốn hết lòng hết sức lập công ít nhiều? Nhân khi quân giặc vừa rút lui, ta nên lập tức đem đại binh đuổi sát gót, như tiếng sét chớp nhoáng không kịp bịt tai, bọn ngông cuồng giảo quyệt kia ắt chẳng còn thì giờ để mưu tính. Hai xứ Thanh, Nghệ nghe tin, chắc cũng sẽ hưởng ứng. Nguyễn Huệ bị ngăn cách ở phía Nam Hoành Sơn. Sở và Lân chơ vơ ở đấy, hình thế cách trở, không liên lạc được với nhau; không ngoài mười ngày ra có thể bắt được bọn chúng. Vây cánh chúng đã bị cắt đứt thì sào huyệt của chúng cũng có thể lần lượt bị san bằng. Thần ngu dại cho rằng cái cơ trung hưng chính là ở lúc này, không thể bỏ qua".

Tờ sớ ấy đưa tới, vua trao cho bọn Nguyễn Đình Giản, xem, ai cũng cho là phải. Riêng Lê Quýnh chống lại mà rằng:

– Sức mình không địch nổi, mới phải cầu cứu. Hành doanh quan đốc bộ còn ở đây, việc quân mình không bẩm trước, lại tự tiện mà làm, việc xong thì thôi, vạn nhất bị vấp ngã, họ sẽ đổ cho ta làm lỡ quân cơ, rồi rút quân về cửa ải, ngồi xem mình làm; như vậy việc lớn sẽ hỏng mất. Chi bằng để thần đến trình bày trước, xin họ chỉ bảo phương lược và hợp sức với mình, như thế là được cả hai việc.

Vua cho là phải. Quýnh bèn đến dinh Nghị, nói về việc đó.

Nghị trả lời:

– Việc gì mà phải vội vã như vậy? Ví như thò tay lấy đồ vật ở trong túi, đến sớm lấy sớm, đến muộn lấy muộn đó mà thôi. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân xa xôi tới đây, cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt. Nhưng, nếu nước ngoài đã có lời xin như thế, thì hãy nên tính tự

đô thành về nam chừng sáu chục dặm, chia làm ba nơi mà đóng quân; đó chính cũng là cách canh gác từ xa để đề phòng bất trắc vậy. Còn đối với bọn giặc, thì các ngươi cứ chờ đến đầu năm mới, ta sẽ cho trẩy quân tiến đánh cũng chưa muộn!

Sau đó, Nghị sai đắp lũy đất, một ở bờ bắc sông Thanh Quyết huyện Thanh Liêm, một ở làng Nhật Tảo huyện Duy Tiên, một ở làng Ngọc Hồi huyện Thanh Trì, rồi chia quân ra mà đóng giữ.

Từ bấy giờ trở đi, vua Lê chỉ lấy Nghị làm chỗ dựa vững chắc nhất, còn các quan thì cũng không ai nói năng gì đến chuyện xuất quân phục thù nữa.

Lê Quýnh suốt ngày say mê tửu sắc, ân oán riêng dù bằng cái tơ, sợi tóc cũng đều đền báo không để sót, Quýnh lại còn xui vua rằng:

– Trước đây nước nhà gặp nạn, hoàng thân và bọn quan ở trong triều, nhiều kẻ lấy tai họa làm điều may mắn, vui mừng, khai hết tình hình với giặc, cam tâm làm chó săn, chim mồi cho chúng để mưu đồ giàu sang. Ngược đạo lý, trái nhân nghĩa, không gì hơn thế. Thần xin được trị tội bọn đó, để thiên hạ biết rằng danh phận cương thường không thể rối loạn. Đó cũng là việc cần kíp, không nên dung túng bỏ qua, khiến cho kẻ ác, người thiện không có gì phân biệt.

Vua cho là phải, bèn giao cho các quan đình thần họp bàn.

Mọi người đều tâu, năm ngoái Thượng thư bộ Hình kiêm Bình chương Trần Công Xán đi xứ Tây Sơn, vì không chịu khuất phục, bị địch giết hại, thật là đáng thương; xin cho quan về tế tại nhà và thăm viếng các người con. Vua nghe lời, bèn tự tay thảo bài văn tế, trong có câu: "Tiết lớn nghiêng non lật biển, cùng sương thu nắng lửa tranh hơn; lòng son yêu nước trung vua, gặp đốt rắn rễ chùm càng tỏ". Lại bàn sang đến tội của bọn phản nước theo Tây Sơn: Lúc vua đi trốn, trấn thủ Tuyên Quang là Phạm Như Toại bắt em vua là Duy Tự đem nộp cho địch; phò mã úy Nguyên Bành dẫn quân địch đuổi tìm chỗ vua ở; theo luật phải tội chém ngang lưng; Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đem thân theo địch, lại nhận chức tước của chúng, đều truất làm dân, về làng gánh vác sai dịch; Nguyễn Hoàn, Phan Lê Phiên quỳ gối ở sân địch; Trương Đăng Quỹ đi theo xe vua, giữa đường bỏ dở, đều bị giáng làm chức tư huấn; Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lẫm, Vũ Huy Tấn, viết thẻ mạo xưng là giám quốc Sùng Nhượng công, để mong xin hoãn binh cho địch, đều bị hạ ngục; Nguyễn Bá Khoan vì là

kẻ võ biền, lại già nua, dốt nát không biết gì, nên được miễn tội.

Bấy giờ Quýnh nghe nói Nha mới ở Cao Bằng về, vàng bạc đầy xe, bèn sai người đòi lấy hai chục lạng vàng, rồi nói rõ cho vua biết. Vua cười mà bảo rằng:

– Bớt chỗ nhiều để bù chỗ ít, mặc người làm chi thì làm, không hề gì!

Ngoài ra, có ba người chú của vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vất xuống cái giếng ở trong cung [1].

Kịp khi ấy, thái hậu ở Cao Bằng về, vừa tới kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

– Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả, mới xin được quân sang đây... Phỏng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn thù phá hoại như thế? Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đứa lưu vong mất thôi!

Rồi thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.

Vua bèn ngầm sai Nguyễn Huy Túc khuyên giải thái hậu. Túc vào thưa với thái hậu rằng:

– Ngước trông đức hiếu sinh của thái hậu như là trời đất, cố nhiên phải lấy thế làm lạ. Nhưng hình phạt là phép lớn của nước, cho nên Chu Công phải giết Quản, Thái; nước Lỗ phải đánh thuốc độc giết chết Thúc Nha [2]. Người xưa cũng không vì chỗ họ hàng hay quen biết mà bỏ pháp luật. Mong rằng lượng trên khoan hồng, để cho hoàng thượng được làm việc nước thì thật là vạn phúc!

Thái hậu nể Túc có công lớn theo hầu khi mình đi trốn, không nỡ trái lời Túc, đành gắng gượng nghe theo, song thật ra trong bụng vẫn không cho là phải. Thái hậu bèn vào cung.

Lúc bấy giờ là tháng mười hai, sắp đến ngày tết Nguyên đán.

---

1. Theo *Cương mục* thì Chiêu Thống còn sai mổ bụng cả một tôn nữ đang có mang, vì người con gái này đã lấy viên tướng Tây Sơn. Do đó, lòng người dần dần ngờ vực.

2. Quản thúc, Thái thúc là em Chu Công, định giúp Võ Canh là con của Trụ nổi loạn. Chu Công liền đem giết Quản thúc và đày Thái thúc. Thúc Nha là bà con của vua nước Lỗ có tội phải chạy ra nước ngoài sau định xin tha tội để trở về nước, nhưng người nước Lỗ không nghe, bắt uống thuốc độc chết.

Quan coi lễ tâu xin đến ngày 25 thì phong ấn cất đi [1]. Các lễ trong miếu xã, triều đình đều theo lệ thường mà làm. Riêng quan đại soái của thiên triều ở xa xôi tới, thì về phần vật phẩm cung đốn, xin theo như lệ thết đãi sứ thần sang phong vương mà thêm gấp lên một lần nữa.

Các quan và quân lính cũng đều cho phép nghỉ mười ngày, để cùng vui đón tiết xuân.

Thật là:

Én sẻ trên nhà còn hớn hở
Đà đồng trong bụi chẳng lo âu [2].

Chưa biết việc tới ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị sau khi đem quân ra cửa ải, xuyên rừng vượt núi như giẫm đất bằng; ngày đi đêm nghỉ, không phải lo lắng gì, kéo thẳng một mạch đến thành Thăng Long, không mất một mũi tên, như vào chỗ không người. Từ xưa các nhà cầm quân chưa có khi nào được dễ dàng như thế. Cho nên y xem thường, cho là vô sự, không cần phải đề phòng. Rồi đó, y lại càng thêm kiêu căng, buông tuồng, mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang, không còn có kỷ luật gì cả. Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm, để kiếm củi đun, có kẻ đi tới các chợ búa dân gian để buôn bán, hằng ngày sớm đi tối về xem như việc bình thường. Bọn tướng

---

1. Cuối năm làm lễ cất ấn (hạp ấn) để nghỉ việc mà ăn tết.

2. Sách *Khổng Tử* từng chép: Chim én chim sẻ ở trên nóc nhà, mẹ mớm cho con ăn mà không biết rằng nhà sắp cháy. Thời Tấn, có Sách Tĩnh thấy con lạc đà bằng đồng để ở cửa cung điện, liền de rằng: "Mày sắp phải vứt vào bụi gai". Ý nói đời sắp loạn lạc. Đây ám chỉ bọn Sĩ Nghị, Chiêu Thống như đang ngồi trên đống lửa, tai họa sắp đến mà vẫn nhởn nhơ không biết gì cả.

tá cũng càng ngày chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến tình hình giặc giã thì bọn họ đáp rằng: "Chúng nó như cá chậu chim lồng, còn chút hơi thở thoi thóp, không đáng nói đến. Vâng lệnh của quan lớn đốc bộ, định đến ngày mồng 6 tháng giêng, nhân dịp đầu xuân sẽ xuất quân kéo thẳng đến sào huyệt của quân Tây Sơn. Bọn giặc ấy nhất định sẽ lần lượt bị bắt sống không một tên nào bị lọt lưới. Người Nam Hà sẽ đến mà xem!"

Thế là người trong nước kể cả các viên quan đã từng trốn tránh hồi xưa mà bấy giờ đã được thấy lại bóng mặt trời, ai nấy mới đều yên tâm vui mừng về cuộc sum họp trước mắt. Rồi họ dựa vào tổng đốc họ Tôn làm bức trường thành, không còn nghĩ gì đến việc cung khuyết bị tan hoang, không còn lo gì đến việc kẻ địch đang ở nơi cửa ngõ; võ lặng, văn im, thảy đều bê trễ.

Vừa lúc ấy, có người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên tới, nói với thái hậu rằng:

Xe vua trở về kinh thành, đã gần một tháng. Hiệu lệnh ban ra, chẳng qua mới đến các vùng Ứng Hòa, Thường Tín, Từ Sơn, Thuận Thành, Quảng Oai, năm lộ mà thôi. Còn như từ Trường Yên về Nam, Thanh Hoa là đất căn bản, lăng tẩm tiền triều ở đó, Nghệ An cũng là quận chân tay, cấm quân túc trực đều lấy người ở đấy, thì nay vẫn bị mất về tay giặc, tin tức không thông, đó là điều đáng lo rất lớn. Hiện nay, việc nước hư thực thế nào, thế giặc mạnh yếu ra sao, những người đứng ngoài mà xem, không ai không biết.

Trước đây hoàng thượng gặp nạn phải chạy, các quan trèo đèo vượt suối, khó nhọc vất vả đã hơn một năm, bao nhiêu nhân tình chắc đã từng trải hết rồi, sao vẫn điềm nhiên không lo nghĩ gì cả?

Tổng đốc họ Tôn từ thượng quốc tới đây, thế nước và tình hình của giặc chỉ biết đại khái. Đến như các miền, cũng có nơi xung yếu, nơi bình thường, chia đồn và mai phục, cần phải trù tính kỹ càng. Việc binh có lúc nên đánh, lúc nên giữ, phải tùy cơ ứng biến trong chốc lát. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác? Vả chăng, khi trước Lê Quýnh khai báo ở bên ấy, nói rằng: "Nhiều nơi trong nước ta không chịu theo giặc, người chuộng nghĩa còn nhiều, lòng người cũng có thể trông cậy, nếu được đại binh sang làm thanh viện thì công việc khôi phục có thể thành". Đó chỉ là một cách nói, để tổng đốc họ Tôn không cho việc ấy là khó. Quýnh vì muốn chóng được quân sang cứu, cho nên mới bịa ra lời nói hão để lừa dối họ. Họ cũng tưởng

là thật, hăng hái tiến lên, không còn lo nghĩ gì về sau.

Cứ xem lời lẽ trong bài hịch, thì những điều họ bắt buộc mình phải đương lấy, rất là nặng nề; còn họ thì chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế suông để dọa dẫm mà thôi. Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hắn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường biết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Thấy hắn trỏ tay, đưa mắt, là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sợ sấm sét. E rằng chẳng mấy lâu nữa, hắn lại trở ra, tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?

Thái hậu giật mình nói:

– Đó chính là tâm sự của gái già này, vẫn ngày đêm lo lắng mà chưa biết làm thế nào?

Rồi nhân tiện, thái hậu đem việc đó nói với vua. Bấy giờ nhà vua mới hoảng sợ, liền cùng bọn Quýnh đến doanh quân của Nghị tha thiết xin xuất quân. Nghị gọi Quýnh đến mà căn vặn rằng:

– Người nước mày nay quả thật không thể trông cậy được, thì lời cung khai của mày trước đây ra sao? Dám lừa dối ta chăng?

Rồi Nghị ngoảnh sang bảo vua:

– Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy, để chúng có thì giờ thong thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại, đã định đến sang xuân, vào ngày mồng sáu thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Vua lui ra bảo với Quýnh rằng:

– Người từng dốc lòng với ta, việc cũng đã được quá nửa rồi, vậy nay hãy cố gắng làm cho tròn công trạng trước, đừng để người trong nước có thể bàn tán về ta, và thiên triều có chỗ quở trách được ta.

Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại [1] vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu thái hậu lên Cao Bằng rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may được khôi phục lại nước nhà, Quýnh chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh, mắt còn choáng ngợp bóng tinh kỳ, tai chưa nghe quen tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt việc binh bị?

Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên trấn thủ Sơn Tây đem quân bản bộ đóng trước Gián Khẩu, để chặn đường ra của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận; còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.

Nhắc lại, Ngô Văn Sở sau khi đem các đạo quân rút lui, tức tốc sai Nguyễn Văn Tuyết chạy trạm vào Nam cáo cấp. Một mặt, chặn ngang đất Trường Yên làm giới hạn, đóng thủy quân ở hải phận Biện Sơn, quân bộ thì chia giữ vùng Tam Điệp, hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, ngăn hẳn miền Nam với miền Bắc. Vì thế, việc ở bốn trấn ở đường ngoài không hề thấu đến hai xứ Thanh, Nghệ. Vì vậy việc quân Thanh đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong ngày 22 tháng 11, từ Thanh Hoa trở vào, không một người nào được biết. Ngày 20 tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp thì ngày 24, Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân. Bắc Bình vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng những người đến họp đều nói:

– Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thật vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh, càng dễ sinh ra ngờ vực hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ

---

1. Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa muộn.

Bắc Bình vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên Núi Bàn [1], tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra áo cổn mũ miện, lên ngôi hoàng đế, đổi năm thứ 2 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, hạ lệnh xuất quân, hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).

Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

– Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiếp nói:

– Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan.

Vua Quang Trung mừng lắm, liền sai đại tướng là Hám Hổ hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân ở Thuận Hóa, Quảng Nam chia làm bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An thì làm trung quân.

Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủy quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

– "Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc [2] chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ thời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Thời Hán có Trưng Nữ Vương, thời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, thời Nguyên có Trần Hưng Đạo, thời

1. Núi Bàn ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, Thừa Thiên.

2. Chỉ Trung Quốc.

Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy lên nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ thời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành, của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy thời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!"

Các quân lính đều nói: "Xin vâng lệnh, không dám hai lòng!"

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Khi đến núi Tam Điệp, Sở và Lân ra đón, đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội.

Vua Quang Trung nói:

– Các ngươi đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt cả 12 thừa tuyên, lại cho tùy tiện làm việc. Vậy mà giặc đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng". Tội của các ngươi đều đáng chết một vạn lần. Song ta nghĩ các ngươi đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thì Nhậm ở lại đấy làm việc với các ngươi, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cớ rõ ràng. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các ngươi làm sao mà cử động được? Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy...

Thì Nhậm bèn lạy hai lạy để tạ ơn. Vua Quang Trung lại nói:

– Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã

có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày, có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào làm như vậy. Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

Bọn Sở, Lân đều lạy tạ và nói:

– Chúa thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu dại không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, xin chúa thượng chỉ rõ để chúng tôi tuân theo mà làm.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng chạp. Rồi nhà vua bàn kín với các tướng rằng:

– Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mùng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!

Sau đó, nhà vua truyền lệnh: Các viên tướng ở trung quân thuộc về doanh vua sai phái là Đại tư mã Sở; Nội hầu Lân đốc suất tiền quân làm tiên phong; Hám Hổ hầu đốc suất hậu quân làm đốc chiến; Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đốc suất tả quân, trong đó gồm cả thủy quân vượt biển vào sông Lục Đầu; rồi Tuyết kinh lý vùng Hải Dương để tiếp ứng với mặt đông; còn Lộc thì gấp lên các hạt Lạng Sơn, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh; Đại đô đốc Bảo, Đô đốc Long đốc suất hữu quân, trong đó gồm quân voi và quân kỵ mã; Long xuyên qua huyện Chương Đức, theo đường đến thẳng làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì để đánh ngang vào đồn quân Điền Châu; Bảo thì thống đốc quân voi ngựa do đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu.

Cả năm đạo quân đều vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc. [1]

---

1. Theo *Cương mục* thì trước khi tiến quân ra Bắc, vua Quang Trung có viết thư cho Sĩ Nghị vờ xin đầu hàng để khêu gợi lòng kiêu căng, khinh địch của Nghị. Theo *Lê triều dã sử*, khi tiến quân ra Thăng Long, vua Quang Trung bày cho quân lính cứ ba người một tốp thay phiên võng nhau đi, thành ra quân trẩy đi liên miên không phải dừng mà lần lượt được nghỉ. Do đó, quân Tây Sơn đã hành binh cực kỳ thần tốc.

Khi quân ra đến Sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc ra đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung đều thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để một tên trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hạ Hồi và Ngọc Hồi [1] đều không biết gì cả.

Nửa đêm mồng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hạ Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khiêng một bức, lưng dắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất"; vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. [2] Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bấc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió Nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa tiến thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. [3] Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

---

1. Thuộc Thường Tín, Hà Tây và Thanh Trì, Hà Nội.

2. Theo dã sử, thì lúc vua Quang Trung sai đốt hết lương thực và tự quấn khăn vàng vào cổ để tỏ ý chí quyết chiến quyết thắng, không chịu lùi.

3. *Cương mục* ghi Sầm Nghi Đống thắt cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi gò Đống Đa), còn tướng Thanh ở đây là Hứa Thế Hanh.

Trước đó, vua Quang Trung sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống Đầm Mực, làng Quỳnh Đô, [1] quân Tây Sơn lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành. [2]

Nguyên trước đó, Đô đốc Long đốc suất hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì. Lúc vua Quang Trung đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên Thái thú Điền Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức. [3] Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy, Long liền tiến trước vào thành.

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê ở thành Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả, cho nên trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc. Nào hay, cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mồng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Thật là: "Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên". Bọn ấy lại nói:

– Quan quân ở đồn Hạ Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. Ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới.

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt sợ hãi, lập tức sai Lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp dẫn viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức đem nghĩa binh tới cứu; lại sai hai mươi lính kỵ mã ở dưới trướng của mình cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng:

– Trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay.

Ý của Nghị chỉ lo có một mặt đó, không ngờ lại có mặt khác ập tới. Canh tư đêm ấy, chợt nghe ở phía tây bắc thành, tiếng súng nổ đùng đùng không ngớt. Nghị vội sai người cưỡi ngựa ra xem, thì nghe báo tin đồn quân Điền Châu tan vỡ, quân Tây Sơn đã vào cửa ô, đốt giết lung tung, khói lửa bốc lên đầy trời rồi.

---

1. Thuộc Thanh Trì, Hà Nội.

2. Có sách chép khi Quang Trung vào Thăng Long, chiếc chiến bào màu đỏ đã bị nhuộm đen vì khói thuốc súng.

3. Trại Khương Thượng tức làng Khương Thượng Hà Nội.

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kỵ mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa. [1]

Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bên sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ Bắc. Trưa ngày mồng 6, vua Lê và những người tùy tòng chạy đến núi Tam Tằng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hòa Lạc thì gặp một người thổ hào. Hồi trước vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mặt; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác rơi lệ, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, vua Lê và những người tùy tùng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thết đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời thái hậu; còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới.

Ăn vừa xong, chợt nghe tin quân Tây Sơn đã đuổi theo đến nơi. Vua cuống quýt bảo người thổ hào rằng:

– Muôn đội hậu tình, không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dầy chứng giám tấc lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bây giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây có con đường sống nào có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát các viên quan khác cũng lục tục theo đến, cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

Nhân tiện, vua từ giã Sĩ Nghị và nói:

1. Có sách chép, đạo quân Vân Quý lúc này mới kéo sang đến Sơn Tây, nghe tin Nghị thua chạy, nên cũng vội vàng tìm đường tháo lui về.

– "Cô [1] không có tài, chẳng giữ nổi xã tắc. Đội ơn tướng quân vâng chỉ của Hoàng đế sang cứu viện; nào ngờ lòng trời không giúp nước nhỏ, nay ngài lại bỏ mà đi. Kính chúc tướng quân về triều được hai chữ "vạn phúc". Cô xin ở lại đất nước, thu nhặt dân binh, để tính việc nổi lên chuyến khác. Xa nhờ oai linh, may được nên việc, đều là ơn của tướng quân ban cho. Nếu như sự thể không xong, lại xin sang hầu tướng quân, như thế cho tiện."

Nghị nói:

– Nguyễn Quang Trung chưa diệt, việc này còn chưa thôi. Nay hãy dâng biểu tâu lên xin quân, không đầy một tháng, đại binh sẽ lại tới. Chỗ này gần kề đảng giặc, ở lại không tiện, hãy tạm vào Nam Ninh nghỉ ngơi, để chờ thánh chỉ cũng được.

Vua Lê nghe lời. Nghị bèn cùng bọn tướng tá thu nhặt tàn quân kéo về.

Vua lại sai bọn Quýnh, Hiến ở lại để ngầm chiêu dụ những người trung nghĩa ở trong nước. Còn vua thì cùng viên phụ đạo [2] Cao Bằng là Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, viên Trấn thủ Kinh Bắc người làng Nộn Liễu, huyện Nam Đường là Lê Hán, viên Đề lĩnh người huyện Thư Trì, trấn Sơn Nam là Phạm Như Tùng, viên Phó đề lĩnh người làng Thanh Tuyền, huyện Nam Đường là Nguyễn Viết Triệu, viên Thự tri công tượng chính người làng Nghĩa Động, huyện Nam Đường là Lê Văn Trường, viên Hiệp lý quân vụ, người làng Quỳnh Côi, huyện Nam Đường là Phạm Trần Thiện, người bà con bên vợ ở làng Tỳ Bà, huyện Lang Tài là Nguyên Quốc Đống, viên Chưởng tử bảo người làng Đồng Bảng, trấn Thanh Hoa là Lê Quý Thích, cùng đưa thái hậu theo Nghị sang Trung Quốc.

Thực là:

Bờ cõi chưa xong bề tính liệu,
Nước non buồn nỗi lúc chia ly.

Chưa biết việc ấy ra sao? Hãy chờ hồi sau phân giải.

---

1. Lối tự xưng nhún mình của các vua đời xưa.
2. Tên gọi chức tù trưởng ở ngoại phiên.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Dẹp yên cõi Bắc, Nguyễn Huệ được phong
Đánh phá Cao Bằng, Duy Chi bị hại

Lại nói, khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn về nước, trong lúc vội vàng, không kịp thu nhặt đồ đạc. Đến khi tới huyện Phượng Nhãn lại nghe nói tướng Tây Sơn là Đắc Lộc hầu đem quân từ mặt đông kéo lên chặn đường, đã gần tới nơi, Nghị lại một phen khủng khiếp, các vật cần thiết mang theo, đều phải vứt bừa ra giữa đường để mong chạy thoát lấy thân mình. Cho nên những vật của vua Thanh ban cho như sắc thư, kỳ bài, quân ấn đều bị quân Tây Sơn bắt được đem về.

Nguyên mùa đông năm ngoái, theo lời xin của Nghị, vua Thanh đã truyền lệnh cho Nghị đem quân ra ngoài cửa ải Nam Quan. Sau đó, vua Thanh lại có chỉ dụ bảo Nghị đi từ từ, chớ có vội; hãy làm tờ hịch đưa sang trước làm thanh viện cho nhà Lê, rồi thả bọn bề tôi nhà Lê về nước, tập hợp nghĩa binh, tìm tự tôn họ Lê, để cho ra mặt đối địch với Nguyễn Quang Trung, thử xem sự thể ra sao? Nếu như lòng người An Nam còn mến nhà Lê, lại được thiên binh kéo sang, thì ai chẳng hăng hái nổi lên, và như vậy Quang Trung ắt phải lui tránh. Bấy giờ sẽ bảo tự tôn họ Lê đi tiên phong đánh, còn Nghị thì đem đại binh tiếp theo, chắc là không khó nhọc gì mà sẽ thành công. Đó là chước hay thứ nhất. Nếu như người trong nước, nửa theo đằng nọ, nửa theo đằng kia, thì Quang Trung nhất định sẽ không chịu lui. Khi ấy, cần phải viết thư nói rõ họa phúc, xem hắn đối phó ra sao? Rồi chờ cho thủy quân các tỉnh Mân, Quảng, cùng sang đến nơi [1] bấy giờ sẽ thúc quân bộ tiến lên, Quang Trung mặt trước mặt sau đều bị đánh, tất phải hàng phục. Ta nhân đó mà bảo tồn cho cả hai. Thuận, Quảng [2] về Nam cho Quang Trung ở; Hoan, Ái [3] về Bắc, phong cho tự tôn họ Lê. Rồi đó, đóng đại binh ở nước ấy, xa xa kiềm chế họ, sau này sẽ có cách xử trí khác.

---

1. Phúc Kiến và Quảng Đông, Quảng Tây.
2. Thuận Hóa và Quảng Nam.
3. Nghệ An, Thanh Hóa.

Đến khi đại quân của Nghị ra khỏi cửa ải Nam Quan, nghe tin quân Tây Sơn đã lui chạy, tức thì Nghị sai chỉnh đốn đội ngũ, kéo thẳng đến Thăng Long, không còn lo lắng gì cả, vì thế mới thua một trận tan tành.

Bấy giờ dân Thanh thái bình đã lâu, không biết gì đến việc binh, thấy Nghị tất tả chạy về, nhân tình đều nhốn nháo sợ hãi. Tiếp đó lại nghe tin quân Tây Sơn đuổi đến Lạng Sơn, nói phao lên rằng: "sẽ giết hết Hung Nô". Do đó, ở đất Trung Quốc, dân chúng lại càng nhốn nháo. Từ cửa ải Nam Quan trở về Bắc, trai gái, già trẻ, bồng bế dắt díu nhau chạy trốn, suốt vài trăm dặm, lặng ngắt không còn bóng người.

Vua Thanh được tin, giận lắm, lập tức hạ chỉ sai viên quan ở nội các là Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đem binh mã chín tỉnh sang kinh lý việc An Nam và đòi Sĩ Nghị về kinh chịu tội.

Lại nói, Nghị ở Thăng Long chạy đi nhằm đêm mồng 5 tháng giêng. Đến trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến quân vào thành.

Sau khi đã hoàn toàn quét sạch quân Thanh, vua Quang Trung bèn đóng quân tại thành Thăng Long, rồi hạ lệnh chiêu an. Phàm những người Thanh trốn ở các nơi, đều bảo phải tới đầu thú, dân gian không được chứa chấp. Trong khoảng mười ngày, quân Thanh ra thú có đến hơn vài vạn, đều được cấp phát lương ăn áo mặc.

Nhân bắt được chiếu thư và quân ấn do Sĩ Nghị bỏ rơi, vua Quang Trung bèn đưa cho Ngô Thì Nhậm xem và bảo:

– Ta xem tờ chiếu của vua Thanh, thì chẳng qua họ cũng chỉ cốt xem tình hình ta mạnh yếu ra sao để mà định bề tiến lui, chứ còn việc nghĩa cử để dựng lại nhà Lê, không phải là bản tâm của họ. Họ chỉ mượn tiếng để mưu đồ lợi riêng mà thôi. Nay họ đã bị ta đánh thua, nhịn đi thì thẹn, báo thù thì khó. Vậy những tàn quân ta bắt được, đều nên cấp lương và đưa hết lên cửa ải. Ngươi vốn giỏi về nghề văn từ đối đáp, nên thảo ngay bức thư đưa sang cho họ, đại khái nói:

"Ta là nước nhỏ, một lòng kính thuận, sợ mệnh trời, thờ nước lớn, sao dám có ý gì khác. Trước đã có biểu văn đệ sang, bị ngài Tổng đốc họ Tôn dìm đi, không thấu đến bề trên được. Gần đây, ta từ miền Nam tới, vốn là muốn biện bạch lòng thật thà với ngài tổng đốc họ Tôn. Không ngờ đường sá đồn nhảm, làm to thanh thế của ta khiến

cho mọi người nghi ngờ sợ hãi, bỏ đội ngũ mà chạy trước, để đến nỗi cầu phao bị đứt, quân lính thiên triều phải chết đuối, những kẻ tranh đường chạy trốn lại giày xéo lẫn nhau, nhiều người bị thương bị chết. Đó thật là do ngài tổng đốc họ Tôn gây nên, không phải là tội của nước nhỏ dám giao chiến. Hiện nay đã thu góp được số tàn quân hơn một vạn người, lại đã tra rõ họ tên, quê quán, cấp lương đầy đủ và đưa lên cửa ải; vậy xin kê số dâng nộp..."

Thì Nhậm vâng lệnh, lập tức theo ý đó thảo một bức thư, rồi sai người phi ngựa giao cho viên đầu mục ở Lạng Sơn đưa tới ải Nam Quan, nhờ chuyển đệ sang Trung Quốc.

Lại nói, viên Tổng đốc Lưỡng Quảng mới là Phúc Khang An vốn là người Mãn, thuộc đội Cờ viền vàng [1] do chân ấm sinh làm đến chức quan trong nội các, vua Thanh vốn rất tin dùng, nên mới giao cho kinh lý việc nước Nam.

Vừa mới thay Nghị làm chức tổng đốc, Khang An đi trạm đến mạc phủ Quảng Tây, đã chính mắt thấy Nghị trơ trọi một thân chạy về, rồi đó, tai lại được nghe thanh thế của vua Quang Trung nên trong bụng không khỏi rụt rè lo sợ. Đến khi tiếp được bức thư từ biên cương đưa tới, Khang An quyết liều tự mình gánh vác lấy việc phương Nam, bèn nói kín với viên phân phủ họ Vương ở phủ Thái Bình rằng:

– Nam Bắc thôi việc binh đao, đó là phúc của sinh dân, mà thực là điều may lớn cho các quan ở ngoài bờ cõi, ta nghe nói có viên quan coi việc giấy tờ của nước Nam tên gọi là Ngô Thì Nhậm, bao nhiêu thư từ từ trước đến giờ đều do tay y mà ra. Vậy ông nên viết thư trả lời, bảo y chuyên tâm chủ trương việc giảng hòa, gấp rút viết tờ biểu tạ tội đưa sang, ta sẽ ở trong giúp đỡ cho, việc ấy thế nào cũng xong.

Phân phủ họ Vương lui ra, tức thì viết thư cho Ngô Thì Nhậm, Nhậm đem việc ấy tâu với vua Quang Trung.

Bấy giờ, vua Quang Trung tuy đã dẹp yên Bắc Hà, nhưng ở miền Nam, vẫn có cái lo bên trong, nên muốn gấp rút về Nam, bèn họp các tướng sĩ lại mà bảo:

---

1. Hộ khẩu của dân Mãn chia theo binh chế, gồm có tám đội Cờ (bát kỳ): Cờ vàng, Cờ trắng, Cờ đỏ, Cờ xanh, Cờ viền vàng, Cờ viền trắng, Cờ viền đỏ, Cờ viền xanh. Các đội Cờ này lúc thường thì làm dân, lúc động thì làm lính. Về sau, khi người Mông, người Hán quy phục nhà Thanh, vua Thanh Thái Tông cũng tổ chức ra bát kỳ người Mông và bát kỳ người Hán như vậy, để làm lực lượng nòng cốt trong việc thống nhất Trung Quốc.

– Việc binh ở Bắc Hà, ta giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Việc giao thiệp với Trung Quốc, ta giao cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Mọi việc đều cho phép các ngươi tùy tiện xử trí. Ta về Nam, nếu việc gì không quan hệ lắm thì bất tất phải qua lại bẩm báo thêm phiền phức.

Rồi đó, vua Quang Trung dẫn quân về Nam, để Văn Sở ở lại, coi giữ hết thảy việc quân, việc nước. Còn Ngô Thì Nhậm thì làm chủ về việc giao thiệp với Trung Quốc, cùng với viên quan giữ biên ải của nhà Thanh là phân phủ họ Vương hai bên liên lạc với nhau; ngoài thì có Phúc Khang An để đạt ý kiến, trong thì có viên các thần tên là Hòa Thân chủ trương mọi việc.

Hòa Thân người Mãn Châu, thuộc đội Cờ vàng, cũng do chân ấm sinh vào làm ở Nội các, cùng với Khang An quản lý việc hộ.

Khang An gửi thư cho Thì Nhậm, bảo Nhậm đưa vàng bạc đút lót Thân. Thân liền tâu với vua Thanh xin bãi việc binh, phong vương cho Quang Trung, và không nên gây hấn với nước ngoài, làm hao phí cho Trung Quốc. Thân lại nói: "Từ xưa đến nay, chưa có đời nào làm nên công trạng ở cõi Nam. Nhà Tống rồi nhà Nguyên, nhà Minh, rốt cuộc đều bị thua trận, gương ấy hãy còn rành rành".

Vua Thanh cho là phải, bèn quyết ý giảng hòa. Bọn Hòa Thân đón ý vua Thanh làm cho mọi việc đều ăn khớp, nên không việc gì là không vừa lòng nhà vua. Bởi vậy, vua Thanh rất thích, thường viết thư khen ngợi họ.

Khi ấy, Khang An liền báo tin cho Thì Nhậm biết, giục Nhậm viết tờ biểu tạ ơn. Nhậm thảo một tờ biểu, trong đó nói kèm theo rằng: "Nước chúng tôi đã đến kỳ tiến cống, theo lệ phải kính sai bồi thần đệ dâng lễ vật. Nhưng tiểu phiên [1] còn là tạm quyền việc nước, không dám tự ý làm việc ấy, vì sợ chưa hợp lệ. Mà nếu điềm nhiên bỏ đi lòng cũng không yên. Nay các vật phẩm tiến cống và các người bồi thần đều đã kính cẩn đợi sẵn trên cửa ải. Vậy xin cúi mong bề trên quyết định, chúng tôi khôn xiết run sợ chờ lệnh..."

Khang An tiếp được tờ biểu tạ ơn, lập tức sai ngựa trạm đệ về Yên Kinh. Hòa Thân liền đem biểu dâng lên. Vua Thanh xem xong, thích lắm, bèn truyền cho các bồi thần nước Nam là bọn Võ Huy Tấn,

1. *Tiểu phiên:* Nước phiên thuộc nhỏ mọn; ở đây là một cách nói nhún để chỉ vua Quang Trung.

Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cử được phép qua cửa ải, vào chờ ở thành Quế Lâm; lại sai sứ thần sang phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và ban thưởng cho rất hậu. Còn các phẩm vật tiến cống đều chiếu lệ cũ mà thu nhận. Liền đó, vua Thanh lại giáng chỉ vời vua An Nam sang chầu.

Ngô Thì Nhậm bèn kén viên quan võ người làng Mạc Điền, huyện Nam Cường ở trấn Nghệ An, tên là Nguyễn Quang Thực, [1] dung mạo đoan trang, giả làm quốc vương; lấy Văn Sở làm trọng thần hàng võ, Huy Ích làm trọng thần hàng văn, Đô đốc Nguyễn Duật làm hộ vệ, Vũ Huy Tấn làm bề tôi coi giấy tờ, cùng hầu "quốc vương" sang yết kiến vua Thanh. Trong ngoài ai cũng biết là giả dối, mà không ai dám nói.

Khi "quốc vương" tới Yên Kinh, vua Thanh mừng lắm, không hề biết đó là vua Quang Trung giả. Lúc "quốc vương" vào yết kiến, vua Thanh cho cùng ăn yến với các vị thân vương, lại ban ơn đặc biệt cho làm lễ ôm gối hệt như tình cha con trong nhà. Lúc "quốc vương" lạy tạ về nước, vua Thanh sai thợ vẽ truyền thần bức chân dung mà ban cho, ân lễ rất trung hậu, thực là một cách đối đãi khác thường từ ngàn xưa hiếm có.

Lại nói, vua Lê khi ở cửa ải Nam Quan theo Sĩ Nghị vào đất Trung Quốc, trú ngụ ở thành Nam Ninh, thì vừa gặp lúc Phúc Khang An đến thay Sĩ Nghị, và mưu đồ giảng hòa với Tây Sơn. Khang An bèn đón vua Lê vào nghỉ ở thành Quế Lâm. Hồi ấy những người nước Nam lần lượt sang Trung Quốc theo vua Lê gồm có: Chú vua là Trung quận công Duy Án, đi đường Du Quan [2]; Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận quê ở Hàm Giang, đi đường Long Môn; Nội hàn Trần Duy Lâm, quê ở Nam Chân; Xuất nạp Lê Doãn, Quản cơ Hậu kinh Lê Đĩnh người ở Đồng Trạch và bọn Phan Khải Đức người Nghệ An đều đi đường ải Nam Quan, bọn Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyên Doãn là phụ đạo ở Cao Bằng đi đường Cao Bằng. Lúc họ vào ra mắt, Khang An tùy tiện sắp đặt chỗ ở và cấp cho lương ăn áo mặc, rồi dùng Phan Khải Đức làm chức đô ty ở Liễu Châu, Đinh Nhạ Hành làm chức thủ bị ở Toàn Châu, Bế Nguyên

1. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* lại chép là Phạm Công Trị, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu.

2. Ở hồi 9 đã chép Duy Án đi cùng với phái bộ Trần Công Xán vào Tây Sơn đòi đất Nghệ An, sau phái bộ bị dìm chết ở ngoài biển. Đây lại thấy Duy Án xuất hiện, không hiểu là như thế nào?

Doãn làm chức bá tổng. Còn Trung quận công cùng các người khác thì đều được vào ở chỗ vua Lê trong phủ Quế Lâm.

Sau hơn một tháng, Khang An cũng từ Nam Ninh về Quế Lâm, liền hạ lệnh bãi hết binh mã các tỉnh, rồi bày ra yến tiệc và âm nhạc linh đình rộn rã. Vua Lê lấy làm lạ và hỏi, thì Khang An nói:

– Mùa hè nóng nực, không lợi cho việc sang đánh miền Nam, cần chờ đến mùa thu mát mẻ, sẽ điều động một thể.

Tiếp đó, Khang An lại mời vua Lê yến tiệc say sưa, rồi ung dung nói:

– Ngày xuất quân không còn xa, vương nên tự mình đem tả hữu liêu thuộc làm quân dẫn đường đi trước. Nhưng bây giờ nên gọt đầu gióc tóc, [1] thay đổi quần áo giống như người Trung Quốc, để khi về Nam quân giặc không thể phân biệt, thì công lớn mới có thể thành. Sau khi khôi phục nước nhà, bấy giờ sẽ lại theo như tục cũ. "Việc binh không ngại dùng cách xảo trá". Vương nên nghĩ tới chỗ đó.

Vua Lê cho là phải và đáp:

– Chúng tôi không giữ được nước nhà, may nhờ thiên triều cứu viện, dù cả nước phải ăn mặc như người Trung Quốc, cũng xin vâng lệnh. Việc ấy còn có tiếc gì?

Rồi vua Lê cùng các bề tôi đều gióc tóc, thay đổi đồ mặc. Khang An thấy vậy, mừng lắm, liền cho một số tiền bạc và tiếp đãi tử tế. Vua tôi nhà Lê đều không biết sự giả dối của Khang An. Nhân đó, Khang An bèn làm một tờ biểu kín tâu với vua Thanh trong đó đại ý nói: "Vua An Nam là Lê Duy Kỳ, không còn ý xin cứu viện, vua tôi đều đã gióc tóc đổi đồ mặc, xin ở lại yên ổn trong đất Trung Quốc. Vậy xin bãi bỏ các đạo quân định đưa sang đánh dẹp phương Nam". Còn Hòa Thân cũng luôn dịp tâu xin phong vương cho vua Quang Trung. Thế là các lời xin ấy đều được vua Thanh chuẩn y.

Một hôm, Khang An lại mời vua Lê vào dinh. Giáo mác trang hoàng la liệt, quân đứng khắp chung quanh, nghi trượng rất là nghiêm chỉnh, chính giữa dựng cây cờ lớn, có thêu sáu chữ: "Đề đốc cửu tỉnh binh mã". [2]

Sau khi uống trà và ăn hoa quả xong, An im lặng không nói câu

---

1. Kiểu đầu tóc của người Mãn Thanh: Gọt tròn chung quanh như cái nồi đất, rồi tết đuôi xam ở đằng sau.

2. Đề đốc binh mã chín tỉnh.

gì, vua Lê cũng không hiểu ý của An ra sao. Lúc từ giã đi ra, thì thấy sứ giả Tây Sơn đã ở ngoài cửa. Vua Lê tức tối hồi lâu, rồi đành phải về quán trọ yên nghỉ.

Trước kia, Trường Phái hầu là Lê Quýnh vâng mệnh ở lại trong nước, chiêu dụ hào kiệt các địa phương để lo việc khôi phục. Lúc này, Quýnh và bọn Trịnh Hiến, Lý Tạo, Lê Hợp [1] tất cả gồm vài chục người đều kéo sang Trung Quốc. Khang An cho trát đòi bọn Quýnh đến bàn việc nước. Lúc bọn đó tới nơi, An chẳng hỏi han gì, chỉ bàn về việc gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc mà thôi.

Quýnh biết An dối trá, giận lắm, nói:

– Đòi ta đến ngỡ là để giáp mặt mà bàn bạc, nay té ra lại chẳng bàn bạc gì, mà chỉ toàn bảo gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc. Chúng ta đây, đầu có thể chặt, tóc không thể cắt, da có thể lột, đồ mặc không thể đổi!

Khang An biết là không thể ép buộc được, bèn sai đem bọn họ an trí ở tỉnh Quảng Tây.

Hồi cuối mùa đông năm ấy là năm Kỷ Dậu (1789), vua Thanh sau khi đã sai sứ phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và nhận các vật phẩm tiến cống, liền giáng chỉ đòi vua cũ của nước An Nam phải đến Yên Kinh.

Nguyên lúc kinh thành Thăng Long tan vỡ, vua Lê chạy sang Bắc, em thứ ba vua Lê là Lan quận công Duy Chỉ đưa hoàng phi chạy ra, đến bến sông Nhị Hà thì gặp lúc cầu phao đã gãy, liền theo bờ sông chạy về phía tây. Đến Tuyên Quang, Duy Chỉ bèn lén lút ở đấy, rồi nhân dịp chiêu dụ các tay hào mục địa phương, để cùng nhau gắng sức lo việc khôi phục. Về sau, Duy Chỉ dấy quân ở đất Bảo Lạc, [2] đắp đồn lũy, trưng thu lương thực, chống nhau với Tây Sơn. Được vài tháng, quân và lương không đủ, bị quân Tây Sơn đánh thua, Duy Chỉ và các tướng tá đều bị bắt, đóng cũi đưa về Nam, rồi đều bị hại. [3] Quân dân cả nước, ai cũng thương xót. Có người viếng bài thơ, trong có câu rằng:

Phú Xuân có đất chôn hờn mới.
Bảo Lạc không trời báo oán xưa.

---

1. Có bản chép là Lý Nhu Đạo, Lê Doãn Thực.

2. Nay thuộc Cao Bằng.

3. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* và *Bang giao lục* thì Duy Chỉ đánh phá cả các vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên; sau lại liên kết với Lào để định đánh úp Nghệ An. Vì thế, quân Tây Sơn phải đánh dẹp rất gay go, kéo dài hàng năm (1789 – 1790) mới bắt được Chí.

Duy Chỉ đã chết, hoàng phi bèn trốn về vùng Kinh Bắc, lén lút trong dân gian, quân Tây Sơn tìm bắt nhưng không được.

Lúc bấy giờ, vua Lê ở Yên Kinh, tin tức không thông, các hoàng thân đều bị quân Tây Sơn giết hại. Các bề tôi trung nghĩa ngày xưa như Bình chương Nguyễn Huy Túc, Tham tri Phạm Đình Dữ, Thượng thư bộ Binh Nguyễn Đình Giản, Thiêm thư xu mật viện sự Bế Ban, Phó đô ngự sử Trần Danh Án, trấn thủ Kinh Bắc Trần Quang Châu đều phải trốn nấp ở các nơi thôn ổ, quân Tây Sơn lùng bắt không được. Còn con cháu dòng dõi của các nhà quyền quý phần nhiều cũng vẫn có cảm tình với chủ cũ. Nên chi, trong chốn làng quê, tiếng trống thường nổi lên luôn luôn.

Nguyễn Đình Giản, từ khi vua Lê chạy sang Trung Quốc, không kịp chạy theo, bèn ẩn ở huyện Lập Thạch thuộc trấn Sơn Tây. [1]

Vua Quang Trung cho người đến trấn Thanh Hoa, bắt con gái yêu của Giản đưa vào hậu cung, muốn để vời Giản ra làm quan. Nhưng Giản nói:

– Con bé ấy không chết, làm nhục nhà ta, ta không vì tình nhi nữ mà bỏ nghĩa vua tôi.

Quân Tây Sơn biết không thể đoạt nổi chí hướng của Giản, bèn lập mưu bắt sống Giản về. Giản không chịu khuất, rồi chết. Giản có làm bài thơ tự thuật như sau:

Vị thân hay vị nước nhà,
Thân còn nước mất biết là làm sao?
Đội non khôn hóa thân ngao [2]*,*
Đã đem mình cuốc khóc gào núi sông [3]*.*
Giận không Vương Xúc gươm trung [4]*,*
Đọc ca chính khí giãi lòng sắt đanh [5]*.*
Ngoảnh nhìn cung khuyết Long Thành,
Thân này với nước nhục vinh nỡ rời!

---

1. Nay thuộc Vĩnh Phúc.

2. Sách *Liệt tử* chép: Ở Biển Đông có năm hòn núi nổi lềnh đềnh trên mặt nước, trời sai mười lăm con ngao đỡ cho núi đứng vững, ý nói việc chống đỡ quốc gia.

3. Xưa vua Thục là Đỗ Vũ mất nước, sau khi chết hóa thành con cuốc, tiếng kêu ai oán.

4. Vương Xúc làm quan nước Tề thời Chiến Quốc, sau Tề bị nước Yên chiếm, Vương Xúc dùng gươm tự tử.

5. Chính khí ca của Văn Thiên Tường, một trung thần thời Tống, làm khi bị giam ở Yên Kinh.

Lê Ban khôi ngô, hùng dũng, sức khỏe hơn người; mỗi bữa ăn gấp mấy chục người. Sau khi vua Lê bị nạn, Ban thường quanh quẩn bên cạnh, không từ hiểm nghèo. Đến khi vua Lê chạy sang Trung Quốc, Ban theo không kịp, bèn đi đường tắt về quê ở Nghệ An, cùng các hào mục địa phương họp quân đánh nhau với Tây Sơn, bị thua mấy trận rồi bị bắt. Ban giữ vững chí cũ, không chịu khuất phục. Quân Tây Sơn bèn thả cho về. Sau Ban chết ở Thăng Long.

Trần Danh Án lưu lạc ở miền rừng núi, thôn quê trong xứ Bắc Giang. Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết thư vời Án. Án cố từ, thề chết không chịu ra, lời lẽ phần nhiều gay gắt. Nhân dịp, Án làm bài thơ trả lời Nhậm như sau:

Gặp bác đời nay dễ mấy lần,
Dung nhan phảng phất mộng luôn gần.
Về ai, nước ấy thôi đành kệ,
Nương trọ, đời nay chỉ biết thân.
Song Bắc giấu mình còn nhớ Tấn [1],
Biển Đông thà chết chẳng theo Tần [2].
Người sau bên mộ giơ tay trỏ:
Tiến sĩ đời Lê cũ, họ Trần.

Nhậm biết không thể khuất phục được Án, bèn ngầm sai người đem quân hăm dọa. Nhưng Án vẫn ngồi làm thơ, thần sắc như thường, trong thơ có câu rằng:

Kiếp này dẫu béo mồm hùm sói,
Thà chết không làm bụng chó heo!

Quân Tây Sơn lại dỗ cho làm quan to, cuối cùng Án vẫn không theo, họ bèn thôi.

Trần Quang Châu cùng bọn bộ tướng, nhóm quân đánh lại Tây

1. Song Bắc trỏ Đào Tiềm người thời Tấn, vì khi Đào Tiềm cáo quan về nhà, trong một lá thư gửi cho bạn, ông có viết câu "Bắc song cao ngọa..." (Nằm hóng mát dưới cửa sổ phía bắc) để nói về cái thú ở ẩn. Đào Tiềm là tôi cũ của nhà Tấn, khi Tống cướp Tấn, Đào Tiềm viết lách gì cũng vẫn đề niên hiệu của nhà Tấn để tỏ lòng trung nghĩa.

2. Biển Đông trỏ Lỗ Trọng Liên, người nước Tề thời Chiến Quốc. Khi Lỗ Trọng Liên sang chơi nước Triệu, gặp lúc nước Tần vây Triệu rất gấp; bấy giờ có sứ nước Ngụy sang Triệu bàn rằng nên tôn Tần làm hoàng đế thì sẽ khỏi bị vây; Trọng Liên nghe nói, không bằng lòng, gặp sứ Ngụy bàn lẽ phải trái và nói: nếu Tần xưng đế thì Liên này thà nhảy xuống biển Đông mà chết chứ không chịu làm tôi tớ cho nhà Tần...

Sơn, ngang dọc trong hai trấn Đông, Bắc [1]. Khoảng bốn năm năm liền, luôn luôn phá vỡ đồn lũy và giết được rất nhiều tướng tá của Tây Sơn, khiến cho quân Tây Sơn cũng phải khiếp sợ Châu. Sau mắc mưu gian, Châu bị quân Tây Sơn bắt sống. Châu cũng không chịu khuất phục, rồi chết [2].

Từ đó trở đi, các trấn yên lặng, không phải lo sợ về nạn binh hỏa nữa.

Sau khi nhận sắc phong của vua Thanh, vua Quang Trung bèn tự coi mình như hoàng đế, lập con cả là Quang Toản làm thái tử, con thứ hai là Quang Thùy làm Khang công, lĩnh chức tiết chế các quân thủy bộ miền Bắc, con thứ ba là Quang Bàn làm Tuyên công lĩnh chức đốc trấn Thanh Hoa, tổng lý mọi việc quân, dân. Các trấn đều đặt một viên trấn thủ, một viên hiệp trấn. Mỗi huyện đặt một viên phân tri và hai viên tả hữu quản lý để trưng thu binh lương và xử lý việc kiện cáo. Lại lập ra binh chế, chia ra các cấp quan võ; lấy đạo thống lĩnh các cơ, lấy cơ thống lĩnh các đội, để quản thúc và luyện cho quân lính.

Các trấn từ Sông Gianh ra Bắc đều phải kê khai sổ đinh, chiếu theo lệ cũ kén lính và thu thứ thuế dung [3], thuế điệu. Lập sổ ruộng, định lệ thóc thuế. Vua Quang Trung cho rằng Nghệ An ở vào chính giữa nước, đường sá từ Nam ra, từ Bắc vào đều vừa bằng nhau, quê tổ tiên mình cũng ở đấy, bèn sai trưng dụng rất nhiều thợ thuyền, chuyên chở gỗ, đá, gạch, ngói, để xây dựng cung phủ, lâu đài. Đắp thành đất chung quanh và sai quân lính đào đá ong ở địa phương để xây thành trong. Dựng tòa lầu Rồng ba tầng cùng điện Thái Hòa hai dãy hành lang, để phòng dùng đến trong những khi có lễ triều hạ [4]. Thành này được gọi là Phượng Hoàng Trung đô hoặc Trung kinh Phượng Hoàng thành [5].

---

1. Hải Dương và Kinh Bắc.

2. Theo các tài liệu lịch sử, thì những cuộc chống đối của đám cựu thần nhà Lê bấy giờ còn có: Dương Đình Tuấn (Bắc Giang), Nguyễn Phú (Bắc Ninh), Phạm Đình Đạt (Bắc Ninh)... Nhưng cuối cùng cũng đều bị Tây Sơn dẹp tan.

3. Thuế dung tức thuế thân, do Trịnh Cương đặt ra.

4. Các quan vào chầu và chúc mừng nhà vua.

5. Thành này Quang Trung định lập làm nơi đóng đô nên mới gọi là "Trung đô" hoặc "Trung kinh"; còn tên "Phượng Hoàng" là gọi theo tên ngọn núi ở chỗ xây dựng thành, "tức Rú Quyết cạnh đường Bến Thủy bây giờ". Khi xây dựng "Phượng Hoàng Trung đô", Quang Trung có viết chiếu mời Nguyễn Thiếp ra xem đất. Trong tờ chiếu, có đoạn viết như sau: "Nay kinh Phú Xuân thì hình thế cách trở. Ở xa trị Bắc Hà, sự thế rất khó khăn. Theo đình thần nghị rằng, chỉ đóng đô ở Nghệ An là độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong Nam ngoài Bắc, và sẽ làm cho người tứ phương đến kêu kiện, tiện việc đi về". Xem thêm chi tiết trong *La Sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn.

Năm Canh Tuất (1790), nước Ai Lao chưa chịu tiến cống. Vua Quang Trung bèn sai viên đốc trấn Nghệ An là Nguyễn Quang Diệu [1] làm chức đại tổng quản, viên đô đốc lĩnh tượng chính là Lê Văn Trung làm chức đại tư lệ xuất quân tiến đánh.

Quân Tây Sơn đến đô thành nước Ai Lao, vua Ai Lao chống cự không nổi, đem quân chạy trốn, bọn Diệu vào thành, thu hết vàng bạc, châu báu, voi ngựa đem về.

Sau khi được vua Thanh phong vương, vua Quang Trung càng thêm kiêu căng, có ý xem khinh Trung Quốc. Vừa lúc ấy, có giặc Tàu ô [2] ở Lưỡng Quảng cướp bóc miền ven biển, quân Thanh đuổi đánh, bọn giặc liền chạy xuống vùng Nam Hải và xin quy phục nước Nam. Vua Quang Trung bèn cho bọn đầu mục của chúng đều làm chức thống binh, đồng thời lại sai chúng trở lại cướp bóc quấy nhiễu miền duyên hải của Trung Quốc. Từ đấy các thuyền buôn bán không thể qua lại, giá cả hàng hóa cao vòn vọt. Vua Quang Trung lại dung nạp cả bọn giặc Tầu ô ở Tứ Xuyên gọi là "Thiên Địa hội" [3]. Tổng đốc nhà Thanh bấy giờ sợ sức mạnh của nước Nam, nên cũng không dám hỏi chi đến.

Qua những việc đó, vua Quang Trung càng cho người Thanh là dễ đánh, bèn tính việc kén chọn quân lính, dành dụm lương thực, đóng tàu biển thật lớn, có thể chở nổi voi, rồi cùng quan văn võ ngấm ngầm để ý dòm ngó Trung Quốc.

Thật là:

Cõi Bắc vừa xong trường chiến đấu,
Ải Nam lại nẩy dạ anh hùng.

Chưa biết việc ấy ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

---

1. Có sách chép Trần Quang Diệu. Việc Quang Trung đánh Lào, thực ra không phải mục đích chiếm đất, mà chỉ cốt phá tan âm mưu câu kết giữa Duy Chỉ và vua Lào.

2. Tàu ô là tên gọi chung bọn giặc biển người Trung Hoa bấy giờ, thường đi tàu thuyền ở ven biển Việt Nam để ăn cướp.

3. "Thiên Địa Hội" không phải là giặc Tàu ô, mà là một tổ chức bí mật của nhân dân Trung Quốc, nhằm lật đổ triều đình Mãn Thanh, thành lập năm 1674, lúc đầu trung tâm ở vùng Phúc Kiến, sau phát triển khắp nơi trong nước, thâm nhập cả vào các tầng lớp Hoa kiều ở ngoài nước.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU

Tế Linh Đường, sứ Thanh bị lừa
Chết Yên Kinh, vua Lê nuốt hận

Lại nói, vua Quang Trung toan lập mưu đánh Trung Quốc, đêm ngày bàn bạc với tướng tá, họ đều nói:

– Nên kê số dân cho đúng để kén quân lính, đó là việc cần kíp ngày nay.

Vua Quang Trung lấy làm phải, bèn hạ lệnh cho các trấn phải đốc thúc các xã sửa lại sổ đinh, phát "tín bài" [1] để thống kê dân chúng vào sổ", rồi cử người coi sóc xét hỏi. Tổng trưởng các huyện có nhiều người vì cố tình giấu giếm mà bị chém. Việc đi lại trên đường, nhân dân đều lấy làm khổ. Viên phân tri ở các huyện họp số dân đã ghi trong sổ lại, chiếu số cấp cho mỗi người một cái thẻ, giữa thẻ in bốn chữ triện "Thiên hạ đại tín" [2], bốn mép chung quanh thì viết họ tên, quê quán của người có thẻ và in dấu ngón tay trỏ bên trái để làm bằng cứ. Mọi người đều phải theo thẻ ấy, gặp khi xét hỏi thì phải đem ra trình; đó gọi là "tín bài". Ai không có thẻ tức là dân lậu, sẽ bị đem bắt sung quân [3] và bắt tội các người tổng trưởng, xã trưởng của họ.

Sổ đinh thành rồi, vẫn theo lệ ba đinh bắt một người lính. Lại sai các viên phân quản đem quân đến các xã vây bắt, tra xét. Vì thế, dân gian nhốn nháo, nhiều người lẩn trốn vào các khe núi.

Có người ở làng Ngọc Điền, huyện Thạch Hà, trấn Nghệ An, tên là Trần Phương Bình [4], nguyên là con viên tiến sĩ thời Lê xưa là Trần Danh Tố, không chịu đeo thẻ. Trấn thủ Nguyễn Diệu khen và tha cho không bắt tội.

Bình là một người bản tính thông minh nhanh nhẹn, lại sẵn có khí tiết, thường làm thơ để tỏ chí của mình, có hai câu rằng:

---

1. Thẻ làm tin.
2. Niềm tin lớn của thiên hạ.
3. Bị đầy đi các nơi biên giới xa xôi để làm lính thú.
4. Nhiều sách chep là Trần Danh Đình.

Tim gan chất chứa hòn trời đất,
Mặt mũi đành trơ với tháng ngày.

Về sau, các cống sĩ và các hào mục địa phương họp quân ở làng Nga Khê, huyện Thiên Lộc, định đánh úp thành Nghệ An. Họ bèn suy tôn Bình làm quân sư. Bọn Bình kéo quân đến xã Bình Lăng, ven núi Hồng Lĩnh để đánh nhau cùng quân Tây Sơn. Bị thua trận, liền trèo lên đỉnh cao nhất của núi Hồng Lĩnh, tự tay đề một bài thơ vào vách chùa ở đó như sau:

Đền nước không còn chước,
Bên mình có mũi dao.
Ngoái cổ nhìn Hồng Lĩnh.
Chín mươi chín đỉnh cao.

Rồi Bình lấy dao đâm thọc vào bụng mà chết; quân dân nghe tin, ai cũng thương xót.

Lại nói, vua Quang Trung, sau khi quyết định việc đánh Trung Quốc, bèn sai bề tôi là Chiêu viễn Vũ Văn Dũng sang nhà Thanh, dâng biểu cầu hôn và đòi lại tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, chẳng qua chỉ muốn thử xem ý nhà Thanh ra sao mà thôi. Nhưng vừa lúc ấy thì vua Quang Trung bị bệnh mất. Hôm đó nhằm ngày mùa thu, tháng tám năm Nhâm Tý [1], sau khi lên ngôi hoàng đế được năm năm. Trước đó, khi sứ nhà Thanh sang phong, vua Thanh có ban cho vua Quang Trung chiếc áo màu, trong thêu bảy chữ bằng kim tuyến: Xa tâm chiết trục đa điền thử [2]. Bấy giờ không ai hiểu ra sao, thì ra đến lúc này mới nghiệm.

Sau khi vua Quang Trung mất, việc cầu hôn và việc đòi đất không

---

1. Về tháng vua Quang Trung mất, có một vài tài liệu chép là tháng 9. Nhưng theo sự chứng minh rất xác đáng của ông Hoàng Xuân Hãn (*La Sơn phu tử*, tr. 156-160), dựa vào sách *Đại Nam thực lục* và tài liệu của các giáo sĩ phương Tây đã chép lúc đương thời, thì vua Quang Trung đã mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792). Cũng theo ông Hoàng Xuân Hãn, thì việc *Hoàng Lê nhất thống chí* chép mất vào tháng 8 như ở đây cũng không hẳn là sai; vì theo sách lịch Tây Sơn đương thời, tháng 7 năm Nhâm Tý là tháng thiếu, ngày 29 lại là ngày cuối tháng, mà vua Quang Trung lại mất vào khoảng nửa đêm, như thế thì chép tháng 7 hay tháng 8 cũng chỉ chênh nhau chừng nửa giờ mà thôi.

2. Câu này nghĩa đen là: "Bụng xe gãy trục, nhiều chuột đồng". Theo *Hán văn*, chữ xa với chữ tâm hợp lại thành chữ Huệ là tên vua Quang Trung. Chuột thuộc về Tý. Ý nói năm Tý vua Quang Trung chết.

thấu đến triều đình Trung Quốc, nên vua Thanh cũng không biết [1].

Tháng ấy, con trưởng của vua Quang Trung là Quang Toản theo di mệnh của vua cha, lên nối ngôi, đổi năm sau tức là năm Quý Sửu (1793) làm năm đầu niên hiệu Cảnh Thịnh, và truy tôn vua Quang Trung làm Thái Tổ Vũ hoàng đế. Rồi đó, Quang Toản sai sứ thần sang Trung Quốc báo tang, đem dâng các sản vật địa phương và hai thớt voi đực; lại sắp xếp lễ cống hằng năm và làm tờ biểu xin phong vương, để hai sứ bộ cùng đi một lúc. Trong tờ biểu có nói: "Vâng lời dặn của vua cha, sau khi chết, không đưa di hài về quê hương, mà chôn cất ở làng Linh Đường [2] phía ngoài kinh thành để tỏ lòng mến nhớ cửa khuyết...".

Vua Thanh khen ngợi, tức thì sai thần sang làm lễ tế. Quang Toản bèn làm ngôi mộ giả ở làng Linh Đường để nhận lễ thăm viếng của nhà Thanh. Văn tế của nhà Thanh có câu "Chức ngôi Nam cực, lòng trung đã tỏ trước sân triều; yên xác Tây Hồ, trọn đời vẫn không quên cửa khuyết".

Vua Thanh lại ban cho thụy hiệu là "Trung thuần" và ban tặng một bài thơ, bảo khắc vào đá, dựng bên trái mồ vua Quang Trung để làm nổi rõ sự vinh hiển.

Rồi đó, vua Thanh phong cho Quang Toản làm An Nam quốc vương.

Sau khi được phong, Quang Toản bãi lệnh đeo "tín bài", triệt hồi các đạo quân đi bắt dân lậu, nghiêm cấm việc quấy nhiễu nhân dân, dùng cậu ruột là Bùi Đắc Tuyên làm chức thái sư, coi tất cả mọi việc chính sự của triều đình.

Vì thấy Quang Toản còn nhỏ, Đắc Tuyên ra mặt chuyên quyền, tha hồ làm oai làm phúc, các quan văn võ đều nem nép kiêng sợ, mầm mống tai họa bắt đầu từ đấy.

Lại nói, vua Lê từ mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), chạy sang đất Trung Hoa, trọ ở thành Quế Lâm.

Mùa đông năm ấy, vua Thanh nghe lời bàn của bọn Khang An, Hòa Thân, phong vương cho Nguyễn Huệ, lại giáng chỉ đòi vua Lê vào Yên Kinh. Mùa xuân năm Canh Tuất (1790), vua Lê bắt đầu lên đường,

---

1. Theo gia phả họ Vũ (Vũ Văn Dũng) thì tờ biểu đã đệ lên vua Thanh, và đã được vua Thanh nhận lời gả công chúa cùng trả lại đất Quảng Đông. Sau nghe tin vua Quang Trung chết nên việc đó mới đình chỉ.

2. Thuộc huyện Thanh Trì.

tháng năm mùa hè năm ấy thì đến Yên Kinh. Các quan văn võ của nước ta trước sau sang đất Trung Quốc đều được lần lượt đi theo.

Vừa khi ấy, vua Thanh đi tuần du, gặp bọn Lê Quýnh ở tỉnh Sơn Đông, bèn sai người gọi vào ra mắt và dụ rằng:

– Chủ các ngươi đã xin yên ổn ở lại Trung Quốc, lũ các người giốc lòng cùng theo, thì nên lập tức gọt đầu gióc tóc, đổi đồ mặc để chờ mệnh lệnh.

Bọn Quýnh tâu rằng:

– Lũ tiểu thần từ xa xôi muôn dặm theo trốn sang đây, xin cho được dùng phong tục bản xứ để ra mắt quốc vương, rồi sau sẽ xin vâng chỉ.

Vua Thanh khen ngợi hồi lâu, rồi bảo họ đi thong thả lên Yên Kinh.

Lúc bấy giờ, vua Lê cùng thái hậu và con đầu của vua trọ ở cửa Tây Định trong thành Yên Kinh, cạnh nhà Quốc Tử giám, trước cửa có biển đề: "Tây An Nam doanh" [1]. Còn các bề tôi thì ở trong cửa Đông Trực, cạnh nhà Dương phố, ngoài cửa có biển đề: "Đông An Nam doanh" [2]. Tất cả bọn đều được nhà Thanh chiếu theo số người mà cấp phát cho lương ăn, và cho phép tự do qua lại.

Một hôm, nghe tin vua Thanh sắp ra Nhiệt Hà tránh nắng, mờ sáng mai thì lên đường. Nhân dịp đó vua Lê liền cùng các bề tôi thảo ra tờ biểu xin quân cứu viện, rồi nhờ viên đô thống đội Cờ viền vàng tên là Kim Giản, để xin yết kiến vua Thanh.

Đến khi xe vua Thanh đi ra, vua Lê cùng các bề tôi đều quỳ xuống yết kiến ở mép đường bên trái. Xe vua Thanh dừng lại một chút, có viên thông ngôn báo rằng: "Hoàng đế có chỉ khen thưởng". Rồi viên đó giục họ lạy tạ và trở về doanh. Lát sau, đã thấy Kim Giản vâng chỉ vua phong cho vua Lê chức tá lãnh, đời đời nối chức và được lĩnh áo mũ tam phẩm.

Vua Lê bất đắc dĩ phải nhận vậy. Cách mấy hôm sau, lại thấy có viên quan ở nội phủ vâng chỉ vua Thanh đòi vua Lê vào sân điện, ban cho bốn trăm lạng bạc và sai người sắp sẵn cho các thứ đồ vật. Còn những bề tôi đi theo, đều được cấp mỗi người năm trăm đồng tiền. Các lễ mừng, lễ điếu ở trong nước, đều chiếu theo như thể lệ đã định cho những người thuộc tám hiệu cờ.

---

1. Dinh An Nam phía Tây.
2. Dinh An Nam phía Đông.

Năm ấy, vua Lê thấy người Thanh không thể tin cậy được, bèn cùng bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm, người làng Hương Canh huyện Từ Liêm, Lê Tùng người làng Tây Đàn, Lê Thức người làng Đáp Cầu huyện Hoằng Hóa cùng nhau uống máu ăn thề, rồi cùng thảo tờ biểu, xin quân cứu viện. Lại bàn nếu xin quân không được, thì sẽ xin đất cũ là hai châu Tuyên Quang, Hưng Hóa để thờ tổ tiên, hoặc là lẻn vào Gia Định để mưu đồ việc khôi phục, nhỡ có gặp sự bất trắc thì sống chết cũng liều.

Thảo xong tờ biểu, bọn họ đến báo trước cho Kim Giản biết, Kim Giản không tiếp. Vua tôi nhà Lê cùng nhau rập đầu xuống đất và kêu thật to. Kim Giản bất đắc dĩ phải mời vào nhà, pha trà thết đãi, rồi bảo:

– Vương hãy cứ về quán trọ mà chờ, sẽ bàn bạc sau.

Được hơn một tháng, thấy có viên quan nhà Thanh tên là Khoa Lan tới bảo với vua Lê rằng: "Đã có chỉ truyền tạm cho vương vùng đất Khâm Châu [1]. Chờ đến năm sau vào dịp mùa xuân hoa nở sẽ trở về nước cũ không muộn gì".

Vua tôi nhà Lê đều không tin.

Tháng ba, mùa xuân năm Tân Hợi (1791), Hòa Thân lập mưu chia đám vua tôi nhà Lê ra mỗi người một nơi để họ khỏi kêu ca, bèn sai Khoa Lan cưỡi ngựa tới nói dối rằng:

– Đã có chỉ truyền cho vương về ở đất Tuyên Quang, vậy các bề tôi cần phải chỉnh đốn mũ áo để theo vương vào triều tạ ơn.

Các bề tôi nhà Lê ở doanh Đông đều tin là thật, bèn theo đến ấn phòng. Thân sai người lấy khóa sắt khóa luôn lại, rồi dùng xe trâu đưa họ đi ra ngoài ba trăm dặm, an trí Hoàng Ích Hiểu ở Y Lê, Lê Hân ở Phụng Thiên, Như Tùng ở Hắc Long Giang, Quốc Đống ở Cát Lâm, Viết Triệu ở Trương Gia Khẩu thuộc Nhiệt Hà, chỉ để một mình Trần Thiện ở lại hầu hạ quốc vương.

Vua Lê nghe tin ấy,lo giận bồn chồn, đến sáng sớm cưỡi ngựa vào nhà Kim Giản, định kêu cho các bề tôi. Vừa lúc Kim Giản đã vào chầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Vua Lê lập tức ruổi ngựa đi thẳng tới cửa vườn, nhưng đến nơi thì bị lính canh cửa ngăn lại. Người dắt ngựa của vua Lê là Nguyễn Văn Quyên, quê ở Bố Vệ, phục xuống đất

1. Thuộc Quảng Đông.

kêu ầm lên. Bọn người Thanh, bèn giật lấy con ngựa của vua Lê, rồi vực luôn cả nhà vua lên xe bắt đến tòa Thận Hình giữ lại.

Văn Quyên bèn cất tiếng mắng to:

– Bọn chó Ngô vô lễ, dám làm nhục vua ta!

Sau đó, Văn Quyên lập tức lấy gạch ở sân ném bừa vào bọn chúng.

Đám quân lính giữ vườn nổi giận, xúm lại đánh Văn Quyên gần chết, đoạn cũng bắt đem giam ở tòa Thận Hình đúng một tháng mới tha cho về. Văn Quyên nhân thế bị bệnh mà chết.

Lúc bấy giờ, Nguyên Huy Túc đang lánh ở vùng núi Tản Viên,[1] nghe thấy việc ấy, cho Văn Quyên là có nghĩa, bèn làm bài "Tán" như sau:

"Trung thay mã đồng! Giỏi thay mã đồng![2]
Mến chúa lòng trung nghĩa, theo đuổi việc binh nhung.
Tấc dạ như voi, khỉ;[3] một đức như kiến ong,
Mạnh mẽ như loài gấu; thẳng thắn như chim hồng.
Cắt đâm chẳng lánh, hổ dọa cũng xông.
Ngựa trời vung cẳng; hùm sói tranh phong.
Phỉ nguyền da ngựa;[4] để tiếng vô cùng.
Kìa ai đó?
Xiêm bào ngoài mặt; sâu mọt trong lòng.
Ruồi xanh xu nịnh, hươu ngựa gian hùng[5].
Sao chẳng bảo chúng;
Sung làm hầu ngựa; bắt muỗi giết trùng.
Vậy dám đặt tên cho anh là Trung Tráng công!"

Trong lúc vua Lê ở tòa Thận Hình, một hôm Hòa Thân sai người đến doanh Tây, ép thái hậu bảo phải thảo tờ biểu nói rằng: quốc vương tình nguyện ở lại đất Trung Quốc, việc xông vào cửa khuyết và

---

1. Thuộc Quảng Đông.

2. Người hầu ngựa.

3. Đường Huyền Tông thường tập cho voi quỳ lạy, lúc An Lộc Sơn cướp ngôi, cũng bắt voi quỳ nhưng voi không nghe. Đường Chiêu Tông có con khỉ biết quỳ lạy, lúc Chu Toàn Trung cướp ngôi, cũng bắt khỉ lạy, khỉ không chịu.

4. Theo ý câu nói của Mã Viện nhà Hán: "Làm trai nên lấy da ngựa bọc thây". Chỉ việc hăng hái hy sinh nơi chiến trận.

5. Thơ Thương đăng *Kinh Thi* ví bọn tiểu nhân như đàn ruồi xanh. Triệu Cao, gian thần nhà Tần, chỉ con hươu mà nói với vua là con ngựa.

làm huyên náo là tại các bề tôi gây ra...

Biểu đang thảo thì viên gián thần là Nguyên Trọng Đắc trông thấy, liền giật lấy bản nháp xé đi và nói:

– Bị người ta lừa dối mà đưa các bề tôi đến chỗ chết thì làm thế nào?

Người Thanh lại bắt ép Trọng Đắc về ở doanh Tây, rồi cấm hai doanh không được tự tiện đi lại với nhau.

Một hôm, con vua Thanh, tước vương thứ sáu, nhân lúc lui triều thư thả, tới nhà Hòa Thân nói chuyện, có bàn đến việc nước An Nam, vương nói:

– Vua tôi họ Lê gặp nạn chạy sang nước ta, mà cầu cứu không được, cũng nên thương xót, giúp đỡ họ. Chắc các bề tôi của họ cũng đều là người trung nghĩa, nay họ không có tội gì mà bắt giam ở đất xa, nước ngoài nghe thấy, họ sẽ bảo Trung Quốc ra sao?

Thân nói:

– Hoàng thượng đã có chỉ truyền như vậy, việc ấy đức vương không cần phải biết đến!

Vương nói:

– Hoàng thượng tuổi đã già việc nước đều do quốc lão đây xử trí; mọi việc đúng hay sai, quan hệ không phải nhỏ. Ta đây sao lại không biết?

Thân vốn cậy thế vua Thanh yêu mến, lại ăn nói vô lễ, khiến cho vương giận lắm, lập tức cầm chiếc bàn cờ đánh Thân. Cả bọn người ngồi đấy đều đứng dậy khuyên giải can ngăn, Thân mới thoát nạn.

Hôm sau, Thân hậm hực vào kêu với vua Thanh. Vua Thanh tức thì nổi trận lôi đình, sai người đòi vương vào, định tự tay đánh đòn. Viên quan nội các là A Lâm rập đầu xuống đất cố sức can, vua Thanh mới chịu thôi, liền sai người đánh vương ở trước sân điện mười gậy.

Vương lui ra, tức quá mà thành bệnh. Cách vài ngày, bệnh thêm nặng, vương bèn gọi các vương thứ tám, thứ mười một và thứ mười bảy tới dặn rằng:

– Trong ba em, chưa biết sau này hoàng thượng lập ai? Hễ ai nối ngôi thì phải trừ khử tên gian tướng ấy đi, đừng có để mối lo lại cho xã tắc!

Ba người nghe lời, đều lạy hai lạy xin vâng mà lui ra. Sau đó, Vương mất.

Từ đấy, vua Lê không còn dám nói đến việc xin quân cứu viện nữa, nhưng trong lòng uất ức không bao giờ nguôi.

Tới mùa hè, năm Nhâm Tý (1792), con đầu của vua Lê lên đậu rồi mất. Nhân thế, vua Lê lo buồn sinh bệnh, thoi thóp nằm liệt không dậy được. Năm sau, bệnh nhà vua càng nguy kịch, các bề tôi bị an trí ở những nơi khác đều dâng biểu về hỏi thăm.

Lúc đó, có người gia đồng của Lê Như Tùng tên là Lê Huy Vượng, vì có công hầu hạ khó nhọc, vua Lê cho làm con nuôi, đặt tên là Duy Khang, bảo giữ việc thờ tự hoàng khảo và hầu hạ thái hậu.

Lúc hấp hối, vua Lê gọi các thị thần tới nhận lời trăng trối. Nhà vua nói:

– Trẫm gặp phải lúc vận nhà suy kém, không thể giữ được xã tắc; phiêu bạt ở đất nước ngoài để hòng tính việc khôi phục, lại bị đứa quyền gian lường gạt, uất ức đến mãi bây giờ, phải ôm hận mà chết, thật do lòng trời gây nên. Sau này nếu các ngươi được về nước, thì nên đèo nắm xương tàn của trẫm cùng về, chôn ở cạnh lăng tẩm của các vị thánh hoàng đời trước, để tỏ rõ chí hướng của trẫm. Các ngươi nên ghi nhớ lấy và nói cho mọi người đều biết.

Các bề tôi đều khóc lạy, xin vâng lời.

Rồi đó, vua Lê tắt thở, thọ 28 tuổi. Bấy giờ là ngày 16 tháng mười, mùa đông năm thứ 58 niên hiệu Càn Long nhà Thanh (1792).

Vua Thanh sai dùng lễ quốc công an táng vua Lê ở khu Quảng Lăng, ngoài cửa Tây Trực, đất rộng chừng ba mẫu, xung quanh có giậu ngăn; lại bảo các bề tôi đi theo đều theo lễ mà chế đồ tang trở. Sau đấy, vua Thanh bèn cho Duy Khang nối chức tá lãnh.

Nguyễn Viết Triệu ở Nhiệt Hà, tiếp được tin buồn, liền đặt linh vị làm lễ thành phục, khóc lóc thảm thương, hôn mê luôn mấy ngày, rồi phát bệnh mà chết.

Đến năm đầu niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm Bính Thìn (1796), hết trở vua Lê, Thái hậu thấy các bề tôi đi theo, ở nơi đất khách cô đơn khổ sở, mà chưa biết đến ngày nào mới trở về, bèn dâng tờ biểu xin cho các người theo trốn sang Trung Quốc đều được lấy vợ.

Vua Thanh cho phép và ban cho mỗi người tám lạng bạc, 35 đồng tiền lớn để làm lễ cưới, bảo họ ai ở chỗ nào, cứ tùy tiện yên phận mà

sinh cơ lập nghiệp ở chỗ ấy.

Lại nói, vua Tây Sơn [1] là Quang Toản, tuổi trẻ nối ngôi, Đắc Tuyên chuyên chính đã lâu, hình ngục phiền hà, trong ngoài chia lìa, Bắc, Nam nhốn nháo, lòng người lung lay. Mặt khác quân của triều Nguyễn [2] từ năm Mậu Thân (1788) đã lấy lại thành Gia Định. Năm Canh Tuất (1790) lấy lại được hai phủ Bình Thuận và Diên Khánh. Từ đó trở đi, quân triều Nguyễn luôn luôn tiến đánh mặt Bắc, thanh thế rất mạnh. Mười ba thừa tuyên ở Bắc Hà cũng đều nghển cổ để chờ sự trung hưng của triều Nguyễn. Sự bại vong của nhà Tây Sơn, những kẻ am hiểu tình thế đều nhìn thấy rõ ràng, nhưng riêng vua tôi nhà Tây Sơn thì vẫn không biết.

Thật là:

Gặp nước thuồng luồng đà hoạt bát,
Ở nhà én sẻ vẫn im lìm [3].

Chưa biết sự thể ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Mất thành Thăng Long, vua Cảnh Thịnh bị bắt;
Táng lăng Bàn Thạch, Nguyễn Hoàng phi chết theo

Lại nói, vào năm đầu khi vua Tây Sơn Quang Toản mới lên nối ngôi tức là năm Quý Sửu (1793), đại quân của nhà Nguyễn [4] cả thủy lẫn bộ, từ Gia Định kéo ra đánh vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc ở thành Quy Nhơn. Tướng sĩ của Nhạc đánh mãi đã mệt nhọc, thế lực dần

---

1. Từ đây, trong bản chữ Hán đều theo quan điểm của triều Nguyễn dùng chữ "Tây ngụy" để trỏ nhà Tây Sơn.

2. Trong bản chữ Hán, từ đây về sau đều dùng hai chữ "hoàng triều" để trỏ triều Nguyễn (Gia Long).

3. Theo điển trong sách *Khổng tùng tử*, én sẻ ở trên mái hiên, không biết rằng dưới nhà đã có lửa cháy... Ở đây ý nói nhà Nguyễn đã gặp thời cơ như thuồng luồng gặp nước, Quang Toản sắp bị diệt mà vẫn không biết gì cả.

4. Nguyễn Ánh.

dần cùng quẫn, Nhạc bèn sai người đến chỗ Quang Toản xin quân cứu viện. Quang Toản họp các tướng mà bảo rằng:

– Ta nghe nói "môi hở răng lạnh, môi còn răng ấm", nay vua bác có nạn mà sức chống giữ kém cỏi, không thể không cứu.

Rồi Toản cho Đô đốc Nguyễn Diệu làm chức đại tổng quản, dẫn quân vào Nam cứu Nhạc. Quân chúa Nguyễn lại rút về.

Tháng 8 năm ấy, Nhạc mất, con cả là Quang Thiệu lên nối ngôi. Nhân thế, Diệu chia quân giữ lấy thành. Tiếng là cứu viện, nhưng thực ra là thôn tính ngấm ngầm.

Năm sau, tức năm Giáp Dần (1794), Quang Toản lại sai Đắc Trụ [1] làm chức tán nghị, đi vào Quy Nhơn cùng với Quang Thiệu trấn giữ thành ấy và lấy Nguyễn Diệu làm thống suất, lĩnh đại quân tiến đánh thành Nha Trang. Từ Lê Văn Trung trở xuống, tất cả 7 tướng đều được gia phong làm tước quận công quản binh và nghe theo lệnh chỉ huy của Diệu. Diệu tiến sát thành Nha Trang, mà quân tuần tiễu thì đã đến tận địa phận tỉnh Bình Thuận. Quân nhà Nguyễn hết sức chống giữ khiến Diệu không thể thắng nổi. Hồi đó, quân Tây Sơn luôn luôn đến xâm lấn miền Nam, hai bên chống chọi với nhau đến hàng năm.

Thình lình Diệu nghe tin cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở đều bị bọn Tư đồ Dũng và Thái bảo Hóa giết chết, bèn vội vàng kéo quân về họp bàn cùng bọn tướng tá, định dùng quân lực bắt hiếp bọn Dũng.

Nguyên từ năm Quang Toản mới lên ngôi tới khi ấy, Đắc Tuyên thì chuyên quyền, còn Văn Sở thì trấn giữ thành Thăng Long, coi hết mọi việc quân, dân, rồi được thăng chức đại đổng lý, tước quận công. Năm ấy Quang Toản lại sai Đại tư đồ Dũng ra coi binh mã 4 trấn ở miền Bắc. Dũng đến nhà trạm Hoàng Giang, gặp Trung thư lệnh là Trần Văn Kỷ phạm tội bị đày ở đó. Dũng cùng ngủ đêm với Kỷ, Kỷ bèn nói với Dũng rằng:

– Quan thái sư [2] chức vị đã cao tột bực, trong tay nắm quyền làm oai làm phúc, lại đẩy ông ra ngoài, nếu có sự chẳng lợi cho nhà nước, các ông phỏng còn giữ được đầu chăng? Bây giờ chẳng sớm liệu đi, sau này ăn năn sao kịp?

Dũng vốn tin và trọng Văn Kỷ, bèn cho lời Kỷ là phải. Hôm sau,

---

1. Có sách chép Đắc Thân, là con Đắc Tuyên.

2. Chỉ Đắc Tuyên.

Dũng đem quân bản bộ gấp đường quay về, hợp mưu với Thái bảo Hóa, bắt phe đảng Đắc Tuyên bỏ ngục; lại sai người vào Quy Nhơn bắt Đắc Trụ và sai Đô đốc Hài ra thành Thăng Long lập mẹo bắt Ngô Văn Sở đưa về, rồi thêu dệt thành tội trạng làm phản mà đem dìm xuống nước cho chết hết.

Quang Toản không thể ngăn chặn nổi, đành chỉ khóc lóc mà thôi. Sau đó, Dũng lại sai Hóa vào giữ thành Quy Nhơn.

Chẳng mấy chốc, Diệu ở Nha Trang nghe tin, đêm ngày lo nghĩ, chỉ sợ vạ lây đến mình bèn bảo các tướng rằng:

– Chúa thượng không cương quyết, đại thần giết lẫn nhau, tai biến không gì lớn hơn thế nữa. Nay hãy kéo về để dẹp yên cuộc biến loạn ở bên trong, rồi sau lại vào đánh giặc cũng được.

Các tướng đều nói:

– Xin theo mệnh lệnh!

Ngay hôm ấy Diệu giải vây cho thành Nha Trang rồi kéo quân về Quy Nhơn. Hóa nghe tin, đến tạ tội trước. Diệu lờ đi không hỏi. Về tới làng Yên Cựu, [1] Diệu đóng quân ở bờ Nam sông. Dũng cùng bọn Nội hầu Tứ thì đem quân bản bộ đóng ở bờ Bắc sông, mượn mệnh lệnh nhà vua để chống lại với Diệu.

Quang Toản sợ lắm, phải sai bọn trung sứ qua lại vỗ về, hòa giải, Diệu mới chịu đem bọn tả hữu vào yết kiến Quang Toản và giảng hòa với bọn Dũng; kế đó Diệu lại xin gọi Hóa về và xin cho Lê Văn Trung thay chân Hóa giữ thành Quy Nhơn.

Lúc đó, bọn người ở bên cạnh Quang Toản ngày đêm gièm pha rằng, oai quyền của Diệu lớn quá, đang toan có mưu khác. Toản tin là thật, liền rút hết binh quyền của Diệu, chỉ cho giữ một chức quan vào hàng thị thần mà thôi. Bình sinh Diệu vốn tương đắc với Lê Văn Trung, bèn gửi thư mật vào Quy Nhơn, hẹn Trung cất quân lập Quang Thiệu làm vua mà bỏ Quang Toản. Trung theo lời, bèn kéo quân về, đồng thời xin Quang Thiệu thân đem quân tiếp ứng phía sau.

Quân của Trung về đến Quảng Nam, trong ngoài nhốn nháo sợ hãi. Quang Toản họp các quan lại bàn bạc, mọi người đều nói:

– Bảo Văn Trung lui quân, phi Diệu không ai làm được!

Quang Toản bèn sai Diệu đi. Văn Trung không báo trước với

1. Ở phía nam thành phố Huế, trên bờ sông Hương Thừa Thiên.

Quang Thiệu mà một mình một ngựa theo Diệu về yết kiến Quang Toản. Quang Thiệu nghi ngờ, sợ hãi, lập tức rút quân và voi về thành Quy Nhơn, đóng chặt cửa thành để cố thủ.

Quang Toản sai tướng đến đánh liên tiếp mấy tuần không hạ được, bèn tự mình làm tướng đem quân đi. Đến Lê Giang, có viên thái phủ tên là Mân nói với Toản rằng:

– Cuộc biến loạn Quang Thiệu thực do Văn Trung gây nên, tội không thể tha, xin giết ngay để răn kẻ khác.

Quang Toản cũng cho là phải, bèn sai vời Trung vào dinh, bảo võ sĩ trói lại đem chém. Sau đó Toản vỗ về tướng sĩ, hạ lệnh tiến đánh Quy Nhơn, mười ngày hạ được thành bắt sống được Quang Thiệu. Toản bèn để Mân ở lại Quy Nhơn, rồi cùm Quang Thiệu đưa về, dùng thuốc độc giết chết.

Nhà Tây Sơn kể từ khi Văn Nhạc, chiếm giữ Quy Nhơn vào năm Mậu Tuất (1778), tức là năm 39 niên hiệu Cảnh Hưng, thì tự xưng là thiên vương, đặt niên hiệu là Thái Đức; Năm Canh Tý (1780) lại xưng hoàng đế, lập Quang Thiệu làm thái tử. Năm Quý Sửu (1793), Nhạc mất, Thiệu lên nối ngôi, được năm năm, đến năm Mậu Ngọ (1798) thì mất nước, tất cả là 21 năm.

Lại nói, sau khi Văn Trung bị Quang Toản giết, con rể Trung là Chất nghi ngờ, sợ hãi, bèn phản Tây Sơn vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn ở Gia Định. Chúa Nguyễn cho coi quân ngự lâm.

Nguyên lúc đầu, Chất thờ Quang Toản, giỏi về tài đánh dẹp, làm đến chức đại đô đốc. Đến khi Văn Trung chết, Chất bỏ quân lính chạy trốn. Thái phủ Mân sợ Chất làm loạn, liền lùng bắt rất gấp. Chất có người đầy tớ nghĩa hiệp, hóa trang như hình dáng của Chất, rồi tự tử ở khe núi, để cho Mân thôi, không lùng bắt Chất nữa. Chẳng bao lâu, Mân biết là giả dối, bèn treo giải thưởng truy lùng Chất hết sức ráo riết. Chất bất đắc dĩ phải ra thú ở cửa quan của Mân. Mân liền sai Chất coi toán quân tiền phong, để chờ sai phái, và định bụng dùng quân luật mà giết chết. Chất biết ý ấy, bèn dỗ bọn tướng tá của y, gồm sáu mươi người, đem quân và voi vào Nam, dâng biểu xin hàng. Sau Chất vâng mệnh chúa Nguyễn đem quân đánh nhau với Mân. Quân Mân thua to. Mân phải chạy vào núi rừng mà trốn; quân, voi, khí giới đều bị Chất thu sạch.

Quang Toản nghe tin, lại sai Đại tư đồ Vũ Tuấn dẫn binh tới trấn, chiêu tập tàn quân để đóng giữ.

Đến năm Canh Thân (1800), quân chúa Nguyễn vượt biển ra đánh, sức Tuấn chống không nổi, dâng thành xin hàng. Chúa Nguyễn bèn đổi thành Quy Nhơn làm trấn Bình Định, sai quan coi hậu quân là Tính quận công Võ Đình Tính [1] đem quân đóng giữ, còn Thượng thư bộ Lễ là Ngô Tòng Chu thì làm chức hiệp trấn.

Được vài tháng, Quang Toản sai Thống suất Diệu và Tư đồ Dũng đốc suất các đạo quân thủy bộ vào đánh Quy Nhơn. Diệu coi quân bộ, Dũng coi quân thủy, hai đạo hợp sức mà đánh. Quân Nguyễn hết sức chống giữ, bọn Diệu không thể đánh thắng. Dũng bèn dùng ba chiếc tàu chiến lớn, chặn ngang cửa biển Quy Nhơn, trên tàu lập chòi gác, đặt súng lớn; phía trong lại dàn quanh vài trăm chiếc chiến thuyền, đốc thúc quân thủy canh giữ để phòng quân cứu viện ở ngoài đến.

Năm sau, bị quân Nguyễn đánh tan, tàu lớn và chiến thuyền đều bị thiêu hủy. Dũng lên bộ, dẫn tàn quân mà chạy, rồi hợp quân với Diệu.

Quân Tây Sơn đã mất đường thủy, bèn đắp lũy đất, ụ đất ở xung quanh thành Quy Nhơn, để đứng trên đó mà bắn vào thành; lại lập nhiều đồn trại kiên cố, chứa chất quân lương, làm kế ở lâu. Nhưng quân Nguyễn canh giữ rất cẩn mật, bọn Diệu không sao hạ được thành. Quang Toản rất lấy làm lo.

Lúc ấy lại có bọn cha cố của đạo Gia Tô Tây Dương [2] ở trong nước Nam, đi khắp nơi dụ các đạo đồ làm loạn. Các nơi nổi lên như ong, Quang Toản liền sai bắt bọn trùm trưởng của họ đem giết chết rồi triệt hạ các nhà giảng, phá hủy các ảnh tượng, và đốt các sách Tây của họ. Hễ bắt được đồ đảng của họ, lại bắt phải dẫm chân lên ảnh thì mới tha, ai không chịu thì bắt sung quân nuôi voi, cắt cỏ cho voi ăn. Bởi thế, giáo dân tức giận, càng xúi giục lẫn nhau, đâu đâu cũng đều náo động.

Còn quân nhà Nguyễn thì hằng năm ra đánh, thanh thế lừng lẫy. Mỗi khi gió nam nổi lên, thì nhân dân các trấn lại nói với nhau: "Chúa cũ ra đấy!" [3]

---

1. Cũng thường gọi là Võ Tính.

2. Tiếng dùng để gọi các nước phương Tây nói chung.

3. Bấy giờ hằng năm cứ đến khoảng tháng 4, tháng 5 khi gió nam thổi mạnh thì Nguyễn Ánh đốc quân thủy bộ ra đánh, đến lúc có gió mùa đông bắc thổi thì lại rút quân về. Người đương thời thường gọi những đợt tấn công như vậy là những trận "giặc mùa". Bọn sĩ phu chống Tây Sơn và ngả theo Nguyễn Ánh mới nhân đó đặt ra câu ca dao:

Lạy trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn thuận buồm trẩy ra.

Lúc đó, nhà Nguyễn cho rằng tướng mạnh và quân tinh nhuệ của Tây Sơn đều tụ họp cả ở Quy Nhơn mà Quang Toản ở thành Phú Xuân thì quân lính phòng giữ rất yếu ớt, bèn đốc suất hết thủy quân và trên một ngàn chiến thuyền, hẹn ngày thuận theo gió nam vượt biển ra phía Bắc. Cờ quạt chói nắng, chiêng trống vang trời, xông thẳng vào đánh cửa Thuận An. Tướng Tây Sơn là Phò mã Trị đem hết quân lính chống giữ, địch không nổi, phải tan vỡ. Quang Toản nghe tin, lại đốc hết tướng sĩ, tự mình cầm quân tới đánh nhau với quân Nguyễn. Gần trưa, quân Toản đại bại, vỡ chạy tan tác. Quân chúa Nguyễn bèn tiến lên, chiếm lại đô thành. Hôm đó nhằm vào ngày mùng 3 tháng năm, mùa hè năm Tân Dậu (1801), tức là năm thứ 24, kể từ khi chúa Nguyễn Ánh quyền giữ việc nước.

Sau khi thua trận, Quang Toản rụng rời hoảng hốt, liền thay đổi đồ mặc cùng vài người quan hầu, cưỡi ngựa trạm, chạy ra miền Bắc. Đến Nghệ An ở lại vài ngày, rồi lại ra Thăng Long, hội họp tướng sĩ, lo việc chống giữ. Tháng 6 mùa hè năm ấy, thình lình viên trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Thuận sai người báo tin lầu Rồng ba tầng ở đấy tự dưng đổ sụp. Những người nghe tin đều cho là điềm chẳng lành.

Sang đầu mùa thu, quan nhà Nguyễn là Tường Quang hầu cùng Thụy Ngọc hầu vâng chỉ đem quân theo hai đường Hương Sơn và Trấn Ninh ra đánh, để quấy rối trấn Nghệ An. Nguyễn Thuận sai tướng đón đánh, quân của Thuận luôn luôn bị thua. Sau vài ngày, Tường Quang hầu vì mùa lụt không thể ở lâu, bèn đem thuyền cũ cắm ở cửa sông vùng Hương Sơn, đầu và đuôi thuyền bện cỏ làm hình quân lính, cho mặc áo giáp cầm kích, trong thuyền thắp vài đĩa đèn để cho quân Tây Sơn nghi ngờ, rồi nhân lúc đêm tối đem quân bản bộ cưỡi thuyền nhẹ xuôi dòng xuống phía Đông ra cửa Nam Giới, vượt biển mà về Nam. Đến khi quân Tây Sơn biết thì quân của Tường Quang hầu đã đi được hai ngày rồi. Thụy Ngọc hầu cũng từ Trấn Ninh rút quân theo đường mạn ngược mà về kinh sư.

Ngày tháng tám năm ấy (1801), Quang Toản ở Thăng Long, xuống tờ dụ vỗ về quân dân các trấn, và đổi niên hiệu Cảnh Thịnh làm năm đầu niên hiệu Bảo Hưng. Tháng mười một mùa đông năm ấy, Quang Toản thân hành đem quân và voi của bốn trấn Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc và hai trấn Thanh Hoa, Nghệ An vào đánh, nhưng bị quân nhà Nguyễn đánh thua, lại phải rút về.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất (1802), quân nhà Nguyễn qua Sông

Gianh tiến đánh hạ được đồn Tâm Hiệu thuộc châu Bố Chánh. Quân Tây Sơn tan vỡ, chạy về doanh Hà Trung, hạt Kỳ Anh. Tháng năm mùa hè năm ấy (1802), chúa Nguyễn hạ chiếu đổi niên hiệu làm năm đầu niên hiệu Gia Long, ban tờ dụ ra cho quân dân Nam Hà, Bắc Hà đều biết.

Nguyên từ năm 49 niên hiệu Cảnh Hưng, tức là từ năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, nhà Nguyễn vẫn dùng niên hiệu cũ của nhà Lê.

Năm Nhâm Tuất (1802) này, lúc đầu cũng vẫn còn gọi là năm Cảnh Hưng, đến bây giờ mới đổi ra niên hiệu mới.

Bấy giờ, trong thành Quy Nhơn hết ăn, quan quân đều đói mệt. Viên Tham tán là Ngô Tòng Chu uống thuốc độc chết trước. Tính quận công cũng tự đốt mà chết. Tướng sĩ hơn vài vạn người ra thành xin đầu hàng. Diệu bằng lòng nhận cho hàng.

Sau khi vào thành, Diệu lập tức bàn với bọn tướng tá đem quân về đánh kinh thành [1]. Qua vài ngày, Diệu đem quân ra khỏi địa giới trấn Quy Nhơn thì bị viên phó tướng của nhà Nguyễn là Đắc Lộc hầu chặn lại. Nguyên từ năm ngoái, sau khi nhà Nguyễn lấy lại kinh thành, liền sai Đắc Lộc hầu tới đó lập đồn cắm trại để ngăn chặn sự tiến công của quân Tây Sơn. Lúc ấy, Diệu đem quân về qua đó đánh phá hàng nửa ngày mà không thể hạ được. Quân Diệu bị quân nhà Nguyễn bắn sang. Người chết và người bị thương gối nhau mà nằm. Diệu chẳng biết làm thế nào, bèn đem quân và voi dọn núi mở đường đi vào địa giới nước Ai Lao định ra Nghệ An. Chúa Nguyễn nghe tin, lập tức cắt đặt các tướng, thống lĩnh các đạo quân thủy bộ hẹn ngày kéo ra Bắc.

Ngày 28 tháng năm, quân thủy của nhà Nguyễn đi tới cửa biển Đan Nhai thuộc trấn Nghệ An, tiến đánh và phá được đồn Quần Mộc. Quân bộ cũng tiến đến phía nam sông Thanh Long, nổ ba tiếng súng rồi vượt sang bờ phía Bắc. Hai mặt thủy bộ đều tiến công, quân Tây Sơn kinh sợ, bỏ chạy tán loạn. Quân nhà Nguyễn bèn xông lên cướp kho thóc Kỳ Lân, rồi kéo cờ phấp phới. Viên Trấn thủ của Tây Sơn là Nguyễn Thận cùng với Hiệp trấn Nguyễn Triêm, Thống lĩnh Đại, Thiếu úy Đằng bỏ thành chạy ra miền Bắc. Đến đồn Tiên Lý, Triêm tự thắt cổ, còn Thận chạy ra trấn Thanh Hoa. Thế là quân nhà Nguyễn lấy được thành Nghệ An.

1. Phú Xuân nay là thành phố Huế.

Diệu ở Quỳ Hợp xuống đến địa phận Hương Sơn thì nghe tin Nghệ An đã tan vỡ, bèn đến Thanh Chương, qua sông Thanh Long, do đường phía trên huyện Nam Đường chạy ra trấn Thanh Hoa. Tướng sĩ đi theo Diệu dần dần tản mát mỗi người một nơi. Quân nhà Nguyễn đuổi theo, bắt sống được Diệu.

Ngày tháng sáu, quân nhà Nguyễn tiến đánh thành Thanh Hóa. Em Quang Toản là Đốc trấn Bàn cùng bọn Thận, Đằng đều đầu hàng.

Ngày 18, vua Gia Long tiến ra Thăng Long, truyền lệnh cho các quân đánh thành, quân Tây Sơn hoàn toàn tan vỡ, Quang Toản bỏ thành cùng với em là Quang Thùy và bọn Đô đốc Tú qua sông Nhị Hà chạy về hướng Bắc. Sau, Thùy và vợ chồng Tú đều tự thắt cổ. Còn Quang Toản cùng các bề tôi thì đều bị thổ hào Kinh Bắc bắt được đóng cũi đưa đến trước cửa quân. Bọn quan lại ở trấn hoặc trốn, hoặc hàng, không một ai dám chống lại. Quân Tây Sơn đến đây là hoàn toàn bị dẹp tan.

Vua Gia Long ở lại thành Thăng Long, hạ chiếu kêu gọi nhân dân yên ổn làm ăn, chia đặt quan văn, quan võ ở các trấn; lại vời các quan văn, võ nhà Lê và các bậc kỳ lão, hỏi về công việc ở Bắc Hà; tha bớt thuế khóa, phu phen, bãi bỏ mọi sự phiền hà, chiếu theo sổ đinh cũ của nhà Tây Sơn cứ 7 suất đinh kén 1 người lính, rồi lập ra các hiệu quân năm doanh và mười cơ.

Vài tháng sau, vua Gia Long về kinh đô Phú Xuân, sửa lễ cáo miếu dâng tù, đem bọn vua tôi Quang Toản ra dùng cực hình giết chết, rồi bố cáo cho khắp cả nước đều biết [1]. Từ đấy Nam, Bắc yên vui, cõi bờ chung hiệp, cơ đồ sẽ thống nhất muôn đời vậy.

Lại nói, từ khi Thái hậu nhà Lê chạy sang Yên Kinh, ở tại "Tây An Nam doanh" được 4 năm thì cháu đầu [2] mất, năm năm thì vua Lê mất. Những người đi theo đều bị Hòa Khôn đưa đi nơi khác, chỉ còn Thái hậu và Duy Khang ở lại Yên Kinh mà thôi. Tấc lòng cố quốc tha hương, tơ sầu muôn mối; mưa xuân sương thu, mấy độ thở than. Thái hậu với các thị thần thường muốn dâng biểu xin về nước, nhưng vì

---

1. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, thì Quang Toản cùng những người con khác của anh em Nhạc, Huệ đều bị Gia Long sai dùng cực hình 5 voi xé xác để giết chết. Còn Huệ, Nhạc cũng bị trả thù rất dã man: mồ mả bị khai quật, hài cốt bị giã nát vứt đi; đầu lâu của Nhạc, Huệ, Toản và mộc chủ của vợ chồng Nguyễn Huệ đều bị giam ở nhà Đồ Ngoại, sau lại đưa vào cấm cố vĩnh viễn trong ngục thất.

2. Tức con trai cả của Chiêu Thống.

đất nước đang bị Tây Sơn chiếm cứ, lại đành phải ngậm sầu mà thôi.

Ngày 11 tháng 10, mùa đông năm thứ 4, niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm Kỷ Mùi (1799), Thái hậu lo buồn thành bệnh, mất ở "Tây An Nam doanh". Vua Thanh giáng chỉ sai quan bộ Lễ trông coi việc tang, và đem di hài quàn tạm ở cạnh lăng vua Chiêu Thống.

Trước đó, từ năm Ất Mão (1795), tức năm thứ 60 niên hiệu Càn Long, vua Thanh đã truyền ngôi cho con thứ mười một, tức là vua Gia Khánh. Sau khi lên ngôi, vua Gia Khánh bèn tôn vua Càn Long làm thái thượng hoàng. Bấy giờ vua Gia Khánh nghĩ lại lời dặn của anh, tức là vương thứ sáu, định giết Hòa Thân, nhưng vì Hòa Thân là người được thượng hoàng yêu mến, nên vẫn chưa dám hạ lệnh.

Đến mùa xuân năm ấy, thượng hoàng mất, vua Gia Khánh liền sai bắt Hòa Thân, ép buộc hắn phải tự tử, đồng thời tịch thu hết thảy gia tài của hắn.

Sau khi giết Hòa Thân, nhân tiện bàn đến việc vua cũ của nước Nam, vua Thanh cũng tỏ vẻ thương hại, bàn với các bề tôi của nhà Lê bị an trí trước kia, cho vào ở trong xưởng Tam Thần, ban ơn rất hậu, đầu tóc, quần áo đều cho được tùy tiện.

Năm Quý Hợi (1803), năm thứ 8 niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm thứ 2 niên hiệu Gia Long ở nước ta; lúc đó đã dẹp xong quân Tây Sơn, nhà Nguyễn bèn sai sứ thần sang nhà Thanh, dâng biểu trần tình và xin phong vương. Các bề tôi cũ của nhà Lê nghe tin, liền làm tờ bẩm trình với quan nội các, xin đem linh cữu của vua cũ và thái mẫu về nước an táng. Viên quan nội các đem việc ấy tâu lên.

Năm Giáp Tý (1804), vua Thanh giáng chỉ cho đưa di hài của vua Chiêu Thống về táng ở quê nhà và cho các bề tôi trốn theo đều được về nước; lại truyền xuất tiền công cấp cho viên tá lãnh mười lạng bạc, viên kiêu kỵ tám lạng, còn từ lãnh viên trở xuống thì kể cả đàn ông đàn bà, mỗi người lớn được năm lạng, mỗi người nhỏ được ba lạng; đồng thời bảo các tỉnh dọc đường phải giúp đỡ và tiễn đưa họ ra cửa ải.

Tháng giêng năm ấy, các bề tôi mở quan tài vua Lê Chiêu Thống thì thấy da thịt đã nát hết, chỉ có trái tim không nát, mà sắc màu hầu như vẫn còn đỏ tươi. Tính từ khi quàn đến bấy giờ đã mười hai năm. Ai trông thấy cũng đều lấy làm lạ và than thở. Rồi đó họ lại

lượm di hài của thái hậu và con đầu của nhà vua. Cả di hài của Viết Triệu và Văn Quyên cũng được đưa về theo.

Ngày 13 tháng tám mùa thu năm đó, di hài vua Lê đưa về đến cửa ải. Hoàng phi là Nguyễn Thị Kim nghe tin, liền từ Kinh Bắc lên cửa ải để đón linh cữu. Ngay từ hôm ấy, hoàng phi tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống một chén hồ, vật vã bên linh cữu mà khóc lóc. Ngày 23 tháng tám di hài đưa về đến Thăng Long, các quan dựng rạp tế ở nhà Diên Tự công. Hằng ngày hoàng phi chỉ nhấm vài đốt mía mà thôi.

Ngày 12 tháng mười, các quan thay hài cốt vua Lê sang một chiếc tiểu khác, thấy trái tim vẫn còn y nguyên.

Tế xong, hoàng phi đến trước hương án khóc lóc thảm thiết và nói với Diên Tự công rằng:

– Ta nhẫn nhục vất vả đã mười lăm mười sáu năm trời nay, trong những ngày ấy không phải là không dám chết, chỉ vì thái hậu, vua ta, con ta vẫn ở bên Trung Quốc, âm tín không thông, còn mất không rõ, nên ta còn chờ đợi một chút. Nay thái hậu cùng vua ta đều mất, con ta cũng chết, linh cữu đã về đến nước nhà thế là việc của ta xong rồi, ta phải chết theo để hầu bên lăng tẩm mới phải.

Rồi đó, hoàng phi liền uống thuốc độc tự tử. Ai nghe tin ấy cũng đều thương xót. Sứ thần Trung Hoa bấy giờ đang ở đấy cũng than thở, ngợi khen mãi.

Ngày 13, các quan lại sắm quách khâm liệm cho Hoàng phi, rồi ngày 28 cùng rước xuống thuyền đưa về trấn Thanh Hoa.

Ngày 24 tháng mười một, các quan làm lễ an táng vua Lê, thái hậu, hoàng phi, con vua ở cạnh lăng vua Hiển Tông trên núi Bàn Thạch [1]. Hai quan tài của Nguyễn Viết Triệu, Nguyễn Văn Quyên cũng táng theo ở gần đó.

Trước đây khi di hài vua Lê đưa về đến ải Nam Quan, Duy Khang bái biệt trước linh cữu rồi đi về nẻo Lạng Sơn. Còn viên trấn thủ cũ của xứ Kinh Bắc là Lê Hân về đến Thanh Hoa thì bị bệnh chết. Vợ Hân là người Trung Quốc, đưa quan tài chồng về tại quê chồng ở làng Nộn Hồ [2], huyện Nam Đường, trấn Nghệ An, tìm họ hàng nhà chồng để làm lễ an táng. Rồi nàng ở lại, không về Trung Quốc, lấy người cháu trong họ chồng làm con kế tự giữ tiết trọn đời, đến 80 tuổi mới mất.

---

1. Thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.
2. Tục gọi là làng Non Hồ.

Các bề tôi theo vua Lê lúc đó đều về quê quán. Chỉ có Trịnh Hiến lại ra làm quan với nhà Nguyễn; rồi sau về làng, vì việc tài sắc bị kẻ thù giết chết.

Sau khi hoàng phi đã chết theo vua Lê, người khắp cả nước ta và người Trung Quốc đều khen là bậc tiết nghĩa.

Có người làm bài "Tiêu cung tuẫn tiết hành" [1] để lưu truyền đời sau, lời rằng:

"Đất Thuận An cạnh sông Thiên Đức [2]*,*
Người đời xưa gọi ấp Tỳ Bà.
Khúc tỳ mượn ý đặt ra,
Trời sinh người đẹp sánh hoa Đại Đề [3]*.*
Khi tươi tốt nhóm về khuê tú,
Năm Cảnh Hưng Ất Dậu mừng sao,
Nhà sang sinh bậc nữ hào,
Công, dung, ngôn, hạnh vẻ nào kém đâu.
Tuổi mười bảy kén vào cung khuyết,
Bính Ngọ liền sớm biết điềm hùng [4]*,*
Ơn trên cao cả muôn trùng,
Đượm nhuần mưa móc phúc hồng chứa chan.
Năm Đinh Vị Tây Sơn khởi biến.
Cảnh phong trần chợt đến khôn lường.
Ngoài thành rong ruổi xe hương,
Quân hầu tan tác, bàng hoàng bên sông.
Vó ngựa lạc Văn phong mấy độ,
Theo từ vi [5] *đến Võ Nhai sơn.*
Quản hồng lận đận núi ngàn,
Liễu bồ phải chịu muôn vàn long đong.
Xa trông đợi tin rồng vắng bặt,

1. Bài trường ca về người cung phi chết theo vua.

2. Tức Sông Đuống.

3. "Đại Đề" là tên một khúc ca trong Cổ nhạc phủ, ca ngợi người con gái đẹp như hoa. Ở đây mượn tên đó để chỉ người con gái đẹp..

4. *Điềm hùng*: Điềm con gấu; thơ "Tư Cán" *Kinh Thi* nói nằm mộng thấy con bi con hùng (gấu) là điềm sinh con trai.

5. Trỏ mẹ vua.

Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan.
Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,
Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường.
Tới Mục Mã vội vàng nghỉ lại,
Thuyền vua rong lên ải Phất Mê.
Địch nghe tin, kíp đuổi kề,
Tên bay đạn lạc bốn bề rối ren.
Bè một mảng qua phen kinh hãi,
Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên.
Vin cây giẫm đá trèo lên,
Mưa mù lam chướng đầy trên một trời.
Dân sở tại chào mời, đưa dắt,
Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.
Hết đường, tới núi, vào hang,
Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào.
Biết động ấy thuở nào đào đục?
Mà hôm nay hưởng phúc thần tiên!
Nước ngàn, rau núi cũng yên,
Chim kêu, hoa rụng, nỗi buồn tạm khuây.
Trong nội địa [1] *tin đâu bay đến,*
Quan trên liền sai khiến người sang.
Trước sau căn vặn tỏ tường,
Long Châu tạm đón dọc đường nghỉ chân.
Cấp phẩm vật mọi phần tươm tất,
Lính đưa đường cẩn mật, tận tình.
Rồi cho đến ở Nam Ninh,
Cửa nhà rộng rãi quán đình nghiêm trang.
Dù Nam, Bắc, đôi đường chua xót,
Lễ nghi thường chưa chút đơn sai,
Một niềm từ huấn vâng lời,
Tiêu phòng [2] *giữ lễ trong ngoài phân minh.*
Nhờ thượng quốc để binh cứu viện,

1. Chỉ Trung Quốc.
2. Phòng ở của cung phi có trát hồ tiêu vào vách cho ấm; đây chỉ vợ vua.

Muôn dặm xa đưa đến tin vui,
Về Nam cờ quạt rợp trời,
Vườn xưa điện cũ sáng ngời vẻ xuân.
Tiếng đàn, trống muôn phần rộn rã,
Cảnh cỏ hoa thỏa dạ lâu nay.
Nào ngờ vạ gió tai bay,
Buồn vui chốc lát đổi thay khôn lường.
Trên ngự giá vội vàng ra ải,
Từ vi và cháu dại cùng đi.
Não lòng thay lúc biệt ly,
Bỗng dưng kẻ ở người đi rã rời.
Sang phía Tây tìm nơi lẩn tránh,
Cảnh chơ vơ, cô quạnh, đau thương.
My, Ngu xưa cũng một phường[1]*,*
Ai làm nên nỗi dặm trường gian truân.
Xưa nhà Hạ có suy có bại,
Một lữ, thành dấy lại cơ đồ[2]
Giáo gươm thượng quốc giùm cho,
Nằm gai nếm mật vua lo đủ điều.
Ví xã tắc có nhiều người giỏi,
Phận thuyền quyên đâu phải gian nan.
Khoảng năm Quý Sửu đồn sang,
"Châu trời" tin ấy bàng hoàng một phen[3]*.*
Nghĩ vì lẽ dân đen mong mỏi,
Nên Tây Sơn kia nói sai ngoa,
Đến khi vận nước mở nhà,
Sứ thần sang, mới biết là không sai.
Ví ngọc nát, về nơi chín suối,
Hương hồn khôn bạn với tiên quân[4]*.*

---

1. My Châu, vợ Trọng Thủy; Ngu Cơ, vợ Hạng Võ; cả hai người con gái đều chết trong cảnh loạn lạc, rồi My Châu hóa thành viên ngọc, Ngu Cơ hóa thành cỏ thơm.

2. *Lữ, Thành:* Xem chú thích ở cuối hồi thứ mười.

3. Chỉ tin Chiêu Thống chết.

4. Hai câu này ý nói, nếu hoàng phi chết trước đi thì hương hồn không được làm bạn với vua Lê, lúc đó thi hài còn ở Trung Quốc.

Mười sáu năm, biết mấy lần,
Rắp theo Tôn muội làm thân chết chìm[1].
Khiến gia thuộc dò tìm mấy độ,
Lên ải quan hỏi rõ nguyên nhân.
Thề sang tới mộ cố quân,
Quyết liều tính mệnh với khăn lụa là.
Sống là khó, xưa đà có biết,
Nay hay đâu muốn chết cho ngay.
Cơ trời sao khéo vần xoay,
Quan trên đã lấy việc này tâu lên.
Cho về nước, vua liền có chỉ,
Tiết Trung thu, Giáp Tý vừa qua.
Vội vàng lên đón linh xa,
Cháo cơm biếng nuốt, mặt hoa võ vàng.
Thuyền đủng đỉnh Lô Giang qua bến,
Kiệu loan che, rước đến từ đường.
Thần liêu dâng chén quỳnh tương,
Trông lên, trăm họ đôi hàng lệ sa.
Tình khuê phụ thật là khó vẽ,
Rửa nước thơm làm lễ gọi là.
Mở quan, cúi mặt nhìn qua,
Chắp tay vái lạy lệ nhòa hai mi.
Cầm thuốc độc thầm thì từ tạ
Lui vào màn uống cả một hơi,
Trẻ già ai nấy rụng rời,
Triều đình nghe tiếng bồi hồi tiếc thương.
Ban gấm vóc bạc vàng phúng viếng,
Bao vần thơ lên tiếng ngợi khen.
Khen thay! một chết phỉ nguyền,
Thơm tho muôn thuở con thuyền thanh danh.

---

1. Tôn muội tức em gái Tôn Quyền và là vợ Lưu Bị thời Tam Quốc. Tôn muội bị anh bắt về ở bên Giang Đông; lúc Lưu Bị đánh Giang Đông bị bại, có tin đồn Lưu Bị đã chết, Tôn muội bèn nhảy xuống sông tự tử. Ở đây ý nói hoàn cảnh chưa cho phép Lê hoàng phi chết được như Tôn muội.

Kìa khuê các ngọc lành hiếm có,
Sá chi tuồng mộ vũ triêu vân [1].
Đai vàng nọ đứa nịnh thần,
Một đời ton hót làm thân gian tà.
Kịp đến lúc sơn hà biến đổi,
Trước quân thù quỳ gối, chắp tay.
Lạnh lòng khi đọc thơ này,
Khác nào roi quất, mặt dày mày ê.
Thân khuê các giúp bề Tiết giáo,
Mặt phấn son phụ đạo Cao hình [2]
So thơ Cù, Cát đã dành [3],
Trúc Tương vẫn đẹp lưu danh muôn đời [4].
Người xưa làm việc dễ rồi.
Nay làm việc khó không người đó sao [5]?

Bài này do bề tôi cũ của nhà Lê là Đồng bình chương sự Tô Phái hầu Nguyễn Huy Túc làm.

Tổng trấn Bắc Thành là Thành quận công [6] đem việc ấy để đạt lên. Vua Gia Long bèn hạ chỉ ban khen, sai lập đền ở quê hoàng phi là xã Tỳ Bà thuộc huyện Lương Tài để thờ; cấp ruộng tế và tha thuế khóa cho dân làng ấy để dùng vào việc đèn nhang thờ cúng; lại sai dựng bia khắc chữ nêu gương tiết hạnh.

---

1. *Mộ vũ triêu vân:* Chiều mưa sớm mây. Nguyên ở tích Sở Tương Vương đi chơi Vân Mộng, nằm mơ thấy một vị thần nữ chung chăn gối với mình, khi từ biệt có nói rằng: Nhà thiếp ở phía nam non Vu, sớm làm mây chiều làm mưa... Sau người ta thường dùng chữ "mây mưa" để chỉ việc trai gái giao hoan. Ở đây ý nói không thiết gì đến chuyện ái ân nữa.

2. *Tiết giáo, Cao hình* là việc giáo dục của ông Tiết và việc hình án của ông Cao Dao; hai ông này đều là những danh thần mẫu mực dưới thời vua Thuấn.

3. Thơ *"Cù mộc"* và thơ *"Cát đàm"* trong *Kinh Thi*, nội dung đều ca ngợi các bà hậu phi nhà Chu.

4. Tương truyền vua Thuấn chết ở núi Thương Ngộ, hai vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đến viếng, khóc lóc thê thảm, nước mắt thấm vào các khóm trúc xung quanh, thành ra các cây trúc có vằn rất đẹp. Tục gọi là "trúc Tương phi" hoặc "trúc Tương". Sau hai bà nhảy xuống sông Tương để chết theo chồng.

5. Hai câu này ý nói chết ngay theo chồng như hai bà vợ vua Thuấn xưa đã làm, là một việc dễ; còn chịu đựng đau khổ trong một thời gian dài rồi mới chết theo chồng như Lê hoàng phi, là việc khó.

6. Tức Nguyễn Văn Thành.

Còn các bề tôi đi trốn theo vua Lê thì đến mùa hè, năm Tự Đức thứ 14 (1860), các quan ở Bộ theo lời bàn kê rõ lý lịch, vâng chỉ dụ của nhà vua cho lập đền thờ ở phía tây thành Thăng Long, tại phường Thụy Chương, thuộc huyện Vĩnh Thuận. Thứ tự các bài vị đều sắp đặt theo như lời bàn của Bộ. Chính giữa là linh vị của Trường Phái hầu Lê Quýnh đặt thụy hiệu là "Trung Nghị". Bên tả bày linh vị của mười một người gồm có Đề lĩnh Nguyễn Viết Triệu, Thượng thư Bút phong Đình Giản, Đinh Võ hầu Trần Quang Châu, Trần Danh Kệ, Hữu thị lang Nguyễn Huy Diệu, Trấn thủ Lê Hân, Chỉ huy Lê Doãn Trị, Chưởng tứ bảo Lê Quý Thích, Nguyễn Hùng Trung, Lê Tùng, Tả tham chính Kinh Bắc là Bình vọng Lê Trọng Thường. Bên hữu bày linh vị của mười một người, gồm có Tĩnh nạn công thần Trần Danh Án, Thanh hình hiến phó sứ Tuyên Quang Nguyễn Đình Viện, Nội thị Nguyễn Quyên, Trần Đĩnh, Đốc đồng Nguyễn Quốc Đống, Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Đình Miên, Đoàn Thận Xưởng, Võ úy Nguyễn Trọng Du, Lê Thức, Cận Quang hầu Phạm Như Tùng. Tất cả hai mươi hai người ấy đều được đặt thụy hiệu là "Trung Mẫn".

Ngoài ra ở phía đông thờ năm người là Nguyễn Ngọc Liễn, Vương Triệu, Vương Trấn Thiều, Tôn Hạp, Lê Diên Định. Ở nhà phía tây thờ năm người là Trần Lương, Trần Đăng, Vũ Trọng Dật, Trần Dần, Trần Hạc.

Từ Lê Quýnh trở xuống cộng ba mươi ba người, trên đầu đều đề là "Cố Lê tiết nghĩa thần" [1] và ngôi đền cũng là "Cố Lê tiết nghĩa từ". [2] Việc ấy nêu lên ý nghĩa giáo huấn của triều đình, là muốn gạn đục khơi trong và bồi đắp phong tục, khiến cho người sau xem đấy cũng biết rằng: Vì nước, người ta dù có phải chịu khốn khổ trong một lúc mà vinh quang sẽ lưu truyền muôn thuở vậy.

1. Các bầy tôi tiết nghĩa thời Lê.
2. Đền thờ các bậc tiết nghĩa thời Lê.

NGÔ THÌ TRÍ

(1766 -?)

Hiệu là Dưỡng Hạo, là con của Ngô Thì Sĩ và là em thứ ba của Ngô Thì Nhậm. [1] Không có tài liệu nào ghi rõ năm sinh năm mất của ông. Căn cứ vào bài văn tế người em ruột làm Tham tri bộ Lại *(Tế thân đệ Lại bộ tham tri văn)*, mà tác giả ghi "viết năm Nhâm Ngọ" (tức 1822), trong đó nói ông 57 tuổi để tính, có thể biết ông sinh năm 1766, còn mất thì dĩ nhiên là sau năm 1822. Ngô Thì Trí từng giữ chức Hữu thị lang bộ Hộ, tước Bính Trạch hầu dưới thời Tây Sơn.

Tác phẩm của Ngô Thì Trí có *Sóc Nam thành kinh* bao gồm các bài thơ, phú, văn xuôi, tất cả đều viết bằng chữ Hán. Ngô Thì Trí là một nhà văn hay suy ngẫm những vấn đề triết lý. Lập trường của ông có tính chất Nho giáo. Điều đó thể hiện khá rõ trong chủ trương của ông, "khi chưa gặp thời thì ta làm Sào Phủ, Hứa Do. Khi thỏa mãn thì ta làm Y Doãn, Chu Công". Nói là thế, nhưng hình như trong đời chưa bao giờ Ngô Thì Trí bế tắc đến phải làm Sào Phủ, Hứa Do, cũng như chưa bao giờ ông thành đạt như Y Doãn, Chu Công. Tình cảm và quan hệ mật thiết trong chừng mực nào đó của ông đối với nhà Tây Sơn thể hiện trong bài *Đăng Ải Vân phú*. Ở đây ông có những lời ca ngợi vua Quang Trung khá nồng hậu. Tác phẩm của Ngô Thì Trí được tuyển chọn lấy trong tác phẩm trên của ông, dựa theo bản *Ngô gia văn phái*, ký hiệu A 117a/19 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

1. Xem thêm chương Ngô Thì Nhậm.

和桐江侯元韻

吾儕同是出南衙
實踐工夫在不華
善惡從頭輪蟻轉
窮通到底隙駒過
居然順景心常泰
透了誠關樂更多
造物乘除愚者福
守雌小老意雲何

Phiên âm:

HỌA ĐỒNG GIANG HẦU NGUYÊN VẬN

Ngô sài đồng thị xuất Nam nha, [1]
Thực tiễn công phu tại bất hoa.
Thiện ác tùng đầu luân nghĩ chuyển,
Cùng thông đáo để khích câu qua.
Cư nhiên thuận cảnh tâm thường thái,
Thấu liễu thành quan [2] lạc cánh đa.
Tạo vật thừa trừ ngu giả phúc,
Thủ thư tiểu Lão [3] ý vân hà.

---

1. *Nam nha:* Thời Đường, phủ Tể tướng gọi là Nam nha. Nam nha còn có nghĩa nữa là chỉ các dinh thự ở về phía Nam cung vua. Ở đây tác giả dùng để chỉ giới Nho sĩ, quan lại nói chung.

2. *Thành quan:* Cửa đi vào con đường thành thực.

3. *Thủ thư tiểu Lão:* Do câu "Tri kỳ hùng thủ kỳ thư; Tri kỳ bạch thủ kỳ hắc", nghĩa là "Biết là con đực thì chọn lấy con cái; biết là trắng thì giữ lấy đen".

Dịch nghĩa:

HỌA NGUYÊN VẦN CỦA ĐỒNG GIANG HẦU

Bọn chúng ta đều xuất thân từ phái Nam nha,
Công phu là ở thực tiễn nhưng không phải phù phiếm.
Việc thiện ác từ đầu giống như con kiến bò vòng tròn.
Việc cùng thông cuối cùng giống như bóng ngựa câu qua khe vách.

Ở vào cảnh thuận tâm hồn thường thư thái,
Hiểu rõ được cửa "thành thực" thì vui sẽ nhiều thêm.
Luật thừa trừ của tạo vật là người ngu thường sung sướng,
Ông *"Lão Tử con"* thường "giữ mái" không biết nghĩ thế nào?

和明嶺侯元韻

泰爾天君樂我生
滔滔此外讓時英
旁無犬吠山仍靜
底沒魚遊水自清
風月儘宜騷客興
園林誰向懶夫爭
間來高倚南窗望
獨酌偏多設樹情

Phiên âm:

HỌA MINH LĨNH HẦU NGUYÊN VẬN

Thái nhĩ thiên quân [1] lạc ngã sinh,
Thao thao thử ngoại nhượng thời anh.

1. *Thiên quân:* Trái tim.

Bàng vô khuyển phệ sơn nhưng tĩnh,
Để một ngư du thủy tự thanh.
Phong nguyệt tận nghi tao khách hứng,
Viên lâm thùy hướng lại phu tranh?
Nhàn lai cao ỷ Nam song vọng,
Độc chước thiên đa thiết tháp [1] tình.

Dịch nghĩa:

HỌA THƠ MINH LĨNH HẦU

Trong lòng thư thái, vui với cuộc sống của mình,
Ngoài ra việc bon chen mặc kệ người đời.
Bên cạnh không có tiếng chó sủa, núi thường yên tĩnh,
Dưới đáy suối không có cá bơi, nước vẫn trong veo.
Gió trăng rất hợp với hứng thú của khách thơ,
Cảnh vườn ruộng ai tranh làm gì với ông lười?
Lúc nhàn, tựa cửa sổ phía Nam trông ngóng,
Một mình nhấp chén rượu lại thêm nỗi nhớ bạn, ngả
chiếc giường xuống đợi chờ.

Dịch thơ:

Nhởn nhơ vui thú tính trời,
Ngoài ra xin nhượng khách đời bon chen.
Non sâu tiếng chó sủa im,
Nước không cá lội mắt nhìn trong veo.
Gió trăng vui khách thanh tao,
Ruộng vườn ai độ thấp cao chú lười.
Khi nhàn tựa cửa trông vời,
Nghiêng bầu lại nhớ tình người tri âm.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

---

1. *Thiết tháp:* Đặt chiếc giường để đợi bạn. Xem chú thích bài Trần Phồn thời Hậu Hán có người bạn rất thân là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường để khi bạn đến thì mời ngồi, lúc bạn về thì treo giường lên.

寄示弟姪

誰教口腹役身忙，
曲徑岐嶇暗自傷.
風月怡君琴硯趣，
塵埃累我斗升塲.
龍蛇秖是安遭遇，
牛馬何須說短長.
惟有天倫誠樂事，
恒存忠厚保綏將.

Phiên âm:

KÝ THỊ ĐỆ ĐIỆT

Thùy giao khẩu phúc dịch thân mang,
Khúc kính khi khu ám tự thương.
Phong nguyệt di quân cầm nghiễn thú,
Trần ai lụy ngã đẩu thăng [1] trường.
Long xà chỉ thị an tao ngộ,
Ngưu mã [2] hà tu thuyết đoản trường.
Duy hữu thiên luân thành lạc sự,
Hằng tồn trung hậu bảo tuy tường [3].

---

1. *Đẩu thăng:* Một đấu một thưng, đơn vị để đong. Quan ngày xưa nhận lương bằng thóc gạo. Ở đây nói chuyện làm quan.

2. *Ngưu mã:* Ngựa trâu. Sách *Trang tử* nói: Người ta gọi là trâu, thưa rằng ta là trâu đây; người ta gọi là ngựa thưa rằng ta là ngựa đây. Ý nói không thèm so sánh hơn kém.

3. *Tuy tường*, lấy cở bài *Cù mộc*, trong *Kinh Thi*: "Phúc lý *tuy* chí... Phúc lý *tường* chí..." Nghĩa là "Phúc lộc làm cho yên ổn, Phúc lộc giúp cho người có đức nhân ái, hòa lạc".

Dịch nghĩa:

GỬI THƯ CHO EM VÀ CHÁU

Chỉ vì miếng ăn mà tấm thân nhọc nhằn,
Đi vào đường tất gập ghềnh, tự mình luống thương mình.
Cảnh gió trăng, các ngươi có thú vui đèn sách,
Trong trần ai, ta những lụy trường thăng đẩu.
Làm rồng làm rắn, chỉ là tùy duyên gặp gỡ,
Gọi trâu gọi ngựa, cần chi so sánh ngắn dài.
Chỉ có thiên luân là vui hơn cả,
Giữ một niềm trung hậu để yên hưởng phúc trời.

賀表甥奎岳侯奉使

是潘家子吳家甥
曾在中州慣姓名
華國文章皆左券
交鄰冠蓋即諳程
星槎續壯前遊請
龍閣增光此次行
早佇公完榮異渥
樂同把盞此班庭

Phiên âm:

HẠ BIỂU SANH KHUÊ NHẠC HẦU [1] PHỤNG SỨ

Thị Phan gia tử, Ngô gia sanh,
Tằng tại trung châu quán tính danh.

1. *Khuê Nhạc hầu:* Tước của Phan Huy Thực, con Phan Huy Ích.

Hoa quốc văn chương giai tả khoán [1],
Giao lân quan cái tức am trình.
Tinh sà tục tráng tiền du phả,
Giao lân quan cái tức am trình.
Tinh sà tục tráng tiền du phả,
Long Động [2] tăng quang thử thứ hành.
Tảo trữ công hoàn mông dị ốc,
Lạc đồng bả trản thướng ban đình [3].

Dịch nghĩa:

THƠ MỪNG CHÁU GỌI BẰNG CẬU LÀ KHUÊ NHẠC HẦU PHỤNG MỆNH ĐI SỨ

Là con nhà họ Phan và cháu ngoại nhà họ Ngô,
Tên tuổi ở Trung Quốc đã từng quen biết.
Văn chương làm đẹp cho nước, nổi tiếng xưa nay,
Mũ lọng đi bang giao, vốn đã quen đường.
Chuyến đi sứ lần này làm vẻ vang thêm cho chuyến đi lần trước,
Ở Long Động được hân hạnh đón chuyến đi này.
Mong việc công chóng thành, sẽ được ơn thưởng đặc biệt,
Khi ấy cùng nhau nâng chén rượu dâng trước ban đình.

1. *Tả khoán:* Khoán là khế ước. Khế ước thường làm hai bản gọi là "tả khoán" và "hữu khoán", mỗi bên cầm một bản để làm tin. Ở đây có ý nói việc giỏi văn chương là điều chắc chắn.

2. *Long Động:* Tên một động ở Lạng Sơn.

3. *Ban đình:* Sân của cha mẹ. Do tích Lão Lai thờ cha mẹ rất có hiếu. Tuổi ngoài bảy mươi mà ông còn mặc áo sặc sỡ ra sân múa, rồi giả vờ ngã khóc như trẻ con cho cha mẹ vui *(Hiếu tử truyện)*.

南行感興

輕輕兩袖出鄉關
到處江山眼界寬
千里馳驅元自許
一生慷慨未應閒
情多莫禁英雄淚
金盡何愁壯士顏
忠信仰憑天相吉
歸來庭院有餘歡

Phiên âm:

NAM HÀNH CẢM HỨNG

Khinh khinh lưỡng tụ xuất hương quan,
Đáo xứ giang sơn nhãn giới khoan.
Thiên lý trì khu nguyên tự hứa,
Nhất sinh khảng khái vị ưng nhàn.
Tình đa mạc cấm anh hùng lệ,
Kim tận hà sầu tráng sĩ nhan.
Trung tín ngưỡng bằng thiên tướng cát,
Quy lai đình viện hữu dư hoan.

Dịch nghĩa:

CẢM HỨNG TRÊN ĐƯỜNG ĐI VÀO NAM

Hai tay áo nhẹ nhàng, từ biệt quê nhà ra đi,
Cảnh sông núi khắp nơi làm cho tầm nhìn rộng mở.
Con đường nghìn dặm rong ruổi, đã tự hứa với mình,
Sống cuộc đời khảng khái, chưa thể nghỉ ngơi được.
Tình cảm nhiều, ai cấm người anh hùng rơi lệ,
Túi tiền hết không làm buồn khuôn mặt người tráng sĩ.
Giữ lòng trung tín, trời sẽ giúp cho những điều tốt đẹp,
Khi trở về gia đình sẽ vui vẻ biết chừng nào.

Dịch thơ:

Giã từ hương quán nhẹ băng miền,
Khắp nẻo non sông rộng mắt nhìn.
Muôn dặm ruổi rong lòng đã hẹn,
Một đời khảng khái há mong nhàn.
Anh hùng lệ rỏ vì đa cảm,
Tráng sĩ lo chi lúc hết tiền.
Trung tín nhờ trời cho mạnh giỏi,
Khi về vui hợp cảnh gia viên.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

登 隘 雲 山 賦

柔 兆 之 歲,
松 柏 維 月.
雨 雪 霏 以 載 途,
寒 威 凜 乎 欲 烈.
余 得 命 而 之 兵 場 兮,
稽 拜 辭 乎 天 闕.
乃 具 旅 斧,
乃 駕 征 鞍.
乃 由 柑 庯,
而 抵 育 攢.
乃 陟 富 家,
而 度 祿 安.

既捨舟而登陸,
及披衣而上山.
是山也.氣壓大河,
形吞海瀛.
石嶙峋其難攀,
樹陰深以交翠.
濤聲響虓,谷傳霄表之雷,
泉響鏘淘,雨落半空之水.
余窮山之顚降而察乎地輿之形,
乃知造化之設,非無意也.
今夫:山後一條,
自南徂東.
黃旗紫蓋,
旺氣鬱葱.
頓復起兮,形誇大險,
覔又窄兮,限設重封.
洵為交有興王極貴之地,
而斯山為留都之衛翼,蓋不為無功焉.
大抵;天之將啓是君也,
必岩鑿其門戶以為險,
山川其城郭以為固.
留處空閒之地,

使得端居高拱乎其間,以為大其所受.
我先皇帝;奮跡西山,
啓蓽藍縷,以有九有,
真與殷興於亳,周興於岐,而同一其揆度.
余固不願知山,而山寔知余有今日之
來者古矣
繄!行或使之,止或尼之,
行止由天,而非吾人之所能與知.
苟可窮吾足之所抵,
盡吾力之所當為.
蓋曾低泰山於拳石,
夫何有乎雲山之險夷.

Phiên âm:

ĐĂNG ẢI VÂN SƠN PHÚ

Nhu triệu chi tuế,
Tùng bách duy nguyệt.
Vũ tuyết phi dĩ tái đồ,
Hàn uy lẫm hồ dục liệt.
Dư đắc mệnh nhi chi binh trường hề,
Khể bái từ hồ thiên khuyết.
Nãi cụ lữ phủ,
Nãi giá chinh an.
Nãi do Cam Phố,
Nhi để Thanh Toàn.
Nãi trắc Phú Gia,
Nhi độ Lộc An.
Ký xả chu nhi đăng lục,
Nãi phi y nhi thướng san.
Thị sơn dã: Khí áp thiên hà,
Hình thôn hải thệ.

Thạch lân tuân kỳ nan phan,
Thụ âm thâm kỳ giao thúy.
Đào thanh hưởng lượng, cốc truyền khung biểu chi lôi;
Toàn hưởng khanh oanh, vũ lạc bán không chi thủy.
Dư cùng sơn chi điện, giáng nhi sát hồ địa dư chi hình;
Nãi tri tạo hóa chi thiết, phi vô ý dã.
Kim phù: Sơn hậu nhất điều,
Tự nam tổ đông.
Hoàng kỳ tứ cái,
Vượng khí uất thông.
Đốn phục khởi hề, hình khoan thiên hiểm;
Khoan hựu chích hề, hạn thiết trùng phong.
Tuân vi Giao Nam hưng vương cực quý chi địa;
Nhi tư sơn vi lưu đô chi vệ dực, cái bất vi vô công yên.
Đại để: Thiên chi tương khải thị quân dã,
Tất nham hác kỳ môn hộ dĩ vi hiểm,
Sơn xuyên kỳ thành quách dĩ vi cố.
Lưu nhất xứ không gian chi địa,
Sử đắc đoan cư cao củng hồ kỳ gian, dĩ vi đại kỳ sở thụ.
Ngã Tiên hoàng đế, phấn tích Tây Sơn,
Khải tất lam lũ, dĩ hữu cửu hữu.
Chân dữ Ân hưng ư Bạc, Chu hưng ư Kỳ, nhi đồng nhất kỳ quỹ độ.
Dư cố bất nguyện tri sơn, nhi sơn thực tri dư hữu kim nhật
chi lai giả cổ hỹ.
Ế! Hành hoặc sử chi, chỉ hoặc nạt chi,
Hành chỉ do thiên, nhi phi ngô nhân chi sở năng dữ tri.
Cẩu khả cùng ngô túc chi sở để,
Tận ngô lực chi sở đương vi,
Cái tằng đê Thái Sơn ư quyền thạch,
Phù hà hữu hồ Vân Sơn chi hiểm di.

Dịch thơ:

BÀI PHÚ LÊN ĐÈO ẢI VÂN

Năm Bính Thìn[1]*;*
Tháng rét mướt.
Mưa bay phơi phới đầy đường;
Tiết trời căm căm lạnh buốt.
Ta vâng mệnh đi ra chiến trường;
Cúi đầu bái từ ngoài cửa khuyết.
Người đủ vũ khí;
Ngựa thắng cương yên.
Liền từ Kiềm Phố;
Mà đến Thanh Toàn.
Lại vượt Phú Gia;
Sang đò Lộc An[2]
Đã bỏ.thuyền mà lên bộ;
Lại vén áo mà trèo non.
Ngọn núi này: Hơi bốc ngất sông trời;
Hình thế trùm bến biển.
Cây rậm rạp xanh tươi;
Đá lởm chởm khó vịn.
Ý ầm sóng vỗ, như sấm vang hang núi, vọng trời cao;
Sầm sập suối reo, tựa mưa đổ lưng không, dòng nước xối.
Ta từ đỉnh núi, xuống xem hình thế nơi này;
Mới biết tạo hóa an bài hẳn có ý vậy.
Kìa xem: Sau núi một dải,
Từ Nam sang Đông.
"Cờ vàng", "lọng tía"[3]*,*
Khí vượng mông lung.
Cao lại thấp chừ, hình thế hiểm trở;
Rộng lại hẹp chừ, ngăn cách mấy vòng.

---

1. *Năm Bính:* Dịch "Nhu triệu". Theo Lịch thư xưa, từ năm *Giáp đến năm Quý* gọi là thập can, mỗi năm có một tên, "Nhu triệu" là tên của năm "Bính". Thời gian Ngô Thì Trí làm quan với nhà Tây Sơn thì năm Bính tức Bính Thìn (1796).

2. *Các tên đất:* Cam Phố, Thanh Toàn, Phú Gia, Lộc An chưa rõ vị trí

3. Ở vùng này có những núi mang tên "Núi Cờ", "Núi Lọng".

Thật là, đất dấy nghiệp vương dưới trời Nam rất quý,
Mà núi này làm nơi hộ vệ chốn đô kỳ thật có công.
Thường thì:
Khi trời sắp mở vận cho đấng vương giả,
Tất lấy động khe làm cửa ngõ, để được hiểm trở
Lấy núi sông làm thành quách, để được kiên cố.
Dành ra một khoảng không gian,
Để có thể ngồi yên ổn, vững vàng mà giữ mệnh trời trong đó.
Đấng Tiên hoàng đế, khởi nghĩa Tây Sơn
Chín cõi thu về, trải bao gian khó.
Khác nào nhà Ân dấy ở đất Bạc [1]*, nhà Chu dấy ở núi Kỳ* [2]*, cùng một khuôn khổ.*
Ta vốn không muốn biết núi, mà núi thực biết ta có ngày nay đến tại chỗ.
Ô! Đi bởi có sai khiến, dừng bởi có ngăn lại [3]*.*
Đi hay dừng đều do trời, đâu người ta có thể biết tới!
Ví bằng, chân ta có thể đi đến cùng, sức ta có thể làm được mãi,
Thì có thể vít núi Thái Sơn xuống bằng một nắm tay,
Chứ núi Ải Vân này đâu có thể làm trở ngại.

Dương Minh và Thạch Can *dịch*

---

1. *Đất Bạc:* Kinh đô nhà Thương (sau đổi là Ân) vị trí ở vào khoảng huyện Thượng Khưu tỉnh Hà Nam, Trung Quốc ngày nay.

2. *Núi Kỳ:* Nơi phát tích của nhà Chu, vị trí ở vào vùng Đông Bắc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc ngày nay.

3. Câu này lấy nguyên văn một câu trong thiên *Lương Huệ Vương* sách *Mạnh Tử*.

山海徑賦

山南南上,
銳江之渚.
地山雙靑,
糸稱口矢.
養浩子蓋其人之小名字也.
子性質意放外繩尺,
琴棋詩畫雖各有涉獵.然所志不存.
晩於所居之窮僻.
植花卉,設側海,積壘石以為寄玩之所.
因以山海徑名.蓋取陶淵明三徑之徑也.
客有至者
揖予問曰:
嗟嗟吾子,
所見何蝸.
天下名山大川,奇峰秀水多矣.
縱有喬彭之年,夸父之力.詎能窮其造設耶.
子不好天下之大觀,顧乃區區於人為小巧,
所謂睹拳石而輕泰山,
以杯水而擬滄海非子而何?

余答之曰:
夫山不在高,有仙則名.
水不在深,有龍則靈.
大凡:
稱詩者,談征戍羈旅則佳.談王侯卿相則俗.
繪畫者,寫丹楹紺殿則濁,寫柴門野店則清.
故山或高於岱,華而不入於版圖.
水或深於桃源而不齒於品評.
是以善觀天者,不觀天於天,而觀天於理.
善觀山水者,但當即其動靜之体,
而不必相其高深之形.
何必窮虎豹之窟,抵魚龍之墟,然
後足以盡吾洒落之情哉.
今夫吾之山海也.
匪淩何淵,
匪升何桑.
柯斧不傷,
罩罟不張.
獸無猛而藜可採.
水常甘,而波不揚.
蓋隱然有庭草溪流之思.
縱然移蓬萊之山,挽瀛洲之水,
而出色塵世,為樂吾之樂則未也.
遂酌客而為歌之曰:
岧嶢萬仞兮,何石非山.
更有心之堅貞兮,覺移轉之較難.
汪洋千頃兮,何波非水.
還有量之浩天兮,匪滿澄得易.
故曰:當求夫形而上之道;
而不當窒夫形而下之器.
若夫泰山之高,滄海之大,皆其間之物附.

Phiên âm:

SƠN HẢI KÍNH PHÚ

Sơn Nam nam thượng,
Nhuệ giang chi chử.
Địa xuất Song Thanh,
Hệ xưng "khẩu" "thỉ".
Dưỡng Hạo tử cái kỳ nhân chi tiểu danh tự dã.
Tử tính chất ý, phóng ngoại thằng xích.
Cầm kỳ thi họa, tuy các hữu thiệp liệp, nhiên nhi sở chí bất tồn.
Vãn ư sở cư chi cùng tịch.
Thực hoa hủy, thiết trắc hải, tích lũy Thạch, dĩ vi ký ngoạn chi sở
Nhân dĩ Sơn Hải Kính danh, cái thủ Đào Uyên Minh "Tam Kính" chi Kính dã.

Khách hữu chí giả,
Ấp ngã vấn viết:
Ta ta ngộ tử,
Sở kiến hà oa?
Thiên hạ danh sơn, đại xuyên, kỳ phong tú thủy đa hỹ.
Túng hữu Kiều Bành chi niên, Khóa Phủ chi lực, cự năng cùng kỳ tạo thiết da?
Tử bất hiếu thiên hạ chi đại quan, cố nãi khu khu ư nhân vi chi tiểu xảo.
Sở vị đổ quyền thạch nhi khinh Thái Sơn,
Dĩ bôi thủy nhi nghĩ thương hải, phi Tử nhi hà?
Dư đáp chi viết:
Phù: Sơn bất tại cao,
Hữu tiên tắc danh.
Thủy bất tại thâm,
Hữu long tắc linh.
Đại phàm:
Xưng thi giả, đàm chinh thú cơ lữ tắc giai; đàm vương hầu khanh tướng tắc tục.
Hội họa giả, tả đan doanh, cam điện tắc trọc; tả sài môn dã điếm tắc thanh.
Cố sơn hoặc cao ư Thái, Hoa nhi bất nhập ư bản đồ;
Thủy hoặc thâm ư Đào Nguyên nhi bất xỉ ư phẩm bình.

Thị dĩ thiện quan thiên giả, bất quan thiên ư thiên, nhi quan thiên ư lý.

Thiện quan sơn thủy giả, đãn đương tức kỳ động tĩnh chi thể, nhi bất tất tướng kỳ cao thâm chi hình.

Hà tất cùng hổ báo chi quật, đế ngư long chi khư, nhiên hậu túc dĩ tận ngô sái lạc chi tình tai?

Kim phù, ngô chi sơn hải dã:

Phỉ lăng hà uyên,
Phỉ thăng hà tang.
Kha phủ bất thường,
Tráo cổ bất trương.
Thú vô mãnh, nhi lê khả thái,
Thủy thường cam, nhi ba bất dương.

Cái ẩn nhiên hữu đình thảo khê lưu chi tứ.

Túng nhiên di Bồng Lai chi sơn, vãn Doanh Châu chi thủy, nhi xuất sắc trần thế, vị lạc ngô chi lạc tắc vị dã.

Toại chước khách nhi ca chi viết:
Thiều nghiêu vạn nhận hề, hà thạch phi sơn?
Cánh hữu tâm chi kiên trinh hề,
Giác di chuyển chi hiệu nan.
Uông dương thiên khoảnh hề, hà ba phi thủy?
Hoàn hữu lượng chi hạo đại hề,
Phỉ hào trừng chi đắc dị.
Cố viết: Đương cầu phù hình nhi thượng chi đạo,
Nhi bất đương chất phù hình nhi hạ chi khí.
Nhược phù Thái Sơn chi cao, thương hải chi đại, giai kỳ gian chi nhất vật nhĩ.

Dịch thơ:

BÀI PHÚ SƠN HẢI KÍNH

Trấn Sơn Nam Thượng,
Bến bờ sông Nhuệ.
Quê làng Song Thanh [1]
Họ là "Khẩu Thỉ" [2]
Dưỡng Hạo Tử, đó là tên tiểu tự [3].
Tính chất, ý chí ông ta phóng khoáng ra ngoài khuôn khổ.
Cầm, kỳ, thi, họa, tuy có biết qua loa, nhưng chí không ham không mộ.
Gần đây lại thích ở nơi hẻo lánh, ít ai nhòm ngó.
Thích trồng cỏ hoa, xây bể cạn, chất non bộ,
Để làm nơi thưởng ngoạn và lấy chữ "Sơn Hải Kính" đặt tên cho nó.
Ấy là lấy chữ "Kính" ở "Tam kính" của Đào Uyên Minh đó [4].
Bỗng có khách lại chơi,
Tay vái, miệng cất lời:
Ô, ông này rõ thật,
Sở kiến sao hẹp hòi
Trong thiên hạ biết bao biển rộng núi cao, non xanh nước biếc,
Ví thử thọ như Kiều, Bành [5], *khỏe như Khoa Phủ* [6], *làm sao làm mãi thế này thôi?*

---

1. *Song Thanh:* Làng Tả Thanh Oai (tức Làng Tô) thuộc huyện Thanh Oai (Hà Tây) quê hương Ngô Thì Trí; do tên làng và tên huyện đều có chữ Thanh, nên gọi là Song Thanh (hai Thanh).

2. *Khẩu Thỉ:* Chữ "khẩu" 口 với chữ "thỉ" 矢 là chữ Ngô 吴 họ tác giả.

3. *Tiểu tự:* Ngày xưa những gia đình văn học lúc mới đẻ ra đặt tên gọi là "nhũ danh" (tức tên mụ) đến tuổi thành niên mới đặt tên "tiểu tự" (cũng gọi tên chữ).

4. *Tam kính:* Trong bài *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm có câu "Tam kính tựu hoang, tùng cúc do tồn" (ba lối đi đã hoang vu, cây tùng cây cúc hãy còn) người sau lấy chữ "tam kính" làm thuật ngữ chỉ người ở ẩn.

5. *Kiều, Bành:* Kiều tức Vương Tử Kiều người nhà Chu đi tu thành tiên; Bành tức Bành Tổ sống lâu 800 tuổi.

6. *Khoa Phủ:* Theo *Sơn Hải kinh:* Khoa Phủ là một vị thần, có sức khỏe, quyết đuổi theo mặt trời.

Ông không thích cái đại quan trong thiên hạ, mà chỉ ham
cái tiểu xảo tự tay làm,
Điều người ta bảo: "Thấy hòn cuội mà khinh Thái Sơn,
đem chén nước mà so biển cả", không phải ông thì còn ai?
Ta đáp lại rằng:
Ôi! Núi không cần phải cao,
Có tiên thì nổi danh.
Nước không cần phải sâu,
Có rồng thì mới linh.
Đại phàm:
Bậc thi nhân tả cảnh chinh thú, cơ lữ [1] *thì hay, tả vương*
hầu khanh tướng thì tục;
Nhà họa sĩ vẽ cảnh đài son điện tía thì đục, vẽ cửa sài
điếm cỏ thì thanh.
Cho nên, có trái núi cao hơn núi Thái, Hoa [2] *mà không*
vào tranh vẽ;
Có dòng nước sâu hơn Đào Nguyên [3] *mà không đáng*
phẩm
bình.
Bởi thế, người giỏi nhìn trời, không nhìn trời ở trời mà
nhìn trời ở lý; [4]
Người giỏi nhìn sơn thủy chỉ nên thâu suốt cái động tĩnh
của thể, mà không chú ý vào cái cao sâu của hình. [5]
Hà tất phải vào tận hang hổ báo, xuống tận vực cá rồng
mới đủ để phóng khoáng mà thỏa tình ru?

---

1. *Chinh thú, Cơ lữ:* Chinh thú là cảnh nơi xa xôi biên tái biên phòng; cơ lữ là cảnh ở nơi đất khách.

2. *Thái Hoa:* Tức là Thái Sơn, Hoa Sơn là những núi trong năm ngọn núi (Ngũ Nhạc) nổi tiếng ở Trung Quốc.

3. *Đào nguyên (Nguồn Đào):* Truyện *Đào Hoa Nguyên ký* của Đào Tiềm chép một ngư phủ đi đánh cá, đi mãi lạc vào nguồn đào, ở nơi đây trồng rất nhiều đào, cảnh đẹp như cảnh tiên.

4. Đây là một câu triết lý xưa, ý nói khi xem xét trời không phải là xem xét ở bầu trời mây trắng sao mà cần xem xét ở thiên lý.

5. Đây cũng là một câu triết lý. Trong sách *Luận ngữ*, Khổng Tử nói: "Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn, trí giả động, nhân giả tĩnh" (Người trí thích nước, người nhân thích núi, người trí động, người nhân tĩnh) ý ở đây nói: cái bản thể của nước là động, cái bản thể của núi là tĩnh. Cái hình tượng của núi là cao, cái hình tượng của nước là sâu.

Kìa xem núi, bể của ta:
Không chìm xuống vực,
Không nổi nương dâu.
Không tiều phu hái củi,
Không ngư phủ buông câu.
Không thú dữ mà có rau để hái,
Nước thường ngọt chẳng có sóng tuôn trào.
Chỉ mới ngắm có cái tứ suối khe cây cỏ,
Còn như đem dời về đây non Bồng nước Nhược mà xa lánh bụi trần, để vui cái vui của ta thì chưa phải đã đủ.
Bèn rót rượu mời khách mà ca rằng:
Cao cao muôn nhận chừ,
Đá nào chẳng phải là non?
Chỉ cần lòng kiên trinh chừ,
Sông nào chẳng phải là nước.
Lại còn có cái lượng mênh mông chừ,
Đâu thể đục trong pha trộn được.
Cho nên: Cái đạo "hình nhi thượng" thì nên suy cầu,
Cái khí "hình nhi hạ" thì đừng vướng mắc [1]
Còn như: Cao như non Thái, rộng như biển khơi,
Đều chỉ là một vật trong đó mà thôi.

Dương Minh và Thạch Can *dịch*

1. "Hình nhi thượng" là cái siêu vật chất, khái niệm xưa để chỉ cái đạo. "Hình nhi hạ", khái niệm xưa là khí, tức là cái vật chất.

無說

天下之理,至於無而極矣.紛紛萬有,皆生於無,而藏於無.故贊天之極曰:無聲無臭.贊道之極曰:無方無體.此可以達理者言也.今夫天也,雷電風雨,星宿,霜露,無一不有.至於朔望之迭本繼,寒暑之代序,春之生,夏之長,秋之斂,冬之藏,妙行生於何言,極化成乎無跡.夫非天之無乎.若夫道也者,上而天文,下而地理,中而人倫,無乎不有.然極其至於不動而化,不見而章,不思而得,不勉而中,無為而成,此又非道之無乎?

釋家見理亦甚明,故其言曰:無色無相,即吾所謂無聲臭也.曰無量無邊,即吾所謂無方無體也.但他欲跳出得過,所以不待寂而自滅,不待無而自捨,恰似生拍一般.殊不及吾聖人從容中道也.雖然天者理而已,而道之原出於天.天則誠,誠則不息,不息則悠久無疆.此天之所以為天,而道之所以常存於周流磅礴間,無有終極者也.

佛氏以寂滅為事,以虛無為宗.至於梵宇遍天下,金身塞世界,畢竟欲滅也.不得,欲捨也不得,而終於不能無者,何也.蓋無之為說,茫乎渺焉有有無之無,有虛無之無.有無之無者,無而有也.若體認不到,則其流弊將必把事事物物都擺脫去了.其不胥天下而盡歸於烏何有之鄕者幾希.

吾儒讀聖賢書亦惟窮理盡性,以至於命,攻乎異端斯害也已.至若通塞運也,盈虛數也,平陂往復理也.蠖何為而屈,龍何為而飛,君子何容心焉.

朱考亭感興詩云:玄天幽且默仲尼欲無言,小子其敢不於是乎服膺.

Dịch nghĩa:

THUYẾT CHỮ "VÔ"

Lẽ trong thiên hạ đến "không" là cùng cực. Muôn cái có bời bời đều sinh ra ở cái không và ẩn nấp ở cái "không". Cho nên khi tán tụng cái cực điểm của trời thì nói: "không tiếng không hơi". Khi tán tụng cái cực điểm của đạo thì nói: "không phương, không thể". Điều đó có thể nói với người đạt lý được. Này như trời đất, sấm chớp, gió mưa, trăng sao, sương móc không một thứ gì là không "có". Rồi đến ngày sóc (mồng một) ngày vọng (ngày rằm) kế tiếp nhau, mùa rét, mùa bức thay đổi nhau, mùa xuân sinh, mùa hạ lớn, mùa thu lượm, mùa đông cất, sự vận hành huyền diệu sinh ra từ chỗ "không nói", sự biến hóa cùng cực thành công ở chỗ "không dấu vết gì". Đó không phải là cái không của trời ư? Còn như đạo, trên thì thiên văn, dưới thì địa lý, giữa thì nhân luân, không gì không "có". Song đi đến chỗ cùng cực không động mà hóa, không hiện mà rõ, không nghĩ mà được, không gắng mà đúng, không làm mà nên. Đó không phải là cái "không" của đạo ư? Họ Thích (Phật) cũng đã thấy đạo rất rõ, cho nên họ Thích nói: "không sắc, không tướng", tức là cái mà ta bảo là "không tiếng, không hơi" đó. Họ Thích nói: "không lượng, không bờ", tức là cái mà ta bảo "không phương, không thể" đó. Nhưng họ Thích muốn nhảy quá xa cho nên không đợi "tịch" mà tự diệt mình đi, không đợi "không" mà xả mình đi, như là đập trái quả non vậy. Sao bằng được thánh nhân ta cứ thong thả mà đi đúng đường lối. Tuy nhiên trời chỉ là lẽ mà thôi, và đạo là gốc ở trời mà ra. Trời tức là "Thành" [1]. Thành thì không bao giờ ngừng, không ngừng thì dài lâu mãi mãi. Đó là cái sở dĩ làm trời, và cũng là cái mà đạo sở dĩ tồn tại ở trong vòng chuyển vần dày đặc không bao giờ hết. Phật chuyên chú về "tịch diệt" tôn sùng hư vô đến nỗi chùa Phật đầy trong thiên hạ, tượng vàng khắp cả cõi đời. Rút cục muốn "diệt" không được, muốn "xả" cũng không xong, đành chịu không thể nào mà "không" được. Thế là tại sao? Là tại cái thuyết về chữ "không" không rõ. Có cái "không" là "hữu vô tương đối"; có cái "không" là "hư vô" tuyệt đối. Cái "không" hữu vô là không mà có, tức là thuyết của nhà Nho ta; Cái

1. *Thành:* Thành thật, tự nhiên nhi nhiên. Không có ý giả thác gì ca

không hư vô là cái không là không, tức là thuyết của đạo Phật. Nếu thể nhận không đến nơi đến chốn thì sẽ trôi dạt đến chỗ tệ hại, đem các sự vật trút bỏ đi hết. Ít khi họ lại không đem cả thiên hạ mà quăng vào cái xóm "ô hà hữu" (không có gì hết). Nhà Nho ta đọc sách thánh hiền chỉ suy hết lẽ, nói hết tính để đến chỗ thuận với mệnh trời, nếu đem vào dị đoan thì thật là hại. Đến như thông tắc là vận, đầy vơi là số, bằng lệch, qua lại là lý. Còn tại sao con sâu đo lại cong, con rồng lại bay, người quân tử không cần để tâm đến. Thơ cảm hứng của Chu Khảo Đình (Chu Hy) có câu: "Trời thăm thẳm tối mà im lặng, Trọng Ni muốn không lời". Tiểu tử dám đâu không ghi lòng câu ấy.

Nguyễn Văn Tú *dịch*

人影問答記

余一日於書軒臨鏡,忽有一人造前,自稱銳江道子.余舉目視之,丰姿體貌酷肖於已,心甚怪之,揖之同坐,因笑謂余曰:吾子之道乎?余應之曰:昔吾夫子謂知之為知之,不知為不知,是知也.吾子以之.夫道之為體,其大無外.其小無內,自一身一家,推而至於國於天下,無物不有,無時不然.

至哉道乎.能貫徹而兼該之者鮮矣.是故孔門三千之徒一貫之旨.惟曾子曰唯.而舜之命禹,亦曰道心惟微,觀此則古人以學與道為一.凡學便是道,底到得極至處則夫達而在上,雖南面垂衣,而已苦不與.窮而在下,雖曲肱蔬食而樂在其中.用之則行,捨之則藏,於吾何有哉.時乎未遇,為巢.為由,志苟可行,為伊為周.蓋其處也,以身徇道,而其出也,以道徇身.聖賢不作,學道不明,世之為士者,學與道始岐而為二.故古人學問仁,今人亦從問仁字讀做去,而未必知所以為仁之道何.古人學問孝,今人亦從問孝字讀做去,而

未必知所以問孝之道何，古人學問政，今人
亦從問政，字讀做去，而未必知所以為政之
道何，他如事君忠，事長敬，待人恕，交友信，他
亦只要說自是如此。
元不知道為何物件，此後世之志所以不
及古之才，全德備者無他，學與書異，身與道
悖耳，賢者不能以博求，於是始設科目以限
人，然自科目之法行，而士之去道愈遠，馳騖
乎青紫之鄉者，尋章摘句惟係乎富貴之得
不得，又安知夫道糠秕耶，率此而行之，縱使
倖僥一第，將何所不至哉，有以之而阿諛取
容者，有以之而卑下凡猥者，有以之而欺君
誤國，殘民害物者，何莫非斯人也。
夫以學聖人之學，而其所行反戾於聖人
之道，若斯人輩，得非名教中之罪人歟。
余聞客言，沉思良久，曰：噫言道非難，知道
為難，知道非難，行道為難；知之而能行之，不
亦難乎，夫天生四民，士農工商；為士則行道
難，然則捨此而擇於三者之間，其何居？客
瞿然曰：吾子所見左矣，四民之中，惟士為貴，
而農次之，若夫工商末技，君子所不道，吾子
雖非小哲，然賢希聖，士希賢，乍聞吾子安之
知之答，諒非造道得半，縱未入室亦已升堂，
為山九仞，豈可虧功於一簣，吾子家世業儒，
祖宗之肇造，父兄之恢拓以有于今，茲功名
事業，如此其赫奕，文章道藝，如此其盛大，吾
子捨此，將何擇哉？莫如會聖賢之格言，以
究道之精蘊，發自家之機杼，以窮道之旨歸，
盈科而後進，無躐等以凌節，居易以俟命，無
枉道而求售，時辰未到，姑且養吾天子畎畝
之間，俟知子者以行子之志，則其輔斯世，長
斯民，以大吾斯道之用，凡皆吾子職分內事，
何難之有哉，余乃大悟，若深有契於心焉，遂

不覺大笑曰:古云,人心不同,如其面然.未有如子之與我,面同而心且同也.槩子者誰?莫是余否?曰:是.

Dịch nghĩa:

BÀI KÝ: NGƯỜI NÓI CHUYỆN VỚI BÓNG

Một hôm ta đang soi gương ở trong hiệu sách, bỗng có một người đến trước mặt, tự xưng là *Đạo tử ở Nhuệ Giang*. Ta ngừng mắt trông, thấy phong tư thể mạo giống hệt như mình, trong lòng lấy làm lạ, vái chào mời cùng ngồi. Người ấy cười mà bảo rằng: Bạn biết đạo chăng? Ta trả lời: Tôi chưa biết học, biết sao được đạo? Khách mới dịu nét mặt đáp rằng: Khi xưa Phu tử ta có dạy: "Điều gì biết thì nói là biết. Điều gì không biết, nói là không biết, thế là biết". Bạn đúng là người như thế. Nói đến cái bản thể của đạo thì rộng lớn hơn cái gì bao bọc ở ngoài đường, nhỏ bé không cái gì lọt vào trong được. Từ một thân, một nhà suy ra đến nước, đến thiên hạ, không vật gì là không có, không lúc nào là không tồn tại.

Đạo thực là rất mực! Những người có thể thông suốt được bao gồm đầy đủ thật là hiếm. Cho nên cửa Khổng ba ngàn học trò, mà cái ý "nhất quán", chỉ có Tăng Tử nghe hiểu được và đáp bằng một tiếng "dạ", Thuấn báo cho Vũ cũng nói: "Lòng đạo rất nhỏ". Xem thế cổ nhân cho học với đạo là một. Phàm học tức là đạo. Học đạo mà đến được mực cao nhất thì: nếu đạt mà ở địa vị trên, tuy mặc áo chùng ngồi ngoảnh mặt hướng nam cũng chẳng lấy thế làm sung sướng. Cùng mà ở địa vị dưới, tuy có cánh tay gối đầu, ăn cơm hẩm nhưng trong đó vẫn có cái vui. Dùng thì ra mà hành đạo, bỏ thì ẩn một nơi, điều đó đối với ta không quan hệ gì lắm. Khi chưa gặp được thời thì ta làm Sào Phủ, làm Hứa Do. Khi đã thỏa chí thì ta làm Y Doãn, làm Chu Công. Các vị ấy đều là những người ở nhà thì đem thân theo đạo, ra đời thì đem đạo theo thân cả. Từ khi thánh hiền không ra đời nữa đạo học không được rõ rệt. Người làm kẻ sĩ ở đời chia học với đạo ra làm hai. Thấy người đời xưa hỏi điều nhân để học thì người đời nay cũng đem chữ "hỏi nhân" đọc tràn đi, mà chưa chắc đã biết cái gọi là chữ nhân là như thế nào. Thấy người đời xưa hỏi

điều hiếu để học, thì người đời nay cũng đem chữ "hỏi hiếu" mà đọc tràn đi, mà chưa chắc đã biết cái gọi là hiếu là như thế nào. Thấy người đời xưa hỏi về chính sự để học thì người thời nay cũng đem chữ "hỏi về chính sự" mà đọc tràn đi, mà chưa chắc đã biết cái gọi là làm chính sự là như thế nào? Còn như chữ "trung" để thờ vua, chữ "kính" để thờ bậc tôn trưởng, chữ "thứ" để đối đãi với người, chữ "tín" để kết bạn, họ cũng chỉ nói được rằng: "lẽ phải như thế" chớ không biết được đạo là vật chi? Vì thế kẻ sĩ đời sau sở dĩ không được tài đức vẹn toàn như kẻ sĩ đời xưa chỉ là tại học khác với sách, thân trái với đạo mà thôi chứ không có cớ gì khác. Đối với các bậc hiền giả không thể tìm kiếm một cách viển vông được, bấy giờ người ta mới đặt ra khoa mục để hạn chế con người. Song từ khi bày ra khoa mục thì kẻ sĩ rời đạo càng xa, và đua nhau rong ruổi đi vào cái làng áo xanh áo tía. Tìm từng chương, nhặt từng câu, chỉ quan tâm đến sự được hỏng, mua giàu sang, còn biết đâu cái lối học ấy chỉ là cám bã của đạo mà thôi. Cứ theo con đường ấy mà đi rồi may mà thi đỗ, thì không biết họ sẽ đi đến đâu cho cùng? Có kẻ theo đó mà a dua nịnh hót, có kẻ theo đó mà làm những việc hèn mạt, bỉ ổi, có kẻ theo đó mà dối vua bán nước, tàn dân hại vật. Những tệ hại ấy sao không phải là do bọn người kia gây nên. Học cái học của thánh nhân, mà việc làm thì lại trái với đạo của thánh nhân, lũ người ấy há không phải là hạng người có tội trong danh giáo ư?"

Ta nghe khách nói ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: "Nói đạo chẳng khó, mà biết đạo mới khó. Biết đạo chẳng khó, mà làm được đạo mới khó. Biết mà làm được há chẳng khó lắm ư? Trời sinh có bốn hạng người là sĩ, nông, công, thương. Sĩ thì hành đạo khó, thế thì bỏ nghề sĩ mà chọn trong ba nghề kia coi nên làm nghề gì? "Khách ngạc nhiên nói:" Cách suy nghĩ của bạn thực là sai. Trong bốn hạng người chỉ có sĩ là quý nhất, nông là thứ hai, còn công với thương là mạt nghệ, quân tử không nói đến. Bạn tuy chẳng phải là bậc thượng triết nhưng xưa nay người hiền vẫn có thể với lên bậc thánh, kẻ sĩ vẫn có thể với lên bậc hiền. Vừa rồi tôi nghe câu "biết đâu" [1] của bạn biết rằng bạn chẳng phải là người hiểu đạo nửa chừng, nếu bạn chưa vào được nhà trong thì cũng đã lên tới nhà ngoài rồi. [2] Ví như đắp trái

---

1. Ở đoạn trên tác giả có nói: "Biết đâu lối học ấy chỉ là cám bã của đạo mà thôi".

2. *Luận ngữ:* Khổng Tử khen Tử Lộ: đã hiểu được đạo nhưng chưa sâu như người đã lên được nhà ngoài mà chưa vào tới nhà trong.

núi cao chín nhận (tám thước Trung Quốc) còn thiếu một sọt đất nữa là hoàn thành lẽ nào chịu bỏ? Nhà bạn nối đời nghiệp Nho, tổ tông gây dựng, cha anh khai thác, mới có ngày nay. Công danh sự nghiệp rực rỡ như thế, văn chương đạo nghệ lớn lao như thế. Bạn bỏ nghề ấy thì còn chọn nghề gì? Chi bằng tập họp những lời hay của thánh hiền, để xét đến chỗ tinh vi của đạo, phát huy nề nếp của nhà, để đi đến chỗ quy kết của đạo, như nước chứa đầy vũng rồi nước mới chảy, không vượt bậc để mất thứ tự, sống bình dị để đợi mệnh trời, không bẻ cong đạo mà đem bán rao. Thời giờ chưa đến thì hãy nuôi tính trời của ta ở nơi đồng ruộng, đợi đến khi có kẻ biết mình hãy đem chí hướng của mình ra mà thực hiện. Như vậy các việc giúp đời này, nuôi dân này sẽ làm cho công dụng của đạo mở ra rộng lớn hơn lên. Tất cả các việc đó đều là công việc trong chức phận của bạn cả, có khó gì đâu?"

Nghe khách nói ta mới bừng tỉnh ngộ như có điều gì in sâu vào lòng ta. Bất giác cả cười đáp rằng: Người đời xưa có câu: "Lòng người không giống nhau cũng như khuôn mặt". Chưa có ai được như ngươi với ta mặt giống nhau mà lòng cũng giống nhau.

Người là ai thế? Có đúng là ta không?

Khách đáp: "Đúng"!

Nguyễn Văn Tú *dịch*

NGÔ THÌ CHÍ

(1752 – 1788)

Tự là Học Tốn, hiệu là Uyên Mật, là con trai thứ hai của Ngô Thì Sĩ và là em ruột của Ngô Thì Nhậm. Chưa biết đích xác ông sinh mất năm nào. Căn cứ vào bài *Ất Tỵ khai bút đề* (Thơ khai bút năm Ất Tỵ) của ông, trong đó có câu "Thái tuế tại Ất Tỵ. Ngô niên tam thập tam" (Sao Thái tuế ở cung Ất Tỵ. Ta năm nay ba mươi ba tuổi). Ất Tỵ là năm 1785, tính ngược lên, có thể biết ông sinh năm 1752. Còn năm ông qua đời thì *Hoàng Lê nhất thống chí* ghi rõ là năm 1788. Ngô Thì Chí thi hương đậu Giải nguyên, làm đến chức Thiêm thư Bình chương tỉnh quốc. Khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần thứ hai, Lê Chiêu Thống sợ hãi bỏ chạy. Ngô Thì Chí cũng chạy theo Lê Chiêu Thống. Ông có dâng Lê Chiêu Thống bản *Trung hưng sách*, giúp triều đình những phương kế khôi phục nhà Lê, nhưng không kết quả. Ngô Thì Chí định lên Cao Bằng xây dựng cơ sở để chống Tây Sơn, đi giữa đường bị bệnh nặng, mất năm 1788.

Tác phẩm của Ngô Thì Chí có *Học Phi thi tập, Học Phi văn tập, Hòa mân khoa sớ tập* họp trong *Ngô gia văn phái*. Nhiều tài liệu nói ông là tác giả bảy hồi đầu của *Hoàng Lê nhất thống chí*.

題天台山

輕輕客袖拂清風，
獨立台山第一峰。
古蹟現留禪塔在，
俗僧歸去梵林空。
遍磨石篆求遺事，
遙向松陰盼故宮。
逸起悠悠茶未歇，
暮嵐何處響寒鐘。

Phiên âm:

ĐỀ THIÊN THAI SƠN [1]

Khinh khinh khách tụ phất thanh phong.
Độc lập Thai Sơn đệ nhất phong.
Cổ tích hiện lưu Thiền tháp tại,
Tục tăng quy khứ Phạn lâm không.
Biến ma thạch triện cầu di sự,
Dao hướng tùng âm phán cố cung. [2]
Dật khởi du du trà vị yết,
Mộ lam, hà xứ hưởng hàn chung.

Dịch nghĩa:

ĐỀ NÚI THIÊN THAI

Gió mát nhè nhẹ phất vào ống tay áo khách,
Một mình đứng trên ngọn cao thứ nhất núi Thiên Thai.
Dấu vết chỉ còn lại cây tháp Thiền trơ vơ,
Sư thầy đi rồi cảnh chùa Phật hoang vắng.
Lau chùi bia đá tìm xem việc cũ,
Xa ngắm bóng tùng lặng nhìn cung xưa.
Nổi hứng dạt dào, chén trà chưa uống cạn,
Khói chiều buông, ở nơi nao vẳng lại tiếng chuông chùa lạnh lẽo.

---

1. *Thiên Thai sơn:* Tức núi Đông Cứu, thuộc huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

2. *Cố cung:* Cung cũ: Chỉ hành cung do chúa Trịnh Cương và Trịnh Giang xây cất trên núi Thiên Thai (xem thêm bài "Tục Thiên Thai phú" của cùng tác giả và bài "Mộng Thiên Thai phú" của Ngô Thì Nhậm).

Dịch thơ:

Ống tay nhẹ phất gió hây hây,
Khách một mình trên đỉnh núi Thai.
Tháp Phạn ngẩn ngơ trơ dấu cũ,
Rừng Thiền hiu quạnh vắng sư thầy.
Việc xưa, lần đọc trên bia đá,
Cung cũ vời trông dưới bóng cây.
Hứng nối dạt dào, trà chửa cạn,
Khói chiều, văng vẳng tiếng chuông rơi.

Thạch Can *dịch*

野外荒祠

青田四望迥無人，
何處茅椽隱樹煙.
八面風吹門不鎖，
半株香冷案生塵.
瓦枰地上碁盤碎，
炭墨墙邊畫跡陳.
日暮停鞭舒遠眺，
村嵐如幕黍如雲.

Phiên âm:

DÃ NGOẠI HOANG TỪ

Thanh điền tứ vọng, quýnh vô nhân,
Hà xứ mao duyên ẩn thụ ân (yên).
Bát diện phong xuy, môn bất tỏa,
Bán châu hương lãnh, án sinh trần.
Ngõa bình địa thượng cơ bàn toái,
Thán mặc tường biên họa tích trần.
Nhật mộ đình tiên thư viễn diểu,
Thôn lam như mạc, thử như vân

Dịch nghĩa:

ĐỀN HOANG NGOÀI ĐỒNG

Nhìn bốn phía, ruộng xanh không một bóng người,
Mái nhà tranh ở nơi nào đó ẩn dưới làn khói rặng cây.
Tám bề gió lộng, cửa không cài then,
Nửa bát hương tàn, án thờ đầy bụi bậm.
Sập gạch trên mặt đất, nền móng nứt nẻ,
Bức tranh trên tường, nét vẽ mờ phai.
Buổi chiều dừng ngựa, buông mắt nhìn xa,
Khói bên thôn như giăng màn, lúa như mây nổi.

Dịch thơ:

Bốn mặt đồng xanh vắng bóng người,
Mái tranh thấp thoáng dưới lùm cây.
Tám bề lộng gió, đền hoang vắng,
Nửa bát tàn nhang, án bụi đầy.
Dưới đất, sập vôi nền nứt nẻ,
Trên tường, tranh vẽ nét mờ phai.
Chiều hôm dừng bước vời xa ngắm,
Khói xóm giăng màn, lúa tựa mây.

Thạch Can *dịch*

題于岸故園

咿喔鄰雞天向昏,
輕煙落寞罩孤村.
園花如昨人何在,
飛鳥歸巢樹不言.

Phiên âm:

ĐỀ VU NGẠN CỐ VIÊN

Y ốc thì kê thiên hướng hôn,
Khinh yên lạc mạc tráo cô thôn.
Viên hoa như tạc nhân hà tại?
Phi điểu quy sào thụ bất ngôn.

Dịch nghĩa:

ĐỀ VƯỜN CŨ VU NGẠN

Tiếng gà eo óc, trời ngả về chiều,
Khói nhẹ lưa thưa trùm lên thôn vắng.
Hoa vườn nở như cũ, người ở đâu rồi?
Chim bay về tổ, cây cối lặng thinh.

Dịch thơ:

Bóng ngả trời hôm, gà nháo nhác,
Chiều buông xóm lẻ, khói lưa thưa.
Hoa vườn như cũ, người đâu tá?
Chim tổ bay về, cây ngẩn ngơ.

Thạch Can *dịch*

寄題盤阿山

梁馬交流起石盤，
懸崖拱對插欄干。
先君遺跡乾坤大，
小子塵跟邂逅難。
曉嶺煙微懷煮茗，
秋江潦靜憶觀瀾。
十年情緒憑書信，
預遞尊巢一請安。

Phiên âm:

KÝ ĐỀ BÀN A SƠN [1]

Lương Mã giao lưu khởi thạch bàn,
Huyền nhai củng đối tháp lan can.
Tiên quân di tích càn khôn đại,
Tiểu tử trần căn giải cấu nan.
Hiểu lĩnh yên vi hoài chử mính,
Thu giang lạo tĩnh ức quan lan.
Thập niên tình tự bằng thư tín,
Dự đệ tôn sào nhất thỉnh an.

1. *Nguyên dẫn:* Núi ở bên cạnh tòa Hiến sát sứ xứ Thanh Hoa "Ổ đá" trên núi Bàn A do đấng tiên quân tôi sáng tạo. Hồi xưa lúc tiên quân tôi làm Hiến sát sứ, tôi và anh rể là Phan hầu (tức Phan Huy Ích) theo đến lỵ sở. Mỗi khi tiên quân tôi lên "ổ đá", chúng tôi được đi theo hầu. Từ khi tiên quân tôi thăng chức, bèn từ biệt núi. Nay ông anh rể lại lĩnh chức cũ của tiên quân tôi. Cảnh núi và cách làm quan vẫn như xưa, chỉ thời gian khác thôi. Ngày ông anh rể lên đường, tôi đi tiễn, nhân nhớ núi, gửi gắm tấm lòng trong một bài thơ.

Dịch nghĩa:

GỬI ĐỀ NÚI BÀN A [1]

Nơi Sông Lương, Sông Mã giao nhau nổi lên một núi đá lớn,
Chỗ đối diện trên sườn núi cheo leo đã xếp bậc như lan can.
Di tích của đấng tiên quân, một bầu trời rộng lớn,
Gót trần của đứa con nhỏ gặp lại thật khó khăn.
Nhớ lúc nấu trà khi núi buổi sớm khói nhẹ,
Nhớ khi xem sóng lúc sông mùa thu lũ êm.
Mối tình đã mười năm chỉ nhờ thư tín,
Xin dâng lên "động tôn nghiêm" một lời vấn an.

旅 壓 敘 舊

南北天涯久索遊,
萍蹤隨處各沉浮.
別來刮目多三日,
座右論心乍兩秋.
笠撮此行均客地,
衣冠故土是中州.
兵荒莫說流移事,
天地原來一大舟.

---

1. *Bàn A sơn:* Núi Bàn A, tức Núi Nhồi, thuộc xã Cự Khánh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, núi này ở ngay chỗ trông xuống ngã ba sông Lương, sông Mã:

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Lê Cảnh Hưng thứ 28, Ngô Ngọ Phong (tức Ngô Thì Sĩ), thân phụ tác giả, được bổ làm Hiến sát sứ Thanh Hoa. Ông lên chơi núi Bàn A, thấy một hang nhỏ ở sườn núi trông xuống ngã ba Sông Lương, Sông Mã, bèn thuê thợ làm bậc đá đi lên, lấy cái hang nhỏ ấy làm chỗ ngồi ngắm cảnh, uống rượu, ngâm thơ, đặt tên cho hang nhỏ ấy là "Quan Lan sào" (Ổ ngắm sóng), ngoài cửa hang khắc năm chữ "Cư sĩ Quan Lan sào" và có tập thơ "Quan Lan sào thập vịnh" (xem trong tập *Ngọ Phong mặc ngấn*).

Phiên âm:

LỮ TRIỀN TỰ CỰU

Nam Bắc thiên nhai cửu tác du,
Bình tung tùy xứ các trầm phù.
Biệt lai quát mục [1] đa tam nhật,
Tọa hữu luân tâm sạ lưỡng thu.
Lạp loát thử hành quân khách địa,
Y quan cố thổ thị trung châu.
Binh hoang mạc thuyết lưu di sự,
Thiên địa nguyên lai nhất đại chu.

Dịch nghĩa:

NƠI QUÁN TRỌ GIÃI BÀY NIỀM CỐ CỰU

Đã lâu rồi đi khắp hết cuối trời Nam Bắc,
Dấu bèo đến đâu cũng đều chìm nổi.
Xa nhau chỉ hơn ba ngày phải banh mắt mà nhìn lại nhau,
Kề bên tâm sự chốc đã hai năm.
Mũ nón ra đi đâu cũng là đất khách,
Áo mão đất cũ vốn là miền trung châu.
Lúc chinh chiến xin đừng nói đến việc dời đổi nữa,
Trời đất vốn chỉ là con thuyền lớn.

---

1. *Quát mục:* Có nghĩa là banh mắt, ý nói banh mắt để nhìn nhau cho rõ. *Tam Quốc chí:* Lã Mông nói với Lỗ Túc: "Sĩ biệt tam nhật, tức cánh quát mục tương đãi" (Kẻ sĩ biệt nhau ba ngày thì cần phải banh mắt ra mà nhìn nhau lại). Ý nói cách nhau chỉ ba ngày thôi, trình độ hiểu biết cũng đã khác trước rồi, không thể nhìn nhau bằng con mắt như cũ được.

遊福祿寺

客次閒尋古寺遊，
不知身世在閻浮．
談心翰墨人非俗，
寓目煙霞思雅秋．
得趣自然成樂境，
居仁豈必擇同州．
近聞青杲風光秀，
擬溯文灘一葉舟．

Phiên âm:

DU PHÚC LỘC TỰ

Khách thứ nhàn tầm cổ tự du,
Bất tri thân thế tại Diêm Phù [1].
Đàm tâm hàn mặc nhân phi tục,
Ngụ mục yên hà tứ nhã thu.
Đắc thú tự nhiên thành lạc cảnh,
Cư nhân [2] khởi tất trạch đồng châu.
Cận văn Thanh Cảo [3] phong quang tú,
Nghĩ tố Văn Than [4] nhất diệp chu.

---

1. *Diêm Phù:* Tức là "Nam Diêm Phù Đề", còn gọi là "Nam Chiêm Bộ Châu", là một trong bốn "đại bộ châu" trong kinh nhà Phật. Bốn "đại bộ châu" ngoài chỗ Phật ở, tức cõi trần.

2. *Cư nhân:* Ở làng nhân: Sách *Luận ngữ:* "Lý nhân vi mỹ" và chú là: "Lý cư giả, phàm nhân chi trạch cư, cư nhân giả chi lý" (Lý là ở, phàm người chọn chỗ ở, nên ở vào chỗ của người nhân).

3. *Thanh Cảo:* Là tên đất, bến hoặc con suối, ở vùng Lục Đầu Giang, chưa rõ đích xác vị trí.

4. *Văn Than:* (Xem chú thích 3).

Dịch nghĩa:

CHƠI CHÙA PHÚC LỘC

Ở đất khách lúc thảnh thơi tìm chơi chùa cổ,
Nào hay đâu thân thế ở cõi Diêm Phù.
Đàm đạo chuyện văn chương, người không phải là tục,
Thưởng thức cảnh yên hà, ta gợi hứng thú.
Có hứng thú, tự nhiên thấy cảnh vui vẻ.
Ở làng nhân há phải chọn chỗ cùng quê.
Gần đây nghe nói ở Thanh Cảo phong cảnh đẹp,
Định thả một con thuyền vượt bên dòng Văn Than.

Dịch thơ:

Đất khách tìm vào chùa cổ chơi,
Hay đâu thân thế cõi trần ai.
Trao lời văn học tan niềm tục,
Ghé mắt yên hà nảy tứ hay.
Mến cảnh tự nhiên nên hứng thú,
Hợp tình chi phải vốn xưa nay.
Mảng nghe cảnh đẹp miền Thanh Cảo,
Thuyền thả Văn Than rắp tới nơi.

Thạch Can *dịch*

夢遊文灘次思堂

月前吾亦作斯遊，
蓬逐滄瀛一葉浮.
潮引六頭江似海，
甜流四序水常秋.
關河觸景懷天古，
弧矢教人志九州.
乍別未窮吾智樂，
夜來時亦夢乘舟.

Phiên âm:

MỘNG DU VĂN THAN, THỨ TƯ ĐƯỜNG [1]

Nguyệt tiền ngô diệc tác tư du,
Bồng trục thương doanh nhất diệp phù.
Trào dẫn Lục Đầu Giang tự hải,
Cam lưu tứ tự thủy thường thu.
Quan hà xúc cảnh hoài thiên cổ,
Hồ thỉ giao nhân chí cửu châu. [2]
Sạ biệt vị cùng ngô trí lạc, [3]
Dạ lai thời diệc mộng thừa chu.

---

1. *Nguyên chú:* Tư Đường là ông Hoàng giáp ở Báo Triện, lại có tên là Liễu Am, tức Trần Danh Án.

2. *Cửu châu:* Chín châu. Theo sách *Ủng cống* Trung Quốc xưa có chín châu là: Kinh, Dương, Ủng, Dự, Từ, Lương, Thanh, Duyện, Kỷ. Về sau trong văn học cổ Hán ngữ thường dùng từ "chín châu" để chỉ khắp nước hay khắp thiên hạ.

3. *Trí lạc:* Sách *Luận ngữ:* "Trí giả lạc thủy, nhân, giả lạc sơn" (Người trí thích nước, người nhân thích núi).

Dịch nghĩa:

NẰM MƠ ĐI CHƠI VĂN THAN, HỌA VẦN CỦA TƯ ĐƯỜNG

Tháng trước tôi cũng có chuyến đi chơi nơi này,
Một lá thuyền thả lênh đênh trên dòng nước mênh mông.
Những con sóng làm cho sông Lục Đầu rộng như bể,
Dòng nước trong xanh, bốn mùa thường như mùa thu.
Đối cảnh quan hà, nhớ chuyện nghìn thuở,
Khiến người hổ thỉ chí ở chín châu.
Mới xa cách, cái vui nước trí non nhân của tôi chưa hết,
Đêm đêm thường vẫn mơ đến việc cưỡi thuyền.

Dịch thơ:

Tháng rồi ta cũng tới đây chơi,
Một lá bồng bềnh tít dặm khơi.
Sáu ngọn triều dâng, sông tựa biển,
Bốn mùa dòng biếc, nước như trời.
Non sông, đối cảnh lòng sinh cảm,
Hổ thỉ, xui người chí chửa ngơi.
Tạm biệt chưa phu niềm mến nước,
Con thuyền trong mộng vẫn chơi vơi.

Thạch Can *dịch*

次思堂贈台亭之作

羈旅南來覓隱淪,
不孤幸是德逢鄰.
藝窗締訂原同道,
仁里周旋豈異人.
亂後難求乾淨地,
屋灰偏樂太平身.
如今患難相從處,
底意還因知己伸.

Phiên âm:

THỨ TƯ ĐƯỜNG, TẶNG THAI ĐÌNH CHI TÁC

Cơ lữ nam lai mịch ẩn luân,
Bất cô hạnh thị đức phùng lân.[1]
Nghệ song đề đính nguyên đồng đạo,
Nhân lý chu toàn khởi dị nhân.
Loạn hậu nan cầu can tĩnh địa,
Ốc hôi thiên lạc thái bình thân.
Như kim hoạn nạn tương tòng xứ,
Để ý hoàn nhân tri kỷ thân.

---

1. Câu này tác giả lấy từ câu: "Đức bất cô tất hữu lân" nghĩa là: Có đức thì không cô đơn, tất có láng giềng.

Dịch nghĩa:

HỌA VẦN BÀI THƠ CỦA TƯ ĐƯỜNG ĐỂ TẶNG THAI ĐÌNH

Chốn lữ thứ, từ phương Nam lại, đi tìm nơi ẩn náu,
Không cô đơn, vì may mắn có đức gặp được láng giềng.
Gắn bó nơi cửa sổ học vấn nguyên là đồng đạo,
Chu toàn với nhau trong làng nhân, đâu phải người xa lạ.
Sau cơn loạn lạc, khó tìm được nơi yên ổn,
Nhà bị cháy, riêng mừng mình còn được bình yên.
Như nay còn được gặp gỡ nhau trong cơn hoạn nạn,
Ý ấy còn được giãi bày với người tri kỷ.

續天台賦

學遜公

是歲十月既望,學遜氏自寶篆之養齋歸于河口書院.雞鳴策馬遷其途而之天台山.東山欲明,天色尚黎.欸乃一聲,群山轉暉.陟彼崔嵬,放眼紘畜.煙光萬態,徙步不齊.乃委轡止策,縱馬之所之.忽焉,山低樹翠,灘迴水湄.散礫礙履,平崗沙起.虎豹拱視,虬龍作勢.金剛傴僂,獅子伏地.敗壁成堆,撲碑失隸.錯認禪根,恍然天市.野叟為言,此先朝行宮之故址也.

余從而問其事,則歷歷如雲遊之所記盛晚循環,故事成淵.偶觸目而傷心,覺臨風而厚顏.

頃有一人從山邊來,認是故人,相見甚歡.相與把握于松風之下,提攜於竹石之間.敘平生之契闊,評宇宙之大觀.故人興盡,余猶盤桓.怪而.問余曰:天地名勝多矣而子何戀乎斯山.

曰:造設無窮,際蟠非罕.人生其間.貴乎順適.余蓋惡城市之諠譁,喜山居之雅寂將以爽乎余懷,豈余好于窮僻.

山不在高,水不在深.山水之樂,寓於目而得於心.

何必窮虎溪之源,探鷹鶻之窟.攀棲鶻之巢,瞰潛蛟之室.然後足以暢吾懷而消俗慮也哉.

乃登望江之樓,沽市酒而飲之.酒及微醺,故人瞿然起曰:文章太極之粹也.江山法象之秘也.大塊既假我以文章,江山復召我以煙景.何以得斯於天地哉.或者各省吾身,栽吾文.去華就塞,刊訛為純.削其枝葉,以全吾真.庶不妒乎造化,亦無負乎洪鈞.

因把盞更酌,柏案而吟云:江山閱人代千載若旦暮.偶迂塵外軫,溥極寰中趣.登觀豁壯眸,初陽塞宿霧.隱約覽山雲,稀微天德樹.時來千里風,習習吹芳杜.沖想寂寥天,吾語孰與晤.古人難與今,今日悠成古.賢聖去不歸,智愚同此路.才多道所惜學廣人爭妒.聰明墜混沌,英發喪衷素.但全此仁智,庶庶乎樂壽.吟成酒涸,煙凝山暮.余顧書童曰:小子識之,作別而去.

Phiên âm:

TỤC THIÊN THAI PHÚ

Thị tuế thập nguyệt ký vọng,

Học Tốn thị tự Bảo Triện chi Dưỡng Trai, quy vu Hà Khẩu thư viện; kê minh sách mã thiên kỳ đồ nhi chi Thiên Thai sơn.

Đông phương dục minh,
Thiên sắc thượng lê.
Ải nãi nhất thanh,
Quần sơn chuyển huy.
Trắc bỉ thôi ngôi,
Phóng nhãn hoành di.
Yên quang vạn thái,
Tỷ bộ bất tề.
Nãi ủy bí chỉ sách,
Túng mã chi sở chi
Hốt yên sơn đê thụ thúy,
Loan hồi thủy mị.
Tán lịch ngại lý,
Bình cương sa khí (khởi).
Hổ báo củng thị,
Cầu long tác thế,
Kim cương khu lũ,
Sư tử phục địa.
Bại bích thành đôi,
Phốc bi thất lệ.
Thác nhận thiền căn,
Hoảng nhiên thiên thị.
Dã tẩu vi ngôn:
Thử tiên triều hành cung chi cố chỉ dã.
Dư tòng nhi vấn kỳ sự,
Tắc lịch lịch như vân du chi sở ký.
Thịnh văn tuần hoàn,
Cổ sự thành lan.
Ngẫu xúc mục nhi thương tâm,
Giác lâm phong nhi hậu nhan.

Khoảnh hữu nhất nhân tòng sơn biên lai,
Nhận thị cố nhân, tương kiến thậm hoan.
Tương dữ bả ác vu tùng phong chi hạ,
Đê huề ư trúc thạch chi gian.
Tự bình sinh chi khế khoát,
Bình vũ trụ chi đại quan.
Cố nhân hứng tận,
Dư do bàn hoàn.
Quái nhi vấn dư viết:
Thiên hạ danh thắng đa hĩ,
Nhi tử hà luyến hồ tư san.
Viết: Tạo thiết vô cùng,
Tế bàn phi chích.
Nhân sinh kỳ gian,
Quý hồ thuận thích.
Dư cái ố thành thị chi huyên hoa,
Hỷ sơn cư chi nhã tịch.
Tương dĩ sảng hồ dư hoài,
Khởi dư hiếu vu cùng tịch.
Sơn bất tại cao,
Thủy bất tại thâm.
Sơn thủy chi lạc,
Ngụ ư mục nhi đắc ư tâm.
Hà tất cùng Hổ Khê chi nguyên,
Thám Nhạn Đãng chi quật.
Phan thê quyên chi sào,
Hám tiềm giao chi thất.
Nhiên hậu túc dĩ sướng ngô hoài nhi tiêu tục lự dã tai?
Nãi đăng vọng giang chi lâu, cô thị tửu nhi ẩm chi.
Tửu cập vi huân, cố nhân quặc nhiên khởi viết:
Văn chương, thái cực chi túy dã,
Giang sơn, pháp tượng chi bí dã.
Đại khối ký giả ngã dĩ văn chương,
Giang sơn phục triệu ngã dĩ yên cảnh.
Hà dĩ đắc tư ư thiên địa tai?
Hoặc giả các tỉnh ngô thân, tài ngô văn,
Khứ hoa tựu thực,
San ngoa vi thuần.

Tước kỳ chi diệp,
Dĩ toàn ngô chân.
Thứ bất đố hồ tạo hóa,
Diệc vô phụ hồ hồng quân.
Nhân bả trản cánh chước,
Phách án nhi ngâm vân:
Giang sơn duyệt nhân đại,
Thiên tải nhược đán mộ.
Ngẫu vu trần ngoại trấn,
Phổ cực hoàn trung thú.
Đăng quan khoát tráng mâu,
Sơ dương kiến túc vụ.
Ẩn ước Lãm sơn vân,
Hy vi Thiên Đức thụ,
Thời lai thiên lý phong,
Tập tập suy phương đỗ.
Sung tưởng tịch liêu thiên,
Ngô ngữ thục dữ ngụ.
Cổ nhân nan dữ kim,
Kim nhật du thành cổ.
Thánh hiền khứ bất quy,
Trí ngu đồng thử lộ.
Tài đa đạo sở tăng,
Học quảng nhân tranh đố.
Thông minh tạc hỗn độn,
Anh phát táng trung tố.
Đãn toàn thử nhân trí,
Thứ thứ hồ lạc thọ.
Ngâm thành tửu hạc,
Yên ngưng sơn mộ.
Dư cố thư đồng viết:
Tiểu tử chí chi!
Tác biệt nhi khứ.

Dịch thơ:

NỐI TIẾP BÀI PHÚ THIÊN THAI [1]

Sau ngày rằm tháng mười năm nay,
Học Tốn từ nhà nghỉ Bảo Triện về thư viện Hà Khẩu,
Gà gáy cưỡi ngựa lên đường mà đi lên núi Thiên Thai. [2]
Đằng đông tang tảng,
Trời còn chạng vạng.
Đâu đó xôn xao,
Núi non rạng sáng.
Lên đèo leo dốc,
Buông mắt tứ bề.
Khói mây muôn vẻ,
Bước đi gập ghềnh.
Ta lỏng buông tay khấu,
Mặc cho ngựa cứ đi.
Bỗng núi thấp cây xanh rì,
Quanh co bên một bờ đê.
Bãi phẳng sườn đồi,
Gồ ghề sỏi đá.
Hổ báo nanh nhe,
Rắn rồng miệng há.
Sư tử phủ phục,
Hộ pháp nghiêng ngả.
Bia siêu chữ mòn,
Vách tường tơi tả.
Tưởng như chợ trời, [3]
Ngỡ nền chùa cũ.
Ông già quê bảo ta rằng:
Đây là nền cũ của hành cung triều trước đó.

---

1. Ngô Thì Nhậm, anh Ngô Thì Chí có bài *Mộng Thiên Thai* và Ngô Thì Chí có lời tán. Bài này chắc Ngô Thì Chí làm để tiếp nối bài phú *Mộng Thiên Thai* của Ngô Thì Nhậm.

2. *Núi Thiên Thai:* Tức là núi Đông Cứu ở huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

3. *Chợ trời (thiên thị):* Ở những chỗ núi cao có chỗ bằng phẳng, có nhiều cảnh trí, thường được gọi là "chợ trời".

Ta liền hỏi lại chuyện đầu đuôi,
Thì rành rành như đã ghi cuộc vân du thửa nọ.
Thịnh suy vần chuyển,
Truyện cũ thành không.
Nghe gió thổi thấy rát mặt,
Mở mắt nhìn mà đau lòng.
Bỗng có một ông khách,
Từ bên núi đi lại.
Nhận ra là bạn cũ,
Gặp nhau mừng khấp khởi.
Liền cùng nhau,
Khoác tay bên phiến đá khóm trúc,
Sát cánh hứng gió mát gốc tùng.
Hàn huyên kể lể niềm xa cách,
Trầm trồ cảnh đẹp của núi sông.
Khi khách đã hết hứng,
Mà ta vẫn ngất ngây.
Ông bạn nói: Ô hay!
Thiên hạ có thiếu chi cảnh đẹp,
Sao anh quyến luyến mãi nơi này?
Ta rằng: Tạo hóa khôn cùng,
Đất trời chẳng nhỏ.
Người sống ở đời,
Quý hồ thích thú,
Ta ghét chốn thành thị ồn ào,
Mà ưa cảnh núi rừng u nhã.
Muốn sao cho thư thái trong lòng,
Đâu phải ham chốn núi thẳm rừng sâu xa lạ!
Núi không cần cao,
Nước không cần sâu.
Vui cùng núi với nước,
Mắt nhìn lòng thích biết bao.
Có cần chi mà phải:
Lên núi Nhạn Đãng mò hang hốc, [1]

1. *Nhạn Đãng sơn:* Là một dãy núi rất hùng vĩ ở huyện Lạc Thanh tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc), quanh co hàng mấy trăm dặm, có hàng trăm ngọn núi, hàng mấy chục hang động, trên đỉnh núi có hồ, là nơi có nhiều cảnh đẹp.

Vượt dòng Hổ Khê tìm ngọn nguồn. [1]
Mò mẫn đi tìm tổ cuốc cuốc,
Ngấp nghé nhìn ngó vực thuồng luồng.
Rồi mới cho rằng tiêu niềm tục,
Để thỏa thích trong lòng hay sao?
Liền cùng nhau,
Lên lầu "Vọng giang" [2]
Mua rượu cùng uống.
Rượu vừa ngà ngà,
Cố nhân bỗng cao hứng.
Đứng phắt dậy mà rằng:
Văn chương là tinh túy của khí,
Núi sông là kỳ diệu của thể.
Tạo hóa đã cho ta văn chương,
Núi sông lại cho ta cảnh trí.
Ta thu thập được gì trong ấy?
Hoặc là: Tu tỉnh mình ta,
Trau dồi văn ta.
Lấy chân thực, bỏ xa hoa,
Giữ thuần nhất, sửa sai ngoa.
Tước bỏ những điều hư tạp,
Giữ gìn chân tính từ xưa.
Hầu mong báo đáp cùng tạo hóa,
Tránh điều ghen ghét của trời già.
Nhân đấy lại rót rượu và nâng chén,
Vỗ tay làm nhịp mà ngâm nga:
Núi sông bao đời người,
Nghìn năm dường sớm tối.
Chợt ra ngoài trần ai,
Rộng khắp trong tám cõi.
Lên cao rộng tầm nhìn,
Sáng ra mù vừa tan.
Cây Thiên Đức mờ to, [3]

---

1. *Hổ Khê:* Một con suối ở trước chùa Đông Lâm, núi Lư Sơn thuộc huyện Cửu Giang (Trung Quốc). Thời Tấn, sư Tuệ Viễn trụ trì chùa Đông Lâm, thường tiễn khách, không qua suối, qua suối thì hổ gầm, nên gọi là Hổ Khê.

2. *Lầu Vọng giang:* Tức là cái lầu để nhìn xuống sông.

3. *Thiên Đức:* Xưa là phủ Thiên Đức, nay là vùng huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Mây Lãm Sơn dập dờn. [1]
Gió mùa nghìn dặm về,
Hiu hiu thổi cỏ cây.
Trời mông lung vẳng lặng,
Ta nói có ai hay.
Người xưa đâu biết nay,
Người nay chợt thành cổ.
Thánh hiền đi không về,
Trí ngu cùng lối đó.
Tài nhiều đời ghét ghen,
Học rộng người kèn cựa.
Thông minh, hại tính xưa,
Tinh nhanh, mất sẵn có. [2]
Giữ lấy trí với nhân,
Ngõ hầu vui và thọ. [3]
Ngâm xong rượu cạn,
Núi chiều sương phủ.
Ta bảo thư đồng:
Con hãy ghi nhớ!
Từ biệt mà rời chỗ.

Thạch Can *dịch*

---

1. Lãm Sơn: Tức chùa Đại Lãm Sơn thuộc xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương (Bắc Ninh) *(Đại Việt sử ký toàn thư).*

2. *"Tính xưa", "sẵn có":* dịch ý chữ "hỗn độn", "trung tố". Theo quan niệm nho gia xưa, khi trời đất chưa mở mang chỉ là một chất hỗn độn mới là chân chất, chất phác..., từ khi mở mang ra thì càng ngày pha tạp mất chân chất.

3. *Trí, nhân, lạc thọ:* Sách *Luận ngữ:* "Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn... trí giả lạc, nhân giả thọ "người trí thích nước, người nhân thích núi, người trí vui, người nhân thọ).

HOÀNG NGUYỄN THỰ

(1749 - 1801)

Tự là Đông Hy, hiệu là Nghệ Điền, sinh năm Kỷ Tỵ (1749), người xã Đông Bình, huyện Gia Định (tức Gia Bình), nay thuộc huyện Gia Lương, Bắc Ninh. Đỗ Hương cống năm 1774, được bổ làm tri huyện Thanh Oai, nay thuộc Hà Tây. Năm 1787, đỗ Tiến sĩ, lúc đó nhà Lê mất, ông không cộng tác với triều Tây Sơn. Năm Quý Sửu (1793), năm đầu niên hiệu Cảnh Thịnh, bị bắt buộc, ông phải vào Phú Xuân, lúc đầu làm việc ở bộ Hình, sau thăng Hình bộ Tả thị lang. Năm 1792, được bổ làm Hiệp trấn Lạng Sơn. Ông mất ở lỵ sở năm Tân Dậu (1801).

Hoàng Nguyễn Thự sáng tác không nhiều. Thơ văn của ông đều viết bằng chữ Hán, sưu tập lại trong tập *Đông Bình Hoàng gia thi tập*, ký hiệu A311, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. tập này có cả sáng tác của con ông là Hoàng Tế Mỹ.

Hoàng Nguyễn Thự sáng tác cả trước và sau khi ra cộng tác với nhà Tây Sơn. Trong thơ văn thỉnh thoảng ông có nhắc đến nhà Tây Sơn, nhưng không thấy rõ sự gắn bó của ông đối với triều đại này. Đọc Hoàng Nguyễn Thự, người ta có cảm giác ông không chủ động được trước thời cục lúc bấy giờ. Ông buồn phiền, muốn lánh mình sang một bên những biến động của xã hội. Những bài thơ trích ở đây lấy từ tác phẩm trên của ông.

感時

濟治持危嘆不才，
西兵甚處突然來.
江千萬里孤帆力，
國百餘年一旦灰.
遙睇晉京頻繾綣，
顧瞻周道重徘徊.
縱非天眷皇家德，
我國之民亦殆哉.

Phiên âm:

CẢM THỜI

Tế trị trì nguy thán bất tài,
Tây binh thậm xứ đột nhiên lai.
Giang thiên vạn lý cô phàm lực,
Quốc bách dư niên nhất đán hôi.
Dao đệ Tấn Kinh [1] tần khiển quyển,
Cố chiêm Chu đạo [2] trụng bồi hồi.
Túng phi thiên quyến hoàng gia [3] đức,
Ngã quốc chi dân diệc đãi tai.

1. *Tấn Kinh:* Kinh đô nước Tấn.

2. *Chu đạo:* đường nhà Chu; Chu là những triều đại trong lịch sử Trung Quốc, tác giả dùng để chỉ nhà Lê.

3. *Hoàng gia:* Chỉ nhà Lê, ở đây tác giả muốn nói: Tây Sơn diệt họ Trịnh còn phù nhà Lê là trời còn chiếu cố đến đức của nhà Lê.

Dịch nghĩa:

CẢM KHÁI THỜI CUỘC

Than ôi không có tài giúp trị phù nguy,
Quân Tây Sơn ở đâu chợt kéo đến.
Sông muôn nghìn dặm mà sức một cánh buồm đơn độc,
Nước hơn trăm năm mà một sớm đã lụi tàn.
Trông vời kinh đô nước Tấn lòng luôn vấn vương;
Ngoái nhìn lại đường nhà Chu dạ những bồi hồi.
Nếu không phải trời chiếu cố đến đức của hoàng gia,
Thì dân nước ta thật cũng nguy khốn lắm.

Dịch thơ:

Phò nguy giúp trị thẹn không tài,
Bỗng chốc Tây binh kéo tới nơi!
Nước mấy trăm năm cơ nghiệp đổ,
Sông muôn ngàn dặm cánh buồm côi.
Trông về cửa khuyết lòng ngơ ngẩn,
Ngoái lại đường quan dạ ngậm ngùi.
Nay được hoàng gia trời chiếu cố,
Không thôi dân chúng khốn nguy rồi.

Thạch Can *dịch*

公堂悶坐

一官豈敢苟然為，
百里承宣職未微.
坐側弄言無猾吏，
堂前戲語有癡兒.
心驚驥路空千里，
身穩鷯巢暫一枝.
天若有情應念我，
凄風莫使逼門扉.

Phiên âm:

CÔNG ĐƯỜNG MUỘN TỌA

Nhất quan khởi cảm cẩu nhiên vi,
Bách lý Thừa tuyên chức vị vi.
Tọa trắc lộng ngôn vô hoạt lại,
Đường tiền hí ngữ hữu si nhi.
Tâm kinh ký lộ [1] không thiên lý,
Thân ổn liêu sào [2] tạm nhất chi.
Thiên nhược hữu tình ưng niệm ngã,
Thê phong mạc sử bức môn phi.

---

1. *Ký lộ:* Đường ngựa ký. Ký là loại ngựa hay có tài chạy ngàn dặm, thường được dùng để ví với người tài giỏi lỗi lạc.

2. *Liêu sào:* Tổ chim tiêu liêu. Tiêu liêu là một loài chim nhỏ. Sách *Trang tử*: "Tiêu liêu sào ư lâm, bất quá nhất chi (chim tiêu liêu làm tổ ở rừng, chỉ cần không quá một cành cây).

Dịch nghĩa:

NGỒI BUỒN TRÊN CÔNG ĐƯỜNG

Làm một viên quan đâu dám cẩu thả,
Làm thừa tuyên ở nơi một trăm dặm, chức quan không phải nhỏ.
Bên ghế không kẻ nha lại giảo hoạt nói điều gian trá,
Trước thềm có đứa con thơ cười nói vui đùa.
Lòng kinh hãi đường ngựa ký, đành bỏ uổng tài nghìn dặm.
Thân yên ổn tổ chim tiêu liêu hãy tạm xây trên một cành.
Trời nếu có tìm nên nghĩ đến ta,
Đừng để gió lạnh lùa vào cánh cửa.

嘆亂作

瞻彼蒼天蓋九州，
炎邦一境獨何辜.
盈天火屋煙遮霧，
滿地金戈血載塗.
林木驚看巢有燕，
城頭指望跡無烏.
稔傳君子悲時局，
寧死唐虞憎逸區.

Phiên âm:

THÁN LOẠN TÁC

Chiêm bỉ thương thiên cái cửu châu,
Viêm Bang [1] nhất cảnh độc hà cô.

1. *Viêm bang:* Xứ nóng, chỉ nước Nam.

Doanh thiên hỏa ốc yên già vụ,
Mãn địa kim qua huyết tái đồ.
Lâm mộc kinh khan sào hữu yến,
Thành đầu chỉ vọng tích vô ô.
Nẩm truyền quân tử bi thời cục,
Ninh tử Đường Ngu ấp tốn khu.

Dịch nghĩa:

THAN LOẠN

Trông trời xanh kia che khắp chín châu [1],
Nước Nam một cõi riêng có tội gì?
Ngất trời nhà cháy, khói bốc lòa mây,
Chật đất giáo gươm, máu chảy đầy đường.
Yến làm tổ trên cây rừng, vẫn cảm thấy hãi hùng,
Quạ đậu nơi đầu thành, không còn thấy nữa.
Vẫn nghe đồn rằng người quân tử buồn vì thời cuộc,
Thà chết ở đời Đường Ngu [2] biết nhún nhường nhau.

Dịch thơ:

Khắp trong thiên hạ dưới trời này,
Riêng cõi Viêm Bang khổ lắm thay!
Chật đất giáo gươm, bùn lẫn máu.
Ngất trời lửa bốc, khói lòa mây.
Đầu thành vắng bóng đàn ô đậu,
Rừng thẳm kinh hoàng lũ yến bay.
Quân tử luống đau thương cuộc thế,
Nhớ Đường Ngu trước khác đời nay!

Thạch Can *dịch*

---

1. *Chín châu:* Xem chú thích 4 bài "Mộng du Văn Than".
2. *Đường Ngu nhún nhường:* Cổ sử Trung Quốc nói vua Nghiêu nhà Đường nhường ngôi cho vua Thuấn nhà Ngu. Ở đây ý nói xưa kia nhún nhường nhau chứ không tranh giành như ngày nay.

春深對友

春深對友賞春盤，
情緒低回語更難.
家計身謀仇偶拙，
鄉心旅思礙留還.
愁腸如灼忙燒燭，
壯骨成柔倦倚欄.
欲借清宵閒百慮，
東窗紅日已三竿.

Phiên âm:

XUÂN THÂM ĐỐI HỮU

Xuân thâm đối hữu thưởng xuân bàn,
Tình tự đê hồi ngữ cánh nan.
Gia kế thân mưu, cừu ngẫu chuyết,
Hương tâm lữ tứ, ngại lưu hoàn.
Sầu trường như chước, mang thiêu chúc,
Tráng cốt thành nhu, quyện ỷ lan.
Dục tá thanh tiêu nhàn bách lự,
Đông song hồng nhật dĩ tam can.

Dịch nghĩa:

CUỐI XUÂN CÙNG BẠN

Cuối xuân cùng bạn thưởng thức tiệc xuân,
Nỗi lòng ngẩn ngại thật là khó nói.
Những toan tính cho gia đình, cho bản thân, giận nỗi thấy đều hỏng cả.
Lòng nhớ quê, từ đất khách, phân vân giữa ở và về.

Dạ sầu như cháy, vội vàng đốt đèn đuốc,
Xương cốt như giẩn, mỏi mệt tựa lan can.
Muốn mượn đêm thanh để khuây trăm điều lo nghĩ,
Ngoài cửa sổ đằng đông, vầng hồng đã cao tới ba con sào.

閒中自述

四十頭鬚漸漸斑，
逢時沒柰此屯艱。
三餘是日成吾拙，
十畝之間與子還。
難得固窮君子守，
易於不善小人閒。
平生抱負將何事，
卻顧稱呼只厚顏。

Phiên âm:

NHÀN TRUNG TỰ THUẬT

Tứ thập đầu tu tiệm tiệm ban,
Phùng thời một nại thử truân gian.
"Tam dư" [1] thị nhật thành ngô chuyết,
"Thập mẫu chi gian" [2] dữ tử hoàn.

---

1. *Tam dư:* Chỉ sự chăm chỉ, miệt mài học tập. Đổng Ngộ đời Hậu Hán là người hiếu học, có người đến xin theo học ông, Ngộ không dạy và bảo: "Anh cứ về đọc sách một trăm lần thì tự hiểu được nghĩa". Người học trò nói "Khốn nỗi không có ngày giờ". Ngộ bảo "lấy tam dư". Tức là ba loại thì giờ thừa: đêm là thừa của ngày, mùa đông là thừa của năm, lúc mưa dầm là thừa của nắng. Về sau trong văn cổ Hán ngữ dùng chữ "học túc tam dư" học đủ ba chỗ thừa để chỉ người chăm chỉ miệt mài học tập.

2. *Thập mẫu chi gian:* "Trong khoảng mười mẫu", tên một bài thơ trong *Ngụy phong, Kinh Thi*. Chu Hy cho rằng bài thơ này có ý nói: khi chính sự hỗn loạn, quốc gia nguy vong, người hiền không thích làm quan trong triều nữa và muốn cùng bè bạn vợ con về nơi ruộng vườn.

Nam đắc cố cùng [1] quân tử thủ,
Dị ư bất thiện tiểu nhân nhàn.
Bình sinh bão phụ tương hà sự,
Khước cố xưng hô chỉ hậu nhan [2].

Dịch nghĩa:

LÚC RỖI TỰ THUẬT

Bốn mươi tuổi, râu tóc dần dần điểm bạc.
Gặp buổi gian nan này, biết làm sao!
Cái học miệt mài ngày nọ đã khiến ta thành vụng dại,
Trong khoảng mười mẫu ruộng kia đành cùng con cái trở về.
Khó có thể làm người quân tử giữ được khí tiết lúc khốn cùng,
Dễ trở thành kẻ tiểu nhân làm điều xấu xa khi nhàn rỗi.
Điều suy nghĩ hằng ngày là rồi đây sẽ làm được gì,
Nghĩ lại lời người ta xưng hô mình chỉ thấy mặt dày xấu hổ.

Dịch thơ:

Bốn chục, đầu râu lốm đốm sương,
Truân chiên cuộc thế nghĩ mà thương.
Rèn kinh sử mãi thành ngu dại,
Dắt vợ con về ở xóm nương.
Giữ được cố cùng âu cũng khó,
Nhàn sinh bất thiện thói đời thường.
Ôm bầu chí khí không nên việc!
Chỉ thấy xưng hô luống sượng sùng.

Thạch Can *dịch*

1. Câu này tác giả lấy từ câu "quân tử cố cùng" (người quân tử giữ vững khí tiết trong lúc cùng cực) trong sách *Luận ngữ*.

2. Tác giả đỗ Tiến sĩ, ở đây ý nói tác giả thường được người ta gọi là "ông nghè" nên thấy xấu hổ.

發程吟

（癸丑年二月初九日）

蹉跎幾載耦而耕，
無意今朝萬里行。
有社稷壇無定主，
可南北路是何情。
淚河陸上長纓濯，
身葉途間寸草輕。
敘節不知忘節士，
虛提天子一招旌。

Phiên âm:

PHÁT TRÌNH NGÂM [1]

Quý sửu niên nhị nguyệt sơ cửu nhật

Sa đà kỷ tái ngẫu nhi canh [2],
Vô ý kim triêu vạn lý hành.
Hữu xã tắc đàn [3] vô định chủ,
Khả nam bắc lộ thị hà tình [4].
Lệ hà lục thượng trường anh trạc,
Thân diệp đồ gian thốn thảo khinh [5].
Tự tiết bất tri vong tiết sĩ,
Hư đề thiên tử nhất chiêu tinh.

1. *Nguyên chú:* "Tập thơ lúc vào Kinh đô Phú Xuân". (Những bài thơ dưới đây cũng thế).

2. Sau khi nhà Lê mất, Hoàng Nguyễn Thự về ở quê vợ là làng Đông Ngạc (thuộc huyện Từ Liêm).

3. Thời phong kiến: "đàn xã", "đàn tắc" là nơi để vua tế trời đất. Trong văn học cổ, thường dùng làm biểu tượng của quốc gia.

4. Ý thơ tác giả vẫn nhớ nhà Lê. Nam là chỉ Tây Sơn, Bắc là chỉ Chiêu Thống đương lưu vong ở phương Bắc.

5. *Thốn thảo:* Tấc cỏ: Thơ Mạnh Giao: "Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy" (Ai nói lòng tấc cỏ, báo đáp được ánh nắng ba xuân) ý nói tấm lòng bé nhỏ khó có thể báo đáp ơn cha mẹ. Ở đây tác giả dùng ý ấy.

Dịch nghĩa:

NGÂM LÚC LÊN ĐƯỜNG

Ngày 9 tháng 2 năm quý sửu (1793)

Mấy năm lận đận, kết bạn đi cày,
Không ngờ sáng nay ra đi muôn dặm.
Có đàn xã tắc nhưng chủ chưa dứt khoát,
Con đường Nam, con đường Bắc, mối tình ngả về phía nào.
Sông nước mắt trên cạn, giặt giải mũ dài,
Thân chiếc lá giữa đường, nhẹ lòng tấc cỏ.
Nói về tiết, có biết đâu ta là kẻ sĩ quê tiết tháo,
Luống cầm cờ tinh triệu đòi của nhà vua.

Dịch thơ:

Cuốc cày lận đận mấy năm rày,
Muôn dặm ra đi buổi sáng nay.
Có nước có non, ai chủ đấy,
Đường Nam đường Bắc mối tình này.
Dải dài lệ nhỏ đường sông chảy,
Tấc cỏ, thân như chiếc lá bay.
Kể tiết, hay đâu quên tiết lớn,
Luống mang tinh tiết lệnh vua vời.

Thạch Can *dịch*

過壽昌廛橋吟

萬 里 江 山 此 一 行,
羈 臣 奉 詔 覲 王 庭.
紆 絶 今 日 人 南 闕,
生 長 初 來 地 北 城.
蝶 夢 未 殘 遊 里 閈,
馬 蹄 已 遠 出 郊 坰.
寸 懷 分 付 重 天 路,
遙 望 神 州 著 腳 輕.

Phiên âm:

QUÁ THỌ XƯƠNG TRIỀN KIỀU NGÂM

Vạn lý giang sơn thử nhất hành,
Cơ thần [1] phụng chiếu cận vương đình.
Vu thi kim nhật nhân Nam khuyết,
Sinh trưởng sơ lai địa Bắc thành.
Điệp mộng vị tàn du lý hãn,
Mã đề dĩ viễn xuất giao quynh.
Thôn hoài phân phó trùng thiên lộ,
Dao vọng thần châu trước cước khinh.

1. *Cơ thần:* Có thể hiểu hai nghĩa: kẻ bề tôi bị bất buộc, hay kẻ bề tôi phiêu bạt nơi đất khách. Với ý thơ ở đây, có lẽ nên hiểu theo nghĩa thứ nhất.

Dịch nghĩa:

NGÂM LÚC QUA CẦU CHỢ THỌ XƯƠNG

Non sông muôn dặm trong chuyến đi này,
Kẻ cơ thần vâng chiếu đi chầu sân vua.
Ngày nay bị bó buộc là người ở cửa khuyết phương Nam,
Từ trước đến giờ sinh trưởng vốn ở đất Bắc Thành.
Giấc mộng điệp chưa tàn còn về nơi quê quán,
Nhưng vó ngựa đã đi ra xa ngoài cõi bờ.
Tấc lòng phó mặc cho phương trời xa xăm,
Xa trông kinh đô nhẹ gót bước tới.

途中即事

隨使登程萬里遙,
陽春發律凍初消.
迢迢道路清風過,
每每原田秀草天.
州縣猶遺傳古號,
江山有異屬新朝.
此身已出風埃路,
放著塵衣渡野橋.

Phiên âm:

ĐỒ TRUNG TỨC SỰ

Tùy sứ đăng trình vạn lý dao,
Dương xuân phát luật [1] đống sơ tiêu.
Thiều thiều đạo lộ thanh phong quá,
Mỗi mỗi nguyên điền tú thảo yêu.
Châu huyện do di truyền cổ hiệu [2],
Giang sơn hữu dị thuộc tân triều [3].
Thử thân dĩ xuất phong ai lộ,
Phóng chước trần y độ dã kiều.

Dịch nghĩa:

TỨC SỰ TRÊN ĐƯỜNG ĐI

Theo sứ lên đường, xa xôi muôn dặm,
Khí dương xuân nảy ra trong ống luật băng giá mới tan.
Đường đất thăm thẳm, gió mát thổi qua,
Đồng ruộng tốt tươi, cỏ non mơn mởn.
Các châu huyện còn sót lại truyền niên hiệu xưa,
Khắp non sông đã đổi khác, thuộc về triều đại mới.
Thân này đã bước ra ngoài con đường gió bụi,
Dấn chiếc áo trần tục vượt qua cầu.

---

1. *Phát luật:* Nảy ra trong ống luật, một loại dụng cụ để đo thời tiết của thời xưa, bằng ống trúc, có mười hai lỗ, sáu lỗ thuộc dương, ứng với sáu tháng dương, sáu lỗ thuộc âm ứng với sáu tháng âm. Cách chiêm nghiệm khí hậu xưa: lấy tro màng cây sậy đặt lên các lỗ, đến khí hậu nào thì tro ở lỗ ấy bay đi. Mùa xuân tháng giêng thuộc tháng dương thứ 3; khi lỗ thứ 3 trên ống luật tro bay đi, là báo hiệu tháng tam dương đã đến.

2. *Cổ hiệu:* Niên hiệu xưa, tức là niên hiệu của nhà Lê.

3. *Tân triều:* Triều đại mới, chỉ nhà Tây Sơn.

鼓腰山

在愛州山此一條，
重重還峙石岧嶢.
兩排峭壁開岩面，
中納長川束鼓腰.
傍麓鹽魚雙列肆，
濟人茅竹一行橋.
欲求仁智詢來歷，
樂此從來閱幾朝.

Phiên âm:

CỔ YÊU SƠN [1]

Tại Ái Châu [2] sơn thử nhất điều,
Trùng trùng hoàn trĩ thạch thiều nghiêu.
Lưỡng bài tiễu bích khai nham diện,
Trung nạp trường xuyên thúc cổ yêu.
Bạng lộc diêm ngư song liệt tứ,
Tế nhân mao trúc nhất hàng kiều.
Dục cầu nhân trí [3] tuân lai lịch,
Lạc thử [4] tòng lai duyệt kỷ triều?

---

1. *Nguyên chú:* "Cổ yêu sơn thuộc xã Đoan Vĩ ở Thanh Hoa, tục gọi núi Kèm Trống".
2. *Ái châu:* Châu Ái, tức Thanh Hóa bây giờ.
3. *Nhân Trí... lạc thủ:* Tác giả lấy chữ ở sách Luận ngữ: "Trí giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn" (Người trí thích nước, người nhân thích núi).
4. Như 3.

Dịch nghĩa:

NÚI KÊM TRỐNG

Đây là một dải núi ở Châu Ái,
Núi cao trập trùng vòng vèo đối nhau.
Vách đứng hai hàng mở ra trước mặt động.
Xuyên giữa là con sông dài như thắt eo trống.
Hai dãy chợ bán cá muối kề bên chân núi.
Một chiếc cầu bằng tre nứa để người lại qua.
Muốn tìm bậc nhân trí để hỏi lai lịch:
Vui thú nơi đây, xưa nay đã trải mấy triều?

Dịch thơ:

Dãy núi non này ở Ái Châu,
Vòng quanh lớp lớp nối liền nhau.
Hai hàng vách dựng phô bề mặt,
Một dải sông dài thắt giữa eo.
Mua bán cá tôm đôi dãy chợ,
Lại qua tre nứa một cây cầu.
Hỏi ai nhân trí, tìm lai lịch,
Vui ở nơi đây trải mấy triều.

Thạch Can *dịch*

到橫山作

地軸安排歷古先，
橫山一帶自巍然。
褒延幾里長城地，
壁立重霄絶險天。
石壘荒涼餘舊脚，
海波上下戲平巔。
最奇向背看腰腹，
半是南偏半北偏。

Phiên âm:

ĐÁO HOÀNH SƠN TÁC

Địa trục an bài lịch cổ tiên,
Hoành Sơn nhất đái tự nguy nhiên.
Bầu diên kỷ lý trường thành địa,
Bích lập trùng tiêu tuyệt hiểm thiên.
Thạch lũy hoang lương dư cựu cước,
Hải ba thướng há hí bình điên.
Tối kỳ hướng bối khan yêu phúc,
Bán thị Nam thiên, bán Bắc thiên.

Dịch nghĩa:

ĐẾN ĐÈO NGANG

Trục đất an bài đã từ muôn thuở,
Đèo Ngang một dải coi thật nguy nga.
Bức trường thành kéo dài hàng mấy dặm,
Vách núi hiểm trở dựng đứng cao vút tầng không.

Lũy đá hoang vắng còn trơ lại nền móng cũ,
Sóng biển lên xuống như đùa với non cao.
Rất lạ là nhìn chỗ eo núi,
Một nửa thiên về Nam, một nửa thiên về Bắc.

Dịch thơ:

Mạch đất an bài tự thuở nào?
Hoành Sơn một dải ngất non cao.
Kéo dài mấy dặm thành dăng đứng,
Vút thẳm tầng không hiểm biết bao!
Vách đá hoang lương trơ móng cũ,
Sóng khơi lên xuống dỡn lưng đèo.
Lạ sao! Quay ngoảnh xem lưng bụng,
Bắc nửa xuôi ra, Nam nửa vào.

Thạch Can *dịch*

上橫山作

步重一步倦沿攀,
峻險爭如蜀道難.
遮路石茅人苦礙,
限天南北路排安.
禽鳴浴沓如相謔,
蟻小徒行在遠觀.
過此不知重險歷,
濯纓無可繫彈冠.

Phiên âm:

THƯỚNG HOÀNH SƠN TÁC

Bộ trùng nhất bộ quyện duyên phan,
Tuấn hiểm tranh như Thục đạo [1] nan.
Già lộ thạch mao nhân khổ ngại,
Hạn thiên Nam Bắc lộ an bài.
Cầm minh dục phấn như tương hước,
Nghĩ tiểu đồ hành tại viễn quan.
Quá thử bất tri trùng hiểm lịch,
Trạc anh vô khả sậu đàn quan [2].

Dịch nghĩa:

LÊN ĐÈO NGANG

Bước rồi lại bước, mỏi mệt leo trèo,
Hiểm trở tựa hồ khó hơn đường vào đất Thục.
Cỏ đá lấp lối đi làm vướng chân người,
Ngăn vùng Nam, Bắc một con đường đã an bài sẵn.
Chim nhảy nhót hót vang dường ghẹo trêu,
Ở xa trông, khách bộ hành như đàn kiến cỏ.
Đi qua đây, không biết phải qua mấy lần hiểm trở,
Giặt dải mũ về ở ẩn không xong, phải vội đập mũ mà ra làm quan.

---

1. *Thục đạo:* Đường vào đất Thục. Đất Thục, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Thời xưa đường vào Thục rất hiểm trở. Nhà thơ Lý Bạch có câu: "Thục đạo chi nan, nan ư thướng thiên" (Đường vào Thục khó hơn đi lên trời).

2. *Trạc anh:* Giặt bụi trần bám trên dải mũ, chỉ việc thôi làm quan đi ở ẩn; Đàn quan: Đập mũ, tức là đập bụi, sửa sang lại mũ, chỉ việc ra làm quan

Dịch thơ:

Bước thôi lại bước, biếng leo trèo,
Đường Thục còn thua nỗi hiểm nghèo.
Bít lối đá, tranh, người vướng mắc,
Ngăn trời Nam, Bắc lối ra vào.
Đua nhau nhảy nhót, đàn chim rỡn,
Xa ngắm đoàn đi, lũ kiến leo.
Qua đó không hay bao hiểm trở,
Muốn thôi không được, cứ còn đeo.

Thạch Can *dịch*

奇花縣觀海

觀於大海納潢汙,
無量群川萬壑趨.
洶湧波濤傳怒鼓,
渺溟涯涘互平蕪.
不知蠡測還深淺,
乍憶桴浮是有無.
遠眺疑人孤島外,
卻疑砥柱屹中流.

Phiên âm:

KỲ HOA [1] HUYỆN QUAN HẢI

Quan ư đại hải nạp hoàng ô,
Vô lượng quần xuyên vạn hác xu.
Hung dũng ba đào truyền nộ cổ,
Diểu minh thai sĩ cấng bình vu.
Bất tri "lãi trắc" [2] hoàn thâm thiển,
Sạ ức "phu phù" [3] thị hữu vô.
Viễn điếu si nhân cô đáo ngoại,
Khước nghi chỉ trụ ngật trung lưu.

Dịch nghĩa:

QUA HUYỆN KỲ HOA XEM BIỂN

Xem kìa biển lớn nạp mọi nguồn to nhỏ,
Không biết bao nhiêu nghìn sông muôn suối đổ vào.
Đùng đùng sóng cồn, vang rền tiếng trống giục giận dữ,
Tít mù bờ bến, xa tấp đồng cỏ hoang mênh mông.
Không hay việc "lấy bầu đong biển" có đo được biển sâu hay nông?
Chợt nhớ chuyện "cưỡi bè ra khơi" không biết là không hay có?
Vời ngắm, ngây người vì đảo lẻ ngoài xa,
Ngỡ là cột đá cao ngất giữa dòng.

---

1. *Kỳ Hoa:* Nay là huyện Kỳ Anh, thuộc Hà Tĩnh.

2. *Lãi trắc:* Lấy bầu đong biển. Trong bài "Khách nạn" của Đông Phương Sóc thời Đông Hán có câu: "Dĩ quản vi thiên, dĩ lãi trắc hải, dĩ diên tràng trung" (Lấy ống nhìn trời, lấy bầu đong biển, lấy chiếu nện chuông). Tác giả lấy chữ "lãi trắc") ở đó.

3. *Phu phù:* Tác giả lấy hai chữ này ở thiên "Công Dã Tràng" sách *Luận ngữ:* "Thừa phu phù vu hải" (nghĩa là cưỡi thuyền bè ra bể).

Dịch thơ:

Kìa xem biển cả rộng dường bao,
Muôn suối ngàn sông trút cả vào.
Vút thẳm mù khơi không bãi bến,
Sấm vang giận dữ lúc ba đào.
Sâu nông "đong biển" lời bày đặt,
Hư thực "bè trôi" truyện thuở nào.
Xa ngắm ngây người, ngoài đảo lẻ,
Ngỡ là cột đá giữa dòng sâu.

Thạch Can *dịch*

NGÔ THÌ HOÀNG
(1768 - 1814)

Còn có tên là Tịnh, hiệu là Huyền Trai, biệt hiệu là Thạch Ổ cư sĩ, là con Ngô Thì Sĩ và là em thứ tư của Ngô Thì Nhậm. Không có tài liệu nào ghi rõ năm sinh, năm mất của ông. Chỉ biết ông đỗ Tú tài năm Đinh Mão (1800). Căn cứ vào bài *Điện tiên thúc Huyền Trai công* (ông chú là Huyền Trai) của Ngô Thì Điển vốn là cháu, gọi ông bằng chú ruột, có viết: "Chú sống *ở đời 47 năm,* văn chương như vậy, đức hạnh như vậy, sao trời đã khe khắt về, công danh lại nỡ hẹp hòi về tuổi thọ". Và căn cứ vào bài *Khốc đệ Huyền Trai công văn* (Văn khóc em là Huyền Trai) của Ngô Thì Trí, anh ruột ông, có ghi *viết năm Giáp Tuất* (1814) thì biết chắc ông mất năm 1814, và có thể ông sinh năm 1768. Sáng tác của Ngô Thì Hoàng có cả thơ, phú, văn xuôi, tập họp trong tập *Thạch Ổ di chương.*

Ngô Thì Hoàng mặc dù là chú, nhưng cùng một lứa tuổi với Ngô Thì Điển. Ông đã trưởng thành dưới thời Tây Sơn và có sống một số năm vào đầu thời Nguyễn. Ký ức của ông về thời Tây Sơn cũng đẹp đẽ, nhưng dường như không bằng Ngô Thì Điển. Còn đối với hiện tại, ông thấy một số cảnh không vừa lòng, nhưng cũng không tỏ ra bất mãn lắm.

Những bài thơ của Ngô Thì Hoàng trích ở đây lấy trong tác phẩm trên, dựa theo bản *Ngô gia văn phái* chép tay, ký hiệu A 117a/20 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

聞人哭

日暮聞人哭
不之在何許
出門聽所從
鄰家母哭子
哀哉寡婦情
何辜翻至此
夫死既三年
形影何憔悴
一枕四孤兒
兩男與兩女
中有稍長成
一朝復捐棄
哭泣徒悲哀
孤魂不知處
朝暮撫遺跡
傍徨若夢寐
虛室網蜘蛛
頹墻穴鼬鼠
寡婦不違事
扶攜棄之去
昔是鄰家人
今為荒園地
塵世多滄桑
何獨此一事
余性復多愁
寂寞孤房裡
不忍聞此聲
伏枕頹然睡

Phiên âm:

VĂN NHÂN KHỐC

Nhật mộ văn nhân khốc,
Bất tri tại hà hử?
Xuất môn thính sở tòng,
Lân gia mẫu khốc tử,
Ai tai, quả phụ tình,
Hà cô phiên chí thử?
Phu tử ký tam niên,
Hình ảnh hà tiều tụy.
Nhất chẩm tứ cô nhi,
Lưỡng nam dữ lưỡng nữ.
Trung hữu sảo trưởng thành,
Nhất triêu phục quyên khí.
Khốc khấp đồ bi ai.
Cô hồn bất tri xứ,
Triêu mộ phủ di tích,
Bàng hoàng nhược mộng mị.
Hư thất võng trì thù,
Đồi tường huyệt dứu thử.
Quả phụ bất hoàng ninh,
Phù huề khí chi khứ.
Tích thị lân gia nhân,
Kim vi hoang viên địa.
Trần thế đa thương tang,
Hà độc thử nhất sự.
Dư tích phục đa sầu,
Tịch mịch cô phòng lý.
Bất nhẫn văn thử thanh,
Phục chẩm đồi nhiên thụy.

Dịch nghĩa:

NGHE TIẾNG KHÓC

Trời về chiều, nghe tiếng người khóc,
Không rõ tiếng khóc ở chỗ nào?
Đi ra cửa nghe xem từ đâu vẳng đến,
Hóa ra nhà láng giềng có mẹ khóc con.
Thương thay, tình người quả phụ!
Tội có gì đến nông nổi ấy!
Chồng chết đã ba năm,
Một mình một bóng trông thật tiều tụy.
Thân đơn gối chiếc với bốn con côi,
Hai trai và hai gái.
Trong số đó một đứa đã hơi lớn,
Bỗng lăn đùng ra chết.
Khóc lóc bao xót thương,
Cô hồn không biết ở nơi nào.
Sớm chiều săm soi vật dụng con để lại,
Bàng hoàng như trong giấc mộng.
Nhà trống, nhện mắc võng,
Tường xiêu, chuột khoét hang.
Người quả phụ cảm thấy không yên lành,
Dắt díu con bỏ đi nơi khác.
Trước kia là nhà người láng giềng,
Nay thành mảnh vườn hoang vắng.
Việc đời bao dâu bể,
Đâu phải chỉ việc này.
Tính ta lại đa sầu,
Trong gian phòng tịch mịch,
Không nỡ nghe tiếng khóc,
Gục đầu xuống gối ngủ li bì.

Dịch thơ:

Chiều hôm nghe khóc than,
Tự phía nào chưa rõ.
Ra cửa lắng tai nghe,
Mẹ khóc con mới bỏ,
Tội chi đến nỗi này?
Thương thay tình góa bụa!
Chồng chết đã ba năm,
Hình bóng bao tiều tụy.
Một nách bốn con thơ,
Hai trai, hai gái nhỏ.
Có một đứa mới khôn,
Bỗng dưng chết xấu số.
Khóc lóc xót thương hoài,
Cô hồn tìm đâu có.
Sớm hôm dõi dấu vết,
Bàng hoàng lòng mụ mê.
Nhà trống nhện dăng tơ,
Tường xiêu chuột đào lỗ.
Góa bụa chẳng yên thân,
Dắt díu tìm nơi ngụ.
Xưa là nhà láng giềng,
Nay vườn hoang bỏ xó.
Sự đời lắm biển dâu,
Có riêng chi việc nọ.
Tính ta vốn đa sầu,
Chốn phòng cô vò võ.
Chẳng nỡ nghe khóc than,
Ôm gối buồn gục ngủ.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

晚渡珥河

暮山歸鳥浮雲白
遠渚浴凫沙水赤
寒風颯颯亂波生
一葉孤帆千里客

Phiên âm:

VÃN ĐỘ NHĨ HÀ

Mộ sơn quy điểu phù vân bạch,
Viễn chử dục phù sa thủy xích.
Hàn phong táp táp loạn ba sinh,
Nhất diệp cô phàm thiên lý khách.

Dịch nghĩa:

BUỔI CHIỀU QUA SÔNG NHĨ HÀ

Đàn chim bay về núi chiều, mây bồng bềnh trắng xóa.
Vịt trời tắm, nơi bãi xa, nước phù sa đỏ ngầu.
Gió lạnh thổi ào ào sóng nổi lên cuồn cuộn.
Một cánh buồm lẻ loi, người lữ khách đi xa nghìn dặm.

新秋月夜

蕭索金風尾屋頭
寒燈明月夜悠悠
蟾光照出江山瘦
蛩韻吟成草木楸
瞬息光陰天亦客
升沉世路地如舟
重華一去春偏少
放伐棋殘幾度秋

Phiên âm:

TÂN THU NGUYỆT DẠ

Tiêu tác kim phong ngõa ốc đầu,
Hàn đăng minh diệt dạ du du.
Thiềm quang chiếu xuất giang sơn sấu,
Cùng vận ngâm thành thảo mộc thu.
Thuấn tức quang âm thiên diệc khách,
Thăng trầm thế lộ địa như chu.
Trùng Hoa nhất khứ xuân thiên thiểu, [1]
Phóng phạt kỳ tàn [2] kỷ độ thu.

---

1. *Trùng Hoa:* Tên hiệu của vua Thuấn nhà Ngu. Thời vua Thuấn được coi là một thời thịnh trị, lý tưởng. Sau khi vua Thuấn mất, người ta cho rằng không còn có thời nào thịnh trị như thế nữa.

2. *Phóng phạt kỳ tàn:* Ván cờ phóng phạt: Vua Thành Thang đánh chúa Kiệt nhà Hạ, đuổi ra Nam Sào gọi là "phóng Kiệt"; vua Vũ Vương đánh chúa Trụ nhà Ân và giết chết chúa Trụ, gọi là "phạt Trụ". Tác giả coi việc đuổi Kiệt diệt Trụ giống như một ván cờ nên viết "phóng phạt kỳ tàn".

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRĂNG ĐẦU MÙA THU

Gió may thổi hiu hắt trên mái nhà ngói,
Ngọn đèn lạnh khi tỏ khi mờ, đêm dài lê thê.
Ánh trăng, soi tỏ cảnh sông núi tiêu điều,
Tiếng dế kêu nỉ non khiến cây cỏ buồn bã.
Thì giờ thấm thoắt, trời cũng giống như người khách,
Đường đời nổi chìm, đất thật hệt như chiếc thuyền.
Đời Trùng Hoa qua rồi, mùa xuân kém hẳn,
Ván cờ "phóng phạt" tàn không biết đã trải bao thu.

道中遇雨

殷殷微雷起天末
黑雲四合狂風發
漠漠滿地沙塵飛
蕭蕭孤村樹葉脫
不勝倦鳥雨中啼
無限潛魚江外活
遊子飄零何處歸
故鄉咫尺無由達

Phiên âm:

ĐẠO TRUNG NGỘ VŨ

Ân ân vi lôi khởi thiên mạt,
Hắc vân tứ hợp cuồng phong phát.
Mạc mạc mãn địa sa trần phi,
Tiêu tiêu cô thôn thụ diệp thoát.

Bất thăng quyện điểu vũ trung đề,
Vô hạn tiềm ngư giang ngoại hoạt.
Du tử phiêu linh hà xứ quy,
Cố hương chỉ xích vô do đạt.

Dịch nghĩa :

ĐI ĐƯỜNG GẶP MƯA

Tiếng sấm ì ầm ở cuối chân trời,
Mây đen bốn phía, giông tố nổi lên.
Cát bụi bay mù mịt khắp mặt đất,
Lá cây rụng đầy nơi xóm quạnh hiu.
Trong mưa những con chim bay mỏi cánh, kêu lên buồn bã,
Ngoài sông bầy cá lặn lững lờ dưới đáy sâu.
Người du tử lang thang không có chỗ dừng chân.
Quê nhà trong gang tấc mà không đến được.

Dịch thơ:

Ầm ầm sấm dậy nẻo chân mây,
Gió cuốn mây đen khắp đó đây.
Rợp đất mịt mù cơn lốc cuốn,
Đầy thôn tơi tả lá cây bay.
Trong mưa mỏi cánh chim kêu bạn,
Ngoài bến vui đàn cá đọ vây.
Du khách tìm đâu nơi lánh trọ,
Quê nhà khôn tới chỉ tầm tay.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

詠史

戎衣尺劍下東山
風駭雲流指顧間
三駕威聲流磅礴
百年身事付循環
西湖宮裏雲仍鎖
玉盞峰頭土未乾
垂裕當年乖積善
沖人何力擔多艱

Phiên âm:

VỊNH SỬ [1]

Nhung y xích kiếm há Đông Sơn, [2]
Phong hãi vân lưu chỉ cố gian.
Tam giá [3] uy thanh lưu bạng bạc,
Bách niên thân sự phó tuần hoàn.
Tây Hồ cung lý [4] vân nhưng tỏa,
Ngọc Trản phong đầu thổ vị can. [5]

---

1. Bài này là một trong năm bài vịnh sử của tác giả. Ngô Thì Hoàng không nói rõ vịnh nhân vật lịch sử nào, nhưng căn cứ vào ý tứ trong bài có thể xác định đây là bài về vua Quang Trung.

2. *Đông Sơn:* Phải chăng tác giả muốn nói là Tây Sơn, nhưng không nói thẳng? Nguyễn Huệ đầu tiên nổi lên ở vùng Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

3. *Tam giá:* Chỉ việc vua Quang Trung ba lần kéo quân ra Bắc vào các năm 1786, 1788 và 1789.

4. *Tây Hồ cung lý:* Trong cung ở Tây Hồ. Nguyễn Quang Toản sau khi thất bại ở Phú Xuân, dời đô ra Thăng Long, có làm lễ tế trời đất ở gần Hồ Tây. Ở đây chỉ cung điện của Nguyễn Quang Toản.

5. Câu này có ý nói lăng vua Quang Trung ở trên núi, đất đắp chưa khô, mà cơ nghiệp của Nguyễn Quang Toản đã ngả nghiêng rồi. *Ngọc Trản:* Tục gọi Hòn Chén gần thành phố Huế là chỗ có lăng vua Quang Trung.

Thùy du [1] đương niên quai tích thiện,
Trùng nhân [2] hà lực đảm đa gian.

Dịch nghĩa:

VỊNH SỬ

Khoác nhung y, cầm gươm từ núi Đông Sơn tiến xuống,
Trong khoảng trở tay, liếc mắt mây gió phải hãi hùng.
Ba lần tiến quân, tiếng tăm lừng lẫy,
Trăm năm sự nghiệp phó mặc cho sự tuần hoàn.
Trên cung Tây Hồ mây vẫn phủ kín,
Đầu núi Ngọc Trản đất còn chưa khô.
Khi gây dựng cơ nghiệp vì thiếu lo việc thiện,
Nên vua trẻ sức đâu chống với tình thế gian nan.

Dịch thơ:

Áo nhung thước kiếm xuống non Đông,
Chỉ nẻo mây kinh gió hãi hùng.
Ba trận oai danh lừng khắp chốn,
Trăm năm thân nghiệp gửi hư không.
Tây Hồ cung cũ hương còn quyện,
Ngọc Trản non cao cỏ chửa phong.
Tích thiện, làm nhân không liệu trước,
Gian nan luống để lụy con dòng.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

---

1. *Thùy dụ:* "Do chữ Thùy dụ hậu côn, trong *Kinh Thư* nghĩa là để lại phúc đức cho con cháu. Câu này có ý phê phán Quang Trung tuy có thừa tài nhưng không chú ý tính đức để lại cho con cháu.

2. *Trùng nhân:* Vua còn nhỏ lên nối ngôi. Đây chỉ Nguyễn Quang Toản.

和敬甫秋懷八首

其三

彊酌村郊對落暉
客懷隱几入希微
青洲海外寒鷗泛
紫塞天邊晚鴈飛
閒悶兼忘佳節過
高懷每與壯年違
鷯枝養拙衡門下
不管人心不瘠肥

Phiên âm:

HỌA KÍNH PHỦ THU HOÀI BÁT THỦ
(kỳ tam)

Cưỡng chước thôn giao đối lạc huy,
Khách hoài ẩn kỷ nhập hy vi.
Thanh châu hải ngoại hàn âu phiếm,
Tử tái thiện biên văn nhạn phi.
Nhàn muộn kiêm vong giai tiết quá,
Cao hoài mỗi dữ tráng niên vi.
Liêu chi dưỡng chuyết hoành môn hạ, [1]
Bất quản nhân tâm các tích phì. [2]

---

1. *Liêu chi:* Chim tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu, chỉ cần một cành cây nhỏ *(Theo Trang Tử,* thiên *Tiêu dao du).* Ở đây có ý nói cuộc sống giản dị. *Dưỡng chuyết:* Bồi dưỡng tính vụng về ngay thẳng, khinh ghét sự xảo trá. *Hoành môn:* Nhà của người ẩn dật, dùng cây gỗ bắc ngang qua để làm cửa.

2. *Các tích phì:* Cái này gầy cái kia béo. Ở đây nói lòng người xấu hay tốt.

Dịch nghĩa:

HỌA TÁM BÀI "THU HOÀI" CỦA KÍNH PHỦ
III

Gắng gượng rót chén rượu quê dưới mặt trời sắp lặn,
Tựa ghế ngồi, tâm tình người lữ khách đạm bạc.
Ngoài bể nơi bãi xanh chim âu bơi lạnh lẽo,
Phía chân trời chỗ ải tím nhạn chiều bay về.
Nỗi buồn vơ vẩn làm quên cả thời tiết đẹp,
Hoài bão cao xa không thực hiện được lúc tuổi trẻ.
Sống giản dị, giữ cái vụng của mình nơi ẩn dật,
Chẳng cần gì lòng người xấu hay tốt.

寄家姪靜齊

總卝同遊憶少時
嘻笑怒罵皆嬰兒
日月回頭一瞬息
及今相對各鬚眉
時運不齊命何蹇
風塵幾度逢亂離
君在江南我江北
水雲相隔空相思
君猶知有家鄉樂
惑我居行兩不知
信是浮生任飄轉
身愁未了又闘悲
他鄉雙影吾誰偶
孤房夜夜淚沾衣
身世蜉蝣天地間
窮通得喪自然爾
奚必他鄉與故鄉
六合總之生是寄

Phiên âm:

KÝ GIA ĐIỆT TĨNH TRAI [1]

Tổng quán đồng du ức thiếu thì,
Hy tiếu nộ mạ giai anh nhi.
Nhật nguyệt hồi đầu nhất thuấn tức,
Cập kim tương đối các tu my.
Thời vận bất tề mệnh hà kiển,
Phong trần kỷ độ phùng loạn ly.
Quân tại giang Nam ngã giang Bắc,
Thủy vân tương cách không tương ty (tư).
Quân do tri hữu gia hương lạc,
Cảm ngã cư hành lưỡng bất tri.
Tín thị phù sinh nhậm phiêu chuyển,
Thân sầu vị liễu hựu khuê bi.
Tha hương song ảnh ngô thùy ngẫu.
Cô phòng dạ dạ lệ chiêm y, [2]...
... Thân thế phù du thiên địa gian,
Cùng thông đắc táng tự nhiên nhĩ.
Hề tất tha hương dữ cố hương,
Lục hợp tổng chi sinh thị ký.

Dịch nghĩa:

GỬI CHÁU TĨNH TRAI

Tóc trái đào, nhớ khi tuổi nhỏ chơi với nhau,
Vui thì cười đùa, giận thì cãi cọ, đều trẻ con cả.
Ngoảnh đầu lại, tháng ngày như chớp mắt,
Đến nay nhìn nhau, mày râu đều già cả.
Thời vận gian truân, số phận trớ trêu,

---

1. *Tĩnh Trai:* Tức Ngô Thì Điển, con cả của Ngô Thì Nhậm, gọi Ngô Thì Hoàng bằng chú ruột.

2. Bài thơ này 82 câu có những đoạn ý tứ trùng lặp. Vì vậy chúng tôi chỉ trích 14 câu kết.

Trải mấy độ phong trần ly loạn.
Cháu ở giang Nam, chú ở giang Bắc,
Nước mây cách trở luống những nhớ nhau.
Cháu còn có thú vui gia đình, quê quán,
Chú ở nhà hay ở trọ chẳng có gì hơn.
Thôi mặc cho cuộc sống cứ trôi dạt.
Cảnh đã buồn, lại thêm nỗi buồn góa vợ.
Chiếc bóng quê người, cùng ai bầu bạn!
Trong gian phòng cô quạnh, đêm đêm nước mắt thấm áo...
... Đời người như con vờ ở trong trời đất,
Cùng thông, được mất, phó mặc cho tự nhiên.
Cần gì phải tính quê người hay quê nhà,
Trên cõi đời, sống ở đâu cũng là gửi cả.

Dịch thơ:

Thuở còn để trái đào thơ dại,
Cùng vui đùa, giận cãi mắng nhau.
Tháng ngày thấp thoáng trôi mau,
Chúng ta rày đã mày râu nên người.
Mệnh chẳng đạt, gặp thời vận xúi,
Trải mấy phen gió bụi loạn ly.
Bắc Nam hai ngả phân kỳ,
Nước ngăn, mây cách tương tư đôi đường.
Cháu còn có gia hương vui thú,
Chú một thân vò võ đứng ngồi.
Phù sinh lận lội pha phôi,
Cảm thương thân thế, ngậm ngùi khuê ly.
Nơi đất khách đi về bóng lẻ,
Mảnh áo đơn đẫm lệ đêm thanh...
... Quãng đời một kiếp phù sinh,
Cùng thông đã mất, nhục vinh lẽ thường.
Cố hương dù nữa tha hương,
Cũng là sống gửi trong trường thế gian.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

旅館夢先室

燈前偶閱哭君文
追憶前緣淚滿巾
葬玉埋香千古恨
飄蓬斷梗一生貧
鍾情不為冥陽改
靈魄曾於夢寐親
愁絶家鄉驚覺後
荒庭綠草遠山雲

Phiên âm:

LỮ QUÁN MỘNG TIÊN THẤT

Đăng tiền ngẫu duyệt khốc quân văn,
Truy ức tiền duyên lệ mãn cân.
Táng ngọc mai hương thiên cổ hận,
Phiêu bồng đoạn ngạnh nhất sinh bần.
Chung tình bất vị minh dương cải,
Linh phách tằng ư mộng mị thân.
Sầu tuyệt tha hương kinh giác hậu,
Hoang đình lục thảo viễn sơn vân.

Dịch nghĩa:

Ở NHÀ TRỌ NẰM MỘNG THẤY VỢ TRƯỚC

Trước ngọn đèn tình cờ xem bài văn khóc nàng,
Nhớ lại duyên cũ nước mắt đẫm khăn.
Chôn ngọc vùi hương là mối hận thiên cổ,
Cỏ trôi bèo dạt suốt một đời nghèo nàn.

Mối tình chung thủy không thay đổi với kẻ âm người dương,
Hồn phách thiêng liêng thường gặp nhau trong giấc mộng.
Buồn nhất là khi tỉnh giấc ngủ nơi đất khách,
Mơ màng về khóm cỏ xanh nơi sân vắng và đám mây trên núi xa.

農話賦

辛未之歲,六七月間.禾穀既同離離翼翼
畝之南,皋之東.農者喜曰:比歲災凶,
天寔惠我,今年庶乎其穫豐.
忽然暴雨,若傾盆者.
淋漓滂沱,不舍晝夜.
巢室之居,水及階下.
余乃泛竹舟出村郭而觀之.
平田萬頃,恍如巨川.
不見禾稼,茫茫水天.
遇一農叟,執篙而為舟子者,其容憔然.
於是,維舟而問之曰:天災不幸,斯亦已焉.

叟之稼其高者,上遺尺寸之田乎.
叟顰眉蹙額而言曰:聽我農民,以穀為命.自
春徂夏,時植時播.沾體塗足.
含饑忍饑.日望秋成.斗酒田舍.
誰知一夕,蒼海綠野.今子舟其上者,
皆我稼也.
一望無際,何高何深.
寸苗靡遺,巨浪沉沉.
子且勿問,重傷我心.
余聞叟言,亦為憮憮.
視水中禾,根敗而葉腐.
如大過之滅頂,如未濟之濡首.
縱有仁心,莫施援手.
惻然而悲,肅然而懼.
舟逡巡而不發,將返掉而回顧.

童子進曰:自我先生,卜築書齋.
書田而舌耕,地不能為之窮,天不能為之災
每聞秋風,必爽然興懷.
或攜壺于橋上,或濯纓于水涯.
而今秋色浩瀚,水面風來.
霜橋月觀洲渚縈廻.
琴樽適興,不其甚佳.
先生之意,若不豫何哉?
曰:風月扁舟,於予成癖.
惟樂生於心,而後見於跡.
又必以其時可也,苟非時則物我扞隔.
豈吾與爾之所能獨適哉!
我今為士,在四民中.
不耕而食,寔倦諸農.
一穀不收,我誰與供.

縱咬得荼根,奈吾人之窮何!
農民勤苦,終歲不撥.
歲旱則傷於螟螣,歲潦則委諸魚鱉.
生穀幾何,民食不竭.
何莫非水,而此則盡農夫之膏血.
人且嗷嗷然,予獨何心傲淸風而賞明月.
非時之遊,爾其勿說.
農叟旁觀,意甚盤桓曰:
吾子此言,誠知吾稼穡之艱難.

顧我並生於天地間.
厄我以遇,吾亦惟命之安.
保我業而持吾志,雖有饑饉則有豊年
吾之自信者理也.
蓋,運不終窮,時不終否.
余之業為農,猶子之業為士.
要各勉旃自彊焉耳.
余是其言,掉舟作別,遂為之記.

Phiên âm:

NÔNG THOẠI PHÚ

Tân Mùi chi tuế,
Lục thất nguyệt gian.
Hòa cốc ký đồng ly ly dực dực, mẫu chi Nam, cao chi Đông.
Nông giả hỷ viết:
Bí tuế tai hung.
Thiên thực huệ ngã,
Kim niên thứ hồ kỳ hoạch phong.
Hốt nhiên bạo vũ,
Nhược khuynh bồn giả.
Lâm ly bàng đà,
Bất xả trú dạ.
Sào thất chi cư,
Thủy cập giai hạ.
Dư nãi phiếm trúc chu, xuất thôn quách nhi quan chi.
Bình điền vạn khoảnh,
Hoảng như cự xuyên.
Bất kiến hòa giá,
Mang mang thủy thiên.
Ngộ nhất nông tẩu, chấp cao nhi chu tứ giả,
Kỳ dung tiểu nhiên
Ư thị, duy chu nhi vấn chi viết:
Thiên tai bất hạnh,
Tự diệc dĩ yên.
Tẩu chi giá, kỳ cao giả, thượng dĩ xích thốn chi điền hồ?
Tẩu tần mi súc ngạch nhi ngôn viết:
Y ngã nông dân,
Dĩ cốc vi mệnh.
Tự xuân tồ hạ,
Thời thực thời bá.
Triềm thể đồ túc,
Hàm cơ nhẫn ngã.
Nhật vọng thu thành,
Đẩu tửu lục xá.
Thùy tri nhất tịch,

Thương hải điền dã.
Kim tử chu kỳ thượng giả,
Giai ngã giá dã.
Nhất vọng vô tế,
Hà cao hà thâm,
Thốn miêu mỹ dĩ,
Cự lãng trầm trầm.
Tử thả vật vấn.
Trụng thương ngã tâm.

Dư văn tẩu ngôn,
Diệc vị phủ phủ.
Thị thủy trung hòa,
Căn bại nhi diệp hủ.
Như "đại quá" chi diệt đỉnh,
Như "vị tế" chi nhu thủ.
Túng hữu nhân tâm,
Mạc thi viên thủ.
Trắc nhiên nhi bi,
Túc nhiên nhi cụ.
Chu thuẩn tuần nhi bất phát,
Tương phản trạo nhi hồi cố.

Đồng tử tiến viết:
Tư ngã tiên sinh,
Bốc trúc thư trai.
Thư điền nhi thiệt canh.
Địa bất năng vi chi cùng,
Thiên bất năng vi chi tai.
Mỗi văn thu phong,
Tất sảng nhiên hứng hoài.
Hoặc huề hồ vu kiều thượng,
Hoặc trạc anh vu thủy nhai.
Nhi kim thu sắc hạo hãn,
Thủy diện phong lai.
Sương kiều nguyệt quán,
Châu chử oanh hồi.
Cầm tôn thích hứng,

Bất kỳ thậm giai.
Tiên sinh chi ý,
Nhược bất dự, hà tai?
Viết: Phong nguyệt biên chu,
Ư dư thành tích.
Duy lạc sinh ư tâm,
Nhi hậu kiến ư tích.
Hựu tất dĩ kỳ thời khả dã,
Cẩu phi kỳ thời tắc vật ngã hãn cách.
Khởi ngô dữ nhĩ chi sở năng độc thích tai?
Ngã kim vi sĩ,
Tại tứ dân trung.
Bất canh nhi thực,
Thực hệ chư nông.
Nhất cốc bất thu,
Ngã thùy dữ cung?
Túng giảo đắc phù thái căn
Nại ngô nhân chi cùng hà?
Nông dân cần khổ,
Chung tuế bất xuyết.
Tuế hạn tắc thương ư minh đằng,
Tuế lạo tắc ủy chư ngư miết.
Sinh cốc kỷ hà,
Dân thực bất kiệt.
Hà mạc phi thủy,
Nhì thử tắc tận nông phu chi cao huyết.
Nhân thả ngao ngao nhiên,
Dư độc hà tâm ngạo thanh phong, nhi thưởng minh nguyệt.
Phi thời chi du,
Nhĩ kỳ vật thuyết.

Nông tẩu bàng quan,
Ý thậm bàn hoàn.
Viết: Ngô tử thử ngôn,
Thành tri ngô giá sắc chi gian nan.
Cố ngã tịnh sinh ư thiên địa gian,
Ách ngã dĩ ngộ

Ngộ diệc duy mệnh chi an.
Bảo ngã nghiệp nhi trì ngô chí,
Tuy hữu cơ cận tắc hữu phong niên.
Ngô chi tự tín giả lý dã,
Cái: Vận bất chung cùng,
Thời bất chung bĩ.
Dư chi nghiệp vi nông,
Do tử chi nghiệp vi sĩ.
Yếu các miễn chiên,
Tự cường yên nhĩ.
Dư thị kỳ ngôn,
Trạo chu tác biệt,
Toại vi chi ký.

Dịch nghĩa:

BÀI PHÚ NÓI CHUYỆN NHÀ NÔNG

Giữa năm Tân Mùi (1811),
Khoảng tháng sáu, bảy.
Lúa má mơn mởn xanh tươi,
Khắp cả đồng trên bãi dưới.
Nhà nông mừng rằng:
Trời rủ lòng thương.
Mấy năm liền thất bát,
Năm nay hẳn được phong đăng.
Bỗng ập trận mưa,
Như tát như xối.
Tầm tã dầm dề,
Suốt ngày thâu tối.
Nhà thấp nhà cao,
Nước dâng lụt lội.
Ta thả một chiếc thuyền nan,
Bơi ra ngoài xóm xem làn nước dâng.
Đồng ruộng ngập bằng,
Như biển như sông.
Chẳng thấy lúa má,
Chỉ thấy trời nước mênh mông.

Bỗng gặp một lão nông,
Cầm sào chống chiếc mảng,
Mặt mày ủ dột vô cùng!
Ta liền ghé thuyền lại mà hỏi rằng:
Thiên tai quá lắm,
Thật là thảm thương!
Ruộng của già chỗ cao có còn thửa nào sót lại khỏi ngập chăng?
Ông già cau mày mà đáp rằng:
Ôi! Nông dân chúng tôi,
Lúa là mạng sống.
Từ xuân sang hè,
Làm đất gieo giống.
Chân lấm tay bùn,
Bóp mồm bóp bụng.
Trông ngóng được mùa,
Mới có ăn có uống.
Hay đâu một sáng một chiều,
Biển xanh chìm ngập đồng ruộng.
Dưới chỗ thuyền ông đó,
Đều là lúa của tôi.
Chẳng kể cao hay thấp,
Chìm nghỉm hết cả rồi.
Không còn một cọng lúa,
Mặc cát lấp sóng dồi.
Xin ông đừng hỏi nữa,
Càng thêm não dạ người.

Ta nghe ông già nói,
Cũng nghẹn ngào trong cổ
Nhìn lúa chìm nước sâu,
Rễ tưa và lá úa.
Như kẻ chết chìm,
Như người chết rũ.
Dù có lòng nhân,
Khôn bề cứu chữa.
Ta lặng người xót xa,
Ta giật mình kinh sợ.
Thuyền trù trừ không nỡ rời,

Hầu quay về còn ngoái cổ.
Tiểu đồng đứng lên thưa rằng:
Từ ngày thầy đến,
Ở trường học này.
Lấy sách làm ruộng,
Lấy lưỡi làm cày.
Đất không thể gây họa,
Trời không thể ra tai.
Mỗi khi gió thu thổi,
Ắt thấy thầy vui vui.
Hoặc mang mũ xuống bến giặt,
Hoặc xách bầu lên cầu chơi.
Mà nay: Trời thu quang đãng,
Sắc thu phơi phới.
Đầu cầu sương tỏa,
Bên quán trăng soi.
Mặt nước hiu hiu gió.
Dòng nước lững lờ trôi.
Chính là lúc nghiêng bầu gợi hứng,
Thật là một buổi đẹp tuyệt vời.
Nhưng sao thấy thầy,
Có vẻ bùi ngùi?
Ta rằng: Trăng thanh gió mát,
Một chiếc thuyền nan.
Đã thành thói nghiện,
Của thầy đó con!
Song lòng có vui thì mới có hứng,
Hứng và vui phải hợp cảnh hợp người.
Vui hứng lại phải hợp thời đúng lúc,
Không đúng lúc, thì người với cảnh như kẻ ngược người xuôi.
Làm sao ta và con có thể một mình vui chơi?
Ta là kẻ sĩ,
Ở trong tứ dân [1].
Không cày mà ăn,
Nhờ nhà nông cả.

---

1. *Tứ dân:* Bốn lớp dân: sĩ (học trò), nông (làm ruộng), công (làm thợ), thương (buôn bán).

Nhà nông không lúa,
Ta lấy gì ăn?
Ví dù ăn được rễ cây,
Ta tạm đỡ đói, còn người thì sao?
Người nông dân biết bao cơ cực,
Suốt tháng ngày nào được nghỉ ngơi.
Lại còn bao nỗi thiên tai,
Lũ thời ngập lụt, hạn thời rầy sâu.
Làm ra được bao nhiêu thóc lúa,
Cho dân mình no đủ quanh năm.
Cùng là nước mỗi năm mỗi khác,
Nước thế này, cạn máu dân lành.
Người ta đang lênh đênh nhớn nhác,
Ta lòng nào vui gió mát trăng thanh!
Không phải thời sao đành du ngoạn,
Thôi con đừng nói nữa con ơi!

Ông già nông đứng lên,
Ý dường có băn khoăn.
Rằng: "Nghe lời ông nói,
Thật là thấu hiểu cảnh nhà nông vất vả gian nan.
Song, chúng ta đứng trong trời đất,
Dù gặp tai ách, cũng đành "tùy ngộ nhi an!" [1]
Cốt bền chí mà giữ gìn chức nghiệp,
Năm nay mất mùa, ta còn trông ở sang năm...
Điều ta tin là lý,
Vì: Vận không mãi cùng.
Thời không mãi bĩ.
Nghề của tôi là nông
Cũng như nghề ông là sĩ.
Ta khuyến khích lẫn nhau,
Phải tự cường và trì chí.

Ta khen lời của ông là phải,
Dời thuyền chia tay,
Và viết lời ký.

Thạch Can *dịch*

---

1. *Tùy ngộ nhi an:* Gặp cảnh ngộ nào, yên với cảnh ngộ ấy.

溪橋秋詠賦

歲在中央,
鶉徵迭商.
柳初被日,
梧未降霜.
石塢居士,
曉起書堂.
披雍牖,納朝凉.
拂經案,拭琴床.
冠童咸集
書聲洋洋.
誦泌水之篇,
吟考槃之章.
懷古道之寥廓
起秋思之飄揚.
非江山之曾識,
曷杖屨其徜徉.
坐中童子,
解先生意.
起為余言,
有溪于此.
從天德以發源.
乃逶蜿而東流.
淺不病夫從涉,
狹僅容於小舟.
潦經東而水涸,
獨常盛於夏秋.
方其涸也,
農者闢之為田疇.
及其盛也,
漁者設罩而施罛.

吾子其不辭淺狹,
肯與漁農者遊乎.
余欣然曰:
爾言何晩.
造化設奇,
江山無限.
水不深, 惟吾泮渙.
世途滔滔,曷其涯岸.
為漁為農,
亦余之所深羨者也.
於是,躡方履,披單袍.
冠童五六,
從之逍遙.
午日側其欲低,
樹影横而增高.
暑罩花而輕染,
風穿竹以斜散.
越祟紆之村巷,
瞰遠目於東皋.
稼既同夫話畬,
黍如雲以凝碧.
掠白鷺之橫飛,
散蜻蜓之歷歷.
顧牧豎於高崗,
揖田翁於曲陌.
忽漁歌其欸乃,
出溪流之迢迢.
旁臨古館,
上架長橋.
清秋迥野,
四顧寂寥.

翻虹影於波心，
織龍鱗於水面。
蔭古樹之扶疏，
錯沙汀之潛現。
誰牽牛之上飲，
孰織女之下浣。
維釣艇於中流，
岸東西其莫辨
灣浩浩其滿盈，
掬涓涓其澄清。
乃澡身而浴德，
亦澣衣而濯纓。
魚縱壑其活潑，
龍躍浪以縱橫：
淘泥沙以就潔，
若羽化而翰生。
爰捨舟而登岸，
一憑欄其舒眺。
披清風其滿襟，
回日光以相照。
寫幽憂而放懷，
劃一聲之長叫

遠岫油油而出雲，
陶廚裊裊而飛煙．
象山回頭而獻媚，
龍領流珠而送妍．
起故宮之臥虎，
問滄海以何年．
策龜蛇於古觀，
挹靈氣其藹然．
覽一壺之勝概，
紛應接於吾前．
誰識余之真樂，
呼童子而與言．
道無乎其不在，
心尤貴夫能靜．
從物理而靜觀，
即坳堂其佳景．
不俛俯以臨深，
豈至巔其減頂．
三十里之回流，
幾忠信以自省．
魚環遊於石滄，
亦足怡乎道性．

必溟渤而後觀
彼焉取乎濠井.
況余德之謭劣,
遭時運之坎坷.
為他鄉之落拓,
築書田以為家.
與吾徒而呫嗶,
共涵泳夫聖涯.
冀撐船之不倦,
敢竊勺以自多.
苟斯溪之可適,
庶余心其有悟.
雖淺狹以奚辭,
寔弘深之能喻.
不爭衆以從懷,
獨爾清其誰妒.
能潤物以灌溉,
生養德之悉具.
害弗畜其魚虎,
俯馮夷而無懼.
匪洋若之能激,
將風姨其曷怒.

兼吾人之忘機，
合漁農而成趣。
昔有樂于愚溪，
吾今取夫義柱。
童子擧首，
溪橋欲暮。
村寺點鍾，
寒鴉繞樹。
擧沂浴之歌歸，
望書堂而返步。
稚子載笑以迎門，
明月皎皎其當牖

Phiên âm:

KHÊ KIỀU THU VỊNH PHÚ

Tuế tại trung ương,
Đăng chủy điệt thương.
Liễu sơ bị nhật,
Ngô vị giáng sương.
Thạch Ổ cư sĩ,
Hiểu khởi thư đường.
Phi úng du,
Nạp chiêu lương.
Phất kinh án,
Thức cầm sàng.
Quán đồng hàm tập,
Thư thanh dương dương.
Tụng Bí thủy chi thiên,
Ngâm Khảo bàn chi chương.
Hoài cổ đạo chi liêu khuyếch,
Khởi thu tứ chi phiêu dương.

Phi giang sơn chi tằng thức,
Hạt trượng lũ chi thảng dương.
Tọa trung đồng tử,
Giải tiên sinh ý,
Khởi vị dư ngôn,
Hữu khê vu thử.
Tòng Thiên Đức dĩ phát nguyên,
Nãi uy uyển nhi đông lưu.
Thiển bất bệnh phù đồ thiệp,
Hiệp cận dung ư tiểu chu.
Lạo kinh đông nhi thủy hạc,
Độc thường thịnh ư hạ thu.
Phương kỳ hạc dã,
Nông giả tịch nhi vi điền trù.
Cập kỳ thịnh dã,
Ngư giả thiết tráo nhi thi cô.
Ngô tử kỳ bất từ thiển hiệp,
Khẳng dữ ngư nông giả du hồ?
Dư hân nhiên viết:
Nhĩ ngôn hà vãn?
Tạo hóa thiết kỳ,
Giang sơn vô hạn.
Thủy bất tại thâm,
Duy ngô phán hoán.
Thế đồ thao thao,
Hạt kỳ nhai ngạn.
Vi ngư vi nông,
Diệc dư chi sở thâm tiễn giả dã.
Ư thị: nhiếp phương lý,
Phi đàn bào.
Quán đồng ngũ lục,
Tòng chi tiêu dao.
Ngọ nhật trác kỳ dục đê,
Thụ ảnh hoành nhi tăng cao.
Thử tráo hoa nhi khinh nhiễm,
Phong xuyên trúc dĩ tà sao.
Việt bàn vu chi thôn hạng,
Hám viễn mục ư đông cao.

Giá ký đồng phù tri dư,
Thử như vân dĩ ngưng bích,
Lược bạch lộ chi hoành phi,
Tán thanh đình chi lịch lịch.
Cố mục thụ ư cao cương,
Ấp điền ông ư khúc mạch.
Hốt ngư ca kỳ ải nãi,
Xuất khê lưu chi thiều thiều.
Bàng lâm cổ quán,
Thượng giá trường kiều.
Thanh thu quýnh dã,
Tứ cố tịch liêu.
Phiên hồng ảnh ư ba tâm,
Chức long lân ư thủy điện.
Ấm cổ thụ chi phù sơ,
Thác sa đinh chi tiềm hiện.
Thùy khiên ngưu chi thướng ẩm,
Thục chức nữ chi há hoãn.
Duy điếu đĩnh ư trung lưu,
Ngạn đông tây kỳ mạc biện.
Phổ hạo hạo kỳ mãn doanh,
Cúc quyên quyên kỳ trừng thanh.
Nãi tảo thân nhi dục đức,
Diệc cán y nhi trạc anh.
Ngư túng hác kỳ hoạt bát,
Long dược lãng dĩ tung hoành.
Đào nê sa dĩ tựu khiết,
Nhược vũ hóa nhi hàn sinh.
Viên xả chu nhi đăng ngạn,
Nhất bằng lan kỳ thư diếu.
Phi thanh phong kỳ mãn khâm,
Hồi nhật quang dĩ tương chiếu.
Tả u ưu nhi phóng hoài,
Hoạch nhất thanh chi trường khiếu.
Viễn tụ du du nhi xuất vân,
Đào phố niểu niểu nhi phi yên.
Tượng sơn hồi đầu nhi hiến mị,
Long hạm lưu châu nhi tống nghiên.

Khởi cố cung chi ngọa hổ,
Vấn thương hải dĩ hà niên.
Sách quy xà ư cổ quán,
Ấp linh khí kỳ thông nhiên.
Lãm nhất hồ chi thắng khái,
Phân ứng tiếp ư ngô tiền.
Thùy thức dư chi chân lạc,
Hô đồng tử nhi dữ ngôn.
Đạo vô hồ kỳ bất tại,
Tâm vưu quý phù năng tĩnh.
Tòng vật lý nhi tĩnh quan,
Tức ao thường kỳ giai cảnh.
Bất kiểu hãnh dĩ lâm thâm,
Khởi chí ngu kỳ diệt đỉnh.
Tam thập lý chi hồi lưu,
Cơ trung tín dĩ tự tỉnh.
Ngư hoàn du ư thạch bồn,
Diệc túc di hồ đạo tính.
Tất minh bột nhi hậu quan,
Bỉ yên thủ hồ hào tỉnh.
Huống dư đức chi tiễn liệt,
Tao thời vận chi khảm kha.
Vi tha hương chi lạc thác,
Trúc thư điền dĩ vi gia.
Dữ ngô đồ nhi chiêm tất,
Cộng hàm vịnh phù thánh nha.
Ký xanh thuyền chi bất quyện,
Cảm thiết thược dĩ tự đa.
Cẩu tư khê chi khả thích,
Thứ dư tâm kỳ hữu ngộ.
Tuy thiển hiệp dĩ hề từ,
Thực hoằng thâm chi năng dụ.
Bất tranh chúng dĩ túng hoài,
Độc nhĩ thanh kỳ thùy đố.
Năng nhuận vật dĩ quán khái,
Sinh dưỡng đức chi tất cụ.
Hại phất súc kỳ ngư hổ,
Phủ phùng di nhi vô cụ.

Phỉ dương nhược chi năng kích,
Tương phong di kỳ hạt nộ.
Kiêm ngô nhân chi vong cơ,
Hợp ngư nông nhi thành thú.
Tích hữu lạc hồ Ngu khê,
Ngô kim thử phù nghĩa trụ.
Đồng tử cử thủ,
Khê kiều dục mộ.
Thôn tự điểm trung,
Hàn nha nhiễu thụ.
Học Nghi dục chi ca quy,
Vọng thư đường nhi phản bộ.
Trĩ tử tái tiếu dĩ nghênh môn,
Minh nguyệt hạo hạo kỳ đương dũ.

Dịch thơ:

BÀI PHÚ KHÊ KIỀU THU VỊNH

Năm thuộc "trung ương", [1]
Hè hết thu sang. [2]
Liễu vừa rám nắng,
Ngô chửa [3] *bén sương.*
Thạch Ổ cư sĩ. [4]
Dậy sớm lên trường.

---

1. Nguyên văn "Tuế tại trung ương", có nghĩa là sao "Thái tuế" ở vào cung trung ương. Theo "Âm dương gia" thì những năm "Mậu", "Kỷ" thuộc cung Trung ương. Ở đây tính theo niên biểu của Ngô Thì Hoàng thì thuộc những năm Mậu Thân (1788), Kỷ Dậu (1789) và Mậu Thìn (1808), Kỷ Tỵ (1809). Theo chúng tôi nghĩ có lẽ tác giả sáng tác bài phú này vào năm Mậu Thìn hay Kỷ Tỵ.

2. *Hè hết thu sang:* Dịch theo ý câu *"Đăng chủy điệt thương"* *"chủy"* và *"thương"* là những tiếng trong năm tiếng (ngũ âm) của nhạc. Theo *Kinh Lễ:* *"Chủy"* là tiếng thuộc tháng hạ, *"thương"* là tiếng thuộc tháng thu.

3. *Ngô:* Tức cây ngô đồng, thường đến cuối thu, sương xuống lá ngô đồng rụng. Cổ thi: "Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ tận tri thu" (Ngô đồng một lá rụng, thiên hạ thấy biết thu sang). Ý ở đây nói: Mới bắt đầu sang thu, sương thu chưa xuống, lá ngô chưa rụng.

4. *Thạch Ổ cư sĩ:* Biệt hiệu của tác giả.

Mở toang cửa sổ,
Hứng mát thư đường.
Phủi bụi án sách,
Lau chùi cây đàn.
Học trò năm bảy chú,
Tiếng đọc sách vang vang.
Ngâm thơ Bí thủy mấy thiên,
Đọc thơ Khảo bàn mấy chương. [1]
Cảm đạo xưa man mác,
Nổi thu tứ mênh mang.
Vốn núi sông chưa quen thuộc,
Mà gậy dép muốn nghênh ngang.
Trò nhỏ trong lớp,
Ngầm hiểu ý thầy.
Đứng lên bày tỏ,
Có suối gần đây.
Bắt nguồn từ sông Thiên Đức, [2]
Cuồn cuộn nước chảy về xuôi.
Nông, có thể lội qua được,
Hẹp, chỉ vừa thuyền nhỏ thôi.
Sang mùa đông nước mới cạn,
Lúc hè thu suối thường đầy.
Lúc nước cạn thì nhà nông khai phá thành ruộng lúa,
Khi nước đầy thì ngư ông kéo vó và quăng chài.
Như thầy không chê là nông hẹp,
Cùng nhà nông, nhà chài đi chơi.
Ta mừng hớn hở:
Con nói sao muộn.
Tạo hóa sẵn an bài,
Núi sông nào có hạn.
Nước cần chi phải sâu,
Miễn ta vừa ý muốn.
Bước đường đời mênh mông,
Biết đâu là bờ biển.
Làm nông hay làm chài,

1. *Thơ Bí thủy, thơ Khảo bàn:* Tên các bài thơ trong *Kinh Thi*.
2. *Sông Thiên Đức:* Tức sông Đuống.

Cũng là điều ta ưa ta mến!
Thế rồi: Xỏ chân đôi dép,
Khoác áo đơn dài.
Năm ba trò nhỏ,
Theo hầu dạo chơi.
Mặt trời dần xế thấp,
Bóng cây ngả kéo dài.
Ánh nắng lồng bóng hoa phấp phới,
Làn gió lay cành trúc chơi vơi.
Dạo quanh co khắp xóm làng,
Mắt ngõi nhìn ra ngoài nội.
Cấy vừa kín khắp cánh đồng,
Lúa xanh rì như mây nổi.
Đàn cò trắng liệng dập dờn,
Lũ chuồn chuồn bay chấp chới.
Nhìn mục đồng trên gò cao,
Gặp lão nông bên bờ rẫy.
Chợt ca chài đâu vọng lại,
Nghe văng vẳng bên suối reo.
Cạnh mé chùa cổ,
Bên trên có cầu.
Đồng không mông quạnh,
Tứ bề vắng teo.
Đáy nước, cầu vồng in bóng,
Mặt khe, vảy cá lăn tăn.
Cổ thụ tốt tươi xòe rợp,
Bãi cồn ẩn hiện xa gần.
Kìa chàng dắt trâu uống nước,
Nọ nàng giặt sợi bên khe.
Giữa dòng thuyền câu gác mái,
Chẳng cần phương hướng đông tây.
Làn nước mênh mông đầy ắp,
Vốc lên leo lẻo trong xanh.
Đã giặt áo và giặt mũ,
Lại gội đầu và tắm mình.
Cá giữa dòng mà vùng vẫy,
Rồng dỡn sóng mà tung hoành.
Hết trần ai mà nhẹ nhõm,

Như bay bổng mà thênh thênh.
Rồi bỏ thuyền mà lên bờ,
Tựa lan can mà nhìn ngắm.
Giang tay ra đón gió hây,
Hứng mặt trời mà giãi nắng.
Tả nỗi lòng thấy nhẹ nhàng,
Dường tiếng đâu nghe văng vẳng.
Núi xa ùn ùn mây cuốn,
Phố Đào nghi ngút khói bay.
Núi Tượng ngảnh đầu làm dáng,
Hàm rồng nhá ngọc khoe tài.
Gọi hổ nằm nơi cung cũ,
Hỏi biển biếc từ năm nao?
Vỗ rùa rắn trong miếu cổ,
Hứng khí thiêng bao dạt dào.
Nhìn ngắm một bầu bao cảnh đẹp,
Tưng bừng nối tiếp đến bên ta.
Lòng ta vui lắm ai hay biết,
Gọi lũ thư đồng để chuyện trò:
Đạo ở đâu mà chẳng có,
Chỉ quý hồ lòng yên tĩnh.
Cứ vật lý mà lặng nhìn,
Dù ao nông không thiếu cảnh.
Chẳng cầu kỳ đến chỗ sâu,
Đâu đến nỗi lo chìm nghỉm.
Chỗ nước xoáy và sông dài,
Để giữ gìn ta nên tránh.
Cá bơi vòng trong hõm đá,
Cũng đủ vui với bản tính.
Song một khi thấy biển khơi,
Nó đâu thích ở ngòi rãnh.
Vả tài đức ta mong manh,
Gặp thời vận lúc lênh đênh,
Đi lưu lạc nơi đất khách,
Lấy trường học làm nhà mình.
Với học trò ta dìu dắt,
Cùng bơi lội bến thánh hiền.
Lo chèo chống không mệt mỏi,

Chẳng một chút giữ của riêng.
Con suối này nếu vừa ý,
Thì lòng ta đà giác ngộ.
Dẫu nông hẹp có hề chi,
Thực sâu rộng đà hiểu rõ.
Chẳng tranh giành với ai chi,
Mình trong sạch ai ghét bỏ?
Để tưới dội nhuần cỏ cây,
Đức dưỡng sinh có đầy đủ.
Giống bói cá có hại không nuôi, [1]
Nhìn thủy thần can chi phải sợ.
Thần biển chẳng thể dậy phong ba,
Thần gió cũng không nổi giận dữ.
Lại thêm người, ta rất thảnh thơi,
Cùng với chài, nông mà vui thú.
Thuở xưa có người vui suối Ngu, [2]
Nay ta dựa hẳn vào cột nghĩa.
Tiểu đồng ngẩng đầu lên,
Chiều buông câu khe nọ.
Chùa làng thỉnh chuông hôm,
Đàn quạ bay về tổ.
Hát khúc "Tắm Sông Nghi" quay về, [3]
Trở gót nhắm thư đường lối cũ.
Con trẻ hớn hở đón cửa ngoài,
Trăng sáng vằng vặc nhòm bên sổ.

Thạch Can *dịch*

---

1. *Giống bói cá:* Nguyên văn là "ngư hổ", còn có tên là "ngư cẩu".

2. *Suối Ngu* (Ngu Khê): Nơi ở của Liễu Tông Nguyên thời Đường, tên Ngu Khê do Liễu Tông Nguyên đặt.

3. *Tắm sông Nghi:* Chữ sách *Luận ngữ*. Khổng Tử bảo các học trò nói chí của mình. Tăng Điểm nói "muốn... tắm ở sông Nghi, hóng mát ở đài Vũ Vu, ngâm thơ mà đi về".

三橋月夜遊記

歲乙丑八月,望前二日,梧雨初晴,風涼日淡.余課徒于義柱溪板橋之上.弟希濂公,老友陳公,各以其徒,自講館來會,三村童冠,二三十人,列坐橋之左右.命題以巢父洗耳為詩.嚴陵瀨為賦,窩春耕釣為文.課既罷,或臨流而濯纓,或倚樹而迎涼.欣欣然,各適其性.憑欄望之,溪流曲折,水色清瑩,炎暑既退,清風徐來.乃命遍舟載茶酒,老友辭歸,獨與吾弟攜手登舟,童冠願從者不禁.對酌舟中,凝眸四顧遠岫孤村,浮雲落霞,飛鷗翔鴈,古樹孤館.牧豎之往來,田翁之歸去.

一一在目,應接不暇,即景聯吟,命冠者執筆於船頭書之.順流而汎,至華洞橋,維舟泊岸,登橋烹茗,或醉或叫,盤桓若有所待.茶煙歇暮靄合.橋下晴紋漪漾如萬隊金蛇.童子曰山東月出矣.收拾歸舟.滿眼煙光雲物,則有一番精神.兼葭兩岸.迭相送迎,風拂稻香.時在酒屉茶碗中,詩興來追,吟不成調.誦溪橋之賦,與風聲樹聲溪聲間響,靜而聽之,亦忘溪之東西,橋之上下.月送歸舟,瞬息又在課徒之所.諸村叟預設酒殽相待.金鏡懸欄,橋光如畫,開懷敘飲,月色盈杯.酒到半醉,遊興未闌.將溯龍頷之淵,登三角之山,又命舟子沿流而上.至于石橋,夜漏將半.寒霜滿溪.於是還掉,再回板橋.辭舟登岸.仰視長空明月,徘徊不能相捨,乘月而歸.步步沉吟,四時之景秋最清中秋之候月最明.清明意象,造化無盡藏,人與之契會.非豪曠不能得其妙.地皆可賞玩,非清寂不能得其神.我與吾弟托跡人鄉,生涯局于豢褐.末技東于繩墨,誠非豪曠者流.但即所居,因以為樂.寂寥野色.夜深人定.月在天,橋在溪,客在船,都自一壺

清秋點化中來.不覺起惰腐為豪曠.換塵囂為清寂.雖不能盡清明之神妙,亦以志斯遊之趣耳.夫華洞橋頭載月以歸,故名之曰迎月橋.義柱板橋,邀月而飲,故名之曰得月橋既得月,又將安之.至于石橋,辭月而返,又名之曰返月橋,以語弟亦云然.因為之記.

Phiên âm:

TAM KIỀU NGUYỆT DẠ DU KÝ

Tuế Ất Sửu bát nguyệt, vọng tiền nhị nhật, ngô vũ sơ tình, phong lương nhật đạm. Dư khóa đồ vu nghĩa trụ khê bản kiều chi thượng. Đệ Hy Liêm công, lão hữu Trần công, các dĩ kỳ đồ, tự giảng quán lai hội, tam thôn đồng quan, nhị tam thập nhân, liệt tọa kiều chi tả hữu. Mệnh đề dĩ sào phủ tẩy nhĩ vi thi. Nghiêm lăng lại vi phú, Phú Xuân canh điếu vi văn. Khóa ký bãi, hoặc lâm lưu nhi trạc anh, hoặc ỷ thụ nhi nghênh lương, hân hân nhiên, các thích kỳ tính. Bằng lan vọng chi, khê lưu khúc triết, Thủy sắc thanh huỳnh, viêm thử ký thoái, thanh phong từ lai. Nãi mệnh biến chu tái trà tửu, lão hữu từ quy, độc dữ ngô đệ. Huề thủ đăng chu, đồng quan nguyện tòng giả bất cấm. Đối chước chu trung, ngưng mâu tứ cố, viễn tụ cô thôn, phù vân lạc hà, phi âu tường nhạn, cổ thụ cô quán. Mục thụ chi vãng lai, điền ông chi quy khứ. Nhất nhất tại mục, ứng tiếp bất hạ, tức cảnh liên ngâm, mệnh quan giả chấp bút ư thuyền đầu thư chi. Thuận lưu nhi phiếm, chí hoa đỗng kiều, duy chu bạc ngạn, đăng kiều phanh mính, hoặc túy hoặc khiếu, bàn hoàn nhược hữu sở đãi. Trà yên hâm mộ yết hợp. Kiều hạ tình văn đãng dạng như vạn đội kim sà. Đồng tử viết: Sơn đông nguyệt xuất hĩ. Thu thập quy chu. Mãn nhãn yên quang vân vật, tắc hữu nhất phan tinh thần. Kiêm hà lưỡng ngạn. Điệt tương tống nghênh, phong phất đạo hương. Thời tại tửu bả trà uyển trung, thanh hứng lai bách, ngâm bất thành điệu. Tụng khê kiều chi phú, dữ phong thanh thụ thanh Khê thanh gian hưởng, tĩnh như thính chi, diệc vong khê chi đông tây, kiều chi thượng hạ. Nguyệt tống quy chu, thuấn tức hựu tại khóa đồ khi sở. Chư thôn tẩu dự thiết tửu hào tương đãi. Kim kính huyền lan, kiều quang như họa,

khai hoài tự ẩm, nguyệt sắc doanh bôi. Tửu đáo bán túy, du hứng vị lan. Tương tố long hàm chi uyên, đăng tam tằng chi sơn, hựu mệnh chu tử diên lưu nhi thượng. Chí vu thạch kiều, dạ lậu tương bán. Hàn sương mãn khê. Ư thị khiển Trạo, tái hồi bản kiều. Từ chu đăng ngạn. Ngưỡng thị trường không minh nguyệt, bồi hồi bất năng tương xả, thừa nguyệt nhi quy. Bộ bộ trầm ngâm. Tứ thời chi cảnh thu tối thanh, Trung thu chi hậu nguyệt tối minh. Thanh minh ý tượng, tạo hóa vô tận tàng, nhân dữ chi khế hội. Phi hào khoáng bất năng đắc kỳ diệu. Địa giai khả thưởng ngoạn, phi thanh tịch bất năng đắc kỳ thần. Ngã dữ ngô đệ thác tích nhân hương. Sinh nhai cục vu san hạt, mạt chi thúc vu thằng hắc, thành phi hào khoáng giả lưu. Đãn tức sở cư, nhân dĩ vi lạc. Tịch liêu dã sắc. Dạ thâm nhân định. Nguyệt tại thiên, kiều tại khê, khách tại thuyền, đô tự nhất hồ thanh thu điểm hóa trung lai. Bất giác khởi nọa hủ vi hào khoáng, hoán trần hiêu vi thanh tịch. Tuy bất năng tận thanh minh chi thần diệu, diệc dĩ chí tư du chi thú nhĩ. Phù hoa đồng kiều đầu tái nguyệt dĩ quy, cố danh chi viết: Nghênh nguyệt kiều. Nghĩa trụ bản kiều, yêu nguyệt phi ẩm, cố danh chi viết: Đắc nguyệt kiều. Ký đắc nguyệt, hựu tương an chi. Chí vu Thạch kiều, từ nguyệt nhi phản, hựu danh chi viết: Phản nguyệt kiều dĩ ngữ đệ diệc vân nhiên. Nhân vi chi ký.

Dịch nghĩa:

BÀI KÝ ĐI CHƠI TRĂNG VÙNG TAM KIỀU

Năm Ất Sửu (1805) tháng tám, hai ngày trước hôm rằm, mưa ngô [1] mới tạnh, gió mát, nắng nhạt, ta dạy học trên thôn Cầu Gỗ, khe Nghĩa Trụ. Em ruột ta là Hy Liêm công, bạn già ta là Trần công, ai nấy đều mang theo học trò từ giảng quán [2] lại, họp tất cả học trò lớn bé trong ba thôn đến hai ba mươi người, ngồi thành hàng ở bên phải và bên trái

1. *Mưa ngô:* Cây ngô đồng tháng bảy thường rụng lá, lúc ấy trời lại hay mưa nên người ta gọi là "mưa ngô đồng".

2. *Giảng quán:* Nhà riêng để dạy học.

cầu. Ra đề "Sào Phủ tẩy nhĩ" [1] để làm thơ; "Nghiêm Lăng lại" [2] để làm phú; "Phú Xuân canh điếu" [3] để làm văn.

Buổi học xong, người thì đến dòng nước để giặt dải mũ, người thì đứng gốc cây để hóng gió mát, thảy đều hớn hở, ai nấy thỏa mãn thích thú của mình. Đoạn rồi đứng tựa bao lan cầu trông ngắm, dòng khe uốn khúc, màu nước trong xanh, không khí nóng bức đã hết, gió mát đưa lại nhẹ nhàng, bèn sai lấy chiếc thuyền con, chở các thứ trà, rượu. Bạn già Trần công cáo về, ta một mình với em ta dắt nhau lên thuyền, học trò ai muốn theo cho đi hết. Anh em đối ẩm trong thuyền, để mắt nhìn ra bốn phía, ngọn núi xa xa, thôn xóm lẻ loi, mây nổi bồng bềnh, ráng vàng sa xuống, chim âu bay, chim nhạn liệng, cây cổ thụ, quán trơ vơ, trẻ mục đồng qua lại, người làm ruộng đi về, bao cảnh hiện ra trước mắt, nối tiếp nhau không cùng. Tức cảnh liên ngâm, sai học trò lớn lấy bút viết lên đầu thuyền. Thuận dòng nước cho thuyền đi, đến cầu Hoa Động, buộc thuyền ghé bờ, lên cầu đem nước pha trà rồi say sưa, rồi gào rống, bàng hoàng như chờ đợi cái gì. Khói đun trà đã nhạt, mây chiều tối bay về, dợn nước sóng dưới chân cầu rung rinh như muôn ngàn con rắn vàng. Có học trò nói: "Trăng đã mọc ở đầu núi phía đông rồi", mới cho thu thập các thứ, sắp thuyền đi về. Quang cảnh khói mây [4] đầy cả trong con mắt, làm cho tinh thần cũng thay đổi một phen. Lau lách đôi bờ, lần lượt đón đưa, hương thơm đồng lúa. Gió hây hẩy thổi, thoang thoảng trong chung rượu chén trà. Hứng thú thanh cao dồn đến, ngâm không thành điệu, mới đọc bài phú Khê Kiều, tiếng vang chen với tiếng gió, tiếng cây, tiếng nước, im lặng lắng nghe, quên hết quang cảnh cầu khe trên dưới. Trăng sáng đưa thuyền về, chốc lát đã về tới nơi dạy học. Các ông già trong thôn sắp sẵn rượu và thức nhắm chờ đợi. Vừng trăng như

---

1. *Sào Phủ tẩy nhĩ:* Sào Phủ rửa tai. Sào Phủ là một ẩn sĩ thời Đường Nghiêu, một hôm nghe bạn là Hứa Do nói vua Nghiêu định nhường thiên hạ cho Hứa Do, nhưng ông không nhận. Sào Phủ nghe xong, có ý chê Hứa Do chưa thoát tục, ông đi rửa tai vì cho là mình đã nghe một chuyện bẩn thỉu.

2. *Nghiêm Lăng lại:* Thác Nghiêm Lăng trên sông Chiết Giang, huyện Đông Lư, tỉnh Chiết Giang, Nghiêm Quang tên tự là Tử Lăng, lúc nhỏ là bạn học với Hán Quang Vũ. Khi Quang Vũ lên làm vua, Nghiêm Quang đổi tên, đi ở ẩn cày ruộng và câu cá ở núi Phú Xuân. Người đời sau gọi chỗ ông câu cá là Nghiêm Lăng lại.

3. *Phú Xuân canh điếu:* Cày ruộng, câu cá ở Phú Xuân.

4. *Kho vô tận của tạo hóa.* Bài phú *Tiền Xích Bích* của Tô Thức thời Tống có câu: "... kho vô tận của tạo vật, lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết, như gió mát trên sông, trăng sáng khe núi".

treo ở bao lan cầu, quang cảnh nơi cầu như ban ngày vậy.

Hả lòng nói chuyện uống rượu, ánh sáng trăng đầy chén. Rượu hơi ngà say, hứng thú du ngoạn chưa hết, định đi ngược vực Long Hàm, trèo núi Tam Tằng. Rồi sau bảo lái thuyền chèo lên cầu đá. Đồng hồ sắp nửa đêm, sương lạnh đầy khe nước. Bấy giờ mới sai chèo thuyền trở về Cầu Gỗ. Bỏ thuyền lên bờ, ngẩng trông trăng sáng trên trời cao, bồi hồi không thể từ giã nhau được. Nhân còn trăng sáng ra về, mỗi bước lại trầm ngâm. Cảnh vật bốn mùa, mùa thu rất trong giữa tiết Trung thu mặt trăng rất sáng. Cảnh tượng trong sáng, thật là kho vô tận của tạo hóa, con người có thể hưởng thụ, nhưng không phải người hào phóng, không thể thấy được vẻ kỳ diệu của nó. Mặt đất chỗ nào cũng có thể thưởng ngoạn, nhưng không phải người thanh cao trầm tĩnh, không thể thấy được cái thần tình của nó. Ta cùng em ta ngụ ở quê người, chuyện sinh nhai bó buộc vào miếng cơm manh áo, nghề nhỏ mọn câu túc ở quản bút nghiên mực, thật không phải là hạng người hào phóng, nhưng cứ vui với chỗ mình ở. Cảnh sắc thôn quê tịch liêu, đêm khuya người im lặng, trăng sáng trên trời, cầu bên khe, khách trên thuyền, đều tự một bầu. Thu trong điểm xuyết mà ra. Bất giác phấn chấn, biến tính hủ lậu làm hào hiệp, đổi cảnh trần ai làm thanh tao. Bài này tuy không tả được cái thần diệu của vẻ trong sáng, thì cũng để ghi lại cái thú cuộc đi chơi này vậy. Vì ở đầu khe Hoa Động mang trăng trở về, cho nên đặt tên cầu lá Nghênh Nguyệt kiều (cầu đón trăng). Đến Cầu Gỗ ở Nghĩa Trụ, mời trăng uống rượu, cho nên đặt tên cầu này là Đắc Nguyệt kiều (cầu được trăng). Đã "đắc nguyệt" lại còn định đến đâu? Đến Cầu Đá, từ giã trăng đi về, cho nên đặt tên cầu này là Phản Nguyệt kiều (cầu từ biệt trăng đi về). Ta đem ý ấy nói với em, em ta cũng cho rằng phải. Nhân đấy làm bài ký này.

NGÔ THÌ ĐIỂN

? – ?

Tự là Kính Phủ, hiệu là Tịnh Trai, là con trưởng của Ngô Thì Nhậm.[1] Chưa rõ năm sinh năm mất. Căn cứ vào tuổi của Ngô Thì Nhậm, và căn cứ trên sáng tác của Ngô Thì Điển, có thể biết dưới thời Tây Sơn, Ngô Thì Điển đã trưởng thành. Chưa biết vào thời gian nào, nhưng hình như ông có học ở trường Quốc Tử Giám, có đi dạy ở Bắc Giang, và có ở Phú Xuân nay là Huế *khoảng mười năm trời*. Dưới thời nhà Nguyễn, không biết ông có làm gì cho triều đại này không. Về sáng tác, Ngô Thì Điển còn để lại tập *Dưỡng chuyết thi văn*. Phần lớn sáng tác của Ngô Thì Điển được viết ra dưới thời nhà Nguyễn. Nhưng có vẻ ông không bằng lòng với thực tại lúc bấy giờ. Đối với ông, dường như những năm tháng chống giặc giữ nước dưới thời Tây Sơn mới là điều hấp dẫn lớn.

Thơ Ngô Thì Điển trước nay chưa được giới thiệu. Trong tập này chúng tôi tuyển chọn một số bài lấy trong tác phẩm trên, dựa theo bản *Ngô gia văn phái* chép tay tương đối đầy đủ của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 1176/21.

1. Xem phần Ngô Thì Nhậm.

和故人陳登瀛元韻

寄語故人陳登瀛
自古所責惟才情
百年身世如浮萍
縱不風騷俗了生
年來拙學非執經
每見俗儒心常輕
興到哦詩筆不停
擧盡江山八品評
心為主將詩為兵
騷壇筆陣金鐵錚
文翰此外無所爭
泰然天君還自榮
或臨碑壇須風清
或泛銳江邊月明
或攜壺上醉翁亭
或把文章戰兩京
隨吾所欲吾所行
浩然之氣常轟轟

君不見
乾龍初九尚潛形
愚魚鬧龍無謂蠢
一朝得兩躍天庭
交曰神哉都震驚
又不見
朝陽樓鳳猶未鳴
毛虫亦謂鳳無聲
一曲喈喈唱太平
回頭百舌失簧笙
己分如該有令名
貧賤憂戚天玉成
登瀛登瀛吾語卿
明夷何難畜何亨

Phiên âm:

HỌA CỐ NHÂN TRẦN ĐĂNG DOANH NGUYÊN VẬN

Ký ngữ cố nhân Trần Đăng Doanh,
Tự cổ sở quý duy tài tình.
Bách niên thân thế như phù bình,
Túng bất phong tao tục liễu sinh.
Niên lai chuyết học phi chấp kinh,
Mỗi kiến tục nho tâm thường khinh.
Hứng đáo nga thi bút bất đình.
Cử tận giang sơn nhập phẩm bình.
Tâm vi chủ tướng thi vi binh.
Tao đàn bút trận kim thiết tranh
Văn hàn thử ngoại vô sở tranh.

Thái nhiên thiên quân [1] hoàn tự vinh
Hoặc lâm bi đàn [2] tư phong thanh
Hoặc phiếm Nhuệ Giang yêu minh nguyệt
Hoặc huề hồ thượng Túy ông đình [3]
Hoặc bả văn chương chiến lưỡng kinh [4]
Tùy ngô sở dục, ngô sở hành,
Hạo nhiên chi khí thường oanh oanh.
Quân bất kiến:
Càn long sơ cửu [5] thượng tiềm hình,
Ngu ngư náo long vô vị linh,
Nhất triêu đắc vũ dược thiên đình.
Giao viết thần tai đô chân kinh!
Hựu bất kiến
Triêu dương thê phượng [6], do vị minh,
Mao trùng diệt vị phượng vô thanh.
Nhất khúc giai giai xướng thái bình.
Hồi đầu bách thiệt thất hoàng sinh.
Kỷ phận như cái hữu lệnh danh,
Bần tiện, ưu thích thiên ngọc thành
Đăng Doanh, Đăng Doanh, ngô ngữ khanh
Minh di [7] hà nạn súc [8] hà hanh?

---

1. *Thiên quân:* Chỉ trái tim.

2. *Bi đàn:* Nhà dựng bia. Bi đàn và Nhuệ Giang đều ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, quê hương họ Ngô Thì.

3. *Túy Ông đình:* "Đình Ông Say", ở phía Tây Nam huyện Từ, thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc, tên đình do Âu Dương Tu đặt.

4. *Lưỡng kinh:* Chỉ Đông Kinh và Tây Kinh thời Hán. Ở đây có ý nói đến bài *Lưỡng kinh phú* của Ban Cố thời Hán.

5. *Càn long sơ cửu:* "Con rồng trong quẻ càn ở vào hào sơ cửu". Chỉ người có tài đức xuất chúng mà còn sống ẩn dật để chờ thời. Trong *Kinh Dịch,* con rồng là biểu tượng của quẻ Càn, nhưng khi nó ở vào hào sơ cửu của quẻ này thì nó còn là con rồng lặn (tiềm long), nên chưa ai thấy rõ.

6. *Triêu dương thê phượng:* Phượng đậu dưới ánh nắng mai. Lấy trong thơ Quyển A, *Kinh Thi* dùng để ví với bậc hiền tài đang chờ thời vận.

7. *Minh Di:* Tên một quẻ trong *Kinh Dịch,* nói người hiền tài ở vào cảnh tối tăm, hoạn nạn vẫn giữ được phẩm chất của mình.

8. *Súc:* Tên một quẻ trong *Kinh Dịch,* nói về sự tích góp những phẩm chất tốt, nhưng chưa có dịp bộc lộ.

Dịch nghĩa.

HỌA NGUYÊN VẬN THƠ CỦA BẠN CŨ TRẦN ĐĂNG DOANH

Mấy lời gửi bạn Trần Đăng Doanh:
Xưa nay cái quý nhất là tài tình.
Cuộc đời trăm năm như cánh bèo trôi nổi,
Nếu sống không phong tao đời sẽ hóa tục.
Lâu nay cái học vụng về của tôi không câu nệ về kinh sách.
Mỗi lần gặp kẻ tục Nho, lòng vẫn coi thường.
Thi hứng đến, ngâm nga, quản bút không dừng được,
Đem tất cả sông núi vào lời bình phẩm.
Cái tâm của mình là chủ tướng, thơ là lính,
Trận bút trên tao đàn xoang xoảng tiếng vàng tiếng sắt.
Ngoài văn chương ra, không tranh cạnh gì,
Trong lòng thư thái, cảm thấy hả hê.
Có khi đến đài bia để hóng gió mát,
Có khi bơi thuyền Sông Nhuệ để đón trăng sáng.
Có khi mang bình rượu lên đình Túy Ông,
Có khi trổ bài thơ phú địch lại bài phú *Lưỡng kinh.*
Muốn cái gì, tôi làm cái ấy,
Khí hạo nhiên lúc nào cũng bừng bừng.
Bạn chẳng thấy ư?
Con rồng trong quẻ Kiền lúc ở hào Sơ cửu vẫn còn giấu hình,
Đàn cá ngu ngốc khiêu khích, không cho là thiêng.
Nhưng một sáng gặp mưa, rồng bay vút lên trời,
Chúng sẽ trầm trồ khen thần diệu, và thảy đều kinh ngạc.
Bạn lại chẳng thấy ư?
Chim phượng đậu dưới nắng mai còn chưa hót,
Loài sâu bọ nói: phượng tắt tiếng rồi.
Nhưng khi nó cất lên véo von tiếng hót thái bình,
Thì ngoảnh lại, hàng trăm lưỡi của những con trùng đều thụt lại, không còn rên rỉ nữa.
Phận mình nếu đáng có danh tiếng tốt,

Thì sự nghèo hèn đau buồn là thứ trời dùng để rèn luyện mình.

Đăng Doanh, Đăng Doanh, tôi nói để bạn hay:
Sáng suốt mà bị đau thương có lo chi hoạn nạn.
Chứa chất để nuôi chí mạnh lo gì chẳng được hanh thông.

Dịch thơ:

Mấy lời gửi bạn Đăng Doanh:
Xưa nay chỉ có tài tình đáng yêu.
Thân trăm năm cánh bèo mặt nước,
Chẳng phong tao cũng đụt kiếp người,
Không theo thói học xu thời,
Mắt xanh chẳng lọt những nòi tục Nho
Khi hứng thú ngâm nga mê mải,
Góp non sông thu lại phẩm bình.
Tâm làm tướng, thơ làm binh,
Sắt vàng sang sảng giao tranh tao đàn.
Ngoài những cuộc văn gươm, bút trận,
Dạ hồn nhiên chẳng bận tranh danh.
Đàn bia hoặc đợi gió lành,
Hoặc chèo Sông Nhuệ đón vành trăng thu.
Hoặc có lúc đeo hồ lên núi,
Hoặc gánh văn đi chọi hai kinh,
Hạo nhiên khí thế liệt oanh,
Đi đâu lòng muốn, do mình chủ trương.
Anh có biết:
Thuở chưa đạt rồng vàng cuốn khúc,
Mặc cá ham trêu chọc chẳng rầy.
Gặp mưa bay bổng từng mây,
Thấy đều kính phục: Giỏi thay thần kỳ!
Lại có thấy:
Phượng Triêu dương đương khi im lặng,
Mao trùng chê: phượng chẳng xứng danh.
Đòi phen dạo khúc thái bình,
Líu lo bách thiệt chịu đành im hơi.
Danh thế đó, phận xui thế đó,
Đem gian truân trời giũa ngọc lành,

Đăng Doanh, hỡi bác Đăng Doanh,
Giàu sang chớ mải, gập ghềnh chớ lo.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

宿舊駐

壬寅旅此鄉
投筆學農商
壬戌再來玆
從事禮文場
情況一何異
回頭暗自傷
況二十年前
人世幾桑滄

Phiên âm:

TÚC CỰU TRÚ

Nhâm Dần lữ thử hương,
Đầu bút học nông thương.
Nhâm Tuất tái lai tư,
Tùng sự lễ văn trường.
Tình huống nhất hà dị,
Hồi đầu ám tự thương.
Huống nhị thập niên tiền,
Nhân thế kỷ tang thương.

Dịch nghĩa:

Ở LẠI NHÀ TRỌ CŨ

Năm Nhâm Dần (1782) ta đến làng này,
Vất bút đi học nghề nông, nghề thương.
Năm Nhâm Tuất (1802) ta lại đến đây,
Theo đòi việc văn chương lễ nghĩa.
Tình cảnh ngày một thay đổi.
Ngoái đầu lại, âm thầm tự thương mình.
Hai mươi năm đã trôi qua,
Việc nhân thế biết bao cảnh tang thương dâu bể.

旅亭夜賦

朝 發 珠 橋 鎮
暮 棲 仙 侶 亭
乾 坤 不 窮 眼
身 世 無 定 泙
麥 黍 百 年 感
鳥 魚 五 夜 驚
更 深 促 倦 僕
繼 燭 待 天 明

Phiên âm:

LỮ ĐÌNH DẠ PHÚ

Triêu phát Châu Kiều trấn,
Mộ thê Tiên Lữ đình.
Càn khôn bất cùng nhãn,
Thân thế vô định bình.

Mạch thử [1] bách niên cảm,
Điểu ngư [2] ngũ dạ kinh.
Canh thâm xúc quyện bộc,
Kế chúc đãi thiên minh.

Dịch nghĩa:

GHI LẠI ĐÊM NGỦ TRỌ Ở ĐÌNH TIÊN LỮ

Buổi sáng ra đi từ trấn Châu Cầu,
Chiều trọ lại ở đình Tiên Lữ.
Trời đất bao la, mắt nhìn không khắp,
Thân thế trôi nổi như cánh bèo vô định.
Cảm khái trăm năm về nỗi cung cấm biến thành ruộng lúa,
Kinh hoàng suốt đêm trước cảnh chim cá hiểm nguy nơm nớp lo sợ.
Canh khuya gọi người đầy tớ mệt mỏi trở dậy.
Đốt đuốc lên đợi trời sáng.

Dịch thơ:

Sớm mai tạ biệt Châu Cầu,
Chiều sang Tiên Lữ lên lầu ngóng trông.
Bao la vũ trụ mênh mông,
Chiếc thân vô định tây đông phận bèo.
Trăm năm cảm cảnh đìu hiu,
Năm canh luống những ngại điều cá chim.
Đêm khuya, bộc mỏi ngủ im,
Gọi nhau tiếp đuốc chờ lên rạng trời.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

---

1. Thơ Thử ly trong *Kinh Thư* nói quan đại phu đi qua nơi cung thất cũ của nhà Chu thấy nơi này đã thành ruộng trồng lúa.

2. *Điểu ngư:* Chim cá. Ngạn ngữ cổ Trung Quốc có câu: "Thủy để ngư, thiên biên điểu, cao khả xạ hề, đê khả điếu: Duy hữu nhân tâm chỉ xích gian. Chỉ xích nhân tâm bất khả liệu". Nghĩa là: "Cá dưới nước, chim trên trời. Cao có thể bắn, thấp có thể câu. Duy có lòng người chỉ trong gang tấc mà không biết được".

中秋夜遇雨

昔年是夕雨
今年是夕雨
神女如有須
姮娥何多故
白者太黑仇
名為造物妒
黽勉酌一杯
一年秋幾度

Phiên âm:

TRUNG THU DẠ NGỘ VŨ

Tích niên thị tịch vũ,
Kim niên thị tịch vũ.
Thần nữ nhủ hữu tu?
Hằng nga hà đa cố?
Bạch giả thái hắc cừu,
Danh vi tạo vật đố.
Mãnh miễn chước nhất bôi,
Nhất niên thu kỷ độ.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRUNG THU GẶP MƯA

Năm trước đêm này trời mưa,
Năm nay đêm này trời lại mưa.
Thần nữ dường như cần gì?
Hằng Nga sao lắm chuyện thế?
Cái gì trắng là thù với cái rất đen,
Cái danh vốn bị tạo vật ghét.

Gắng gượng rót chén rượu uống,
Một năm được mấy mùa thu.

Dịch thơ:

Năm qua cũng cái đêm nay,
Năm nay lại đến đêm này lại mưa.
Nữ thần như có ý chờ,
Hằng Nga sao khéo hững hờ làm duyên.
Trắng phau để hận cho đen,
Tài danh để mối ghét ghen thợ trời.
Gượng gùng tay rót chén mời
Một năm hồ dễ mấy thời thưởng thu.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

佛跡寺

道行委形餘古峒
神宗遺跡付殘碑
人間盛晚渾如許
惟有青山不轉移

Phiên âm:

PHẬT TÍCH TỰ [1]

Đạo Hạnh ủy hình dư cổ động,
Thần Tông di tích phó tàn bi.
Nhân gian thịnh vãn hồn như hử,
Duy hữu thanh sơn bất chuyển di.

---

1. Chùa Phật Tích nay là Chùa Thầy trên núi Phật Tích, ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc Hà Tây. Từ Đạo Hạnh đã tu ở đây. Tương truyền sau khi ông qua đời, lại đầu thai thành vua Lý Thần Tông.

Dịch nghĩa:

CHÙA PHẬT TÍCH

Từ Đạo Hạnh trút hình hài, còn cái động cổ,
Dấu vết Lý Thần Tông gửi vào tấm bia tàn.
Việc thịnh suy trong nhân gian đều như thế cả,
Chỉ có núi xanh kia là không bao giờ dời đổi.

Dịch thơ:

Đạo Hạnh hóa thân còn động cổ,
Thần Tông ghi dấu gửi bia mòn.
Thịnh suy cuộc thế là như thế,
Cảnh cũ còn trơ núi với non.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

聞鳥聲即興

清晨坐閒院
傾耳聽鳴鵻
一聲叫秀夫
一聲啼姑惡
秀夫為忠臣
姑惡為孝婦
忠孝人已去
忠孝名不朽
死化不好兮
望帝為杜宇
死化不潔兮
公主為馬祖
造化自彈輪
人為之美醜

Phiên âm:

VĂN ĐIỂU THANH TỨC HỨNG

Thanh thần tọa nhàn viện,
Khuynh nhĩ thính điểu hủ.
Nhất thanh khiếu "Tú Phu",
Nhất thanh đề "cô ố".
Tú Phu [1] vi trung thần,
Cô ố [2] vi hiếu phụ.
Trung hiếu nhân dĩ khứ,
Trung hiếu danh bất hủ.
Tử hóa bất hảo hề,
Vọng đế vi Đỗ Vũ [3],
Tử hóa bất khiết hề,
Công chúa vi Mã tổ. [4]
Tạo hóa tự đàn luân,
Nhân vi chi mỹ xú.

Dịch nghĩa:

NGHE TIẾNG CHIM CẢM HỨNG

Sáng sớm, nhàn rỗi ngồi trong vườn,
Lắng tai nghe chim kêu.
Một tiếng kêu "tú phu",
Một tiếng kêu "cô ố".

---

1. *Tú Phu:* Lục Tú Phu là người tôi trung đời Tống Đế Bính bị quân Nguyên đánh bại, Tú Phu cõng Đế Bính nhảy xuống bể tự tử. *(Tống sử).*

2. *Cô ố:* Tên một loài chim. Tục truyền ngày xưa có một nàng dâu chết vì mẹ chồng ngược đãi, hóa thành chim, hằng ngày kêu "cô ố, cô ố" (mẹ chồng ghét mẹ chồng ghét), cho nên người đời gọi loài chim ấy là chim cô ố.

3. *Vọng đế:* Xem chú thích bài: Vua Thục chết hóa thành chim cuốc (Đỗ Vũ)

4. Trong dã sử có chuyện Mã công chúa. Tương truyền công chúa này lúc sống dâm dục quá độ, sau bị hành hình bằng cách cho ngựa hiếp. Khi chết hóa thành thần quái, người ta gọi Mã công chúa: tức công chúa ngựa

"Tú phu" là người tôi trung,
"Cô ố" là người dâu hiếu.
Người trung hiếu mất rồi,
Tiếng trung hiếu còn mãi.
Người chết hóa vật chẳng tốt,
Như Vọng đế hóa chim Đỗ Vũ.
Người chết hóa vật chẳng sạch,
Như công chúa hóa thành Mã tổ.
Tạo hóa cho tự biến thành cái cung hay cái bánh xe,
Con người làm ra cả cái tốt và cái xấu.

Dịch thơ:

Nhà vắng buổi sớm mai,
Lắng tai nghe chim gụ.
Một tiếng kêu "Cô ố".
Tú phu: người trung thần,
Cô ố: nàng hiếu phụ.
Người trung hiếu xa rồi.
Tiếng hiếu trung còn tỏ.
Chết hóa kiếp chẳng hay,
Vua Thục thành Đỗ Vũ,
Chết hóa thân không sạch,
Bà chúa thành bà Ngựa.
Xấu tốt do người gây,
Vần xoay trời bẩm phú.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

西方山寺

輕輕策馬訪西方
頓覺林泉趣味長
紅翠吟殘山樹老
青猿響斷谷風涼
參禪多少塵心靜
見景徘徊客思忙
回首美人何處是
滿天煙霧又斜陽

Phiên âm:

TÂY PHƯƠNG SƠN TỰ [1]

Khinh khinh sách mã phỏng Tây Phương,
Đốn giác lâm tuyền thú vị trường.
Hồng thúy ngâm tàn sơn thụ lão,
Thanh viên hưởng đoạn cốc phong lương.
Tham thiền đa thiểu trần tâm tĩnh,
Kiến cảnh bồi hồi khách tứ mang.
Hồi thủ mỹ nhân hà xứ thị,
Mãn thiên yên vụ hựu tà dương.

Dịch nghĩa:

CHÙA NÚI TÂY PHƯƠNG

Nhè nhẹ quất roi thúc ngựa tới thăm chùa Tây Phương,
Bỗng dưng cảm thấy cảnh lâm tuyền có nhiều hứng thú.

---

1. *Tây Phương sơn tự:* Chùa Tây Phương, xưa còn có tên là chùa Câu Lâu thuộc huyện Thạch Thất, Hà Tây.

Chim trả đỏ thôi hót trên cây núi già cỗi,
Con vượn xanh bật tiếng trong gió động mát rượi.
Tham thiền, lòng trần ít nhiều cũng được yên tĩnh,
Thấy cảnh, lòng khách luống những cảm thấy bồi hồi.
Ngoảnh lại, không biết người đẹp nay ở nơi nào?
Chỉ thấy mây khói đầy trời dưới ánh chiều tà.

Dịch thơ:

Vãn cảnh Tây Phương ngựa lỏng cương,
Lâm tuyền bỗng thấy thú bao dường!
Hót khàn trả đỏ già cây núi,
Dứt tiếng hầu xanh mát gió động
Nhiều ít tham thiền lòng tục lắng,
Bồi hồi ngắm cảnh dạ tơ vương.
Quay đầu người đẹp nào đâu tá.
Mây khói đầy trời bóng tịch dương.

Khương Hữu Dụng *dịch*

驟雨

炎炎赫赫火方燃
河處密雲西北邊
霹靂數聲雷出地
滂沱一陣水連天
負蓑古路人歸急
閉戶書齋客夢纏
雨後草庭偏得意
嬌莖嫩葉舞鮮妍

Phiên âm:

SẬU VŨ

Viêm viêm hách hách hỏa phương nhiên,
Hà xứ mật vân Tây Bắc biên.
Tích lịch sổ thanh, lôi xuất địa,
Bàng đà nhất trận, thủy liên thiên.
Phụ soa cổ lộ nhân quy cấp,
Nhàn hộ thư trai khách mộng triền.
Vũ hậu tháo đình thiên đắc ý,
Kiều hành nộn diệp vũ tiên nghiên.

Dịch nghĩa:

MƯA RÀO

Đương nắng chang chang như lửa đốt,
Bỗng từ đâu mây đen kéo đến phía Tây Bắc.
Mấy tiếng sấm nổ vang, làm rung chuyển mặt đất,
Một trận mưa rào, nước mênh mông liền trời.
Trên đường cũ, người mặc áo tơi chạy gấp về nhà,
Trong thư phòng, khách nhàn nhã ngủ mê mệt.
Sau cơn mưa cỏ cây trong vườn như hớn hở,
Những thân non, lá mới nhảy múa vui tươi.

Dịch thơ:

Đương cơn nắng lửa nóng nung người,
Tây Bắc mây đâu kéo khắp nơi.
Mấy tiếng vang rền sấm dậy đất,
Một cơn dào dạt nước chan trời.
Mang tơi đường vắng ai về gấp,
Khép cửa phòng trai khách ngủ dài.
Mưa tạnh sởn sơ sân cỏ mọc,
Nở ngành xanh ngọn mởn khoe tươi.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

反說

愚似愚公真絕智
狂如狂楚的驕人
心馳物外猶移物
身泊塵中便脫塵
禪到剎人方是悟
儒非發塚不為醇
看來至理常無理
大禹忘親武弒君

Phiên âm:

PHẢN THUYẾT

Ngu tự Ngu Công [1] chân tuyệt trí,
Cuồng như "Cuồng Sở" [2] đích kiêu nhân.
Tâm trì vật ngoại do di vật,
Thân bạc trần trung tiện thoát trần.
Thiền đáo sát nhân phương thị ngộ,
Nho phi phát trủng bất vi thuần. [3]
Khan lai chí lý thường vô lý,
Đại Vũ [4] vong thân, Vũ [5] thí quân.

---

1. *Ngu Công:* Sách *Liệt tử* nói có ông già họ Ngu đã chín mươi tuổi còn định dời hai quả núi trước nhà. Người ta cười ông là ngu. Nhưng ông bảo ông làm không xong thì con ông cháu ông làm tiếp. Ngọn núi kia có mọc thêm đâu, vậy làm gì mà không dời được.

2. *Cuồng Sở:* Người cuồng nước Sở, tức Tiệp Dư, Sách *Luận ngữ* nói ông này chê Khổng Tử ra giúp đời là không biết thời vận.

3. Sách *Trang Tử,* thiên "Ngoại vật" nói "Nhà Nho học Thi, Lễ mà đi đào mả người, thấy cái thây trong mả ngậm ngọc châu liền móc lấy và nói: Lúc sống không bố thí cho người ta, lúc chết ngậm ngọc châu làm gì".

4. Ông Vũ trị thủy, ba lần đi qua nhà đều không ghé vào, vợ sinh con cũng không đoái hoài gì cả.

5. Chu Võ Vương là bầy tôi của nhà Thương, nhưng vì vua nhà Thương tàn bạo nên Chu Võ Vương nổi lên giết vua.

Dịch nghĩa:

NÓI NGƯỢC LẠI

Ngu như Ngu Công mới tuyệt trí,
Cuồng như Sở Cuồng đúng là kiêu căng.
Lòng để ngoài vật, sẽ bị vật quyến rũ,
Thân dầm trong cõi trần mới thoát được trần.
Học đạo Thiền, phải giết kẻ tàn bạo mới gọi là giác ngộ,
Theo đạo Nho, không đào mồ kẻ gian tà đâu phải thuầnNho.
Xem kỹ ra, cái chí lý lại thường có vẻ vô lý,
Kìa như ông Đại Vũ quên nhà, ông Vũ Vương giết cả vua!

銳橋夜賦

(其 二)

點 罷 撞 鐘 夜 漏 沉
橋 頭 獨 立 思 難 禁
風 撞 童 樹 秋 聲 鐵
月 墜 寒 波 水 色 金
漁 艇 行 行 浮 渚 小
村 家 隱 隱 覆 霜 深
吟 完 顧 影 吾 誰 語
唯 有 卿 卿 悟 我 心

Phiên âm:

NHUỆ KIỀU DẠ PHÚ
(Kỳ nhị)

Điểm bãi thiền chung dạ lậu trầm,
Kiều đầu độc lập tứ nan câm.
Phong chàng đồng thụ thu thanh thiết,
Nguyệt trụy hàn ba thủy sắc câm kim.
Ngư đĩnh hành hành phủ chử tiểu,
Thôn gia ẩn ẩn phú sương thâm.
Ngâm hoàn cố ảnh ngô thùy ngữ,
Duy hữu khanh khanh [1] ngộ ngã tâm.

Dịch nghĩa:

TẢ CẢNH CẦU SÔNG NHUỆ BAN ĐÊM
II

Tiếng chuông chùa vừa dứt, đêm đã vào khuya,
Một mình đứng trên cầu suy nghĩ mông lung.
Gió đập vào xác xơ, tiếng thu nghe như sắt,
Trăng rơi xuống sóng lạnh, sắc nước tựa vàng.
Thuyền đánh cá lênh đênh ngoài bãi nước tít mù,
Nhà thôn dân thấp thoáng dưới màn sương dày.
Ngâm xong nhìn bóng, không biết nói chuyện cùng ai?
Chắc chỉ có mình mới hiểu được tấm lòng của ta.

---

1. *Khanh khanh:* Hai tiếng này nguyên là hai tiếng vợ chồng gọi đùa nhau. Có điển nói "Liên khanh, ái khanh, cố hoán khanh khanh. Ngã bất khanh khanh, thùy vị khanh khanh" nghĩa là "Thương mình, yêu mình nên gọi mình bằng mình. Ta không gọi mình bằng mình, thì ai gọi mình bằng mình". Ở đây tác giả dùng chữ "khanh khanh" để gọi cái bóng của mình.

Dịch thơ:

Chuông chùa bặt tiếng khắc canh trường,
Lặng đứng bên cầu tứ vấn vương.
Gió dập cây già, thu cọ sắt,
Trăng rơi đáy lạnh, nước gieo vàng.
Le te thuyền cá dềnh trên bến,
Thấp thoáng nhà thôn núp dưới sương.
Ngâm trọn quay nhìn thẩm nhủ bóng,
Lòng ta ai dễ tỏ hơn nàng.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

醉吟

其一

而今安在古英雄
得喪悲歡一陣風
俗薄豈聞紅友薄
時窮那見酒鄉窮
寒山未信終玄鶴
冷水何曾困白龍
只恐他年鴻遇順
不能長做無名公

Phiên âm:

TÚY NGÂM

Kỳ nhất

Nhi kim an tại cổ anh hùng,
Đắc táng bi hoan nhất trận phong.
Tục bạc khởi văn Hồng Hữu [1] bạc,
Thời cùng na kiến tửu hương cùng.
Hàn sơn vị tín chung huyền hạc, [2]
Lãnh thủy hà tằng khốn bạch long. [3]
Chỉ khủng tha niên hồng ngộ thuận,
Bất năng trường tố vô danh công.

Dịch nghĩa:

THƠ NGÂM KHI SAY RƯỢU

I

Anh hùng đời cổ nay còn đâu?
Được mất, buồn vui thoảng qua một trận gió.
Phong tục bạc, chứ không nghe rượu Hồng Hữu bạc,
Thời vận cùng, chứ không thấy cánh làng say cùng.
Núi rét chưa chắc đã làm chết con hạc đen,
Nước lạnh làm sao gây nguy được cho con rồng trắng.
Chỉ e một năm khác chim hồng gặp gió thuận,
Không thể cứ làm mãi kẻ vô danh được.

---

1. *Hồng Hữu:* Tên một thứ rượu nổi tiếng. Hồng Hữu bạc là rượu Hồng Hữu nhạt nhẽo.

2. *Huyền hạc:* Tương truyền chim hạc sống một nghìn năm thì biến sắc thành xanh, lại hai nghìn năm nữa thì biến thành màu huyền, nên gọi là huyền hạc, tức con hạc đen.

3. *Bạch long:* Con rồng trắng. Sách *Thuyết uyển* nói: Ngày xưa có con rồng trắng đội lốt cá xuống chơi đầm nước lạnh, bị người thuyền chài là Dư Thư bắn vào mắt", ý nói người cao quý bị kẻ xấu hãm hại.

Dịch thơ:

Anh hùng tự cổ đâu rồi,
Được thua một trận xót, cười thoảng không.
Bạc đời, chẳng bạc rượu hồng,
Thời cùng, đâu có khốn cùng khách say.
Non kia lạnh, hạc còn đây,
Nước dù băng giá, chẳng gẩy bạch long.
Những e khi thuận cánh hồng,
Vô danh dẫu muốn cũng không được nào.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

秋夜不寐

金風入耳正淒淒
啓戶重聞鶡旦啼
漠漠長空星欲曙
厭厭寒夜月將西
孤村萬里煙霞閉
遠樹三更雪霧迷
定宴擬將圓蝶夢
祝朱又報數聲雞

Phiên âm:

THU DẠ BẤT MỊ

Kim phong nhập nhĩ chính thê thê,
Khải hộ trùng văn hạt đán [1] đề.

---

1. *Hạt đán:* Tên một loài chim thường kêu vào lúc gần sáng. Có người cho nó là một loài dơi to. Có sách nói hạt đán là con "hàn hào trùng" (con trùng gào khi trời rét), khi gió lạnh về nó kêu "Phượng hoàng chẳng bằng ta".

Mạc mạc trường không tinh dục thư,
Yêm yêm hàn dạ nguyệt tương tê (tây).
Cô thôn vạn lý yên hà bế,
Viễn thụ tam canh tuyết ái mê.
Định án nghĩ tương viên điệp mộng,
Chúc chu [1] hựu báo số thanh kê.

Dịch nghĩa:

ĐÊM MÙA THU KHÔNG NGỦ

Gió thu lọt vào tai nghe hắt hiu,
Mở cửa ra lại nghe tiếng con hạt đán kêu buổi sớm.
Trên bầu trời mênh mông, sao lặn trời sắp sáng,
Đêm lạnh tịch mịch, mặt trăng ngả về Tây.
Xóm làng lẻ loi trong muôn dặm khói mây,
Cây cối xa xa, đêm khuya chìm trong sương tuyết.
Muốn nằm yên để ngủ cho tròn giấc mộng,
Lại nghe dăm ba tiếng gà gáy.

Dịch thơ:

Heo hút bên tai tiếng gió vàng,
Dơi rừng trước ngõ rúc thê lương.
Trời cao mờ mịt mai vừa ló,
Đêm lạnh dần dà nguyệt xế ngang.
Muôn dặm xóm thôn man mác khói,
Ba canh cây cối mịt mù sương.
Những toan gửi mộng theo hồn bướm,
Cu cúc gà ai đã gáy vang.

Nguyễn Văn Bách dịch

1. *Chúc chu:* Tiếng gà gáy.

哭先妹金臺

廣寒宮裏降仙娥
托入詩書世德家
滿院正輝常棣萼
一枝先謝牡丹花
寄歸雖總彭殤是
契闊爭如骨肉何
惆悵九原堆馬鬣
百身難贖只長嗟

Phiên âm:

KHÓC TIÊN MUỘI KIM ĐÀI

Quảng hàn cung lý giáng tiên nga,
Thác nhập thi thư thế đức gia.
Mãn viện chính huy thường đệ [1] ngạc,
Nhất chi tiên tạ mẫu đơn hoa.
Ký quy tuy tổng Bành Thương [2] thị,
Khế khoát tranh như cốt nhục hà.
Trù trướng cửu nguyên đôi mã lạp, [3]
Bách thân nan thục chỉ trường ta!

---

1. *Thường đệ ngạc:* Hoa thường đệ, chỉ anh em (*Kinh Thi*).

2. *Bành Thương:* Bành Tổ, nhân vật thần thoại của Trung Quốc, tương truyền sống tám trăm tuổi. *Thương:* Đứa trẻ chết non.

3. *Mã lạp:* Bờm con ngựa, chữ trong *Kinh Lễ*.

Dịch nghĩa:

KHÓC EM GÁI KIM ĐÀI

Trên cung Quảng Hàn giáng xuống một nàng tiên,
Thác sinh vào một gia đình thi thư, đạo đức.
Đầy vườn hoa thường đệ đang rất tươi tốt,
Mà mẫu đơn kia đã rụng trước một nhành.
Vẫn biết sống là gửi, thác là về, dẫu ông Bành Tổ hay đứa bé chết non đều cùng chung số phận,
Song cảnh chia ly này, tình cốt nhục tính sao?
Buồn rầu thay nơi mộ địa đắp cao nấm mồ,
Dù trăm thân cũng không chuộc được, đành chỉ thở dài.

Dịch thơ:

Quảng Hàn có khách tiên nga,
Giáng sinh vào chốn dấu nhà trâm anh.
Đầy vườn thường đệ đua xanh,
Gió đâu bỗng gãy một cành mẫu đơn.
Kiếp đời thọ yểu lọ bàn,
Biệt ly tình nghĩa thịt xương ngậm ngùi.
Suối vàng một nấm đắp vùi,
Trăm thân khôn chuộc, vấn dài thở than.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

懷舊
其一

山間暢寒
下晴方亦
一轉威膽
絣括子王
貔囊天君
萬坤田木
百乾破立

慢謂盛彊收拾易
那知詐力把持難
興亡到底關人事
嘆惜空令血淚潸

Phiên âm:

HOÀI CỰU

Kỳ nhất

Bách vạn tỳ hưu nhất há san (sơn),
Càn khôn nang quát chuyển tình gian.
Phá điền thiên tử [1] uy phương sướng,
Lập mộc quân vương [2] đảm diệc hàn.
Mạn vị thịnh cường thu thập dị,
Na tri trá lực bả trì nan.
Hưng vong đáo để quan nhân sự,
Thán tích không linh huyết lệ san.

Dịch nghĩa:

NHỚ VIỆC CŨ

I

Trăm vạn quân như hùm beo trên núi kéo xuống,
Thu lại càn khôn chỉ trong chớp mắt.

---

1. *Tác giả chú:* "Câu sấm cổ nói: Phá điền thiên tử xuất (Nghĩa là thiên tử phá chữ "điền" mà ra). Vua Thái Tổ năm Mậu Thân kéo quân ra Bắc lần thứ hai, thực khớp với câu sấm ấy". Lời sấm thường có vẻ bí ẩn. Ở đây "phá điền" có nghĩa là chữ điền ( ) có một nét xuyên qua, và như thế nó sẽ thành chữ "Thân" ( ), tức năm Thân. Năm Thân là năm Quang Trung ra Bắc diệt quân Thanh.

2. *Tác giả chú:* "Hoàng Thanh địa kiểm nói: "Lập mộc đầu thế" là nói cái số được hưởng ngôi báu. Sau khi Tôn Sĩ Nghị đại bại, Càn Long rất hối hận". Vậy "Lập mộc" ở đây tác giả dùng để chỉ vua Càn Long nhà Thanh.

"Phá điền thiên tử", uy danh thật lừng lẫy,
"Lập mộc quân vương" gan mật lạnh tanh.
Đừng cậy rằng cường thịnh thì dễ đi chinh phục,
Phải biết sức mạnh phi nghĩa khó mà thành công.
Việc hưng vong cuối cùng do con người định đoạt,
Ái ngại thay cho Càn Long, tuôn giọt lệ chứa chan.

Dịch thơ:

Trăm vạn hùng binh xuống núi Đoài,
Non sông chớp mắt đã thu hồi.
Phá điền thiên tử oai bừng dậy,
Lập mộc quân vương vía rụng rời.
Những tưởng thịnh cường mau kiếm chác,
Hay đâu gian dối khó lâu dài.
Mất còn cũng tại con người cả,
Tham tiếc mà chi rỏ lệ hoài.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

其二

慢誇錦繡此江山
飛渡樓船瞬息間
帆檣影聯瀘珥窄
旌旗彩絢斗牛寒
走車故主貽千恨
樓甲新君往一難
卻悼為儒逢否運
感時不禁淚潸潸

Phiên âm:

HOÀI CỰU
Kỳ nhị

Mạn khoa cẩm tú thử giang san,
Phi độ lâu thuyền thuấn tức gian.
Phàm tiếp ảnh liên Lô Nhị trách,
Tinh kỳ thái huyến đẩu ngưu hàn.
Tẩu xa cố chủ [1] di thiên hận,
Thê giáp tân quân [2] vãng nhất nan.
Khước điệu vi Nho phùng bĩ vận,
Cảm thời bất cấm lệ san san.

Dịch nghĩa:

NHỚ VIỆC CŨ
II

Cứ khoe khoang non sông như gấm vóc,
Trong nháy mắt thuyền chiến của Quang Trung đã bay
qua sông.
Bóng buồm, bóng chèo nối liền nhau chật cả Sông Lô,
Sông Nhị,
Màu cờ xí rực rỡ làm lạnh toát, sao Ngưu sao Đẩu.
Chúa cũ chạy cùng đường, đắng cay nuốt hận,
Vua mới đi ẩn náu, muôn nỗi gian nan.
Thương cho mình nhà Nho lại gặp lúc loạn lạc,
Nghĩ đến thời thế không ngăn được hai hàng lệ chan chứa.

---

1. Chỉ chúa Trịnh Khải bỏ chạy rồi bị bắt.
2. Chỉ Lê Chiêu Thống trốn ra nước ngoài.

Dịch thơ:

Khoe khoang sông núi gấm lồng hoa,
Vượt biển thuyền lầu phút chốc qua.
Buồm lại dọc ngang, Lô Nhĩ hẹp,
Tinh kỳ rực rỡ ánh sao nhòa.
Rời xe chúa cũ còn ân hận,
Lánh bước vua sau luống xót xa.
Thương nỗi nhà Nho khi vận bĩ,
Cảm thời khôn cản lệ chan hòa.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

了不了

貧窮猿鶴叱
富貴犧牛誇
有欲即有梏
無心便無柁
晝時塵垢絆
夜分鳥魚多
了了復不了
白駒空隙過

Phiên âm:

LIỄU BẤT LIỄU

Bần cùng viên hạc sất,
Phú quý hy ngưu khoa.
Hữu dục tức hữu cốc,
Vô tâm tiện vô đà.
Trú thời trần cấu bạn,
Dạ phận điểu ngư đa.
Liễu liễu phục bất liễu,
Bạch câu không khích qua.

Dịch nghĩa:

HIỂU RỒI LẠI CHẲNG HIỂU

Khi bần cùng con vượn con hạc cũng trách mắng,
Lúc phú quý con trâu con bò cũng khoe khoang.
Hễ ham muốn là có gông cùm trói buộc,
Chỉ vô tâm mới không cần bánh lái đưa đà.
Ban ngày bụi dặm bám đầy,
Ban đêm chim cá vùng vẫy.
Hiểu rồi lại hóa ra chưa hiểu,
Kìa con ngựa câu trắng chạy nhanh qua khe cửa hẹp.[1]

醉吟

其一

嗟乎人生幾多心
惟有一心愁萬緒
如欲此心無拘擊
除是厭厭終日醉
君不見
篇篇有酒陶淵明
宋朝富貴不能累
元嘉死及檀將軍
淵明義熙書甲子
又不見
蹉跎盡日李青蓮
風流天子扶不起
天寶死及楊貴妃
青蓮騎鯨悠然逝
酒神原不負吾人
勸君且酌養浩氣

1. Ví với thời gian trôi qua rất nhanh.

Phiên âm:

TÚY NGÂM
Kỳ nhất

Ta hồ nhân sinh kỷ đa tâm,
Duy hữu nhất tâm sầu vạn tự.
Như dục thử tâm vô câu loan,
Trừ thị yêm yêm chung nhật túy.
Quân bất kiến:
Thiên thiên hữu tửu Đào Uyên Minh, [1]
Tống triều [2] phú quý bất năng lụy.
Nguyên Gia [3] tử cập Đàn tướng quân, [4]
Uyên Minh Nghĩa Hy [5] thư Giáp Tý.
Hựu bất kiến:
Ta đà tận nhật Lý Thanh Liên, [6]
Phong lưu thiên tử [7] phu bất khởi.
Thiên Bảo [8] tử cập Dương Quý Phi, [9]
Thanh Liên kỵ kình du nhiên thệ.
Tửu thần nguyên bất phụ ngô nhân,
Khuyến quân thả chước dưỡng hạo khí. [10]

---

1. *Đào Nguyên Minh:* Tức Đào Tiềm, nhà thơ, vì tổ tiên là bầy tôi nhà Tấn, nên không chịu ra làm quan với nhà Tống, ông lui về nhà ở ẩn, làm thơ.

2. *Tống triều:* Ở đây chỉ nhà Tống thời Nam Triều do Lưu Dụ lập ra thay triều Tấn, chứ không phải nhà Tống do Triệu Khuông Dận sáng lập.

3. *Nguyên Gia:* Niên hiệu của Tống Văn Đế, con Lưu Dụ.

4. *Đàn tướng quân:* Đàn Đạo Tế, một danh tướng thời Tống, vì uy danh lừng lẫy nên bị giết oan dưới đời Tống Văn Đế.

5. *Nghĩa Hy:* Niên hiệu Tấn Cung Đế. Sau khi Tấn Cung Đế bị bắt buộc phải truyền ngôi cho Tống Thái Tổ Lưu Dụ, Đào Uyên Minh làm thơ văn chỉ đề năm theo Giáp Tý (theo lịch Can Chi), chứ không chịu đề niên hiệu nhà Tống để tỏ lòng trung thành của mình đối với nhà Tấn.

6. *Lý Thanh Liên:* Tức Lý Bạch, nhà thơ lớn của Trung Quốc thời Đường.

7. *Phong lưu thiên tử:* Chỉ Đường Huyền Tông. Có lần Đường Huyền Tông cho Cao Lực sĩ mời Lý Bạch vào cung làm thơ. Lý Bạch say, đỡ không dậy được.

8. *Thiên Bảo:* Niên hiệu Đường Huyền Tông.

9. *Dương Quý Phi:* Ái phi của Đường Huyền Tông. Khi chạy loạn An Lộc Sơn, Đường Huyền Tông buộc phải cho giết Dương Quý Phi để thỏa lòng tướng sĩ, vì họ cho rằng do Đường Huyền Tông yêu Dương Quý Phi mê muội, để cho Dương Quốc Trung là anh Dương Quý Phi lộng hành nên mới gây ra loạn An Lộc Sơn.

10. *Dưỡng hạo khí:* Nuôi trong mình cái hạo khí của trời đất.

Dịch nghĩa:

NGÂM THƠ TRONG LÚC SAY

I

Than ôi, người ta có bao nhiêu tấm lòng đâu,
Chỉ một tấm lòng mà chồng chất trăm mối sầu.
Nếu muốn tấm lòng này không bị ràng buộc,
Chỉ trừ suốt ngày say sưa tràn.
Bạn chẳng thấy, bài thơ nào cũng nói đến rượu là Đào Uyên Minh?
Phú quý thời Tống không thể làm cho lụy được.
Đời Nguyên Gia chết oan Đàn tướng quân,
Thế mà Uyên Minh vẫn đề Nghĩa Hy, năm theo Giáp Tý.
Lại chẳng thấy suốt ngày say ly bì là Lý Thanh Liên?
Vị thiên tử phong lưu nâng cũng không dậy.
Năm Thiên Bảo chết lây Dương Quý Phi,
Thế mà Lý Thanh Liên vẫn cưỡi cá kình phới ra bể cả.
Thần rượu có phụ bọn ta đâu,
Khuyên bạn cứ nghiêng bầu để nuôi dưỡng hạo khí.

醉吟

其二

人道乾坤長不老
或謂瞬息惟乾坤
白衣蒼狗頃刻異
滄海桑田變故繁

人道日月長無窮
我謂倏忽惟日月
周十二辰升又沉
經三五候盈復缺
我謂蜉蝣乃至壽
蜉蝣寄生磅礡間
微軀徜徉竟朝暮
朝暮之間變態多
乾坤日月曾幾何
凡物有形都有壞
百年只是隙駒過
不須苦節不可貞
苦節何曾長不死
欲笑便笑言便言
欲歌便歌哭便哭
空空如也赤子心
此心不為繩墨束
旁人不識笑我顛
自我天君獨泰然
明月更向旁人語
爾的塵埃我的儂

Phiên âm:

TÚY NGÂM

Kỳ nhị

Nhân đạo càn khôn trường bất lão,
Hoặc vị thuấn tức duy càn khôn.

Bạch y thương cẩu [1] khoảnh khắc dị,
Thương hải tang điền [2] biến cố phồn.
Nhân đạo nhật nguyệt trường vô cùng,
Ngã vị thúc hốt duy nhật nguyệt.
Chu thập nhị thần thăng hựu trầm,
Kinh tam ngũ hậu doanh phục khuyết.
Nhân đạo nhân sinh như phù du,
Ngã vị phù du nãi chí thọ.
Phù du ký sinh bãng bạng gian,
Vi khu thương dương cánh triêu mộ.
Triêu mộ chi gian biến thái đa,
Kiền khôn nhật nguyệt tằng kỷ hà.
Phàm vật hữu hình đô hữu hoại,
Bách niên chỉ thị khích câu [3] qua.
Bất tu khổ tiết bất khả trinh,
Khổ tiết hà tằng trường bất tử.
Dục tiếu tiện tiếu, ngôn tiện ngôn,
Dục ca tiện ca, khốc tiệc khốc.
Không không như dã xích tử tâm, [4]
Thử tâm bất vi thằng mặc thúc.
Bàng nhân bất thức tiếu ngã điên,
Tự ngã thiên quân [5] độc thái nhiên,
Minh nhật cánh hướng bàng nhân ngữ,
Nhĩ đích trần ai ngã đích tiên.

---

1. *Bạch y thương cẩu:* Áo trắng, chó xanh. Thơ Đỗ Phủ có câu: "Thiên thượng phù vân như bạch y. Tư tu biến áo vi thương cẩu" (Đám mây nổi trên trời như chiếc áo trắng, chốc lát biến ra con chó xanh). Ở đây nói cuộc đời thay đổi luôn luôn.

2. *Thương hải tang điền:* Biển xanh, ruộng dâu. Do câu: "Biến thương hải vi tang điền" (Biến biển xanh thành nương dâu). Chỉ cuộc đời thay đổi.

3. *Khích câu:* Do chữ "Bạch câu quá khích ": Con ngựa qua trước khe cửa. Nói thì giờ qua nhanh.

4. *Xích tử tâm:* Lòng con đỏ. Manh Tử nói lòng của đứa bé mới sinh hết sức hồn nhiên: Thánh nhân mới giữ được nguyên ven tấm lòng ấy.

5. *Thiên quân:* Chỉ trái tim.

Dịch nghĩa:

NGÂM THƠ TRONG LÚC SAY

II

Có người nói trời đất mãi mãi không già,
Lại có người nói trời đất chỉ trong chốc lát.
Đám mây lúc giống áo trắng, lúc giống chó xanh, mỗi lúc một khác.
Biển biếc thành nương dâu thay đổi luôn luôn.
Có người nói mặt trời mặt trăng dài lâu vô cùng,
Ta bảo mặt trời mặt trăng chỉ thoáng vụt qua.
Đi một vòng mười hai canh giờ, lên rồi lại xuống,
Trải qua mười lăm ngày đầy rồi lại vơi.
Có người nói đời người tựa con vờ,
Ta bảo con vờ sống rất lâu.
Con vờ sống gửi trong không gian,
Tấm thân bé nhỏ nhởn nhơ suốt sớm tối.
Trong khoảng sớm tối luôn luôn thay đổi,
Trời đất, trăng sao hỏi được mấy chốc?
Phàm vật có hình tất có lúc hỏng,
Trăm năm chỉ là bóng câu vụt qua trước khe cửa.
Cần gì phải chịu khổ để giữ tiết tháo trung trinh.
Chịu khổ để giữ tiết tháo đâu phải trường sinh bất tử.
Vậy nên muốn cười cứ cười, muốn nói cứ nói,
Muốn hát cứ hát, muốn khóc cứ khóc.
Hồn nhiên như lòng đứa trẻ mới sinh,
Tấm lòng này không bị câu thúc vì phép tắc nào cả.
Người bên cạnh không hiểu, cười ta điên,
Nhưng từ lòng ta vẫn thấy thản nhiên.
Ngày mai ta sẽ nói cho người bên cạnh biết;
Chính anh mắc trong vòng trần ai, còn ta mới thật là tiên.

TRẦN DANH ÁN

(? - 1794)

Hiệu là Liễu Am, người làng Bảo Triện, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, có nhiều người làm quan to trong triều. Ông nội đỗ Đồng tiến sĩ, làm tham chính Lạng Sơn; cha đỗ Đồng tiến sĩ cùng khóa có bác ruột đỗ Hoàng giáp. Cả hai đều làm quan trong triều, lúc về hưu, người được phong Thượng thư bộ Hình, người được phong Thượng thư bộ Lễ. Không rõ Trần Danh Án sinh năm nào. Chỉ biết ông đậu Hoàng giáp năm 1787, từng giữ chức phó đô ngự sử. Lúc Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, Lê Chiêu Thống cử Lê Duy Đản cùng Trần Danh Án sang cầu cứu nhà Thanh. Khi quân Thanh đại bại, Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, Trần Danh Án trốn về quê. Nhà Tây Sơn cho người mời ra cộng tác, Trần Danh Án dứt khoát từ chối. Ông mất năm 1794, để lại tập *Liễu Am thi tập*.

Do nhiều nguyên nhân, Trần Danh Án gắn bó sâu sắc với triều Lê. Vì vậy khi triều đại này sụp đổ, ông cảm thấy đau xót, mong muốn nó được khôi phục lại, và ông đã bất hợp tác với nhà Tây Sơn, thậm chí có lúc còn mưu chống Tây Sơn. Nhưng dường như chính trong thâm tâm Trần Danh Án, ông cũng thấy triều Tây Sơn có những cái tốt đẹp không thể phủ nhận được mà ông có phần cảm phục. Mâu thuẫn là ở đó. Những bài thơ Trần Danh Án trích tuyển ở đây lấy trong *Liễu Am thi tập* ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm A.1296, có đối chiếu để khảo dị với các bản *Liễu Am tán ông di cảo* A. 1797; *Liễu Am tán ông thi tập* A. 1649 và *Liễu Am thi tập* VHv5.

題藥山興道王祠

萬疊青山峙碧穹
英雄千占尚遺蹤
國公尚父生前貴
劍匣兵書死後忠
洗相江頭煙柳色
拎胡山上夕陽風
阿陳梅鑓今何在
帝子功名史冊中

Phiên âm:

ĐỀ DƯỢC SƠN HƯNG ĐẠO VƯƠNG TỪ

Vạn điệp thanh sơn trĩ bích khung,
Anh hùng thiên cổ thượng di tung.
Quốc công Thượng phụ [1] sinh tiền quý,
Kiếm hạp binh thư [2] tử hậu trung.

---

1. *Quốc công Thượng phụ: Quốc công* là tước vua Trần Nhân Tông phong cho Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Khoảng thời Thiệu Bảo (1279 – 1284), Toa Đô, Thoát Hoan nhà Nguyên đem quân sang xâm lược nước ta. Vua Trần Nhân Tông phong cho Hưng Đạo Vương làm Quốc công thống lĩnh các quân thủy bộ họp quân của các vương ở Vạn Kiếp để chống giặc. Trong chiến dịch này, quân nhà Trần đã chém chết Toa Đô ở Tây Kết và đánh úp Thoát Hoan ở Vạn Kiếp. *Thượng phụ:* Trần Thánh Tông, trong bài văn bia dựng ở sinh từ của Trần Hưng Đạo, đã so sánh ông với bậc thượng phụ, tức Thái Công Vọng, người có công rất lớn trong việc giúp Chu Võ Vương.

2. *Kiếm hạp, binh thư: Kiếm hạp* là hộp đựng gươm đặt trong đền thờ Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, huyện Chí Linh. Người ta nói mỗi lần nước ta có giặc ngoại xâm, làm lễ cáo ở đền, nếu kiếm trong hòm kêu lên thì thế nào cũng thắng trận. *Binh thư* tức sách *Binh thư yếu lược,* trước tác về quân sự của Trần Hưng Đạo viết để giáo dục tướng sĩ.

Tẩy tướng giang đầu [1] yên liễu sắc,
Cầm Hồ sơn thượng tịch dương phong.
A Trần, Mai Kiện [2] kim hà tại,
Đế tử công danh sử sách trung.

Dịch nghĩa:

ĐỀ ĐỀN HƯNG ĐẠO VƯƠNG Ở NÚI DƯỢC SƠN

Muôn lớp núi xanh vút thẳm vòm trời biếc,
Người anh hùng còn để lại dấu vết muôn thuở.
Danh hiệu "Quốc công", "Thượng phụ" là điều vẻ vang của Người lúc sống,
Hộp kiếm, binh thư là lòng trung của Người sau khi chết.
Nơi đầu sông, chỗ tắm cho vị Thượng tướng, sắc liễu mơ màng.
Trên ải núi, chỗ bắt giặc Hồ, gió thổi lúc mặt trời lặn.
A Trần và Mai Kiện bây giờ ở đâu,
Công lao và tên tuổi của bậc đế tử còn mãi trong sử sách.

Dịch thơ:

Muôn ngọn non xanh thế ngất không,
Dấu thiêng ngàn thuở khí anh hùng.
Quốc công, Thượng phụ nêu danh lớn,
Hộp kiếm, binh như rạng tiết trung.

---

1. *Tẩy tướng giang đầu:* chỗ bến sông, nơi đã tắm cho vị Thượng tướng. Chỉ việc Trần Quốc Tuấn tắm cho Thượng tướng Trần Quang Khải để bỏ mối bất hòa trước kia giữa hai người và cùng nhau đoàn kết chống giặc.

2. *A Trần, Mai Kiện:* Tức Trần Ích Tắc và Trần Kiện, những người thuộc hoàng tộc đã đầu hàng quân Nguyên khi chúng sang xâm chiếm nước ta. Sau khi chiến thắng quân Nguyên, vua nhà Trần định công phạt tội. Những kẻ đầu hàng, làm tay sai cho giặc bị đày hoặc xử tử. Trần Kiện đã chết, con cháu bị tước họ Trần, bắt đổi ra họ Mai, nên Trần Kiện mới gọi là Mai Kiện. Còn Trần Ích Tắc thì không bị đổi họ, nhưng bắt phải gọi là A Trần có nghĩa là Trần Ích Tắc nhút nhát như đàn bà.

Bến tắm mơ hồ màu khói tỏa.
Đuối Hồ ào ạt gió chiều rung.
A Trần, Mai Kiện còn đâu tá,
Rạng rỡ con vua sử chép công.

Nguyễn Văn Bách *dịch.*

病後遣憂

不是耽貧不做官
做官容易做人難
我心匪石窮猶固
天道如旋往復還
淡酒借餐沖宿悶
殘爐留火護宵寒
一生得喪消閒夢
留取鬚眉對兩間

Phiên âm:

BỆNH HẬU KHIỂN ƯU

Bất thị đam bần bất tố quan,
Tố quan dung dị, tố nhân nan.
Ngã tâm phỉ thạch cùng di cố, [1]
Thiên đạo như toàn vãng phục hoàn.
Đạm tửu tá xan xung túc muộn,
Tàn lô lưu hỏa hộ tiêu hàn.
Nhất sinh đắc táng tiêu nhàn mộng,
Lưu thủ tu mi đối lưỡng gian. [2]

---

1. *Kinh Thi* có câu: "Ngã tâm phỉ thạch, bất khả chuyển dã": Lòng ta không phải là đá không thể di chuyển được.
2. *Lưỡng gian:* Chỉ trời đất.

Dịch nghĩa:

SAU KHI ỐM, XUA NỖI LO BUỒN

Không phải vì ham nghèo mà không làm quan,
Làm quan dễ thôi, làm người mới khó.
Lòng ta không phải đá, càng khốn cùng lại càng vững,
Đạo trời, như vòng tròn, đi qua rồi lại quay lại.
Mượn cốc rượu nhạt nuốt trôi bát cơm, xua đi nỗi buồn,
Bếp tàn còn giữ được tý lửa đỡ cho đêm đông lạnh.
Một đời được hay mất tiêu tan với giấc chiêm bao,
Chỉ còn lại chút râu mày tỏ cùng trời đất.

Dịch thơ:

Há phải ham nghèo bỏ tước phong,
Làm người trọn đạo khó vô cùng.
Lòng ta chẳng đá, càng thêm vững,
Thợ tạo xoay vòng, bĩ lại thông.
Rượu nhạt đưa cơm nên giấc đẫy,
Lò tàn rấm lửa đỡ đêm đông.
Cuộc đời được mất nhường cơn mộng,
Để lại râu mày với núi sông.

Nguyễn Văn Bách *dịch.*

元旦(丁未)

乾坤覆載有吾身
樂與貧交不逐貧
往事煙花渾似夢
半生萍梗未歸根
已於濁世為儒者
須向山中作主人
造化不慳風月福
無耶卻幸有新春

Phiên âm:

NGUYÊN ĐÁN (Đinh Mùi)

Càn khôn phú tải hữu ngô thân,
Lạc dữ bần giao bất trục bần.
Vãng sự yên hoa hồn tự mộng,
Bán sinh bình ngạnh vị quy căn.
Dĩ ư trọc thế vi nho giả,
Tu hướng sơn trung tác chủ nhân.
Tạo hóa bất khan phong nguyệt phúc,
Vô da khước hạnh hữu tân xuân

Dịch nghĩa:

TẾT NGUYÊN ĐÁN (năm Đinh Mùi)

Trời đất che chở mới có thân ta,
Vui với cái nghèo, chẳng đuổi cái nghèo.
Việc cũ như hoa khói, hệt như giấc mộng,
Nửa đời người trôi dạt, chưa về đến gốc.

Đã sinh ở đời ô trọc, lại làm một nhà Nho,
Nên tìm chốn rừng núi để làm chủ
Tạo hóa không hẹp hòi với cái hạnh phúc gió trăng,
Không nhà, may lại gặp mùa xuân mới.

北歸過古拋寺城

六頭江上莫城荒
斷壁殘碑暮照蒼
花草幾經春代謝
江山猶笑古興亡
煙迷遠浦鄉情重
雲斷孤村旅思忙
南望神鑾何處是
曦輪一片湧滄浪

Phiên âm:

BẮC QUY QUÁ CỔ PHAO TỰ THÀNH

Lục Đầu Giang thượng Mạc thành hoang,
Đoạn bích tàn bi mộ chiếu thương.
Hoa thảo kỷ kinh xuân đại tạ,
Giang sơn do tiếu cổ hưng vong.
Yên mê viễn phố hương tình trọng,
Vân đoạn cô thôn lữ tứ mang.
Nam vọng thần loan hà xứ thị,
Hy luân nhất phiến dũng thương lang.

Dịch nghĩa:

VỀ BẮC, ĐI QUA THÀNH CHÙA CỔ PHAO [1]

Thành nhà Mạc trên bờ sông Lục Đầu hoang vắng.
Bức tường đổ tấm bia hỏng, ánh trời chiều chiếu xuống đám rêu mờ.
Hoa cỏ lụi đã trải mấy xuân.
Sông núi còn cười việc hưng vong cũ.
Khói che bến nước xa, tình quê hương nặng trĩu,
Mây chắn ngang nơi thôn nhỏ, lòng người lữ khách buồn rầu.
Nhìn về Nam, xe vua không biết ở chốn nào.
Chỉ thấy một mặt trời nổi lên trên biển xanh.

Dịch thơ:

Thành Mạc chơ vơ bến Lục Đầu,
Bia tàn, vách đổ bóng chiều thâu
Cỏ hoa mấy độ xuân thay đổi,
Non nước còn cười chuyện biển sâu.
Nặng trĩu tình quê mờ bến khói
Vấn vương tứ khách cách mây sầu.
Trời Nam xe ngọc về đâu tá?
Một mảnh vầng hồng ngập sóng sâu.

Nguyễn Văn Bách *dịch.*

1. Tác giả chú: "Thành này xây thời nhà Mạc".

僑居術懷

國破身逋可奈何
江山隨處即生涯
無顏豈為黃金盡
顧影偏憐白髮多
行止一生關闔闢
窮通二字苦消磨
憑欄辰作鄉關望
羞見歸鴻帶暮霞

Phiên âm:

KIỀU CƯ THUẬT HOÀI

Quốc phá thân bô khả nại hà,
Giang sơn tùy xứ tức sinh nha.
Vô nhan khởi vị hoàng kim tận,
Cố ảnh thiên lân bạch phát đa.
Hành chỉ nhất sinh quan hạp tịch,
Cùng thông nhị tự khổ tiêu ma.
Bằng lan thời tác hương quan vọng,
Tu kiến quy hồng đới mộ hà.

Dịch nghĩa:

Ở TRỌ TẢ NỖI LÒNG

Nước mất, thân xiêu dạt, biết làm thế nào?
Non sông đến đâu, tìm kế sinh nhai ở đấy.
Vẻ mặt không vui, đâu phải vì bạc vàng hết
Soi gương ngắm bóng, những thương cho tóc bạc nhiều.

Một đời làm hay nghỉ đều có liên quan đến số mệnh,
Hai chữ cùng hay thông chỉ khổ về sự tiêu tan.
Tựa bao lan, nhìn về quê nhà.
Xấu hổ thấy chim hồng mang ráng chiều bay về.

感時

枉作青邊笑罵人
癡暝何暇顧冠紳
彈輪隨化非由爾
蜂蟻無知尚有君
葵草欲枯猶向日
蓬根已斷豈知春
新朝縱好非吾分
矧是贏輸夢未真

Phiên âm:

CẢM THỜI

Uổng tác thanh biên tiếu mạ nhân,
Si minh hà hạ cố quan thân.
Đạn luân tùy hóa phi do nhĩ,
Phong nghị vô tri thượng hữu quân.
Quỳ thảo dục khô do hướng nhật,
Bồng căn dĩ đoạn khởi tri xuân.
Tân triều túng hảo phi ngô phận,
Thản thị doanh thâu mộng vị chân.

Dịch nghĩa:

XÚC CẢM VỀ THỜI THẾ

Tiếc cho mình làm một người để sử sách chê cười,
Đã si ngốc còn nghĩ làm gì chuyện áo mũ?
Làm hòn đạn hay bánh xe đều do tạo hóa, đâu phải do mình?
Con ong cái kiến vô tri còn biết có vua,
Hoa quỳ dù héo còn hướng về mặt trời.
Rễ bồng đã đứt sao biết được mùa xuân?
Triều đại mới dù tốt, ta không có phận sự để thờ,
Huống chi việc được thua còn là giấc chiêm bao chưa rõ.

監中見故老宮人泣
敘亂離因有故宮之感

閒 花 無 主 逐 風 飛
白 首 宮 人 獨 自 悲
耳 目 已 移 新 服 語
衣 冠 不 睹 舊 威 儀
木 綿 枝 上 寒 鴉 老
金 字 門 前 戰 馬 肥
最 是 不 關 興 廢 恨
上 林 春 色 正 依 依

Phiên âm:

GIAM TRUNG KIẾN CỐ LÃO CUNG NHÂN KHẤP TỰ LOẠN LY NHÂN HỮU CỐ CUNG CHI CẢM

Nhàn hoa vô chủ trục phong phi,
Bạch thủ cung nhân độc tự bi.
Nhĩ mục dĩ di tân phục ngữ,
Y quan bất đổ cựu uy nghi.
Mộc miên chi thượng hàn nha lão,
Kim tự môn tiền chiến mã phì,
Tối thị bất quan hưng phế hận,
Thượng lâm xuân sắc chính y y.

Dịch nghĩa:

TRONG LÚC BỊ GIAM THẤY NGƯỜI CUNG NHÂN GIÀ THAN KHÓC VỀ CẢNH LOẠN LY, NHÂN ĐÓ CÓ CẢM XÚC VỀ VIỆC TRONG CUNG CẤM

Hoa rơi không có chủ, bay theo ngọn gió,
Người cung nhân đầu bạc rồi, tự thương xót mình.
Tai mắt đã đổi theo cách ăn mặc mới,
Áo mũ không thấy uy nghi ngày trước.
Trên cành cây gạo con quạ già kêu nghe lạnh lẽo,
Trước cửa có đề chữ vàng con ngựa chiến béo phì.
Tốt nhất, không nên day dứt về chuyện hưng phế,
Trên vườn thượng uyển sắc xuân vẫn cứ xanh tươi.

Dịch thơ:

Cánh hoa vô chủ gió bay ngang,
Đầu bạc cung nhân kể đoạn tràng.
Ăn mặc xem ra tai mắt lạ,
Oai nghi những thấy áo xiêm thường.
Quạ già xao xác kêu cành gạo,
Ngựa chiến tung tăng hí cửa vàng.
Nỗi hận phế hưng thôi sá kể,
Ngàn xuân mơn mởn nức hơi hương.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

賦月季花寓嘲

惜春花草為誰容
寧耐憐君吐晚紅
艷色不彫三月雨
芳心已嫁一年風
落霞影裡流鶯老
明月枝頭舞蝶慵
卻笑午葵花態少
幾番憔悴一番濃

Phiên âm:

PHÚ NGUYỆT QUÝ HỒNG HOA NGỤ TRÀO

Tích xuân hoa thảo vị thùy dung,
Ninh nại lân quân thổ văn hồng.
Diệm sắc bất điêu tam nguyệt vũ,
Phương tâm đĩ giá nhất niên phong.
Lục hà ảnh lý lưu oanh lão,
Minh nguyệt chi đầu vũ điệp dung.
Khước tiếu ngọ quỳ hoa thái thiểu,
Kỷ phiên tiều tụy nhất phiên nùng.

Dịch nghĩa:

CUỐI THÁNG BA CÒN HOA ĐỎ, NGỤ Ý TRÀO PHÚNG

Tiếc mùa xuân qua hoa cỏ còn làm dáng với ai.
Thương cho hoa chịu khó phun ra màu đỏ muộn màn,
Mưa tháng ba sắc màu không suy suyển.
Gió quanh năm, hương thơm vẫn vẹn nguyên.
Trong bóng ráng chiều, chim oanh già bay lặng lẽ.
Trên cành cây dưới trăng, con bướm múa nhởn nhác.
Buồn cười cho hoa quỳ giờ Ngọ sắc màu nhợt nhạt,
Mấy lần tiều tụy mới được một phen nồng thắm.

北歸過珥河

其一

圓傘雲如黛
瀘河水似藍
江山雙過客
天地一孤帆
望帝殊方北
遺臣故國南
壯心消薄盡
應是老煙嵐

其二

世事隨秋變
鄉情逐水流
盈虛今古月
來往北南舟
客久應無淚
身窮祇自羞
此生成甚事
掠得早封侯

Phiên âm:

BẮC QUY QUÁ NHĨ HÀ
(Kỳ nhất)

Viên Tản vân như đại,
Lô Hà thủy tự lam.
Giang sơn song quá khách,
Thiên địa nhất cô phàm.

Vọng Đế thù phương Bắc,
Di thần cố quốc Nam.
Tráng tâm tiêu bạc tận,
Ưng thị lão yên lam.

(Kỳ nhị)

Thế sự tùy thu biến,
Hương tình trục thủy lưu.
Doanh hư kim cổ nguyệt,
Lai vãng Bắc Nam chu.
Khách cửu ưng vô lệ,
Thân cùng chỉ tự tu.
Thử sinh thành thậm sự,
Lược đắc tảo phong hầu.

Dịch nghĩa:

VỀ BẮC ĐI QUA SÔNG NHĨ HÀ

I

Mây trên Núi Tản đen thẫm,
Nước dưới Sông Lô trong xanh.
Người khách hai lần đi qua sông núi này.
Như cánh buồm cô độc giữa cảnh trời đất.
Vua Vọng Đế nơi phương Bắc xa xôi,
Kẻ di thần về phương Nam nước cũ.
Lòng hăng hái tiêu tan hết cả,
Thôi chịu già cùng với khói mây.

II

Sự thế cùng thay đổi với mùa thu,
Lòng nhớ quê trôi theo dòng nước chảy.
Mảnh trăng xưa nay tròn rồi khuyết,
Chiếc thuyền Nam Bắc lại rồi qua.
Ở đất khách lâu không còn giọt nước mắt,
Thân cùng chỉ biết tự xấu hổ với mình.
Suốt một đời chẳng làm nên việc gì,
Chỉ được cái phong hầu rất sớm.

Dịch thơ:

I

Tản Viên mây phủ tối mờ,
Sông Lô dòng nước xanh lơ in trời.
Nước non hai độ qua chơi,
Cánh buồm chen giữa đất trời mênh mang.
Bơ vơ Vọng Đế tha phương,
Di thần nước cũ Nam cương ngóng chờ.
Tráng tâm mòn mỏi phôi pha,
Khói mây gửi trọn thân già này ru!

II

Sự đời biến đổi chiều thu,
Tình quê man mác lững lờ nước trôi.
Bóng trăng kim cổ đầy vơi,
Bắc Nam mấy độ tới lui con thuyền.
Khách tình lâu, cạn lệ hoen,
Vận cùng luống để xui nên thẹn mình.
Kiếp này sự nghiệp chẳng thành,
Chẳng qua sớm đoạt cái danh phong hầu.

Nguyễn Văn Bách *dịch.*

冬夜述懷

往事榮枯逐暗塵
浮生蹤跡寄行雲
粵西客臘祈恩使
江北今冬躲使臣
風打殘燈捫鳳僕
寒歌孤枕咱蛩人
一年三百六十日
又著征衫過早春

Phiên âm:

ĐÔNG DẠ THUẬT HOÀI

Vãng sự vinh khô trục ám trần,
Phù sinh tung tích ký hành vân.
Việt Tây [1] khách lạp kỳ ân sứ,
Giang Bắc [2] kim đông đóa sứ thần.
Phong đả tàn đăng môn sắt bộc,
Hàn ca cô chẩm thính cùng nhân.
Nhất niên tam bách lục thập nhật,
Hựu trước chinh sam quá tảo xuân.

Dịch nghĩa:

ĐÊM ĐÔNG TẢ NỖI LÒNG

Việc cũ, vinh hay nhục đã trôi qua với bụi trần,
Tung tích kiếp phù sinh gửi theo đám mây nổi.
Tháng chạp trước sang Việt Tây làm sứ giả đi cầu viện.
Mùa đông này ở Bắc Giang làm viên quan lánh nạn.
Gió thổi tắt ngọn đèn, người đầy tớ ngồi bắt rận,
Lạnh thấm vào chiếc gối lẻ, khách nằm nghe tiếng dế kêu.
Một năm có ba trăm sáu mươi ngày,
Lại mặc áo đường trường đi trong ngày xuân sớm.

---

1. *Việt Tây:* Tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.
2. *Giang Bắc:* Chỉ tỉnh Bắc Giang.

臨鏡有感

甚矣吾衰也
少年不再作
二毛漸盈頭
一齒將辭腭
歲月易磋跎
江湖久流落
有田不可耕
有井不可鑿
有廬不可愛
有泉不可濯
人情荊棘險
世路風波惡
此生遂流萍
有心怜野藿
辰窮夢境酸
客久鄉情薄
萬事與年過
祇有春如昨

Phiên-âm:

LÂM KÍNH HỮU CẢM

Thậm hĩ ngô suy dã,
Thiếu niên bất tái tác.
Nhị mao tiệm doanh đầu,
Nhất xỉ tương từ ngạc.
Tuế nguyệt dị sa đà,
Giang hồ cửu lưu lạc.
Hữu điền bất khả canh,
Hữu tỉnh bất khả tạc.

Hữu lư bất khả ái,
Hữu tuyền bất khả trạc.
Nhân tình kinh cức hiểm,
Thế lộ phong ba ác,
Thuở sinh toại lưu bình,
Hữu tâm liên dã hoắc.
Thời cùng mộng cánh toan,
Khách cửu hương tình bạc.
Vạn sự dữ niên quá,
Chỉ hữu xuân như tạc.

Dịch nghĩa:

SOI GƯƠNG CẢM XÚC

Than ôi, ta đã yếu rồi,
Tuổi niên thiếu không trở lại được!
Đầu ta đã hai thứ tóc,
Một chiếc răng cũng sắp rụng.
Năm tháng hờ hững trôi qua
Lưu lạc mãi chốn giang hồ.
Có ruộng không cày được,
Có giếng không vét được,
Có nhà không được ở,
Có suối không được tắm.
Tình người hiểm như gai góc,
Đường đời nguy như phong ba.
Cuộc đời ta như cánh bèo trôi dạt,
Chỉ có tấm lòng thương cây dã hoắc.
Thời buổi khốn cùng, trong giấc mộng cũng chua xót,
Ở đất khách lâu, tình quê phai dần.
Mọi việc đều trôi qua với năm tháng,
Chỉ có mùa xuân là giữ được như cũ.

Dịch thơ:

Nhìn ta, ôi đã suy rồi!
Xuân xanh chẳng trở lại thời thơ ngây.
Trên đầu sương đã chen đầy,
Hàm răng, một chiếc lung lay sắp lìa.
Tháng năm vùn vụt trôi đi,
Giang hồ mài gót lưu ly những ngày.
Ruộng hoang để vắng ai cầy,
Giếng rêu phủ kín, bùn đầy ai khơi,
Có nhà chẳng phút nghỉ ngơi,
Có khe suối mát tắm bơi chưa từng.
Tình người gai góc không chừng,
Đường đời gió dậy, sóng lừng hiểm nguy.
Giầu lòng thương phận hoắc quỳ,
Vô căn, xót nỗi lưu ly thân bèo.
Thời cùng mộng cũng gieo neo,
Khách tình lâu, lắng nhạt chiều cố hương.
Năm sang muôn việc theo sang,
Chỉ riêng xuân sắc vẫn thường như xưa.

Nguyễn Văn Bách *dịch.*

有懷

美人宛在白雲鄉
我欲從之阻且長
今杖秋風吹短夢
落花一夜到吳江

Phiên âm:

HỮU HOÀI

Mỹ nhân [1] uyển tại bạch vân hương,
Ngã dục tùng chi trở thả trường.
Toàn trượng thu phong xuy đoản mộng,
Lạc hoa nhất dạ đáo Ngô giang.

Dịch nghĩa:

HỮU HOÀI

Người đẹp dường như ở trong làng mây trắng,
Ta muốn đi theo, nhưng đường hiểm trở lại xa xôi.
Đành phải nhờ ngọn gió thu thổi vào giấc mộng.
Như cánh hoa rơi, chỉ một đêm là đến sông Ngô.

Dịch thơ:

Mỹ nhân thấp thoáng nẻo xa mờ,
Trở cánh khôn theo dạ những mơ.
Nhờ cậy gió thu đưa giấc bướm,
Một đêm hoa rụng tới sông Ngô.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

1. *Mỹ nhân:* Chỉ người phụ nữ đẹp.

秋夜寒

秋霜凜烈秋風酸
竹床搖曳布衣單
丈夫初心庇四海
可憐無奈一身寒
長更展轉天難曉
四壁虫吟聲漸老
童子貪眠喚不醒
相公自去燃煙草

Phiên âm:

THU DẠ HÀN

Thu sương lẫm liệt thu phong toan,
Trúc sàng dao duệ bố y đơn.
Trượng phu sơ tâm tỉ tứ hải,
Khả lân vô nại nhất thân hàn.
Trường canh triển chuyển thiên nam hiểu,
Tứ bích trùng ngâm thanh tiệm lão.
Đồng tử tham miên hoán bất tỉnh,
Tướng công tự khứ niên yên thảo.

Dịch nghĩa:

ĐÊM THU LẠNH

Sương thu gay gắt, gió thu lạnh lùng.
Giường tre đu đưa, manh áo phong phanh.
Tấm lòng trượng phu muốn cứu giúp bốn bể,
Thương thay! Thân này rét lạnh biết là thế nào?

Suốt canh dài, trằn trọc trời vẫn chưa sáng,
Bốn vách tường côn trùng kêu tiếng đã khàn.
Chú tiểu đồng ngủ say gọi không tỉnh,
Tướng công phải tự mình đi đốt lửa hút thuốc.

Dịch thơ:

Sương thu ngăn ngắt, gió thu tê,
Áo đơn mỏng manh rung giường tre.
Trượng phu lòng muốn giúp bốn bể,
Nào hay thân lạnh không đủ che.
Canh dài trằn trọc ngủ không được,
Giun dế bốn bề kêu xáo xác.
Con trẻ ngủ say gọi chẳng thưa,
Tướng công dậy đốt lửa châm thuốc.

Nguyễn Văn Bách *dịch*.

和納言汝義澤見贈

秋風釣艇夕陽橋
鴻自冥冥燕自飄
漸見逾民間異俗
幾聞遺老說新朝
月明巴峽人何在
雲密岐陽天亦遙
弧矢初心消挫盡
一聲霜杵鬢花彫

Phiên âm:

HỌA NẠP NGÔN NHỮ NGHĨA TRẠCH KIẾN TẶNG

Thu phong điếu đĩnh tịch dương kiều,
Hồng tự minh minh yến tự phiêu.
Tiệm kiến du dân [1] nhàn dị tục,
Kỷ văn di lão thuyết tân triều [2]
Nguyệt minh Ba Giáp [3] nhân hà tại,
Vân mật Kỳ Dương [4] thiên diệc dao.
Hồ thỉ sơ tâm tiêu tỏa tận,
Nhất thanh sương chử mấn hoa điêu.

Dịch nghĩa:

HỌA BÀI THƠ TẶNG CỦA ÔNG NẠP NGÔN NHỮ NGHĨA TRẠCH

Gió thu thổi, thuyền câu đậu dưới cầu lúc chiều hôm,
Chim hồng tự bay xa, chim én tự liệng gần.
Đã thấy người dân triều cũ quen dần với phong tục mới,
Đã nghe các di lão nói chuyện tân triều,
Trăng sáng trên núi Ba Giáp, người ở đâu rồi?
Mây dày trên đất Kỳ Dương, trời còn xa lắc.
Tấm lòng hồ thỉ buổi đầu tiêu tan hết cả.
Nghe một tiếng chày sương, thương cho mái tóc phôi pha.

---

1. *Du dân:* Ông Tạ Diệp Sơn người Tống, không chịu hàng nhà Nguyên, trong bức thư ông gửi cho bọn quan lại đã hàng Nguyên có câu: "Vị Tống bô bá thần khả, vi Nguyên du nọa dân khả", (nghĩa là: Làm bầy tôi bố bá thời Tống cũng được, làm người dân lười nhác thời Nguyên cũng được". Ở đây chỉ những người không hợp tác với triều đại mới.

2. *Tân triều*: Chỉ triều đại Tây Sơn. Hai câu này chứng tỏ triều đại Tây Sơn dần dần chinh phục được những người vẫn tự coi là trung thành với nhà Lê.

3. *Ba giáp:* Núi Vu Giáp ở động Ba Đông.

4. *Vân mật Kỳ Dương:* Mây dày ở đất Kỳ Dương. *Kinh Dịch* có câu: "Mật vân bất vũ", nghĩa là mây đã dày mà chưa thấy mưa. Ý nói dân nhà Thương trông vua Văn Vương ở Kỳ Dương kéo quân đến diệt Trụ, nhưng Văn Vương chưa thấy đến. Ở đây Trần Danh Án vẫn tỏ ý mong có người giúp nhà Lê khôi phục lại nghiệp cũ.

題崇光寺

世局如碁幾變更
何能隻手換滄溟
功名富貴風前柳
南北東西水上萍
浩劫浮沉羞不死
空明寥廓證無生
古今來往渾如此
一片禪心對月明

Phiên âm:

ĐỀ SÙNG QUANG TỰ

Thế cục như kỳ kỷ biến canh,
Hà năng chích thủ văn thương minh.
Công danh phú quý phong tiền liễu,
Nam Bắc Đông Tây thủy thượng bình.
Hạo kiếp phù trầm tu bất tử,
Không minh [1] liêu quách chứng vô sinh.
Cổ kim lai vãng hồn như thử,
Nhất phiến thiền tâm đối nguyệt minh.

1. *Không minh:* Chuyên ngữ của nhà chùa.

Dịch nghĩa:

ĐỀ CHÙA SÙNG QUANG

Cuộc đời như ván cờ, đã mấy lần thay đổi.
Làm sao một cánh tay kéo được bể trời?
Công danh phú quý như tơ liễu trước gió,
Lênh đênh như cánh bèo khắp Nam Bắc Tây Đông.
Mắc tai nạn lớn chìm nổi, thẹn là mình chẳng chết
Bầu trời bao la chứng cho cái lẽ vô sinh.
Xưa nay mọi cái đến rồi đi, đều như thế cả,
Chỉ có tấm lòng thiền còn lại với vầng trăng sáng.

陋室吟

莫嫌余室陋
室陋更何妨
十年為旅客
此地是家鄉
上覆茅三尺
前編竹幾行
中纔容膝地
後遶及廚墻
內為房與灶
外為庭與堂

閒居無間絶
客至稍分張
煙近憐冬煖
風多愛夏涼
開衿迎早月
抓背曝朝陽
夜燈影孤焰
四壁明煌煌
兒童讀書史
僕妾事糟糠
貧妻供紡績
老翁踞胡床
長飲酒一杯
或吟時一章
此境無拘束
於中自倘佯
問翁胡倘佯
翁言別有方
別有寬閒地
玲瓏納入荒

Phiên âm:

LẬU THẤT NGÂM

Mạc hiềm dư thất lậu,
Thất lậu cánh hà phương.
Thập niên vi lữ khách,
Thử địa thị gia hương.
Thượng phú mao tam xích,
Tiền biên trúc kỷ hàng.

Trung tài dung tất địa,
Hậu nhiễu cập kiên tường.
Nội vi phòng dữ táo,
Ngoại vi đình dữ đường.
Nhàn cư vô gián tuyệt,
Khách chí sảo phân trương.
Yên cận lân đông noãn,
Phong đa ái hạ lương.
Khai khâm nghênh tảo nguyệt,
Trảo bối bộc triêu dương.
Dạ đăng ảnh cô diệm,
Tứ bích minh hoàng hoàng.
Nhi đồng độc thư sử,
Bộc thiếp sự tao khang.
Bần thê cung phưởng tích,
Lão ông cứ hồ sàng.
Trường ẩm tửu nhất bôi,
Hoặc ngâm thi nhất chương.
Thử cảnh vô câu thúc,
Ư trung tự thảng dương.
Vấn ông hồ thảng dương,
Ông ngôn biệt hữu phương.
Biệt hữu khoan nhàn địa,
Linh lung nạp bát hoang [1].

Dịch nghĩa:

BÀI NGÂM VỀ NGÔI NHÀ TỒI TÀN

Chớ chê, nhà ta tồi tàn,
Nhà tồi tàn có sao đâu?
Mười năm làm người lữ khách,
Thì nơi này là quê hương.

---

1. Sách *Độc thư lạc thú có câu:* "Dĩ bát hoang vi đình trừ" (nghĩa là lấy tám cõi rộng lớn làm cái sân cái thềm. Trong bài này câu thơ ý nói ngôi nhà nhỏ nhưng tự do, thoải mái thì cũng cảm thấy nó rộng rãi mênh mông.

Ở trên lợp cỏ ba thước,
Phía trước đan mành trúc.
Bên trong hơi chật chội,
Phía sau có tường bọc chấm vai.
Trong nhà chia ra buồng và bếp.
Bên ngoài chia ra sân và đường.
Cuộc sống nhàn nhã quanh năm,
Có khách đến mới khẩn trương một tý.
Gần khói, mùa đông ấm áp
Gió nhiều, mùa hè mát mẻ.
Mở vạt áo mời trăng sớm,
Nghiêng lưng phơi nắng mai.
Ban đêm một ngọn đèn soi bóng,
Bốn vách sáng lung linh.
Trẻ con đọc sử sách,
Nàng hầu lo cơm nước.
Bà vợ nghèo mải kéo sợi,
Ông lão ngồi giường mây,
Uống tràn một cốc rượu,
Hoặc ngâm một đoạn thơ.
Chốn này không ràng buộc gì,
Sống ở đó thật thoải mái.
Hỏi ông vì sao mà thoải mái?
Ông bảo có phương pháp riêng
Có riêng rộng rãi thảnh thơi.
Mênh mông đủ chứa được cả tám cõi.

Dịch thơ:

Chẳng chê nhà ta xấu,
Nhà xấu có hề chi?
Mười năm làm khách trọ,
Nay lấy đấy làm quê.
Mái lợp mấy tấm cỏ,
Cửa vây vài phên tre.
Giữa đủ đất duỗi gối,
Sau tường vai vừa kề.

Trong là buồng và bếp,
Ngoài: nhà, sân, lối đi.
Cảnh nhàn chẳng bận bịu,
Khách tới bận tí ti.
Gần khói đông càng ấm,
Nhiều gió mát mùa hè.
Áo phanh đón trăng sáng,
Gãi lưng phơi nắng nhoe.
Đèn đêm bóng lấp ló,
Bốn vách sáng hoe hoe.
Trẻ nhỏ đọc sử sách,
Thiếp hầu lo cháo kê.
Vợ nghèo mải dệt vải,
Ông già ngồi giường mây
Uống ào chén rượu nhạt,
Ngâm toáng câu ca vè.
Cảnh này chẳng bó buộc,
Trong lòng riêng hả hê.
Hỏi sao ông hỉ hả?
Ông rằng có thuật kỳ:
Riêng có mảnh đất rộng,
Mông mênh rộng tám bể.

Nguyễn Văn Bách *dịch*

HOÀNG QUANG

Hiệu là Thai Dương cư sĩ, người làng Thai Dương, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII. Chưa biết năm sinh, năm mất. Ông có tiếng hay chữ, có lòng trung nghĩa, nhưng sống vào một giai đoạn rối ren, chỉ ở nhà, không ra làm việc gì. Dưới thời Tây Sơn được mời ra làm quan cũng không ra, khi Nguyễn Ánh ra Phú Xuân cho người đến mời, lúc ấy ông đã mất. Sáng tác của Hoàng Quang hiện chỉ còn bài *Hoài Nam ca khúc* dài trên 860 câu, chủ yếu viết bằng thể lục bát, có xen mấy bài thơ Đường luật, vài bài văn tế viết theo thể phú, và bài dịch *Chức cẩm hồi văn* [1].

Hoài Nam ca khúc viết về xã hội Đàng Trong. Tác giả ca ngợi các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Khoát. Từ khi Nguyễn Phúc Khoát mất, Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi, vì còn nhỏ nên quyền hành rơi hết vào tay Trương Phúc Loan, là một gian thần. Xã hội trở nên hỗn loạn. Dân chúng đói khổ. *Hoài Nam ca khúc* phản ánh khá sinh động tình trạng bế tắc, đen tối của xã hội Đàng Trong từ đời Nguyễn Phúc Thuần trở đi. Tác giả cho thấy phong trào Tây Sơn bùng nổ chính là sự phản ứng của quần chúng trước tình trạng đó. Tây Sơn đề cao khẩu hiệu "phù minh diệt ám" nên đông đảo quần chúng rầm rộ tham gia cuộc khởi nghĩa. Tuy vậy, do quan điểm chính thống, Hoàng Quang vẫn tỏ ra thù địch với phong trào Tây Sơn. Cuối tác phẩm, tác giả mơ ước ngôi chúa Nguyễn một ngày nào đó sẽ được phục hồi. Tác phẩm có nhiều hạn chế. Dù sao qua *Hoài Nam ca khúc* vẫn thấy được diện mạo khá chân thực của xã hội Đàng Trong những năm cuối thế kỷ XVIII và sự bùng nổ của phong trào Tây Sơn là một tất yếu lịch sử. Đoạn thơ trích tuyển ở đây lấy theo bản phiên âm ra chữ quốc ngữ đăng trên *Nam Phong*.

---

1. Bài dịch *Chức cẩm hồi văn* được giới thiệu trong Tập 13 bộ Tổng tập này.

HOÀI NAM CA KHÚC

Chín truyền bèn đến Tân vương, [1]
Ấu thơ nào biết mối đường đảm đương.
Tưởng xưa Thái Giáp thêm thương,
Mấy lâm hàu trách "phúc Thang điển hình". [2]
Cơ chi có Doãn A hành, [3]
Làm chi đến nỗi rối mành nhà Thương.
Trách vì quốc phó họ Trương [4],
Chánh quân [5] *khéo khéo chẳng nhường Y Châu.* [6]
Của dân muốn một mình thâu,
Như sành còn hãy rán dầu cho khô!
Muôn chung ăn tưởng chửa no,
Cùng loài hãy muốn nên gò cho cao. [7]
Một đoàn phú quý lao xao,
Trâm anh còn bú, đai bào còn men. [8]
Trong triều hòa những con em,
Có ai mà lại nghi hiềm dạ ai?
Đua nhau ăn uống cơm trời,
Cạn đường thịt chạy, nhuận vời thây đi. [9]
Cho hay Thuấn đã qua kỳ,
Tài dầu chẳng sánh Cao Quỳ cũng dâng. [10]
Của tiền thì đựng trí thân,
Thiếu tiểu tu cần, dầu học chỉ nên.

---

1. *Tân vương:* Chỉ Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần, làm chúa từ năm 1765 đến năm 1775.
2. *Phúc Thang điển hình:* Làm nghiêng đổ phép tắc của vua Thang.
3. *Doãn A hành:* Ông Y Doãn, làm quan A hành thời Thương, giúp vua Thái Giáp cai quản việc nước.
4. *Quốc phó họ Trương:* Tức Trương Phúc Loan.
5. *Chánh quân:* Giúp vua làm đúng chánh đạo.
6. *Chẳng nhường Y Châu:* Y là Y Doãn, Châu là Châu Công. Có bản chép "giả đường Y Châu".
7. Mạnh Tử nói: Kẻ tiện trượng phu đến chợ, lên gò cao để hóng lợi: Ý nói người làm quan còn mưu tính lợi ích riêng.
8. Câu này có bản chép: *"Trâm anh còn rủ, đai bào còn niêm"*.
9. Chỉ những kẻ vô tích sự như cây thịt, như thây ma chỉ đi lại làm chật đường chứ không làm được việc gì.
10. Hai câu này ý nói khi vua Thuấn không còn nữa thì những kẻ dầu tài không sánh được với ông Cao, ông Quỳ cũng được làm quan.

Mãn chiều châu tử vẻ vang,
Đều những đọc tiền, nào chẳng đọc thơ!
Học trò là báu nước nhà,
Non cao hang thẳm tiếc đà bỏ rơi.
Há rằng chẳng có bảng Trời?
Thì tiền thì đỗ, thì tài cũng bay.
Anh hùng khó chịu chau mày,
Nhà giàu con trẻ lướt mây thè lè.
Có tai bưng bít chẳng nghe,
Đã chăn sao để trâu dê gầy mòn. [1]
Nỡ tàn cõi nước chẳng vun,
Ngọc vàng con hát, lấm bùn thằng dân.
Ăn chơi cho sướng cái thân,
Béo mình những tưởng, ốm dân chi sờn.
Lấy ai cứu chúng lầm than?
Nóng muốn thêm nóng, sâu càng thêm sâu. [2]
Hãy còn hối lộ tham cầu,
Trút hờn dưới thẳm, chồng sầu trên xanh.
Có phen Bạt Quỷ [3] *hiện hình,*
Ba đông rực rỡ trên nhành trổ lam.
Có phen chan chứa nguồn tham,
Lụt dãy Hàm đàm, nước đục dòng Xuân.
Có phen điềm hiệu yêu phân [4]*,*
Trời năm sáu mặt treo ngần giữa không.
Có phen sấm sét bão bùng,
Lúa có hoàng trùng, nội có hổ lang.
Có phen điềm giới sắc hoang, [5]
Tối tăm hồng nhật, rỡ ràng tuệ tinh.
Có phen điềm ứng giáp binh.
Nước sông dường máu đã tanh lại nồng.
Có phen điềm ứng hư không,
Lở non nên vực, cạn sông nên gò.

---

1. Ý nói không chăm sóc dân, để cho dân đói khổ.

2. Mạnh Tử nói: "Hỏa ích nhiệt, thủy ích thâm", nghĩa là dân đã khổ lại còn làm cho khổ thêm, ví như đã nóng lại làm cho nóng thêm, nước đã sâu lại làm cho sâu thêm.

3. *Bạt Quỷ:* Thần làm nắng.

4. *Yêu phân:* Khí mây quái gở.

5. *Điềm giới sắc hoang:* Hoang chơi nữ sắc, trời hiện điềm răn bảo.

Có phen dậy trận đánh khua,
Bỗng dưng đất động trái mùa sấm ran.
Có phen cốt nhục tương tàn,
Ban ngày sao mọc, rõ ràng hơn đêm.
Mống bày mười mắt thửa xem, [1]
Tham vui nào có nghị hiềm sự chi.
Há rằng trời chẳng lòng vì,
Mấy điều răn trước hay gì đã nên.
Trách vì phụ tá chẳng hiền,
Lợi tai vui mất [2] *lại quên sự nghèo.*
Rõ ràng lỡ miệng khéo thêu,
Áo the việc dữ, bia treo sự lành.
Khiến trên ngăn lấp thanh minh,
Ấu sung nào biết bất bình lẽ chi.
Đua nhau quấy rối triều nghi,
Kiếm đồ ngoạn bảo dị kỳ dâng lên.
Nào hay thuốc độc bề trên,
Mê tâm không tưởng nước nên sự nghèo.
Kể từ Ất Dậu [3] *lâm triều*
Rồi qua Quý Tỵ chút nghèo chín năm.
Giặc dân nổi dậy xứ Chiêm, [4]
Tây Sơn Biện Nhạc nghĩ cầm Võ Thang.
"Phù minh diệt ám" [5] *tiếng vang,*
Đã liều búa sắt, gươm vàng quản chi.
Trong non khói lửa đen sì,
Cờ thì treo áo, binh thì rút cây.
Rủ nhau chuột lũ cáo bày,
Vuốt nanh khách khứa, cánh vai buôn bè.

---

1. Ý nói xem cho thật rõ như mười mắt cùng xem vậy.

2. Sách *Mạnh Tử* có câu: "An kỳ nguy, lợi kỳ tai, lạc kỳ sở dĩ vong giả" nghĩa là "Lấy sự nguy làm yên, lấy sự tai vạ làm lợi, sự mất mát làm vui?"

3. *Ất Dậu:* Năm 1765.

4. *Xứ Chiêm:* Chỉ tỉnh Bình Định cũ, ngày xưa thuộc Chiêm Thành, nơi dấy binh của anh em Nguyễn Huệ.

5. *Phù minh diệt ám:* Giúp cái sáng, diệt cái tối. Chỉ việc làm chính nghĩa.

Nực cười châu chấu chống xe,
Những ngờ chấu ngã, ai dè xe nghiêng. [1]
Lớn oai sao nó chẳng kinh,
Đầu còn chó gặm, sau liền kình ăn.
Tới đâu ngọc thạch câu phần. [2]
Than rằng Thăng Điện [3] *ấy dân tội gì.*
Triều đình xa dễ chẳng nghe,
Đã đành đuổi cáo, muông què nhọc khua.
Há không lương sĩ cù cù, [4]
Bởi vì ngọng miệng xôi chùa tham ăn. [5]
Há không thóc lúa đầy căng?
Ba quân đánh giặc phải ăn cơm nhà.
Há rằng chẳng sắc can qua?
Can qua sắc nữa, ai hòa đánh cho.
Chẳng nài trăm trận đều thua,
Miễn là đắc thắng đầy kho bạc vàng. [6]
Tinh binh đồn thủ Phấn Dương,
Đem binh lão nhược lót đường Tây Sơn.
Ải ngoài sai chúng khó khăn,
Góc nhà đồn thủ về phần cháu con.
Trận bày dưới biển trên non,
Vầy dân tiền của đắp đồn miễn hơn.
Khéo là đành dạ bất nhân,
Một mình muốn sống, muôn dân nỡ hoài.

---

1. Đoạn này tác giả phản ánh một sự thực lịch sử là phong trào Tây Sơn nêu cao chính nghĩa được đông đảo quần chúng lao động hưởng ứng, trong đó có cả những người buôn bán. Nhưng tác giả đứng về phía chúa Nguyễn nên cách trình bày có vẻ khinh miệt. Đây là một hạn chế lớn của Hoàng Quang trong tác phẩm này.

2. *Ngọc thạch câu phần:* Lửa cháy ở núi Côn Cương thì ngọc đá đều cháy. Ý nói cảnh hai bên đánh nhau lan ra đến đâu thì dân bị tai họa ở đó.

3. *Thăng, Điện:* Thăng là phủ Thăng Ba; Điện là phủ Điện Bàn, đều thuộc tỉnh Quảng Nam.

4. *Lương sĩ cù cù: Chữ trong Kinh Thi:* Nghĩa là kẻ tướng sĩ mạnh mẽ.

5. Câu này ý nói đám quan lại của chúa Nguyễn khi có lệnh cử đi đánh nhau với quân đội Tây Sơn, nhiều kẻ sợ chết đem tiền của đút lót cho Trương Phúc Loan. Trương Phúc Loan ăn tiền nên không cử đi nữa.

6. Ý nói quân chúa Nguyễn thường bại trận, nhưng nếu may mắn có trận nào thắng được thì Trương Phúc Loan liền tâu với vua là "đại thắng" để xin thưởng.

Vì dầu xuống ngựa lên ngai,
Không dân chưa dễ cùng ai sang giàu.
Tưởng hơn nào thiệt có đâu,
Nước nhà đã mất công hầu cùng ai?
Sao không chống sức ra tài,
Lấy gan làm lũy lấy vai làm thành.
Để cho giặc nọ vô danh,
Xôn xao ếch giếng khoe mình nỗi chi.
Anh hùng đã phải tế thì,
Nào là tài cán chẳng đi dẹp loàn?
Binh cơ khéo vận trong màn,
Chưa lo đánh giặc, đã càn đánh dân.
Mới hay Tần lại công Tần,
Quét hang đã lở cày sân lại chìu.
Đến đâu máu mỡ đều hao,
Của dân sao khéo tơ hào chẳng kiêng.
Ai làm dân Quảng truân chiên,
Dễ hầu gà luộc mấy phen nữa là.
Tranh nhau mấy trận vào ra,
Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ sông.
Lấy ai làm trước chiến phong,
Trận tiền dễ thấy anh hùng mặt nao?
Tả quân tuy có tài cao,
Than rằng hùm một nài sao cáo bầy!
Hãn sinh Võ Mục [1] đời này,
Có Trương Tần Cối [2] khó bày nên công.
Xa xôi nào thấu chín trùng,
Có hay mưa hãm anh hùng vậy chăng?
Tiếc tài chân tướng ai bằng,
Tạc bia muôn thuở kính dâng một đề.
Thơ rằng:
Vô kỳ lục lục lũ muôn ngàn,
Khen Tả quân Du có trí ngoan.

---

1. *Hãn sinh Võ Mục:* Hãn sinh nghĩa là ít khi sinh được, ít khi có được; Võ Mục tức Nhạc Phi, một danh tướng thời Tống.

2. *Trương Tần Cối:* Chỉ Trương Phúc Loan, ví Trương Phúc Loan với Tần Cối, một nịnh thần, từng làm thừa tướng đời vua Cao Tông nhà Tống, người đã vu hãm để giết Nhạc Phi.

Ngoài cõi vững bền thành họ Lý [1],
Trong quân da lạnh khổ người Hàn [2].
Điểm trời cõi Bắc còn bia tiếng,
Trải đất non tây thảy nép gan.
Khá tiếc đương nghèo trong vận nước,
Anh hùng nỡ để lụy ba lan.
Thơ thôi thảm thiết nhiều bề,
Tưởng anh hùng lại càng ghê nỗi lòng!
Ngao cò dùng dắng dư đông, [3]
Bắc Hà đã chén nồng nồng ông ngư...

---

1. Họ Lý: Lý Tích, một tướng giỏi nhà Đường.

2. Người Hàn: Hàn Kỳ, một tướng nhà Tống.

3. Con ngao và con cò chèo kéo nhau, cuối cùng ông đi câu nhìn thấy, tóm bắt cả hai. Ý nói trong Nam quân chúa Nguyễn và quân Tây Sơn đánh nhau, thừa lúc ấy chúa Trịnh ở ngoài Bắc kéo vào nhằm tiêu diệt cả hai.

* Đoạn này tác giả phản ánh được sự thật thối nát của bộ máy thống trị của xã hội phong kiến Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thuần và cuộc sống khổ cực của đông đảo quần chúng, khách quan giúp người đọc thấy được tại sao phong trào nông dân Tây Sơn với khẩu hiệu "Phù minh diệt ám" đã lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp quần chúng đi theo mình, và nhanh chóng giành được những thắng lợi có tính chất quyết định. Tuy nhiên tác giả vẫn là một bầy tôi trung thành của chúa Nguyễn, nên cái nhìn có nhiều chỗ hết sức hạn chế và lệch lạc. Thái độ thù địch với phong trào Tây Sơn là một biểu hiện. Ngoài ra việc quy mọi thối nát của xã hội Đàng Trong dường như chỉ do mỗi Trương Phúc Loan gây ra cũng không đúng.

PHỤ LỤC

BÀI SỚ CỦA NÔNG DÂN TRẠI VĂN CHƯƠNG XIN VUA QUANG TRUNG DỰNG LẠI BIA TIẾN SĨ ĐỀ DANH TRONG VĂN MIẾU [1]

Chúng tôi một lũ dân cấy hái,
Trái mùa, sinh vào trại Văn Chương.
Trong khi cày ruộng cuốc nương,
Vành ngoài trông vọng cung tường miếu văn.
Có một thá băn khoăn trong dạ,
Mượn thầy Nho phô tả ra tờ,
Dám mong lọt cửa quân cơ.
Gió Nam đưa tới dưới cờ ngài Quang Trung,
Bia Tiến sĩ dựng trong Văn Miếu,
Khởi từ năm Đại Bảo thứ ba (1442)
Vào Nhâm Tuất hội khoa,
Thái Tông ngự trị thuộc nhà Hậu Lê.
Rồi từ đó lệ về Quốc giám,
Trải ba trăm ba mươi tám năm ròng.
Đến năm thứ bốn mươi hiệu Cảnh Hưng, vua Hiến Tông (1779),
Là khoa Kỷ Hợi (1779) cuối cùng hết bia.
Tính gồm lại số bia trong Giám,
Cả trước sau là tám mươi ba.
Dựng theo thứ tự từng khoa,
Bia kia sáu thước cách xa bia này.
Nhà bia đủ Đông Tây mười nóc,
Vuông bốn bề ngang dọc bằng nhau.
Mỗi bề hai chục thước tàu,
Cột cao mười thước có lầu chồng diêm.
Coi thế thế tôn nghiêm có một,
Cửa vào ra then chốt quan phòng.
Bốn quan nhất phẩm giám phong,

1. Trại Văn Chương ở gần Quốc Tử giám triều Lê, nay là Văn Miếu Hà Nội.

Ba cơ, bảy vệ canh trong quét ngoài.
Bia mới dựng đầy hai nóc trước,
Tám nóc sau còn gác lưu không,
Năm năm chờ đợi bảng Rồng,
Các quan bộ Lễ, bộ Công chiếu hàng.
Kề cửa Khổng, sân Trình gang tấc,
Đào tạo nên nhiều bậc anh tài,
Một nền văn hiến lâu dài,
Tiếc thay chưa được đón Ngài ngự thăm.
Bốn năm trước, giữa năm Bính Ngọ (1786),
Ngài đem quân ra thú Bắc Hà,
Oai trời sấm sét thoảng qua,
Cơ đồ họ Trịnh bỗng ra tro tàn.
Bia tiến sĩ, vô can, vô tội,
Mà vạ lây vì lỗi cháy thành,
Bia thì đạp đổ tung hoành,
Nhà bia thì đốt tan tành ra tro!

Có kẻ nói:

Tội ác ấy là do Trịnh Khải,
Lúc sa cơ hắn phải trốn ra.
Cho vời các bậc đại khoa,
Trước sau chẳng thấy ai qua theo mình.
Sau có một Nghè Canh [1] ứng tiếp,
Lại đưa nhầm vào mép hổ lang.
Đến khi việc đã nhỡ nhàng,
Giận người khoa giáp lại càng tím gan.
Nhân có cháu là Lan trốn lủi,
Khải trao cho một túi vàng kho.
Dặn về thuê kẻ côn đồ,
Phá bia tiến sĩ để cho bõ hờn.
Trịnh Lan cũng đang cơn giận bực,
Trốn được về, tức tốc làm ngay,
Dân nghèo mộ được nhiều tay,
Mấy trăm lính cũ cùng thầy tớ thân.
Cho tiền bạc, cho ăn, cho uống,
Cho cuốc, vồ, mai, thuổng, búa, dao.

1. *Nghè Canh:* Tức ông Nghè ở làng Vân Canh, ở đây chỉ Lý Trần Quán.

Thừa cơ binh lửa ồn ào,
Phá bia, đốt giám, lửa cao lưng trời.

Có kẻ nói:

Những lời trước là lời bịa tạc,
Nào có ai đích xác mắt tai?
Hay chăng quân lính nhà Ngài,
Trong khi xung sát, ra oai thị hùng.
Bia tiến sĩ bỗng không mà hóa đổ,
Chẳng qua vì khí số xui nên.
Xét soi nhờ ở lượng trên,
Phá đi rồi lại dựng đền nay mai?

Chúng tôi chiếu lại hai lời ấy,
Sự thực, hư chưa thấy rạch ròi.
Song le việc đã qua rồi.
Chẳng chi bới móc, tìm tòi uổng công.
Chỉ xin được Ngài trông vì nước,
Dựng lại bia cùng nhà bia cho được y nguyên.
Trước là giáo dục kẻ hiền,
Sau là văn mạch rõi truyền dài lâu.
Nấn ná nữa, mưa dầu nắng dãi,
Dùng dằng rồi, ngày lại tháng qua.
Cát vùi rêu phủ chữ nhòa,
Tay sờ không thấy, lệ sa bằng thừa.
Muốn tìm lại dấu xưa vết cũ,
Ai là người khảo cổ cho hay?
Vậy nên mong ở ngày nay,
Một giờ nào sớm càng hay một giờ.
Chúng tôi kíp chờ chiếu ngọc,
Mong ngài trông vào nhà Quốc học ngay cho.
Chúng tôi mừng vận làng Nho,
Mừng hơn cày cấy mà trời cho được mùa.
Chúng tôi chúc nhà vua muôn tuổi,
Vì nước nhà mở hội hà thanh.
Còn bia tiến sĩ đề danh,
Vẫn còn bàn thạch triều đình non Tây.

Lời phê vào bài sớ của vua Quang Trung:

Ta không trách nông phu,

Ta chỉ gớm thầy Nho.
Cả gan, to mật dám kêu Vua bằng Ngài.
Thầy Nho là ai?
Sắc cho Bộ hỏi, dân khai.
– Thôi, thôi, thôi, việc đã rồi,
Trăm nghìn hãy cứ trách bởi vào ta.
Nay mai dọn lại nước nhà,
Bia Nghè lại dựng trên tòa muôn gian.
Cơ đồ họ Trịnh đã tan,
Việc này cũng đừng đổ oan cho thằng Trịnh Khải. [1]

Theo Trần Văn Giáp, *"Nguyễn Huệ với bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội". Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* H. số 46 tháng 1 năm 1963.

1. Bài này còn có lời phê, nói là của Nguyễn Du ghi ở cuối cùng như sau:
Chắp tay tôi lạy bác Tam Nông.
Cuốc trăm nhát dật vào lòng cả năm!

+. Bài sớ này nguyên văn bằng chữ Nôm do Hà Năng Ngôn làm thay, được chép trong sách *Tam Nông truyện biểu*. Hà Năng Ngôn thường được gọi Tam Nông tiên sinh, người thôn Văn Đài, huyện Duyện Hà, tỉnh Thái Bình, là "quân sư bí mật" của Nguyễn Huệ.

Trong sách trên, ở cuối bài sớ này có ghi lời của một người không rõ tên, viết năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) rằng: Đây là bài sớ của thân sĩ Bắc Hà nhờ Tam Nông tiên sinh làm. Họ muốn dựa ảnh hưởng của ông đối với vua Quang Trung để xin vua Quang Trung dựng lại các bia tiến sĩ, chứ không phải của nông dân trại Văn Chương. Lời phê của Nguyễn Huệ trong bài cũng do Hà Năng Ngôn viết.

(Theo Trần Văn Giáp, *Nguyễn Huệ với bia tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. H. số 46, tháng 11 năm 1963).

THIÊN TRIỀU VĂN

Bài văn này tìm thấy trong cuốn Cúng văn tạp lục *của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VH 1948. Nó có tính cách một bài vè dân gian. Chưa rõ tác giả là ai và được sáng tác vào thời gian nào. Căn cứ vào nội dung tác phẩm, thấy cảnh thảm bại của quân đội nhà Thanh được miêu tả kỹ lưỡng, những trang bị của quân Thanh cũng được ghi lại khá chi tiết, chúng tôi đoán phải chăng tác giả là người đã tận mắt chứng kiến những sự việc ấy và bài văn đã ra đời không lâu sau chiến thắng Đống Đa?*

Thương thay hỡi các chú ôi,
Ăn uống no rồi ta kể một văn. [1]
Quý Tỵ [2] giữa ngày mồng năm,
Giờ Dần chính nguyệt [3] ầm ầm huyên hoa [4].
Một chi đánh ở Đống Đa,
Cầu Duệ [5] kéo đến tốt xa [6] muôn phần.
Phép voi bạt trận tiên phong,
Cầu Tương sụt cả xuống sông Bổ Đề.
Đao binh tử trận đầy khe,
Dọc đường gài gác nằm kề năn năn. [7]
Chú sang cứu viện nước Nam,
Chẳng may gặp phải suối vàng thương thay.
Chú thì thắt cổ trên cây,
Chú thì tự vẫn ở ngay trong nhà.

---

1. *Một văn*: Một bài văn cúng vong hồn.

2. *Quý Tỵ*: Ngày tháng tính theo Âm lịch, ngày Quý Tỵ mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu tức ngày 30 tháng 1 năm 1789.

3. *Giờ Dần*: Vào khoảng từ 3 giờ đến giờ sáng. *Chính nguyệt*: Tháng giêng.

4. *Huyên hoa*: Ầm ỹ, huyên náo.

5. *Cầu Duệ*: Địa danh thuộc đất Hà Đông cũ.

6. *Tốt xa*: Binh lính, xe ngựa.

7. *Năn năn*: Tiếng cổ, nghĩa là thương hại xót xa, oán hận.

Chú thì thác xuống diêm la,
Chú thì còn sống về nhà đại minh. [1]
Ai ai là chẳng đau tình,
Di Đà tiếp dẫn chúng sinh cô hồn.
Chú nào có vợ có con,
Có cha có mẹ hãy còn trỗ chung. [2]
Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông,
Nam Kinh, Quảng Bắc [3] có lòng sang đây.
Trời làm một trận gió lay,
Sống làm tướng mạnh thác rày thần linh.
Phù hộ tín chủ bình yên,
Cửa nhà phú túc vững bền cao xây.
Mũ chiên, nón khách, móng giầy,
Đuôi sam "hảo tố" [4] chú này cần lo.
Chú thiêng nao đấy phụng thờ,
Kính quan tôn sứ để nhờ hậu lai.
Nhớ xưa chú vác lăng bài, [5]
Cung đao tay nỏ đầu cài nón chiên.
Tay vòng bạc, cổ đeo tiền,
Cờ mao một ngọn xông tiện chiến trường.
Điền Châu Thái thú [6] đảm đương,
Liều mình tử trận chiến địa nên công.
Trận vây ở giữa Nam Đồng, [7]
Sáng ngày mồng sáu cờ rong lai hàng.

---

1. *Đại minh:* Bừng tỉnh. Ý cả câu nói việc những tên xâm lược Mãn Thanh sống sót về được đến nước mới hoàn hồn nghỉ lại.

2. *Trỗ*: Tiếng cổ, nghĩa là bày tỏ, thể hiện tình cảm. Ý cả câu nói bọn lính Thanh còn phải mang nặng tình cảm vợ con cha mẹ.

3. *Quảng Bắc*: Trung Quốc không có huyện, phủ, tỉnh nào có tên như thế cả. Có lẽ do niêm luật của lối lục bát, ở đây chữ thứ 4 trong câu 8 này phải là vần trắc, nên tác giả đã đổi chữ Tây làm chữ Bắc chăng?

4. *Hảo tố*: Tác giả nhại tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến của bọn lính nhà Thanh. "Hảo tố" có nghĩa là tốt, tốt lắm.

5. *Lăng bài:* Một loại vũ khí của quân Thanh lúc bấy giờ, giống như cái thuẫn có góc cạnh dùng để che đỡ.

6. *Điền Châu Thái thú*: Chức vụ của tên tướng giặc Sầm Nghi Đống.

7. *Nam Đồng*: Tức làng Nam Đồng thuộc trấn Bắc Thành, nay ở khu vực phố Nam Đồng, Hà Nội.

Còn ông Tổng đốc ban sang [1],
Quyết liều một trận chiến trường ba quân.
Muốn cho được chữ ái ân,
Quyền quyền [2] vai gánh trung cần đế vương.
Vua ban bộ sứ tiếp sang,
Quan tài phong kín đón đường kéo ra.
Con con cháu cháu hằng hà,
Mừng lấy được xác Điền Châu đem về.
Tướng tài can đảm cũng ghê,
Làm đền phụng sự tức thì Đống Đa.
Các chú thác xuống diêm la,
Bắc Nam đôi ngả trẻ già cùng thương.
Cơm dày áo nặng nhà vương,
Bõ công gối đất nằm sương đã đành.
Chết ở chiến trường nên danh,
Về thì vua giết chẳng lành được đâu.
Chú thì thác ở đầu cầu,
Chú thì tự vẫn đâm đầu xuống ao.
Ai ai trông thấy thương sao,
Lập đàn chẩn tế [3] mà kêu cô hồn.
Gọi là mảnh áo thoi vàng [4].
Ít nhiều làm của ăn đường sinh thiên.
Khuông phù [5] tín chủ bình yên,
Gái trai già trẻ thiên niên thọ trường.

---

1. *Ban sang:* Rút quân qua sông, nói việc Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị tháo chạy.
2. *Quyền quyền*: Sốt sắng, lo lắng công việc.
3. *Chẩn tế*: Ban ơn bố thí.
4. *Thoi vàng*: Đồ vàng mã cúng tế.
5. *Khuông phù*: Phù hộ giúp đỡ.

TÂY SƠN TIỀM LONG LỤC
(Chuyện những con rồng ẩn ở đất Tây Sơn)

TIỂU DẪN: *Tây Sơn tiềm long lục* là một truyện thơ lục bát dài 826 câu, kể lại sự tích anh em Nguyễn Huệ từ lúc còn nhỏ, đi học với thầy học là Trương Văn Hiến cho đến lúc nổi dậy, tập hợp quần chúng chống lại tập đoàn chúa Nguyễn thối nát ở Đàng Trong và giành được những thắng lợi bước đầu ở Bình Định.

Tác giả của *Tây Sơn tiềm long lục* là Nguyễn Bá Huân. Ông sinh năm 1848, mất năm 1899, tự là Ôn Thanh, hiệu là Mộ Châu Sơn Nhân, Ái Cúc ẩn sĩ, Người làng Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Nguyễn Bá Huân, Đào Tấn, Nguyễn Trọng Trì được gọi là *"Bình Định tam đại"*. Nguyễn Bá Huân từ bé nổi tiếng trong vùng là hay thơ, giỏi võ. Ông lớn lên lúc thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, không cộng tác với chính quyền đương thời mà chỉ ở nhà ngâm vịnh. Sáng tác của ông phần lớn viết về cuộc khởi nghĩa của những người anh hùng áo vải ở quê hương Bình Định của ông như *Tây Sơn tiềm long lục; Cần quốc anh hùng truyện, Tây Sơn danh tướng chinh Nam truyện; Tây Sơn thủy mạc ký; Mộ Châu Sơn Nhân thi văn tập* v.v... Ở đây chúng tôi tuyển chọn toàn bộ truyện *Tây Sơn tiềm long lục* do Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm, phiên âm được in trong tập *Tây Sơn danh tướng anh hùng truyện*, Ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình xuất bản năm 1978.

Lữ du [1] qua chốn An Khê [2],
Chạnh niềm cố quốc lòng tê tái sầu.
Dò lần ngành ngọn nông sâu;
Tây Sơn di tích còn đâu chốn này?
Cuộc đời lắm dịp đổi thay,
Bút nghiên ghi lại họa may một bài.

---

1. *Lữ du:* Đi chơi xa.
2. *An Khê:* Nơi phát tích của Tây Sơn, nay thuộc tỉnh Gia Lai – Kon Tum, xưa thuộc vùng Tây Sơn Thượng.

Đất thiêng sinh lắm anh tài,
Tiềm long tam kiệt [1] trần ai dập vùi.
Hồ công [2] buôn bán ngược xuôi,
Nông tang vất vả lắm mùi truân chuyên.
Phước nhà sinh được con hiền,
Nhạc, Thơm cùng Lữ thiếu niên anh hùng.
Đêm ngày luyện tập đao cung,
Ngũ kinh, tứ truyện [3] ung dung luận bàn,
Trong triều có gã Phúc Loan,
Nắm quyền Thái phó tham gian vô cùng.
Bày mưu hãm hại tôi trung,
Giết Trương Văn Hạnh, Lê Dung mấy người.
Lại còn truyền lệnh nơi nơi,
Bắt Trương công tử kịp thời trừ căn,
Kiêm toàn thao lược võ văn,
Chàng Trương Văn Hiến thù hằn quyền gian.
Dãi dầu vượt chốn quan san,
Lánh nơi hổ khẩu [4] băng ngàn vô Nam.
Một hôm dừng bước thiền am [5],
Gặp sư Trí Viễn luận đàm thời cơ.
Sư rằng: "Đời tựa giấc mơ,
Hưng, suy, bĩ, thái bao giờ cho yên.
Bần tăng vui chốn lâm tuyền,
Dùng đao trí cắt dây phiền sạch không.
Thương cho thí chủ long đong,
Tai nhà, ách nước lâm vòng nguy nan,
Miền trong có chốn Tây San,
Đế vương khởi nghiệp phá tan Nguyễn triều,
Cơ trời khôn nói được nhiều,
Khuyên người tới đó lọ điều lập thân,

1. *Tiềm long tam kiệt*: Ba người tài giỏi như con rồng còn giấu mình, chỉ ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

2. *Hồ công*: Hồ Phi Phúc, thân sinh của ba anh em Nguyễn Nhạc

3. *Ngũ kinh, tứ truyện*: Ngũ kinh là *Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu*, tứ truyện là: *Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử*.

4. *Hổ khẩu*: Miệng hổ, chỉ chế độ hà khắc của họ Trịnh ở Đàng Ngoài.

5. *Thiền am*: Chùa Phật.

Hiến nghe hớn hở muôn phần:
– Cảm nghe thầy đã ân cần giúp nhau.
Đoái nhìn kinh khuyết lòng đau,
Từ nay lưu lạc dãi dầu nắng mưa.
Lên yên, dóng dả vó lừa,
Quy Nhơn trực chỉ, gió đưa cánh bằng,
Quê hương nương náu mấy trăng,
Lương tiền hết sạch, lòng hằng xót xa.
Nghĩ mình là kẻ không nhà,
Đơn thương độc mã ai là người thân?
Lần mò ra chốn giang tân,
Xin ăn độ nhật mười phân thẹn thùng.
Trần ai mai một anh hùng,
Xuân qua thu lại, hình dung võ vàng.
Nào ai dựng nghiệp Võ, Thang [1],
Minh Điều, Mục Dã [2] tìm đàng tới nơi?
Ra tay xoay lại vận trời,
Hãn thanh [3], lưu tiếng muôn đời còn khen
Giờ đây rách rưới nghèo hèn,
Cơ hàn bức bách lắm phen đau lòng.
Chữ rằng "Vị vũ giao long" [4],
"Ẩn sơn hổ báo" [5] còn mong nỗi gì?
Ngờ đâu vật hoán tinh di [6],
Đã qua bĩ vận, hanh kỳ [7] hiện ra.
Ngoài thành có bậc phú gia,
Họ Phan, tên Nghĩa gần xa nể vì.
Trong nhà nuôi lắm kiện nhi [8],
Canh phòng cửa nẻo rủi khi tai nàn.

---

1. *Võ, Thang*: Vua Võ diệt vua Trụ, vua Thang diệt vua Kiệt, hai nhân vật Trung Hoa cổ đã thực hiện những cuộc lật đổ các tên vua bạo tàn lúc bấy giờ.

2. *Minh Điều, Mục Dã*: Nơi vua Thang, vua Võ khởi nghĩa.

3. *Hãn thanh:* Tre xanh hơ lửa cho hơi nước thoát ra trước khi dùng để chép sử. Sử xanh cũng có nghĩa như thế.

4. *Vị vũ giao long*: Rồng chưa gặp mưa.

5. *Ẩn sơn hổ báo:* Cọp beo ẩn mình trên núi.

6. *Vật hoán tinh di:* Vật đổi sao dời.

7. *Bĩ vận hanh kỳ*: Lúc vận đen, lúc suôn sẻ.

8. *Kiện nhi*: Người mạnh khỏe.

Lại nuôi thầy võ Đặng Quan,
Bảo tiêu hàng hóa [1] chu toàn bán buôn.
Thường hay xuống biển, lên nguồn,
Muối đem đổi gạo, bạc dồn mua tiêu.
Bến sông buôn bán dập dìu,
Bạn hàng khắp nẻo sớm chiều tới lui.
Ghe thuyền lên xuống ngược xuôi,
Khiến cho thảo khấu [2] đánh mùi nhiều phen.
Đại vương xước hiệu [3] Song Tiên,
Tính tình hung ác, côn quyền tinh thông.
Lân la trên dưới một lòng,
Chặn ghe chở gạo giữa dòng ra tay.
Trên mui họ Đặng loay hoay,
Truyền cho bạn lái tấp ngay vào bờ.
Roi vung theo thế phất cờ,
Đánh cùng lũ bợm nửa giờ đột xung.
Song Tiên nổi máu anh hùng,
Vội sai bộ hạ thắt vòng trùng vây.
Đặng Quan ngang dọc Đông Tây,
Hở cơ, trúng mũi tên bay rồi đời!
Lái ghe bị đánh tơi bời,
Buông sào nhảy xuống giữa vời đào sanh [4].
Ăn xin, Hiến ở gần quanh,
Nghe la chạy tới vội giành sào tre.
Xông vào, trên đánh dưới che,
Lâu la lớp lớp hầm hè phủ vây.
Hiến như cọp dữ bị ngầy,
Sào tre vùn vụt ra tay anh hùng.
Song Tiên nổi giận đùng đùng,
Rút roi nhảy tới quyết cùng tranh phong.
Hiến dùng "Quán nhật trường hồng" [5],
Đâm y ruột đổ lòng thòng, ghê thay!

---

1. *Bảo tiêu hàng hóa*: Bảo vệ hàng hóa dọc đường để khỏi bị trộm cướp.
2. *Thảo khấu*: Giặc cỏ.
3. *Xước hiệu*: Danh tánh các tay hảo hán giang hồ ngày xưa.
4. *Đào sanh:* Chạy trốn cho được sống sót.
5. *Quán nhật trường hồng*: Cầu vồng dài xuyên suốt mặt trời: tên một thế võ lợi hại trong võ phái Tây Sơn dùng đâm kẻ địch.

Lâu la bỏ chạy tức thì,
Đao thương vứt lại, tử thi bộn bề.
Lái ghe lòng thật hả hê,
Chạy ra ôm Hiến mời về thuyền trung.
Phan công nghe báo vui lòng,
Đến nơi cảm tạ anh hùng thi ân.
Lại truyền mở tiệc ân cần,
Đãi đằng tráng sĩ mười phần bĩ bàng.
Công rằng: "Gặp buổi gian nan,
Cứu nguy ân ấy vô vàn cao sâu.
Nghĩa tình báo đáp cùng nhau,
Xin sang hàn xá [1] trước sau tự tình.
Hiến rằng: "Phải bước linh tinh,
Ra tay nghĩa hiệp há đành làm ngơ.
Lạc loài chút phận bơ vơ,
Quê người đất khách biết nhờ cậy ai?"
Phan công nghe nói thở dài,
Nắm tay chàng Hiến về ngay nhà mình.
Ông truyền yến tiệc linh đình,
Mời ngồi phản giữa thỏa tình hàn huyên.
Rằng: "Nay trong nước chẳng yên,
Giang hồ đạo tặc khắp miền xảy ra.
Tôi đây tuổi tác đã già,
Anh em không có, chẳng bà con chi.
Của tiền kể chả thiếu gì,
Xin dâng tráng sĩ đền nghì giúp nhau".
Hiến rằng: "Lời lữ ngọc châu,
Minh tâm khắc cốt [2] dễ hầu lãng quên.
Tôi đây tự xét tài hèn,
Nhờ ơn trưởng thượng một phen chu toàn.
Bây giờ đã hết nguy nan.
Mở trường dạy học tạm an một bề.
Giúp tôi về chốn thôn quê,
Cất cho một dãy tranh tre làm trường".
Tháng sau bái biệt lên đường,

1. *Hàn xá*: Nhà lạnh, ý khiêm tốn khi gọi nhà mình.
2. *Minh tâm khắc cốt*: Ghi vào lòng, khắc vào xương.

Về miền Tuy Viễn [1] dạy phường ấu thơ.
Khi nhàn chén rượu cuộc cờ,
Mai danh ẩn tích để chờ hùng anh.
Tiếng thầy vang khắp thị thành,
Môn sinh lui tới học hành rất đông.
Hồ công nghe rõ thủy chung,
Mừng hay con trẻ hạnh phùng minh sư [2].
Chọn ngày mồng chín tháng tư,
Xin con thụ nghiệp thi thư thánh hiền.
Thầy rằng: "Cách trở sơn xuyên,
Mà lòng cầu học vững bền đáng khen.
Từ nay làm bạn sách đèn,
Phải cho cần mẫn mới ban kịp người.
Nam nhi danh tiếng để đời,
Cự huân vĩ nghiệp [3] nơi nơi lưu truyền.
Thầy trò tương ngộ là duyên,
Mấy em vào chốn án tiền bái sư".
Nhạc, Thơm cùng Lữ ba người,
Khiêm cung đến trước án thư lạy thầy.
Lễ xong, đứng thẳng vòng tay,
Thầy xem hình dáng, mặt mày giờ lâu.
Vui lòng, vừa ý, gật đầu,
"Ba em phúc lộc cao sâu ai tày?
Khôi ngô, vạm vỡ chân tay,
Nghề văn nghiệp võ phải hay hơn người".
Đêm đêm vào khoảng canh tư,
Thầy đem côn kiếm, binh thư giải bày.
Anh em Hồ Nhạc mê say,
Văn ôn, võ luyện đợi ngày lập công.
Một hôm vừa mới rạng đông,
Hồ Thơm vào chốn trướng trung hầu thầy.
Bỗng nghe thầy nói: "Đỡ ngay!",
Ngọn roi vụt tới, thế hay vô cùng,
Hồ Thơm vẻ mặt ung dung

---

1. *Tuy Viễn:* Tên một phủ trước là huyện ở Bình Định cũ, sau chia thành 2 phủ là phủ An Nhơn và huyện Tuy Phước (sau cũng gọi là phủ Tuy Phước).

2. *Hạnh phùng minh sư:* May gặp được thầy giỏi.

3. *Cự huân vĩ nghiệp*: Công nghiệp to lớn.

Nhảy lui né tránh, rồi cung thân [1] liền.
Thưa rằng: "Cứu chủ đơn tiên [2],
Thế này em vẫn liên miên tập rèn.
Nhưng còn sử dụng chưa quen,
Cúi xin thầy hãy một phen chỉ bày".
Thầy rằng: "Ta thử hôm nay,
Biết em võ nghệ đã dày công phu.
Mai sau gặp phải khấu thù [3],
Hãy dùng thế ấy mà thu phục người.
Còn như "Rồng vượt xa khơi" [4],
"Cọp đen lên núi" [5] em thời tập đi.
Chớ quên "Thủ chấp đại kỳ" [6],
"Huy qua được mã" [7] "Xích my tróc hầu" [8].
Cùng là "Triệu Tử đoạt mâu" [9],
Cũng cần tập kỹ, nhiệm màu vô biên.
Binh thư ta đã từng truyền,
Lục thao tam lược cũng nên chuyên cần.
Tôn Ngô binh pháp [10] đà phân,
Trương, Lưu, Hàn, Nhạc điều quân bí truyền [11].
Tử Nghi diệu pháp [12] ba thiên,
Bày binh nơi chốn bình nguyên diệt thù.
Như em luyện tập ba thu,
Tài kiêm văn võ ai đâu sánh bằng?
Đồng môn có gã Lý Năng,
Kiên trinh, trung dũng em hằng kết thân.

---

1. *Cung thân*: Khom mình, tỏ ý tôn kính.
2. *Cứu chủ đơn tiên*: Ngọn roi cứu chủ, tên một thế võ.
3. *Khấu thù*: Giặc thù.
4. *Tên các thế võ.*
5. *Tên các thế võ.*
6. *Tên các thế võ.*
7. *Tên các thế võ.*
8. *Tên các thế võ.*
9. *Tên các thế võ.*
10. *Tôn Ngô binh pháp:* Phép dùng binh của Tôn Tử và Ngô Khởi, danh tướng thời Xuân Thu – Chiến Quốc, Trung Hoa.
11. Những bí mật về cách điều khiển quân sĩ của các danh tướng nhà Tống là Trương Tuấn, Lưu Kỳ, Hàn Thế Trung, Nhạc Vũ Mục.
12. *Tử Nghi diệu pháp*: Phép dùng binh kỳ diệu của Quách Tử Nghi, danh tướng thời Đường.

Mai sau dựng nghiệp, cứu dân,
Tả phù hữu bật [1] phải cần tôi trung.
Bạn cùng hào kiệt quanh vùng,
Đình Minh, Quang Diệu binh nhung am tường.
Bấy nay triều chính nhiễu nhương,
Máy trời chắc mở rộng đường Võ, Thang.
Ra tài tế thế, an bang,
Khai cơ lập nghiệp huy hoàng mai sau.
Các em đổi họ cho mau,
Từ "Hồ" sang "Nguyễn" ứng câu sấm truyền.
"Thơm" thành ra "Huệ" mới yên,
Binh thư, đao kiếm, côn quyền gia công.
Lời thầy tua khá ghi lòng,
Đừng nên trống trải lâm vòng tai ương.
Thơm nghe, trong dạ cảm thương,
Quỳ dâng hai lạy, tận tường trình lên.
"Ơn thầy dạy dỗ khó quên,
Tam sinh hữu hạnh đáp đền sao đang?
Ra tài cứu vớt gia bang [2],
Dẫu cho phó hỏa đạo thang [3] dám từ.
Mấy thiên danh tướng binh thư,
Nhờ thầy giảng kỹ coi như phép màu.
Em xin luyện tập qua, mâu [4],
Điều binh, xung trận, trước sau tung hoành.
Mai sau đột lũy công thành,
Đổng Nhung [5] ngôi ấy để dành tôn sư".
Hiến nghe Thơm nói mỉm cười:
"Xưa nay nhân định thắng trời nhiều phen.
Thầy đây đức mỏng tài hèn,
Giúp em dựng nghiệp cho nên khó lòng.
Thượng du lắm kẻ anh hùng,
Các em về đó vẫy vùng tốt hơn.
Nghĩa kỳ dựng tại Tây Sơn,

1. *Tả phù hữu bật:* Giúp đỡ bên trái, bên phải.
2. *Gia bang:* Nước nhà.
3. *Phó hỏa đạo thang:* Nhảy vào lửa, đạp lên nước sôi.
4. *Qua, mâu:* Hai võ khí cán dài, mũi nhọn (qua và giáo).
5. *Đổng Nhung:* Nắm quyền điều khiển toàn quân.

Tận trung báo quốc rửa hờn cho dân.
Sau này rạng rỡ đai cân,[1]
Phải dùng đức trị mười phần vẹn mười.
Nhớ câu thu phục lòng người,
Ân uy tịnh dụng[2] muôn đời chính ngôn".
Hôm sau vừa lúc hoàng hôn,
Lạy thầy, Nhạc, Lữ cố thôn phản hồi.
Chàng Ba Nguyễn Huệ bồi hồi,
Tiễn đưa ra tận bên đồi mới lui.
Người đi trong dạ bùi ngùi,
Nhớ ơn thầy dạy khôn nguôi tấc lòng.
Về nhà thưa với Hồ công,
Buôn trầu mở nghiệp, ngược dòng sông Côn[3].
Làm quen tù trưởng các nguồn,
Đem câu trung nghĩa sớm hôm giãi bày.
Cùng nhau chung sức ra tay,
Diệt loài tham bạo xưa nay hoành hành.
Thượng du lớn nhỏ đồng tình,
Theo ông Hai Nhạc luyện binh đêm ngày.
Lập đoàn cung thủ rấp hay,
Đợi khi lâm trận sau này ra oai!
Lữ thì coi sóc trong ngoài,
Dồn lương tích thảo[4] cùng khai khẩn điền.
Nhạc thường xem xét bình nguyên,
Ngắm nhìn địa thế vẽ nên bản đồ.
Còn đem tiền bạc, vải bô,
Giúp dân quân quả đơn cô[5] lấy lòng.
Lại về quét dọn gia trung,
Gọi dân trong xóm đến cùng giết trâu.
Chén anh, chén chú mời nhau,

---

1. *Đai Cân:* Đai buộc áo dài và khăn choàng (quấn) tóc trước khi đội mũ chẩu chỉ người quyền quý.

2. *Ân uy tịnh dung*: Dùng cả nhân nghĩa và uy quyền cùng một lúc để cho người ta vừa cảm phục, vừa sợ.

3. *Sông Côn*: Tên một dòng sông lớn ở Bình Định phát nguyên từ thượng du chảy qua vùng Tây Sơn.

4. *Dồn lương tích thảo*: Chứa lương cho người dùng và chứa cỏ cho ngựa ăn.

5. *Quân quả đơn cô*: Kẻ góa vợ góa chồng, lẻ loi, côi cút.

Canh ba đêm ấy coi màu đã say.
Nhạc rằng: "Nghe nói lâu nay,
Lòng ta có một chuyện này rất ghê.
Lần theo một dải sơn khê,
Đêm đêm ma quỷ hiện về rất đông.
Tôi nghe, sợ hãi trong lòng,
Chẳng hay chuyện ấy các ông thế nào?"
Thôn dân có gã Lê Hào,
Xưa nay đởm lược vượt cao hơn người.
Nghe Nhạc hỏi, miệng tươi cười,
Thưa rằng: "Huynh trưởng kịp thời theo tôi.
Hai ta lên núi cùng coi,
Thử xem hư thực đúng lời đồn không!"
Dân làng nao nức trong lòng,
Ùa theo Hào, Nhạc rùng rùng ra đi.
Sườn non cây cỏ rậm rì,
Bỗng nghe tiếng nổ tức thì dừng chân.
Tiếp theo, lửa cháy rần rần,
Giọng truyền sang sảng mười phần oai nghiêm:
"Các người hãy đứng cho im,
Có tên Nguyễn Nhạc, thần tìm đã lâu.
Trao cho thanh kiếm nhiệm màu,
Lên đây mà nhận mau mau đừng ngờ".
Dân làng sợ hãi ngẩn ngơ,
Một mình Nguyễn Nhạc bấy giờ tiến lên.
Cúi đầu quỳ lạy trước ghềnh,
Thần linh hiển hiện đứng trên thạch đài.
Trao cho thanh kiếm rất dài,
Hào quang rực rỡ, ai ai lạnh mình.
Bỗng đâu trời nổi lôi đình,
Cây lăn, đá vãi, thế tình hiểm nguy.
Mọi người kinh khiếp lạy, quỳ,
Thần linh biến mất, còn gì nữa đâu?
Nhạc nâng thanh kiếm ngang đầu,
Rồi đưa lưỡi kiếm cho nhau xem cùng.
Lưỡi gươm khắc chữ "Anh hùng",
Chuôi gươm hai chữ "Tinh trung" rành rành.
Dân làng trông thấy đồng thanh,

Tung hô Nguyễn Nhạc xứng danh anh hào [1].
Về làng mở tiệc ăn khao,
Cho mời hương đảng cùng vào diên trung [2].
Mở lời, Nhạc mới ung dung,
Rằng: "Nay Thái phó gian hùng hại dân.
Cùng hung [3] chi kém họ Tần [4],
Làm cho trăm họ muôn phần lầm than.
Chúng ta cử nghĩa Tây Sơn,
Vì dân diệt bạo, lòng đan rạng ngời.
Nghìn năm thanh sử truyền đời,
Còn hơn mai ẩn [5] ở nơi lâm tuyền.
Anh em ai chịu kết duyên,
Rạch tay, lấy máu dâng lên bàn thờ.
Rồi ta mài mực để cờ,
Thế thiên hành đạo [6] kịp giờ ra quân".
Dưới trên hết thảy thôn dân,
Đứng lên cung kính mười phân thưa trình:
"Trời đà sai bậc Thần linh,
Ban cho bửu kiếm rạng danh anh hùng.
Chúng tôi thề quyết tận trung,
Theo về huy hạ [7] hết lòng dám sai.
Cùng nhau cử nghĩa ra oai,
Giết phường tham lại cùng loài phú thương.
Xin ngài chỉ lối đưa đường,
Con em trong xóm đồng nương cánh hồng". [8]
Nhạc nghe hoan hỉ trong lòng,
Thân đi châm rượu mấy vòng mời dân.
Hôm sau làm lễ khởi quân,
Lại cho mở quán Nghinh tân chiêu hiền.

---

1. Tương truyền lúc bấy giờ anh em Nguyễn Nhạc đã thực hiện kế hoạch trao gươm trên để gây tác động về mặt tâm lý trong quần chúng nhân dân.
2. *Diên trung:* Trong bữa tiệc.
3. *Cùng hung:* Hết sức tàn ác.
4. *Họ Tần:* Tần Cối, gian thần thời Tống, hết sức tàn ác.
5. *Mai ẩn:* Sống che giấu, ẩn náu ở một nơi kín đáo.
6. *Thế thiên hành đạo:* Thay trời làm việc đạo nghĩa.
7. *Huy hạ:* Dưới cờ.
8. *Cánh hồng:* Chim hồng bay cao bay xa, chỉ người có chí lớn.

Minh quân, lương tướng thiên duyên,
Anh hùng vân tập [1] các miền gần xa.
Tây Sơn nhiều kẻ tài ba,
Tiện đây xin cũng nhắc qua ít người.
Một hôm, Nguyễn Nhạc dạo chơi,
Xa xa trông thấy khoảng mười kỵ binh.
Ruổi dong mau tựa lưu tinh, [2]
Đuổi chàng áo trắng cưỡi mình ô truy. [3]
Thấy người hoạn nạn hiểm nguy,
Tây Sơn trại chủ vội thi thố tài.
Giương cung, đôi mũi tên bay,
Truy binh hai đứa té ngay xuống đường,
Tám tên còn lại vung thương,
Vây chàng áo trắng tìm phương sanh cầm. [4]
Bạch y tráng sĩ tiểu tâm, [5]
Song đao ngang dọc hầm hầm ra uy.
Đao quang [6] như tuyết phân phi, [7]
Ba tên kỵ sĩ hồn quy âm tào.
Năm tên còn lại hoảng sao,
Cùng nhau quay ngựa chạy vào rừng xanh.
Xông lên, Nhạc gọi. "Hỡi anh!
Vì sao xảy cuộc giao tranh thế này?
Phục anh võ nghệ thật hay,
Mời về tệ trại [8] hôm nay luận đàm".
Chàng rằng: "Giận lũ quan tham,
Hại dân, vét của, thường làm việc hung.
Hôm qua tôi ở huyện trung,
Chém tên Tri huyện Võ Cung đứt đầu.
Lên yên, thúc ngựa phi mau,
Thoát nơi đầm rắn, về đầu Tây Sơn.

---

1. *Vân tập:* Họp lại nhiều như mây tụ.
2. *Lưu tinh:* Sao rơi, ý nói đi nhanh như sao băng (sao rơi).
3. *Ô truy:* Ngựa màu đen tuyền.
4. *Sanh cầm:* Bắt sống.
5. *Bạch y tráng sĩ tiểu tâm:* Tráng sĩ áo trắng cẩn thận.
6. *Đao quang:* Ánh sáng từ lưỡi đao phát ra.
7. *Phân phi:* Tơi bời.
8. *Tệ trại:* Trại nát, lời khiêm tốn khi nói về chỗ ở của mình.

Vì dân ra sức rửa hờn,
Lăng cường, chửng nhược [1] đâu sờn chí trai?
Nhạc nghe lời nói mừng thay,
Xuống yên, bước tới, nắm tay ân cần:
– "Tôi đang luyện tập nghĩa quân,
Hôm nay gặp bạn mười phần hân hoan.
Tôi là trại chủ Tây San,
Tệ danh Nguyễn Nhạc, vấn an anh hùng".
Chàng kia thi lễ khiêm cung,
Thưa rằng: "May được tương phùng Minh công.
Sẽ nương theo cánh hộc, hồng, [2]
Chấp tiên, tùy khải [3] hết lòng làm tôi.
Xin thương chút phận đơn côi,
Dẫu vào lửa bỏng, dầu sôi, dám từ?
Tiểu sinh ngu lậu thiên tư,
Nghề văn, nghiệp võ xem như bất tài.
Mấy năm lưu lạc trần ai,
Theo phường ác thiếu [4] học bài hung hoang.
Một hôm vào miếu bên đàng,
Cùng người mại võ đêm tràng giao phong.
Bị người dùng thế "Cầm long", [5]
Đánh tôi ngã ngửa, chớ hòng đào sanh.
Ngờ đâu người rủ lòng lành,
Tha cho, lại dạy tập tành đao cung.
Lại đem các sách binh nhung,
Tỏ tường sau trước, ung dung giải bày.
Ba thu rèn luyện đêm ngày,
Minh sư lâm bệnh, hồn ly dương trần.
Lòng tôi đau xót trăm phần,
Ma chay chôn cất mười phân vẹn nghì.
Trải qua mấy bước lưu ly,
Bảo đao một ngọn kể gì hiểm nguy.
Trừ tàn, khử bạo lắm khi,

---

1. *Lăng cường, chửng nhược:* Chống kẻ mạnh, cứu kẻ yếu.
2. *Hộc, hồng:* Hai loại chim khỏe, bay cao và xa, chỉ người có chí lớn.
3. *Chấp tiên, tùy khải:* Cầm roi, theo vạt áo giáp khi ra trận.
4. *Ác thiếu:* Bọn thiếu niên hung dữ, du đãng.
5. *Cầm long:* Bắt rồng, một thế võ.

Ra tay hành hiệp, gian phi kinh hồn.
Quy Nhơn bỗng nổi tin đồn,
Võ vương [1] xa giá nam tuần tới đây.
Kiêm trình bất kể đêm ngày,
Định vào thành nội trổ tài Không Không. [2]
Ngờ đâu túc vệ nghiêm phòng,
Khó gần giường ngự còn mong làm gì?
Chợt trông thấy ngựa xích kỳ,
Vốn là ngự mã [3] chạy hay vô cùng.
Vội ra tại chốn viên trung,
Mở chuồng, bắt ngựa, thoát vòng thành cao.
Bên tai gió thổi ào ào,
Ra roi cho ngựa chạy vào hoang sơn.
Chúa nghe mất ngựa căm hờn,
Sai người truy nã đã hơn tháng ròng.
Linh đinh trên nẻo đào vong,
Bỗng nghe Tri huyện Võ Cung tham tàn.
Dân lành sống chẳng được an,
Đợ con, cầm vợ, cơ hàn bấy lâu.
Lòng tôi như lửa gặp dầu,
Lén vào thành nội chém đầu tham quan.
Lên yên, phóng ngựa băng ngàn,
Kỵ binh theo đuổi quan san dặm dài.
May sao lại được gặp ngài,
Ra tay thần tiễn [4] hạ hai tên liền.
Lạy này cung kính dâng lên,
Công ơn cứu giúp đáp đền mai sau".
Nói xong quỳ lạy rập đầu,
Tây Sơn trại chủ mau mau cản liền:
"Chữ rằng bèo nước là duyên,
Tiếng tăm túc hạ loan truyền gần xa.

1. *Võ vương:* Tức chúa Nguyễn Phúc Khoát.

2. *Không Không:* Diệu thủ Không Không Nhi, hiệp khách ám sát gian thần Lý Phu Quốc thời Đường.

3. *Ngự mã:* Ngựa vua cưỡi.

4. *Thần tiễn:* Bắn tên giỏi như thần.

Hiệp thanh [1] lừng lẫy Nam Hà. [2]
Ngân đao [3] Văn Tuyết ai là không hay?
Hôm nay túc hạ tới đây,
Xin cùng ngu hạ sum vầy một phen".
Hai người về quán Chiêu hiền,
Nhạc đem rượu thịt dọn lên đãi đằng.
Quang âm thấm thoắt mấy trăng,
Cửa viên bỗng thấy Lý Năng đến tìm.
Nhạc truyền mở tiệc ban đêm,
Tẩy trần tráng sĩ, mừng thêm anh tài.
Sum vầy cho đến canh hai
Anh em cởi áo ra ngoài sân sau.
Lý Năng tay cắp trường mâu, [4]
Múa bài "Bát diệu" [5] chậm, mau gọn gàng.
Đánh sang "Vô thủ phi thương", [6]
Chỉa ba [7] lên xuống, nhanh dường giao long.
Nghĩa quân hăng hái trong lòng,
Hò reo, nhảy nhót mấy vòng chung quanh.
Bỗng nghe có Đặng Đình Minh,
Cùng Trần Quang Diệu kiên trình đến đây.
Xin vào tạ nghĩa non Tây,
Đồ vương, định bá [8] sau này giúp nhau.
Nhạc truyền mời khách đến mau.
Hai bên tân chủ vài câu lễ chào.
Thịnh diên [9] các bạn cùng vào,
Luận bàn võ nghệ thấp cao tỏ tường.
Hôm sau vừa mới tinh sương,
Có người báo ở từ trường tới nơi.

---

1. *Hiệp thanh:* Tiếng nghĩa hiệp.
2. *Nam Hà:* Đàng Trong.
3. *Ngân đao:* Đao trắng như bạc.
4. *Trường mâu:* Cây giáo dài.
5. *Bát diệu:* Tên bài võ.
6. *Vô thủ phi thương:* Tên một thế võ.
7. *Chỉa ba:* Tên một binh khí.
8. *Đồ vương, định bá:* Mưu gây dựng sự nghiệp bá vương.
9. *Thịnh diên:* Tiệc lớn, long trọng.

Vào trong lược thuật mấy lời,
"Cậu ba Nguyễn Huệ kịp thời dâng thơ".
Nhạc xem lòng tựa mở cờ,
Mừng em thành đạt cũng nhờ thầy hay.
Trong thơ lời lẽ tỏ bày,
"Đã thu phục được hai tay Hoa kiều".
Tập Đinh nổi tiếng dũng nghiêu, [1]
Lý Tài giỏi võ, lại nhiều tiền nong.
Hai người thề quyết một lòng,
Lĩnh quân cảm tử tiên phong dẫn đường.
Thầy còn dặn bảo tận tường,
Mở mang ruộng đất, tính phương lâu dài.
Muốn cho quân đánh được dai,
Ăn no mặc đủ là hai điều cần.
Lại nên thu phục lòng dân,
Lấy tiền hào phú, tế bần khó chi.
Đã trương cao ngọn nghĩa kỳ,
Xuất sư [2] phải lấy lẽ gì hữu danh.
Ai làm đất nước điêu linh,
Thay vua, đổi chúa, dân tình oán ta.
Phúc Loan đại tội kể ra,
Soạn tờ Vũ hịch [3] gần xa gởi cùng.
Ngoài ra, chỉnh túc đao cung,
Tượng quân, pháo đội tùy tùng phải lo.
Đồng bằng gặp trận đánh to,
Kỵ binh giáp sắt sắm cho thật nhiều.
Đoản, trường các đội bao nhiêu?
Ngũ hành, bát quái [4] lắm điều khắc, sinh.
Muốn cho am hiểu địch tình,
Đội quân thám mã [5] tinh minh, [6] mới là.
Một mai chống vững sơn hà,
Phải dùng văn trị dung hòa võ công.

---

1. *Dũng nghiêu:* Dũng cảm, mạnh khỏe.
2. *Xuất sư:* Đem quân đi đánh giặc, chỉ cuộc khởi nghĩa.
3. *Vũ hịch:* Hịch cắm lông chim, hịch cấp tốc.
4. *Ngũ hành, bát quái:* Các trận thế ngày xưa.
5. *Thám mã:* Lính cưỡi ngựa thăm dò tin tức phi báo cho mau.
6. *Tinh minh:* Sáng suốt, lanh lợi.

Đạo trời biến hóa vô cùng,
Vun trồng đức cả thủy chung phủ bình.
Xem xong chi xiết cảm tình,
Lời thầy kim ngọc đinh ninh dạy truyền.
Ngày đêm mong ngóng em hiền,
Cùng về họp sức dựng nên cơ đồ.
Bấy giờ ở chốn kinh đô,
Khắc Tuyên siểm nịnh, hoạn đồ hanh thông.
Biên quan lại muốn tâu công,
Xin vào đốc trấn canh phòng Quy Nhơn.
Hiến nghe chi xiết căm hờn,
Một hôm gọi Huệ thiệt hơn tỏ bày:
"Thời trời đến lúc ra tay,
Em mau về núi cùng thầy khởi binh,
Vì dân rửa nỗi bất bình,
Giết Tuyên cùng chiếm luôn thành, được không?"
Huệ nghe, hớn hở trong lòng,
"Ngọa Long Gia Cát, [1] em mong có thầy.
Vận trù sách lược xưa nay,
An bang định quốc phen này giúp em."
Thầy trò nhân lúc nửa đêm,
Hành trang gọn ghẽ, im lìm ra đi.
Trải bao nước tú, non kỳ,
Tây Sơn đại trại tức thì hiện ra.
Nghĩa quân tụ họp năm, ba,
Cửa viên [2] hút thuốc cùng là đấu roi.
Hiến bèn im lặng đứng coi,
Hai người giao đấu mấy hồi lại qua.
Bỗng đâu chàng Huệ cười khà,
Canh người gì lại diễn ra thế này?
Nếu quan binh đến phủ vây,
Lấy ai phi báo vào ngay trướng hùm.
Chắc là cả bọn vào cùm,
Xuống nơi âm phủ mà xum vui vầy",

1. *Ngọa Long Gia Cát:* Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, đạo hiệu Ngọa Long, người giúp Lưu Bị thời Tam Quốc dựng nước Thục, chia ba thiên hạ.

2. *Cửa viên:* Cửa ra vào doanh trại đóng quân.

Hiến rằng: "Em chớ la rầy,
Thầy xem thế võ biết ngay chân truyền.
Xưa nay Tư Lữ [1] vốn hiền,
Không ngờ võ nghệ rất nên cao cường.
Trường côn luyện đủ trăm đường,
Dạy cho quân nghĩa nhiều phương nhiệm mầu.
Rồi đây giữa chốn qua mâu,
Quân triều khó nổi đương đầu quân ta".
Lính canh thi lễ thưa qua:
Chúng em kính lạy cậu Ba mới về.
Thầy Tư dạy thảo hùng kê, [2]
Chúng em luyện tập nên mê mẩn người.
Cậu ba xin chớ chê cười,
Để em thông báo về nơi dinh tiền.
Nói xong cắm cổ chạy liền,
Hồi lâu Nguyễn Nhạc tiến lên lạy chào:
– "Gian nan vất vả làm sao,
Hôm nay thầy tới khác nào phúc tinh.
Mời thầy vào chốn trung dinh,
Để em cung phụng thỏa tình đồ nhi. [3]
Kể từ cách biệt lâu nay,
Chẳng hay quý thể ngày ngày an khang?"
Hiến rằng: "Dựng nghiệp Võ, Thang,
Mừng em may gặp nhiều trang anh hùng.
Thôi ta vào chốn dinh trung,
Mời anh em lại, rồi cùng hàn huyên".
Nhạc thưa: "Vâng lịnh thầy truyền",
Vội vàng sai kẻ đi liền các nơi.
Bẩm rằng: "Trại chủ khuyên mời,
Anh hùng chư vị kịp dời về dinh".
Khắc sau, tiệc dọn linh đình,
Ghế trên, thầy Hiến một mình ngồi cao.

---

1. *Tư Lữ:* Tức Nguyễn Lữ, con thứ ba trong gia đình, nhưng con đầu gọi anh hai, nên con thứ ba gọi anh tư, tức tư Lữ.

2. *Thảo hùng kê:* Lữ căn cứ vào cách gà chọi nhau, đặt ra bài võ gọi là "Hùng kê quyền".

3. *Đồ nhi:* Học trò.

Tây Sơn chư tướng lạy, chào,
Thầy bèn đáp lễ, ngọt ngào mời khuyên.
Rằng: "Nay khắp nước phong yên,
Cũng vì Trương tặc nắm quyền quốc gia.
Tội y bằng cát Hằng Hà, [1]
Nhân dân đồ thán gần xa đã nhiều.
Dù cho máu đổ bao nhiêu,
Cũng nên cử nghĩa mà tiêu diệt thù.
Sử xanh lưu chuyện ngàn thu,
Vì dân, vì nước, lẽ đâu chẳng làm?
Bây giờ lo mặt phía Nam,
Tìm phương khống chế Đồng Cam [2] an toàn.
Đây là kho lúa trời ban,
Nếu không gìn giữ bình an được nào?
Kim sơn mặt Bắc tuy cao,
Cho người trấn giữ, lẽ nào bỏ qua?
Phía Tây dân Thượng hiền hòa,
Kết minh [3] cùng họ coi là bình phong.
Dồn quân xuống cả mặt Đông,
Chiếm vùng Tuy Viễn, tấn công Đồ Bàn. [4]
Tây Sơn Trung có Võ Hàn,
Cho người mời mọc nhập đoàn cùng ta.
Tiếng đồn vang dội gần xa,
Thị Xuân, Văn Sở thương qua [5] tính thuần.
Bùi công [6] hậu nghĩa cao nhân,
Nhờ Trần Quang Diệu lãnh phần kết minh.
Còn như tỉ mỉ điều binh,
Thì trò Ba Huệ anh minh ai tày?
Theo ta học tập lâu nay,
Chân truyền binh pháp thật tay anh hùng.

---

1. *Hằng Hà:* Sông Hằng, ý nói tội nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ.
2. *Đồng Cam:* Tên một cánh đồng phì nhiêu ở tỉnh Phú Yên cũ.
3. *Kết minh:* Kết thề với nhau, kết nghĩa cùng nhau. Ý nói tìm nơi hậu thuẫn.
4. *Đồ Bàn:* Kinh đô cũ của Chiêm Thành, chỉ vùng huyện An Nhơn ngày nay
5. *Thương qua:* Tên hai loại binh khí, chỉ võ nghệ.
6. *Bùi công:* Bùi Đức Kế, cha Bùi Thị Xuân.

Hãy cầm binh bính [1] đổng nhung,
Tham mưu, ta ở trướng trung đỡ đần".
Nhạc thưa: "Thầy định mưu thần,
Binh cơ, chiến pháp mười phần tinh vi.
Lòng em mừng rỡ xiết chi,
Lịnh truyền chư tướng tức thì ra quân".
Nhắc qua nơi phủ quan Trần,
Khắc Tuyên Đốc trấn bất nhân vô cùng.
Cho quân tra xét thành trung,
Nhà nào giàu có, đừng mong còn tiền.
Nhân dân hờn oán, than phiền,
Lén nhau trốn tránh lên miền Tây Sơn.
Hiến nghe tỏ rõ nguồn cơn,
Bàn cùng Nguyễn Nhạc thiệt hơn mấy lời:
"Lương cơ [2] có được do trời,
Em nên đánh chiếm các nơi đồng bằng.
Của tiền, lúa gạo gia tăng,
Mở mang lực lượng, chống ngăn quân triều.
Bất tài, Tuyên lại hay kiêu,
Lòng quân ly tán, khó điều giao tranh".
Nghe lời, Nhạc vội thi hành,
Kéo quân xuống đánh huyện thành các nơi.
Huyện quan bỏ chạy tức thời,
Về dinh Đốc trấn tìm lời thưa qua.
Rằng: "Nay giặc nổi gần xa,
Cúi xin ân tướng hãy ra tiễu bình.
Khắc Tuyên nổi giận lôi đình,
Vội sai Đề đốc Lý Trình điểm quân.
Trung doanh tiết chế [3] quan Tuần.
Dẫn nghìn khinh kỵ [4] rần rần ra đi
Quân vừa đến miệt Phù Ly,
Gặp binh Nguyễn Huệ bất kỳ tập công. [5]

---

1. *Binh bính:* Quyền cầm binh.
2. *Lương cơ:* Dịp tốt.
3. *Trung danh tiết chế:* Ô dinh giữa nắm quyền điều khiển cao nhất.
4. *Khinh kỵ:* Quân cưỡi ngựa chạy mau.
5. *Bất kỳ tập công:* Đánh úp thình lình.

Quan quân sợ hãi trong lòng,
Đảo qua [1] bỏ chạy, còn mong nỗi gì?
Lý Trình xung đột trùng vây,
Chàng Ba [2] chận lại, cấp kỳ giao phong.
Qua năm mươi hiệp tranh hùng,
Đao vung như chớp, chém xong Lý Trình.
Khắc Tuyên nghe báo thất kinh,
Vội vàng bỏ chạy về thành bế môn.
Tây Sơn quân thét, trống dồn,
Tiến lên mấy lớp sóng cồn cùng truy.
Quan quân cởi giáp, lạy quỳ,
Xin tha tính mạng, kể gì nhục vinh.
Nhạc truyền bắt hết tù binh,
Đem vào sau trại, đinh ninh dặn dò:
"Chúng bay đừng có sợ lo,
Từ nay chắc hết giở trò hại dân.
Tha cho kể cũng may phần,
Về quê làm ruộng, chuyên cần sinh nhai".
Tây Sơn lừng lẫy quân oai,
Chia binh cát cứ gồm hai huyện liền.
Lịnh truyền vui mở yến diên,
Ba quân trên dưới trướng tiền dâng công.
Lụa tiền ban thưởng vừa lòng,
Hoan thanh [3] dậy đất, ngoài trong toại nguyền.
Ngờ đâu mệnh ở thượng thiên,
Sao rơi tại Ngũ Trượng nguyên [4] bất ngờ,
Hôm sau vừa mới tinh mơ,
Các doanh chỉnh túc đợi giờ duyệt binh.
Quân sư, trại chủ đồng hành,
Bỗng thầy giáo Hiến thình lình trúng phong.
Đỡ vào nghỉ chốn doanh trung,
Bịnh tình trầm trọng khó mong thoát nàn.

---

1. *Đảo qua:* Quay gươm giáo lại, không đánh nữa.

2. *Chàng Ba:* Chỉ Nguyễn Huệ, (Hai Nhạc, Tư Lữ) ở Bình Định "anh cả" thì gọi là "anh Hai".

3. *Hoan thanh:* Tiếng vui.

4. *Ngũ Trượng nguyên:* Gia Cát Lượng đóng quân ở gò Ngũ Trượng, nửa đêm sao rơi, báo tin ông chết.

Thuốc thang chạy chữa lo toan,
Lễ thần, khấu Phật cầu an đủ điều.
Biết mình khôn sống được nhiều,
Cầm tay Nguyễn Huệ, thương yêu dặn dò,
"Âm dương nay sắp sang đò,
Hiếu trung cố giữ sao cho vẹn toàn.
Mong em thu đoạt giang san,
Bao nhiêu hiểm chướng phải san cho bằng.
Dùng người nên xét tài năng,
Thương dân, chuộng đức, em hằng minh tâm.
Hồn thầy dù xuống cõi âm,
Ngậm cười chín suối cũng thầm ngợi khen".
Dứt lời bỗng nổi cơn hen,
Xuôi tay, nhắm mắt, hồn liền thoát thân.
Huệ càng bi thảm muôn phần,
Nghĩ mình chưa đáp công ân cao dày.
Cõi Tiên, thầy vội về ngay,
Khiến cho đồ đệ sau này bơ vơ.
Nhờ ai sáng nghiệp khai cơ,
Nhờ ai cao cử ngọn cờ cứu dân.
Tang thầy nào khác song thân,
Anh em Nhạc, Lữ mười phân chu toàn.
Truyền cho quân tướng Tây Sơn,
Tiễn đưa linh cữu lên ngàn mà chôn.
Nỗi đau đứt ruột, tao hồn,
Ba quân rơi lệ, đồng môn nát lòng.
Ma chay tống táng vừa xong,
Tây Sơn trại chủ họp cùng hai em.
Rằng: "Nay ta mở gọng kiềm,
Tấn công Tuy Viễn, chiếm thêm huyện thành.
Quân triều tiếp viện giao tranh,
Bình nguyên dong ruổi, ta giành thượng phong. [1]
Các dinh đều phải nghiêm phòng,
Quan quân chúa Nguyễn chớ hòng thắng ta.

1. *Thượng phong:* Chiếm lợi thế.

Bây giờ nhắc chuyện kinh hoa,[1]
Phúc Loan tiếp được tin xa đưa về.
"Khắc Tuyên thất trận ê chề!",
Nghe qua thái phó ủ ê trong lòng,
Hịch truyền các trấn Đàng Trong,
Chỉnh tu thành lũy mấy vòng thật cao.
Bên ngoài phải vét chiến hào,
Gai chông cắm chặt lối vào quân doanh.
Phòng khi giặc cố công thành,
Đỡ lo chống giữ, khỏi sanh hiểm nghèo.
Khắc Tuyên vâng lịnh làm theo,
Xây thành, đắp lũy, vét nhiều hào sâu.
Tây Sơn thám mã về tâu,
Anh em Nguyễn Nhạc cùng nhau luận bàn.
Khó qua mấy đợt ải quan,
Làm sao có thể phá tan nội thành.
Muốn gây căn cứ cho nhanh,
Phải dùng mưu hiểm vào dinh quan Tuần.
Trói ta sai lũ thôn dân,
Bỏ vào cũi máy, cho quân hộ tùy.
Quy Nhơn khiêng nạp tức thì,
Lại dùng lời lẽ trá khi[2] gian thần.
– "Nhạc thường hà khắc ba quân,
Dưới trên thù oán, sơ thân ghét hờn.
Tây Sơn lực bạc thế đơn,[3]
Trời còn xui Nhạc gặp cơn tai nàn.
Say vui quên cả nguy nan,
Chúng tôi leo núi băng ngàn tới đây.
Đới công, chuộc tội lúc này,
Đem tên cừ khấu[4] nạp ngay dinh tiền.
Khắc Tuyên cứ tưởng là yên,
Bỏ ta vào ngục giam liền khó chi?
Quân canh say ngủ biết gì?
Ta nhân đêm tối ra tay tháo lồng.

---

1. *Kinh hoa:* Kinh đô.
2. *Trá khi:* Lừa dối.
3. *Lực bạc thế đơn:* Thế lực mỏng manh, lẻ loi.
4. *Cừ khấu:* Tên giặc nguy hiểm.

Lẻn ra châm ngọn lửa hồng,
Ngoài dinh mai phục, hãy xông ngay vào.
Vung thương, múa kiếm, huy đao,
Giết ngay đốc trấn khác nào trở tay?
Rồi ta mở cửa thành ngay,
Quân ta ngoài lũy tức thì kéo vô.
Chiếm thành gây dựng cơ đồ,
Mưu này xem lại tinh, thô thế nào?"
Lữ rằng: "Mưu chước hay sao!
Chúng ta theo đó mau mau thi hành".
Tuần sau, một buổi bình minh,
Thôn phu hai kẻ đến dinh quan Tuần.
Thưa rằng: "Muôn đội hồng ân,
Chúng con bắt được phản thần Tây Sơn.
Đem về trước phủ Quy Nhơn,
Xin quan định liệu thiệt hơn lẽ nào?"
Khắc Tuyên mừng rỡ làm sao,
Truyền quân áp giải cũi vào phủ trung,
Ghế trên, Đốc trấn ung dung,
Cười rằng: "Ngụy Nhạc [1] vẫy vùng nữa thôi?
Tham ăn, cọp lụy vì mồi,
Đợi ngày kết liễu cho rồi đời mi".
Nhạc rằng: "Đã gọi nam nhi,
Vì dân cử nghĩa, cớ chi rụt rè?
Thần linh dù chẳng chở che,
Phen này có thác hồn về cõi tiên.
Bảo cho thằng Nguyễn Khắc Tuyên,
Tham tàn, đợi lúc cửu tuyền hồn quy!"
Tuyên rằng: "Nói lắm ích gì?",
Truyền quân đem Nhạc giam ngay phòng tù.
Thưởng công, rượu thịt lu bù,
Ba quân lớn nhỏ cùng nhau vui vầy.
Ăn no, uống cũng thật say,
Quân canh mệt ngủ lăn quay trước thềm.
Tối tăm nhân lúc nửa đêm,
Nhạc nghe tiếng ngáy càng thêm an lòng.

1. *Ngụy Nhạc:* Bọn Khắc Tuyên gọi Nguyễn Nhạc là giặc.

Thò tay bấm bút vừa xong,
Cũi kia vụt mở, thoát vòng lao lung.
Bước ra như cọp sổ lồng,
Vào nhà chứa củi, lửa hồng châm lên.
Phục binh la hét vang rền,
Kẻ dao, người kiếm, xông lên chém càn.
Quan quân bị đánh tiêu tan,
Khắc Tuyên chui dưới gầm bàn ẩn thân!
Quân Tây bắt kéo ra sân,
Đao vung chém đứa hại dân đầu lìa.
Chiếm xong dinh lúc đêm khuya,
Truyền cho quân sĩ kíp chia canh tuần.
Cùng đi với đội thân quân,
Nhạc ra rộng mở mấy lần thành môn.
Quân Tây mấy đợt sóng dồn,
Xông vào chiếm hết mấy đồn yếu xung.
Tưng bừng tiệc mở doanh trung,
Tây Sơn chư tướng đều cùng đến nơi.
Rượu quỳnh chuốc chén khuyên mời,
Chúc công thành tựu kịp thời, vui thay!
Yến diên đến mãi ban ngày,
Đinh Minh, Quang Diệu tức thì lên yên.
Tây Sơn trực chỉ băng miền,
Báo tin Huệ, Lữ uyên nguyên [1] rõ ràng
Nỗi vui hơn bắt được vàng,
Ba quân, tướng tá hát vang cả rừng.
Khánh công [2] mở tiệc tưng bừng,
Từ khi cử nghĩa chưa từng vui hơn.
Cùng nhau kéo xuống Quy Nhơn,
Hội sư [3] các trại Tây Sơn vô cùng.
Bàn nhau chiếm giữ các vùng,
Chiêu binh tuyển tướng để phòng quan quân.
Tin truyền đến tận Phú Xuân,
Phúc Loan hay được muôn phần hờn căm.

1. *Uyên nguyên:* Nguồn gốc sâu xa.
2. *Khánh công:* Mừng công lao.
3. *Hội sư:* Họp quân các nơi lại.

"Giận thay cho lũ chết bầm,
Nghênh ngang một cõi mấy năm vừa rồi".
Điểm quân, chọn tướng hẳn hoi,
Tế cờ, phát pháo, ra roi tiễu bình.
Nhạc truyền chư tướng các dinh,
Can qua chỉnh túc, cùng nghinh quân thù.
Bình nguyên vừa lúc sang thu,
Cỏ đông mơn mởn một màu xanh xanh.
Quan quân tiến thật là nhanh,
Phù Ly trực chỉ cách thành xa xa.
Huệ truyền thiết kỵ [1] xông ra,
Đột xung mấy bận, sau là tượng binh.
Ầm ầm trống trận dưới thành,
Voi điên lâm trận, rung rinh chiến trường.
Quân triều khó nổi cự đương,
Quay đầu bại tẩu, đao thương bỏ đầy.
Đuổi theo chém giết liền tay,
Ngoài năm mươi dặm, quân Tây mới dừng.
Khải ca hát khúc vang lừng,
Bên đường dân chúng vui mừng ngợi khen.
Vội vàng Nguyễn Huệ xuống yên,
Nắm tay phụ lão hàn huyên mấy lời.
Rằng: "Tuy nắm được thiên thời,
Nhân hòa, địa lợi nơi nơi cậy nhờ.
Tây Sơn là chốn khai cơ,
Núi cao, đất hiểm, cõi bờ kỳ khu.
Lòng dân vừa giúp mấy thu,
Cũng vì từ trước thâm thù Phúc Loan.
Giờ đây thế giặc vừa tan,
Chúng tôi lo việc bảo an dân lành.
Quân ta sư xuất hữu danh, [2]
Mai sau nhất định sẽ giành non sông.
Cảm ơn lòng tốt các ông,
Mời về trong phủ, ta cùng khánh công".

---

1. *Thiết kỵ:* Quân cưỡi ngựa mặc giáp sắt.
2. *Sư xuất hữu danh:* Quân ra đánh giặc có lý chính đáng.

Phất phơ một ngọn cờ hồng,
Đoàn quân thắng trận oai hùng về dinh.
Đầy vơi tay chuốc chén Quỳnh,
Quân dân hoan hỉ đồng tình no say.
Tiềm long đã dứt từ đây,
Tây Sơn nghiệp cả, đợi ngày đại hưng.
Chiến công trăm trận lẫy lừng,
Sử xanh muôn thuở vốn từng chép ghi.
Đã là loạn thế nam nhi,
Cứu dân, dựng nước, nghĩa kỳ giương cao.
Làm cho rạng tiếng anh hào,
Con Hồng cháu Lạc, lẽ nào thua ai?
Nôm na tự thẹn bất tài,
Tây Sơn chuyện cũ ghi vài điểm thôi.
Xin ai xem chớ chê cười,
Khoan dung chín bỏ làm mười được không?
Ngoài hiên thoảng ngọn gió Đông,
Văn chương gửi một tấc lòng nghìn thu.
Mực khô, dầu cạn đèn lu,
Kính xin dừng bút, mặc dù chê khen.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 8